

Tsinghiz Aitmatốp

Đoạn đầu dài

Tiểu thuyết



Table of Contents

- I.1 Thảo nguyên Mõiuncumư – Cặp vợ chồng sói – Bầy Xaigắc (sơn dương)
- I.2 Gia đình sói chạm mặt con người lần đầu tiên ở cánh đồng anasa – Giấc mơ của sói mẹ về mùa săn
- I.3 Cuộc tàn sát bầy sơn dương – Vợ chồng sói mất lứa con đầu tiên – Anh chàng tu xuất Ápđi và nhóm người được thuê đi nhặt xác thú
- I.4 Những bức thư gửi Inga – Thâm nhập vào đường dây đi lũng anasa – Buổi chiều trước chuyến đi – Ca đoàn Bungary – Thiên truyện “Sáu người và người thứ bảy”
- I.5 Trao đổi với anh bạn thân Vichto – Cuộc nói chuyện với cha Phối Hợp. Bị đuổi khỏi chúng viện – Sức mạnh hoán cải của Lời?
- I.6 Lần đầu gặp Inga – Hái anasa và gặp đàn sói – Cây số ba trăm ba mươi
- I.7 Gặp Anh Cả – Chặn đoàn tàu – Cuộc xung đột trên tàu
- II.1 Giêsu và Pônti Pilát
- II.2 Ápđi thoát chết. “Tính đồng thời lịch sử” – Lời nguyện lạ kỳ của một vị nữ tu – Gặp lại toán đi lũng anasa
- II.3 Tình yêu với Inga
- II.4 Đội quân săn thú
- II.5 Phiên tòa giữa thảo nguyên – Cuộc di cư cuối cùng của vợ chồng sói
- III.1 Gã Badarbai và đàn sói con – Gia đình Bôxton
- III.2 Tiếng khóc của loài sói
- III.3 Bôxton và cuộc thương lượng với Badarbai – Cặp sói trả thù
- III.4 Bôxton và Ernadar – Bí thư chi bộ Côscôrbaép – Cuộc vượt đèo đi Kisiben – Nỗi đau của người, nỗi đau của sói
- III.5 Tai họa trên đèo

III.6 Xung đột với bí thư chi bộ – Lại đụng độ với gã Badarbai – Cuộc
phục kích cặp sói

III.7 Chương cuối

Chú thích

VĂN HỌC LIÊN XÔ

CHINGHIZ AITMATOV

ĐOẠN ĐẦU ĐÀI

Vũ VIỆT dịch

NHÀ XUẤT BẢN CẦU VỒNG
NHÀ XUẤT BẢN TÁC PHẨM MỚI - 1989

I.1

Thảo nguyên Múiuncumư – Cặp vợ chồng sói – Bầy Xaigắc (sơn dương)

Sau một ngày ấm áp ngán ngủi, nhẹ nhàng như hơi thở trẻ em, thời tiết trên những sườn núi quay về phía mặt trời chẳng mấy chốc đã thay đổi lúc nào không biết. Gió bắt đầu nổi lên từ các tầng băng trôi và bóng tối sớm sủa, dày đặc, thấm sâu vào khắp nơi, đã bắt đầu len lỏi vào các khe hẻm, đem theo màu xám lạnh lẽo của đêm tuyết sắp đến. Tuyết thật nhiều khắp xung quanh, trên suốt dãy núi vùng ven hồ Ixức-Cun, ngọn núi nào cũng phủ đầy những tuyết. Mới hai ngày trước đây, một trận bão tuyết đã tràn qua những nơi này chẳng khác gì một đám cháy bùng bùng lên dữ dội do sự đồng đánh của những lực lượng thiên nhiên muốn gì làm nấy. Quang cảnh diễn ra thật khủng khiếp. Núi non biến mất, bầu trời biến mất, toàn bộ thế giới nhìn thấy được trước đây cũng biến mất trong cảnh bão tuyết mù mịt. Sau đó mọi vật lặng đi và trời trở nên quang đãng. Từ khi ấy, cùng với trận bão tuyết đã dịu đi, những ngọn núi bị các khối tuyết khổng lồ làm tê liệt, đứng sừng sững trong không khí tĩnh mịch lạnh cóng, tê buốt và tách khỏi mọi vật trên đời.

Chỉ có tiếng ầm ầm của chiếc máy bay lên thẳng cỡ lớn là vang lên diết diết mỗi lúc một to, mỗi lúc một mạnh. Vào giờ phút hoàng hôn ấy, chiếc máy bay lên thẳng này bay lần theo lưng sâu Udun-Sát về phía đèo Ala-

Môngguy phủ kín băng, bị những đám mây xoắn ốc che mờ mờ như khói tỏa trên chốn trời cao lộng gió. Tiếng ầm ầm mỗi phút một vang to hơn cứ lớn lên, cứ tiến lại gần, và cuối cùng thì vang lên đầy đặc thẳng. Nó đã hoàn toàn chế ngự được khoảng không và vang động mãnh liệt, đầy uy lực, bên trên những dãy núi, những đỉnh cao, những khối băng cao tít mà không một thứ gì với tới nổi, ngoài âm thanh và ánh sáng. Được tăng cường thêm bởi vô số tiếng vọng nối tiếp nhau giữa các núi đó và các khe hẻm, tiếng ầm ầm trên đầu ấy cứ tràn đến mãi với một sức mạnh ghê gớm, dữ dội, hình như chỉ một chút nữa thôi là sẽ xảy ra một cái gì đó khủng khiếp như lúc động đất.

Vào một thời điểm kịch liệt nào đó quả có xảy ra như vậy thật. Tại một sườn dốc đá dựng đứng phơi mình ra trước gió và nằm trên hướng bay của chiếc máy bay lên thẳng kia, một khối đá không lớn lắm bị sóng âm thanh mãnh liệt làm lung lay, trượt đi và bỗng dừng sững lại như dòng máu đang chảy chợt đông lại bởi những câu phù chú. Nhưng nền đất không chắc chắn chỉ cần cái hích đó thôi là đủ. Một vài tảng đá nặng trĩu rời khỏi triền dốc, lăn xuống dưới, mỗi lúc một chạy tứ tung, cuốn theo sỏi đá, làm bụi bay mù lên, và khi đến chân dốc thì băng như đạn pháo qua những bụi craxnôtan và hoàng liên gai, đã xuyên thẳng các đống tuyết, lan đến tận hang sói của một gia đình sói xám nằm ở đây, dưới chân núi đá, trong khe hẻm ẩn sau các bụi cây rậm rạp, cạnh một con suối nhỏ ấm áp nay đã đóng băng tới một nửa.

Con sói cái Acbara nhảy phắt sang bên để tránh sỏi đá lăn từ trên xuống và tuyết rơi lá tả, rồi lúi vào bóng tối của khe, co mình lại như lò xo, dựng bồm lên và nhìn phía trước bằng cặp mắt sáng quắc, đỏ rực một cách man rợ trong bóng tối mờ mờ, sẵn sàng giao chiến vào bất kì lúc nào. Nhưng nỗi lo sợ của nó là thừa. Ngoài kia, ngoài thảo nguyên lồ lộ thì đáng sợ thật, khi chẳng biết trốn đâu cho thoát chiếc máy bay lên thẳng cứ bám riết lấy mà săn đuổi, mà theo sát gót, với tiếng cánh quạt rú rít làm inh tai nhức óc, với những loạt đạn tiểu liên làm kinh hoàng; khi trên khắp thế giới không có

một cách gì tránh nổi chiếc máy bay lên thẳng; khi không có một khe hẻm nào có thể giấu đi chiếc đầu sói hoảng loạn – mặt đất đâu có chịu nứt ra để tạo nơi trú ẩn cho những kẻ bị săn đuổi.

Còn trong núi thì khác. Ở đây bao giờ cũng có thể chạy trốn, bao giờ cũng tìm được chỗ ẩn náu để chờ cho mối đe dọa qua đi. Ở đây, chiếc máy bay lên thẳng không đáng sợ, núi non mới đáng sợ cho máy bay lên thẳng. Tuy nhiên, nỗi sợ hãi là phi lý, nhất là nỗi sợ hãi đã quen thuộc, đã nếm trải. Khi chiếc máy bay lên thẳng lại gần, con sói kêu lên ăng ăng, thu tròn lại, rụt đầu vào, vậy mà thần kinh của nó vẫn không chịu nổi, vẫn như bị đứt phụt. Nó rú lên dữ dội, bị nỗi sợ hãi bất lực, mù quáng xâm chiếm lấy, nó quần quai bò sát bụng ra cửa hang, răng lập cập va vào nhau đầy giận dữ và tuyệt vọng, sẵn sàng giao chiến ngay tại đây, dường như hy vọng là sẽ tổng cổ được con quái vật bằng sắt đang bay ầm ầm bên trên khe hẻm, con quái vật mà khi xuất hiện đã làm sói đá cũng phải lăn rào rào từ trên xuống như khi động đất..

Nghe thấy tiếng gào rú kinh hoàng của Acbara, con sói đực là Tastrainar thò đầu vào hang. Tastrainar nghĩa là ‘máy nghiền đá’, biệt danh đó là do những người chăn cừu địa phương đặt cho nó vì nó có đôi hàm cực khỏe. Từ khi vợ nó trở nên nặng nề, nó phần lớn không ở trong hang mà ở một nơi hẻo lánh giữa các bụi cây. Nhưng nay nó bò vào chỗ sói vợ nằm và gừ gừ dụi dụi như muốn lấy thân mình che chở cho vợ khỏi cơn nguy hiểm. Nép vào sói chồng mỗi lúc một sát hơn, con sói cái vẫn tiếp tục kêu ăng ăng, ai oán kêu gọi hoặc là ông Trời bất công, hoặc là một kẻ nào đó không biết là ai, hoặc là số phận bất hạnh của mình. Toàn thân nó còn run rẩy một hồi lâu nữa. Nó không thể tự chủ lại được ngay cả khi chiếc máy bay lên thẳng đã biến mất sau băng hà Ala-Môngguy đồ sộ và tiếng ầm ầm đã tắt hẳn sau các đám mây dày.

Và trong không khí lặng lẽ đột nhiên tràn ngập vùng núi non này, một

không khí vắng lặng tựa như sụp đổ của cảnh tịch mịch trong vũ trụ, con sói cái bỗng cảm thấy rõ hơn trong bụng nó. Hiện tượng tương tự cũng đã xảy ra trong thời kì đầu cuộc đời săn bắt của Acbara, khi nó nhảy xổ ra giết chết một con thỏ cái lớn. Trong bụng con thỏ cái này, nó cũng cảm thấy những cựa quậy như vậy của những sinh vật vô hình nào đó mà mắt không thấy được. Điều lạ lùng ấy khiến con sói cái non trẻ và hiếu kỳ vừa ngạc nhiên lại vừa tò mò. Nó kinh ngạc dựng tai lên, ngờ vực nhìn con mồi đã chết. Và nó thấy kỳ lạ và khó hiểu đến nỗi thậm chí, nó định đùa nghịch với những sinh vật vô hình kia, hệt như mèo chơi trò vờn nghịch với con chuột đã dở sống dở chết. Giờ đây, chính nó cũng cảm thấy trong bụng mình một thứ gì đó nặng nề và sống động hệt như thế. Đó là dấu hiệu của những sinh vật sẽ chào đời khoảng gần hai tuần nữa, nếu các hoàn cảnh trùng hợp một cách thuận lợi. Nhưng hiện nay thì những con vật non nớt chưa ra đời ấy vẫn gắn bó khăng khít với lòng mẹ, vẫn là một phần của cơ thể sói mẹ, và bởi vậy, trong tiềm thức mơ hồ đang hình thành của chúng, chúng cũng trải qua cơn kinh hoàng và tuyệt vọng như chính sói mẹ. Đó là sự tiếp xúc gián tiếp đầu tiên của chúng với thế giới bên ngoài, với hiện thực thù nghịch đang chờ đợi chúng. Do đó, chúng bắt đầu cựa quậy trong bụng mẹ để đáp lại những nỗi đau khổ của mẹ chúng. Chúng cũng cảm thấy khiếp sợ và sự khiếp sợ này là do máu mẹ truyền sang chúng.

Trong cặp sói này thì Acbara quyết định mọi việc. Nó có quyền đề xướng các cuộc săn bắt, còn Tastrinar là kẻ thừa hành trung thành, tin cậy, thực thi không mệt mỏi và không điều kiện mọi ý muốn của sói vợ. Mỗi quan hệ đó không bao giờ bị vi phạm. Chỉ có một lần đã xảy ra một trường hợp bất ngờ, lạ lùng, khi sói đực biến mất tới tận rạng sáng và trở về với mùi lạ của một con sói cái khác, thứ mùi ghê tởm của thời kỳ động đực trở trên luôn kêu gọi và vẫy gọi con đực từ một nơi cách xa hàng chục dặm. Thứ mùi đó khiến Acbara giận điên lên. Nó lập tức xua đuổi sói chồng đi và bất ngờ cắn phập răng nanh sâu vào vai sói chồng, buộc sói chồng phải đi

khập khiễng mấy ngày liền để trừng phạt. Nó không cho sói chồng lại gần và dù con sói đực ngốc nghếch kia có tru lên thế nào chẳng nữa cũng không một lần đáp lại, không một lần chịu dung hòa, dường như Tastrainar không còn là chồng nó nữa, không còn tồn tại đối với nó nữa. Nếu như Tastrainar lại dám mon men đến gần để mua chuộc và lấy lòng nó thì chắc hẳn nó sẽ đọ sức thật sự. Không phải ngẫu nhiên mà nó là cái đầu, còn Tastrainar chỉ là tay chân trong cặp sói xám từ nơi khác đến này.

Cái ngày xáo động khủng khiếp với con sói cái Acbara đang tàn dần như vậy. Do bản năng không thể tiêu diệt nỗi của tình mẹ, nó không lo lắng cho bản thân nó bao nhiêu mà chủ yếu là lo lắng cho đàn con sắp sửa ra đời tại hang này. Cũng chính vì đàn con tương lai ấy, hai vợ chồng nó đã mất công tìm kiếm và xây dựng ở đây, trong khe sâu dưới vòm ngọn núi đá um tùm cây cối và phủ đầy những cây đỗ cùng sỏi đá tràn xuống, một tổ ấm của gia đình sói để có chỗ sinh nở và trú ẩn.

Mới một năm trước đây, vùng này không hề hay biết gì về loại sói bờm xám. Một lần chúng có xuất hiện, nhưng chúng vẫn tiếp tục sống biệt lập. Lúc đầu, giống sói đến từ nơi khác đến này tránh va chạm với giống sói địa phương, chúng lang thang phần lớn là tại các khu vực trung lập của các lãnh địa do giống sói địa phương cai quản. Chúng sống vất vưởng, kiếm gì ăn nấy, và trong khi tìm mồi, chúng thậm chí lấn ra các cánh đồng, tới những vùng đất thấp có người ở, nhưng vẫn không chịu quan hệ với các bầy sói trong vùng. Tính cách quá độc lập của con sói cái mắt xanh Acbara không cho phép nó gia nhập các bầy khác để rơi vào tình trạng phụ thuộc.

Hơn nữa, Acbara và Tastrainar lại từ những nơi khác đến đây. Đối với con mắt giàu kinh nghiệm thì ngay cả vẻ vẻ ngoài chúng cũng khác với giống sói địa phương. Trước hết là lớp lông cổ rậm rạp khuôn chặt lấy hai vai tựa như chiếc áo choàng lông lầy màu xám bạc, chạy suốt từ dưới ngực cho đến u vai. Lớp lông này của chúng thì sáng màu, đặc trưng cho lũ sói

vùng thảo nguyên. Cả về tầm vóc cũng vậy, giống sói Äcgiala, tức là giống sói bờm xám, bao giờ cũng to lớn hơn giống sói bình thường ở cao nguyên vùng ven hồ Ixúc-Cun. Còn nếu như một người nào đó trông thấy con sói Acbara ở gần thì nhất định phải sửng sốt trước đôi mắt xanh trong veo của nó – một trường hợp hiếm hoi và có thể độc đáo duy nhất. Nó được những người chăn cừu địa phương đặt cho biệt danh là Acđalư, có nghĩa là ‘u vai trắng’, nhưng chẳng bao lâu sau, do những qui luật biến đổi của ngôn ngữ, nó biến thành Abarư rồi Acbara, có nghĩa là ‘vĩ đại’, tuy nhiên không một ai biết rằng trong việc đó có dấu hiệu của thiên mệnh.

Giờ đây, sau khi Acbara đã yên tâm ít nhiều và sưởi ấm bên thân hình to lớn của Tastrainar, nó cảm thấy biết ơn sói chông vì đã chia sẻ nỗi sợ hãi của nó và do đó đã khiến nó thấy tự tin trở lại, vì vậy nó không cưỡng lại những cử chỉ vuốt ve kiên nhẫn của sói chông. Hơn nữa, để đáp lại những cử chỉ ấy, nó hai lần liếm vào môi sói chông và trong khi cố chế ngự nỗi kinh hoàng vẫn còn thỉnh thoảng vẫn làm nó run bần bật, nó hướng mọi ý nghĩ vào bản thân. Nó lắng nghe lũ sói nhỏ trong thai động đập một cách khó hiểu và lo ngại. Nó bằng lòng với những gì hiện có. Nó bằng lòng với cả hang sói, cả với mùa đông giá lạnh trong núi, cả với ban đêm rét cóng đang từ từ đến gần.

Khi lắng nghe những biến chuyển xảy ra ngoài ý muốn trong phần bụng đã sống động của nó, con sói cái Acbara cảm thấy xúc động. Tim nó đập nhanh hơn và tràn dâng lên lòng dũng cảm, tràn dâng mỗi quyết tâm nhất định sẽ bảo vệ, sẽ che chở những sinh vật nhỏ nhoi mà nó đang ấp ủ trong bụng. Giờ đây, nó sẽ không do dự giao chiến với bất kỳ kẻ nào. Trong người nó, bản năng duy trì nòi giống – một bản năng vĩ đại của tự nhiên – bắt đầu lên tiếng. Và ngay lúc đó, một cảm giác thương mến trào lên trong lòng nó như một làn sóng ấm nóng, nó cảm thấy nhu cầu được vuốt ve, được sưởi ấm những đứa con tương lai, truyền cho chúng dòng sữa của mình y hệt như chúng đã nằm bên cạnh. Đó chính là mối tiên cảm hạnh

phúc. Nó lim dim mắt, rên rỉ vì sung sướng, vì chờ đợi sữa dồn lên hai hàng vú phồng căng đến mức đỏ lên. Nó mệt mỏi và chậm rãi duỗi thẳng người ra trong chùng mực khuôn khổ hang cho phép. Cảm thấy đã yên tâm hẳn, nó lại định đến cạnh con sói chông Tastrinar bờm xám của nó.

Tastrinar lực lưỡng, bộ lông ấm áp, đàn hồi và rộng. Tuy luôn luôn cau có, Tastrinar cũng thấy được những gì mà con sói cái sắp làm mẹ này đang cảm thấy. Trực giác giúp nó hiểu được những gì đang diễn ra trong bụng sói vợ, và có lẽ nó cũng xúc động. Vẽnh một bên tai, Tastrinar hơi ngừng cái đầu nặng nề và kèn càng lên. Trong ánh mờ tối của đôi đồng tử lạnh lẽo giữa cặp mắt đen thẫm trũng sâu vào trong, có thoáng lướt qua một vết đen nào đó, một linh cảm dễ chịu mơ hồ nào đó. Nó dè dặt kêu gừ gừ, khịt khịt mũi và rên ư ử, biểu lộ tâm trạng hồ hởi của mình, tỏ ý sẵn sàng phục tùng không điều kiện con sói vợ mắt xanh và che chở cho vợ. Rồi nó bắt đầu ân cần và âu yếm đưa cái lưỡi to ẩm ướt và ấm áp liếm đầu sói vợ.

Acbara yêu thích lưỡi sói chông vào những lúc sói chông vuốt ve âu yếm nó, người run lên vì nôn nóng, lưỡi nóng bừng vì máu hừng hực dồn lên, trở nên chắc nịch, lạnh lẹn và mạnh mẽ như rắn. Vào những lúc ấy, nó hết sức thích thú tuy lúc đầu cố làm ra vẻ bình thản, thờ ơ. Nó cũng thích thú như vậy cả vào những giờ phút êm đềm hạnh phúc sau khi ăn uống no nê, khi lưỡi sói chông vừa mềm mại vừa ẩm ướt vuốt ve nó.

Người phán xét cao nhất là thời gian. Dần dần, hai con sói bờm xám từ nơi khác đến đã có thể tự bảo vệ mình. Trong vô số những cuộc giao chiến dữ dội, chúng đã giành được phần đất trên cao nguyên vùng ven hồ Ixúc-Cun và giờ đây chúng đã trở thành chủ nhân. Lũ sói địa phương không còn dám xâm phạm vào lãnh địa của chúng nữa. Có thể nói rằng, vậy là cuộc sống của những con sói bờm xám mới xuất hiện đã ổn định thành công trên đất Ixúc-Cun. Nhưng trước đó là cả một giai đoạn lịch sử. Nếu như thú vật có thể nhớ lại quá khứ thì Acbara – một con sói rất sáng ý và cảm nhận tinh

tế – sẽ lại nếm trải tất cả những gì mà đôi khi nó chợt nhớ lại, chua xót đến mức chảy nước mắt và rên rỉ vì đau đớn.

Trong thế giới đã mất ấy, trong đồng cỏ Mòiuncumư mênh mông xa xôi ấy, đã từng diễn ra một cuộc sống đầy những chuyển sắn mỗi rộng lớn với việc đuổi bắt liên miên những bầy sơn dương Mòiuncumư bao la. Từ thời cổ đại, giống sơn dương Xaigắc đã sinh sống trên những vùng thảo nguyên lúc nào cũng rậm rạp loại cây muối đen chịu được tiết trời khô khốc ấy, và trong số những loài móng kếp thì chúng thuộc loài lâu đời nhất, lâu đời như chính thời gian vậy. Những bầy súc vật mũi khoằm này chạy không biết mệt,. Lỗ mũi to tướng của chúng dồn không khí qua phổi với một mức độ mãnh liệt hết như cá voi dồn những dòng nước đại dương qua bộ lược răng, và do đó chúng được trời phú cho khả năng chạy liên tục suốt từ sáng đến tối. Khi chúng bắt đầu chạy vì bị kẻ thù vĩnh viễn và lúc nào cũng bám riết lấy chúng là chó sói săn đuổi; khi một bầy này kinh hoàng khiến bầy bên cạnh, đôi khi cả bầy thứ ba thứ tư nữa, cũng kinh hoàng theo; khi cuộc chạy trốn đồng loạt này lôi cuốn cả những bầy lớn nhỏ khác gặp trên đường chạy; khi chúng lướt vun vút trên thảo nguyên Mòiuncumư, qua các gò đồi, các bình nguyên và các bãi cát, chẳng khác gì cơn đại hồng thủy đổ sụp xuống trái đất... thì mặt đất tựa như chạy ngược về phía sau và kêu rào rào như khi mưa đá vào lúc mùa hè. Không khí lúc đó tràn ngập hơi thở quay cuồng của chuyển động, tràn ngập bụi đá và những tia lửa bắn tóe ra từ dưới móng, tràn ngập mùi mồ hôi của bầy súc vật – mùi đua tranh điên cuồng không phải giành lấy cái sống mà là giành lấy cái chết.

Và lũ sói chạy tản ra, bám sát gót, cố xua bầy xaigắc vào những ổ mai phục, nơi nằm chờ chúng giữa những bụi cây muối đen là những con sói lão luyện, ranh năng nhọn hoắt, sẵn sàng từ chỗ mai phục nhảy phắt lên gáy con mồi đang lao vùn vụt, ngã lộn nhào cùng với nó, cắn đứt cổ làm máu phụt ra lênh láng rồi lại lao vào cuộc săn đuổi. Nhưng lũ Xaigắc không hiểu sao thường nhận ra những nơi sói mai phục và kịp né tránh những nơi ấy.

Và cuộc săn đuổi lại bắt đầu một vòng mới với tốc độ và mức dữ dội còn lớn hơn nữa. Tất cả những con thú ấy, cả những con bị săn đuổi và những con săn đuổi – một mắt xích của quá trình tồn tại nghiệt ngã – đều dốc hết sức vào cuộc chạy thi, khiến máu dường như sôi lên chẳng khác gì trong cơn hấp hối, để sống và để sống sót. Và có lẽ chỉ Chúa Trời mới có thể dừng cả hai bày thú lại, bởi vì đây là chuyện sống chết của những con vật khao khát sống khỏe mạnh.

Những con sói nào không chịu đựng nổi tốc độ điên cuồng như vậy và những con sói nào không phải sinh ra để ganh đua trong cuộc đấu tranh sinh tồn – trong cuộc chạy đua sinh tồn – đều ngã lăn ra và trút hơi thở cuối cùng trong lớp bụi bốc lên của cuộc săn đuổi đang cuốn xa dần như cơn bão. Nếu chúng còn sống chẳng nữa thì chúng cũng phải bỏ đến những miền khác, nơi chúng tha hồ hoành hành giữa những bày cừu hiền lành, hiền lành đến mức thậm chí không tìm cách chạy trốn nữa. Nhưng quả thật, những nơi ấy có mỗi nguy hiểm riêng. Mỗi nguy hiểm đáng sợ nhất trong số tất cả những mỗi nguy hiểm có thể xảy ra ở đây: bên cạnh đàn cừu là những con người, những kẻ vừa là Chúa Trời vừa là nô lệ của bày cừu, những kẻ muốn sống nhưng lại không cho loài khác sống, đặc biệt là những ai không phụ thuộc vào họ và thích được tự do.

Con người! Con người! Họ thật ghê gớm như Chúa Trời vậy! Họ cũng săn bắt lũ xai gấc của đồng cỏ Mô-i-uncumư mênh mông. Trước kia, họ xuất hiện trên mình ngựa, mặc quần áo da thú, trang bị bằng cung tên. Sau này họ xuất hiện với những khẩu súng nổ vang, vừa hò hét vừa phi ngựa hết nơi này đến nơi nọ, – còn lũ xai gấc thì chạy nườm nượp hết phía này đến phía khác – tha hồ mà lùng chúng trong những cánh rừng cây muối đen. Nhưng rồi, đến lúc những con-người-Chúa-Trời ấy bắt đầu tổ chức những cuộc săn lùng bằng xe ô-tô nhằm làm cho chúng phải kiệt sức vì mệt mỏi, hết như lũ sói vẫn làm, lũ xai gấc quy ngã và họ vừa ngồi trên xe vừa bắn giết. Tiếp đấy, họ sử dụng máy bay lên thẳng. Lúc đầu, họ từ trên trời quan sát các

bầy xaigắc trên thảo nguyên rồi bao vây chúng trong những toạ độ đã định sẵn. Những tay xạ thủ dưới mặt đất thì phóng vun vút khắp những vùng đất bằng với tốc độ một trăm kilômet giờ hoặc hơn thế nữa để lũ xaigắc không kịp ẩn nấp. Máy bay lên thẳng thì từ trên cao hiệu chỉnh mục tiêu và hướng săn đuổi. Ôtô, máy bay lên thẳng, súng trường cao tốc... – và thế là cuộc sống ở đồng cỏ Môiuncumư bị lộn nhào hết lên.

Con sói cái Acbara mắt xanh còn chưa thay lông và con sói chông tương lai nó là Tastrainar mới nhỉnh hơn nó một chút, thì chúng đã đến lúc phải làm quen với những cuộc săn đuổi lớn. Lúc đầu, chúng không theo kịp, chúng xé xác những con sơn dương đã gục ngã và giết chết những con nào chưa chết hẳn. Nhưng dần dần, về sức lực và sức chịu đựng chúng đã trội hơn nhiều con sói từng trải, nhất là những con sói đang về già. Nếu như mọi việc đều diễn ra theo qui luật tự nhiên thì chỉ ít lâu nữa là chúng sẽ đứng đầu cả bầy sói. Nhưng tình hình lại ngoặt theo chiều hướng khác...

Năm này không giống năm khác. Vào mùa xuân năm đó, các bầy xaigắc sinh đẻ đặc biệt nhiều, không ít con cái còn sinh đôi nữa, bởi vì mùa thu trước, trong thời gian săn đuổi, lớp cỏ khô đã hơi lên xanh lại sau một vài trận mưa tầm tã vào lúc tiết trời ấm áp. Thức ăn thừa thãi, do đó tỉ lệ sinh đẻ tăng lên. Trong thời gian sinh đẻ, lũ xaigắc ngay từ đầu xuân đã đi đến những vùng cát lớn không có tuyết ở mãi sâu trong đồng cỏ Môiuncumư, nơi chó sói không dễ dàng tới được. Mà săn đuổi lũ Xaigắc trên các cồn cát là một việc vô vọng. Trên các cồn cát thì chó sói không thể đuổi kịp lũ xaigắc được.

Để bù lại, chó sói thường sống no đủ vào mùa thu và mùa đông. Khi việc di cư theo mùa của động vật khiến những vùng nửa sa mạc và thảo nguyên đầy ắp những bầy xaigắc đông vô kể, đó là lúc Chúa hậu đãi loài sói. Còn về mùa hè, đặc biệt vào thời tiết nóng nực, chó sói thường không ưa động chạm đến xaigắc bởi vì đã có đủ một loại con mồi khác, dễ săn đuổi hơn, là

ngân thữ. Vô số ngân thữ lang thang khắp thảo nguyên để bù đắp lại những gì chúng đã trượt mất vào thời kỳ ngủ đông. Trong mùa hè, chúng phải kíp làm tất cả những gì mà các thú vật khác đã làm trong một năm trời. Chính vì thế mà chúng hồi hả xục xạo khắp nơi, không thèm để ý đến nguy hiểm. Vậy tại sao lại không săn bắt kia chứ – bởi vì cái gì cũng có giờ phút của nó, mà về mùa đông thì không thể săn bắt kia mà, chúng không hề xuất hiện. Lại còn các loại thú nhỏ và chim chóc – đặc biệt là gà gô – dùng làm thức ăn cho sói vào những tháng hè. Nhưng việc kiếm ăn chủ yếu – những cuộc săn đuổi rộng lớn lũ xaigắc – là vào mùa thu và kéo dài từ mùa thu cho đến tận cuối đông. Lại một lần nữa là cái gì cũng có giờ phút của nó, trong đó thể hiện một sự hợp lý riêng, do thiên nhiên ban cho, của vòng quay cuộc đời trong đồng cỏ. Chỉ thiên tai và con người mới có thể phá vỡ quá trình tự lâu đời này của tình hình ở Múiuncumư.

I.2

Gia đình sói chạm mặt con người lần đầu tiên ở cánh đồng anasa – Giấc mơ của sói mẹ về mùa săn



Vào khoảng rạng sáng, không khí trên đồng cỏ có phần mát mẻ hơn và chỉ khi ấy mới thấy dễ chịu hơn, các sinh vật mới dễ thở hơn. Đã đến giờ phút sung sướng nhất giữa bình minh đang đến và ban đêm ngọt ngào, hăm hập đang qua đi, nhưng cũng sắp khổn khổ vì không khí oi bức đến nỗi thảo nguyên đất mặn này bị nóng trắng ra. Vào khoảng thời gian ấy, vầng trăng trên đồng cỏ Mōiuncumư rực rỡ như một khối cầu tròn vàng óng, soi tỏ mặt đất bằng làn ánh sáng êm ả màu xanh nhạt. Đất rộng mênh mông, bao la. Khắp mọi nơi, những khoảng xa xăm mờ mờ tối hòa lẫn với bầu trời đầy sao. Cảnh tĩnh mịch rạo rức sự sống, bởi vì tất cả các sinh vật trên đồng cỏ vào giờ đó, trừ lũ rắn, đều vội vã tận hưởng không khí mát mẻ, đều hối hả sống. Lũ chim kiếm ăn sớm kêu riu rít và nhộn nhạo trong các bụi thánh liểu. Lũ nhím bận bịu chạy tới chạy lui. Lũ ve kêu ra rả không dứt suốt đêm giờ càng kêu dóng diết hơn nữa. Lũ ngân thử đã thức dậy thò đầu ra khỏi hang và ngoái nhìn khắp phía – vẫn chưa đến lúc đi thu nhặt thức ăn là những hạt cây muối đen rơi vương vãi khắp nơi. Bay hết chỗ này đến chỗ nọ là cả một gia đình cú vọ gồm một con cú xám lớn đầu phẳng và năm con cú nhỏ cũng đầu phẳng như vậy. Lũ cú con đã lớn choai choai, đã đủ lông và đã thử cánh, chúng bay chập choạng, thỉnh thoảng lại ầm ầm gọi nhau và

không để mất hút nhau. Phụ họa với chúng là những loại thú vật khác nhau của đồng cỏ lúc mờ sáng.

Đang là mùa hè. Mùa hè chung sống đầu tiên giữa Acbara và Tastrinar. Chúng đã tỏ rõ là những kẻ săn đuổi không biết mệt mỏi bầy xaigắc trong các cuộc vây lùng và đã là một trong những cặp sói mạnh nhất của đồng cỏ Móiuncumư. Thật hạnh phúc cho chúng, – chắc là trong thế giới thú vật cũng có thể có cả những con hạnh phúc lẫn những con bất hạnh, – cả hai đều được trời phú cho những phẩm chất vô cùng quan trọng đối với các loại thú sống ở đồng cỏ nửa sa mạc. Phản xạ mau lẹ, khả năng định liệu trong lúc săn đuổi, tài nhảy bén độc đáo có tính chất ‘chiến lược’ và tất nhiên, một sức lực siêu phàm, vừa nhanh lại vừa tấn công mãnh liệt trong lúc chạy, mọi thứ đều như hứa hẹn rằng chúng sẽ có một tương lai săn bắt rục rờ và cuộc sống của chúng sẽ đầy những mối gian lao của việc kiếm ăn hằng ngày cũng như vẻ đẹp trong kiếp thú của chúng. Còn tạm thời thì, không có một chuyện gì ngăn trở chúng cai quản độc tôn vùng thảo nguyên Móiuncumư, bởi vì việc con người xâm nhập vào khu vực này vẫn còn có tính chất ngẫu nhiên và chúng chưa lần nào mặt đối mặt với con người. Việc đó ít lâu nữa mới xảy ra. Và còn một lợi thế nữa, nếu không muốn nói là một đặc ân nữa mà chúng được ban cho từ lúc khai thiên lập địa, đó là chúng cũng như toàn bộ thế giới động vật, đều có thể sống hết ngày nọ đến ngày kia mà không biết tới nỗi lo sợ và những mối bận tâm cho ngày mai.

Nói chung, bản chất hợp lý đã giải phóng động vật khỏi gánh nặng đáng nguyên rủa này của sự tồn tại, mặc dù chính đặc ân này có chứa đựng tấn bi kịch luôn luôn rình mò các loài vật sống trên vùng Móiuncumư. Không một con vật nào có khả năng hình dung được rằng dù có mệnh mông và bao la đến đâu chẳng nữa thì đồng cỏ Móiuncumư hình như vô tận kia cũng chỉ là một hòn đảo nhỏ trên các lục địa châu Á; chỉ là một địa điểm to bằng móng tay cái và được bôi màu vàng nâu trên bản đồ địa lý. Đó là một địa điểm mà cứ mỗi năm lại bị đẩy lùi thêm do những mảnh đất liên tục vỡ hoang; lại bị

xâm lấn thêm bởi những đàn gia súc đông đảo lang thang trên thảo nguyên theo sau những giếng phun để tìm kiếm những khu vực kiếm ăn mới; lại bị tấn công bởi những kênh đào và những con đường được xây dựng tại các khu vực giáp ranh do có một trong những đường dẫn khí đốt lớn nhất nằm sát ngay đồng cỏ. Những con người đi trên bánh xe và động cơ, với trang bị kỹ thuật ngày càng nhiều hơn, với thiết bị liên lạc vô tuyến và với nước dự trữ, xâm nhập ngày càng kiên trì và lâu dài vào sâu trong mọi vùng sa mạc và nửa sa mạc, kể cả vùng Môiuuncumư. Nhưng những kẻ xâm nhập đó không phải là những nhà khoa học tận tụy thực hiện các phát kiến khiến hậu thế phải tự hào. Họ là những con người bình thường, làm những công việc bình thường, những việc gần như bất kỳ ai cũng làm nổi.

Hơn nữa, những sinh vật sống trên đồng cỏ Môiuuncumư độc đáo ấy không có khả năng biết rằng trong những vật thông thường nhất đối với loài người đều có ẩn giấu nguồn gốc của cái thiện và cái ác trên trái đất. Chúng cũng không có khả năng biết rằng mọi thứ đều phụ thuộc vào chính con người, vấn đề là ở chỗ họ hướng những vật dụng thông thường nhất ấy vào đâu, vào điều tốt hay điều xấu, vào sự sáng tạo hay hủy diệt. Những con vật bốn chân và những con vật khác trên đồng cỏ Môiuuncumư đều hoàn toàn không hay biết những vấn đề phức tạp luôn luôn ám ảnh những ai tìm cách nhận biết bản thân mình từ khi con người trở thành tạo vật biết suy nghĩ, mặc dù cho đến nay họ vẫn không sao giải đáp được câu đố muôn thuở này: tại sao cái ác gần như bao giờ cũng chiến thắng cái thiện?

Theo lôgic sự vật thì những công việc này của con người không thể động chạm đến các thú vật trên thảo nguyên Môiuuncumư, bởi vì những công việc đó nằm ngoài bản chất của chúng, nằm ngoài bản năng và kinh nghiệm của chúng. Và nói chung, cho tới nay vẫn chưa có một điều gì phá vỡ một cách trầm trọng nếp sống đã hình thành trên thảo nguyên châu Á mênh mông này. Thảo nguyên đó trải dài trên những vùng đất bằng nửa sa mạc, nóng rẫy, và trên những vùng đồi phủ rậm các bụi cây thánh liễu chịu được hạn

chỉ mọc nổi nơi đây – loại cây muối đen trung gian giữa cỏ và cây lấy gỗ, rần như đá, xoắn lại như dây cáp biển, – loại cỏ cứng thấp lè tè và nhiều nhất là loại sậy tri hình mũi tên. Vẻ đẹp của những vùng nửa sa mạc là dù dưới ánh trăng hoặc ánh nắng nó đều sáng nhấp nháy tựa như một cánh rừng trong suốt, vàng óng, mà trong đó hết như tại chỗ nước nông, bất kỳ ai, dù thấp chỉ bằng con chó, chỉ cần ngẩng đầu lên là sẽ nhìn thấy mọi vật xung quanh và chính mình cũng lộ ra rõ mồn một.

Vùng đất đó chính là nơi đã tạo lập số phận của cặp sói mới, cặp sói Acbara và Tastrinar. Vào quãng thời gian này đã xảy ra biến cố quan trọng nhất trong đời sống của chúng. Chúng đã có đàn con đầu lòng gồm ba chú sói nhỏ mà Acbara đã sinh hạ vào mùa xuân đáng ghi nhớ ấy ở Môiuuncumư, tại cái hang đáng ghi nhớ mà chúng đã tìm chọn trong chiếc hố lớn dưới gốc cây muối đen già đã xói mòn hết, cạnh khu rừng thánh liễu đã khô một nửa, nơi dẫn lũ sói con đến luyện tập thì thật thuận tiện. Lũ sói con đã biết dựng thẳng tai. Mỗi con đang dần dần hình thành tính cách riêng, mặc dù khi đùa nghịch với nhau thì tai chúng lại vểnh lên như chó con. Ngoài ra, chúng đứng đã khá vững. Chúng thường bám sát bố mẹ trong những cuộc săn lùng lớn nhỏ.

Mới đây, một trong những chuyến đi chơi xa như vậy đã kéo dài suốt ngày đêm và suýt kết thúc bằng một tai họa bất ngờ đối với lũ sói. Vào sáng sớm hôm đó, Acbara dẫn cả gia đình đến vùng ngoại vi đằng kia của đồng cỏ Môiuuncumư. Tại đây, trên những khoảng rộng của đồng cỏ, đặc biệt là trên các khe hẻm hẻo lánh, có mọc loại cỏ thân cứng tỏa ra một thứ hương thơm đặc quánh làm mê mẩn đầu óc, không giống bất cứ một thứ mùi gì khác. Nếu lang thang mãi giữa lớp cỏ cao đó và hít thở phấn hoa của nó thì lúc đầu cảm thấy người nhẹ lâng lâng khác thường trong lúc đi lại, cảm thấy như đang lướt nhẹ một cách dễ chịu trên mặt đất, rồi sau đó chân tay uể oải và buồn ngủ. Acbara nhớ nơi này ngay từ hồi còn nhỏ và năm nào cũng đến đây một lần vào lúc loại cỏ thuốc phiện này ra hoa. Khi săn bắt những thú

nhỏ của thảo nguyên, nó ưa thích được ngậy ngát một chút giữa lớp cỏ cao, được ung dung nằm dài một lát trong hương cỏ thơm đầm ấm nóng, được cảm thấy thân thể như bay lượn trên mặt đất lúc chạy đi chạy lại rồi ngủ thiếp đi.

Lần này không chỉ còn riêng nó với Tastrinar nữa, theo sau chúng là ba con sói nhỏ chân dài vụng về. Lũ sói nhỏ phải biết càng nhiều càng tốt trong những chuyến đi xa đến các vùng xung quanh, phải ngay từ nhỏ đã nắm chắc lãnh địa tương lai của loài sói. Những đồng cỏ thơm ngát mà sói mẹ dẫn chúng đến làm quen nằm ở giới hạn những lãnh địa ấy. Tiếp đó là thế giới rộng lớn xa lạ nơi chúng có thể gặp con người và là nơi mà từ đó, từ phía mệnh mông bao la ấy, thỉnh thoảng lại vang đến tiếng còi tàu hoả rền rĩ như gió thổi. Đó là thế giới thù địch với loài sói. Acbara dẫn cả gia đình đến vùng giáp ranh này của đồng cỏ Mõiuncumư.

Chạy đằng sau Acbara là Tastrinar. Lũ sói nhỏ thì nghịch ngợm lao vùn vụt vì thừa thãi sức lực, cố nhảy vọt lên trước, nhưng sói mẹ không cho phép chúng muốn làm gì thì làm, nó nghiêm khắc theo dõi để không một con nào dám vọt lên trước nó. Đường đi lúc đầu toàn là những vùng cát, mọc um tùm những cây muối đen và gai cứu hoang. Mặt trời mỗi lúc một lên cao, báo trước một ngày trong sáng và nóng nực như thường lệ. Đến chiều thì cả gia đình sói đã tới ven đồng cỏ. Chúng đến vừa đúng lúc – trời hãy còn sáng. Cỏ năm nay mọc cao, gần như ngập u vai những con sói lớn. Suốt ngày phơi mình dưới nắng gắt, những chùm hoa xấu xí trên những thân cây xù lông giờ toả ra mùi hương gay gắt, nhất là ở những chỗ cây mọc um tùm thì mùi hương này càng đặc quánh. Tại đây, tại khe hẻm nhỏ hẹp này, lũ sói dừng chân sau khi đã vượt qua một quãng đường dài. Mấy con sói nhỏ hiếu động nghỉ thì ít mà chạy lăng quăng khắp xung quanh thì nhiều, chúng đánh hơi và chăm chú quan sát tất cả những thứ gì thu hút sự hiếu kỳ của chúng. Rất có thể gia đình sói ở lại đây suốt đêm vì chúng đã ăn no và uống đủ nước rồi. Dọc đường đi, chúng đã bắt được mấy con thỏ và

ngân thử béo tròn, đã phá tan nhiều tổ đủ loại, còn khi khát thì chúng đã uống nước nguồn dưới đáy một khe sâu gập trên đường. Nhưng một biến cố bất thường đã buộc chúng phải khẩn cấp rời bỏ khu vực này và chạy suốt đêm để quay trở về hang sói ở mãi sâu giữa đồng cỏ.

Biến cố đó là như thế này. Lúc trời đã sẫm tối, khi Acbara và Tastrainar đang nằm dài dưới bóng cây, ngây ngất vì hương cỏ thuốc phiện, thì gần đấy bỗng vang lên tiếng người. Trông thấy người trước tiên là lũ sói con đang đùa nghịch bên trên khe hẻm. Chúng không ngờ và không thể biết được rằng giống vật đột nhiên xuất hiện ở đây lại là con người. Đó là một con người gần như trần truồng, mặc độc một chiếc quần bơi, chân không đi tất xỏ trong giày cao su, đầu đội chiếc mũ rộng vành trước kia màu trắng nhưng giờ đã bê bết bẩn, đang chạy lảng quăng cũng trên cỏ như chúng. Người đó chạy một cách lạ lùng, cứ chọn những bụi cỏ rậm rạp mà kiên nhẫn chạy tới chạy lui giữa các thân cỏ, dường như đó là một việc hết sức thích thú. Lũ sói nhỏ lúc đầu nín thở, vừa nghi hoặc vừa sờ sợ. Chúng chưa bao giờ thấy một cảnh tượng như vậy. Còn con người thì vẫn chạy đi chạy lại mãi trên cỏ như điên rồ. Lũ sói nhỏ mạnh bạo dần lên. Nổi tò mò đã thắng, chúng muốn đùa nghịch với con thú hai chân kỳ quặc, nhẵn nhụi, đang chạy như mê man này. Đột nhiên, con người nhận thấy lũ sói nhỏ. Và điều ngạc nhiên nhất là đáng lẽ phải cảnh giác, phải nghĩ xem tại sao chó sói lại bất ngờ xuất hiện ở đây, thì con người kỳ quặc kia lại đến gần mấy con sói nhỏ và âu yếm giơ hai tay ra.

– Kia, thế là thế nào nhỉ?, người đó vừa nói vừa thở hỗn hển và lau mồ hôi trên mặt. Có đúng là sói con không nhỉ? Hay mình choáng váng nên cảm thấy như thế. Không, đúng là ba con sói con, lại xinh đẹp thế kia, lại đã lớn thế kia nữa! Chà, lũ thú nhỏ của tôi. Bọn mi từ đâu đến đây vậy? Bọn mi đang làm gì ở đây? Ta thì vô tình đến, còn bọn mi sao lại ở đây, trên thảo nguyên này, giữa những bụi cỏ đáng nguyên rủa này? Nào, lại đây, lại gần đây, đừng sợ gì hết! Chà, những con thú nhỏ ngốc nghếch của ta!

Lũ sói nhỏ ngờ nghêch quả thật là bị mê hoặc bởi những cử chỉ âu yếm của con người. Chúng ve vẩy đuôi, nghịch ngợm ép mình xuống đất, bò lại gần, hy vọng là sẽ được chơi trò chạy đuổi nhau với con người. Đúng lúc đó, sói mẹ Acbara nhảy vọt từ dưới khe lên. Trong chớp mắt, nó đã đánh giá được tình thế nguy hiểm. Nó gầm gừ, lao mình về phía con người trần truồng được ánh nắng thảo nguyên lúc hoàng hôn chiếu hồng rực lên. Đối với nó, chẳng có gì khó khăn là thuận đà nhảy, cắm phập răng nanh vào cổ họng hay vào bụng con vật hai chân kia. Thấy con sói cái hung dữ nhào đến, con người không còn biết trời đất là gì nữa, ngồi sụp xuống và hoảng sợ ôm lấy đầu. Chính nhờ thế mà anh ta thoát chết. Ngay trong lúc lao đến, Acbara không hiểu sao lại thay đổi ý định. Nó nhảy vọt qua con người ấy, cái con người trần truồng, bất lực, chỉ cần một đòn đánh là có thể giết chết được ấy. Khi nhảy vọt qua, nó kịp nhìn thấy nét mặt người đó, nhìn thấy cặp mắt mở trừng trừng vì kinh hoàng. Người thấy mùi thân thể của người đó, nó nhảy vọt qua, trở mình, nhảy qua lần thứ hai nhưng đã theo hướng khác. Nó lao đến lũ sói con, xua chúng đi, cắm mạnh vào đuôi chúng, xô chúng về phía khe. Tại đây, nó đụng phải con Tastrinar đang hung dữ dựng bồm lên khi thấy con người. Nó cũng cắn chồm một cái và bắt chồm quay lại, rồi cả đàn sói nối đuôi nhau lăn xuống khe, biến mất trong chớp mắt.

Chỉ đến lúc ấy, con người trần truồng và kỳ quặc kia mới bừng tỉnh, chạy thục mạng... Anh ta chạy trên thảo nguyên một lúc lâu, không dám ngoái lại, không dám lấy lại hơi thở...

Đó là cuộc gặp gỡ vô tình đầu tiên của Acbara và gia đình nó với con người... Nhưng ai có thể biết được cuộc gặp gỡ đó báo hiệu những gì.

Ngày tàn dần, mặt trời lúc về chiều và mặt đất bị nung nóng suốt ngày tỏa ra hơi nóng hầm hập. Mặt trời và thảo nguyên là những đại lượng vĩnh cửu. Mặt trời dùng để đo thảo nguyên, xem khoảng không gian được mặt trời chiếu sáng ấy rộng lớn đến chừng nào. Còn bầu trời trên thảo nguyên

thì được đo bằng chiều cao của con điều hâu bay bổng. Vào giờ phút hoàng hôn ấy trên đồng cỏ Mũiuncumư có cả một bầy điều hâu đuôi trắng bay lượn tít trên cao. Chúng bay mê mải, nhẹ nhàng và không có mục đích. Chúng bay để mà bay trong khoảng không cao vời vợi, không một gợn mây, mát mẻ, bàng bạc. Chúng nối đuôi nhau bay thành vòng tròn, dường như để thể hiện sự vĩnh cửu và vững chắc của mảnh đất này và bầu trời này. Chúng không phát ra một âm thanh nào mà lặng lẽ quan sát những gì đang diễn ra ở mặt đất, phía dưới cánh chúng. Nhờ thị giác đặc biệt tinh tường, đúng, chính là nhờ thị giác (thính giác của chúng đóng vai trò thứ yếu) mà những con ác điều quý phái này là những sinh vật luôn luôn sống trên bầu trời thảo nguyên. Chúng chỉ hạ xuống mặt đất tội lỗi để kiếm thức ăn và ngủ đêm mà thôi.

Chắc chắn là vào giờ phút ấy, từ trên cao xa tít, chúng nhìn rõ như trong lòng bàn tay gia đình sói kia gồm sói bố, sói mẹ và ba con sói con đang ở trên một gò nhỏ giữa các bụi thánh liễu tản mát và những rặng cây tri vàng óng. Con nào cũng thè lưỡi ra vì nóng nực. Gia đình sói đang nghỉ ngơi trên gò đất đỏ mà không hề ngờ rằng mình đang là đối tượng quan sát của lũ chim trên trời. Tastrainar nửa nằm nửa ngồi trong tư thế ưa thích của nó, hai chân trước khoanh lại, đầu hơi ngưỡng lên. Nó nổi bật giữa các con khác do gáy mập ú, xương hông to và thân thể nặng nề. Ngồi bên cạnh, thu mẫu đuôi dày ngắn ngắn xuống dưới, là con sói cái trẻ Acbara có đôi nét tựa như một pho tượng bất động. Cặp chân thẳng gân guốc của nó thì vững phía trước. Bộ lông ngực trắng nhờ của nó và phần bụng hõm xuống với hai hàng vú nhô lên nhưng đã không còn mòng mọng nữa, làm nổi bật bộ đùi gầy gò song còn dư sức của nó. Còn ba con sói con thì lẳng xăng bên cạnh, chúng hiếu động, nghịch ngợm và hay quấy rầy bố mẹ nhưng Acbara và Tastrainar không hề tức giận. Cả hai nhìn lũ con với vẻ dung túng rõ rệt, cứ mặc cho chúng tha hồ nô đùa.

Trong khi ấy, đàn điều hâu vẫn bay lượn trên trời và vẫn thản nhiên quan

sát những gì đang diễn ra phía dưới, trên đồng cỏ Môiuncumư, trong ánh mặt trời lúc hoàng hôn. Cách không xa đàn sói, hơi dịch sang phía bên, là một đàn xaigắc đang gặm cỏ trong các rặng thánh liễu, chúng khá đông. Một đàn xaigắc khá đông khác cũng đang gặm cỏ gần hơn nữa, tản mát trong đám thánh liễu. Cách một quãng, đàn xaigắc thứ ba còn đông đảo hơn. Nếu như lũ điều hâu quan tâm đến loài xaigắc thảo nguyên thì khi nhìn bao quát cánh đồng cỏ kéo dài hàng chục cây số về cả hai phía, chúng chắc hẳn sẽ thấy cơ man nào là xaigắc. Phải đến hàng trăm hàng ngàn con xaigắc, bởi vì từ ngàn xưa chúng đã sinh sôi nảy nở khắp miền đất nửa sa mạc rất thích hợp với chúng này. Chờ cho qua cơn oi bức buổi tối, đêm nào chúng cũng đi uống nước tại những nguồn nước hiếm hoi và xa tít trong đồng cỏ. Một số bầy xaigắc đang mau chóng tăng thêm tốc lực chạy về phía ấy, chúng còn phải vượt qua một đoạn đường dài nữa.

Một bầy xaigắc chạy gần mô gò có lũ sói đang nghỉ ngơi, gần đến nỗi qua lớp cỏ tri được chiếu sáng một cách kỳ ảo, lũ sói có thể thấy những phần bên và phần lưng lướt nhanh cũng như những chiếc đầu có cặp sừng nhỏ hơi cúi xuống của các con đực. Khi chuyển động, bầy xaigắc bao giờ cũng hạ thấp đầu xuống để khỏi bị không khí cản lại, bởi vì vào bất kỳ giây phút nào chúng cũng phải sẵn sàng chạy trốn – thiên nhiên đã sắp đặt chúng như vậy trong quá trình tiến hóa. Ưu thế chính của loài xaigắc là khả năng chạy trốn để tránh thoát nguy hiểm. Ngay cả khi không có gì đáng lo ngại, chúng cũng thường chạy nước đại, chạy liên tục không mệt mỏi, không chịu nhường đường cho bất cứ loài nào – trừ chó sói – bởi vì số lượng chúng đông vô kể và như vậy đã tạo thành sức mạnh.

Giờ đây, chúng chạy ngang qua gia đình sói Acbara đang ẩn sau các bụi cây. Cả một đám đông xaigắc chạy vùn vụt làm phía sau cuốn tung lên làn gió dầm mùi bầy đàn và bụi bay mù mịt. Lũ sói con trên gò bắt đầu thấy bút rứt, rạo rục lên theo bản năng. Cả ba con sói con đều hồi hã hít hít không khí, và tuy chưa hiểu có chuyện gì nhưng chúng đã háo hức được chạy về

phía tỏa đến cái mùi bầy đàn xồn xang này, chúng khao khát được lao vào những rặng cây tri mà ở đó chúng cảm thấy có nhiều con vật đang chạy thấp thoáng. Tuy nhiên, cả sói mẹ Acbara lẫn sói bố Tastrainar đều không nhúc nhích, không thay đổi tư thế, mặc dù chúng chỉ cần đúng hai bước nhảy là đã ở bên bầy xaigắc đang chạy qua. Rồi chúng sẽ có thể bắt đầu cuộc săn đuổi, săn đuổi một cách dữ dội, mãnh liệt, khiến lũ xaigắc phải ngã quỵ, để trong quá trình chạy chung đó, trong cuộc chạy đua bên rìa cái chết đó, khi có cảm giác là đất trời đổi lẫn chỗ cho nhau, chúng có thể tỏ ra khéo léo tại một khúc rẽ ngoặt nào đó để vừa lao vùn vụt vừa vạt ngã một vài con. Khả năng như vậy là hoàn toàn hiện thực. Nhưng, cũng đã từng xảy ra những tình huống khác hẳn khi chúng không gặp may, không đuổi kịp đàn mồi. Dù sao chẳng nữa, Acbara và Tastrainar lúc này không có ý định bắt đầu cuộc săn đuổi. Chúng ở nguyên tại chỗ dù ra như tự con mồi đang rơi vào mồm chúng. Sở dĩ như vậy vì hôm nay chúng đã no nê rồi. Hơn nữa, giữa lúc nóng nực ghê gớm thế này, lại giữa lúc dạ dày chật căng, tiến hành một cuộc săn đuổi điên cuồng lũ xaigắc chạy như tên bắn thì chẳng khác gì cái chết. Nhưng lý do chính là lũ sói con chưa đến lúc thực hiện một cuộc săn đuổi như vậy. Chúng có thể bị gãy gục. Chỉ cần một lần chúng thờ dốc ra trong khi chạy và không theo kịp mục tiêu hết sức khó đạt được kia là chúng sẽ mất tinh thần, sẽ không dám tỏ ra táo tợn nữa. Đến mùa đông, mùa những cuộc săn đuổi lớn, lúc lũ sói con đã gần một tuổi, đã tăng thêm sức lực, thì khi đó chúng sẽ có thể tự thử thách mình, sẽ có thể xác định là sức mạnh của chúng đã đủ chưa, sẽ có thể thích ứng dần với công việc. Đó sẽ là những giờ phút tuyệt vời..., còn bây giờ thì không nên liều lĩnh.

Acbara hơi né tránh lũ sói con cứ quấy rầy nó vì nôn nóng, vì khao khát được săn đuổi. Nó ngồi sang chỗ khác, cặp mắt sắc sảo vẫn dõi nhìn bầy xaigắc dương đang chạy về phía có nước uống, chen vai thích cánh nhau trong những bụi cây tri lấp lánh bạc – chẳng khác gì đàn cá trong thời kỳ đẻ

trứng đang bơi về thượng nguồn sông, tất cả đều theo một hướng, tất cả đều không khác gì nhau. Ánh mắt Acbara thoáng lộ vẻ am hiểu: Hãy cứ mặc cho lũ xaigắc chạy xa. Rồi sẽ đến ngày huấn luyện. Tất cả những gì có mặt trên đồng cỏ này sẽ chẳng biến đâu cho mất được. Lũ sói con quay ra quấy rầy sói bố, chúng ra sức kích động con Tastrinar lúc nào cũng quàu quạu.

Đột nhiên, Acbara hình dung thấy lúc mùa đông bắt đầu, cả vùng nửa sa mạc rộng lớn này vào một buổi bình minh nào đó bỗng trắng suốt một màu vì tuyết mới rơi. Tuyết chỉ đọng lại một ngày hoặc nửa ngày, nhưng đó là dấu hiệu cho đàn sói bắt đầu mùa săn đuổi. Từ hôm ấy, săn đuổi xaigắc sẽ trở thành công việc chủ yếu trong cuộc sống của chúng. Ngày ấy nhất định sẽ phải đến! Sẽ phải đến cùng với làn sương mù là là thấp, với lớp sương giá trên các bụi cây tri trắng muốt, buồn bã... Còn những dấu chân kia trên tuyết đầu mùa ở đồng cỏ Môiuncumư, – những dấu chân sói hình chùm hoa – sẽ kéo dài thành hàng trong làn sương mù là là thấp và dừng lại tại một trũng sâu lộng gió giữa các bụi cây. Tại đây, đàn sói sẽ chờ đợi, sẽ quan sát xung quanh, sẽ để lại những con nấp mai phục... Cái giờ phút xiết bao mong đợi ấy sẽ đến. Acbara sẽ hết hức thận trọng rón rén bò, rạp mình xuống tuyết, áp sát người vào lớp cỏ lạnh buốt, nín thở, tiến đến gần lũ xaigắc đang gặm cỏ, gần đến nỗi nhìn thấy những con mắt còn chưa lộ vẻ kinh hoàng của chúng, rồi bỗng lao vọt lên như mũi tên... Cái giờ phút hạnh phúc ấy của loài sói nhất định sẽ đến! Acbara hình dung thấy chuyển săn đuổi đầu tiên ấy – chuyển săn đuổi để huấn luyện cho lũ con – như hiển hiện ngay trước mắt, nó bất giác rú lên và phải gắng lắm mới đứng yên được tại chỗ.

Trời, những chuyển săn đuổi trên đồng cỏ đầu đông mới thú vị làm sao! Những bầy xaigắc lao thực mạng như để tránh đám cháy. Tuyết trắng muốt chỉ trong chớp mắt đã lấm bẩn những vết đất đen ngòm. Acbara dẫn đầu đàn sói bám sát lũ xaigắc. Ngay sát phía sau nó là lũ sói nhỏ, ba đứa con đầu lòng của nó, hậu thế của nó, chúng sinh ra chính là để dành cho những

chuyển săn đuổi như thế này. Còn đi sau cùng là Tastrinar của nó, con sói bố hùng mạnh, chạy không biết mệt, chỉ theo đuổi một mục đích duy nhất là rượt đuổi bầy xaigắc như thế nào để lừa chúng vào ổ mai phục và do đó dạy bài học săn bắt cho đàn con. Đúng! Đó sẽ là cuộc chạy đua dữ dội. Trong khát vọng tương lai ấy, đối với Acbara vào giờ phút này thì điều đáng mong muốn không chỉ là con mồi, điều mong muốn chính của nó là mau mau diễn ra cuộc săn đuổi, khi chúng băng mình trên thảo nguyên tựa như bầy chim có cặp cánh bay nhanh... Ý nghĩa cuộc đời sói của nó chính là ở đây.

Đó là những mơ ước của con sói cái Acbara, những mơ ước mà bản chất nó gợi lên cho nó – và biết đâu lại chẳng do đấng tạo hóa ban cho nó. Những mơ ước mà sau này nó sẽ nhớ lại một cách cay đắng, tim thắt lại vì đau đớn, cũng như sẽ thường nằm mơ thấy với nỗi buồn rầu vô hạn... và tiếng rú của nó sẽ vang lên như giá phải trả cho những ước mơ ấy. Mọi mơ ước đều như vậy – lúc đầu chúng nảy sinh ra trong trí tưởng tượng rồi về sau phần lớn bị tan vỡ do đã dám sinh trưởng mà không có gốc rễ như những cây cối và hoa cỏ khác... Mọi mơ ước đều như vậy hết, và đó là sự tất yếu bi thảm của chúng trong việc nhận thức điều thiện và điều ác...

I.3

Cuộc tàn sát bầy sơn dương – Vợ chồng sói mất lứa con đầu tiên – Anh chàng tu xuất Apdi và nhóm người được thuê đi nhật xác thú

Mùa đông đã bước vào Mõiuncumư. Có một lần tuyết đã rơi khá nhiều đối với một vùng nửa sa mạc này. Tuyết nhanh chóng phủ trắng đồng cỏ và sáng hôm đó trông nó tựa một đại dương bao la trắng phau với những đợt sóng đang trào tới thì bỗng sừng lặng lại. Gió và cỏ lông chông tha hồ hoành hành. Không gian trở nên tĩnh mịch như trong vũ trụ, như trong chốn vô tận. Đất cát đã kịp hút ẩm hơi ẩm còn những lớp đất khô nẻ thì đã thấm nước và mềm đi, không còn cứng như trước nữa... Mới ngay trước đó thôi, những đàn ngỗng thu vẫn còn vừa quàng quạc kêu vang vừa bay cao tít về phía dãy Himalaia sừng sững trên bầu trời của thảo nguyên Mõiuncumư. Đàn ngỗng xuất phát từ những con sông và vùng biển phía bắc để bay về phương nam, tới những vùng nước lâu đời của sông Ấn và Brăcmaputra. Chúng bay cao và kêu vang tha thiết đến nỗi tưởng như mọi sinh vật trên đồng cỏ nếu có cánh thì đều bị cuốn hút bay theo tiếng gọi này. Nhưng, thực ra mỗi loài sinh vật có thiên đường riêng của chúng... Lũ diều hâu vùng thảo nguyên đang bay lượn ở cùng độ cao đó cũng bay tránh sang bên nhường đường cho đàn ngỗng...

Còn trong gia đình sói Acbara thì vào đầu mùa đông, lũ sói con đã lớn bổng lên. Chúng không còn khó phân biệt như hồi nhỏ nữa và đã biến thành ba con sói choai choai kèn càng, mỗi con đều có tính cách riêng. Điều dễ hiểu là sói mẹ không thể đặt tên cho chúng – nếu đó là ý Chúa thì không nên vi phạm, – tuy nhiên sói mẹ có thể căn cứ theo mùi, một đặc điểm mà loài người không có, và những dấu hiệu thực tế khác để dễ dàng phân biệt và gọi riêng từng đứa con đến với mình. Đứa con lớn nhất của nó chẳng hạn, có trán rộng như sói bố Tastrinar và do đó được nhận dạng là ‘con Đầu To’. Đứa thứ hai cũng to lớn không kém, chân dài ngoẵng tựa như đòn bẩy, có triển vọng trở thành con sói chuyên săn đuổi, được nhận dạng là ‘con Chân Chạy Nhanh’. Đứa thứ ba là sói cái, mắt xanh hệt như mắt sói mẹ Acbara, có một vệt trắng ở hông hệt như sói mẹ, tính tình nghịch ngợm và được sói mẹ hết sức yêu quý nên trong ý thức không thành lời của Acbara, nó được tiếp nhận là ‘con Yêu Dấu’ – chắc chắn là khi đến tuổi yêu đương, nó sẽ trở thành đối tượng gây bất hòa và những cuộc giao chiến chí tử giữa các con đực...

Tuyết đầu mùa lạnh lẽo rơi suốt đêm ấy đã trở thành niềm vui mãnh liệt đối với cả gia đình sói vào sáng sớm hôm sau. Lúc đầu, lũ sói mới lớn đâm rụt rè khi ngửi thấy và nhìn thấy cái chất xa lạ làm biến đổi toàn bộ khung cảnh quanh hang, nhưng rồi chúng ưa thích cái không khí hân hoan mát mẻ đó. Chúng bắt đầu quay tròn, chạy đuổi nhau khắp xung quanh, lăn lộn trong tuyết, thở phì phì và kêu gừ gừ vì thích thú. Mùa đông đầu tiên đối với chúng đã bắt đầu như vậy. Đó là mùa đông mà về cuối chúng sẽ phải chia ly với sói mẹ, sói bố và với nhau để mỗi con sống một cuộc đời mới.

Đến chiều tối tuyết vẫn còn rơi thêm nữa và rạng sáng hôm sau, ngay từ lúc mặt trời chưa mọc, thảo nguyên đã sáng sủa và trong trẻo như ban ngày. Không khí thanh bình và vắng lặng lan tràn khắp nơi. Đàn sói lắng nghe những tiếng động xung quanh, cơn đói mùa đông đã bắt đầu cào cấu chúng. Đã đến lúc đi săn rồi. Acbara chờ đợi đồng bọn ở các bầy sói khác để bắt

đầu cuộc săn đuổi lũ xaigắc. Tạm thời, chưa một đàn sói nào phát tín hiệu về chuyện đó, những tín hiệu đặc biệt của loài sói mà cả gia đình Acbara đang lắng nghe và chờ đợi. Con Đầu To đang ngồi trong tâm trạng căng thẳng nôn nóng, nó còn chưa biết đến những nỗi vất vả gian nan trong khi săn đuổi. Con Chân Chạy Nhanh cũng đã trong tư thế sẵn sàng. Con Yêu Dấu nhìn vào cặp mắt xanh của sói mẹ một cách tận tụy và mạnh bạo. Gần đấy, sói bố Tastrinar đang đi đi lại lại. Tất cả đều chờ đợi mệnh lệnh của Acbara. Nhưng trên đầu chúng còn một ông thần tối cao nữa, đó là ông thần Đói, ông thần Bồi Bổ Thân Xác.

Acbara đứng dậy và bắt đầu chạy nước kiệu, chẳng có thời gian đâu mà chờ lâu hơn. Cả gia đình sói chạy theo sau. Mọi việc bắt đầu gần giống như Acbara hình dung khi lũ sói con còn nhỏ. Thời kỳ săn đuổi theo từng nhóm trên thảo nguyên thế là đã đến. Chỉ ít lâu nữa thôi, khi tiết trời giá lạnh, những con sói cô độc sẽ hợp nhất lại thành bầy và sẽ cùng kiếm ăn chung cho đến cuối đông.

Acbara và Tastrinar dẫn lũ con đầu lòng đi thử thách, đi tham gia cuộc săn đuổi qui mô bầy xaigắc, cuộc săn đuổi đầu tiên trong đời chúng... Bầy sói vừa đi vừa làm quen dần với thảo nguyên, lúc thì chúng đi bước một, lúc thì chạy nước kiệu, mặt tuyết nguyên sơ hẳn rõ những dấu chân hình chùm hoa của chúng như những dấu hiệu của sức mạnh và ý chí đoàn kết. Có nơi chúng lom khom tiến giữa các bụi cây, có nơi chúng trượt đi như những cái bóng. Giờ đây mọi việc đều phụ thuộc vào chính bản thân chúng và vào vận may.

Acbara không vội vã, chạy lên một ngọn gò nhỏ để quan sát khắp xung quanh. Nó đứng lặng im, đưa cặp mắt xanh nhìn sâu vào khoảng không xa xôi và dùng mũi phân biệt các mùi gió đưa lại. Trong chùng mực mắt nó bao quát được, nó thấy đồng cỏ bao la đang thức tỉnh, và mờ mờ hiện lên trong làn sương mù nhẹ bồng là những bầy xaigắc đông đúc, toàn những

con mới một tuổi và mới hợp thành bầy vào khoảng thời gian đó. Năm ấy là năm loài xaigắc sinh sản nhiều và, dĩ nhiên, cũng là năm thuận lợi cả với loài sói nữa.

Đúng vào giây phút ấy, bỗng vang lên tiếng ầm ì lạ lùng từ đâu đó ở phía bên và trên cao. Tiếng ầm ì đó lan trên thảo nguyên nhưng hoàn toàn không giống tiếng sấm ầm ầm lúc giông bão. Tiếng động ấy hết sức xa lạ. Nó cứ lớn lên, mạnh lên mãi khiến Tastrinar không kìm được, cũng nhảy lên đứng bên cạnh sói vợ và cả hai sợ hãi lùi lại. Trên bầu trời có xảy ra một chuyện gì đó. Một con chim quái lạ gì đó xuất hiện, kêu ầm ầm một cách khủng khiếp, bay hơi nghiêng cánh trên đồng cỏ, là là sát mặt đất, và cách một quãng đằng sau, lại thêm một quái vật hết như vậy. Sau đó chúng bay đi xa và tiếng ầm ầm dần dần lặng đi. Đây là những máy bay lên thẳng.

Như vậy, hai chiếc máy bay lên thẳng đã cắt ngang bầu trời Móiuncumư như những con cá bơi qua mà không để lại dấu vết gì trong nước. Thực ra cả bầu trời lẫn mặt đất đều như không có gì thay đổi nếu không kể đến biến cố đó. Đó là một cuộc trinh sát trên không. Vào giờ phút ấy, các phi công phát lên không trung những thông báo vô tuyến cho biết họ nhìn thấy những gì và ở đâu, trong ô vuông nào, những con đường nào trên thảo nguyên Móiuncumư có thể dùng cho loại xe chạy mọi địa hình và cho loại xe tải kéo rơ-móc.

Còn lũ sói thì – không thể đòi hỏi cao với chúng được – sau khi trải qua cơn hốt hoảng phút chốc, đã mau chóng quên đi mấy chiếc máy bay lên thẳng. Chúng lại phóng nước kiệu đến những bầy xaigắc mà không hề hay biết chút gì là tất cả sinh vật trên đồng cỏ đều đã bị nhận thấy, đã bị đánh dấu trong những ô vuông trên bản đồ và đã bị dành cho số phận phải chết hàng loạt. Chúng cũng không hề hay biết chút gì rằng cái chết của chúng đã bị đưa vào kế hoạch một cách đồng bộ và đã đang tràn đến chúng trên rất nhiều động cơ và bánh xe.

Làm sao mà chúng, bầy sói thảo nguyên ấy, lại có thể biết được rằng thức ăn ngàn xưa của chúng, loài xaigắc, đang cần thiết cho việc hoàn thành kế hoạch giao thịt? Làm sao mà chúng biết được rằng đối với chính quyền tỉnh thì tình hình cuối quý bốn của ‘năm quyết định’ đang cực kì căng thẳng? “Chúng ta không thực hiện được kế hoạch năm năm!”. Một kẻ tháo vát nào đó trong chính quyền tỉnh đã bất ngờ đề nghị ‘huy động’ những nguồn dự trữ thịt của đồng cỏ Môiuncumư. Ý tưởng đó qui về chỗ cho rằng, điều quan trọng không phải là việc sản xuất thịt mà là lượng thịt giao nộp được trong thực tế. Do đó, nguồn thịt tự nhiên của đồng cỏ Môiuncumư là lối thoát duy nhất để khỏi bị xấu mặt trước nhân dân và các cơ quan nghiêm khắc cấp trên. Làm sao mà chúng, bầy sói thảo nguyên ấy, lại biết được rằng trung ương liên tiếp gọi điện về các tỉnh, yêu cầu cấp bách là phải hoàn thành kế hoạch giao thịt dù có phải lôi thịt từ dưới đất lên chăng nữa? “Lần nữa mãi thế là đủ rồi. Năm nay là năm kết thúc kế hoạch năm năm. Chúng ta sẽ nói gì với nhân dân đây? Kế hoạch đâu? Thịt đâu? Việc thực hiện nghĩa vụ đâu?...”

“Kế hoạch nhất định sẽ hoàn thành trong mười ngày sắp tới – chính quyền tỉnh trả lời. Có những nguồn dự trữ tại chỗ, chúng tôi sẽ thúc đẩy, sẽ đòi hỏi...”

Bầy sói trên thảo nguyên không hề nghi ngờ gì hết, chúng cố đi đường vòng để lén tiếp cận mục tiêu thiết tha của chúng, đi đầu vẫn là con sói cái Acbara. Chúng lặng lẽ bước trên lớp tuyết mềm đến gần chỗ khoảng cách cuối cùng trước khi tấn công là những gốc tri cao. Rồi chúng như mất hút trong đấy, trông tựa như những mô đất màu hung nhạt. Từ chỗ nấp, bầy sói nhìn rõ mọi thứ như trên lòng bàn tay. Một đàn xaigắc thảo nguyên đông vô kể – tất cả đều cùng một màu lông từ thuở khai thiên lập địa, sườn trắng, sống lưng màu hạt dẻ – đang thân nhiên gặm cỏ trong một thung lũng rộng mọc đầy thánh liễu. Chúng ngốn lấy ngốn để những đám cỏ vũ mâu dưới chân lẫn với tuyết mới rơi. Acbara lúc này vẫn còn chờ đợi. Phải chờ đợi để

cả đàn sói tập trung được tư tưởng trước lúc đồng loạt vọt ra khỏi chỗ nấp và lao vào cuộc săn đuổi ngay lập tức, đến khi đó thì chính quá trình săn đuổi sẽ gọi mách mưu chước. Mấy con sói mới lớn nôn nóng vẫy vẫy đuôi và vênh vênh hai tai. Cả Tastrinar vốn điềm tĩnh cũng thấy máu sôi lên, nó đã sẵn sàng cắn ngáp răng nanh vào con mồi mà nó sẽ đuổi kịp. Thế nhưng Acbara vẫn cố giấu ngọn lửa bùng bùng trong mắt, chưa ra hiệu lao vọt ra. Nó kiên nhẫn chờ giây phút chắc chắn nhất, chỉ như vậy mới mong thành công được. Xaigắc là loài có khả năng trong chớp mắt đã chạy tứ tung khắp mọi phía và khi đó thì không một con thú nào đuổi kịp. Phải biết chờ đợi và biết chớp lấy giây phút quyết định.

Đúng lúc đó, hệt như sấm nổ giữa trời, mấy chiếc máy bay lên thẳng kia lại xuất hiện. Lần này chúng bay rất nhanh và ngay lập tức đã lơ lửng đầy đe dọa trên đầu bầy xaigắc hốt hoảng đang điên cuồng đổ xô chạy trốn khỏi tai họa khủng khiếp. Biến cố đã xảy ra đột ngột và mau chóng ghê gớm. Hàng trăm, hàng ngàn con xaigắc hoảng hốt phát điên, lạc con đầu đàn và mất phương hướng, rơi vào tình trạng kinh hoàng rối loạn, bởi vì giống loài sơn dương hiền lành này không thể chống lại máy bay được. Còn mấy chiếc máy bay lên thẳng thì hình như chỉ cần có thế, ép sát xuống đầu bầy thú đang chạy và tìm cách vượt lên trước. Mấy chiếc máy bay cố tình xô đẩy bầy thú này chen lấn vào với bầy khác ở bên cạnh, để rồi mỗi lúc một cuốn hút nhiều thêm các bầy khác nữa gặp trên đường chạy hoảng loạn này, trên đồng cỏ Môiuuncumư. Chúng làm rối trí cả một khối sơn dương đông đảo đang kinh hoàng đang chạy trốn, điều đó càng làm dữ dội thêm tai họa đổ xuống đầu những con vật móng kếp của cánh đồng cỏ vốn chưa bao giờ biết đến một biến cố gì giống như thế. Và đâu chỉ những con vật móng kếp kia, cả lũ sói nữa – giống vật luôn luôn sống đôi với sơn dương và là kẻ thù vĩnh viễn của chúng – cũng rơi vào tình trạng đó.

Khi cuộc tấn công khủng khiếp này của máy bay lên thẳng diễn ra ngay trước mắt Acbara và gia đình sói của nó, thì lúc đầu chúng nín thở, ép sát

vào những gốc cây tri, nhưng rồi chúng cũng không chịu đựng nổi và cũng chạy thực mạng khỏi chốn đáng nguyên rủa đó. Chúng chưa kịp chạy xa thì đã thấy đất rung chuyển và vang động như trong cơn bão tố, đó là sự chuyển động kinh hoàng của một khối xaigắc đông vô kể bị máy bay lên thẳng xô đuổi trên thảo nguyên về một hướng, đang ào ào tràn theo chúng. Không kịp quay lại mà cũng không kịp ẩn mình đi, lũ sói bị kẹt giữa dòng thác mãnh liệt của một đám xaigắc dày đặc như một đám mây đen. Nếu như chúng dừng lại một giây thôi, nhất định chúng sẽ bị đè bẹp và giẫm nát dưới chân đám đông xaigắc ấy – tốc độ của đàn súc vật đông nghịch và không còn tự chủ được chút nào nữa lớn lao như vậy đó. Và chỉ vì lũ sói không chạy chậm đi mà ngược lại còn lao nhanh hơn nữa trong khiếp sợ, nên chúng mới sống sót. Giờ đây, chính bản thân chúng dường như bị cầm tù, dường như bị bao vây giữa cái khối đông đặc của cuộc chạy trốn như thác dữ này. Đó là một cuộc chạy trốn thật dị thường không thể hình dung nổi bởi chúng đang phải chạy trốn cùng những con mồi của chúng, những con vật mà vừa mới đây thôi chúng tưởng đã sẵn sàng để xé xác rồi lôi đi. Giờ đây, bầy sói đang chạy bên lũ xaigắc để thoát khỏi mối nguy hiểm chung. Giờ đây, cả lũ sói lẫn bầy xaigắc đều bình đẳng trước bước ngoặt nghiệt ngã của số phận. Sói và xaigắc chạy bên nhau, cảnh tượng đó đồng cỏ Môiuuncumư chưa bao giờ được chứng kiến ngay cả vào lúc xảy ra những đám cháy dữ dội trên thảo nguyên.

Acbara mấy lần tìm cách nhảy ra khỏi khối súc vật đang tháo chạy thực mạng nhưng không được, nó có nguy cơ bị giẫm bẹp dưới chân hàng trăm con sơn dương đang lao vùn vụt ở cả hai bên. Trong cuộc tháo chạy điên cuồng thừa sống thiếu chết ấy, tạm thời thì gia đình sói của nó vẫn còn giữ được thành một khối, tạm thời thì nó vẫn liếc mắt nhìn thấy được chồng và các con của nó. Đó, bầy con đầu lòng của nó đang chạy lẫn giữa đám sơn dương, đang rập mình cố chạy cho nhanh hơn, mắt mở to vì kinh hoàng. Đó, Đầu To kia, Chân Chạy Nhanh kia, Yêu Dấu kia – Yêu Dấu mỗi lúc

một yếu và phải cố gắng mới theo kịp. Và đó, Tastrinar của nó, mỗi đe dọa đối với Móiuncumư này, cũng đang hoảng hốt tháo chạy. Chẳng lẽ đó lại là điều con sói cái mắt xanh Acbara đã từng mơ ước ư? Giờ đây, thay cho cuộc săn đuổi lớn lao là việc chúng chạy trốn giữa bầy xaigắc. Chúng bất lực, không thể làm được một việc gì, bị đám xaigắc cuốn đi như những mảnh vỏ bào trên dòng sông... Con sói đầu tiên bị đuổi sức là con Yêu Dấu, nó ngã gục dưới chân bầy súc vật, chỉ nghe thấy tiếng rú vang lên rồi trong chớp mắt đã bị tiếng chạy rầm rập của hàng ngàn chân súc vật át đi.

Trong lúc ấy, mấy chiếc máy bay lên thẳng bay hai bên dòng thác súc vật, liên lạc với nhau bằng điện đài, phối hợp với nhau theo dõi để không cho chúng chạy tán loạn, để không phải lại săn đuổi chúng nữa trên đồng cỏ. Mấy chiếc máy bay mỗi lúc một gieo kinh hoàng hơn, buộc lũ xaigắc đang cố chạy nhanh càng phải chạy nhanh hơn nữa. Trong những chiếc mũ chụp có gắn thiết bị vô tuyến của các phi công vang lên những tiếng khàn khàn đầy kích động: “Hai mươi, nghe đây! Hai mươi! Cố gắng lên! Cố gắng lên!”. Từ trên cao, họ nhìn thấy rõ mồn một cả dòng thác đen đặc đang điên cuồng khiếp sợ xô tràn trên lớp tuyết mịn trắng phau của thảo nguyên. Đáp lại là một giọng nói phấn chấn vang lên trong ống nghe: “Được, mình sẽ cố gắng. Ha ha ha, cậu nhìn kia, giữa đám sơn dương có cả chó sói nữa! Thế mới tuyệt chứ! Đúng là sói xám nhé! Cho chúng mày chết! Cho chúng mày biết thế nào là phim hoạt họa ‘Hãy đợi đấy’ nhé!”.

Họ cứ như vậy tiến hành cuộc săn đuổi cho đến khi lũ súc vật kiệt sức như đã tính toán trước, và tính toán đó hết sức chính xác.

Khi lũ sơn dương bị dồn ra bình nguyên rộng thì chúng được đón tiếp bởi các tay thợ săn, hay đúng hơn là những tay xạ thủ đã chờ sẵn. Chính để dồn lũ súc vật đến ổ phục kích tàn sát này mà mấy chiếc máy bay lên thẳng đã nỗ lực suốt từ sáng. Trên những chiếc ô tô kiểu ‘Uát’, các tay súng tiểu liên vừa hiệp lực xô đuổi bầy sơn dương vừa nã đạn hạ sát chúng. Họ bắn

trực diện, không thềm nhằm, lia chúng ngã lá tả như cắt cỏ ngoài vườn rau. Phía sau là những xe tải rơ-moóc, cứ chạy theo và dừng lại để nhóm người trên xe liên tục nhặt và ném chiến lợi phẩm lên, thu hoạch một vụ mùa không hề tốn công sức. Những chàng trai lực lưỡng mau chóng nắm chắc công việc mới. Họ giết nốt những con xaigắc chưa chết hẳn. Họ đuổi theo những con bị thương và cũng giết chết luôn. Nhưng nhiệm vụ chủ yếu của họ là nắm lấy chân những khối thịt đẫm máu, đựng đưa rồi quăng phắt lên rơ-moóc tải. Đồng cỏ đang trả cho Chúa Trời cống vật đẫm máu vì tội đã dám nguyên vẹn là đồng cỏ. Hàng đồng thịt xaigắc chất như núi trên các rơ-moóc.

Vậy mà cuộc lưu huyết vẫn kéo dài. Cho xe xông vào giữa đám xaigắc bị dồn đuổi và đang kiệt sức dần, các xạ thủ liên tiếp quật ngã chúng hết bên phải lại bên trái, khiến chúng càng kinh hoàng và tuyệt vọng hơn nữa. Nỗi sợ hãi lên tới cực điểm, đến mức con sói cái Acbara đã điếc đặc vì tiếng súng có cảm giác như khắp thế giới đều đã câm lặng hết, đâu đâu cũng là cảnh hỗn loạn thống trị và ngay cả vầng mặt trời chói sáng trên đầu cũng bị săn đuổi cùng với chúng trong cuộc vây ráp điên cuồng này, cũng đang lờn lộn tìm cách thoát thân. Nó có cảm giác như ngay cả mấy chiếc máy bay lên thẳng kia cũng đột nhiên câm lặng, không kêu ầm ầm và rú rít nữa mà lặng lẽ lượn vòng trên thảo nguyên chạy hun hút xuống vực thẳm, hết như những con diều hâu khổng lồ thềm lặng. Còn nhóm xạ thủ tiểu liên thì dường như bắn những phát súng không tiếng động từ trên những chiếc xe ‘Uát’. Cả những chiếc xe ấy như cũng đang vùn vụt bay trên mặt đất mà không chút tiếng động. Cả bầy xaigắc đã hoá điên kia như cũng đang lao chạy băng băng, lần lượt quy ngã dưới những loạt đạn xuyên lỗ chỗ vào thân hình làm chúng bê bết máu, nhưng cũng hoàn toàn im lìm. Trong cảnh vô thanh lặng lẽ khủng khiếp này, Acbara đột nhiên nhìn thấy một mặt người, khuôn mặt ấy hiện ra thật gần, thật đáng sợ, thật rõ rệt đến nỗi nó quá kinh hoàng và suýt sa vào bánh xe. Một chiếc ‘Uát’ đang chạy băng băng ngay cạnh nó,

còn người kia thì ngồi ở phía trước, nhô hẳn nửa mình ra khỏi xe. Người đó đeo loại kính bảo vệ để chắn gió, mặt đỏ bừng vì gió quất vào, giữ micro bên cạnh khoé miệng đen ngòm, vừa nhấp nhồm vừa hét vang khắp thảo nguyên một câu gì đó, nhưng không nghe rõ lời. Chắc hẳn, đó là người chỉ huy cuộc săn đuổi, và nếu như vào lúc đó Acbara có thể nghe thấy tiếng động, nếu như nó hiểu được tiếng người thì nó sẽ nghe thấy người kia đang hét to vào điện đài: “Bắn vào hai bên! Bắn thẳng vào hai bên! Không được bắn vào giữa! Chúng sẽ giầy đạp lên nhau mất!”. Anh ta sợ rằng thịt những con xaigắc bị giết sẽ nát bét dưới chân đám súc vật chạy đằng sau.

Đột nhiên, người cầm micro này nhận thấy ngay bên cạnh xe, gần như sát bên sườn xe, giữa bầy sơn dương lao thực mạng, có một con sói đang chạy thoăn thoắt và đằng sau còn mấy con nữa. Anh ta dướn người lên, hí hửng hét một tiếng gì đó bằng một giọng khàn khàn, quăng micro đi và giật lấy khẩu súng trường, vừa chuyển lên tay vừa đồng thời nạp đạn. Acbara không thể làm gì hết, nó không hiểu rằng con người đeo kính bảo vệ kia đang nhắm vào nó, mà nếu như nó có hiểu chẳng nữa thì nó cũng đành chịu. Bị cuộc săn đuổi ép chặt tứ phía, nó không thể lẩn tránh cũng không thể dừng lại được. Người ngồi trên xe kia cứ tiếp tục nhắm mãi và chính việc đó đã cứu Acbara thoát chết. Một cái gì đó đập mạnh vào chân làm Acbara ngã lăn ra nó nhưng lập tức vùng dậy ngay để khỏi bị giẫm bẹp. Và ngay trong khoảnh khắc đó, nó nhìn thấy Đầu To, đứa con lớn nhất trong bầy con đầu lòng của nó, đang chạy thì trúng đạn, bị hất tung lên, máu chảy lênh láng, rồi vừa từ từ lật nghiêng vừa từ từ rơi xuống, nằm sõng xoài, quẫy quẫy chân và có lẽ phát ra một tiếng kêu đau đớn mà cũng có thể là tiếng rú hấp hối. Nhưng Acbara vẫn không thể nghe thấy gì hết. Nó thoáng thấy con người đeo kính kia đặc thẳng huơ huơ súng trên đầu. Một khoảnh khắc sau, Acbara đã nhảy qua thân hình bất động của Đầu To, và đến đúng lúc đó, những âm thanh của thế giới hiện thực mới lại ùa vào ý thức nó. Những giọng nói lao xao, tiếng ầm ầm của cuộc săn đuổi, tiếng vang động không

ngọt của các phát súng, tiếng còi chói tai của các xe, tiếng la hét của nhiều người, tiếng rên khàn khàn của những con sơn dương hấp hối, tiếng gầm rú của mấy chiếc máy bay lên thẳng trên đầu... Nhiều con xaigắc quy ngã phải nằm lại, bị guốc chân của các con khác đá vào, không đủ sức cử động nữa, thở hỗn hển vì ngạt thở và vì vỡ tim. Chúng bị nhóm người thu lượm thịt thẳng tay cắt đứt cổ ngay tại chỗ rồi nắm lấy chân những thân hình chưa chết hẳn, còn đang giẫy giụa ấy quăng vào thùng xe tải. Thật khủng khiếp nhìn những con người này, quần áo họ bê bết máu suốt từ đầu đến chân.

Nếu như từ trên trời cao có một con mắt cảnh giác nào đó nhìn xuống thế giới thì chắc hẳn sẽ thấy cuộc săn đuổi diễn ra như thế nào và kết thúc ra sao đối với đồng cỏ Môiuincumư, nhưng ngay cả con mắt đó có lẽ cũng không thể biết được hậu quả sẽ ra sao và những chuyện gì còn đang được trù tính...

Cuộc săn đuổi trên đồng cỏ Môiuincumư mãi đến chiều tối mới kết thúc, khi cả hai phía – kẻ bị săn đuổi và người đi săn đuổi – đều đã kiệt sức, và trên thảo nguyên bắt đầu sẫm tối. Người ta dự định là sáng hôm sau máy bay lên thẳng được nạp thêm nhiên liệu sẽ từ căn cứ trở lại và cuộc săn đuổi sẽ tiếp tục. Người ta cũng dự tính là công việc như vậy ở đây còn đủ cho ba ngày, bốn ngày, nếu tin vào những số liệu sơ bộ của việc khảo sát bằng máy bay lên thẳng. Theo số liệu đó thì ở mạn tây, mạn nhiều cát nhất của thảo nguyên Môiuincumư, còn có nhiều bầy xaigắc đang bình yên sinh sống và được gọi một cách chính thức là ‘nguồn dự trữ chưa được khám phá’ của địa phương. Mà bởi vì còn có những nguồn dự trữ chưa được khám phá nên kết luận tất yếu là phải mau mau đưa những nguồn dự trữ ấy vào chu trình kế hoạch nhằm phục vụ cho lợi ích của địa phương. Đó là cách lập luận hết sức chính thức cho việc tiến hành ‘cuộc hành quân Môiuincumư’. Nhưng, như mọi người đều biết, đằng sau bất kì một kết luận chính thức nào bao giờ cũng có những hoàn cảnh cần thiết và sống còn nữa đang quyết định tiến trình của lịch sử. Mà suy đến cùng thì hoàn cảnh chính là những con

người, những động cơ và khát vọng của họ, với những thói xấu và tính tốt của họ, với những dẫn vật và mâu thuẫn không thể tiên đoán trước được của họ. Xét theo ý nghĩ ấy, thì tấn thảm kịch Móiuncumư không phải ngoại lệ. Vào đêm đó, những người ở lại trên đồng cỏ chỉ là những người thừa hành tự nguyện hoặc không tự nguyện hành động tội ác này.

Trong khi ấy, hai vợ chồng sói Acbara và Tastrinar – cả bầy sói chỉ còn có hai sống sót – chạy băng băng trong đêm tối trên thảo nguyên, cố lánh thật xa nơi vây ráp. Chúng di chuyển hết sức khó khăn vì cả đám lông phía dưới bụng, ở háng và gần đến xương cùng đều bê bết bùn đất nhão nhoét. Chân thì bị thương tới tả, nóng rẫy như phải bỏng, mỗi lần chạm vào đất đều đau điếng. Điều chúng mong muốn hơn hết là trở về được hang cũ, ngủ thiếp đi và quên hết những gì đã đổ xuống trên cái đầu hoảng loạn của chúng.

Nhưng chúng lại không gặp may. Khi đã đến gần hang, chúng bất ngờ đụng phải con người. Bên rìa rừng sâu thân thuộc của chúng, một chiếc xe tải đồ sộ đứng sừng sững, bánh xe gần như chìm lấp trong những bụi thánh liễu rậm rạp, thấp lè tè. Trong bóng tối bên cạnh xe, vang lên tiếng người lao xao. Hai con sói đứng yên một lát rồi lặng lẽ quay trở lại thảo nguyên bao la. Đúng lúc ấy, mấy ngọn đèn pha không hiểu sao bỗng bừng lên chói chang, cắt ngang màn đêm. Tuy ánh sáng chiếu về phía đối diện, nhưng chỉ cần thế là đủ. Hai con sói vừa nhảy khập khiễng vừa thực mạng lao vọt đi. Hai chân trước của Acbara tập tễnh đặc biệt vất vả. Để dụi bớt đi hai đôi chân đau nhức, thỉnh thoảng nó dừng lại nghỉ ở những chỗ vẫn còn nguyên vẹn tuyết buổi sáng. Những dấu chân hình chùm hoa nhàu nát của nó nối tiếp nhau một cách buồn bã và cay đắng. Đàn con đã chết, phía sau là hang sói giờ đây không thể trở lại được – ở đây giờ đang có con người.

Họ có sáu người tất cả – năm người cùng với anh lái xe Kêpa. Sáu con người ngẫu nhiên qui tụ lại với nhau. Sáu kẻ thu lượm thịt thú chết và đêm

đó ngủ lại trên đồng cỏ để sớm hôm sau có thể bắt tay ngay vào một công việc hóa ra lại kiếm bẫm: năm chục rúp một con thú. Mặc dù họ đã chất đầy ba xe tải nhưng vẫn còn rất nhiều xaigắc bị bắn chết và bị giẫm đạp chết trong cuộc vây ráp chưa kịp thu lượm xong lúc trời còn sáng. Hôm sau họ sẽ phải tìm kiếm nốt, quăng chúng lên thùng xe để chở đi và chất lên rơ-moóc, đoàn xe tải có rơ-moóc này sẽ phủ bạt lên xác thú và đưa ra khỏi khu vực Móiuncumư.

Tối hôm ấy, vầng trăng tròn vành vạnh hiện lên rất sớm ở chân trời và trên khắp thảo nguyên nhợt nhạt, đôi chỗ còn phủ tuyết. Đâu đâu cũng nhìn thấy trăng. Ánh trăng lúc soi tỏ, lúc che mờ những cây nhỏ, những khe sâu, những gò đồng trên thảo nguyên. Những hình bóng rõ nét của chiếc xe tải đồ sộ thật lạ lẫm tại nơi vắng vẻ này, vẫn còn làm lũ sói hoang sợ một lúc lâu nữa. Cứ mỗi lần ngoảnh nhìn, chúng lại cụp đuôi chạy nhanh hơn. Tuy nhiên, chúng thỉnh thoảng vẫn dừng chân và lại căng thẳng nhìn, dường như cố đi sâu vào thực chất của biến cố đang xảy ra. Những con người kia đang làm gì tại nơi có hang cũ của chúng? Tại sao họ dừng lại ở đây và liệu chiếc xe đồ sộ khủng khiếp kia có còn đỗ lâu hay không? Đó là một chiếc xe ‘MAZ’, loại xe chạy mọi địa hình dùng cho quân sự, mui phủ vải bạt, bánh xe khỏe đến nỗi có cảm giác như phải một trăm năm nữa mới mòn. Trong hòm xe, giữa một chục xác xaigắc bỏ lại để chở đi vào hôm sau, có một người đang nằm, hai tay bị trói chặt như bị bắt làm tù binh. Anh cảm thấy rõ rệt những khối thịt xaigắc ngổn ngang bên cạnh cứ mỗi lúc lại nguội đi và cứng thêm nhưng dù sao thì những bộ lông của chúng cũng sưởi ấm anh, nếu không anh sẽ khốn đốn mất. Qua lỗ hổng của tấm vải bạt trùm lên hòm xe, anh nhìn vầng trăng to như nhìn vào khoảng trống. Khuôn mặt tái nhợt của anh in rõ vẻ đau khổ.

Giờ đây, số phận anh tùy thuộc vào những kẻ đã cùng anh đi đến đây, những kẻ đã cho rằng anh tham gia vào cuộc săn đuổi trên đồng cỏ Móiuncumư này cũng để kiếm thêm ít tiền như bọn họ...

Thật khó xác định thế nào là đời người. Vô luận thế nào đi nữa, những kết hợp vô tận của đủ mọi loại quan hệ giữa con người với nhau và của đủ mọi loại tính cách cực kỳ phức tạp khiến không một máy tính siêu hiện đại nào có thể đúc kết được một biểu đồ xác định các bản tính loài người thông thường nhất. Sáu con người này – đúng hơn là năm người nếu xét rằng Kêpa chỉ được điều thêm đến làm nhiệm vụ lái xe, hơn nữa là người duy nhất không phải đang sống độc thân trong số đó, nhưng dù thế, về thực chất Kêpa cũng không có gì khác năm người kia, thậm chí rất gần với họ về tinh thần, – vâng, sáu con người này có thể làm thí dụ minh họa cho thấy rằng vẫn thường gặp phải những trường hợp rất tương phản nhau lại đồng hành trong cùng một tình huống đời sống, cũng như cho thấy rằng những con đường của Chúa thật không thể hiểu nổi khi bàn luận đến một tập thể người, dù là một tập thể hết sức nhỏ bé. Tức là ý Chúa muốn rằng tất cả bọn họ rất cuộc đều là con người, giống hệt nhau, ít ra cũng vào lúc họ bước lên xe đi đến Môiuncumư.

Trước hết, đây là những kẻ vô gia cư, nay đây mai đó – dĩ nhiên là trừ Kêpa. Ba người trong số họ bị vợ bỏ. Tất cả họ đều thất thế ở mức độ nhiều hay ít và do đó đều ít nhiều căm hận cuộc đời. Nếu có thể coi là ngoại lệ thì đây là trường hợp nhân vật trẻ nhất trong số họ với cái tên lạ lùng theo kiểu Cựu Ước: Apđi – trong cuốn Tam Thiên Thư của Thánh Kinh có một cái tên tương tự như vậy. Apđi là con một viên trợ tế tại một vùng đâu đó mạn Pơxcốp, sau khi bố chết, anh vào học chủng viện, tỏ ra là kẻ nổi dầy hy vọng của một viên chức nhà thờ nhưng hai năm sau thì bị đuổi khỏi chủng viện vì tội nhiễm tà thuyết. Giờ đây anh nằm trong chiếc xe ‘MAZ’ với hai tay bị trói chặt, chờ đợi hình phạt vì tội âm mưu “nổi loạn trên tàu”, theo cách nói của chính gã Đại Huynh.

Trừ Apđi, tất cả bọn họ đều rượu chè be bét, hoặc như họ còn tự phong: những bợm rượu chuyên nghiệp. Kêpa lại một lần nữa chưa chắc đã nằm trong số đó, có thể vì anh ta phải giữ bằng lái xe, cũng có thể vì vợ anh ta sẽ

móc mắt anh ta, nhưng vào đêm đó ở thảo nguyên Môiuncumư, anh ta cũng nốc rượu không kém gì những người khác. Còn kẻ bị nghi ngờ theo ý nghĩa đó lại là Apđi: liệu anh ta có phải là dân lang bạt hay không? Apđi khẳng không chịu uống và điều đó càng khiến gã Đại Huynh căm ghét anh thêm.

“Đại Huynh” – gã ra lệnh cho nhóm thu lượm xác xaigắc dưới quyền gọi gã như vậy, “để cho ngăn gọn”, nhưng chắc hẳn cũng ngụ ý rằng gã là trưởng nhóm, là thượng cấp. Mà quả thật, trước khi bị giáng cấp thì gã đúng là thượng úy một tiểu đoàn phạm binh thật. Khi gã bị giáng cấp, những người có thiện ý với gã than phiền rằng gã bị “chết cháy” vì làm việc quá tận tâm. Chính gã cũng cho là như vậy, gã cảm thấy bị tổn thương sâu sắc trước sự bất công của cấp trên, nhưng nguyên nhân thật sự khiến gã bị đuổi khỏi quân đội thì gã lại không muốn nói rõ, vả lại cũng chẳng để làm gì, đó là chuyện đã qua rồi. Tên thực của gã là Candalốp (Cùm), mà khởi thủy cũng có thể là Khandalốp, nhưng điều đó chẳng khiến ai bận tâm – Đại Huynh vẫn cứ là thượng cấp theo ý nghĩa đầy đủ của hai tiếng đó.

Nhân vật thứ hai trong ‘tập đoàn’ này – tất cả đều nhất trí gọi đội của mình là ‘tập đoàn’, trừ một người đã phản kháng lại một cách yếu ớt là Hămlet-Gankin, cựu diễn viên nhà hát kịch của tỉnh: “Vứt bèn cái tên ‘tập đoàn’ đi, tớ không thích cái tên ấy đâu các cậu ạ. Chúng ta đi theo kiểu Xaphora^[1] kia mà, vậy thì chúng ta sẽ tự xưng là Xaphora!”. Nhưng đề nghị của anh ta không được ai chấp thuận, có lẽ bởi vì so với hai tiếng ‘tập đoàn’ mạnh mẽ thì mấy tiếng ‘Xaphora’ khó hiểu kia nghe yếu ớt quá. Nhân vật thứ hai của tập đoàn này là một gã Misas nào đó, gọi cho đầy đủ thì sẽ là Misca-Thổ Phi, một kẻ phải thừa nhận là dữ tợn như bò mộng, có thể gạt bần đi ngay cả gã Đại Huynh nữa. Misas có một thói quen là bất kỳ câu gì cũng chêm vào hai tiếng “đù mẹ”. Đối với gã, thói quen đó đã trở thành tự nhiên như hơi thở. Chính gã đã nêu ý kiến trói Apđi và quăng lên xe. Ý kiến đó đã được tập đoàn thực hiện ngay lập tức.

Chiếm vị trí khiêm nhường nhất trong tập đoàn này là diễn viên Hămlet-Gankin, một kẻ nghiện rượu, sớm phải rời bỏ sân khấu và chuyên sống vất vưởng bằng những món tiền tình cờ kiếm được. Vậy mà nay anh ta lại vợ được món bở: chỉ cần nắm lấy chân những con sơn dương vợ vẫn nào đấy hoặc là những con xaigắc rồi quăng lên xe là đã kiếm được một số tiền hơn cả thu nhập hàng tháng của anh ta. Ngoài ra lại còn được gã Đại Huynh thưởng cho nữa chứ, tuy tiền thưởng đó chính là tiền khấu trừ giá mua một hòm rượu vốtka cho cả bọn.

Và cuối cùng, nhân vật dễ tính nhất và hiền lành nhất là một chàng trai địa phương đến từ vùng phụ cận đồng cỏ Mõiuncumư có tên là Uducbai, hay gọi một cách đơn giản là Thổ Dân. Nét vô giá trong tính tình anh chàng Thổ Dân-Uducbai là anh ta hoàn toàn không biết tự ái, bao giờ anh ta cũng đồng ý tất và nếu cần mua chai vốtka thì anh ta sẵn sàng đi tới tận Bắc Cực. Tiểu sử vắn tắt của anh ta là như sau: trước đây anh ta là thợ lái máy kéo, sau đó anh ta bắt đầu uống rượu liên miên. Một lần anh ta bỏ mặc máy kéo giữa đêm trên đường cái, một chiếc xe đâm thẳng vào và một người bị chết. Anh ta phải ngồi tù hai năm, trong thời gian đó vợ con anh ta bỏ anh ta ra đi. Anh ta ra thành phố với tư cách là lực lượng lao động không được đăng ký, làm công nhân khuân vác cho một cửa hàng thực phẩm, thường lánh vào các ngõ nhà để uống rượu và chính tại đây gã Đại Huynh đã phát hiện được anh ta. Thế là anh ta bám theo gã mà không thềm ngoái đầu lại, và chẳng anh ta cũng chẳng có gì mà ngoái đầu lại nhìn... Gã Đại Huynh không thể từ chối được – gã quả thật có tài tiên đoán tình huống về mặt xã hội.

Họ đã tập hợp nhau lại như vậy đấy, thành một nhóm do gã Đại Huynh-Candalốp đứng đầu, và rồi, làn sóng của cuộc săn đuổi đã đưa họ đến đồng cỏ Mõiuncumư... Nếu nói về số phận một người và số phận nhiều người, nếu nói về các loại hoàn cảnh thường tình khác nhau quyết định trước các biến cố, thì rõ ràng gã Đại Huynh-Candalốp sẽ chẳng có gì phải bận tâm

đến anh chàng học sinh chủng viện Apđi bị thất thế, nếu như trước đây anh được học đến nơi đến chốn và phụng sự việc đạo cho đến khi được phong tước vị tương ứng. Tiện thể xin nói thêm là những học sinh cũ cùng lớp với Apđi trong chủng viện, những kẻ trước đây cũng nông nổi như mọi học sinh khác, thì sau khi đã chọn dứt khoát con đường đời của mình lại tỏ rõ bền bỉ hơn nhiều, và điều chủ yếu nhất là tỏ ra khôn ngoan hơn nhiều so với Apđi, con trai viên trợ tế đã quá cố. Sau khi kết thúc việc tu nghiệp về tinh thần, họ đã tiến bước thành công trên những nấc thang danh vọng của giáo hội. Giá như Apđi nằm trong số đó, – lúc đầu anh đã nằm trong số những thanh niên tài năng nhất, được các cha thầy dòng yêu mến, – thì anh và gã Đại Huynh-Candalốp vị tất đã có cơ hội gặp nhau, dù chỉ bởi vì gã thành thật coi các cha cố là sự ngộ nhận của thời đại và không bao giờ bước chân qua ngưỡng cửa nhà thờ, thậm chí là vì tò mò nữa...

Nếu như và giá như... Tuy nhiên, ai có thể biết được chuyện gì sẽ xảy ra... Nếu như biết trước được thì... Nhưng nào có ai lại đề nghị ai viết bản sơ yếu lý lịch khi tuyển mộ chỉ cho một chuyến đi, một chuyến cùng nhau đi cho vui để kiếm ít tiền. Chuyến đi ấy nào có khác gì chuyến đi cùng tập thể giúp nông thôn đỡ khoai tây. Nếu có khác chẳng thì vật thu lượm ở đây không phải là khoai tây mà là những con vật bị giết chết trong cuộc săn đuổi... Nếu như gã Đại Huynh-Candalốp biết rằng anh chàng phiêu bạt Adi mà gã tình cờ gặp ở nhà ga là một kẻ gàn dở, không bình thường, thì khi đến vùng cát Móiuncumư gã đã chẳng phải đau đầu nghĩ xem nên làm thế nào với anh ta, nên nhét anh ta vào đâu và nên dùng cách gì vô hại cho bản thân để rũ khỏi cái anh chàng Apđi kì quái này, kẻ đã suýt phá tan tất cả những gì đã sắp đặt công phu như vậy với hy vọng là minh oan cho quá khứ của gã. Ai có thể nghĩ rằng mọi việc sẽ đan kết với nhau thành một mối theo kiểu lạ lùng, khó hiểu, và đồng thời lại ngốc nghếch như vậy. Những ý nghĩ ấy khiến gã thấy thèm rượu quá, thấy thèm uống rượu theo kiểu ‘đại tửu’ quá, mà kiểu đó thì gã rất thành thạo, – nửa cốc to uống cạn một hơi,

rồi cứ nửa cốc một như vậy mãi, làm tai điếc đặc đi, làm đầu óc sôi lên sùng sục đến mức không còn thấy trở ngại gì nữa, không còn biết trời đất gì nữa... và khi đó thì tha hồ hoành hành... Nhưng gã sợ tình trạng đó bởi vì gã biết hậu quả sẽ tai hại thế nào...

Từ đâu cái thằng cha Apđi ấy lại rơi xuống đầu gã. Và lại một lần nữa, nếu như nói về số phận một người và số phận nhiều người, nếu như nói về các loại hoàn cảnh thường tình khác nhau quyết định trước nguyên nhân gây ra các biến cố khác, thì tất cả những chuyện đó bắt đầu ràng buộc với nhau từ trước đây khá lâu và cách đây khá xa...

Sau khi bị đuổi khỏi chủng viện với tư cách là một kẻ tà đạo có tư tưởng mới, vào quãng thời gian đó Apđi làm cộng tác viên ngoài biên chế của tờ báo tỉnh đoàn. Tòa soạn chú ý đến anh, một thanh niên mới đây còn là học sinh chủng viện, vì anh viết khá hay về những đề tài được bạn đọc yêu thích. Là người bị giáo hội rút phép thông công, anh rất có lợi cho việc tuyên truyền chống tôn giáo một cách cụ thể. Về phần mình, người học sinh chủng viện dở dang này quan tâm đến khả năng có thể phát biểu trên báo chí thanh niên về những đề tài đạo đức gần gũi với anh. Một vài suy nghĩ mới lạ của anh được đưa lên mặt báo đã hấp dẫn mạnh mẽ bạn đọc, và không chỉ bạn đọc trẻ, nhất là lại trên nền những lời kêu gọi khô khan ngán ngẩm và những câu động viên nhảm chán đang tràn ngập báo chí của tỉnh. Tạm thời thì lợi ích của hai bên đều được tuân thủ, nhưng ít ai biết được, đúng hơn là trừ một người ra thì không ai biết được người thanh niên còn trẻ và sớm đổi mới cách nghĩ này đang ấp ủ những ý đồ gì. Apđi hy vọng rằng dần dần, khi bút danh của anh đã trở nên quen thuộc, anh sẽ tìm thấy một hình thức thích hợp nào đó, một khu vực tư tưởng giáp ranh nào đó cho phép anh phát biểu những quan niệm tân tiến, mà theo ý anh, hết sức cấp thiết và có tầm quan trọng sống còn, về Chúa và về con người trong thời đại hiện nay để đối lập với những giáo điều cứng nhắc của giáo lý cũ kỹ.

Toàn bộ tính chất tức cười là ở chỗ đứng sừng sững trước mặt anh là hai thành trì tuyệt đối kiên cố và vững chắc, sức mạnh của hai thành trì đó dựa trên tính chất không lay chuyển nổi và sự loại trừ nhau triệt để của cả hai bên. Một bên là những quan niệm Phục Sinh bất biến đã hàng ngàn năm, không chịu sự chi phối của thời gian và ra sức bảo vệ sự thuần khiết của giáo lý chống lại bất kỳ tư tưởng mới mẻ nào, dù đấy là tư tưởng có thiện ý chẳng nữa. Bên kia là lôgic mạnh mẽ của chủ nghĩa vô thần khoa học, một lôgic bác bỏ tận gốc tôn giáo. Apđi, chàng thanh niên bất hạnh kia, nằm giữa hai lực lượng ấy chẳng khác gì trên đe dưới búa. Tuy nhiên, trong tâm hồn anh rừng rực ngọn lửa của riêng anh. Sôi sục với những tư tưởng của bản thân về “sự phát triển theo thời gian của phạm trù Chúa trong mỗi phụ thuộc vào sự phát triển của nhân loại”, kẻ tà đạo Apđi hy vọng rằng dù sớm hay muộn, số phận nhất định sẽ tạo cho anh cơ hội hé mở cho mọi người thấy thực chất những kết luận của anh. Bởi vì, theo suy nghĩ của anh, mọi việc đều đang đi tới chỗ là chính con người muốn được biết về những mối quan hệ của mình với Chúa trong thời đại hậu công nghiệp, khi sức mạnh của con người sẽ đạt đến tột đỉnh. Những kết luận của Apđi tạm thời chưa mang tính chất ổn định, còn phải bàn luận, nhưng giới thần học chính thức không thể tha thứ cho anh về cách nghĩ tự do như vậy, và khi anh không chịu ăn năn về tội nhiễm tà thuyết của tư tưởng mới thì các chức sắc giáo khu khai trừ anh khỏi chủng viện.

Apđi có vầng trán cao tái nhợt, cũng như nhiều người cùng thế hệ với anh, anh để tóc dài tới vai và nuôi bộ râu màu hạt dẻ dày rậm, việc đó tuy không làm anh đẹp thêm nhiều nhưng lại khiến khuôn mặt anh trở nên dễ ưa. Đôi mắt màu xám hơi lồi ra của anh bừng bừng loé sáng, thể hiện một sự xúc động trong tinh thần và ý nghĩ vốn đặc trưng cho bản tính của anh, việc đó mang lại cho anh niềm vui lớn lao do những điều anh tự nhận thức được, nhưng cũng đem lại cho anh nhiều đau khổ nặng nề do những người xung quanh gây ra, những con người mà anh luôn mong điều tốt lành cho

họ.

Apđi thường mặc loại sơ mi kẻ ô, áo săng-đai và quần bò, lúc trời lạnh thì anh khoác thêm chiếc pantô tàng và đội chiếc mũ lông đã cũ của bố anh để lại. Anh cũng ăn mặc như vậy khi đến đồng cỏ Môiuuncumư.

Việc anh bị trói chặt năm lẫn lóc trong thùng xe vào giờ đó gọi lên cho anh những ý nghĩ chua chát. Nhưng lần này cảm giác sâu sắc nhất của anh là nỗi cô đơn. Anh nhớ lại câu danh ngôn mà anh còn nhớ mang máng của một nhà thơ phương Đông nào đó: *“Giữa đám đông hàng ngàn người ta cũng thấy cô đơn mà lúc một mình một bóng ta cũng thấy cô đơn”*. Anh càng chua chát và đau khổ hơn nữa khi nghĩ đến nàng, cô gái mà từ ít lâu nay đã trở nên gần gũi nhất trên đời và thường xuyên ám ảnh anh chẳng khác gì đã biến thành một phần máu thịt của anh. Cả vào lúc này đây anh cũng không thể tách nàng khỏi anh, không thể không gọi đến nàng những tình cảm và nỗi niềm xúc động của mình. Và nếu như thật sự có thuật thần giao cách cảm như sự tiếp xúc cực kỳ nhạy bén của các bản tính gần gũi trong trạng thái căng thẳng đặc biệt, thì vào đêm đó nàng nhất định phải cảm thấy nỗi mệt mỏi lạ lùng và mối tiên cảm về tai hoạ...

Giờ đây, rốt cuộc anh đã hiểu được sự đúng đắn trong những lời lẽ ngược đời cũng của nhà thơ phương Đông nói trên mà trước đây anh thường diễu cợt và không tin: *“Mong sao những ai thực sự có khả năng yêu sẽ không được ai yêu”*... Thật quái gở! Nhưng giờ đây, anh thầm khóc khi nghĩ đến nàng, khi nhận thức ra rằng nếu như anh không biết đến sự tồn tại của nàng, không yêu nàng một cách thầm kín và tuyệt vọng như yêu cuộc sống của chính mình trước lúc chết, thì sẽ không có nỗi đau khôn nguôi này, không có nỗi buồn này, không có khát vọng mãnh liệt, điên rồ và đau đớn là ngay lập tức vùng thoát ra được để giữa đêm khuya chạy qua suốt thảo nguyên đến nhà ga Gianpắc-Xax, một ga xép heo hút trên tuyến đường sắt xuyên lục địa dài muôn dặm, để gặp nàng, để như khi xưa được ở bên cửa

nhà nàng dù chỉ nửa giờ thôi, trong ngôi nhà nhỏ của bệnh viện, tại vùng giáp ranh của hai sa mạc bao la, nơi nàng hiện đang sống...

Nhưng Apđi không thể vùng thoát ra được. Anh nguyên rủa sự chung thủy của mình – mà có lẽ nàng cũng chẳng cần đến nữa, – bởi lẽ chính vì nàng mà anh trở lại đây, đến miền đất Á Châu này lần thứ hai và có mặt tại đồng cỏ Môiuncumư này, nơi giờ đây anh bị trói chặt năm lẫn lóc trên xe, bị sỉ nhục và xúc phạm. Tình cảm của anh đối với nàng càng mãnh liệt thì khát vọng gặp nàng càng trở nên không thể thực hiện được, cảm giác cô đơn càng đau đớn. Nhưng, những cảm giác này đồng thời lại mở ra cho anh thấy toàn bộ nỗi hạnh phúc được hoà hợp với Chúa. Giờ đây, anh phát hiện ra rằng Chúa Trời khi hiển hiện lên qua tình yêu, thì bằng cách đó đã ban cho con người niềm hạnh phúc cao nhất của sự tồn tại. Sự hào hiệp của Chúa ở đây thật vô tận như dòng thời gian vô tận, còn vận mệnh của tình yêu thì mỗi trường hợp một khác và mỗi người một khác... “Sáng danh Chúa!” – anh nhìn mặt trăng và thầm thì. – “Nếu như vầng trăng kia biết được từ tâm của Chúa rộng lớn như thế nào khi Chúa gieo tình yêu vào lòng người...”.

Đúng lúc đó, vang lên tiếng bước chân ngay cạnh xe và một người nào đó vừa ợ vừa thở phì phò leo lên xe. Đó là Misas và tiếp liền theo sau là đầu Kêpa cũng hiện ra. Hình như họ đã kịp nốc bí tí thì phải, mùi rượu vodka xộc vào mũi.

– “Đù mẹ, mà năm đấy à? Thôi dậy đi, gã cha cố chó chết kia! Đại Huynh ra lệnh đặt mà lên thăm để cải tạo mà đấy” – Misas vừa nói vừa đi giữa những khối thịt xaigắc trong xe như gấu đi trong hang.

Kêpa cười hi hí nói thêm: “Lấy đầu ra thăm? Chỉ có mông dít mà thôi. Mà sẽ phải ngồi tù một thời gian tại cái đất Môiuncumư chết tiệt này đấy”.

– “Thảm vẫn còn cần cho nó” – Misas vừa ợ vừa trầm giọng nói. – “Đù mẹ, đày đi Xibêri cũng đáng! Mà định đánh lừa chúng tao. Mà quyết tâm

biến chúng tao gần như thành thầy tu hết, nhưng dù mẹ, mà y va phải đá rồi!”...

I.4

Những bức thư gửi Inga – Thâm nhập vào đường dây đi lùng anasa – Buổi chiều trước chuyến đi – Ca đoàn Bungari – Thiên truyện “Sáu người và người thứ bảy”



hời gian qua, Apđi đã gửi cho Inga mấy bức thư đến ga Gianpắc-Xax và cô gửi thư trả lời anh đến hòm thư lưu của bưu điện thành phố bởi anh không có địa chỉ ổn định.

Mẹ anh mất lúc anh còn nhỏ. Bố anh, trợ tế Calixtơratốp, đã dành toàn bộ tình thương và sự uyên bác của mình – cả về thần học lẫn thế sự – cho anh và cho Vacvara, người chị lớn hơn anh ba tuổi. Chị Vacvara đi Leningrát học vì muốn vào đại học sư phạm, nhưng con một chức sắc nhà thờ thì không thể được thu nhận vào đấy vì “không đủ tư cách dạy dỗ học sinh”. Chị bèn thi vào đại học bách khoa, ở lì lại Leningrát, rồi lập gia đình và hiện đang là nhân viên vẽ đồ án ở một viện thiết kế.

Con đường của Apđi thì lại là tôn giáo, bản thân anh muốn và cả bố anh cũng rất muốn như vậy, nhất là sau chuyện Vacvara không được vào đại học sư phạm. Khi Apđi vào học ở chủng viện, bố anh hết sức sung sướng và hãnh diện, ông vui mừng thấy ước mơ của ông được thực hiện, thấy công lao và những lời khuyên bảo của ông không tỏ ra vô ích và Chúa đã nghe thấu những lời cầu nguyện của ông. Ít lâu sau, ông qua đời. Rất có thể đó là

sự ưu ái của số phận, bởi chắc chắn ông sẽ không thể chịu nổi khi nghe con trai ông bị sa vào lạc giáo do quá say mê những tư tưởng mới trong thần học, một lĩnh vực mà ở đó lẽ ra phải xem giáo lý là vĩnh viễn như thế giới, là một học thuyết được tạo nên dứt khoát và triệt để trong sự vô cùng và bất biến của thần lực.

Apđi bị loại khỏi chủng viện, và khi anh bắt đầu cộng tác với tờ báo thanh niên của Tỉnh thì căn hộ nhỏ bé mà gia đình trợ tế Calixtơratốp đã sống nhiều năm lập tức bị thu hồi để cấp cho một chức sắc nhà thờ mới được bổ nhiệm. Người chủng sinh cũ bị buộc phải dọn đi, coi như một nhân vật không có liên quan gì đến giáo hội.

Do việc này, Apđi nhắn chị Vacvara về để chị tùy ý chuyển đi Leningrát những vật dụng gia đình cần cho chị, chủ yếu là những tượng thánh và tranh cổ, coi như những kỷ vật và tài sản bố mẹ để lại. Apđi chỉ giữ cho anh những cuốn sách của bố anh. Đây là cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa hai chị em – mỗi người theo đuổi con đường riêng của mình. Họ không bao giờ gặp nhau nữa. Quan hệ của họ hoàn toàn bình thường nhưng đường đời của họ đã phân làm đôi ngã. Từ đó, Apđi ở trọ trong những căn hộ tư nhân, lúc đầu thuê phòng riêng, sau chỉ là một góc nhà bởi anh không đủ tiền. Vì thế, các thư từ cho anh đều phải gửi đến hòm thư lưu.

Chính vào quãng thời gian này, tòa soạn báo Tỉnh đoàn cử anh đi chuyển đầu tiên đến vùng Trung Á. Lý do trực tiếp của việc đó là anh có ý định nghiên cứu và miêu tả những con đường và phương thức xâm nhập của chất ma túy vào giới thanh niên những vùng Châu Âu của Liên Xô. Chất ma túy đó lấy từ cây anasa, một loại cây nhỏ mọc nhiều ở Trung Á, ở các thảo nguyên Truia và ven Môiuuncumư. Anasa là chị em với loại cần sa nổi tiếng, một loại đặc biệt của cây dầu gai đại phương nam, có chứa trong lá và nhất là trong hoa và phấn hoa những chất say tác động rất mạnh mà khi hút thì gây ra tính hoang tưởng, gây ra ảo ảnh hạnh phúc, còn khi tăng liều lượng

lên thì gây ra trạng thái trầm uất và tiếp theo đó là trạng thái xâm kích, một hình thức không có năng lực chịu trách nhiệm, rất nguy hiểm đối với người xung quanh.

Câu chuyện về chuyến đi này đã được Apđi mô tả tỉ mỉ trong những thiên tùy bút đi đường của mình. Anh cũng miêu tả cả việc anh bất ngờ chạm trán với gia đình sói như thế nào. Anh miêu tả tất cả những gì đã trải qua, miêu tả một cách đau đớn và lo lắng với tư cách là người chứng kiến tận mắt, với tư cách là người công dân lo âu về việc phổ biến chất độc gây say này. Nhưng việc đăng những thiên tùy bút lúc đầu được tòa soạn hoan nghênh nhiệt liệt ấy đã bị trì hoãn rồi sau đó bị ngừng hẳn.

Tất cả những thất bại và cảm xúc của mình đều được Apđi viết trong thư gửi Inga mà anh coi là sự ưu ái của số phận dành cho anh, là con người thân thiết nhất đối với anh. Tựa như dòng sông, nàng đã hồi sinh anh cho cuộc sống hàng ngày. Chẳng bao lâu sau, anh hiểu ra rằng việc trao đổi thư từ với Inga là biến cố chính trong cuộc đời anh và rất có thể là chính thiên chức biện minh cho sự tồn tại của anh.

Sau khi gửi thư cho nàng, – anh lúc nào cũng chỉ nghĩ đến việc đó, – anh phục hồi lại trong kí ức tất cả những gì đã viết và dường như anh tự bình luận về anh. Đó là một hình thức kỳ lạ của việc giao tiếp từ xa, dường như tâm hồn đau khổ của anh liên tục bức xạ trong thời gian và không gian.

“... Sau đó tôi suy nghĩ suốt ngày liệu chị có bị sững sốt về câu đầu tiên trong bức thư của tôi không: *‘Nhân danh Cha, Con và Thánh Thần!’*. Tôi dẫn ra câu ấy vì đã được dạy dỗ theo truyền thống này. Câu ấy luôn luôn như là âm thoa đối với tôi trước mỗi sự việc quan trọng để điều hướng tâm hồn tôi sang trạng thái cầu nguyện. Và tôi sẽ không phản bội qui tắc đó mặc dù sẽ làm chị nhớ lại thêm một lần nữa về xuất thân từ đẳng cấp tôn giáo và về quá khứ chủng viện của tôi. Quan hệ của tôi đối với chị không cho phép tôi im lặng về bất kỳ điều gì liên quan đến tôi.

“Tôi cũng còn suy nghĩ nhiều về việc gọi chị là chị trong lá thư này, mặc dù khi chia tay nhau chúng ta đã xưng hô là anh-em. Hãy tha lỗi cho tôi, nhưng một chuyện gì đó đã xảy ra với tôi tuy tôi xa chị chưa lâu lắm. Tuy nhiên, tất cả những kẻ vớ vẩn đều cố tìm cho mình một kiểu thanh minh vô nghĩa nào đó. Nhưng..., tôi chỉ tiện thể nói thêm vậy thôi.

“Dù sao, chị hãy cho phép tôi gọi chị từ xa là chị. Tôi cảm thấy như vậy thoải mái hơn nhiều. Còn nếu như số phận run rủi cho chúng ta gặp nhau, một điều mà từ nay những mơ ước thầm kín và do đó đặc biệt chân thành của tôi hằng khao khát... (Đối với tôi, những mơ ước này chẳng khác gì con cái. Tôi nuôi nấng chúng và không thể thiếu chúng được. Tôi hình dung thấy nếu mình yêu con mình hết như yêu những mơ ước, thì yêu con sẽ là niềm hạnh phúc lớn lao biết chừng nào)... Mà, những mơ ước này lại nảy sinh ra như sự vươn tới của tinh thần đến chỗ hoàn thiện hoàn mỹ vốn bao giờ cũng hấp dẫn và vô tận... Đó, chính nhờ những mơ ước đó mà tôi đương đầu được một cách tự nhiên với mỗi đe dọa của hư vô. Có lẽ tình yêu là phản đề của cái chết, và chính vì thế mà nó là yếu tố then chốt của sự ra đời đầy bí ẩn, của cuộc sống tiếp theo cuộc sống... Tôi tự nhắc đi nhắc lại tất cả những chuyện đó như một lời cầu xin số phận run rủi cho chúng ta gặp nhau. Và, tôi hứa là khi gặp nhau sẽ không làm phiền chị – tôi hứa là sẽ xưng hô anh-em với chị... Còn bây giờ thì tôi có nhiều điều muốn nói với chị.

“Chị Inga ạ, tôi hy vọng chị còn nhớ rằng chúng ta đã thỏa thuận với nhau là ngay khi trên báo xuất hiện những tài liệu của tôi, những tài liệu đã khiến tôi đến vùng chị ở, tôi sẽ ngay lập tức gửi những tài liệu đó cho chị bằng bưu điện hàng không. Nhưng thật đáng tiếc, tôi không tin rằng những thiên tùy bút của tôi viết về đám thanh thiếu niên săn lùng loại cây anasa và về tất cả những chuyện gắn liền với hiện tượng đáng buồn này của thời đại chúng ta sẽ được đăng trong thời gian tới. Tôi nói là thời đại chúng ta, bởi vì loại cây anasa đã mọc như cỏ dại trên vùng đất ấy từ lâu lắm rồi... Và

mười lăm năm trước đây... (Chính chị cũng biết rõ điều đó mà, vậy tôi còn biết kể gì cho một người am hiểu như chị nữa! Nhưng chị hãy tha lỗi cho tôi, tôi vẫn sẽ kể cho chị nghe, chị Inga ạ. Kể cho chính chị nghe, bởi vì chỉ có như thế thì giờ đây toàn bộ công việc này mới có một ý nghĩa nào đó)... Vậy là mới cách đây mười lăm năm thôi, như những người dân địa phương khẳng định, không một ai nghĩ đến việc thu nhặt loại cây độc hại này – hoặc loại ‘cỏ’ này, như những kẻ săn lùng cây anasa thường gọi nó – để hút hoặc để sử dụng theo kiểu khác. Chất độc này mới xuất hiện rất gần đây thôi và dưới ảnh hưởng không nhỏ của phương Tây. Thế mà bây giờ người ta đề nghị tôi chỉ viết một bản tường trình nào đó lên những cấp nào đó mà thôi! Thật lạ lùng hết sức!

“Tôi hiểu rằng đây là một câu chuyện đặc biệt. Người ta lo ngại một cách sai lầm rằng những tài liệu chấn động về chứng nghiện ma túy trong thanh niên – (chúng ta hãy sửa lại cho đúng: trong một bộ phận của thanh niên chậm tiến) – dường như sẽ làm hại uy tín chúng ta, rằng chúng chỉ có thể gây nên sự giận dữ và diễu cợt. Nhưng, đó là một chính sách nhút nhát! Cái uy tín ấy cần để làm gì nếu phải trả cho nó một giá đắt như thế!?”

“Chị Inga ạ, tôi hình dung thấy chị mỉm cười độ lượng khi đọc những dòng này. Chắc hẳn chị mỉm cười với sự phẫn nộ ngây thơ của tôi. Song cũng có thể ngược lại, chị không mỉm cười mà cau mày, một cử chỉ mà tiện thể xin nói là rất hợp với chị. Khi chị cau mày, khuôn mặt chị trở nên thuần khiết và sâu lắng như khuôn mặt của những tu sĩ trẻ đang gắng sức thấu hiểu bản chất của Chúa, bởi vì vẻ đẹp thật sự của những cô dâu Ki-Tô đã hiến đời mình cho Chúa chính là vẻ hừng khởi của họ. Nếu tôi nói thành tiếng câu đó, và lại trước mặt người khác nữa, thì câu đó có vẻ như sự tâng bốc. Nhưng, tôi đã nói rằng trong quan hệ giữa tôi và chị hoàn toàn không có một thứ gì khiến tôi phải thu nhỏ hay phóng đại hết. Và nếu như vẻ mặt ưu tư của chị làm tôi nhớ đến Đức Mẹ trong hội họa thời Phục Hưng thì ít nhất cũng mong chị coi đó là do tôi thiếu am hiểu về nghệ thuật. Dù sao

chăng nữa tôi cũng hy vọng chị tin vào sự chân thành của tôi... Vì mọi chuyện đã bắt đầu từ đó – chị đã tin tôi lúc tôi thoát lên tiếng và chị đã mở ra cho tôi một quãng đời mới...”

“Hôm nay tôi lại đến toà soạn báo về chuyện tập tư liệu của tôi. Và tình hình lại vẫn như cũ! Tất cả vẫn nguyên tại chỗ. Không thấy động tĩnh gì hết. Không có tia hy vọng nào hết. Không ai có thể giải thích rõ ràng là tại sao những tuý bút viết về thảo nguyên của tôi mà lúc đầu được toà soạn đón nhận hân hoan như vậy thì bây giờ lại không khiến ai hứng thú chút nào. Vậy mà trước kia, những vấn đề được đề cập đến đã được biết bao người công khai thừa nhận. Giờ đây tổng biên tập tìm mọi cách né tránh tôi. Không tài nào gọi điện cho ông ta được, người nữ thư ký lúc nào cũng viện cớ ông ta bận: lúc thì bận họp, lúc thì ông ta phải dự giao ban, lúc thì ông ta bị gọi lên cấp trên... – cô ta thích nhấn mạnh như vậy.

“Tôi lại lang thang một cách cô độc trên những đường phố quen thuộc. Đường như tôi là người lạ ngẫu nhiên đến đây. Đường như không phải tôi sinh ra và lớn lên ở đây. Tâm hồn tôi thật trống rỗng và xa cách. Những người quen khác thì không chào hỏi tôi – đối với họ, tôi là kẻ bị rút phép thông công, là kẻ tà đạo bị đuổi khỏi chủng viện... vv và... vv... Chỉ có một thứ sưởi ấm trái tim tôi, chỉ có một nỗi băn khoăn tha thiết canh cánh bên lòng tôi, là bức thư của tôi. Tôi vừa đi vừa ngẫm nghĩ rằng nhất định tôi sẽ viết. Bức thư sắp tới tôi nhất định sẽ kể về mọi chuyện mà tôi cảm thấy là lý thú đối với nàng, về tất cả những gì có thể tạo cho tôi lý do chia sẻ những suy nghĩ của tôi với nàng. Không bao giờ tôi ngờ rằng suy nghĩ về người phụ nữ mình yêu quý và viết thư cho nàng lại sẽ trở thành ý nghĩa của đời tôi. Tôi chỉ chờ cơ hội, dù là cơ hội nhỏ nhất chẳng nữa, để đi ngay đến nơi chúng tôi đã gặp nhau. Mong sao mau mau lên! Tôi vừa đi vừa suy nghĩ về việc đó. Chắc hẳn những người khác cũng có những ngày như vậy, khi vào một thời gian nào đấy họ thấy ý nghĩa chính của cuộc đời là trong tình yêu và cảm thấy hạnh phúc với tình yêu ấy. Nhưng, khác với họ, tôi sẽ

không ngừng yêu cho đến tận lúc chết, và ý nghĩa cuộc sống của tôi sẽ chỉ là ở đó mà thôi...

“Đó, lá đang rơi đây phổ xá. Vậy mà những gì tôi viết đã xảy ra từ đầu hè. Vào những ngày ấy, tòa soạn đã chào đón ý tưởng của tôi, giục giã tôi. Tôi không thể ngờ rằng khi vấn đề động chạm đến công việc thì tòa soạn lại lẩn tránh. Tôi hoàn toàn không ngờ rằng cái nguyên tắc lạ lùng – báo chí quần chúng chỉ thông báo những gì có lợi cho chúng ta, đem lại uy tín cho chúng ta, – lại mạnh mẽ đến thế.

“Vào những ngày ấy, đầu óc tôi mê mải nhiều hơn với chuyến đi dài ngày mà tôi sắp thực hiện, đến những miền phương Nam xa lạ và hấp dẫn đối với tôi, một dân Nga tình lẻ. Ý đồ của tôi là sẽ ra đi không phải với tư cách một người quan sát ngoài cuộc, mà với tư cách là một trong những kẻ lùng kiếm loại cây anasa, sẽ nhập vào hội bí mật của họ. Tất nhiên, tôi lớn tuổi hơn họ, nhưng nhìn bề ngoài thì tôi không lớn tuổi hơn họ nhiều đến nỗi khiến họ phải cảnh giác. Tòa soạn tính toán rằng khi mặc chiếc quần bò cũ và vận đôi giày adidas đã tàng, tôi rất giống một gã trai chất phác nếu như tôi cạo thêm bộ râu đi. Tôi đã làm như vậy, tức là đã cạo râu vào quãng thời gian đó. Tôi không đem theo bất cứ sổ sách nghi chép nào, tôi hy vọng vào trí nhớ. Tôi cần xâm nhập vào môi trường đó để tìm hiểu xem tại sao chính những gã trai ấy lại khao khát đến vậy, động cơ gì đã thúc đẩy họ ngoài sự quyến rũ của lời lẽ và hoạt động đầu cơ để làm giàu? Tôi cần nghiên cứu từ bên trong những yếu tố cá nhân, xã hội, gia đình, và không kém phần quan trọng là những yếu tố tâm lý của hiện tượng này.

“Tôi đã chuẩn bị đi như vậy đấy. Đó là vào tháng năm, quãng thời gian này chính là lúc anasa bắt đầu nở hoa, và những ngày đó chính là lúc những kẻ đi lấy chất độc này ở các thảo nguyên Truia và ven Môiuicumư bắt tay vào việc thu hái hoa anasa. Cho tôi biết tất cả những chuyện đó là một người quen của tôi, tên là Vichto Gôrôdexki, giáo viên dạy sử tại một

trường phổ thông ở thị trấn chúng tôi. Những khi chỉ có hai chúng tôi nói chuyện trên trời dưới biển với nhau, anh vẫn gọi đùa tôi là cha Apđi. Bản thân anh còn khá trẻ và trước đây là bạn cùng lớp với chị Vacvara của tôi. Rồi xảy ra một việc là đưa cháu con chị gái của anh tên là Pasa, Pakhôm, – hóa ra chính anh đã đặt cho đứa cháu cái tên này, – cái cậu bé Pasa ấy, như về sau mới rõ, đã tham gia vào nhóm anasa. Cả bố mẹ em lẫn Vichto đều không hay biết gì.

“Một lần Pasa xin phép bố mẹ đi Riadan để thăm người ông mà em thường đến chơi. Em đi được khoảng năm ngày thì Vichto nhận được bức điện của dự thẩm viên viện công tố ngành giao thông vận tải tên là Giaxlibecốp từ một ga xép xa xôi nào đó ở Cadăcxtan gửi đến. Bức điện cho biết rằng người cháu của anh là Pasa đã bị bắt giữ vì chuyên chở bất hợp pháp chất ma túy trên tàu hỏa.

“Vichto hiểu ngay lý do tại sao dự thẩm viên Giaxlibecốp lại gửi điện cho anh chứ không phải cho bố mẹ Pasa. Pasa sợ bố, vì bố em thô bạo và nghiệt ngã. Anh lập tức đáp máy bay đến Anma-Ata rồi từ đấy đi tàu hỏa một ngày đêm nữa thì tới ga xép giữa thảo nguyên kia. Anh bắt gặp Pasa trong tâm trạng tuyệt vọng. Em có nguy cơ bị đưa ra tòa ngay và theo sắc lệnh đặc biệt thì có thể bị đưa vào trại cải huấn khắc khổ ít nhất ba năm. Ra tòa là chuyện không thể tránh khỏi – cấu thành tội phạm đã rõ. Vichto cố giải thích cho đứa cháu biết rằng thật đáng tiếc là không có lối thoát nào khác, theo pháp luật thì tội phạm phải bị trừng phạt. Anh khuyên nó nên xử sự ra sao, nên nói những gì ở tòa, anh hứa sẽ giải thích hết cho bố mẹ nó, hứa sẽ thỉnh thoảng đến thăm nó ở trại. Tất cả những chuyện ấy diễn ra trước mặt Giaxlibecốp. Đột nhiên ông lên tiếng:

– Anh Vichto ạ, nếu anh bảo đảm là cháu anh sẽ không phạm tội tương tự một lần nữa thì tôi sẽ đứng ra chịu trách nhiệm tha cho cháu anh. Không hiểu sao tôi có cảm giác là anh sẽ có thể đưa chàng trai này về con đường

đúng. Nếu như cháu anh lại rơi vào chuyện chuyên chở anasa một lần nữa thì sẽ bị tòa án xét xử như một kẻ tái phạm. Anh hãy tự quyết định đi.

“Vichto dĩ nhiên là sung sướng vô hạn. Anh lập tức bảo đảm cho Pasa và không biết phải cảm ơn người dự thẩm như thế nào. Giaxlibecốp liền nói:

“– Còn anh, anh Vichto ạ, tôi muốn yêu cầu anh giúp đỡ chúng tôi ngay tại địa phương anh. Anh hãy tìm cách khơi lên trên báo chí một cuộc trao đổi nghiêm túc về đề tài này, vì anh là giáo viên kia mà. Chúng tôi đấu tranh với tội ác khi tội ác đã thực hiện xong hoặc đang trong quá trình thực hiện. Nhưng những kẻ nào và những gì đã thúc đẩy bọn con nít này, có thể nói như thế, đến những vùng xa xôi, hoang vắng, nhập vào giới những phần tử thái hóa, biến chất, và có thể cả những kẻ tái phạm bất trị nữa, thì chúng tôi không biết. Vậy mà chúng tôi lại kết án những thiếu niên mới lớn này. Chúng tôi bắt buộc phải kết án. Chúng tôi có nghĩa vụ phải kết án họ. Điều đáng mừng là anh đã đáp lại ngay bức điện của tôi, đã lập tức đến đây và do đó đã giúp chúng tôi rất nhiều. Còn nhiều gia đình khác – những gia đình như thế chiếm đa số – thì không hề lộ mặt đến. Và thế là con người mới mười lăm tuổi đầu bị đưa vào trại cải huấn khắc khổ. Chuyện gì xảy ra ở đó? Chuyện gì xảy ra với chúng? Chúng sẽ học được những gì ở đấy? Những kẻ vô dụng, què quặt – đó, khi ra trại họ sẽ là những người như vậy đó. Chính anh cũng biết đấy, nhà tù đâu phải do cuộc sống tốt đẹp mà xuất hiện.

“Anh Vichto ạ, thật đau lòng nhìn những cảnh đó. Anh có tin được không, chỉ trong một mùa năm ngoái thôi và chỉ riêng trên đoạn đường của chúng tôi, chúng tôi đã kết án hơn một trăm thiếu niên. Còn bao nhiêu nữa chúng tôi đã bỏ qua, không thể bắt giữ được. Vậy mà chúng vẫn kéo đến từ khắp nơi, từ Ackhanghenxơ cho đến Camsatca. Chúng nườm nượp kéo đi như mùa cá đi đẻ trứng. Vậy con số có thể là bao nhiêu? Không thể kết án hết được. Chúng có cả một hệ thống làm ăn. Trong bọn chúng có những kẻ

dẫn đường – cả người địa phương lẫn người các nơi khác – chịu trách nhiệm đưa chúng tới những nơi có cây anasa. Bọn dẫn đường này cũng bị chúng tôi kết án.

“Chúng gây chuyện gì với các đoàn tàu? Chúng chặn các đoàn tàu chờ hàng giữa thảo nguyên. Tàu khách thì chúng không dám đụng vào vì sẽ bị tóm ngay tức khắc. Một kẻ nào đó cung cấp cho chúng một chất đặc biệt, một thứ bột gì đó, nếu ban đêm rắc lên đường ray thì ánh đèn pha sẽ làm mọi người có ảo giác là đường sắt bốc cháy. Tà vẹt bốc cháy, đường ray bốc cháy, tất nhiên là người lái tàu sẽ hãm đoàn tàu lại – giữa thảo nguyên thì chuyện gì chẳng có thể xảy ra – và chạy xuống đường. Nhưng không, không có gì bốc cháy hết, mọi chuyện vẫn yên ổn. Còn bọn lũng kiếm anasa thì lợi dụng lúc đó leo lên toa với túi xách, với vali của chúng. Các đoàn tàu bây giờ thường dài đến một cây số, theo dõi làm sao nổi? Còn bọn chúng thì ẩn nấp và đi đến ga chính. Tại đây, chúng mua vé. Hành khách đông vô kể, cứ tha hồ mà điều tra xem ai là ai! Quả thật, trong những năm gần đây, công an đã nuôi một loại chó đặc biệt, chúng có khả năng đánh hơi thấy anasa. Cháu của anh bị phát hiện chính là nhờ chó đấy...”

“Vichto còn biết thêm nhiều chuyện nữa tại nơi ấy, và chính anh đã giúp tôi biết được những chuyện này. Nhưng, ngay từ trước đó tôi đã chuẩn bị tư tưởng xong cho cuộc chuyện trò như vậy. Đã từ lâu tôi trăn trở ý định là tìm cho được những con đường chưa ai theo để đến với khối óc và trái tim của lớp người cùng lứa tuổi với tôi. Tôi nhận thấy sứ mệnh của mình trong việc giáo thuyết điều thiện. Có thể, đứng về phía tôi mà nói thì có phần tự thị khi cho rằng đó là thiên chức của tôi, nhưng dù sao chẳng nữa tôi cũng chân thành mong muốn như vậy. Và có lẽ, ở mức độ không nhỏ thì đó là do nguồn gốc xuất thân của tôi. Trong một số bài báo, tôi đã đề cập đến, tuy hết sức chung chung thôi, sự tai hại của tệ nghiện rượu trong thanh niên. Tôi cũng đã từng đề cập tương tự như vậy về nạn ma túy, viện dẫn kinh nghiệm đáng buồn của Phương Tây. Nhưng thực chất, đó chỉ là dựa vào lời

người khác, không phải lấy từ nguồn trực tiếp. Còn để viết được một tài liệu đặc sắc và đồng thời lại chân thành nữa, trong đó có chứa đựng những suy nghĩ và cảm xúc riêng của tôi về những trường hợp nghiện ma túy trong thanh niên, (đặc biệt là trong giới thiếu niên, những trường hợp ai cũng biết nhưng lại bị nhiều người tránh né một cách mê tín như tránh né bệnh dịch hạch và đã dẫn đến những hậu quả đáng buồn, từ việc tự huỷ diệt cá nhân đến những vụ giết người hung bạo...). Để viết được một tài liệu như thế thì tôi chưa am hiểu đầy đủ vấn đề từ bên trong và còn thiếu những chất liệu thực tế. Đúng lúc đó thì Vichto – người đã va chạm với hiện tượng băng kinh nghiệm bản thân – quyết định chia sẻ với tôi những suy nghĩ và những nỗi đau lòng của anh. Để tách biệt Sapa khỏi đám bạn bè cũ chuyên săn lùng anasa, cả gia đình, bố, mẹ, con cái buộc phải dọn đến thành phố khác và đổi lấy một căn hộ nhỏ hơn. Vichto đã buồn bã và xót xa kể cho tôi nghe tất cả chuyện này.

“Điều đó đã thúc đẩy tôi kiên quyết bắt tay vào công việc đã dự định.

“Tôi đến Mátxcova, nơi tôi sẽ phải đi từ ga Cadan đến những vùng thảo nguyên mọc nhiều gai dầu. Vấn đề là ở chỗ chính tại đây, tại nhà ga Cadan này, là nơi bắt đầu hình thành nên toán sứ giả – ‘sứ giả’ là tên họ tự đặt cho họ. Những sứ giả này, như về sau tôi mới biết rõ, tụ tập lại từ những thành phố khác nhau nhất của miền Bắc và vùng ven Bantich. Hơn nữa, những điểm sôi động nhất là Ackhanghenxcơ và Claipect, có lẽ bởi vì ở đây có thể chuyển anasa cho các thuỷ thủ tàu viễn dương. Để lần được các dấu vết các ‘sứ giả’, tôi phải tìm được ở ga Cadan một công nhân khuân vác đeo biển số tám mươi bảy, có biệt danh là Bàn Là, và chuyển cho người đó lời thăm hỏi của một người bạn cũ mà Pasa cho tôi biết. Bàn Là có chỗ quen biết trong các quầy bán vé, do đó anh ta bảo đảm cho việc đi lại, dĩ nhiên là phải trả cho anh ta một số tiền thù lao nào đó. Nhưng tìm hiểu xem ai là người tổ chức việc này thì tôi chịu, chắc chắn khâu này phải có một kẻ nào đó bí mật chỉ huy. Như vậy, gã Bàn Là này bảo đảm việc ra đi có tổ chức của toán ‘sứ

giả', tức là anh ta phải kiểm vé cho cả toán đi cùng một chuyến tàu, nhưng nên ở các toa khác nhau. Khi đã quen thân với họ, tôi được biết rằng điều luật đầu tiên của những kẻ tìm kiếm anasa là nếu bị bắt giữ thì tuyệt đối không được khai báo lẫn nhau, do đó họ không được phép tiếp xúc nhiều với nhau trước mặt mọi người.

“Và kia đã là quang trường quen thuộc giữa ba nhà ga, nơi tôi đã bao lần có mặt những khi đến và rời khỏi Mátxcova. Người đông nghịt chen chúc nhau, đặc biệt là ở bến xe điện ngầm và trong các tòa nhà ga. Không thể lách qua được, không thể len vào được, bất kì ai cũng bị dòng người cuộn cuộn đi như vụn gỗ chỗ nước xoáy. Nhưng tôi vẫn thích thỉnh thoảng được đến Mátxcova, và sau khi vùng thoát được đến một nơi tương đối rộng rãi gần trung tâm, thích lang thang trên các phố xá, chen vai thích cánh nhau trong các hiệu sách cũ, đứng một lát bên các áp-phích và biển quảng cáo, và nếu có thể được thì đi một lần nữa đến viện bảo tàng mỹ thuật mang tên Tôrêchiacốp hoặc viện bảo tàng mỹ thuật mang tên Puskin.

“Lần này, sau khi đáp xe lửa điện ngoại thành đến nhà ga Iarôxláp và theo dòng người tiến về phía nhà ga Cadan, tôi bắt gặp mình đang nghĩ rằng cuộc sống của tôi thật dễ chịu và thanh thản biết bao vào quãng thời gian trước đây, khi tôi chỉ phải bận tâm đến bản thân mình và những thôi thúc giản dị của mình, khi tôi không phải mang một gánh nặng gì hết và không có một nỗi lo lắng gì đặc biệt hạn chế thời gian của tôi và những cuộc dạo chơi của tôi trên các đường phố Mátxcova. Còn bây giờ tôi phải mau mau tìm kiếm, trên nhà ga Cadan rộng lớn và đông như kiến này, người công nhân khuân vác chịu trách nhiệm liên lạc, có biệt danh là Bàn Là và trên ngực có đeo biển số tám mươi bảy. Trời, có biết bao nhiêu công nhân khuân vác, đúng hơn là có biết bao nhiêu công nhân đẩy xe rùa tại nhà ga Cadan! Còn những người có số hiệu tám mươi bảy thì có lẽ phải đến non một trăm! Thật vậy, trong chốn đông đúc như thế thì tìm được anh ta không phải dễ.

“Sau khi đã mất ít nhất nửa giờ để đi khắp lượt các trạm xe rùa có thể có, cuối cùng tôi đã tìm thấy anh ta trên sân ga, cạnh con tàu sắp rời bánh đi Tasken. Anh ta đang chuyên chở đồ cho một người nào đó, đang vội vã chuyển vali và gói bọc từ xe rùa lên toa, vừa làm vừa hoạt bát đùa cợt với các nhân viên phục vụ toa và nhắc đi nhắc lại một câu nói vui phổ biến tại các nhà ga: “Có tiền thì ngồi xe đi Cadan, rỗng túi thì cuộc bộ đến Tresma”. Tôi đứng lánh sang bên đợi một lát, chờ cho anh ta làm xong công việc, các hành khách lên tàu hết và những người đi tiễn tản ra dọc theo đoàn tàu, bên các ô cửa sổ. Và kia, anh ta đã từ cửa toa bước ra, vừa thở hỗn hển vừa dứt tiền trà nước vào túi. Đó là một thanh niên lực lưỡng, tóc hung, một con mèo tinh ranh có đôi mắt lơ láo. Tôi suýt nữa phạm sai lầm – suýt nữa thì gọi anh ta là “anh” và suýt nữa còn xin lỗi đã làm phiền anh ta.

“– Bàn Là, chào cậu, công việc thế nào? – tôi cố dùng một giọng thật suồng sã nói với anh ta.

“– Công việc như ở Ba Lan ấy: kẻ nào có xe thì làm quan – anh ta mau mắn đáp, dường như chúng tôi quen nhau đã một trăm năm rồi.

“– Tức là cậu là quan chứ gì? – tôi vừa hỏi vừa chỉ chiếc xe rùa của anh ta.

“– Đẳng ấy nghĩ lạ thật! Anh bạn ạ, chúng tớ cũng biết kẻ nào giàu nứt đổ đổ vách chứ. Vậy đẳng ấy cần gì nào, Cá Hồi? Có lẽ cần chở giúp gì đó chẳng? Xin cứ tự nhiên.

“– Chở thì tớ tự chở cũng được, – tôi nói đùa, – tớ có việc đây.

“– Đẳng ấy cứ nói xem việc gì nào.

“– Không nói ở đây được. Ta ra chỗ khác đi.

“– Nhất trí thôi. Cá Hồi ạ.

“Chúng tôi liền đi dọc sân ga dài về phía tòa nhà bên trong ga. Đoàn tàu

đi Tasken chuyển bánh, một dãy dài cửa sổ và một loạt dài khuôn mặt sau lớp kính lần lượt lướt qua, còn trên tuyến đường bên cạnh đã thấy một đoàn tàu khác đến từ một nơi nào đó. Các đoàn tàu đỗ thành mấy hàng, mọi người vội vã, hối hả, loa phóng thanh thỉnh thoảng lại thét to số hiệu các đoàn tàu sắp đi và sắp đến.

“Khi chúng tôi đến tòa nhà bên trong ga, Bàn Là lái chiếc xe rùa vào một góc vắng vẻ. Sau khi đưa mắt nhìn quanh, tôi chuyển cho anh ta lời chào hỏi của người bạn của Pasa, tên là Igo, mà giới ‘sứ giả’ gọi là Hải Mã. Tại sao là Hải Mã thì chịu, chẳng ai biết được.

“– Thế Hải Mã hiện đang ở đâu? – Bàn Là hỏi.

“– Anh ta đang bị ốm, – tôi đáp. – Chúng loét dạ dày hành anh ta đến khổ.

“– Tớ biết mà, – Bàn Là vỗ trán với vẻ thương hại nhưng đồng thời không phải không đặc ý, – tớ đã bảo hăn bao nhiêu lần rồi, Cá Hồi ạ, mới lần trước thôi tớ còn bảo hăn là đừng ngốc, Hải Mã, đừng có liều mạng. Nhưng hăn cứ dùng êchxtôra và còn dùng quá mức nữa. Thế là đâm bị loét dạ dày.

“Tôi cố làm ra vẻ thông cảm tuy nói thật thì tôi không hiểu êchxtôra là gì – là vodka hay còn là cái gì nữa. Nhưng may thay tôi nhớ ra là không nên hỏi thêm. Về sau tôi mới rõ, êchxtôra là chiết xuất từ plaxtilin, từ chất phấn hoa gai dầu dại, tựa như plaxtilin cho trẻ em. Đó là nguyên liệu quý giá nhất, (nhân tiện nói thêm, tôi biết về chất plaxtilin này qua câu chuyện kể của Vichto), là một loại ma túy đặc biệt giống như thuốc phiện. Đó chính là êchxtôra, trong các phòng thí nghiệm hóa, êchxtôra có thể chế biến thành bột để tiêm như bạch phiến. Việc đó thì những kẻ như Hải Mã và đám ‘sứ giả’ không thể làm nổi, nhưng bù lại, khi quá thèm muốn thì chúng có thể sử dụng êchxtôra bằng cách đặt nó dưới lưỡi, hoặc nhai, hoặc lấy vodka chiêu, hoặc nuốt cùng bánh mì. Chúng gọi việc dùng êchxtôra là ‘đả nã’.

Nhưng dễ dàng nhất và đơn giản nhất vẫn là hút anasa – mỗi người hút một kiểu – dưới dạng nguyên chất hoặc trộn lẫn với thuốc lá. Có lẽ cách này không thua kém gì ‘đả nã’, tuy tác động của khói chóng hết hơn những phương pháp khác.

“Tất cả những chuyện ấy cùng nhiều chuyện khác nữa trong sinh hoạt của đám ‘sứ giả’ tôi biết được dần dần trong chuyến đi đến ‘khankin-gôn’ – cũng lại là tiếng lóng chỉ những nơi mọc anasa. Tôi suýt nữa bị lúng túng với mấy tiếng ‘khankin-gôn’ này.

“– Thế đằng ấy cũng đi ‘khankin-gôn’ chứ? – Bàn Là dường như tiện thể hỏi.

“Tôi thoát đầu ngật ngừng, không hiểu “khankin-gôn” là gì, nhưng rồi không hiểu sao tôi chợt đoán ra.

“– Cứ tạm coi như thế đi. Nói chung là như vậy, vả lại tớ còn phải...

“– Vậy như thế này nhé, về chuyện vé thì đằng ấy cứ yên tâm, gì thì cũng sẽ có hết. Còn về những chuyện khác thì khi các đằng ấy đem cỏ trở về, Chó Xù sẽ đích thân lo liệu, đấy không phải là việc của tớ.

“Chó xù, kẻ đảm bảo vé cho chúng tôi, đó là ai và hẳn ta phải lo liệu chuyện gì về sau thì tôi không biết và cũng không làm sáng tỏ triệt để được. Tuy nhiên, qua câu chuyện với Bàn Là, tôi được biết là chuyến đi của chúng tôi đến ‘khankin-gôn’ sớm nhất cũng phải vào ngày mai. Trước hết là vì các ‘sứ giả’ chưa đến đủ. Hai người ở Murmanxơ sẽ đến theo chuyến tàu đêm nay. Còn một người nữa, tôi không biết ở đâu, chỉ có thể đến vào sáng mai. Điều đó không mấy may làm tôi lo lắng, được lưu lại thêm một ngày nữa ở Mátxcơva cũng đáng giá ít nhiều.

“Khi chia tay tôi và hẹn đến mai, vào giờ đã ước định, tôi phải đến ga Cadan (tôi việc gì phải đến đó nữa nếu như tôi phải ngủ đêm ngay tại nhà ga), Bàn Là hỏi xem tôi có ba lô và túi ni lông không để đựng cỏ, tức là

đựng anasa. Ba lô và loại túi ấy thì tôi có sẵn trong va li. Anh ta còn khuyên tôi đến các cửa hàng tìm loại chai bằng thủy tinh hay bằng chất dẻo có nút đậy thật kín để đựng chất phấn hoa – chất gọi là plaxtilin.

“– Đẳng ấy đừng có ngốc đấy, hãy cố kiếm được một ít chất plaxtilin đi, tuy việc đó không dễ dàng đâu, – anh ta bảo. – Tớ chẳng bao giờ đi nhưng tớ nghe biết nhiều. Ở đây có một gã tên là Lêkha, chỉ trong hai mùa là hẳn đã kiếm được chiếc ‘Giguli’ rồi. Bây giờ hẳn tha hồ phóng xe vênh vang khắp Mátxcova... Mà có cần nhiều công sức gì đâu, chỉ mười ngày làm cật lực là đủ...”

“Đến đây chúng tôi chia tay nhau. Tôi quẳng chiếc va li con của mình vào kho gửi đồ rồi đi dạo phố.

“Đang là cuối tháng năm. Có lẽ, đối với Mátxcova thì không có thời gian nào đẹp hơn những ngày trước khi bắt đầu mùa hè này. Mặc dù mùa thu, lúc đầu thu, khi không khí trong trẻo và lá cây vàng óng phản chiếu ngay cả trong mắt những người đi đường, cũng đẹp khôn tả. Nhưng hợp hơn hết với lòng tôi vẫn là lúc trước khi Mátxcova bước sang hè, cả vào ban ngày, khi phố xá hân hoan tươi tắn, cũng như vào những đêm trăng, khi thành phố và bầu trời đầy sao bao phủ suốt đêm trong làn ánh sáng bàng bạc.

“Tôi vội vã chen khỏi nhà ga để thoát ra bầu không khí tươi mát, nhưng chợt nhớ là nên đi vào trung tâm bằng xe điện ngầm nên tôi lại hoà vào dòng người đông đúc. Còn lâu mới đến giờ cao điểm buổi chiều tối. Tôi ung dung ngồi trên xe điện ngầm lướt qua những khoảng tối và sáng luân phiên nhau, kêu âm ầm, đến tận trung tâm thành phố. Tại quảng trường Xveclốp, tôi tạt qua vườn hoa nhỏ yêu mến của tôi. Mảnh vườn hoa hình tròn xanh rờn và sắc sỡ, tựa như một hòn đảo nhỏ tốt lành giữa dòng người chuyển động không ngừng bao bọc lấy nó và những khối nhà vây quanh. Gần như vô ý thức, tôi đi theo đám đông về phía trung tâm, lúc đầu là về phía khu Manegio. Tôi tưởng là ở đó nhất định sẽ có triển lãm gì đấy,

nhưng Manegio đóng cửa, tôi liền lang thang qua khu trường tổng hợp Lômônôxốp cũ, qua ngôi nhà Pascóp đến phố Vônkhônca rồi từ đây đến viện bảo tàng mỹ thuật Puskin. Tôi không biết tại sao tâm hồn tôi lại lâng lâng thanh thản như vậy, có lẽ là do những đường phố trung tâm Mátxcơva trước giờ cao điểm toát ra vẻ thanh bình quá, mà cũng có thể cảm giác đó bắt nguồn từ hình bóng điện Cremlin đỏ hồng màu gạch, trông tựa như một dãy núi bất di bất dịch trùm lên khu vực này của thành phố. Những bức tường kia đã chứng kiến những gì và sẽ còn chứng kiến những gì? – tôi bất giác thầm nghĩ. Những suy nghĩ lan man ngoài phố cứ tự dưng trào lên khiến tôi quên hẳn mất là mình vừa cạo sạch bộ râu và do đó cứ luôn luôn đưa tay lên chạm vào chiếc cằm nhẵn nhụi. Tôi cũng quên hẳn đi một lát cả những gì tôi định tìm hiểu tại trung tâm điểm mơ hồ của tội ác lần cuối ở nhà ga Cadan.

“Không, dù sao chẳng nữa cũng vẫn có định mệnh, nó quyết định những biến cố cả tốt lẫn xấu. Đâu có ngờ được là sẽ xảy ra một điều may mắn mà trên đường đi đến viện bảo tàng Puskin tôi thậm chí không nghĩ tới. Khi đó, tôi chỉ hy vọng là trong trường hợp tốt nhất sẽ được xem những tác phẩm mới nào đó trong bộ tranh trưng bày của viện bảo tàng, mặc dù cũng không nhất thiết phải như vậy, tôi cũng sẽ có thể ung dung đi khắp các phòng để làm sống lại những ấn tượng cũ. Nhưng đúng lúc đến cổng vào, trước vườn cây nhỏ, một cặp nam nữ đi ngược chiều tôi dừng tôi lại:

“– Này, anh bạn, anh bạn có cần vé không? – chàng trai hỏi, anh ta đeo chiếc cà vạt xanh rực rỡ và đi đôi giày mới màu hung rõ ràng là quá chật so với anh ta. Trên mặt anh ta và cô gái cùng đi hiện vẻ nôn nóng và ngán ngẫm.

“– Sao, hết vé rồi à? – tôi hỏi lại bởi vì không thấy ai đứng xếp hàng.

“– Không, đây là vé xem hoà nhạc. Chỉ có điều là anh bạn phải lấy cả hai vé mới được.

“– Hoà nhạc nào thế? – tôi hỏi.

“– Ai mà biết được. Một dàn đồng ca nhà thờ gì đó.

“– Trong viện bảo tàng à? – tôi ngạc nhiên hỏi.

“– Có lấy hay không nào? Hai vé chỉ có ba rúp thôi. Lấy đi.

“Tôi chộp lấy cả hai hai vé và vội vã vào viện bảo tàng. Tôi chưa bao giờ nghe thấy nói trong viện bảo tàng Puskin lại tổ chức biểu diễn ca nhạc. Tôi liền hỏi người quản trị. Hoá ra từ ít lâu nay, trong viện bảo tàng có tổ chức một hoạt động kiểu như một loạt bài giảng về âm nhạc cổ điển, chủ yếu là âm nhạc thính phòng chọn lọc, có các nhạc công nổi tiếng biểu diễn để minh hoạ. Lần này, – thật tuyệt diệu hết sức! – trong gian phòng được mệnh danh là ‘cung đình Italia’, sắp có buổi biểu diễn những bài hát tôn giáo của Bungari thời cổ. Thật vượt quá mơ ước của tôi! Chẳng lẽ tôi sắp được nghe những tác phẩm của người cha đẻ thánh ca Xlavơ là Iôanh Cucuden hay sao? Đáng tiếc là bà nhân viên quản trị không biết rõ các chi tiết. Bà ta chỉ nói là mọi người đang chờ đợi nhiều vị khách quan trọng, có thể cả đại sứ Bungari nữa. Tuy điều đó không liên quan gì tới tôi, nhưng tôi vẫn rất hồi hộp và sung sướng bởi vì ngay từ hồi bố tôi còn sống, tôi đã được nghe bố tôi kể nhiều về các bài thánh ca Bungari. Vậy mà bây giờ tôi lại được một tặng phẩm quý báu như vậy trước chuyến đi mạo hiểm của tôi. Còn nửa giờ nữa mới đến lúc bắt đầu buổi biểu diễn, nhưng tôi không lang thang trong viện bảo tàng mà bước ra phố hít thở không khí trong lành một lát để tĩnh tâm lại.

“Ôi, Mátxcơva, Mátxcơva, tôi đang đứng trên một ngọn đồi trong số bảy ngọn đồi này cạnh sông Mátxcơva, vào cuối một ngày tháng năm! Khắp thành phố đều hân hoan, đều khởi sắc, khi tâm hồn lâng lâng thanh thản và đâu đâu cũng là cảnh hài hoà ngăn ngủi của tồn tại. Tôi thở sâu và thoải mái. Trời trong trẻo, mặt đất ấm áp, tôi đi đi lại lại dọc theo lớp hàng rào bằng gang của khu vườn trước viện bảo tàng.

“Tôi bỗng thấy tiếc vì tôi không chờ ai hết – có lẽ vì tôi có hai vé. Thật dễ hiểu và tự nhiên biết bao nếu như chỉ mấy phút nữa thôi là nàng sẽ đến kịp. Tôi sẽ nhìn thấy nàng ở bên kia phố, nhìn thấy nàng chuẩn bị qua đường, mặt lộ vẻ lo lắng vì sợ đến muộn. Còn tôi, tôi hồi hộp cho nàng, một cô gái vừa kì diệu lại vừa khinh suất và vụng dại như vậy. Tôi sẽ tuyệt vọng ra hiệu cho nàng để nàng tuyệt đối không được chạy qua phố – biết bao xe cộ đang phóng vùn vụt, đâu đâu cũng đông nghịt những người là người, và trong số đó chỉ riêng nàng là mang trong mình niềm hạnh phúc dành cho tôi. Còn nàng, nàng sẽ mỉm cười với tôi. Nàng đã đoán được những ý nghĩ của tôi qua nét mặt. Khi đó tôi sẽ đích thân vừa ra hiệu cho nàng lại vừa chạy đến nàng ở bên kia phố. Tôi không sợ cho tôi. Tôi khéo léo, nhanh nhẹn. Và khi đã đến nơi, tôi sẽ nhìn vào mắt nàng và cầm lấy tay nàng...

“Sau khi tưởng tượng ra cái cảnh chẳng ăn nhập vào đâu như vậy, đột nhiên tôi thật sự cảm thấy nỗi buồn nhớ tình yêu và đã mấy lần tôi nghĩ rằng cho đến nay tôi vẫn chưa gặp được cô gái mà số phận đã định sẵn là người yêu của tôi. Nhưng liệu có nàng hay không, cái cô gái tiền định ấy? Liệu tôi có tưởng tượng ra nàng không và tôi có phức tạp hoá những việc đơn giản hay không? Tôi đã nghĩ nhiều đến vấn đề đó và lần nào tôi cũng đi đến kết luận đáng buồn là có lẽ tôi có lỗi hết, – có thể tôi chờ đợi quá nhiều mà cũng có thể tôi là kẻ chẳng có gì lý thú đối với các cô gái. Dù sao chẳng nữa thì các bạn cùng tuổi với tôi về mặt này đã tỏ ra thành đạt và khôn khéo hơn nhiều. Chỉ có thể biện minh rằng chúng viện đã ngăn trở tôi đắm mình vào cuộc sống tươi trẻ. Nhưng sau khi rời khỏi chúng viện, tôi vẫn không thành công chút nào trong lĩnh vực này, tại sao vậy?

“Nếu quả thật nàng xuất hiện vào lúc này, cái cô gái mà tôi sẵn sàng yêu mến ấy, thì điều đầu tiên mà tôi nói với nàng sẽ là: ta hãy vào nghe thánh ca đi và ta sẽ tìm thấy bản thân mình ở đó. Nhưng rồi tôi lại bắt đầu thấy ngờ vực. Nhờ nàng cảm thấy ngán ngẩm, đơn điệu, có phần khó hiểu thì sao? Và điều chủ yếu là hát thánh ca trong nhà thờ là một chuyện, còn hát thánh

ca trong một toà nhà thế tục, giữa nhiều loại công chúng khác nhau, lại là chuyện hoàn toàn khác, nhờ xảy ra như vậy thì sao? Liệu có gây được hiệu quả gì không nếu như những bản thánh ca của nhạc sĩ Bắc được trình diễn tại sân vận động hay trong doanh trại của những đơn vị đổ bộ không quân đã quen với những khúc quân hành hùng tráng?

“Những chiếc xe bóng loáng bắt đầu chạy đến viện bảo tàng Puskin, thậm chí có cả một xe buýt của công ty du lịch nước ngoài nữa. Tức là đã đến giờ rồi, cạnh cổng vào ‘cung đình Italia’ đã thấy một đám đông chen lấn nhau. Tất cả mọi người cả đàn ông lẫn phụ nữ đều có một nét gì đó giống nhau, đó là chuyện thường xảy ra khi mọi người cùng chờ đợi một hành động nào đấy, một biến cố nào đấy. Có người hỏi vé thừa. Tôi trao một vé cho một sinh viên hình như bị cận thị hoặc đeo loại kính không hợp. Và bản thân tôi chẳng thấy vui gì. Đứng giữa đám đông, anh ta bắt đầu đếm tiền lẻ, đánh rơi xuống đất. Tôi liền đề nghị anh ta đừng làm thế và bảo rằng vé này là do có người tặng tôi, vì thế, tôi tặng lại anh ta một vé. Nhưng anh ta nhất định không chịu, và khi tôi đang bước vào phòng thì anh ta còn ném mấy đồng tiền lẻ vào túi áo bludông của tôi. Dĩ nhiên là tôi cần tiền, như người ta thường nói, tôi sống bằng đồng lương tự do nhưng eo hẹp, song dù sao thì... Một điều nữa cũng làm tôi ngượng nghịu là đám công chúng thủ đô ăn mặc rất phù hợp, còn tôi thì đánh chiếc quần bò cũ đã sờn, mặc chiếc bludông tàng không cài khuy, đi đôi giày to tướng và còn cạo râu nhẵn nhụi nữa, một việc mà tôi khó quen đến nỗi như cảm thấy như thiếu thiếu một cái gì đó – chẳng là tôi sắp sửa đi một chuyến thật xa, đến những vùng thảo nguyên chưa từng biết mọc đầy gai dầu dại cùng với những kẻ xa lạ chuyên lùng kiếm anasa. Nhưng tất cả những chuyện đó chỉ là những chi tiết vặt vãnh...

“Trong ‘cung đình Italia’ cao hai tầng, tôi cảm thấy mọi vật trưng bày vẫn ở nguyên tại chỗ, chỉ giữa phòng có kê hai hàng ghế sát nhau dùng làm chỗ ngồi cho chúng tôi. Không có sân khấu, không có micro, không có

phông màn – không có một thứ gì loại đó hết. Nơi lẽ ra phải đặt chủ tịch đoàn thì ở bên rìa có kê một giảng đàn nhỏ. Khoảng hai phút sau, tất cả các chỗ ngồi đã chật kín, một số người thậm chí phải đứng chen chúc nhau ở cửa vào. Hình như trong đám thính giả có nhiều người quen biết nhau, ai cũng trò chuyện sôi nổi, chỉ riêng tôi là yên lặng, tự mình biết mình.

“Nhưng kìa, từ đâu đó phía cửa bên có hai phụ nữ bước ra. Một người là nhân viên viện bảo tàng Puskin, bà giới thiệu phụ nữ kia mà theo lời bà thì đây là bạn đồng nghiệp Bungari làm việc tại viện bảo tàng Xôphia thuộc nhà thờ lớn Alêchxandơ Nepxki. Tiếng ồn ào trong phòng im bật. Người phụ nữ Bungari, một phụ nữ trẻ, nghiêm trang, tóc chải phẳng, đi loại giày tốt và có đôi chân đẹp – chi tiết này không hiểu sao lại đập ngay vào mắt tôi. – Sau khi nghiêm nghị nhìn bên trên cặp kính râm lớn, bà chào mừng chúng tôi và đọc một bản báo cáo không dài bằng thứ tiếng Nga khá sôi. Bà cho biết ở viện bảo tàng Xôphia nơi bà làm việc, ngoài những bản thảo cổ cùng những kiểu mẫu của nghệ thuật vẽ tượng thánh và in sách, người ta còn trưng bày cả những ‘hiện vật’ được người thực trình diễn nữa. Bà mỉm cười giải thích thêm: đó chính là các bản thánh ca cổ kính thời Trung thế kỷ, do dàn đồng ca nhà thờ trình bày, thường là vào những buổi hòa nhạc thường lệ buổi tối ở những gian phòng dưới tầng hầm nhà thờ cổ. Những gian phòng dưới hầm này xưa được dùng như hầm mộ, nên dàn đồng ca này mang thêm biệt danh là ‘hầm mộ giáo đường’. Dàn đồng ca đó đến đây hôm nay theo lời mời của viện bảo tàng Puskin.

“– Xin mời các bạn ra mắt! – bà mỉm cười hướng mắt về nhóm ca sĩ trong lúc khán giả vỗ tay chào đón.

“Tốp ca sĩ bước vào, quả thật, họ đã đứng sẵn ngay sau cánh cửa mà chúng tôi vừa bước qua. Họ có mười người, tất cả chỉ mười người thôi. Hơn nữa, người nào cũng trẻ, có thể nói là chỉ trạc tuổi tôi. Tất cả đều mặc quần áo biểu diễn màu đen giống hệt nhau, đều cài nơ cứng trên yếm. Sợi trắng

và đi giày đen. Không hề có nhạc cụ, không hề có micrô, không hề có tăng âm dùng cho dàn nhạc nhẹ, thậm chí không hề có bục biểu diễn và dĩ nhiên không có một đạo cụ ánh sáng gì hết – chỉ ánh sáng trong phòng là hơi giảm đi mà thôi.

“Và mặc dù tôi tin chắc rằng thánh giả ở đây là những người đã có khái niệm thế nào là ban đồng ca nhà thờ, nhưng không hiểu sao tôi vẫn thấy lo sợ cho các ca sĩ. Ngần ấy người tụ họp lại, hơn nữa, thanh niên chúng ta lại đã quen với tiếng gào thét oang oang của nhạc cụ điện tử rồi, nom họ chẳng khác gì những người lính không có vũ khí trên chiến trường.

“Tốp ca sĩ đứng sát vai nhau tạo thành một vòng bán nguyệt nhỏ. Nét mặt họ bình thản và chăm chú, dường như họ không e ngại chút nào cho họ. Tôi còn nhận thấy một điều lạ lùng nữa – không hiểu sao trông họ giống hệt nhau. Rất có thể là vào lúc đó, họ chung một mối quan tâm, chung một tâm trạng sẵn sàng, chung một niềm hứng khởi duy nhất. Vì vào những khoảnh khắc như vậy, tất cả mọi thứ khác, có lẽ cả những thứ rất quan trọng vào lúc khác trong cuộc sống hằng ngày của mỗi người đều bị loại bỏ hoàn toàn khỏi suy nghĩ của họ – hệt như vào lúc trước trận đánh, mọi người lính chỉ nghĩ về việc làm sao giành được thắng lợi.

“Giữa lúc ấy, trước khi bắt đầu buổi biểu diễn, người phụ nữ giới thiệu tốp ca sĩ kia vẫn vừa nhìn qua cặp kính râm như trước vừa cung cấp thêm cho thánh giả một vài chi tiết lịch sử về tính độc đáo của giáo hội Bungari. Đó là giáo hội bắt nguồn từ thời kỳ Bidăngxơ nhưng có những đặc điểm riêng của mình, có những kỷ lễ trọng riêng của mình. Bà cũng cho biết một vài chi tiết liên quan đến truyền thống dân tộc của nghệ thuật ca hát Bungari. Rồi bà tuyên bố khai mạc buổi biểu diễn.

“Tốp ca sĩ đã sẵn sàng. Họ còn im lặng một lát để điều hòa hơi thở. Họ đứng sát vai vào nhau hơn nữa. Lập tức, không khí trở nên hoàn toàn yên tĩnh, gian phòng dường như trống rỗng – ai cũng khao khát muốn biết mười

người kia sẽ có thể làm được những gì, họ cả gan đến đâu và hy vọng điều gì. Nhưng kìa, người thứ ba tính từ đầu bên phải – chắc hẳn là người chỉ huy tốp ca này – đã gật đầu ra hiệu, họ lập tức cất tiếng hát. Và giọng họ bay vút lên...

“Trong không khí yên lặng đó, dường như có một cỗ xe thần nhẹ bỗng, vành xe và nan hoa sáng lấp lánh, bắt đầu từ từ rời chỗ và lăn trên những làn sóng vô hình ra khỏi gian phòng, để lại đằng sau một tiếng vọng trang trọng và hân hoan vang mãi không dứt, luôn luôn được khởi sắc lên từ những nguồn dự trữ vô tận của thần linh.

“Ngay từ đầu đã thấy rõ ràng dàn đồng ca này đã đạt tới một trình độ thanh nhạc tuyệt vời. Một mức độ hòa giọng du dương và linh động đến nỗi trong thực tế, mười người khác nhau không thể đạt tới được dù họ có năng khiếu và nghệ thuật ca hát đến thế nào chẳng nữa. Và nếu như dàn đồng ca này có bất kỳ nhạc cụ nào đệm theo, đặc biệt là nhạc cụ hiện đại, thì hiển nhiên là tòa nhà mười cột chống độc đáo như thế nhất định sẽ sụp đổ. Chỉ hãn hữu lắm thì số phận mới có thể tạo ra một điều kỳ diệu như vậy, khiến mười người này, những con người được bề trên ghi nhận này, sinh ra gần như cùng một thời gian, lớn lên và phát hiện ra nhau, cùng thấm nhuần tình cảm và nghĩa vụ con cháu đối với các bậc tổ tiên. Tổ tiên của họ đã từng chịu nhiều đau khổ mới tìm thấy Người – một nhân vật được hư cấu nên, không thể đạt tới nỗi và không tách rời khỏi tinh thần – và chỉ từ khi đó mới có thể xuất hiện một cách hát nhiệt thành khôn tả như vậy. Chính đó là sức mạnh nghệ thuật của họ, một thứ nghệ thuật chỉ mãnh liệt nhờ sự say đắm, sự hân hoan, sự mạnh mẽ của những tình cảm và những âm thanh thoát ra. Những lời lẽ thiêng liêng học thuộc lòng chỉ là cái cớ, chỉ là lời kêu một cách hình thức hướng tới Người, nhưng cái nổi lên hàng đầu lại là tinh thần con người vươn tới những đỉnh cao của sự vĩ đại của chính mình.

“Tất cả người nghe đều bị chinh phục, bị mê mẩn và buộc phải suy nghĩ.

Mỗi người đều có cơ hội tự mình hoà nhập một cách riêng lẻ với những gì đã được hình thành hàng thế kỷ, qua những lầm lạc bi thảm và những loé sáng của lý trí tổ tiên vốn luôn luôn tìm kiếm bản thân ở bên ngoài. Và đồng thời, mỗi người lại cùng mọi người tiếp nhận một cách tập thể ‘Lời Thiêng’ làm tăng thêm gấp mười sức mạnh của tiếng hát do có vô số tâm hồn cùng tham dự vào những Lời ấy. Đồng thời trí tưởng tượng cuốn hút tất cả mọi người vào một thế giới mơ hồ nhưng bao giờ cũng là niềm mơ ước cháy bỏng, hình thành nên từ những kỉ niệm của bản thân, từ những ước vọng, nỗi buồn, những giờ phút lương tâm cắn rứt, những mất mát và những niềm vui mà con người đã nếm trải trên đường đời của mình.

“Tôi không hiểu, và thú thật là tôi cũng không muốn hiểu lắm chuyện gì đang xảy ra với tôi vào lúc ấy. Cái gì đã gắn bó mãnh liệt như vậy những ý nghĩ và tình cảm của tôi vào mười ca sĩ kia, những con người bề ngoài chẳng khác gì tôi, nhưng những bài thánh ca của họ dường như lại xuất phát từ tâm hồn của tôi, từ những thôi thúc của bản thân tôi, từ những nỗi đau đớn, lo âu và niềm vui đã tích tụ lại và cho tới nay vẫn chưa tìm được lối thoát trong tâm hồn tôi.

“Khi thoát khỏi những nỗi niềm ấy và đồng thời tràn ngập thứ ánh sáng mới và sự giác ngộ mới, nhờ nghệ thuật của những ca sĩ kia mà tôi dần dần thấu hiểu thực chất ban đầu của thánh ca nhà thờ – đó là tiếng kêu của cuộc đời, tiếng kêu của con người với hai tay giơ lên cao thể hiện khát vọng từ ngàn xưa muốn khẳng định mình, muốn làm nhẹ bớt số phận của mình, muốn tìm thấy điểm tựa trong khoảng không bao la của vũ trụ bằng cách hy vọng một cách bi thảm rằng ngoài Lời ấy ra, còn có những lực lượng siêu phàm nào đó sẽ giúp đỡ mình thực hiện khát vọng đó.

“Thật là một lầm lạc ghê gớm! Ôi, nguyện vọng của con người muốn được trời xanh kia nghe thấu mới mãnh liệt làm sao! Và biết bao nghị lực, biết bao suy nghĩ đã được con người đưa vào những lời hứa hẹn, những lời

ăn năn, những lời tán tụng, và vì thế mà buộc mình phải cam chịu, phải ngoan ngoãn, phải nhẫn nhục, trái ngược với dòng máu sôi sục của mình, trái ngược với bản chất của mình là luôn luôn khao khát nổi loạn, khao khát đổi mới và phủ nhận. Ôi, điều đó đã gây biết bao khó khăn và đau khổ cho con người!

“Nào kinh Vệ Đà, nào những khúc thánh ca, nào những câu thân chú, nào những bài hát, ảo thuật phù thủy! Còn biết bao những lời van xin và cầu nguyện vang lên không dứt trong nhiều thế kỷ nữa, nhiều đến nỗi biến thành thực thể thì chúng sẽ nhấn chìm toàn bộ trái đất chẳng khác gì những đại dương chất mặn tràn ra khỏi bờ. Chết người nảy sinh trong con người thật gian khổ biết bao.

“Trong khi ấy, họ vẫn hát. Mười con người được Chúa đi kèm bên cạnh ấy vẫn hát để chúng tôi đắm mình vào bản thân và vào những vực thẳm xoáy lốc của tiềm thức, làm sống lại quá khứ, tinh thần và nỗi bi thương của những thế hệ đã mất trong bản thân chúng tôi. Để rồi, sau đó chúng tôi bay lên cao, bay lượn trên bản thân mình và trên thế giới, tìm thấy vẻ đẹp và ý nghĩa của thiên chức một người: Nếu đã một lần được sinh ra đời thì phải yêu mến cách sắp đặt tuyệt diệu của cuộc đời.

“Mười con người kia hát thật say mê, thật xứng đáng với Chúa đến nỗi – có lẽ chính họ cũng không biết điều này – họ khơi dậy trong tâm hồn người nghe những hứng khởi cao cả mà con người ít khi cảm thấy trong cuộc sống hàng ngày, giữa những nỗi lo toan và tất bật chán ngấy. Và do đó những con người có mặt ở đây bất giác cảm thấy tràn trề hạnh phúc, nét mặt ai cũng lộ vẻ xúc động, một số người còn long lanh nước mắt.

“Tôi thật sung sướng, thật biết ơn cơ hội may mắn đã đưa tôi đến đây, đã tặng cho tôi cơ hội này. Cuộc đời tôi dường như vượt ra khoảng không bao la, ngoài thời gian và không gian, nơi tất cả những nhận thức và cảm xúc của tôi hòa lẫn với nhau một cách kỳ diệu trong những hồi ức về quá khứ,

trong việc ý thức hiện tại và trong những mơ mộng về tương lai.

“Giữa những suy nghĩ ấy, tôi bất giác nghĩ rằng tôi còn chưa yêu, và nỗi mong nhớ tình yêu vốn vẫn tồn tại trong máu thịt tôi và chờ đợi giờ phút của nó nay khiến tôi thấy đau nhói trong ngực. Nó là ai, nó đang ở đâu, khi nào chuyện đó sẽ đến? Tôi mấy lần bất giác ngoái nhìn ra cửa – biết đâu nàng đã đến và đang đứng ở đó, đang lắng nghe và chờ tôi nhìn thấy nàng. Thật đáng buồn là nàng không có mặt vào giờ phút này, trong gian phòng này, thật đáng buồn là không thể chia sẻ với nàng những gì làm tôi xúc động và nuôi dưỡng trí tưởng tượng của tôi. Tôi còn suy nghĩ một điều nữa – mong sao số phận không sắp xếp tất cả những chuyện này thành một cái gì đó buồn cười, một cái gì đó khiến sau này tôi sẽ phải xấu hổ khi nhớ lại...”

“Không hiểu sao tôi nhớ đến mẹ tôi thuở thiếu thời... Tôi nhớ một buổi sớm mùa đông trong sáng, tuyết rơi thưa thớt ngoài phố. Mẹ tôi vừa nhìn vào mặt tôi bằng đôi mắt tươi cười vừa cài hàng khuy trên chiếc áo pantô cũ nát mở phanh ra của tôi. Bà nói một điều gì đó, còn tôi vùng chạy khỏi mẹ tôi. Mẹ tôi liền vui vẻ đuổi theo. Đúng lúc đó, tiếng chuông ngân nga cất lên trên thị trấn chúng tôi từ ngôi nhà thờ trên đồi, nơi bố tôi vào giờ đó làm lễ. Bố tôi là trụ cột của tỉnh lẻ, một con chiên hết sức sùng tín và đồng thời, như bây giờ tôi mới đoán biết, hiểu rất rõ toàn bộ tính chất ước lệ của tất cả những gì do con người tạo nên nhân danh Chúa và vì Chúa... Còn tôi, mặc dù hết sức thông cảm với bố, tôi vẫn đi theo một con đường hoàn toàn khác, không phải con đường như bố tôi mong muốn. Và tôi bắt đầu cảm thấy nặng nề vì ý thức được rằng bố tôi đi sang thế giới khác trong tâm trạng hòa hợp với chính mình, còn tôi thì trần trở, phủ nhận quá khứ. Tôi trần trở mặc dù tôi vẫn hân hoan với vẻ vĩ đại xưa cũ, với sức biểu hiện mạnh mẽ của tư tưởng đã có thời là vạm vỡ này. Tư tưởng ấy, trong khi lan truyền từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, tìm cách cảm hóa tâm hồn những người chưa được cảm hóa tại tất cả các lục địa và các hòn đảo. Bằng cách kìm giữ sự thách

thức vĩnh viễn của những mối nghi ngờ vĩnh viễn mang tính chất nổi loạn của con người, tư tưởng ấy tự khẳng định đến muôn đời, mãi mãi trên thế giới, trong các thế hệ, trong các quan niệm. Và hết như cột thu lôi dẫn sét vào trong đất, tư tưởng ấy dẫn sự thách thức vĩnh viễn kia vào chốn sâu thẳm của sự phục tùng. Phải biết ơn cả hai, Niềm Tin và Nghi Ngờ, hai sức mạnh ấy của sự tồn tại đã chung sức đẩy cuộc sống tiến lên.

“Tôi sinh ra khi những sức mạnh của sự nghi ngờ chiếm ưu thế, rồi sức mạnh này đến lượt mình, lại làm nảy sinh những mối nghi ngờ mới. Tôi là sản phẩm của quá trình này. Tôi bị một bên rút phép thông công còn bên kia thì cũng không tiếp nhận tôi vì tất cả những phức tạp của tôi. Thì đã sao, lịch sử dựa vào những kẻ như tôi để gỡ lại, để trút bỏ những vương mắc trong tâm hồn... Tôi suy nghĩ như vậy khi nghe những bài thánh ca Bungari thời cổ.

“Trong khi ấy, những bài thánh ca đó cứ lần lượt vang lên, cứ nối tiếp nhau vang lên trong khán phòng đó, chẳng khác gì tiếng vọng của những thời đã qua. Sự thiêng liêng trong Thánh Kinh thể hiện qua các bài ‘Lễ vật buổi tối’, ‘Đánh đập trẻ sơ sinh’ và ‘Thiên thần phần nộ’... được luân phiên với những bài hát nhiệt thành mãnh liệt của những bậc tuấn giáo hy sinh vì đức tin. Mặc dù tất cả những thứ đó tôi đã biết nhiều nhưng tôi vẫn mê mải theo dõi buổi biểu diễn – theo dõi việc mười con người kia đang phù phép, đang biến những hiểu biết thành thứ nghệ thuật vĩ đại mà sức mạnh của nó phụ thuộc vào kho kinh nghiệm lịch sử của tinh thần nhân dân. – Ai đau khổ nhiều thì người đó nhận thức được nhiều...

“Lắng nghe giọng hát của nhóm ca sĩ Xôphia – cũng đang ngây ngất, đang hào hứng với tiếng hát của chính mình – và chăm chú nhìn nét mặt thay đổi của họ, tôi bỗng phát hiện thấy người thứ hai bên trái, người duy nhất tóc sáng trong nhóm người Bungari da ngăm ngăm và tóc đen kia, rất giống tôi. Thật sững sốt thấy một người giống bản thân ta đến mức như vậy.

Mắt xám, vai hẹp – chắc hồi nhỏ, anh ta cũng bị coi là còi cọc – bộ tóc dài màu sáng, đôi tay mảnh mai gầy guộc, rất có thể anh ta cũng khắc phục nỗi nhút nhát của mình bằng tiếng hát hết như tôi lúc tôi phải khắc phục sự gò bó của mình bằng cách chuyển câu chuyện sang những đề tài thần học gần gũi với tôi. Có thể hình dung thấy cái cảnh ấy thật ngốc nghếch biết bao, khi tôi chuyện trò về những vấn đề nghiêm trang như vậy trong lúc làm quen với phụ nữ. Cả những chi tiết trong khuôn mặt người ca sĩ mắt xám ấy cũng giống tôi: má hóp, mũi hơi khoằm, trán bị hai nếp dọc cắt đôi, và đáng chú ý nhất là bộ râu cũng giống hệt bộ râu của tôi trước khi cạo. Bất giác đưa tay lên chỗ trước kia có bộ râu, tôi lại chợt nhớ rằng ngày mai tôi sẽ phải lên đường cùng toán thu lượm anasa. Và tôi ngạc nhiên khi nghĩ đến chuyện đó: Tôi sắp đi đâu? Và sẽ làm gì? Thật tương phản biết bao: một bên là những bài thánh ca tuyệt diệu, một bên là khát vọng đen tối của những kẻ như Bàn Là ở nhà ga đang thèm muốn thứ khói độc của loại cỏ độc. Nhưng thời nào cũng vậy, đời người thật sự với cái thiện và cái ác của nó bao giờ cũng diễn ra bên ngoài bốn bức tường nhà thờ. Thời đại của chúng ta cũng không phải là ngoại lệ.

“Đó, tôi đã phát hiện ra sự giống nhau như vậy trong buổi biểu diễn này. Về sau tôi không rời mắt khỏi người giống tôi như đúc ấy nữa. Tôi theo dõi cách anh ta hát, theo dõi mặt anh ta dài ra như thế nào, miệng anh ta há to ra sau khi anh ta hát những âm cao nhất. Đồng cảm với anh ta, tôi thậm tự đặt mình vào vị trí anh ta, hệt như anh ta là hiện thân của tôi. Như vậy, tôi dường như tham gia vào quá trình biểu diễn. Cả tâm hồn tôi đều cất tiếng hát, tôi hoà làm một với dàn đồng ca, cảm thấy một cảm giác lạ lùng, xúc động đến chảy nước mắt của tình anh em, của sự vĩ đại, của sự đồng nhất, hệt như chúng tôi được gặp nhau sau bao năm xa cách. Những giọng hát trường thành, mạnh mẽ và hân hoan của chúng tôi bay vút lên trời và đất dưới chân chúng tôi thật bất di bất dịch, thật vững chắc. Và chúng tôi sẽ hát nữa như thế, sẽ không bao giờ dứt tiếng hát khi nào còn muốn hát...

“VẬY là họ cứ hát và tôi hát cùng với họ. Trạng thái ngây ngất kỳ diệu đó tôi vẫn thường cảm thấy khi nghe những bài hát Grudia cổ. Tôi khó giải thích tại sao, nhưng chỉ cần ba người dân Grudia, dù là những con người bình thường nhất, bắt đầu cất tiếng hát là tâm hồn tôi rạt rào xúc động. Tôi lập tức cảm thấy hơi thở của một nền nghệ thuật giản dị và hiếm có về mức độ hài hoà, về sức tác động tinh thần. Chắc hẳn, đó là do họ có tài năng đặc biệt mà thiên nhiên phú cho họ; có thể một khiêu văn hoá đặc biệt mà cũng có thể chỉ đơn giản là Chúa ban cho họ. Tôi không hiểu họ hát về những gì, điều quan trọng đối với tôi là tôi hát cùng với họ.

“Tôi vừa suy nghĩ như vậy vừa nghe các ca sĩ hát, và đột nhiên óc tôi chợt loé sáng. Tôi chợt hiểu thực chất của thiên truyện ngắn Grudia mà tôi đã có lần đọc. Thiên truyện đó có nhan đề là “*Sáu người và người thứ bảy*”. Một thiên truyện không dài lắm. Loại truyện như thế đầy rẫy trong các ấn phẩm định kỳ và không thể nói rằng nó có nét gì nổi bật. Nó nặng về tình tiết hơn là về tâm lý. Nói cho đúng hơn, nó có tính chất lãng mạn. Nhưng tôi nhớ mãi đoạn kết của câu chuyện này, không hiểu sao đoạn kết ấy bám lấy tôi như một nhối như một cái dằm.

“Nội dung của thiên truyện, hay đúng hơn, của balat “*Sáu người và người thứ bảy*” (tôi không nhớ họ tên rắc rối của tác giả ít được biết đến của tác phẩm này) cũng chẳng có gì đặc sắc.

“Ngọn lửa cách mạng bùng cháy, cuộc nội chiến đẫm máu đang diễn ra, cách mạng tự khẳng định trong những cuộc giao chiến cuối cùng với kẻ thù. Kết cục ở Grudia có lẽ cũng là kết cục lịch sử có tính chất điển hình: chính quyền Xô-viết sắp chiến thắng và ngày càng đánh bật đi những tàn tích cuối cùng của bọn phản cách mạng vũ trang, ngay cả tại những bản làng hẻo lánh nhất. Trong những trường hợp như vậy, qui luật chủ yếu là: nếu kẻ thù không đầu hàng thì phải tiêu diệt nó. Nhưng tàn nhẫn lại bị tàn nhẫn đáp lại – đó cũng là một qui luật có từ lâu đời. Kháng cự lại cách mạng đặc biệt dữ

đội là quân đội của tên Guram Gôkhadê dũng mãnh, một kẻ thông thạo tường tận các vùng núi xung quanh.

“Trước đây Guram Gôkhadê làm nghề mục đồng, còn giờ đây hẳn là một tên cướp xuất quỷ nhập thần, liêu lĩnh, mất phương hướng trong cuộc đấu tranh giai cấp. Nhưng hẳn cũng sắp đến ngày tận số. Trong thời gian gần đây, hẳn gặp hết thất bại này đến thất bại khác. Và một chiến sĩ an ninh đã được tung vào đội quân của Guram. Bất chấp nguy cơ bị phát giác với mọi hậu quả của nó, anh ta chinh phục được lòng tin của Guram và trở thành một trong những người bạn chiến đấu của hẳn. Theo sự bí mật sắp xếp của anh chàng chiến sĩ an ninh này, trên đường rút lui với đội quân đã thừa thốt nhiều vì chịu tổn thất nặng nề trong một trận đánh dữ dội, Guram sa vào ổ phục kích trên triền sông. Khi chúng điên cuồng phi ngựa đến bờ sông và lao xuống nước thì người chiến sĩ an ninh dường như bị đứt đai yên và ngã xuống cạnh bụi cây. Trong lúc ấy, toán quân đông đảo của Guram trên lưng những con ngựa đẫm mồ hôi đang ra sức vượt qua những khúc sông của con sông rộng vùng núi, và khi đến đúng giữa sông, nơi chúng bị hờ khắp các phía, thì hai khẩu đại liên đã bố trí và nguy trang từ trước từ hai bên bờ liền bắn chéo cánh sẻ vào chúng ở cự ly gần. Một cảnh hoảng loạn ghê gớm diễn ra. Chúng ngã xuống, chết sặc trong nước sông. Nhưng Guram – hẳn thật may mắn! – kịp bứt khỏi làn đạn, quay ngược lại bờ. Nhờ có con tuấn mã mà hẳn thoát khỏi nguy hiểm. Hẳn lao đi giữa các bụi cây dọc bờ sông, chỉ vài bộ hạ trung thành còn sống sót là kịp phi ngựa theo hẳn. Trong số đó, tất nhiên có người chiến sĩ an ninh. Anh lập tức bám sát chúng ngay khi hiểu rằng trận phục kích đã không hoàn toàn thành công và tên đầu sỏ chưa bị trừng phạt.

“Trận phục kích bằng đại liên trên sông này đánh dấu việc đội quân của tên Guram bị tan vỡ về cơ bản và thực tế là bị tiêu diệt hoàn toàn. Sau khi thoát khỏi những người truy đuổi, Guram dừng con ngựa kiệt sức lại, khi đó mới thấy là kể cả hẳn nữa thì đội quân của hẳn chỉ còn lại vền vẹn có bảy

người. Người thứ bảy là anh chiến sĩ an ninh – tên anh là Xandrô. Hiển nhiên là vì thế mà thiên truyện có tên: “Sáu người và người thứ bảy”.

“Xandrô được giao mệnh lệnh bằng mọi cách phải tiêu diệt được tên đầu sỏ Guram. Đầu hẳn được treo giá một món tiền lớn. Nhưng vấn đề thậm chí không phải ở chuyện tiền nong mà ở chỗ làm thế nào thực hiện được mệnh lệnh đó vào lúc này, khi rõ ràng là Guram sẽ không bao giờ xuất trận nữa, mà chỉ lúc đó mới có thể bắt lén hẳn được. Giờ đây, thực chất chỉ còn lại một mình như con thú đã sa lưới, hẳn sẽ chỉ trông cậy vào bản thân, vào sự tháo vát nhanh nhẹn của cá nhân hẳn, do đó hẳn sẽ đặc biệt cảnh giác. Rõ ràng, hẳn sẽ không chịu nộp mạng nếu không chiến đấu đến hơi thở cuối cùng...

“Tiếp đó là đoạn mở nút của thiên truyện này_– nó làm tôi xúc động hơn hết...

“Sau trận thất bại thảm hại trên sông, Guram – vốn biết tường tận mọi đường đi lối lại trong các khe núi_– tối mịt hôm đó dừng chân tại một địa điểm hiểm yếu trong khu rừng vùng núi gần biên giới Thổ. Tất cả toán quân còn sống sót, sáu người và người thứ bảy, vừa tháo yên ngựa xong là nằm vật xuống đất vì mệt mỏi. Năm người lập tức ngủ say như chết, còn hai người không ngủ. Người thứ nhất không ngủ là anh chiến sĩ an ninh Xandrô. Anh trăn trở vì lo lắng. Anh suy nghĩ xem giờ đây phải xử sự ra sao, nên làm thế nào để đạt được mục đích của mình, và thực hiện sự trừng phạt bằng cách nào. Người thứ hai không ngủ sau thảm hoạ ghê gớm là tên Guram dũng mãnh, hẳn đau đớn trước việc đội của hẳn bị tiêu diệt và lo lắng cho ngày mai. Và chỉ Chúa mới biết hai kẻ thù không đội trời chung bị cách mạng phân cách này còn nghĩ những gì nữa.

“Văng trắng tròn treo lơ lửng bên phải đầu Xandrô và Guram, khu rừng ban đêm xáo động nặng nề và âm thầm. Phía dưới, con sông không ngừng rỉ rào chảy trên những tảng đá. Những rặng núi xung quanh đứng lặng lẽ trong

khung cảnh tĩnh mịch. Đột nhiên, Guram vùng vậy như có điều gì đó làm hấn lo ngại.

“– Anh không ngủ ư, Xandrô? – Hấn ngạc nhiên hỏi người thứ bảy.

“– Không, còn anh sao tự nhiên vùng dậy thế? – Xandrô cũng hỏi.

“– Có gì đâu, nằm nơi này tôi thấy thế nào ấy. Không ngủ được, trăng sáng quá thì phải. Tôi đi vào ngủ trong hang đây. – Và Guram cầm lấy áo khoác, vũ khí và chiếc yên ngựa gói đầu. Khi đã bước đi rồi hấn còn nói thêm: – Về những chuyện còn lại thì ngày mai ta sẽ trao đổi, bây giờ chúng ta chẳng còn mấy thì giờ mà trò chuyện đâu.

“Và thế là hấn bỏ đi thu xếp chỗ nằm ở cửa hang. Hồi làm nghề chần súc vật, hấn đã nhiều lần lánh vào đây để tránh mưa gió. Còn bây giờ, hoặc là hấn nấu mình một chỗ để chịu đựng nỗi đau khổ vô hạn, hoặc là linh cảm đã nhắc hấn nên xếp đặt thế nào để bất kì từ đâu cũng không thể tiếp cận được hấn, ngược lại, hấn có thể nhìn thấy bất kì người nào tiến lại gần hang. Xandrô đâm lo ngại: nên hiểu thế nào đây hành động dường như khôn ngoan này của tên tướng cướp. Nhờ hấn bắt đầu đoán ra được chuyện gì thì sao?

“Đêm ấy của Xandrô và Guram đã trôi qua như vậy. Đến sáng hôm sau Guram ra lệnh thả yên ngựa. Không một ai biết hấn nghĩ gì và định làm gì. Khi mấy con ngựa đã thả yên cương xong xuôi và mọi người yên lặng đứng trước mặt hấn, tay cầm đoạn dây cương gần hàm thiếc, hấn thở dài nói:

“– Không, không thể rời bỏ mảnh đất quê hương như thế này được. Hôm nay, chúng ta sẽ chia tay với mảnh đất đã nuôi dưỡng chúng ta rồi sau đó chúng ta sẽ tản đi mỗi người một ngả. Nhưng trong khi chúng ta còn ở đây thì chúng ta sẽ coi như ở nhà vậy.

“Hấn cử hai tên thủ hạ đi ngựa đến bản làng gần đấy nhất, là nơi hấn có

những người trung thành với hắn, để kiếm rượu và thức ăn. Giao cho Xandrô và một tên nữa ở lại lấy củi khô chuẩn bị nổi lửa và giữ ngựa, còn hắn thì đích thân cùng hai tên còn lại đi săn, may ra bắn được một con thú nào đó hoặc con hoẵng chẳng hạn cho bữa tiệc chia tay buổi tối.

“Anh chiến sĩ an ninh Xandrô không còn cách nào khác ngoài việc phục tùng và chờ đợi thời điểm thích hợp để có thể thực hiện mệnh lệnh.

“Đến tối, sáu tên cướp và người thứ bảy tụ tập lại. Bên bìa rừng cạnh hang, họ đốt một đống lửa và bày trên tấm vải gai đem từ bản đến nào bánh mì, nào rượu, nào muối, nào thức ăn. Người của Guram gởi tới những thứ đó để tỏ dấu tiễn biệt. Đống lửa cháy bùng bùng, cả bảy người bước lại gần lửa.

“– Tất cả ngựa đã thặng yên cương chưa và tất cả anh em đã sẵn sàng nhảy lên bàn đạp rồi chứ? – Guram hỏi.

“Mọi người yên lặng gật đầu.

“– Này Xandrô, – Guram nhận xét, – củi anh kiếm được rất khô và cháy rất đượm, nhưng tại sao anh lại để củi xa đống lửa như vậy?

“– Anh cứ yên tâm, anh Guram, đây là việc tôi phải lo. Cứ để tôi chịu trách nhiệm về chuyện lửa cho. Còn anh, anh cứ nói đi.

“Guram liền lên tiếng:

“– Các bạn của tôi, chúng ta đã thua cuộc rồi. Khi hai bên đánh nhau thì phải có một bên thắng và một bên thua. chính vì thế mà họ chiến đấu. Chúng ta đã làm đổ máu người khác và làm đổ máu của cả chúng ta nữa. Nhiều đứa con ưu tú của cả hai bên đều đã hy sinh tính mạng quý báu của mình. Chuyện gì đã xảy ra là thuộc về quá khứ. Tôi gởi lời xin lỗi đến những người bạn đã mất và những kẻ thù đã chết. Khi kẻ thù chết trong chiến đấu thì đó không còn là kẻ thù nữa. Dù giờ đây tôi có là kẻ thắng trận, tôi vẫn xin những người đã chết tha lỗi cho.

“Nhưng số phận đã quay lưng lại chúng ta và do đó đa số nhân dân cũng quay lưng lại chúng ta. Ngay cả mảnh đất đã sinh ra và nuôi dưỡng chúng ta cũng không muốn chúng ta ở lại. Chúng ta không còn chỗ trên mảnh đất này. Và chúng ta cũng chẳng lấy đâu ra sự tha thứ. Nếu như tôi giành được chiến thắng, tôi cũng sẽ không khoan dung cho kẻ thù của tôi, xin thề trước Chúa là như vậy. Giờ đây, chúng ta chỉ có một lối thoát là bỏ ra nước ngoài. Kia, đằng sau ngọn núi lớn kia là đất Thổ, chỉ giơ tay ra là tới. Còn đằng kia, sau rặng núi trắng đang lên kia là Iran. Các bạn hãy tùy ý chọn lựa. Bản thân tôi sẽ sang Thổ, đến Ixtambun, tại đây tôi sẽ làm nghề khuân vác trên tàu thủy. Mỗi bạn phải quyết định ngay lúc này xem mình nên phục tùng số mệnh ở đâu.

“Chúng ta còn lại bảy người. Một lát nữa thôi chúng ta sẽ lần lượt ra nước ngoài theo bảy hướng khác nhau. Khi tản mát khắp thế giới, mỗi chúng ta sẽ phải uống cạn chén tân khổ của mình. Chúng ta sẽ không bao giờ gặp nhau nữa. Đây là ngày cuối cùng bảy anh em còn sống sót chúng ta được ở bên nhau, được trông thấy nhau và nghe thấy tiếng nhau. Vậy chúng ta hãy chia tay nhau, chia tay với quê hương chúng ta, chia tay với bánh mì và muối Grudia, chia tay với rượu của chúng ta. Sẽ không còn ở đâu được ở đâu được ném thứ rượu như vậy nữa đâu.

“Sau khi chia tay nhau, chúng ta sẽ mỗi người một ngã. Chúng ta sẽ không đem theo gì hết, ngay cả hạt cát trên mảnh đất Grudia này. Không thể đem quê hương đi nơi khác được, chỉ có thể đem đi nỗi mang nhớ, và nếu như có thể vác quê hương đi như vác bị thì quê hương sẽ chỉ đáng giá một xu thôi. Vậy chúng ta hãy cạn chén lần cuối cùng và hát những bài hát của chúng ta lần cuối cùng.

“Rượu đựng trong bao da, loại rượu nông dân, trong đó hoà lẫn hương đất và hương trời. Uống vào ai cũng ngà ngà say, bồng bồng khí thế và muốn giải toả nỗi buồn của mình. Trong tâm hồn của người nào cũng lại

thấy lúc buồn lúc vui lẫn át nhau. Và bài hát cứ tự nhiên dâng lên như nguồn nước trào ra giữa những tảng đá trên sườn núi. Và tất cả những gì chạm vào dòng nước nguồn ấy trên suốt đường đi đều nhất định sẽ nở hoa và sinh sôi nảy nở. Họ khe khẽ cất tiếng hát bài hát của cha ông. Bài hát cũng từ từ mạnh dần lên, rì rầm ngân vang như nguồn nước trên sườn núi. Cả bảy người đều hát tuyệt hay bởi vì không có người dân Grudia nào lại không biết hát. Họ hát đều giọng, mỗi người hát theo kiểu riêng của mình và theo sức của mình. Và bài hát bồng bồng lên như đồng lửa mà họ đứng xung quanh.

“Buổi ca hát chia tay của bảy người, đúng hơn là của sáu người và người thứ bảy, bắt đầu như vậy đó. Nhưng người thứ bảy không một phút nào lãng quên nhiệm vụ anh phải thực hiện. Không thể để cho một tên nào, trước hết là Guram, được phép ra nước ngoài mà không bị trừng phạt. Là một chiến sĩ an ninh, anh không thể cho phép chuyện đó xảy ra được. Đó cũng là nội dung mệnh lệnh giao cho anh, và anh phải thực hiện mệnh lệnh này.

“Trong khi ấy, các bài hát cứ nối tiếp nhau vang lên và rượu cứ uống mãi không thôi. Đó là thứ rượu càng uống vào lại càng muốn uống thêm mãi. Và tâm hồn càng bồng bồng mãnh liệt hơn, càng khao khát rượu và tiếng hát hơn.

“Họ đứng thành vòng tròn, lúc thì đặt tay lên vai nhau, lúc thì đan tay vào nhau. Và những khi họ muốn tiếng hát của họ thấu đến tai Chúa, một sức mạnh huyền bí và tất yếu nhưng nhìn thấy hết và biết hết, thì họ giơ hai tay lên trời. Nếu như Chúa nhìn thấy hết và biết hết thì Chúa sẽ xua đuổi họ đi đâu khỏi mảnh đất quê hương họ? Và tại sao Chúa lại sắp đặt cuộc đời như vậy, khiến người ta đánh nhau và chiến đấu với nhau, khiến máu chảy và nước mắt tuôn trào, khiến người nào cũng tự cho mình là phải và kẻ khác là trái? Vậy thì đâu là chân lý và ai có quyền thốt ra chân lý? Và đâu là nhà tiên tri sẽ phán xét họ một cách công bằng?... Liệu có đúng là những

chuyện ấy, liệu có đúng là những nỗi đau khổ bộc lộ ra trong tiếng hát, những nỗi đau khổ đã trải qua từ ngàn xưa, đã được cha ông tiếp nhận như kinh nghiệm sơ khai về cái thiện và cái ác, đã được cảm thấy trong vẻ đẹp và sự vĩnh viễn của chúng? Phải chăng tất cả những cái đó được hát lên trong những bài ca cổ xưa mà ký ức của nhân dân gìn giữ lại?

“Chính vì thế mà bảy con người kia cứ hát hết bài này đến bài khác và lúc nào cũng đứng sát vào nhau thành vòng tròn. Riêng người thứ bảy là Xandrô thì thỉnh thoảng lại bỏ đi để lấy thêm củi chất vào đống lửa. Không phải vô cớ, có lẽ thế (vì việc gì cũng có nguyên nhân riêng trong cuộc đời), không phải vô cớ mà anh chất củi khô trong rừng thành một đống lớn. Nhưng giờ đây đích thân anh trông nom đống lửa. Anh cũng hát như tất cả mọi người, hát một cách chân thành, vì bài hát thuộc về mọi người ở mức độ như nhau. Không có loại bài hát chỉ dành riêng cho vua chúa còn những người khác thì không được hát, cũng như không có loại bài hát dành cho dân đen. Khi còn sống thì cứ hát đi, cứ nhảy múa đi, cứ vui đi, cứ buồn đi và cứ than khóc đi...

“Người mà ta đã từng yêu, người mà ta đã phấp phỏng chờ đợi tại nơi hò hẹn, người đã không còn yêu ta nữa và ta đã đau khổ biết bao. Ta không hiểu nổi. Ta chỉ muốn chết đi và muốn nàng nghe thấy bài hát trước khi chết của ta. Mẹ ta đã âu yếm chiều chuộng ta như thế nào vào hồi thơ ấu. Nơi bố ta đã hy sinh, bạn bè ta đã chiến đấu ra sao trong trận đánh đẫm máu. Ta đã cởi mở tâm hồn với những Chúa Trời nào trong cơn hứng khởi trong trắng và vô tư. Liệu ta có bao giờ nghĩ xem việc con người ra đời là gì không. Liệu ta có bao giờ nghĩ rằng cái chết luôn luôn đi bên ta khi ta còn thở, còn sau khi chết đi thì không có cái chết nữa. Nhưng cuộc sống thì cao hơn cái chết. Không có hiện tượng gì trên đời cao hơn cuộc sống. Bởi vậy, đừng có phạm lỗi giết người, song nếu kẻ thù xâm lấn đất nước thì hãy bảo vệ đất nước. Hãy giữ gìn danh dự của người yêu như mảnh đất quê hương. Liệu ta có biết rằng có sự xa cách, và xa cách bao giờ cũng nặng nề như chất quả

núi lên lưng ta, và rằng nếu không có người yêu thì chẳng có gì làm ta vui sướng hết: Sắc màu, ánh sáng, ngày mai... tất cả đều không làm ta vui sướng.

“Biết bao nhiêu chuyện được hát lên trong các bài hát... không sao kể hết được...”

“Vào đêm đó, không có nhóm người nào thân thuộc và gần gũi nhau hơn bảy người Grudia đang hát đây bi thiết và hào hứng trong giờ phút chia ly này. Không khí ca hát làm họ xích lại gần nhau hơn nữa. Tổ tiên ta đã biết thể nghiệm và nghĩ sẵn cho hậu thế biết bao nhiêu lời ca tâm tình chứa đầy sự hài hoà không bao giờ chết. Hệt như căn cứ vào cánh bay có thể xác định được loại chim gì, căn cứ theo bài hát của người Grudia có thể xác định được người Grudia ở cách xa mười dặm và nói được rằng anh ta là ai, anh ta ở đâu, chuyện gì xảy ra với anh ta, tâm trạng anh ta như thế nào... anh ta đang dự đám cưới vui tươi hay đang sầu não đau khổ...”

“Trăng đã lên khá cao trên đầu núi và ánh trăng dịu dàng tràn ngập khắp mặt đất. Khu rừng êm ái lắc lư những ngọn cây đen thẫm mỗi khi gió thổi. Con sông âm thầm rì rầm và lấp lánh ánh bạc ẩm ướt trên các tảng đá. Những con chim đêm lặng lẽ bay như những cái bóng trên đầu nhóm người đang hát bên đồng lửa. Ngay cả lũ ngựa đã thặng sẵn yên cương và đang kiên nhẫn chờ chủ cũng vẫy vẫy đôi tai thính nhạy và trong mắt chúng cũng thấy những chấm lửa nhảy nhót... Chúng đã được chuẩn bị sẵn sàng để đi đến các nước xa lạ, và giờ phút đó đang lại gần...”

“Nhưng các bài hát dường như không bao giờ dứt. Chắc hẳn Guram đã quyết định để hát cho thỏa nguyện: Các bạn hãy hát đi, hãy uống rượu đi, chúng ta sẽ không bao giờ cùng nhau xếp thành vòng tròn như thế này nữa, và tai chúng ta sẽ không bao giờ được thưởng thức những giai điệu Grudia nữa... Họ hát lúc thì riêng biệt, lúc thì hòa giọng, lúc thì tự làm nền cho những điệu nhảy say sưa và dữ dội như trước lúc chết.

“Rồi bảy người đó, đúng hơn là sáu người và người thứ bảy, lại đứng thành vòng tròn. Còn Xandrô cứ thỉnh thoảng lại ra khỏi vòng người để chắt thêm củi vào lửa, và đồng lửa nóng rẫy cháy rừng rực.

“Họ quyết định hát bài hát cuối cùng nhưng rồi lại cứ hát thêm nữa để chia tay nhau, không một ai chịu ngừng. Và họ lại đứng thành vòng tròn, cúi đầu xuống, và âm điệu lại trầm ngâm và dâng lên mãnh liệt như tiếng âm vang từ dưới lòng đất.

“Xandrô lại tách ra lấy thêm củi, mặc dù ngọn lửa vẫn rừng rực. Đó là một tính toán chính xác, đứng từ ngoài, anh nhìn rõ từng tên trong sáu tên đang đứng thành vòng tròn, nhưng những kẻ đang hát bên đồng lửa sáng bừng tới mức lóa mắt thì lại không nhìn rõ anh. Khẩu súng ngắn mode nặng trữu đã lên đạn sẵn sàng. Đã đến giờ phút tất yếu của sự trừng phạt, giờ phút trả thù. Anh nâng lên khẩu mode bắn nhanh lắp được nhiều đạn rồi hạ xuống tay làm chỗ tựa. Phát súng đầu tiên vang lên trong đêm tối như tiếng sấm đã quật ngã tên đầu sỏ Guram. Ngay tiếp đó, trong lúc những lời ca vừa rời khỏi miệng chưa tắt hẳn, anh lần lượt bắn hạ tất cả những tên còn lại. Chúng thậm chí chưa kịp hiểu chuyện gì đã xảy ra. Và thế là lại một lần nữa anh làm đổ máu trong cơn xoáy lốc lẫn quần của các vụ tàn sát. Và lại một lần nữa anh làm đổ máu để trả thù cho máu đã đổ.

“Đúng, những qui luật của các mối quan hệ giữa con người với nhau đều có chịu tuân theo những phép tính toán học. Và, theo ý nghĩa đó thì Trái Đất quay hết như vòng quay của những tấn bi kịch đẫm máu... Vậy chẳng lẽ vòng quay này bị định mệnh buộc phải quay mãi cho tới ngày tận thế, trong suốt thời gian Trái Đất quay quanh Mặt Trời hay sao?

“Đường đạn thật chuẩn xác, và chỉ có một tên bỗng lão đảo chống hai tay nhóm dậy, nhưng Xandrô đã nhảy vọt đến, bắn một phát vào gáy... Lũ ngựa kinh hoàng lồng lên rồi lại lặng yên tại chỗ dây buộc...

“Đồng lửa vẫn cháy, sông vẫn rì rào chảy, rừng núi vẫn nguyên tại chỗ,

mặt trăng vẫn cao vời vợi ở chỗ cũ, chỉ có tiếng hát đã ngừng ngân vang rất lâu vào tối hôm đó là đột nhiên bị đứt quãng...

“Khuôn mặt Xandrô trắng bệch như phấn trong đêm tối, anh vợ lấy bao da còn rượu ở dưới đáy, tưới khắp người và sặc sụa uống để dập tắt ngọn lửa trong lòng anh... Sau đó anh lấy lại hơi thở, bình tĩnh đi một vòng quanh những xác chết nằm ngổn ngang quanh đồng lửa. Rồi anh gỡ vũ khí của những kẻ bị giết, treo lên mỏ yên ngựa của chúng, quăng đi những dây cương và hàm thiếc khỏi đầu ngựa, và thả cho chúng được tự do. Anh thả tất cả bảy con ngựa, kể cả con ngựa hồng của mình... Anh dõi nhìn chúng đánh hơi thấy đã được thả lỏng, chúng nối đuôi nhau bước về phía người ở tại ngôi bản phía trước núi thuộc vùng đất thấp – vì ngựa bao giờ cũng đến những nơi có người sinh sống... Nhưng rồi, tiếng vó ngựa cũng im bật, hình bóng lũ ngựa đi thành hàng một ở phía dưới cũng biến mất...

“Mọi việc đã xong xuôi, Xandrô lặng lẽ đi vòng một lần nữa quanh sáu tên vừa bị giết không kịp trở tay. Rồi anh bước lách sang bên một chút, tỉ nòng khẩu mode vào thái dương. Một phát súng nữa lại vang lên giữa vùng núi non như một tiếng vọng ngân ngui. Bây giờ anh là người thứ bảy đã hát xong khúc hát của mình...

“Thiên balat Grudia kia đã kết thúc như vậy đấy.

“Tôi bỗng nhớ đến câu chuyện đó khi ngồi trong viện bảo tàng nghe nhóm ca sĩ Bungari trình diễn những bài thánh ca Bungari cổ. Những bài thánh ca này được sáng tác nên bởi những con người từ bóng tối của các thế kỷ, cất lên lời kêu gọi cao cả và thậm chí cuồng loạn nữa, hướng tới đấng Thượng Đế cũng do họ tạo nên, hướng tới thế giới phi hiện thực mà cũng chính họ biến thành hiện thực tinh thần. Bởi con người tin chắc rằng họ cô đơn trong thế giới này đến nỗi họ sẽ chỉ tìm thấy Người trong các bài hát và những lời cầu nguyện.

“Tôi nhớ lại và trải qua toàn bộ câu chuyện đó chỉ trong vòng vài giây.

So với tốc độ của ý nghĩ thì tốc độ của ánh sáng chẳng có nghĩa lý gì. Khi trở lại quá khứ, ý nghĩ có thể chuyển động theo hướng ngược lại trong thời gian và không gian với tốc độ lớn hơn hết...

“Bây giờ tôi tin rằng trong những năm đó câu chuyện như vậy có thể xảy ra thật. Trong phần kết luận của thiên truyện “Sáu người và người thứ bảy”, tác giả cho biết là Xandrô, tức là người thứ bảy, được truy tặng huân chương gì đấy. Nhưng nếu như những tấn bi kịch của các cuộc nội chiến không biến thành những tấn bi kịch của dân tộc, nếu như việc một số kẻ chống lại lịch sử mới sang trang và việc một số khác tỏ ra nôn nóng trong cuộc đấu tranh nhằm đẩy nhanh lịch sử đó, nếu như tất cả những yếu tố này không làm biến đổi tận gốc cuộc sống... thì làm sao có được những đường cày khùng khiếp ấy trên mảnh ruộng cày của cách mạng, và làm sao thiên balat Grudia kia lại có được kết cục như vậy?

“Giá trả bằng giá... Vì người thứ bảy kia có thể đắc thắng, có thể vẫn còn sống được lắm, nhưng anh đã không làm như thế vì những nguyên nhân khó giải thích nổi. Bất kì ai cũng có thể lý giải những nguyên nhân ấy theo ý mình. Còn tôi, trong giờ phút bập bênh trôi trên con thuyền của các bản thánh ca Bungari dưới cánh buồm trắng của tinh thần cao cả – con thuyền ấy mãi mãi ngang dọc khắp đại dương mênh mông của sự tồn tại – tôi chợt nghĩ rằng nguyên nhân khiến thiên balat Grudia kết thúc như vậy chính là những bài hát đã chứa đựng niềm tin chung của tất cả bảy người.

“Khi ta phát hiện ra một điều gì đó cho bản thân ta thì cả con người của ta đều hòa nhịp theo và tâm hồn ta bừng sáng ra. Nhìn những cặp mắt long lanh đầy vẻ sùng tín, tận tụy và hào hứng của tốp ca sĩ Bungari đang hát những khúc ca thiêng liêng, nhìn khuôn mặt họ ướt đẫm mồ hôi vì căng thẳng, tôi thấy ghen tị với họ vì tôi không trong tốp của họ, vì tôi không phải là người thanh niên giống hệt tôi kia.

“Và trên làn sóng ấy của những tư tưởng mới mẻ cứ trào đến, tôi chợt

ngĩ: do đâu mà tất cả những thứ đó – âm nhạc, bài hát, lời cầu nguyện – lại có trong con người? Do sự cần thiết nào mà trước đây cũng như hiện nay lại cần những thứ đó? Rất có thể, đây là do cảm giác có tính chất tiềm thức về sự bi thảm mà con người phải trải qua trong vòng quay của cuộc đời, khi mọi việc hết đến rồi lại đi, lại đến rồi lại đi, và con người muốn bằng cách đó để tự thể hiện mình, tự ghi lại mình, làm mình còn lại mãi mãi.

“Vì khi tất cả sẽ chấm dứt, khi đến ngày tận thế sẽ xảy ra sau hàng tỷ năm nữa và hành tinh chúng ta sẽ hủy diệt, sẽ tàn lụi đi, thì một ý thức vũ trụ nào đó đến đây từ các thiên hà khác nhất định sẽ phải nghe thấy âm nhạc và tiếng hát của chúng ta giữa khung cảnh lạng tờ và trống trải bao la. Vì một điều đã ăn sâu vĩnh viễn vào chúng ta từ buổi tạo thế là được sống sau cuộc sống hiện nay! Đối với con người, điều đó hết sức quan trọng, hết sức cần thiết là phải biết được, phải tin chắc được rằng việc kéo dài bản thân mình như vậy về nguyên tắc là có thể thực hiện được. Chắc hẳn con người rồi sẽ tìm được cách để lại sau mình một thiết bị tự động vĩnh cửu, một động cơ thanh nhạc vĩnh cửu nào đó – đây sẽ là hợp tuyển tất cả những gì tốt đẹp nhất trong nền văn hóa của nhân loại qua mọi thời đại. Và khi thưởng thức tiếng hát của các ca sĩ Bungari, tôi tin rằng những ai về sau được nghe thấy những lời ca và âm nhạc này sẽ có thể hiểu được, cảm thấy được những con người trên trái đất, những kẻ duy nhất có lý trí, đã từng là những tạo vật mâu thuẫn như thế nào, đã từng là những thiên tài và những kẻ tuấn đạo như thế nào...

“Cuộc sống, cái chết, tình yêu, sự đồng cảm và hào hứng – tất cả sẽ được bộc lộ trong âm nhạc. Bởi vì trong âm nhạc, chúng ta đã có thể đạt tới quyền tự do cao nhất mà vì nó chúng ta đã đấu tranh trong suốt lịch sử của mình, bắt đầu từ những lóe sáng đầu tiên của ý thức trong con người. Nhưng chúng ta chỉ mới đạt được quyền tự do đó trong âm nhạc. Và chỉ có âm nhạc, vượt qua tất thảy mọi thứ giáo điều của mọi thời đại, là luôn hướng tới mai sau... Do đó âm nhạc có trách nhiệm nói những điều mà

chúng ta không thể nói được...

“Thình thoảng nhìn đồng hồ, tôi lo lắng chờ đợi lúc buổi biểu diễn kết thúc trong viện bảo tàng Puskin yêu mến của tôi và tôi sẽ phải đến ga Cadan, đến một thế giới hoàn toàn khác và ngụp lặn vào một cuộc sống hoàn toàn khác – một thế giới trôi nổi từ bao thế kỷ trong vực xoáy của những nổi tất bật và những biến đổi không ngừng, nơi những khúc thánh ca chẳng ngân vang và chẳng có một nghĩa lý gì hết... Nhưng, chính vì thế mà tôi phải có mặt ở đó...”

I.5

Trao đổi với anh bạn thân Vichto – Cuộc nói chuyện với cha Phôi Hợp. Bị đuổi khỏi chúng viện – Sức mạnh hoán cải của Lời?

Dã quá trưa, đoàn tàu đã chạy trên những miền ven sông Vônga. Trong các toa có ngăn riêng, hành khách đã kịp thiết lập một nếp sinh hoạt ổn định ở chừng mực có thể được nhằm thích ứng với cuộc hành trình dài ngày. Còn trong toa chung, là toa có Apđi, thì nếp sinh hoạt có thể nói như là một căn nhà nhiều hộ. Hành khách thuộc nhiều loại người và mỗi người đều có lý do riêng đáp tàu này, đó cũng là chuyện bình thường – người nào cần đi thì đi. Trong số hành khách đã có cả những kẻ đi lùng kiếm anasa, những người bạn đồng hành của Apđi. Anh đoán chừng trong chuyến tàu này phải có đến mười kẻ như vậy, nhưng tạm thời anh chỉ biết có hai. Đây là hai gã trai trẻ quê ở Murmanxơ mà tên phu khuân vác Bàn Là tháo vát đã gửi gắm anh cho họ ở nhà ga. Gã lớn tuổi hơn là Pêtrukha, chừng hai mươi. Gã thứ hai non choẹt, Lenca, mới mười sáu nhưng đã đi hành nghề này lần thứ hai rồi, cậu ta tự coi mình là con sói già từng trải và còn hãnh diện vì chuyện đó nữa. Lúc đầu cả hai gã ở Murmanxơ này đều tỏ ra dè dặt dù biết rằng Apđi, hay họ gọi anh theo kiểu miền bắc là Apđiai, là người cùng bọn, và anh bắt đầu nghề tìm kiếm anasa theo sự giới thiệu của những người tin cậy. Những khi muốn nói chuyện bóng gió vì công việc thì họ

phải ra đầu toa, trong lúc hút thuốc. Giờ đây, hành khách không thể chịu nổi những kẻ hút thuốc trong toa – người quá đông đúc và không khí chẳng cần thế cũng đã ngột ngạt lắm rồi – do đó họ thỉnh thoảng ra đầu toa vừa hút vừa tán gẫu. Người đầu tiên chú ý đến việc Apđi không hút thuốc giống như những kẻ cùng hội cùng thuyền với họ là Pêtorukha:

– Apđiai, cậu không bao giờ hút thuốc phải không? Trông cứ như một mụ tiểu thư ấy. Cậu sợ nuốt khói chứ gì?

Apđi đành nói dối:

– Trước đây tớ có hút thuốc, nhưng sau bỏ...

– Thấy ngay mà... Còn tớ, tớ đã quen từ nhỏ rồi. Chẳng Lenca của chúng ta hút mới gớm chứ, cứ như ông già khói ấy, nó cũng chẳng bỏ lỡ cơ hội nào uống rượu cả. Đúng là bây giờ chúng ta không được uống nhưng sau thì tha hồ say bí tỉ.

– Nó còn bé thế kia mà?

– Ai bé, Lenca ấy ư? Bé nhưng là bé hạt tiêu đấy. Hình như cậu mới đi làm ăn lớn lần đầu thì phải, chưa bao giờ kiếm thêm được đồng nào thì phải. Còn nó, nó đã thông thuộc mọi đường ngang lối tắt rồi, gớm lắm!

– Thế nó cũng hút loại anasa ấy hay chỉ đi kiếm thôi – Apđi hỏi.

– Lenca ấy à? Nó hút chứ. Bây giờ ai cũng hút hết, nhưng phải hút có đầu óc mới được – Bêtorukha bắt đầu lý lẽ. Có những đứa nuốt nhiều đến nỗi mê mụ người đi. Bọn ấy là đồ vô dụng, đồ bỏ đi, làm hỏng hết công việc. Thứ cỏ này kỳ diệu lắm, hút vào thấy sướng mê đi, tâm hồn phơi phới như trên thiên đường ấy.

– Sao lại sướng mê đi nhỉ?

– Thế này nhé, giả dụ như có một con suối nhỏ chảy qua, có thể bước một bước hoặc là nhảy sang bờ bên kia, nhưng đối với cậu thì đấy lại là con

sông, là đại dương, là chốn hạnh phúc. Sống mê đi là vì thế. Mà sung sướng cũng là một thứ lạ lẫm, làm thế nào giành được nó? Giả dụ như, bánh mì cậu phải mua, quần áo cậu phải mua, giày dép cậu cũng phải mua, vodka thì ai cũng phải bỏ tiền ra mới có cái để uống. Nhưng loại cỏ này ấy, tuy phải trả không ít tiền đâu, lại gây ra một thích thú đặc biệt: Cậu dường như trong mộng vậy, tất cả mọi vật xung quanh đều hết như trong phim. Chỉ khác nhau ở chỗ phim thì hàng trăm hàng ngàn người xem còn ở đây thì cậu ung dung tự tại một mình, chẳng động chạm đến ai cả. Đưa nào chỗ mũi vào thì có thể vả vào mồm nó một cái: không phải việc của mày, tao muốn sống thế nào thì sống, đừng có can dự vào chuyện người khác. Thế mới tuyệt chứ! – Pêtrukha yên lặng một lát rồi vừa nheo cặp mắt sắc sảo vừa nói bóng gió với vẻ táo tợn, – Apđi này, có lẽ cậu thử một chút nhé, thử một chút cho thú, tớ có thể chia cho cậu dự trữ của tớ.

– Tớ có thì tớ sẽ thử, – Apđi từ chối – kiếm được phần của mình mà thử thì mới thích.

– Cũng đúng, – Pêtrukha đồng ý – của mình bao giờ chẳng thích hơn. – Y yên lặng một lát rồi quyết định thổ lộ tiếp: – Apđai ạ, trong công việc của chúng ta thì cái chính là phải thận trọng, bởi vì tất cả mọi người xung quanh đều là kẻ thù của chúng ta hết. Mỗi mục giả, mỗi cụ chiến binh đeo huy chương, mỗi ông lão về hưu... đều là kẻ thù của chúng ta. Còn những người khác thì khỏi phải nói! Ai cũng muốn chúng ta bị kết án, bị phát vãng đi thật xa làm công việc khổ sai cho khuất mắt. Chính vì thế mà qui tắc của chúng ta là: hãy xử sự để đừng ai chú ý đến, như một con chim tầm thường màu xám ấy, cho tới khi chúng ta vớ được món sụ. Và rồi họ sẽ biết tay bọn ta! Khi ta có tiền trong túi rồi thì ta muốn gì chả được... Còn nếu xảy ra chuyện gì thì Apđi ạ, dù chết cũng không được khai người mình. Đó là luật, nếu không chịu nổi thì dứt khoát sẽ toi mạng. Người ta có thể giết chết như giết con chó ấy. Dù ở đâu, cả ở trại tù chẳng nữa họ cũng sẽ tìm ra được, không phải chuyện đùa đâu...

Apđi dần dần biết rằng Pêtorukha làm việc ở đâu đó tại những công trường khác nhau, nhưng cứ đến mùa hè lại đi đến những miền ven Môiuncumư. Gã biết những chỗ mọc nhiều anasa. Gã bảo là ở đây, nhất là trong các khu hẻm, anasa mọc vô thiên lủng, đủ dùng cho cả thế giới. Ở nhà gã chỉ còn bà mẹ già lụ khụ, lại nghiện rượu. Anh em thì tản mát khắp nơi, người lên miền ngoại Cực Bắc, người đi xây dựng đường ống dẫn hơi đốt. Những kẻ tội nghiệp ấy, theo cách nói của gã, phải kiếm ăn hoặc là trong giá rét, hoặc là những bầy muỗi đen đặc. Còn gã chỉ cần dạo chơi một lần đến vùng Á châu dân mắt hiếng này thôi là suốt năm tha hồ sống nhàn nhã. Cậu bạn đường Lenca của gã thì tình hình gia đình còn tồi tệ hơn nữa. Cậu ta không biết mặt mẹ, được đưa vào nhà trẻ sơ sinh. Khi cậu ta lên ba, có một thuyền trưởng tàu viễn dương ở Murmanxơ – ông ta thường đi Cu Ba – cùng với bà vợ đến trại trẻ và làm mọi thủ tục nhận cậu ta làm con nuôi. Ông bà ta không có con. Năm năm sau mọi việc đều tan thành mây khói. Vợ người thuyền trưởng bỏ đi Lêningrát cùng một người đàn ông khác. Ông ta bắt đầu uống rượu, chuyển sang làm công việc ở cảng. Lenca học ở trường một cách chệnh mảng, lúc thì sống với bà cô của viên thuyền trưởng, lúc thì sống với anh trai ông ta làm nghề kế toán mà bà vợ người này thì thật tàn ác. Cái vòng lẩn quẩn ấy khiến cậu ta đâm cứng đầu cứng cổ, lúc nào cũng cáu kỉnh. Cậu ta liền vĩnh viễn rời bỏ người thuyền trưởng kia và trú ngụ tại nhà một thương binh trước kia là thủy thủ tàu ngầm, một con người cô độc, tốt bụng, nhưng không có ảnh hưởng gì đối với cậu ta. Cậu ta muốn sống thế nào thì sống, muốn đi đâu cứ việc đi, muốn trở về thì trở về. Và thế là Lenca đã đi kiếm anasa đến mùa thứ hai. Hơn nữa, cậu ta hình như đã đam mê chất độc này, vậy mà cậu ta mới mười sáu tuổi và cả cuộc đời ở phía trước...

Apđi phải gìm mình lắm mới không phản ứng lại tất cả những chi tiết đáng phẫn nộ như vậy bởi vì anh tự đặt cho mình nhiệm vụ là hiểu cho được bản chất của những hiện tượng này, những hiện tượng đang thu hút

ngày càng nhiều thanh niên vào mạng lưới của nó. Anh càng đi sâu vào những câu chuyện đáng buồn đó thì càng tin chắc rằng những thứ ấy tựa như một dòng nước ngầm trong khi mặt bể cuộc đời vẫn phẳng lặng một cách giả dối, và rằng ngoài những nguyên nhân riêng tư và cá nhân làm nảy sinh khuynh hướng phạm tội thì còn những nguyên nhân xã hội nữa cho phép có khả năng xuất hiện những chứng bệnh loại này của thanh niên. Thoạt nhìn thì những nguyên nhân đó thật khó nắm bắt nổi, chúng tựa như những mạch máu thông nhau đem bệnh tật lan truyền khắp cơ thể. Dù anh có đi sâu vào những nguyên nhân này thế nào chẳng nữa ở cấp độ cá nhân thì ích lợi cũng chẳng là bao, nếu không muốn nói là chẳng có ích lợi gì hết. Tối thiểu là phải viết cả một bản luận văn xã hội học, và tốt hơn cả là mở một cuộc thảo luận trên báo chí và trên vô tuyến truyền hình.

Đó là điều anh mong muốn, điều mong muốn hệt như của một kẻ dạo bước từ nơi khác đến... Nhưng anh là người như vậy nếu lưu ý rằng anh bị nguồn gốc chủng viện làm hạn chế tầm mắt và anh không hiểu gì về cuộc sống hằng ngày. Rồi về sau anh sẽ hiểu: không một ai quan tâm đến việc làm cho những chuyện như thế được nói lên một cách công khai. Thái độ đó bao giờ cũng được giải thích bằng những lý lẽ dường như là để bảo vệ uy tín của xã hội chúng ta, mặc dù về thực chất đây là do một số người không muốn đánh liều một lần nữa địa vị của mình, một địa vị phụ thuộc vào ý kiến và tâm trạng của những nhân vật khác. Chắc hẳn, để lên tiếng báo động về tình trạng bất ổn trong một bộ phận nào đó của xã hội thì ngoài tất cả những điều kiện khác, còn phải có gan hành động có hại cho bản thân mình nữa. Thật may mắn và cũng thật bất hạnh cho Apđi, anh không hề chịu gánh nặng của nỗi sợ hãi thầm kín như thế.

Nhưng hiện nay thì mọi phát hiện thế tục ấy còn ở phía trước. Anh chỉ mới bước lên con đường này, mới chỉ tiếp xúc với hiện thực ở một mặt của nó. Do lòng thương xót những tâm hồn lầm lạc mà anh khao khát hiểu rõ bằng kinh nghiệm bản thân anh để giúp đỡ họ, dù chỉ giúp được vài người

trong số đó, và giúp bằng sự tham gia kinh nghiệm bản thân chứ không phải bằng những lời giáo huấn, trách móc hoặc lên án. Anh muốn chứng minh cho họ rằng chỉ có thể thoát ra khỏi tình trạng nguy hại này thông qua sự phục hưng của bản thân, và theo ý nghĩa đó thì mỗi người trong bọn họ sẽ phải thực hiện một cuộc cách mạng ít ra trong phạm vi tâm hồn mình. Nhưng lại một lần nữa, anh không ngờ được là sẽ phải trả giá đắt như thế nào cho những ý tưởng mơ mộng hảo huyền như vậy.

Anh còn trẻ quá, nhưng đâu phải chỉ vì anh còn trẻ quá... Trong chủng viện, anh đã từng nghiên cứu sự tích chúa Giêsu. Anh đã thầm gánh chịu nỗi đau khổ của Người trên vai mình tới mức òa lên khóc nức nở khi đọc đến đoạn Giuđa phản bội Người trong khu vườn Hêximania! Ôi, anh thấy thế giới dường như sụp đổ khi chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút trong cái ngày nóng nực đó, trên đỉnh Sọ đó! Nhưng vào quãng thời gian ấy, người thanh niên non nớt chưa nghĩ được như thế này: phải chăng trên đời có tồn tại một qui luật mà theo nó, những người bị cuộc đời trừng phạt nhiều nhất chính là những đứa con ưu tú của mình vì những tư tưởng trong sạch nhất và những động cơ cao quý nhất? Có lẽ cũng nên suy nghĩ thế này: phải chăng đấy là hình thức tồn tại và phương thức chiến thắng của những tư tưởng như vậy? Phải chăng đúng là như vậy? Phải chăng chính đó là giá trị của chiến thắng như vậy?

Ngay từ lúc đầu, anh đã có lần trao đổi về vấn đề này với Vichto, người mà anh không bao giờ dám xưng hô suồng sã tuy tuổi hai bên chỉ xấp xỉ nhau. Câu chuyện này diễn ra trước khi Apđi quyết định cắt đứt quan hệ với chủng viện.

– Tôi biết nói gì bây giờ đây? Anh thấy đấy, cha non choẹt của tôi ạ. Xin anh đừng giận vì đôi khi tôi gọi anh là cha non choẹt, nhưng cái tên gọi ấy mới chính xác làm sao – Vichto trầm ngâm nói khi họ ngồi uống trà ở nhà anh. – Anh nhất định sẽ rời bỏ chủng viện và thế nào anh cũng bị giáo hội

rút phép thông công! Tôi tin rằng đám thầy dạy của anh sẽ không cho phép anh từ bỏ họ sau khi đã tung ra lời thách thức họ. Nhất là anh lại ra đi vì một nguyên cớ có thể nói là hiếm có và rất khó chịu: không phải vì anh bị đối xử bất công, không phải vì anh bị xúc phạm, bị ức hiếp, cũng không phải bởi vì anh sinh sự với một giáo chức nào đấy. Không, cha non choẹt của tôi ạ, nhà thờ chẳng có lỗi gì với anh hết. Anh cắt đứt với họ, có thể nói, do những lý do thuần túy tư tưởng...

– Đúng thế, anh Vichto ạ, đúng như thế đấy. Không hề có nguyên nhân trực tiếp, còn nói là bị xúc phạm thì lại quá đơn giản. Vấn đề không phải ở bản thân tôi. Vấn đề là ở chỗ đến ngày hôm nay thì các tôn giáo truyền thống đã già cỗi một cách vô vọng rồi. Không thể nghiêm chỉnh nói đến thứ tôn giáo đã từng trồng cây vào ý thức tộc hệ của những tầng lớp dưới đang thức tỉnh. Chính anh cũng hiểu đấy, nếu lịch sử có thể đề xuất một nhân vật trung tâm mới của các tín ngưỡng trên phạm vi toàn thế giới: nhân vật Chúa Trời hiện đại với những tư tưởng thiêng liêng mới mẻ phù hợp với những đòi hỏi hiện nay của thế giới, thì khi đó còn có thể hy vọng rằng giáo lý sẽ có một giá trị nào đấy. Đó là nguyên nhân sự ra đi của tôi.

– Tôi hiểu, tôi hiểu – Vichto độ lượng mỉm cười và vừa nhấp nước trà nói tiếp, – tất cả câu chuyện đó vang lên tựa như tiếng sét. Nhưng trước khi đề cập đến lý thuyết của anh, tôi phải nói cho anh biết rằng lúc này đây tôi ngồi uống trà và sung sướng hết sức tự nhiên rằng chúng ta không phải sống trong thời Trung Cổ. Nếu ở một nước nào đó trong thời Châu Âu theo Thiên Chúa giáo, ở Tây Ban Nha hay Italia chẳng hạn, thì vì tội tà giáo chưa từng có như vậy, hoặc dù chỉ bởi vì anh dám nói và tôi thì lại khinh suất nghe anh nói, cả hai chúng ta nhất định sẽ bị phanh thây rồi bị thiêu trên giàn lửa và cuối cùng bị nghiền thành bột cho tung bay theo gió. Trời, toà án giáo hội nhất định sẽ trừng phạt chúng ta thật nặng nề và trừng phạt một cách hả hê nữa! Nếu như tòa án hội thánh đã từng thiêu cháy một kẻ bất hạnh chỉ vì có kẻ tố giác rằng dường như người đó tự cho phép mình

mỉm cười một cách khó hiểu khi nghe nói đến chuyện thụ thai mà vẫn tinh khiết thì phải cho rằng...

– Anh Vichto ạ, xin lỗi vì đã ngắt lời anh, nhưng tôi buộc phải làm như vậy – Apđi vừa nhếch miệng mỉm cười vừa bồn chồn cài khuy trên chiếc áo chùng viền đen. – Tôi hiểu là đã làm anh không nhịn được cười, nhưng xin nói thật với anh: nếu như trong thời đại chúng ta mà có toà án giáo hội và nếu như ngày mai tôi bị đe dọa thiêu chết trên giàn lửa vì tội tà đạo, thì tôi cũng không chối bỏ một lời nào của tôi hết.

– Tôi tin như vậy – Vichto gật đầu đồng ý.

– Tôi đi đến tư tưởng này không phải ngẫu nhiên. Tôi đi đến tư tưởng này sau khi đã nghiên cứu lịch sử Kitô Giáo và trong lúc quan sát cuộc sống hiện nay. Và tôi sẽ đi tìm hình thức mới, hình thức hiện đại của Chúa Trời, cho dù tôi sẽ không bao giờ tìm ra được...

– Anh nhắc đến lịch sử như vậy là tốt lắm – Vichto ngắt lời. – Bây giờ hãy nghe tôi nói đây. Tư tưởng của anh về Chúa Trời mới chỉ là một lý thuyết trừu tượng, tuy về một mặt nào đó thì cực kỳ cấp thiết nếu nói theo ngôn ngữ của các nhà trí thức chúng ta. Đây là những suy nghĩ của anh, hay như trước kia thường nói, đây là những lập luận có tính chất trí óc. Anh lập chương trình cho Chúa, nhưng Chúa không thể nghĩ ra một cách tư biện được dù điều đó có vẻ hấp dẫn và xác đáng thế nào chăng nữa. Anh có hiểu không? Nếu Giêsu không bị đóng đinh câu rút thì ông ta không thể là Chúa được. Nhân vật độc đáo này bị ám ảnh bởi tư tưởng thiết lập công bằng trên khắp thế giới, lúc đầu bị người đời giết chết một cách man rợ rồi sau đó được tôn cao lên, được ca ngợi, được than khóc và cuối cùng được coi như phải trải qua nhiều đau khổ mới hiển linh được. Ở đây có kết hợp sự sùng bái và sự tự buộc tội, sự ăn năn và hy vọng, sự trừng phạt và khoan hồng, và cả tình yêu con người nữa. Còn sau đó, tất cả đều bị bóp méo và làm cho thích ứng với những lợi ích nhất định của những lực lượng nhất định thì lại

là chuyện khác. Và lại, đây là số phận của mọi tư tưởng có tính chất toàn thế giới. Vậy anh hãy nghĩ xem nhân vật nào mạnh mẽ hơn, hùng hậu hơn, hấp dẫn hơn, nhân hậu và gần gũi hơn: nhân vật Chúa đi lên đoạn đầu đài vì đạo, bị đóng đinh trên cây thập tự vì tư tưởng?, hay nhân vật đấng tối cao hoàn hảo, một lý tưởng trừu tượng dù là được giải thích theo kiểu hiện đại chẳng nữa?...

– Tôi đã nghĩ đến vấn đề đó, anh Vichto ạ. Anh nói đúng. Nhưng tôi không thể đoạn tuyệt với ý nghĩ cho rằng đã đến lúc xem xét lại quan niệm trước đây về Chúa. Dù quan niệm đó có vững chắc đến đâu chẳng nữa, đã từ lâu nó không còn phù hợp với nhận thức hiện nay của thế giới. Điều này hiển nhiên lắm rồi, chúng ta sẽ không tranh cãi làm gì. Rất có thể tôi xuất phát từ sự trừu tượng hoá, tôi đi tìm những gì không nên tìm. Nhưng biết làm sao được! Cứ mặc cho những tư tưởng của tôi không dung hoà được với thần học chính thống. Tôi không thể làm gì được với bản thân tôi. Tôi sẽ rất sung sướng nếu có ai làm tôi phải thay đổi quan niệm.

Vichto vung tay lên với vẻ hiểu biết:

– Tôi hiểu anh, cha Apđi ạ, nhưng mặc dù vậy tôi vẫn phải báo cho anh biết: theo quan niệm của chức sắc giáo hội thì việc tìm kiếm Chúa là tội ác khủng khiếp nhất chống lại giáo hội, chẳng khác gì anh định lật nhào toàn thế giới.

– Tôi biết – Apđi bình tĩnh nói.

– Nhưng điều người ta không ưa hơn nữa là việc tìm kiếm Chúa trong trần thế. Anh cũng đã suy nghĩ đến điều đó chứ?

– Thật ngược đời – Apđi ngạc nhiên đáp.

– Cứ sống rồi sẽ thấy...

– Nhưng thế là thế nào nhỉ? Lập trường của họ trong vấn đề này trùng nhau ư?

- Không hẳn là trùng nhau, nhưng việc đó chẳng cần thiết cho ai cả.
- Lạ thật, cái cần thiết nhất hoá ra lại chẳng cần thiết cho ai cả!
- Theo tôi thì anh sẽ gay go đấy, cha Apđi ạ. Tôi không ghen với anh, nhưng tôi cũng không ngăn anh – Vichto nói lúc kết thúc câu chuyện.

Anh nói đúng, anh nói đúng hết. Ít lâu sau Apđi có cơ hội tin như vậy.

Câu chuyện nhỏ sau đây diễn ra trước khi anh bị đuổi khỏi chủng viện. Vào hôm đó có một nhân vật quan trọng đến thành phố và được ban giám hiệu chủng viện đón tiếp hết sức tôn kính tại nhà ga. Đó là cha Đmitori, người phối hợp các cơ sở học tập của giáo phận. Chính vì thế mà trong giới chủng viện người ta gọi cha là cha Phối Hợp. Là một người đáng kính và chín chắn thuộc lứa tuổi trung niên – dưới hình thức lý tưởng thì cha phải như vậy, – cha Phối Hợp đến lần này vì một biến cố đặc biệt mà thủ phạm là Apđi Calixtoratốp, một trong những chủng sinh ưu tú nhất của chủng viện. Anh ta đã bước lên con đường tà đạo – công khai xét lại Thánh Kinh bằng cách nêu ra một tư tưởng đáng ngờ về Chúa Trời hiện đại. Tất nhiên, cha Phối Hợp đến đây với tư cách người thầy và người giảng hoà để bằng sức mạnh uy tín của mình đưa người thanh niên lầm lạc kia trở lại với tình thương của giáo hội, và không để chuyện xích mích này lan ra ngoài. Theo ý nghĩa đó thì giáo hội chẳng khác gì mấy so với những thiết chế trần tục, nơi danh dự của bộ sắc phục là quan trọng hơn hết. Nếu một người nào đó giàu kinh nghiệm hơn về cách xử thế ở vào địa vị Apđi thì chắc hẳn người đó sẽ tiếp nhận ý định đầy tình cha con của cha Phối Hợp, nhưng Apđi thành thật không hiểu người quan chức nổi tiếng này của giáo hội, do đó làm những tính toán của cha trở nên phức tạp hơn nhiều.

Anh được mời đến gặp cha Phối Hợp để trò chuyện vào khoảng giữa trưa và anh ở lại đấy tối thiểu cũng phải ba tiếng đồng hồ. Đầu tiên, cha Phối Hợp đề nghị anh cùng cầu nguyện tại nhà nguyện, một gian phòng trong tòa nhà chính của chủng viện.

– Con của ta. Dĩ nhiên là con đoán được rằng cha có câu chuyện quan trọng muốn nói với con. Nhưng ta không nên vội vã. Con hãy làm ơn đưa ta đến bàn thờ Chúa – ông ta vừa đề nghị Apđi vừa nhìn anh bằng cặp mắt lồi hơi đỏ. – Cha cảm thấy là trước hết ta nên cầu nguyện cùng nhau đã.

– Cầu Chúa phù hộ cho Cha – Apđi nói. – Con sẵn sàng làm theo ý cha. Đối với cá nhân con, cầu nguyện luôn luôn là đối khúc với những suy nghĩ thường xuyên về Đấng Tối Cao. Con cảm thấy là ý nghĩ về Chúa Trời hiện đại không bao giờ rời bỏ con.

– Ta không nên vội vã như vậy con ạ – cha phối hợp thận trọng lên tiếng và đứng dậy khỏi ghế bành. Ông ta thậm chí bỏ ngoài tai câu nói táo tợn của Apđi về Chúa Trời hiện đại và về đối khúc. Viên giáo sĩ đầy kinh nghiệm này không muốn câu chuyện trở nên gay gắt ngay từ đầu. – Ta hãy cầu nguyện đã. Ta phải nói với con rằng, ta càng sống lâu trên đời thì lại càng tin chắc hơn vào thiện tâm của Chúa, vào lòng nhân từ vô hạn của Người đối với chúng ta. Và ta lấy làm sung sướng rằng ta luôn luôn cảm thấy như vậy lúc đắm mình trong cầu nguyện. Lòng lành của Chúa thật vô cùng. Đấng Tối Cao quả thật yêu thương chúng ta vô hạn độ. Rất có thể, đối với Người thì lời cầu nguyện của chúng ta chỉ là tiếng bập bẹ nông nổi, nhưng trong đó chứa đựng sự hòa nhập khăng khít của chúng ta với Chúa.

– Thưa cha, cha nói đúng – Apđi đáp khi đã đứng ở ngưỡng cửa.

Sau đó, bởi vì anh còn non nớt và nóng nảy, anh không chịu nổi phút ngừng mà phép lịch sự đòi hỏi trong khi chuyện trò, và anh liền tung ngay chủ bài ra:

– Nhưng con xin mạnh dạn nhận xét rằng Chúa Trời trong khái niệm của chúng ta là vô cùng, nhưng vì tư duy trên trái đất phát triển từ nhận thức này đến nhận thức khác nên kết luận tự nhiên là: Chúa cũng phải có tính phát triển. Vậy cha nghĩ sao?

Đến đây thì cha Phối Hợp không thể tránh trả lời được nữa.

– Nhưng con quá nóng nảy đấy, con ạ – ông ta vừa đáp vừa khàn khàn ho và sửa lại chiếc áo chùng dày đang mặc. – Không nên suy xét về Chúa như vậy dù là do còn trẻ. Chúng ta không có khả năng nhận thức được Đấng Sáng Tạo. Người tồn tại ở bên ngoài chúng ta. Ngay cả chủ nghĩa duy vật cũng phải thừa nhận rằng thế giới tồn tại ngoài ý thức chúng ta, Chúa càng như vậy.

– Xin lỗi cha, nhưng ta nên gọi sự vật đúng tên của nó thì hơn. Bên ngoài ý thức chúng ta thì không có Chúa.

– Con tin như vậy?

– Vâng, chính vì thế con mới nói.

– Thôi được, chúng ta sẽ không nói hết ngay làm gì. Cứ cho là chúng ta sẽ tổ chức một cuộc thảo luận nho nhỏ về học tập đi. Nhưng để đến khi cầu nguyện xong đã. Còn bây giờ thì con hãy làm ơn đưa ta đến nhà nguyện.

Theo logic sự việc, chỉ riêng việc cha Phối Hợp dành cho Apđi vinh dự được cùng cầu nguyện trong nhà thờ của chủng viện thì đã phải được hiểu là dấu hiệu thiện ý. Và lẽ ra, người học sinh chủng viện có nguy cơ bị khai trừ kia phải lợi dụng hoàn cảnh thuận lợi này mới đúng.

Họ đi dọc theo hành lang, đi trước là cha Phối Hợp, đi sau nữa bước và hơi dịch sang bên là Apđi. Nhìn dáng dấp thẳng tắp của người giáo sĩ, nhìn bước chân đầy tự tin của ông ta, nhìn chiếc áo chùng đen rộng thùng thình trùm đến tận sàn, tạo cho ông ta một vẻ đường bệ đặc biệt, Apđi cảm thấy trong con người ông ta có chứa đựng một sức mạnh đã hình thành hàng thế kỷ, một sức mạnh mà trong từng công việc trần thế đều bảo vệ những giáo luật của đức tin và trước hết là tuân theo những lợi ích của bản thân. Chính là với sức mạnh chống đối có từ bao đời này mà anh sẽ phải chạm trán trên con đường tìm kiếm chân lý trong cuộc sống.

Nhưng lúc này cả hai đều đang đi đến gặp Đấng Tối Cao mà họ đều tin tưởng, tuy mỗi người tin theo kiểu riêng của mình, và đều muốn nhân danh Đấng Tối Cao mà truyền cho bao kẻ khác những ý nghĩ chung cho mọi người về thế giới và về vị trí của con người trong thế giới đó. Cả hai đều hy vọng vào Người bởi, vì Người hiểu biết hết và độ lượng vô cùng. Và họ cứ như vậy mà đi...

* * *

Nhà nguyện chúng viện vào giờ đó vắng vẻ, vì vậy có cảm giác như nó không đến nỗi nhỏ lấm. Còn ngoài ra thì đây là một nhà thờ bình thường, chỉ có điều là ở mãi cuối bàn thờ tối tăm, gương mặt Chúa Giêsu đóng khuôn một cách nghiêm nghị trong mái tóc đen thẫm với ánh mắt chăm chú, nghiêm khắc, hiện lên quá trắng trẻo dưới ánh nến mờ mờ. Hướng tới Người là ánh mắt và ý nghĩ của hai kẻ đang quỳ sụp trước bàn thờ – đây là viên giáo sĩ và chàng giáo sinh trẻ tuổi còn chưa bị mất quyền tự do suy xét riêng vào lúc này. Cả hai đến đây với niềm hy vọng được chuyện trò riêng tư với Người vì Người có thể đối thoại đồng thời vào bất kỳ lúc nào với một số lượng vô hạn những kẻ muốn hướng tới Người, thực tế là với toàn thể nhân loại, tại bất kỳ chỗ nào trên trái đất. Đó chính là khả năng có mặt tại khắp nơi của Người.

Cả lần này cũng vậy, trong khi cầu nguyện, mỗi người đều muốn giải bày cùng một lúc nỗi lo âu của mình, những nỗi buồn của mình và những lời biện minh cho các hành động của mình xuất phát từ niềm tin vào Người, mỗi người đều cố xác định mối tương quan giữa bản thân mình với vũ trụ tưởng tượng mà trong đó họ chỉ chiếm một vị trí cực nhỏ trong một thời gian cực ngắn, mỗi người vừa làm dấu vừa cảm ơn Đấng Sáng Tạo vì họ đã may mắn được sinh ra trên đời, và mỗi người đều cầu khẩn...

– Thưa cha, đúng thế đấy, – Apđi xác nhận.

– Đó, con thấy chưa? Điều ấy chứng tỏ rằng sở dĩ tuổi trẻ có đặc tính cực

đoan – bây giờ đây là những từ đang thịnh hành đấy, – trước hết là bởi vì đó là đặc điểm lứa tuổi, có đúng không con?

– Đúng thế, nhưng những con người trẻ tuổi này mà theo quan điểm của cha là những kẻ cực đoan ấy, nói cho công bình, cũng có những niềm tin khá vững chắc, – Apđi chêm vào.

– Đương nhiên rồi, đương nhiên là thế rồi, – cha Phối Hợp vội vàng đồng ý, – nhưng đó là một vấn đề đặc biệt. Dù sao chẳng nữa, họ cũng không phải là chức sắc giáo hội, thái độ của họ đối với tôn giáo là việc riêng của họ và người ta đòi hỏi khác với họ. Còn con, con của cha, con là giáo sĩ tương lai.

– Còn hơn thế nữa, – Apđi ngắt lời, – vì về tư tưởng thì mọi người phải hoàn toàn tin con và tin những nhận thức của con.

– Đừng vội, – cha Phối Hợp cau mày, - nếu con định hiểu những điều ta nói theo lối có lợi cho con thì ta hãy nói chuyện theo kiểu khác. Trước hết, con không phải là người đầu tiên mà cũng không phải là người cuối cùng bị tinh thần mâu thuẫn ám ảnh trên con đường thiếu hiểu đức tin. Trong suốt thời gian tồn tại của mình, giáo hội đã biết không ít những kẻ ngờ vực như con. Sao vậy? Trong bất kỳ sự nghiệp vĩ đại nào đều không tránh khỏi tổn thất. Những yếu tố nhất thời như thế, những sự việc ngẫu nhiên như thế đã từng có và sẽ còn có trong tương lai. Điều quan trọng là tất cả những thứ đó đều có một kết thúc hoàn toàn tất yếu: hoặc là kẻ đó kiên quyết chối bỏ những nghi ngờ của mình và kiên quyết quay trở lại với nhiệt tâm còn cao hơn nữa và với lòng hăng hái thừa nhận không điều kiện đức tin chân chính còn mãnh liệt hơn nữa, do đó được các cha bề trên sẵn lòng tha thứ, còn nếu tỏ ra bướng bỉnh và không tán thành thì kẻ tà đạo đó sẽ bị khai trừ khỏi giáo hội và rút phép thông công. Con đã rõ rồi chứ: không có con đường thứ ba, không thể có con đường thứ ba được. Tư tưởng mới của con không thể được chấp nhận. Con rõ rồi chứ?

– Vâng, nhưng thưa cha, con cho rằng con đường thứ ba cần thiết cho giáo hội nhiều hơn cho con.

– Thế ư? – cha Phối Hợp giễu cợt lắc đầu. – Dám nói bậy bạ đến thế ư? – ông ta thét lên rồi đề nghị với vẻ thích thú độc địa và cay đắng – Vậy con hãy làm ơn trình bày xem con đường thứ ba mà con đã chuẩn bị cho Hội thánh là thế nào đi? Không phải là một cuộc cách mạng chứ? Lịch sử chưa biết đến một sự kiện nào như vậy đâu...

– Đó là con đường khắc phục sự thủ cựu kéo dài hàng thế kỷ, giải phóng khỏi hệ thống giáo điều, ban cho tinh thần con người quyền tự do trong việc nhận thức Chúa như bản chất cao nhất của sự tồn tại bản thân...

– Dừng lại, dừng lại đã! – cha Phối Hợp phản kháng, – Cái tính tự thị ấy thật lố bịch con ạ.

– Nếu cha không thừa nhận bản thân sự độc lập suy nghĩ thì thưa cha, thật đáng tiếc là việc nói chuyện nữa chẳng có ý nghĩa gì hết...

– Chẳng có ý nghĩa gì hết. Đúng thế đấy – cha Phối Hợp bưng bưng giận dữ và đứng dậy. Giọng ông ta rền vang – Tĩnh lại đi, chàng thanh niên kia, đừng có kiêu ngạo như thế! Người đang trên con đường hủy diệt đấy! Con người bất hạnh kia, người tưởng rằng Chúa chỉ là kết quả trí tưởng tượng của người, do đó con người gần như là Chúa đối với Chúa? Nhưng thực ra bản thân ý thức lại do sức mạnh siêu phàm sinh ra. Nếu buông lỏng cho tư tưởng mới của người phát triển, người sẽ xóa bỏ mọi điều giáo huấn và ngăn cấm đã có hàng nghìn năm, đã được con người trả giá rất đắt trong những giác ngộ và đau khổ để đem những nền móng thiêng liêng qua tất cả các thế hệ... Đó, người nhắm vào đích như thế đấy khi cố động cho việc thoát khỏi hệ thống giáo điều trong khi hệ thống giáo điều ấy lại là do Chúa ban cho. Không có những tư tưởng mới thì giáo hội vẫn có thể đứng vững được như trước đây đã đứng vững, nhưng không có các giáo điều thì không thể có giáo lý được. Và nếu như đã đi tới chỗ đó thì người hãy nhớ: hệ

thống giáo điều là nền tảng cơ bản nhất của tất cả các luận điểm và tất cả các quyền lực. Hãy nhớ kỹ lấy, người những tưởng người làm cho Chúa hoàn thiện hơn nhưng thực ra là người xem thường Chúa rồi đấy. Vậy mà người lại sẵn sàng lấy bản thân mình ra để thay thế! Nhưng bởi vì việc chúa ở bên cạnh chúng ta không phụ thuộc vào người và những kẻ giống như người nên việc người xúc phạm đến Chúa chỉ tiêu diệt chính người thôi. Còn Chúa sẽ tồn tại vĩnh viễn và mãi mãi! Amen.

Apđi đứng trước mặt cha Phối Hợp với đôi môi tái nhợt: anh hết sức đau khổ vì thái độ phản nộ ghê gớm của cha. Song anh vẫn không chịu lùi bước:

– Xin cha tha lỗi, nhưng không nên gán cho sức mạnh thần linh những gì xuất phát từ bản thân chúng ta. Tại sao Chúa lại tạo ra chúng ta không hoàn thiện như vậy nếu như Chúa có thể tránh cho chúng ta- những tạo vật của Chúa – khỏi phải kết hợp cùng một lúc trong bản thân mình hai sức mạnh đối lập nhau – sức mạnh của cái thiện và sức mạnh của cái ác? Tại sao Chúa lại cần làm cho chúng ta phải nhiễm những nghi ngờ, những thói xấu và tính xảo quyệt ngay cả đối với chính Người nữa? Cha cố vũ cho tính tuyệt đối của giáo lý, cho sự thấu hiểu tối hậu và dứt khoát bản chất của thế giới và của tinh thần chúng ta, nhưng điều đó thật không hợp lý- chẳng lẽ trong suốt hai ngàn năm đạo Ki-tô tồn tại, chúng ta không thể thêm một chữ nào vào những gì đã phát biểu gần như từ thời trước khi có Thánh Kinh hay sao? Cha cố vũ cho sự độc quyền chân lý, nhưng ít ra thì đó cũng là tự huỷ hoại, bởi vì không một lý thuyết nào, dù đấy là lý thuyết Chúa ban cho chẳng nữa, lại có thể nhận thức tuyệt đối được chân lý một cách dứt khoát. Mà nếu như vậy thì đấy là lý thuyết chết.

Anh im lặng một lát, và giữa cảnh yên lặng đó bỗng nghe thấy tiếng chuông nhà thờ thành phố đổ dồn bên ngoài. Tiếng chuông đó – mối liên hệ tượng trưng giữa con người và Chúa Trời – thật gần gũi và quen thuộc, Apđi những muốn bay đi, trôi đi xa rồi biến mất vào chốn vô tận như những

âm thanh kia...

– Anh đi quá xa rồi đấy anh bạn trẻ ạ, – cha Phối Hợp nói bằng một giọng lạnh lùng, xa lạ, – lẽ ra ta không nên tranh luận với anh về thần học mới phải, bởi vì nhận thức của anh còn non nớt và thậm chí đáng nghi ngờ nữa – phải chăng lời lẽ của anh là do kẻ thù của loài người là quỷ sứ xúi giục? Nhưng có điều này ta muốn nói với anh trước khi chia tay: với những ý nghĩ như vậy thì anh nhất định sẽ bị khốn đốn đấy, bởi vì trên đời này người ta không dung nổi những kẻ dám nghi ngờ các học thuyết có tính chất nền móng, bất kỳ hệ tư tưởng nào cũng có tham vọng chiếm hữu chân lý cuối cùng và anh thế nào cũng vấp phải chuyện đó. Còn cuộc đời trần thế thì tàn nhẫn hơn nhiều so với những gì có thể hình dung nổi, anh sẽ còn phải trả giá cho cách nghĩ nông cạn của anh và sẽ còn nhớ tới câu chuyện hôm nay của chúng ta. Nhưng thế là đủ rồi, hãy chuẩn bị rời khỏi chúng viện đi, anh sẽ bị đuổi khỏi giáo hội – ngôi nhà của Chúa đấy.

– Giáo hội của con sẽ mãi mãi ở bên con, – Apđi vẫn không chịu nhượng bộ – Giáo hội của con chính là bản thân con. Con không thừa nhận các giáo đường và nhất là không thừa nhận các giáo sĩ, đặc biệt là tư cách hiện nay của họ.

– Được thôi, cậu bé non nớt ạ, hãy cầu Chúa cho mọi việc đều trót lọt đi, nhưng anh có thể tin rằng cuộc đời sẽ dạy anh biết vâng lời bởi vì ở đó có tồn tại một sự cần thiết sống còn là phải kiếm miếng ăn cho mình. Và cho tới nay, sự cần thiết đó đã chi phối cuộc sống của hàng triệu kẻ như anh...

Quả thật là về sau, những lời cảnh cáo đó được Apđi nhớ lại không phải một hay hai lần, nhưng lần nào Apđi cũng có cảm giác rằng cái chủ yếu trong thiên chức của anh, các ý nghĩa tối thượng nào đó vẫn còn ở phía trước như đường nét của chân trời nhìn thấy được. Anh cũng có cảm giác rằng tất cả những thăng trầm và gian truân của cuộc đời chỉ là tạm thời trên con đường dẫn tới ý nghĩa đó và nhất định sẽ đến ngày có nhiều người theo

gương anh. Mục đích cuộc đời anh phải chăng là ở đó?

* * *

Vào những ngày ấy, khi anh cùng đi với những kẻ lùng kiếm anasa đến các thảo nguyên có mọc dầu gai, suốt từ sáng đến tối anh nhìn những khoảng không vắng vẻ qua cửa sổ con tàu và tự nhủ:

“Đó, bây giờ thì người được tự do tự tại, không bị một thứ gì ràng buộc ngoài nhiệm vụ của toà soạn, còn tất cả những việc khác thì người được mặc sức hành động theo ý mình. Vậy thì người phát hiện được gì trên con đường trải qua những đau khổ này? Đó, cuộc sống thực là như vậy đấy và người đang mặt đối mặt với nó. Cũng như một trăm năm trước, mọi người đang đạp tàu đi từ một nơi nào đó đến một nơi nào đó, và người là một hành khách trong số họ, cả những kẻ tìm kiếm anasa cũng là hành khách như mọi hành khách khác, nhưng họ có khả năng là những kẻ liều lĩnh và họ sống bám vào một trong những tội lỗi khủng khiếp nhất. Làn khói đặng ngắt kia hình như chẳng là gì hết, chỉ là một chất làm say ngọt ngào, nhưng nó huỷ diệt con người trong con người.

Vậy người sẽ bảo vệ họ như thế nào đây khi họ tự làm hại họ? Người có biết tại sao lại xảy ra những chuyện đó hay không? Nguyên nhân là ở đâu? Người im lặng, người không biết bắt đầu từ đâu, giải thích như thế nào và hành động ra sao ư? Vậy có phải chính người đã mãnh liệt, đã ra sức thoát khỏi bốn bức tường của chủng viện và lao vào dòng nước chảy xiết của cuộc đời để làm thay đổi nó, dù chỉ ít nhiều thôi, theo hướng tốt đẹp hơn đấy không? Những bạn đồng học trong chủng viện gọi người là kẻ mơ mộng hão. Không phải vô cớ mà họ gọi như vậy, chắc chắn thế.

Còn bây giờ, người đã suy nghĩ chưa? Liệu những kẻ tìm kiếm anasa kia có cần đến người hay không, họ có cần người can thiệp vào những công việc và hành động của họ không? Và lại, người có thể làm gì cho họ? Làm họ thay đổi quan niệm, buộc họ sống theo kiểu khác hay sao? Và trong khi

người tự dẫn vật, người suy nghĩ xem nên làm gì và làm như thế nào thì họ vẫn đang đi với mục đích đã vạch ra một cách vững chắc, họ khao khát thành công cho bản thân họ và thấy hạnh phúc của họ là ở đó. Nhưng làm thế nào thuyết phục lại được họ, làm thế nào quay họ trở về với chân lý? Mà nếu không can thiệp, không giúp đỡ thì sớm hay muộn họ sẽ bị kết án, bị ném vào các trại cải huấn, nhưng họ không nhận đó là lỗi lầm mà lại coi là tai hoạ không may. Tình hình sẽ khác hẳn nếu như biết ngăn chặn họ khỏi tội ác, làm họ trong sạch bằng ăn năn hối lỗi, buộc chính họ phải từ bỏ công việc tội lỗi này và thấy hạnh phúc chân chính trong công việc khác. Nếu được như thế thì tuyệt diệu biết bao!

Nhưng họ phải thấy hạnh phúc của họ ở đâu? Trong những giá trị đang được quảng cáo của chúng ta ư? Nhưng những giá trị đó đã bị mất giá và bị dung tục hoá nhiều rồi. Chẳng lẽ lại ở Chúa Trời mà từ nhỏ họ đã thấy là chuyện lối lãng của ông bà họ, là một chuyện hoang đường không hơn không kém? Suy đến cùng thì lời lẽ có thể làm gì được trước khả năng kiếm được món tiền lớn? Bây giờ ai cũng nói câu ngạn ngữ cửa miệng: đừng có gán những lời cảm ơn vào công việc, tiền bao giờ cũng vẫn là tiền! Mà những món tiền dân lòng tìm anasa kiếm được này chắc chắn không chỉ là tiền của chúng ta, rất có thể đó là tiền của nước ngoài nữa. Đó, biết bao nhiêu người trong số họ là từ các thành phố cảng đến, từ Murmanxơ, từ Odetxa, từ vùng ven Bantich, và người ta đồn là cả từ Viễn Đông nữa. Chất anasa chạy đi đâu? Dẫn xuất của plaxtilin và êchxtôra chạy đi đâu?

Nhưng lẽ nào vấn đề lại là ở chỗ những thứ ấy chạy đi đâu? Tại sao hiện tượng đó lại xảy ra? Tại sao một hiện tượng như vậy lại có thể xảy ra trong cuộc sống chúng ta, trong xã hội chúng ta là xã hội đã tuyên bố với toàn thế giới rằng hệ thống xã hội chủ nghĩa không có đất cho các tệ nạn phát triển. Ôi, nếu như có thể làm được như vậy, nếu như có thể viết một tài liệu như thế nào để ngày càng nhiều người lên tiếng hưởng ứng, coi như sự việc thiết thân của mình, coi như đám cháy xảy ra trong nhà mình, coi như tai hoạ của

con cái mình... thì chỉ khi đó, khi những lời lẽ đó được nhiều người ủng hộ, kể cả những người có định kiến, người ta mới có thể lấn át được tiền bạc và chiến thắng được thói hư tật xấu! Cầu Trời cho tình hình đó trở thành hiện thực để những lời lẽ đó không bị rơi vào khoảng trống, và nếu như quả thật ‘khởi đầu là LỜI’ thì cầu Trời cho nó vẫn giữ được sức mạnh ban đầu của nó... Có lẽ nên sống như vậy, nên suy nghĩ như vậy...

Nhưng lạ Chúa, con lại xin hỏi Chúa: Lời lẽ có nghĩa lý gì trước tiền bạc kêu xủng xoeng? Lời thuyết giảng có nghĩa lý gì trước tật xấu không lộ diện? Làm sao có thể dùng lời lẽ để chiến thắng cái ác vật chất? Xin hay ban cho con sức lực, xin đừng rời bỏ con trên con đường con đang đi, con chỉ có một mình, lúc này con chỉ có một mình. Còn họ, những kẻ bị ám ảnh bởi nỗi khao khát tiền bạc kiếm được dễ dàng ấy, thì lại đông vô kể...”

* * *

Sau khi để lại phía sau những mảnh đất vùng Xaratốp, đoàn tàu Mátxcova – Anma – Ata đã hai ngày đêm nay chạy trên đất Cadácxtan. Lần đầu tiên đến phía Turan của lục địa, Apđi sừng sốt trước tầm cỡ và qui mô của miền này, trước những khoảng không bao la mà khi xưa nước Nga đã chinh phục được. Trước mắt anh trải dài những khoảng trời xa xăm thật sự là vô tận. Anh hình dung thấy nếu gộp chung miền này với Xibêri thì đấy đã gần như một nửa thế giới đất liền...

Và những điểm dân cư ở đây mới thưa thớt làm sao. Những thành phố, những làng bản, những nhà ga, những chỗ tránh tàu, những trại gia súc ngẫu nhiên và những ngôi nhà... tất cả đều áp sát vào con đường sắt hết như nét chấm phá trên nền tranh sơn dầu là thảo nguyên bao la, một bức tranh sơn dầu mới được quét sơn lót rồi cứ để mặc như vậy trong cảnh đơn điệu xám nhò, không được tô vẽ thêm... Tại vùng đất này, đâu đâu cũng thấy thảo nguyên trải dài vô tận và giờ đây đang ở thời kỳ ra hoa, khi các loại cỏ cao và thấp đang đạt tới giai đoạn huy hoàng nhất. Giai đoạn này làm biến đổi

bộ mặt trái đất chỉ trong vòng vài ngày, để rồi lại héo khô đi dưới ánh nắng gay gắt và sau đó lại suốt năm chờ đợi mùa xuân...

Những mùi hương ngào ngạt của các loại cỏ thảo nguyên đã ra hoa cứ từng đợt tràn qua các ô cửa hé mở của đoàn tàu. Những mùi hương đó đặc biệt đậm đặc khi đoàn tàu dừng lại tại một ga xếp vô danh nào đó nằm phơi mình giữa cảnh trời đất bao la. Khi ấy, ta chỉ muốn vùn ra khỏi toa tàu ngọt ngào và tự do chạy nhảy một lát trên những lớp cỏ kia, những lớp cỏ bề ngoài xấu xí nhưng thơm ngát mùi ngải cứu, tỏa ra cùng một lúc cả mùi nhựa cây lẫn mùi đất khô khốc.

Thật lạ lùng, Apđi thăm nghĩ, chẳng lẽ loại cây anasa đáng ghét kia lại mọc phóng khoáng như vậy và tỏa hương hấp dẫn như vậy hay sao? Chắc hẳn mùi của nó phải mạnh hơn nhiều và gắt hơn nhiều nếu căn cứ theo những điều mà đám lùn kiểm anasa kể lại trong giây phút cởi mở. Nhưng điều chủ yếu, theo lời họ, là anasa có cọng dài và những bụi anasa cao gần đến thắt lưng. Tuy nhiên, không phải chỗ nào cũng mọc loại đầu gai này. Nó có những chỗ riêng. Và thật may mắn vì không phải chỗ nào nó cũng mọc. Phải đi kiểm nó, phải mất công tìm nó. Nếu như dễ kiểm hơn thì có thể hình dung thấy tình hình sẽ ra sao... Đó, những kẻ lùn kiểm đó phải đi từ những thành phố cảng xa tắp, từ đâu kia thế giới, và họ đi như những kẻ bị bỏ bùa để tìm kiếm loại cây anasa làm đầu óc ngây ngất... Họ còn phải đi mãi, đi mãi, họ còn phải đi xa nữa – và không ai biết tất cả những chuyện này sẽ diễn biến ra sao, sẽ kết thúc ra sao?

Thường thường, những khi Apđi tạm thời lãng quên mục đích chuyến đi bí mật này của mình, anh lại hình dung trong trí tưởng tượng xem những ai đến miền này đầu tiên và vào quãng thời gian nào. Anh nhớ lại những cuốn sách đã đọc và những cuốn phim đã có dịp được xem trong những năm học phổ thông. Anh sung sướng vì còn được gặp những dấu tích của các thế hệ đã qua: những bầy lạc đà màu hung đứng rải rác trên thảo nguyên như

những thành phố hoang vắng, những nghĩa trang thiêng liêng, những bản làng bé nhỏ gồm một vài ngôi nhà du cư... Và thỉnh thoảng, lại thấy thấp thoáng một căn lều hoàn toàn đơn độc, dù có phóng tầm mắt xa đến đâu chẳng nữa, và anh bất giác cảm thấy đáng sợ cho những con người sống trong căn nhà cũ nát và heo hút giữa thế giới này.

Anh cũng thấy những người cưỡi ngựa phi vùn vụt trước mắt, hoặc một mình, hoặc thành nhóm. Lại có cả những người như thời xưa: họ đội loại mũ chụp nhọn hoắt và ngựa của họ thẳng loại yên cương cổ... Và anh thầm nghĩ: tại sao những người đó có thể sống ở đây mà không chết đi vì buồn nhớ và vì tình trạng thiếu nước tại những vùng đất mênh mêng này? Và họ biết làm gì về ban đêm? Con người cảm thấy gì ở đây, đối mặt với vũ trụ ban đêm? Chắc hẳn họ cảm thấy thật khủng khiếp và kinh hoàng vì cảm giác hoàn toàn cô độc của mình trong thế giới vô tận. Vì vậy, có lẽ những đoàn tàu chạy qua đây chỉ mang đến cho họ niềm vui chứ không hề tác động đến thần kinh như thường xảy ra tại các thành phố lớn. Mà cũng có thể ngược lại, vẻ hùng vĩ của những ban đêm trên thảo nguyên lại làm nảy sinh trong tâm hồn những vần thơ vĩ đại. Bởi vì thơ là gì, nếu không phải là sự tự khẳng định của tinh thần con người trong khoảng không bao la của thế giới...

Nhưng những suy nghĩ như vậy làm anh lãng quên không lâu. Anh lại chợt nhớ rằng anh đang cùng đi với đám tìm kiếm anasa. Đứng trên góc độ pháp luật mà xét, anh đang tiếp xúc với những kẻ tội phạm và rồi sẽ đến lúc, vì mục đích thực hiện thiên phóng sự đạo đức xã hội, anh phải dung hoà với cuộc sống này, với cái ác mà bọn người kia mang theo trong bản thân họ. Khi ấy anh cảm thấy bất giác lạnh lạnh dưới ức, cảm thấy khó chịu trong dạ dày và một mối lo ngại mơ hồ đến ớn lạnh. Dường như chính anh là một kẻ trong đám lùng kiếm anasa, là một kẻ can dự vào những công việc tội ác này.

Và những lúc đó, anh hiểu tâm trạng của những kẻ chứa chất gánh nặng bí mật trong tâm hồn. Anh hiểu rằng dù trái đất có rộng lớn thế nào chẳng nữa, dù những ấn tượng mới mẻ có thích thú thế nào chẳng nữa thì tất cả những chuyện đó chẳng đáng giá gì hết, chẳng đem lại gì hết cho trí tuệ và trái tim, nếu như trong ý thức ta còn có một điểm đen dù nhỏ nhoi chẳng nữa. Cái điểm đen trong ý thức đó quyết định dần dần cả tâm trạng con người lẫn quan hệ của người đó với những người xung quanh.

Khi chăm chú quan sát những kẻ đi lòng kiếm chất anasa mà giờ đây anh đi cùng với họ đến các thảo nguyên mọc nhiều dầu gai dại, khi cố gắng khơi chuyện họ, gợi họ giải bày tâm sự, anh đoán chừng rằng mặc dù nhìn bề ngoài thì họ rất tự tin, nhưng chắc chắn ai cũng nặng nề u uất vì việc làm của mình, vì nỗi sợ hãi canh cánh bên lòng là thế nào cũng bị trừng phạt. Và anh thấy thương hại họ.

Không thể giải thích được kiểu cách làm ra vẻ dửng dưng của họ, những tiếng lóng đầy thách thức của họ, thói cờ bạc rượu chè của họ và thái độ bạt mạng được làm vua thua làm giặc của họ, bởi vì họ không nhìn thấy lối sống khác cho họ. Cứu tâm hồn những con người này khỏi ảnh hưởng của tội lỗi, giải phóng họ, mở mắt cho họ thấy bản thân họ, giúp họ thoát khỏi nỗi sợ hãi lúc nào cũng ám ảnh họ và đầu độc họ như chất độc loang khắp bầu không khí... đó là những việc mà Apeđi muốn làm.

Bằng cách nhờ cậy đến toàn bộ hiểu biết của mình và vốn kinh nghiệm xử thế tuy chưa phong phú lắm nhưng cũng không đến nỗi ít ỏi, anh cố sức tìm ra những con đường thực hiện ý định cao quý ấy. Và giờ đây anh hiểu ra rằng, tuy anh đã rời bỏ chủng viện và cắt đứt với giáo hội chính thống, sâu trong tâm hồn, anh vẫn là một nhà truyền giáo. Anh cũng hiểu ra rằng mang đến cho mọi người lời lẽ của chân lý và của điều thiện như anh hiểu, đó là công việc vĩ đại nhất mà anh có thể thực hiện được trong cuộc đời mình. Mà muốn vậy thì không nhất thiết phải được phong chức sắc. Muốn

vậy, phải tận tụy với những gì mình tôn thờ.

Tuy nhiên, anh hiện vẫn chưa hình dung được thật đầy đủ những việc của anh dám làm theo mệnh lệnh của lý trí và trái tim, theo sự lôi cuốn của những nguyện vọng tốt đẹp. Bởi vì mơ ước một cách lý tưởng và ấp ủ trong mơ ước ấy sự cứu vớt mọi người khỏi thói hư tật xấu là một chuyện khác hẳn, so với việc làm điều thiện giữa những con người cụ thể, những con người hoàn toàn không muốn một anh chàng Apđi nào đó dẫn dắt họ lên con đường đức hạnh, một anh chàng cũng đi tìm kiếm anasa như họ cũng đi đến chốn cùng trời cuối đất để kiếm chác món lợi béo bở như họ. Họ nào có quan hệ gì với việc anh ôm ấp nguyện vọng cao quý là hưởng số phận của họ trở về với ánh sáng bằng sức mạnh của lời lẽ?

Anh tin tưởng sắt đá rằng Chúa tồn tại trong lời, và để lời đó có tác động một cách thần diệu thì nó phải xuất phát từ chân lý thật sự và hoàn mỹ. Anh tin như vậy như tin vào pháp luật của thế giới. Nhưng lúc này anh chưa biết một điều: anh chưa biết rằng cái ác chống lại cái thiện ngay cả khi cái thiện muốn giúp đỡ những kẻ bước vào con đường ác... Điều này chỉ có thể nghiệm mới biết được...

I.6

Lần đầu gặp Inga – Hái anasa và gặp đàn sói – Cây số ba trăm ba mươi

Những nhánh núi nhấp nhô phủ đầy tuyết xuất hiện vào sớm ngày thứ tư báo hiệu đoàn tàu đang tiến gần đến vùng đất thấp của các thảo nguyên Truia và ven Môiuncumư, mục tiêu chuyển đi của họ. Những ngọn núi phủ tuyết chỉ là vật chuẩn chung trong những khoảng không bao la này, khi đi sâu vào vùng thảo nguyên này thì chúng sẽ phải biến mất khỏi tầm mắt. Nhưng kìa, mặt trời đã hiện ra ở chân trời và như biết bao lần trước kia, mọi vật lại bừng lên làn ánh sáng thanh bình. Đoàn tàu đầy ắp những con người với vô vàn số phận khác nhau ấy chưa đi đến chân núi đã lấp lánh thành một dãy dài toa tàu trong thảo nguyên và rẽ vào những đồng bằng phủ sương mù, về phía sẽ không nhìn thấy các ngọn núi...

Tại ga Gianpắc-Xax, toán đi tìm anasa sẽ phải xuống tàu rồi tiếp tục đi bộ, tự mình gánh chịu mọi hậu quả. Mỗi người tự chịu trách nhiệm lấy, nhưng vẫn phải theo một ý đồ thống nhất và dưới sự chỉ huy thống nhất. Chính điều này khiến Apđi quan tâm hơn cả: hã là ai, cái nhân vật Anh Cả ấy, cái nhân vật chủ chốt trong công việc này ấy, kẻ luôn luôn chăm chú theo dõi họ và mọi người chỉ dám thấp giọng nhắc đến một cách loáng thoáng?

Tới ga Gianpắc-Xax còn ba tiếng đồng hồ nữa. Đám tìm kiếm anasa đã rục rịch dọn đồ đạc. Ngay từ sáng Pêtrukha đã khiến các hành khách bực bội. Sau bữa nhậu nhẹt đêm qua, y rửa ráy rất lâu trong buồng rửa mặt trước khi đến gặp Anh Cả. Đầu bữa nhậu nhẹt bằng rượu sâm-banh, đối với bọn họ thì thứ rượu này chỉ là trò trẻ, họ uống từng cốc một như uống nước giải khát. Sau đó họ chuyển sang vodka và lập tức thấy tác dụng ngay. Lenca còn ít tuổi bị say mềm và Apđi phải vất vả lắm mới lôi cậu ta dậy nổi. Chỉ khi anh ta nhắc là sắp đến Gianpắc-Xax thì cậu ta mới chịu gắng sức ngồi dậy trên tấm ván nằm, buông thông cái đầu rồi bù trên cái cổ bực nhược gây gò và bần thiêu. Liệu ai có thể nghĩ rằng cái thằng nhãi ranh này kiếm được bầm tiền bằng con đường tội lỗi và cuộc đời của nó đã bị hủy hoại.

Đoàn tàu lăn bánh đều đều và trôi chảy trên những vùng thảo nguyên bằng phẳng. Và ở một toa tàu nào đó, đang có Anh Cả, người mà gã Pêtrukha còn ngái ngủ đang vội vã đến gặp sau khi đã uống cạn một cốc nước chè đặc và đen như bồ hóng cho tỉnh táo hẳn. Chắc hẳn gã Anh Cả không ưa lắm những kẻ say. Suốt đường đi, Apđi không tài nào nhìn thấy hẳn, dù là từ xa, vậy mà họ lại cùng đi trên cùng một đoàn tàu. Hẳn là ai, trông hẳn ra sao? Cứ tha hồ đoán nhận hẳn trong số hàng trăm hành khách đi. Nhưng dù có là ai chẳng nữa thì hẳn đã tỏ ra thận trọng như con thú vùng lau sậy nấp kín trong bụi cây rậm rạp. Hẳn không hề để lộ mặt trên suốt đường đi. Một lát sau, Pêtrukha từ chỗ hẳn trở về, vẻ như con chó bị đánh, cau có, giận dữ và nét mặt trở nên hết sức nghiêm nghị. Đương nhiên là Anh Cả đã sặc cho y một mẻ nên thân vì vụ chè chén ban đêm, ngay trước hôm đến nơi. Có thể hiểu hẳn được, giờ phút đoàn tàu đến Gianpắc-Xax cũng chính là thời gian bắt đầu hành động đối với đám lùng kiếm anasa, vậy mà thằng ngốc Pêtrukha lại nốc nhiều rượu đến nỗi sẽ khốn khổ suốt tuần vì nhức đầu.

Bực bội nhìn Apđi cứ như anh có lỗi gì đó với gã, Pêtrukha lầu bầu:

– Ta đi đi, có câu chuyện đây.

Họ ra đầu toa châm thuốc hút. Tiếng bánh xe gõ âm vang.

– Thế này nhé, Apđiai, cậu hãy nhớ cho kỹ – Pêtrukha lên tiếng.

– Tớ nghe đây – Apđi nhăn mặt.

– Đừng có nhăn mũi lắm thế! – Pêtrukha nổi cáu – Cậu là ai nào?

– Kìa, Pêtrukha! – Apđi cố làm gã điệu đi – Sao cậu lại vô cớ bực bội như thế? Ừ thì tớ không uống, cậu uống, có gì mà cậu làm ầm lên. Tốt hơn là cậu hãy nói xem ta sẽ làm gì trong thời gian tới?

– Anh Cả nói sao thì ta sẽ làm vậy.

– Đó là điều tớ muốn hỏi đấy. Anh Cả nói sao?

– Phần việc của cậu nhỏ thôi – Pêtrukha ngắt lời anh. – Đối với chúng tớ thì cậu là người mới, do đó cậu sẽ đi cùng với tớ và Lenca. Nói chung, chúng ta sẽ có ba người. Còn những cậu khác thì hoặc là đi một mình, hoặc là đi đôi.

– Rõ rồi, nhưng đi đâu mới được chứ?

– Chuyện ấy cậu không phải lo, cậu sẽ đi cùng tớ kia mà. Chúng ta sẽ đi xuống tàu ở Gianpắc-Xax, sau đó chúng ta sẽ tự đi tiếp. Chúng ta sẽ đạp xe chạy cùng chiều đến nông trường “Môiuncumư”. Xa hơn nữa là những vùng không có người, chúng ta sẽ cuốc bộ.

– Thế ư?

– Cậu tưởng là người ta sẽ đem xe Giguli chở cậu đến nơi chắc? Không đâu, người anh em ạ! Ở đây nếu bị phát hiện là bị tóm ngay, còn nếu dùng ô-tô hay mô-tô thì cứ là đi đứt!

– Gớm nhỉ, thế Anh Cả thì sao? Anh ta sẽ ở đâu, sẽ đi cùng với ai?

– Việc quái gì đến cậu? – Pêtrukha nổi giận. – Sao lúc nào cậu cũng hỏi

về anh ta thế? Đi với chả không đi! Rất có thể anh ta chẳng đi đâu hết. Anh ta phải báo cáo với cậu hay sao! Hay là thế nào?

– Chẳng thế nào gì hết. Nếu anh ta chỉ huy chúng ta thì nếu xảy ra chuyện gì phải biết anh ta ở đâu chứ?

– Đó, chính là điều cậu không cần biết đấy – Pêtrukha kiêu căng nói. – Anh ta sẽ ở đâu và như thế nào, đó không phải là việc của tớ và cậu. Nếu cần, anh ta sẽ lôi được cậu ra dù cậu có độn thổ chẳng nữa – Pêtrukha im lặng một lát đầy ý nghĩa, dường như muốn đánh giá ấn tượng gây ra được, sau đó y vừa nhìn chăm chăm bằng đôi mắt đục ngầu vẫn chưa tỉnh táo hẳn vừa nói thêm – Còn với cậu, Apđiai, thì Anh Cả bảo như thế này: Nếu cậu làm việc tận tình thì cậu sẽ thường xuyên đi cùng bọn tớ, còn nếu bỗng dưng cậu giở quẻ thì tốt hơn hết thì cậu rút lui ngay đi. Đây, chúng ta sắp xuống tàu rồi, cậu cứ việc lạng lẽ bỏ đi đâu thì đi, chúng tớ sẽ không động đến cậu. Còn nếu đã nhập cuộc thì thôi đấy, đừng hòng quay lại nữa. Nếu cậu giở quẻ thì cậu không có chỗ trên đời này đâu, cậu hiểu chứ?

– Dĩ nhiên là hiểu rồi. Có gì đâu mà chẳng hiểu. Tớ có còn nhỏ dại gì đâu? – Apđi đáp.

– Vậy thì nhớ cho kỹ: Tớ đã nói lại cho cậu rồi, cậu đã nghe thấy rồi, sau này đừng có nói là không biết với không hiểu, đừng có xin lỗi với tha thứ nữa.

– Đủ rồi Pêtrukha – Apđi ngắt lời y. – Đừng có nhắc đi nhắc lại những điều vớ vẩn. Tớ cũng biết nghĩ chứ. Tớ biết là tớ đi đâu, tớ biết là tớ phải làm gì chứ. Bây giờ tốt hơn là cậu hãy nghe tớ khuyên đây. Từ hôm nay cậu ngừng uống và không được cho phép Lenca uống rượu nữa. Nó còn ngốc nghếch lắm. Cả cậu nữa, cậu uống làm gì? Chúng ta sẽ đến những miền nóng nực kinh khủng. Chúng ta sẽ thu lượm cái quái gì được?

– Đồng ý! – Pêtrukha cắt ngang và bĩu cặp môi ướm, nhẹ nhõm mím

cười. – Cái gì đúng là đúng! Apđi ạ, cậu hãy tin tớ, tớ sẽ không uống một giọt nào và cũng không cho phép Lenca uống nữa, chấm dứt!

Cả hai im lặng một lát, hài lòng vì câu chuyện kết thúc theo hướng có lợi chung. Đoàn tàu lắc lư, lao nhanh về phía ga chính Gianpắc-Xax, nơi thay sức kéo và đổi tổ lái. Nhiều hành khách sắp phải xuống tàu đã thu dọn đồ đạc. Lenca cũng lo lắng ló đầu ra đầu toa.

– Các cậu làm gì ở đây thế? – cậu ta vừa nhăn nhó vì nhức đầu vừa hỏi.
– Phải chuẩn bị đi là vừa. Một tiếng đồng hồ nữa chúng ta sẽ đến nơi.

– Cứ yên tâm – Pêtrưkha đáp. – Chúng ta việc gì phải chuẩn bị. Chúng ta có phải đàn bà con gái đâu. Vác balô lên vai một cái là xong.

– Lenca này – Apđi gọi chú bé lại, – lại đây với tớ. Nhức đầu chứ gì? – Lenca ân hận lắc đầu. – Tớ với Pêtrưkha đã quyết định, từ hôm nay không uống một giọt nào hết. Đồng ý không? – Lenca lặng lẽ gật đầu. – Thôi đi đi, chúng ta sắp đến nơi rồi. Chúng ta sẽ kịp thôi, đừng lo.

– Còn khối thời gian, còn hơn một giờ nữa – Pêtrưkha nhìn đồng hồ. Và khi Lenca đi khỏi, y nói thêm: – Về chuyện Lenca thì cậu nói đúng đấy. Cái thằng mất dạy ấy lúc nào cũng thèm uống, nhưng khi uống rồi thì không đứng vững nữa. Bây giờ thì chấm dứt! Công việc là công việc. Dọc đường chúng tớ tự thả lỏng một chút đấy thôi. Mà này, cậu đừng nghĩ là tớ uống bằng tiền của Lenca nhé, biết đâu chính nó lại... Tớ uống bằng tiền của tớ đấy.

– Chuyện đó thì có gì quan trọng đâu – Apđi xót xa đáp lại. – Chỉ thương thằng bé thôi.

– Cậu nói đúng đấy – Pêtrưkha thở dài với vẻ hiểu biết. Cuộc trò chuyện cởi mở này chắc hẳn đã gợi y nhớ đến một ý nghĩ nào đó đã từ lâu làm y băn khoăn. – Apđi này, thế trước đây, tức là trước khi gặp chúng tớ ấy, cậu làm nghề gì hay làm việc ở đâu? Có lẽ, cậu chuyên buôn lậu hàng

ngoại phải không? Đừng có giấu diếm, bây giờ chúng ta đã cùng chung số phận rồi: hoặc là cùng nhậu nhẹt quanh một bàn chung trong tiệm ăn, hoặc là bị dẫn sóng đôi ra khỏi xà lim. Có gì thì cậu cứ nói tuốt ra!

Apđi thấy chẳng cần phải che giấu:

– Tớ chẳng phải là kẻ buôn lậu hàng ngoại gì hết. Mà tớ cũng chẳng có gì để giấu diếm. Trước đây tớ theo học trong chủng viện.

Chắc hẳn Pêtrưkha hoàn toàn không ngờ câu chuyện lại xoay chuyển như vậy.

– Gỡm đã, gỡm đã! Cậu nói là cậu học trong chủng viện, tức là cậu học làm cha cố chứ gì?

– Đúng thế đấy.

– Kỳ thật... – Pêtrưkha tròn xoe mắt và chum môi lại, ngơ ngác huýt một tiếng. – Vậy tại sao cậu lại ra khỏi nơi ấy? Hay là cậu bị đuổi vì chuyện gì phải không?

– Nói thế nào cũng được. Nói chung, tớ bỏ đi.

– Nhưng tại sao mới được chứ? Cậu không tán thành Chúa à? – Pêtrưkha tinh nghịch hỏi tiếp. – Buồn cười thật!

– Đúng là tớ không tán thành.

– Nếu cậu biết rõ mọi chuyện như vậy thì cậu hãy nói đi: có Chúa hay không?

– Kể cũng khó trả lời, Pêtrưkha ạ. Đối với người này thì có, đối với người khác lại không. Tất cả đều phụ thuộc vào chính con người. Có bao nhiêu người sống trên đời thì có ngần ấy người suy nghĩ về việc có Chúa hay không.

– Thế giả dụ như có Chúa thì ông ta ở đâu?

– Ở trong suy nghĩ của chúng ta và trong lời lẽ của chúng ta...

Pêtrukha lặng im, ngẫm nghĩ những điều vừa nói. Tiếng bánh xe âm âm nghe vang to hơn và rõ hơn vọng vào qua cửa toa để mở do có một vài hành khách đi xuyên suốt toa. Pêtrukha khép cửa lại, lắng nghe tiếng bánh xe khẽ đi và rút cuộc nói:

– Hoá ra tớ không có ông ta, thế cậu có ông ta không, Apđi?

– Tớ không biết, Pêtrukha ạ. Tớ muốn nghĩ rằng tớ có, tớ muốn tớ có...

– Tức là cậu cần có ông ta à?

– Đúng thế, tớ cần như vậy.

– Ai mà hiểu được cậu – Pêtrukha bực bội nói. Hình như có một cái gì đó làm y tự ái – Nếu cậu cần đến Chúa thì cậu đi với chúng tớ làm quái gì?

Apđi cho rằng lúc này mà nói chuyện sâu thêm là không đúng lúc và đúng chỗ.

– Nhưng tiền thì cũng cần chứ – anh nói với vẻ dàn hoà.

– Vậy mà cậu nói đến khiếp. Hoặc là Chúa, hoặc là tiền, giờ ời! Nhưng chính cậu thì vẫn lao đi kiếm tiền như thường!

– Đúng thế, tạm thời thì đúng là như vậy – Apđi buộc phải thừa nhận.

Cuộc chuyện trò này lại khiến Apđi phải ngẫm nghĩ. Trước hết, anh hiểu rõ được rằng gã Anh Cả, kẻ ẩn trong bóng tối chỉ huy chuyển đi của những kẻ lùng tìm anasa, hết sức đa nghi, tính toán và chắc chắn là tàn ác nữa. Nếu hăn đánh hơi thấy có chuyện gì không ổn trong khâu nào đó của chiến dịch do y tiến hành thì nhất định hăn sẽ không dừng bước trước bất kỳ trở ngại gì để trả thù hoặc để bảo đảm an toàn cho bản thân hăn và đồng bọn. Điều đó hoàn toàn có thể xảy ra. Việc buôn ma tuý chính là như vậy.

Điều thứ hai mà anh hiểu được qua câu chuyện dọc đường với Pêtrukha

và những kẻ khác, đó là có thể dùng lời lẽ để tác động đến họ được, và nhiệm vụ của người truyền giáo là chuyện trò một cách chân tình, là dùng lời lẽ để cảm hoá họ, bất chấp mọi nguy hiểm đầy đe dọa. Khi xưa, các giáo sĩ tận tụy chẳng đã đem lời lẽ của Chúa Ki-Tô đến các bộ lạc mọi rợ ở Châu Phi dù có phải liều mình đày hay sao. Bởi vì, việc hy sinh tính mạng để cứu vớt linh hồn có thể là kết quả cuối cùng, là số phận, là ý nghĩa toàn bộ cuộc đời anh, anh nhất định sẽ đi theo con đường đó.

* * *

Họ đến ga Gianpắc-Xax lúc gần mười một giờ sáng. Đây là ga đầu mối, có thể chuyển tàu được, hai nhánh đường xuất phát từ đây chạy về phía những rặng núi phủ tuyết hiện lên xa xa trong bầu không khí buổi sớm. Do đó, hành khách đi đến những địa điểm khác nhau tập trung ở đây đông đến nỗi lại tạo điều kiện thuận lợi cho toán tìm kiếm anasa: họ có thể tan lẫn vào cảnh tất bật chen chúc ở nhà ga.

Mọi việc diễn ra thật vô cùng tốt đẹp. Apđi ngạc nhiên thấy vào giờ ăn trưa, họ lọt vào nhà ăn cạnh sân ga một cách quá đơn giản và thông thạo. Cùng với Apđi còn có chừng mười hai người nữa (anh cảm thấy như vậy), những kẻ phải đi xa hơn vào các thảo nguyên để tìm kiếm anasa. Họ ngồi tản mát quanh các bàn ăn, chỗ một người, chỗ hai người, nhưng trong tầm mắt của nhau, mặc dù họ không tiếp xúc công khai với nhau và nhìn bề ngoài thì họ chẳng khác gì đám đông hành khách xung quanh. Những chú bé non choẹt như Lenca và những gã trai lớn tuổi hơn như Pêtrukha thì vô khối. Ai cũng đi đâu đấy và từ đâu đó đến giữa lúc mùa hè dữ dội này. Một sự xáo trộn điển hình của những khuôn mặt châu Á và châu Âu...

Tuy thỉnh thoảng lại có các nhân viên công an tạt vào đây để giữ gìn trật tự, và tuy cứ mỗi bước đi ở nhà ga lại gặp công an viên, nhưng chuyện đó không hề làm họ lo lắng. Họ khẩn trương ăn để nhường chỗ cho những người khác đang nóng lòng chờ đợi đến lượt ăn qua quýt những món có

sẵn. Rồi sau đó, theo một dấu hiệu bí mật nào đấy, họ kín đáo tản đi, mỗi người đều đem theo hành lý riêng: nào balô, nào cặp mà trong đó họ đựng bánh mì, đồ hộp và những vật dụng cần thiết khác. Họ cứ thế mà phân tán đi khắp nơi, mất hút trong những khoảng không bao la của các thảo nguyên ven Môiuncumư.

Pêtorukha, và cùng đi với y là Apđi và Lenca, lên đường thành một nhóm ba người, đúng như Anh Cả đã dự tính và cho phép. Apđi vậy là vẫn chưa thấy mặt Anh Cả, nhưng việc hấn đứng trong bóng tối chỉ huy toàn bộ chiến dịch này thì không còn nghi ngờ gì nữa. Họ đi cùng với Pêtorukha đến nơi xa nhất, sát thảo nguyên Môiuncumư, trên một chiếc xe tải chạy cùng chiều từ chi nhánh của nông trường ‘Ba Giếng’ và phải trả hai mươi năm rúp – số tiền này rút trong tài khoản do Anh Cả cấp cho họ. Để đề phòng bắt trặc, họ tự bịa ra rằng họ là dân làm thuê. Apđi là thợ mộc, một nghề hết sức cần thiết tại vùng này, vả lại, điều đó cũng phù hợp với sự thật: anh quả thực là một thợ mộc vào loại khá, từ nhỏ, bố anh đã dạy anh nghề này. Pêtorukha cũng đã đề phòng bắt trặc, đã cho vào balô của anh một bộ dụng cụ thô sơ: bào, rìu, đục mà gã đã cẩn thận đem theo từ nhà đi. Còn gã và Lenca thì gã xưng danh là thợ trát tường và thợ sơn, gã nói họ là học sinh trường dạy nghề, đang nghỉ hè, và nay đi đến nông trường ‘Ba Giếng’ xa xôi, mãi tận thảo nguyên Môiuncumư để hành nghề, để kiếm tiền thêm bằng cách xây nhà cho những người dân tại đó. Câu chuyện bịa đặt này hoàn toàn giống như thật.

Trời oi bức, nhưng ngồi trên chiếc xe tải bỏ mui được gió thảo nguyên thổi mát rượi. Thực ra, cũng như mọi con đường làng, con đường này hết sức tồi tệ, đã vỡ nát hết.

Mỗi khi chiếc xe hãm chậm lại cạnh các ổ gà thì bụi từ dưới các bánh xe lại bốc mù lên, chỉ còn biết xua xua đi và ho khù khụ. Điều duy nhất làm họ dung hoà với con đường này là khoảng không bao la xung quanh khiến bất

giác nảy ra ý nghĩ: giá như có cánh thì ta sẽ bay bổng lên cao...

“Giờ đây mình dường như được tận mắt thấy trái đất quả là hành tinh thật – Apđi đứng bên cabin ngắm nghĩ. – Con người chật chội biết bao trên hành tinh này. Họ lo sợ biết bao là sẽ không đủ chỗ để ở, sẽ không có gì mà ăn, sẽ không sống hoà hợp nổi với đồng loại. Phải chăng vấn đề là ở chỗ những định kiến, những nỗi sợ hãi và căm ghét làm hành tinh thu hẹp lại đến khuôn khổ một sân vận động mà trong đó tất cả khán giả đều là con tin. Bởi vì cả hai đội đều mang theo bom hạt nhân để giành được thắng lợi. Còn các cổ động viên thì bất chấp hết, cứ gào thét: làm bàn đi, làm bàn đi, làm bàn đi!

Và đó chính là hành tinh đấy. Vậy mà mỗi người còn đứng trước một nhiệm vụ nặng nề nữa là làm người, là hôm nay, ngày mai và mãi mãi phải làm người. Chính từ đó mà hình thành nên lịch sử. Chúng ta hiện đang đi đến đâu?, vì sự cần thiết quan trọng sống còn nào mà con người lại đi tìm chất độc cho bản thân mình và cho những người khác?, cái gì thúc đẩy họ làm việc đó?, và họ tìm thấy gì trong vòng tròn khủng khiếp ấy của sự từ bỏ chính bản thân mình?...”

* * *

Tại Ba Giếng, trong cái xóm Cadăcxtan hẻo lánh và quả thật bị Chúa bỏ quên này, họ mau chóng tìm được việc làm. Họ nhận trát tường và làm khoảng hai ngày trong ngôi nhà xây dở của một người chần cừ. Người này hiện đang chần dặt súc vật ở nơi khác. Cả gia đình cùng đi theo ông ta còn ngôi nhà đang xây thì hoang vắng, được giao phó cho người họ hàng ở bên cạnh để phòng trường hợp bỗng nhiên có người thợ làm thuê nào đến như hồi năm ngoái. Và họ đến thật – Pêtrưkha, Apđi và Lenca, ba thanh niên đi tìm kiếm anasa – dường như họ đã biết từ trước.

Họ trú ngụ ngay trong ngôi nhà dang dở đó, nhờ có mái che và thời tiết nóng bức. Họ đắp bếp lò ngoài sân và thậm chí còn nấu nướng ít nhiều nữa.

Phải thừa nhận rằng họ làm việc cật lực. Đích thân Pêtrukha dậy từ sớm tinh mơ và lập tức đánh thức hai bạn thợ của mình là Apđi và Lenca, rồi cả ba bắt tay ngay vào việc, miệt mài làm cho đến tối mịt. Họ ăn tối dưới ánh lửa và chỉ khi ấy Pêtrukha mới tự cho phép mình nghỉ ngơi một chút và ngẫm nghĩ.

– Apđiai ạ, tớ thấy cậu có vẻ rất bằng lòng khi cậu làm việc. Dĩ nhiên là chúng ta sẽ nhận được một số tiền nào đó của chủ nhà rồi, luật là như thế. Nhưng nếu cậu muốn biết thì số tiền đó chẳng có nghĩa lý gì với chúng ta. Chả bõ bèn gì đâu! Chúng ta làm việc chỉ là để đánh lạc hướng thôi. Khi chúng ta đến nơi và vớ được một chỗ tốt, phải dùng cả hai tay mới hai kịp thứ hoa kia thì tình hình sẽ khác hẳn. Chỉ cần một ngày làm việc cật lực trên thảo nguyên là đủ sống suốt năm đàng hoàng như bộ trưởng vậy. Lenca này, cậu biết rồi đấy! Có đúng thế không?

– Tớ biết chút ít thôi – Lenca đáp, cậu ta ngày càng lặng lẽ hơn.

– Chỉ có điều là hãy cẩn thận, các cậu ạ – Pêtrukha nghiêm khắc cảnh cáo. – Không hở ra với ai một lời nào, cả với hàng xóm lẫn với những người khác ở đây. Họ tốt bụng thật nhưng dù sao thì thà chết cũng không được hở ra với ai một lời nào. Nhất là nếu có ai xuất hiện và bắt đầu dò hỏi. Apđi ạ, cậu cứ bảo: tôi không biết gì hết, tôi không hiểu gì hết, kia là đội trưởng của chúng tôi – tức là tớ ấy mà – có lẽ nên nói chuyện với anh ta thì hơn, còn tôi là kẻ dưới, tôi không biết gì hết. Rõ chứ?

Còn biết đáp lại thế nào nữa, rõ quá rồi còn gì... Nhưng không phải việc đó khiến Apđi lo lắng. Anh lo lắng vì anh buộc phải im lặng, vì anh không thể tìm cách gì đó ảnh hưởng đến họ, những kẻ đã bước lên con đường nguy hiểm và đang khao khát bằng bất kỳ giá nào cũng phải kiếm được số tiền tội lỗi kia. Tâm hồn anh đòi hỏi sự can thiệp như vậy nhưng anh không thể tự cho phép mình làm việc đó. Dù Apđi có thành công trong việc dùng sức mạnh của ý nghĩ và lời lẽ làm họ phải dao động, có bắt họ phải suy nghĩ

về sự sa ngã của họ, ngay dù có cho rằng họ sẽ nghe theo tiếng nói của lý trí và quyết định cắt đứt với cuộc sống như vậy chẳng nữa... thì họ cũng sẽ không dám và không thể làm điều đó chỉ vì một nguyên nhân đơn giản là họ đã bị buộc chặt bằng một vòng tròn nào đấy hết sức nghiệt ngã với những kẻ khác, những kẻ có cái quyền không viết thành văn bản là trừng phạt họ về tội phản bội.

Làm thế nào để phá vỡ vòng tròn tội lỗi này? Điều duy nhất an ủi Apđi là anh có thể phục vụ sự nghiệp cao quý bằng cách qua kinh nghiệm của mình tìm hiểu xem những kẻ tìm kiếm anasa hoạt động như thế nào rồi sau đó viết một bài dài đăng trên báo, mở mắt cho mọi người thấy. Anh hy vọng rằng việc đó sẽ mở đầu cuộc đấu tranh về đạo đức để cứu vớt linh hồn của bộ phận chậm tiến trong thanh niên. Chỉ những suy nghĩ này mới giúp cho Apđi chịu dung hòa với thực tế là anh trở thành kẻ tham dự vào công việc của họ một cách không cố ý và là một thành viên trong nhóm Pêtrukha.

Họ đến Ba Giếng được hai ngày thì ngày thứ ba xảy ra một biến cố nhỏ. Apđi không coi trọng biến cố đó lắm nhưng Pêtrukha khi biết được thì lại rất lo lắng. Vào lúc đó, gã đang cùng ông lão thương binh hàng xóm đi trên chiếc xe của ông đến trụ sở chính của nông trường để mua trữ sẵn đồ hộp, thuốc lá và đường, bởi vì hôm sau họ quyết định đi từ sáng sớm vào thảo nguyên như thế họ sẽ đi làm thuê ở chỗ khác.

Lenca trát tường bên trong nhà, còn Apđi ngồi trong bóng râm ghép cửa ra vào cho nhà kho. Khi từ ngoài đường đột nhiên vọng đến tiếng mô tô ròn rã, anh ngoái đầu lại và khum bàn tay đưa lên mắt. Một chiếc mô tô ầm ầm đỗ lại cạnh nhà, người lái xe nhẹ nhàng nhảy xuống đất. Apđi hết sức ngạc nhiên thấy người lái mô tô hóa ra là một phụ nữ còn rất trẻ. Làm thế nào mà chị điều khiển nổi chiếc xe nặng nề này, lại trên những con đường như thế kia nữa? Người phụ nữ gỡ khỏi đầu chiếc mũ chụp tròn có quai da lưng lẳng, tháo đôi kính chắn gió và lắc đầu, để mớ tóc rậm màu sáng xõa xuống

hai vai.

– Nóng, mệt bã người! – chị mỉm cười, để lộ hàm răng trắng bóng. – Lạy Chúa, bụi quá đi mất! – chị rũ rũ bụi trên người và vui vẻ thốt lên: – Chào anh!

– Chào chị – Apđi bối rối đáp. Những lời căn dặn ngốc nghếch của Pêtrukha đã tác động đến anh: “Cô ta là ai? Và đến đây làm gì?”, anh bất giác nghĩ thầm.

– Ông chủ có nhà không? – chị hỏi, vẫn niềm nở mỉm cười.

– Ông chủ nào? – Apđi không hiểu. – Chủ nhà phải không?

– Dĩ nhiên rồi.

– Thế thì hình như ông ta hiện không ở đây, ông ta đang chặn thả súc vật ở đâu đó thì phải.

– Thế anh không thấy ông ta à?

– Không, tôi không thấy. À có, tôi có thấy, nhưng chỉ thoáng qua thôi. Ông ta mới về đây rồi lại đi. Nhưng tôi không nói chuyện với ông ta.

– Lạ thật, làm sao anh lại không nói chuyện với ông ta nhỉ? Hình như anh làm việc ở đây, anh xây nhà cho ông ta kia mà?

– Chị tha lỗi cho, nhưng tôi quả thật không kịp chuyện trò với ông ta. Lúc ấy ông ta có vẻ vội lắm. Song đội trưởng của chúng tôi có nói chuyện với ông ta. Tên anh ta là Pêtrukha, hiện giờ anh ấy đi vắng, nhưng lát nữa thế nào anh ấy cũng phải về.

– Xin lỗi anh, tôi chẳng cần gặp anh ta làm gì. Tôi chỉ muốn gặp bác chặn cừu Ocman thôi, bác ấy biết những gì tôi cần. Chính vì thế tôi mới tiện đường tạt vào, tôi tưởng là sẽ gặp bác ấy. Thôi, xin lỗi anh, hình như tôi làm phiền anh thì phải.

– Kia chị, sao chị lại nói thế!

Cô gái lại đội chiếc mũ chụp có quai da lưng lửng, nổ máy, vừa lên xe đi vừa nhìn Apđi qua cặp kính chắn gió và thoáng gật đầu chào. Đáp lại, anh vẫy tay theo mà không nhận thấy là mình làm động tác ấy.

Và mãi lâu về sau, ý nghĩ anh vẫn còn bị cuốn hút bởi biến cố này, một biến cố hình như ngẫu nhiên, chẳng có gì đáng kể. Và đó hoàn toàn không phải bởi vì anh cảm thấy ngờ vực: liệu chuyến viếng thăm bất ngờ này của cô gái ngay trước hôm họ đi lòng kiếm anasa có phải là vô tình không và liệu cô ta có nghi ngờ chuyện gì không? Không, anh bận tâm về một chuyện khác hẳn. Ngay sau khi cô gái phóng moto đi rồi và để lại đằng sau những cột bụi bốc lên cuồn cuộn, anh lập tức hình dung ra cô một cách cụ thể, từng chi tiết. Dường như anh tự đặt cho mình mục đích ghi nhớ cô suốt đời. Giờ đây anh vừa ngạc nhiên vừa hài lòng nhận xét rằng thân hình cô rất cân đối, không cao lắm, chỉ nhỉnh hơn tầm vóc trung bình một chút, nhưng toàn bộ con người cô đều đầy nữ tính và hài hoà đúng như anh muốn.

“Không, đừng có đùa cợt nữa, – anh tự nhủ như đang tranh luận với một người nào đó – phụ nữ phải như vậy mới được! Phụ nữ chính là phải như vậy mới được!”. Anh nhớ lại những nét thanh tú lạ lùng trên khuôn mặt hào hứng của cô, nhớ lại cặp mắt nâu thẫm gần như đen và long lanh đầy sức sống của cô, bên cạnh đó là mái tóc cô buông rũ xuống hai vai và khuôn lấy bộ mặt tươi tắn màu sáng, và sự kết hợp giữa đôi mắt thẫm màu và mái tóc sáng màu tạo cho cô một vẻ mỹ lệ đặc biệt.

Anh rất thích mọi thứ trên người cô, cả vết sẹo nhỏ mờ mờ trên má bên trái (có lẽ cô bị ngã hồi nhỏ chẳng)? Cả cách ăn mặc dễ coi của cô – quần bò, áo bludông, đôi ủng đã mòn và ống ủng lộn ra, – cả cách điều khiển moto đầy tự tin của cô vì chính anh có lẽ cũng chỉ biết đi xe đạp thôi... Anh còn ngưỡng nghịu hơn nữa vì khi cô hỏi anh về chủ nhà, anh cứ ấp a ấp úng: Không, tôi không thấy. À có, tôi có thấy... hệt như một chú bé. Tại sao

anh lại lúng túng như thế nhỉ?

Apđi cảm thấy thích thú, hết sức thích thú khi nghĩ về cô, mặc dù hình như chẳng có gì mà nhớ lại – cô đến rồi cô đột ngột ra đi, chỉ có thế. Vậy cô là ai, cô từ đâu xuất hiện ra, vì xét theo mọi việc thì cô từ một nơi nào đó đến đây, nhưng một người phụ nữ như vậy đến những nơi hoang vắng này để làm gì và nhằm mục đích gì...?

Khi được biết có một phụ nữ lạ lùng đi mô tô đến chỗ họ, Pêtrưkha lo ngại thật sự, gã dai dẳng hỏi hỏi lâu xem cô ta nói gì, quan tâm đến chuyện gì và Apđi trả lời cô những gì. Anh phải mấy lần kể đi kể lại từng câu chữ một toàn bộ câu chuyện giữa anh với cô gái kia.

– Không ổn rồi, có chuyện gì đó không ổn rồi, – Pêtrưkha ngờ vực lắc đầu – Thật đáng tiếc là tớ không có mặt, nếu có tớ sẽ mau chóng tìm hiểu được nhân vật này là thế nào. Cậu thấy đấy, Apđiai, tuy cậu thông minh và có học thức thật nhưng tớ lại đối phó giỏi hơn cậu, nếu có việc như thế xảy ra thì tớ nhất định sẽ hỏi được cô ta cho rõ ngọn ngành. Tớ sẽ thăm dò được cô ta là ai và cô ta cần gì, còn cậu thì lại luống cuống, tớ thấy rõ là cậu luống cuống, mặc dù tớ đã báo trước cho cậu là có thể xảy ra trường hợp như vậy.

– Nhưng cậu lo lắng gì mới được chứ? – Apđi cố khuyên giải gã – Có gì đâu mà phải sợ hãi thế?

– Vì bọn “cá” có thể lần ra dấu vết chúng ta. Biết đâu họ phái cô ta đến để theo dõi và tìm hiểu thì sao?

– Cậu đừng có nói vớ vẩn nữa!

– Thật thú vị nếu biết cậu sẽ nói câu này, khi ngồi sau chấn song sắt hoặc khi đích thân Anh Cả tra hỏi cậu, mà anh ta thì tra hỏi khắc nghiệt hơn cả bọn “cá” nữa kia: anh ta sẽ lột da cậu, nếu không thì cũng “xoẹt” cho cậu một cái. Cậu có hiểu thế nào là “xoẹt” không?

– Cứ yên tâm, Pêtrukha ạ, cái gì tất yếu xảy ra thì sẽ không tránh nổi. Lẽ ra phải nghĩ đến chuyện đó sớm hơn kia. Lenca đấy, còn nhỏ tí, vậy ai đã lôi kéo nó vào việc này? Hay cậu chẳng hạn, cậu bao nhiêu tuổi rồi, hai mươi phải không? Vậy mà cậu cứ như thằng ngốc ấy, không dám bước một bước, không dám nói một lời thừa, chỉ cốt Anh Cả khỏi nổi giận. Tốt hơn là cậu hãy suy nghĩ xem tình hình sẽ ra sao, có cái đáng để suy nghĩ đấy.

Nhưng bước tấn công thử của Apđi không thành công – Pêtrukha lập tức nổi cáu.

– Quảng cái chuyện ấy đi, Apđiai, và đừng có đụng đến Lenca. Nếu trước kia cậu học làm cha cố thì cậu hãy quên việc đó đi. Hãy quên đi, những lời lẽ tốt đẹp của cậu không đáng giá một xu, còn với anh ta, với gã Anh Cả ấy, thì chúng tớ hốt được tiền. Rõ chứ? Lenca là đứa mồm còi, ai cần gì đến nó, nhưng nếu có tiền thì nó sẽ ra phết cho mà xem. Muốn uống thì uống, muốn ăn thì ăn. Còn những lời lẽ hay ho của cậu thì không làm no bụng nổi và đừng hòng mơ ước đến những chuyện được chè chén say sưa với bạn bè làm bàn ghế phải nghiêng đổ, hoặc được nghe bọn con gái hát trong dàn nhạc nhẹ mê ly đến nỗi muốn lặng người đi. Đấy, mấy anh em nhà tớ làm việc quần quật ấy, ấy nhưng thử nhìn xem, họ kiếm được đồng rúp mới khó khăn làm sao! Họ làm việc đến mức không kịp thở nữa. Còn tớ, tớ dùng tờ một rúp thay giấy chùi đít ấy chứ. Chỉ thằng ngốc mới không thích tiền thôi, có đúng không, Lenca?

– Đúng thế đấy – Lenca sung sướng mỉm cười và gật đầu đồng ý, tỏ ra không nghi ngờ gì hết.

Nhưng đó chỉ là một bước tiến đến cuộc trò chuyện cơ bản hơn nếu có cơ hội. Apđi hiểu rằng không nên đi quá xa. Nếu không, ai mà tin được rằng anh thật sự là một kẻ đi lòng kiếm anasa và khao khát kiếm tiền trước hết.

* * *

Hôm sau, họ dậy từ sáng sớm. Ánh bình minh mới lóe rạng ở chân trời, những căn hộ trong xóm trải dài ra xa vẫn còn đang ngủ, thậm chí ngay cả chó cũng còn im tiếng khi cả ba lặng lẽ đi theo các vườn rau ra ngoài thảo nguyên rộng mở. Theo lời Pêtrưkha thì không phải đi xa lắm. Gã biết hướng đi và hứa khi nào nhìn thấy gai dầu dại ở đâu sẽ lập tức chỉ cho Apđi biết.

Chẳng mấy chốc, cơ hội đó đã đến. Loại cây mọc thẳng, thân khá vững chắc và chung quanh thân chỉ chít những chùm hoa dày hóa ra chính là loại cây anasa mà họ đã đi từ châu Âu sang châu Á để tìm kiếm. “Trời ơi, – Apđi vừa nghĩ vừa nhìn cây anasa – một loại cây trông bình thường gần như cỏ dại, vậy mà lại chứa nhiều lạp thú làm mê mẩn đầu óc những kẻ khác đến nỗi người ta hiến cả cuộc đời cho chất độc ấy! Còn ở đây thì nó nằm ngay dưới chân mình!”.

Đúng, đó chính là cây anasa. Mặt trời đã lên cao và bắt đầu hun nóng, vậy mà họ vẫn đứng giữa thảo nguyên bao la vắng vẻ không có một cây to nào, và vừa lấy ngón tay vò nhàu các cánh hoa vừa hít mùi hương đặc quánh của loại dầu gai dại hăng hăng. Những cây anasa này đã gây ra biết bao ảo ảnh quái đản cho những kẻ hút nó trong suốt nhiều thế kỷ! Apđi cố hình dung thấy những phiên chợ phương Đông ngày trước (mà anh đã đọc trong nhiều cuốn sách) ở Ấn Độ, Ápganixtan và Thổ Nhĩ Kỳ, tại một nơi nào đó ở Ixtambun hoặc ở Gaipur, bên chân tường các pháo đài cổ... Thời đó, anasa được đem mua bán công khai và hút ngay tại chỗ, nơi mỗi người đều đem theo cách riêng của mình, theo mức độ tưởng tượng của mình mà đắm chìm trong những ảo giác đủ mọi loại. Kẻ thì mơ thấy những cảnh khoái lạc trong các hậu cung. Kẻ thì tưởng như đang cười trên đàn voi dát vàng của nhà vua, dưới những tán lộng rực rỡ, giữa tiếng kèn vang vang trên các đường phố đông đúc chằng đền kết hoa lộng lẫy. Kẻ thì như rơi vào bóng tối âm đạm của sự cô độc, bóng tối đó nảy sinh ra trong chốn sâu thẳm của ý thức đã chết và gây nên nỗi giận dữ điên cuồng, gây nên ước

vọng muốn phá tan, muốn thiêu trụi cả thế giới: có giỏi thì một chọi một ngay lập tức nào!... Phải chăng đó là một trong những tai họa có tính chất định mệnh của phương Đông phồn vinh khi xưa? Và chẳng lẽ cái tình trạng mê mẩn ngọt ngào của lý trí đó lại ẩn giấu trong loại cây dầu đại sinh trưởng một cách giản dị và bình thường tại các thảo nguyên khô nóng này hay sao...?

– Đấy, loại cây yêu quý của chúng ta đấy! – Pêtrưkha sung sướng thốt lên và dang rộng hai tay như muốn ôm lấy thảo nguyên mênh mông. – Nhìn xem, còn kia, còn đằng kia nữa. Tất cả đều là anasa hết. Chỉ có điều là chúng ta sẽ không hái ở đây. Mặc xác chúng! Tớ sẽ dẫn các cậu đến những chỗ nhiều đến nỗi mắt các cậu phải hoa lên cơ...

Họ liền đi tiếp và một tiếng đồng hồ sau thì gặp những bụi anasa rậm rạp, dày đặc, chỉ riêng mùi hương của nó đã làm họ thấy lâng lâng phơi phới như lúc ngà ngà say. Dầu gai ở đây tha hồ muốn lấy bao nhiêu thì lấy. Họ bắt đầu hái cả lá lẫn hoa rồi trải ra để phơi khô. Pêtrưkha quả quyết là chỉ được phơi nhiều nhất là hai tiếng đồng hồ. Công việc diễn ra trôi chảy... Mọi chuyện không thể tốt đẹp hơn được nữa. Nhưng đột nhiên tiếng ầm ầm của máy bay lên thẳng bỗng vang lên. Chiếc máy bay bay là là đồng cỏ và hình như tiến về phía họ.

– Máy bay! Máy bay lên thẳng! – Lenca mừng rỡ gào tướng lên như con nít và nhảy nhót.

Nhưng Pêtrưkha không chút luống cuống.

– Nằm xuống, đồ ngốc! – gã hét to và chửi ầm lên.

Tất cả nằm sấp xuống, ẩn mình trong cỏ. Chiếc máy bay lên thẳng bay hơi dịch sang bên, do đó trên máy bay chưa chắc đã nhìn thấy họ. Nhưng Pêtrưkha mãi sau vẫn chưa yên tâm và trách mắng Lenca hồi lâu. Gã cảm thấy chiếc máy bay lên thẳng ấy bay đến đây chỉ nhằm tìm kiếm những kẻ

đi hái anasa.

– Chứ còn gì nữa – gã lập luận, – trên cao thấy rõ hết, thấy rõ từng con chuột nhắt ấy chứ. Còn bọn ngốc nghếch chúng ta thì cứ cách trăm dặm họ cũng phát hiện được. Thấy một cái là họ dùng điện đài báo ngay đến chỗ cần báo. Mà nếu công an đi xe xộc đến đây thì chẳng có nơi nào lẩn cả, cứ việc giơ hai tay lên, thế là xong!

Nhưng một lát sau thì gã cũng quên bẵng chuyện đó, cần phải làm việc đã. Và chính vào hôm ấy đã xảy ra một biến cố hết sức lạ lùng: Apđi gặp phải gia đình sói. Biến cố ấy xảy ra như thế này.

Họ nghỉ hút thuốc, ăn một chút cho đỡ đói. Đúng lúc đó Pêtorukha bảo Apđi:

– Apđiai này, cậu đã gần như trở thành chỗ quen thuộc, chỗ thân tình của chúng tớ. Do đó tớ sẽ nói cho cậu biết một chuyện. Thế này nhé, chúng tớ có một qui định cho những người mới nhập cuộc như cậu. Tức là, nếu người nào đi chuyển đầu tiên thì người đó phải biếu Anh Cả một khoản tiền hoặc một món quà, tùy cậu hiểu thế nào thì hiểu.

– Lại còn món quà gì thế nữa ? – Apđi giơ tay lên, ngạc nhiên thấy câu chuyện xoay chuyển như vậy?

– Gượm đã nào, cậu làm gì mà hốt hoảng thế? Cậu tưởng là phải chạy đến cửa hiệu mua quà tặng chắc? Không ăn thua đâu. Để tớ giải thích cho mà nghe. Cậu phải thu nhập được ít nhiều chất plaxtilin, dù chỉ bằng hộp diêm thôi cũng được. Cậu phải chạy một lúc trong các bụi anasa, tớ sẽ bày cách cho cậu, để rồi khi gặp Anh Cả thì biếu anh ta plaxtilin ấy, tỏ lòng thân với anh ta. Cậu là người thông minh, chắc cậu cũng hiểu: Anh Cả là cấp trên, cậu là cấp dưới, cậu cần được anh ta tin cậy...

Apđi ngẫm nghĩ: đối với anh thì chuyện này cũng là điều hay – việc đem tặng chất plaxtilin, chất phấn hoa anasa, thứ sản phẩm quý nhất ấy, sẽ có thể

mở đường cho anh tiếp cận với gã Anh Cả. Rốt cuộc, anh đã có cơ hội gặp mặt hẳn. Mà điều này quả là hết sức cần thiết! Bỗng nhiên, anh se có dịp chuyện trò với kẻ nắm quyền lực chi phối tất cả bọn người đi tìm kiếm anasa. “Quyền lực, quyền lực, nơi nào có hai người là đã xuất hiện quyền lực” – Apđi cay đắng nhếch miệng mỉm cười.

– Được – anh nói, – tức là tớ sẽ thu thập chất plaxtilin và sẽ trao cho Anh Cả. Vậy khi nào thì trao. Và trao ở ga phải không?

– Tớ cũng không biết chính xác – Pêtrukha thú nhận, – có lẽ ngày mai cậu sẽ phải trao đấy.

– Ngày mai là thế nào?

– Thế này nhé. Đến lúc quay trở về rồi. Đủ rồi, ngày mai sẽ là ngày hai mươi mốt. Ngày mai, trước bốn giờ chiều, chúng ta dứt khoát phải có mặt ở chỗ đó. Chúng ta sẽ đi đến đó.

– Chỗ nào kia?

– Chỗ đó chứ còn chỗ nào nữa – Pêtrukha kiêu hãnh về sự am hiểu của gã. – Khi nào đến thì cậu sẽ biết. Ở cột cây số ba trăm ba mươi.

Apđi không hỏi thêm nữa. Anh cũng hiểu rằng cột cây số ba trăm ba mươi là một đoạn đường sắt nào đó trên nhánh đường Truia. Điều quan trọng là vấn đề khác – cuộc gặp gỡ với gã Anh Cả chắc chắn có thể diễn ra ở đây và chắc chắn là vào ngày mai. Vậy thì không nên để mất thì giờ, nên bắt tay ngay vào việc thu thập chất plaxtilin kia.

Công việc đơn giản nhưng vô cùng mệt mỏi và về phương thức thì thật man rợ. Phải cởi hết quần áo, chạy giữa các bụi cây anasa để phấn hoa dầu gai dính vào người – anh đã làm như vậy đó. Vào hôm đó Apđi phải chạy đi chạy lại đến kiệt sức – anh chưa bao giờ chạy nhiều như vậy trong đời anh! Thứ phấn hoa này li ti, gần như vô hình và gần như không màu, tuy nó có bám vào người thật nhưng lấy được lớp phấn gần như vô hình ấy ra khỏi

người đầu có phải đơn giản – cố gắng lắm mới thu được một lượng vô cùng ít ỏi. Song Apđi ý thức được rằng việc đó là cần thiết để gặp được nhân vật chính mệnh danh là Anh Cả, để tích lũy tài liệu rồi phát hiện những động cơ ngầm chi phối hành vi của những kẻ đi tìm anasa và qua lời lẽ, qua báo chí mà thét lên tiếng kêu đau đớn cho cả nước biết – chỉ có niềm hy vọng ấy mới buộc được Apđi chạy đi chạy lại dưới ánh nắng nóng như thiêu đốt.

Trong lúc chạy, Apđi tách khá xa đồng bọn để tìm trên thảo nguyên những bụi anasa mọc rậm rạp nhất. Đúng lúc đó anh cảm thấy người lâng lâng nhẹ bỗng một cách lạ lùng, anh cảm thấy như đang bay liệng mà không hiểu đây là thực hay mơ trong trí tưởng tượng. Anh cũng không nhận thấy việc đó xảy ra như thế nào nữa. Trên trời chan hoà ánh nắng rực rỡ, không khí thấm đượm hơi ấm, chim chóc bay chuyền và ríu rít gọi nhau, đặc biệt là chim sơn ca lánh lót hót vang, bướm bay chập chờn và cả những côn trùng khác cũng kêu ran trên những cung bậc khác nhau. Tóm lại, đúng là thiên đường trên trái đất, chỉ có điều là trong thiên đường đó, một anh chàng người phương Bắc gầy gò, da trắng, tên là Apđi, đã cởi hết quần áo, chỉ để lại trên người chiếc mũ rộng vành, đôi kính, chiếc quần bơi và đôi giày cao su, đầu óc choáng váng say vì phấn hoa, đang chạy đi chạy lại như con rối trên thảo nguyên, chọn những chỗ cỏ cao và rậm rạp nhất mà xông vào.

Xung quanh anh, phấn hoa của những cây anasa nở rộ và đang kết hạt bị rung mạnh nên bốc lên cao, và vì hít mãi chất thuốc mê bay mù khắp nơi cho nên dĩ nhiên trong trí tưởng tượng của Apđi xuất hiện những ảo ảnh khác nhau. Có một ảo ảnh làm anh đặc biệt vui thích: anh ngồi đằng sau cô gái lái moto hôm qua và phóng xe băng băng. Tuy nhiên, anh không hề ngượng trước sự việc là anh không ngồi sau tay lái của chiếc moto đồ sộ như một trang nam nhi lẽ ra phải làm, mà lại là hành khách, lại ngồi sau xe, nơi phụ nữ vẫn thường ngồi. Song biết làm thế nào được nếu anh không biết lái moto và nói chung là xa lạ với máy móc. Anh hoàn toàn vừa lòng về

việc anh đi cùng chị trên một chiếc moto. Tóc chị thò ra khỏi mũ chụp, bay tung trước gió, chạm vào mặt anh như bàn tay mơn man của gió, dính vào môi anh, vào mắt anh, cù buồn buồn vào cổ anh, và anh cảm thấy thật tuyệt diệu. Thỉnh thoảng chị ngoái nhìn lại, tinh nghịch mỉm cười với anh, cặp mắt long lanh sáng – sao anh khao khát cứ được tiếp tục thế này mãi...

Anh chỉ bừng tỉnh khi nhìn thấy ba chú sói con bên cạnh mình. Kỳ lạ thật! Chúng từ đâu đến? Anh không tin ở mắt mình nữa. Ba chú sói con vẫy vẫy đuôi muốn tiến lại gần anh, chơi đùa với anh – chúng rụt rè nhưng không bỏ chạy. Con nào cũng cao cẳng như đến tuổi vừa mới lớn, tai còn chưa vững hơi vênh lên, mõm nhọn và cặp mắt cả tin đến buồn cười. Không hiểu sao điều đó lại làm Apđi xúc động đến nỗi anh quên băng mọi thứ trên đời và âu yếm gọi chúng lại gần, vừa đùa cợt vừa dụ dỗ, còn chính anh thì mặt tươi rói lên vì cảm thấy thích thú. Nhưng đúng lúc đó anh bỗng nhìn thấy một ánh chớp trắng lóe sáng, nhìn thấy bộ răng trắng nhe ra của con sói cái lao về phía anh...

Sự việc xảy ra bất ngờ quá, nhanh chóng quá, nhưng cũng lại chậm chạp quá và khủng khiếp quá khiến anh không cảm thấy là hai đầu gối anh tự khụy xuống từ lúc nào và anh ngồi xồm xuống, ôm lấy đầu như thế nào – anh cũng không biết cái gì đã cứu sống anh. Còn con sói cái đã cách anh chỉ có ba bước và giữa lúc dữ dội nhảy đến bỗng đổi hướng vọt qua đầu anh, phả mùi thú vào người anh, và đúng giây phút đó mắt hai bên gặp nhau, Apđi nhìn thấy ánh mắt xanh rực lửa của sói cái, nhìn thấy cặp mắt tàn nhẫn xanh lạ lùng của nó, anh cảm thấy lạnh người đi, còn con sói thì trong lúc ấy lại một lần nữa nhảy vút qua đầu anh nhanh như gió và lao về phía lũ sói con, tiện đà xua chúng đi bằng cả hàm răng nữa và nhân thế lôi ngoắt khỏi đường đi một con thú dữ tợn vừa nhô đầu từ dưới khe lên – một con sói đực to lớn, bồm dưng đứng, rồi cả đàn sói thoát biến mất, dường như bị cơn bão cuốn đi...

Apđi bỏ chạy, anh chạy một lúc lâu trên thảo nguyên, kêu thét lên vì hoảng sợ. Anh chạy mà cảm thấy đầu óc rối loạn, thân thể nặng chịch, cảm thấy đất chao đảo dưới đôi chân cứ quấn vào nhau của anh – anh muốn ngã xuống, nằm vật ra, ngủ thiếp đi, và đột nhiên anh bắt đầu nôn mửa, anh cảm thấy giờ chết của anh đã đến. Song anh vẫn đủ ý chí để mỗi lần nôn lại chạy tránh sang bên cho xa bãi mửa kinh tởm và chạy tiếp cho đến khi một cơn nôn mửa mới lại làm anh quẫn quại phục xuống đất, bụng đau nhói như bị dao cắt. Vừa nôn ọe ra chất phấn hoa độc hại kia và khốn khổ co quắp người lại, anh vừa rên rỉ lẩm bẩm: “Lạy Chúa, ngừng lại đi, đủ rồi! Không bao giờ, con sẽ không bao giờ đi kiếm anasa nữa! Đối với con thế là đủ rồi, con không muốn, không muốn nhìn thấy và ngửi thấy mùi này, lạy Chúa, hãy thương con...”

Rút cuộc, khi cơn nôn mửa đã lui và anh chuẩn bị đi tìm quần áo thì Pêtorukha và Lenca chạy đến. Câu chuyện gặp đàn sói làm cả hai hoảng sợ. Nhất là Lenca.

– Việc quái gì mà sợ! Sao mà cứ run lên thế? – Pêtorukha mắng chú bé
– Trước đây khi người ta đi tìm vàng thì cũng đã từng gặp những trường hợp như vậy, nhưng họ mặc kệ, vẫn đi như thường... Vậy mà mà lại sợ mấy con sói vớ vẩn nào ấy, chúng đã biến mất tăm rồi còn gì...

– Nhưng đây là đi tìm vàng – Lenca đáp sau một lát im lặng.

– Thì đối với mà có khác gì đâu? – Pêtorukha hàm hàm đáp.

Apđi liền lợi dụng câu ấy.

– Có khác nhau đấy, Pêtorukha ạ – anh lên tiếng – và rất khác nhau nữa kìa. Vàng cũng không gây ra nhiều điều ác, nhưng người ta khai thác nó một cách công khai, còn anasa là chất độc đối với mọi người. Tớ vừa thử xong, suýt nữa thì toi mạng, nôn ọe khắp thảo nguyên đấy...

– Im đi, cậu ngộ độc một chút là vì không quen thôi, chẳng ai có lỗi cả –

Pêtorukha bực bội phẩy tay – Người ta có lỗi cậu đến đây đâu? Cậu lúc nào cũng làm nhảm về Chúa, lúc nào cũng cái này tốt cái kia xấu, sao cậu cứ làm hỏng việc của chúng tớ thế? Sao cậu cứ gây rắc rối thế? Vậy mà vừa đánh hơi thấy tiền là cậu đã lao ngay đến đây và suýt rơi vào hàm sói nữa!

– Tớ đâu muốn gây rắc rối, tớ muốn làm mọi việc tốt đẹp lên thì có – Apđi quyết định là sẽ phải bộc lộ nhiều hơn dự tính – Cậu chẳng hạn, Pêtorukha ạ, cậu có vẻ là một chàng trai thông minh, nhưng thật vô lý là cậu lại không hiểu rằng cậu đang đi đến chỗ phạm tội...

– Thì đã sao! Thế cậu đang đi đến chỗ nào?!

– Tớ đi là để cứu vớt!

– Cứu vớt? – Pêtorukha giận dữ hét to – Vậy cậu sẽ làm gì để cứu vớt chúng tớ? Kể đi xem nào!

– Trước hết chúng ta phải ăn năn trước Chúa và trước mọi người...

Apđi ngạc nhiên thấy Pêtorukha và Lenca không phá lên cười. Chỉ Pêtorukha là nhổ một cái, dường như có một chất bẩn gì đó rơi vào mồm y.

– Ăn với chả năn! Lại bịa đặt nữa rồi đấy – gã càu nhàu. – Cậu cứ việc mà ăn năn, còn chúng tớ sẽ kiếm tiền. Chúng tớ cần tiền, cậu hiểu chứ? Thật đơn giản và rõ ràng! Còn cậu thì cứ việc ăn năn đi! Và nếu cậu đùa thì hãy đùa cho thật trọng hơn! Nếu Anh Cả biết được là ở đây cậu lung lạc chúng tớ thì cậu sẽ dừng hòng về đến nhà, cậu hãy nhớ như vậy! Tớ nói với cậu như nói với một người bạn đấy. Đừng có làm rối trí chúng tớ, đối với chúng tớ thì tiền là trước hết! Lenca, cậu hãy nói xem cậu cần cái gì? Chúa hay tiền nào?

– Tiền – Lenca đáp.

Apđi yên lặng một lát. Anh quyết định trì hoãn, gác câu chuyện lại.

– Đủ rồi, chúng ta chuyện trò thế là đủ rồi, ta hãy chuẩn bị về đi –

Pêtorukha ra lệnh bằng một giọng dàn hòa – Còn về thứ bột plaxtilin của cậu, Apđi ai ạ, thì có lẽ chẳng ăn thua gì phải không?

– Thật đáng buồn là đúng như vậy. Con sói cái vừa nhảy bổ vào tớ là tớ đã không biết để đâu mất. Cả quần áo cũng vậy, tớ sẽ đi tìm...

– Quần áo của cậu thì nhất định sẽ thấy, nó chạy đâu được. Nhưng chất plaxtilin thì cậu đã không kịp thu nhập rồi. Hôm nay là phải đi khỏi đây. Thôi được, ta sẽ kể chuyện gì đã xảy ra, anh ta sẽ hiểu. Mà nếu không hiểu thì lần sau ta sẽ kiếm bù vậy...

Lưng khoác balô lèn chặt cổ anasa, họ đi mãi đến tận nửa đêm về phía đường sắt. Đi không đến nổi vất vả lắm, chẳng lấy gì làm nặng, toàn cỏ đã hong khô, nhưng mùi anasa sực nức mà ngay cả những túi nilong cũng không át đi nổi khiến đầu óc họ choáng váng và buồn ngủ. Đến nửa đêm, họ tản ra ngủ tại một nơi nào đó trên thảo nguyên để sớm tinh mơ hôm sau lại đi tiếp. Lenca chui vào giữa Apđi và Pêtorukha – sau trường hợp xảy ra ban ngày, cậu ta sợ chó sói. Cũng dễ hiểu thôi – cậu ta mới chỉ là một chú bé non choẹt. Mọi chuyện đều ngược lại hết, lúc đi sao họ buồn ngủ đến thế, nhưng khi nằm xuống thì Apđi mãi không thể thiếp đi được. Việc Lenca nấn nì xin nằm vào giữa khiến anh rất xúc động, ai có thể ngờ rằng một chú bé trông táo tợn như thế mà lại sợ chó sói. Nhưng đó chính là quyền lực của thói xấu, của những quan niệm bị bóp méo đi từ nhỏ về cuộc sống, cho dù mới đây thôi Lenca còn không cần suy nghĩ lâu mà trả lời ngay rằng đối với cậu ta thì tiền quan trọng hơn Chúa. Tất nhiên Chúa nói đến ở đây là có tính chất ước lệ, là tượng trưng cho cuộc sống đúng đắn. Đó là những điều Apđi suy nghĩ đến...

Đêm hè trên thảo nguyên có một vẻ đẹp riêng. Không khí tinh mịch vô cùng như bắt nguồn từ sự hùng vĩ của đất trời, hơi ấm thấm đượm hơi thở của nhiều loại cỏ và cảnh tượng xúc động nhất là vầng trăng nhấp nháy, là hằng hà sa số các ngôi sao nhấp nháy và không có một hạt bụi nào trong

khoảng không giữa mắt ta và ngôi sao, cả khoảng không đó trong sạch đến nỗi chốn ấy, chốn sâu thẳm của thế giới đầy bí ẩn ấy chính là nơi ý nghĩ con người hướng tới trước tiên. Vào những phút hiếm hoi, khi con người lãng quên những công việc thường nhật trong cuộc đời. Chỉ đáng tiếc là lãng quên không được lâu...

Trong lúc ấy Apđi ngẫm nghĩ rằng tạm thời thì mọi việc đều diễn ra như anh muốn: anh đã cùng những kẻ thu nhật anasa đến tận các thảo nguyên mọc loại cây này, đã nhìn thấy hết tận mắt và có thể nói là đã tự thể nghiệm hết. Giờ đây còn lại phần việc phức tạp nhất là lên tàu và ra đi. Đối với những kẻ thu nhật anasa thì thời điểm nguy hiểm nhất là chuyên chở anasa. Họ bị công an bắt giữ chủ yếu là tại các nhà ga thuộc châu Á, sang đến phần nước Nga thì đã dễ dàng hơn một chút. Còn nếu họ đến được Mátxcơva rồi tiếp đó về đến nơi thì đã là thắng lợi hoàn toàn. Cái ác lớn lao của cuộc đời đã đặc thắng, biến thành thành công nhỏ bé của những con người nhỏ bé...

Apđi khó lòng cam chịu được như vậy ngay cả trong tư tưởng, nhưng làm một việc gì đó để không chỉ đơn giản ngăn chặn tội ác này mà còn cải tạo lại cách nghĩ, can ngăn và làm thay đổi quan niệm của họ thì anh hiểu là anh không đủ sức. Kẻ chống đối lại anh – hẳn đang ở một nơi nào đó tại đây, trên các thảo nguyên này – kẻ đứng trong bóng tối chi phối tất cả những người đi thu nhật anasa và đang kiểm soát cả anh nữa, kẻ mà họ gọi là Anh Cả ấy, kẻ đó mạnh hơn anh rất nhiều. Và chính kẻ đó, gã Anh Cả ấy, mới là ông chủ, nếu không muốn nói là còn hơn thế nữa, là tên độc tài nhỏ trong chuyến đi lùng kiếm anasa của họ. Còn anh, Apđi, người nhập bọn với họ như một tu sĩ lang thang nhập bọn với lũ kẻ cướp, thì chí ít cũng thật lố bịch... Nhưng đã là tu sĩ, đã là kẻ mơ mộng và cuồng tín của Chúa thì trong mọi trường hợp vẫn phải là tu sĩ... Cả anh cũng sẽ phải làm như vậy...

Anh còn suy nghĩ rằng anh đã trải qua một trường hợp thật lạ lùng vào ngày hôm qua – lũ sói con ấy, lũ sói con ngây ngô, cao lênh khênh và lớn quá tuổi ấy đã tưởng con người là một sinh vật vô hại, buồn cười và có thể đùa giỡn được, rồi đột nhiên xuất hiện con sói cái mắt xanh cuồng nộ kia. Con giận dữ nào đã bùng lên trong tim nó, mọi việc về sau đã trót lọt bằng cách nào và việc nó hai lần nhảy vọt qua đầu anh chứa đựng ý nghĩa gì? Và tình hình sẽ ra sao nếu như cơ sự đi đến chỗ hai vợ chồng nó trong chớp mắt xé tan xác anh, một dân thành phố góc nghếch trần truồng – nếu không kể đến chiếc mũ rộng vành và chiếc quần bơi – và bất lực, trần truồng và bất lực đến nỗi chỉ trong chuyện tiêu lâm mới như vậy.

Có lẽ số phận đã thông qua những con thú kia mà tỏ ra nhân từ với anh: phải chăng điều đó có nghĩa là anh còn cần thiết cho cuộc đời? Nhưng con sói cái mắt xanh kì lạ kia mới đẹp biết bao, mới lạnh lẽo biết bao trong cơn cuồng nộ của nó, trong nỗi sợ hãi cho đàn con của nó! Đúng, dĩ nhiên là nó có lý riêng của nó, và phải cảm ơn nó vì nó đã không nhảy vào anh, không gây tai họa cho anh, song anh cũng có lỗi gì đâu. Apđi vừa suy nghĩ như vậy vừa khẽ cười khi tưởng tượng rằng nếu như cô gái cười moto kia nhìn thấy anh lúc đó thì cô sẽ cười phải biết! Có lẽ cô sẽ thích thú như xem anh hề trong rạp xiếc. Nhưng sau đó anh lại hoảng sợ: nhờ chiếc moto của cô bị chết máy ở một nơi nào đó giữa thảo nguyên vắng vẻ, cô chỉ có một mình mà giữa lúc đó lũ sói xộc đến thì sao? Anh liền cầu nguyện một cách mê tín với con sói cái mắt xanh:

“Hỡi con sói mẹ tuyệt đẹp, hãy nghe ta nói đây! Người đang sống ở đây và người hãy sống như người thấy cần thiết, như thiên nhiên ra lệnh cho người. Điều duy nhất ta cầu xin người là nếu chiếc moto của cô gái kia đột nhiên bị chết máy thì người hãy vì Chúa, vì những thánh thần họ nhà sói của người và vì đàn con của người mà đừng động đến cô gái ấy! Còn nếu người muốn ngắm nhìn cô gái ấy, một cô gái tuyệt đẹp trên chiếc xe hai bánh đồ sộ, thì người hãy chạy ven vệ đường, chạy một cách bí mật, hãy

chấp cánh mà bay bên cạnh. Biết đâu, nếu tin theo các tín đồ Phật giáo thì người, hỡi con sói cái mắt xanh, người sẽ nhận ra cô gái ấy là chị em của người nhưng lại khoác hình dáng người thì sao? Có thể như vậy lắm, vì tuy người là sói còn cô gái kia là người nhưng cả hai đều tuyệt đẹp, mỗi bên đẹp theo một kiểu riêng... Ta sẽ chẳng giấu diếm người làm gì – ta sẽ yêu cô gái ấy với tất cả tâm hồn, song ta ngốc thật, tất nhiên ta là thằng ngốc rồi, còn có thể là ai được nữa? Chỉ có những kẻ ngốc nghếch tuyệt vọng mới có thể mơ ước như thế. Còn nếu như cô gái ấy bằng một cách nào đó biết được những suy nghĩ của ta thì nhất định cô ta sẽ bật cười rộ rỡ! Nhưng nếu như việc đó làm cô ta sung sướng thì cô ta cứ việc cười như vậy đi...”

* * *

Trời hây còn khá tối – ánh sáng vừa lan khắp bầu trời thảo nguyên thì Pêtrukha đã đánh thức Apđi và Lenca. Đã đến lúc trở dậy và đi đến cây số ba trăm ba mươi. Đến càng sớm càng tốt, bởi vì không phải chỉ có mình họ mà còn vài ba nhóm nữa cũng phải tụ tập tại địa điểm ấy vào quãng thời gian ấy cùng với anasa đã thu lượm được và đã hong khô. Họ sẽ phải chặn giữa đường một tàu chở hàng nào đó chạy qua, kín đáo lên tàu rồi đi tới ga Gianpắc-Xax. Tại đó, họ sẽ lên những đoàn tàu khác. Nói chung, đối với những kẻ đi kiếm anasa thì lúc đó mới bắt đầu đoạn đường nguy hiểm nhất. Toàn bộ “chiến dịch” dường như là do Anh Cả điều khiển. Hẳn có đón họ không, họ có tìm ra hãn ở cây số ba trăm ba mươi không, những câu hỏi đó Pêtrukha không giải đáp rõ ràng được. Hoặc là gã không biết, hoặc là gã không muốn nói.

Họ lại khoác balô lên vai và đi theo Pêtrukha. Apđi ngạc nhiên thấy Pêtrukha rất nhạy bén và nhớ rất giỏi địa hình nơi đây. Gã luôn luôn báo trước nơi nào có mương xói, nơi nào có nguồn nước trong bóng râm, nơi nào có trũng nông hoặc khe hẻm. Và Apđi lấy làm tiếc rằng những năng lực như vậy, trí nhớ như vậy lại bị hoài phí đi trong con người Pêtrukha! Y đã

đến đây nhiều lần rồi nên mới biết rõ hết như vậy!

Tớ sinh trưởng trong một gia đình nông dân mà lại – gã nói thế. Gã còn kể rằng theo lời đồn đại thì cách đây chừng hai trăm cây số là bắt đầu sa mạc Môiuuncumư, ở đây người ta bảo là có không biết cơ man nào là xaigắc, tức là một loại sơn dương ở thảo nguyên. Gã còn kể rằng dường như có những con người tốt và được trang bị loại xe “GAZ”, công cụ tuyệt vời, đang nườm nượp kéo đến săn bắn gần như từ mãi Ôenbua. Và họ đến đó mới sướng chứ – đồ nhắm là thịt những con thú còn tươi nguyên và rượu thì đem theo tới mức uống thả cửa. Đi săn thế mới thật chúa! Nhưng hình như cũng nguy hiểm lắm, thường xảy ra những trường hợp xe bị hỏng, những người đi săn lạc đường giữa thảo nguyên và bị chết khát. Còn về mùa đông thì bão tuyết thảo nguyên thỉnh thoảng lại ập đến. Sau đó người ta bảo là chỉ tìm thấy xương mà thôi. Một anh chàng đi săn thậm chí còn phát điên, người ta phải dùng máy bay lên thẳng đi tìm. Chiếc máy bay ấy đi tìm anh ta, muốn cứu anh ta, nhưng anh ta lại chạy trốn nó, lẩn tránh nó. Họ lùng kiếm mãi anh ta và khi bắt được thì anh ta đã không còn phát ra tiếng người nữa. Còn vợ anh ta thì nghe đồn là trong thời gian đó đã kịp kiếm được một gã khác! Một con mụ khốn kiếp! Tất cả bọn họ đều như thế cả!

Chính vì thế mà tớ không nghĩ đến chuyện lấy vợ đấy. Ở thành phố tớ có một mụ khá lắm, quẳng cho mụ ta ít ghẻ rách là mụ ta chiều hết ý và còn hứa là không sinh con đẻ cái làm gì cho rắc rối. Nhưng cái chính là tớ đã mua được chiếc moto rồi, đã có chiếc moto thể thao Tiệp dựng trong kho rồi và bây giờ là chiếc “Giguli” nữa – đó không phải là vấn đề lớn. Còn nếu như xoay được ở đâu chiếc “Vônga” mới tinh, loại xe giống như “Merxedex” ấy, nếu như xoay được ở đâu một chiếc xe như vậy kèm thêm chiếc máy cát-xét nữa mà bật lên thì tuyệt, nó sẽ hát cho nghe như thấm vào ruột gan vậy. Đâu đâu cũng cần có tay trong, đâu đâu cũng phải trả tiền và trả quá mức cần thiết. Và nếu ngồi trên chiếc “Vônga” riêng mà phóng đến Vóckuta thì đám anh em nhà tớ sẽ phải gương mắt ra mà nhìn, haha. Vợ họ

sẽ phải tức nổ ruột ra vì ghen tị. Còn trong ngăn để hành lý thì loại rượu gì cũng có, tha hồ lựa chọn, phần lớn là nhãn hiệu nước ngoài hết. Còn vodka của ta là nhất rồi, dĩ nhiên là thế rồi. Trong chuyện này thì chẳng có gì mà phai so bì cả, tựa như chàng ngốc Ivan ấy... Chính vì thế mà tớ đi kiếm anasa và dẫn các cậu đi kiếm chác đấy, các cậu bạn thân mến của tớ ạ. Nếu gặp may thì cậu hãy sống cho thoải mái, còn nếu không gặp may thì đành mút tay cho no bụng vậy...

Vừa nghe những lời lẽ ba hoa này của Pêtrukha, những lời lẽ hình như vô tích sự và xuềnh xoàng mà gã dùng để giải khuây cho chính bản thân gã và những người cùng đi với gã, Apđi vừa theo đuổi những ý nghĩ riêng tư. Anh nghĩ rằng con người bị giăng xé giữa ba yếu tố: miếng mồi cám dỗ của sự giàu có, việc đua đòi theo sự đua đòi chung của mọi người và thói hám danh. Đó cũng là ba cột chống cho ý thức của một số người đông đảo, là chỗ dựa ở khắp mọi nơi và trong mọi thời đại cho thế giới vững chắc của những kẻ nhỏ mọn, cho chỗ trú ẩn của những cái ác lớn và nhỏ, của sự vô lễ và nghèo hèn của các quan niệm. Anh cũng nghĩ rằng khó mà tìm được một sức mạnh nào trên trái đất, kể cả tôn giáo nữa, có thể chiến thắng được hệ tư tưởng hùng hậu của thế giới những kẻ nhỏ mọn. Biết bao nhiêu trí tuệ bay bổng và giàu lòng hy sinh đã tan vỡ khi va phải bức thành trì kiên cố tuy vô hình này...

Việc anh đang đi vào giờ này đến chỗ gặp mặt những kẻ đi thu lượm anasa cũng chứng minh điều đó – tinh thần quả là bất lực mặc dù nó không hề mệt mỏi... Hoá ra số kiếp của anh là như vậy... Suốt dọc đường, anh lúc nào cũng thầm chuẩn bị tư tưởng cho cuộc gặp gỡ với Anh Cả – anh phải sẵn sàng chiến đấu...

Họ đến cây số ba trăm ba mươi sớm hơn chừng hai tiếng đồng hồ – vào khoảng hai giờ họ đã có mặt. Khi đến gần khe hẻm chạy dọc theo đường sắt, Pêtrukha báo trước: phải giấu balô vào nơi gã sẽ chỉ cho biết, không

được lộ mặt ra, không được đi lại lung tung trước những đoàn tàu chạy qua, lúc nào cũng phải đợi lệnh của gã.

Nhưng họ đã mệt rã rời rồi, họ đã đi biết bao nhiêu đường đất trong ngày mà lại! Thật dễ chịu được nằm dài ra trong khe hẻm, trên đồng cỏ mượt như lụa, nơi cây vũ mâu mọc xen kẽ với đan sâm. Thật dễ chịu được nghe thấy tiếng âm âm của các đoàn tàu xuất hiện từ xa rồi mỗi lúc một vang to, được nghe thấy tiếng đường ray kêu ken két và rung chuyển dưới những đoàn tàu nặng chịch dài hàng cây số đang lao đến, được nghe thấy chúng rầm rầm chạy qua, loảng xoảng tiếng bánh xe, cuốn theo hơi sắt thép và mùi dầu madút, và tiếng chuyển động âm âm ấy còn vọng lại mãi hồi lâu để dần dần tan đi trong vẻ vắng lặng mênh mông bao trùm khắp xung quanh... Cả những đoàn tàu khách cũng chạy qua, chiếc theo hướng này, chiếc theo hướng khác.

Apđi tưởng chừng như mình run rẩy lên – từ nhỏ anh đã thích đứng nhìn các đoàn tàu khách vùn vụt chạy qua, nhìn những hình người và khuôn mặt thấp thoáng trong các ô cửa sổ. Chà, các người hạnh phúc quá, hãy đem tôi đi theo nào! Nhưng lần này anh đã mất niềm vui những niềm vui chốc lát ấy – anh phải nấp kín sau bụi cây và không được phép ngẩng đầu lên. Tệ hại hơn nữa, anh sẽ phải là kẻ đồng loã hay ít nhất cũng là kẻ chứng kiến việc bọn ăn cướp chặn một đoàn tàu hàng nào đó lại tại đoạn đường này. Không, không ai định đánh cướp đoàn tàu hết, nhưng việc chặn tàu lại sẽ cho phép những kẻ đi thu lượm anasa nhảy lên các toa, còn sau đó thì mọi việc cứ tự nhiên diễn biến. Họ sẽ ẩn nấp trong đoàn tàu hàng mà đi tiếp...

Các đoàn tàu hết đến rồi đi. Sau đó là một khoảng ngưng đọng kéo dài và hoàn toàn yên tĩnh. Apđi đã thiu thiu ngủ thì một tiếng huýt sáo vang lên. Pêtorukha lắng nghe, cũng huýt một tiếng, và đáp lại gã lại vang lên một tiếng huýt sáo nữa.

– Nào, bây giờ thì các cậu hãy ngồi yên ở đây nhé – Pêtorukha nói. – Tớ

đi đây, người ta sang gọi tớ đây. Lúc tớ vắng mặt là không được đi đâu hết, nghe rõ chứ, Apđiai? Nghe rõ chứ, Lenca? Chặn tàu lại không phải chuyện đơn giản đâu. Phải hành động một cách thông minh mới được.

Nói xong gã biến mất. Chừng nửa giờ sau thì gã trở lại. Gã trở lại với vẻ lạ lùng thế nào ấy. Một cái gì đó trong con người gã đã biến đổi rất khó nắm bắt được, mắt gã lấm lét, tránh nhìn thẳng. Trong những trường hợp như vậy, Apđi không thích lan man ngờ vực, anh xua đuổi đi ý nghĩ không cần thiết. Thiếu gì chuyện có thể xảy ra kia chứ – nhờ người đó bỗng đau bụng thì sao... Do đó, anh thản nhiên hỏi:

– Thế nào Pêtrukha, tình hình ra sao?

– Tạm thời thì không sao cả, mọi việc đều bình thường. Chúng ta sắp sửa hành động đây.

– Chặn tàu hàng lại phải không?

– Tất nhiên rồi, trong công việc của chúng ta thì đi tàu hàng là chắc chắn hơn cả. Mà tốt nhất là đến được ga giữa lúc đêm hôm khuya khoắt và nhảy được lên đoàn tàu khác ở tuyến đường dự trữ.

– Đúng thế đấy.

Họ im lặng một lát. Pêtrukha châm thuốc hút và vừa hít một hơi dài vừa như nhân tiện cho biết:

– Trong bọn ta có một người bị tọng chân. Tên anh ta là Grisan, tớ vừa gặp anh ta xong. Anh ta đúng là không may, với chân đau như thế thì thu lượm cái quái gì được, đi đâu cũng phải chống gậy hết. Kể cũng đáng bực cho anh ta thật. Do đó, có lẽ tất cả chúng ta sẽ san sẻ cho anh ta một ít, bọn ta có mớ tên kia mà. Nếu mỗi người góp cho anh ta một phần nhỏ anasa của mình thì sẽ giúp được anh ta đây.

– Tớ sẵn sàng – Apđi nói. – Lenca đang ngủ kia, nhưng tớ cho rằng nó

cũng sẽ không bủn xỉn đâu.

– Lenca thì yên trí, nó là người của mình mà! Còn cậu, Apđiai ạ, cậu nên đi nói chuyện với Grisan một chút. Cậu là người có học, cậu nên đến khuyên giải anh ta, có thể cậu sẽ động viên được anh chàng khập khiễng ấy đấy...

– Thế Anh Cả đâu, cũng ở chỗ ấy à? – Apđi khinh suất hỏi.

– Sao cậu lúc nào cũng Anh Cả với Anh Cả thế? – Pêtrukha nổi giận – Làm sao tớ biết được? Tớ nói với cậu về Grisan, vậy mà cậu lại hỏi tớ về Anh Cả. Nếu cần thì anh ta sẽ tìm gặp chúng ta, còn nếu không cần tức là việc của chúng ta không có gì đáng chú ý. Sao cậu lúc nào cũng bần khoản thế?


– Thôi được, tớ vô tình mà hỏi thôi. Cứ yên tâm, thế anh ta ở đâu, anh chàng Grisan ấy? Ở phía nào?

– Cậu đến đằng kia kìa. Đấy, anh ta đang ngồi dưới bóng cây đấy! Đi đi, đi đi!

Apđi bước về phía đó và một lát sau thì trông thấy Grisan. Hắn ngồi trên chiếc ghế xếp nhỏ, giữa đám cỏ, hai tay cầm gậy. Chiếc mũ lưỡi trai che kín trán hắn, hình như hắn rất nhạy bén thì phải – Apđi chưa kịp đến gần thì hắn đã ngoảnh lại nhìn và đưa năm tay lên miệng ho. Ngồi gần hắn còn có hai tên nữa. Tất cả là ba người, Apđi chợt hiểu rằng đó chính là gã Anh Cả... Anh bước chậm lại, cảm thấy người lạnh buốt và tim đập dồn dập...

I.7

Gặp Anh Cả – Chặn đoàn tàu – Cuộc xung đột trên tàu

 chào người bị nạn – Apđi cố lấy giọng bình thường nói và bằng cách đó gắng làm giảm tiếng tim đập thình thịch trong lồng ngực.

Grisan đang ngồi trên chiếc ghế xếp nhỏ xíu như của dân câu cá, y quay quay chiếc gậy và nheo một mắt:

– Chào thì cũng được thôi, nhưng đây là lời chào của ai vậy?

Apđi bất giác mỉm cười:

– Của một kẻ mà đã mở đầu phải hỏi thăm sức khỏe của cậu đã.

– À ra thế! Vậy thì tớ rất cảm ơn, cảm ơn nhiều, dù chỉ là để mở đầu thôi. Ở nơi thảo nguyên hoang vắng thì sự quan tâm đó có giá trị gấp đôi đấy. Dĩ nhiên rồi! Tất cả chúng ta đều là con người cả, phải không?

“Hắn ta thật lắm lời và nếu thêm vào đấy lại còn uyên bác nữa thì thật tai họa. Mình đâu có ngờ lại như vậy. Hắn ta làm bộ làm tịch, tỏ ra là kẻ hay nói – Apđi thầm nghĩ – Để làm gì mới được chứ? Hay đấy là mảnh khóc của Anh Cả chăng?”. Apđi thầm nhận xét thấy trong vóc dáng của Grisan không có một nét nào đáng chú ý. Mọi thứ trên con người y đều bình thường: mái tóc hung sẫm vừa phải, khổ người cao hơn trung bình, gầy gò, ăn mặc không có gì nổi bật, hệt như những người thuộc lứa tuổi của y vẫn thường mặc – quần bò, chiếc sơ mi đã sờn cài phéc-motuya, chiếc mũ lưỡi

traì bình thường mà nếu cần thì có thể đút luôn vào túi. Nếu như y không khập khiễng và do đó không phải chống một chiếc gậy to xù xì thì thật khó nhận ra được y, đâu đâu y cũng sẽ hòa lẫn vào đám đông. Chỉ trừ đôi mắt y là có thể nhớ được nếu quan sát y kỹ hơn một chút. Đôi mắt lạnh lẹn của y màu nâu thẳm và ánh mắt y luôn luôn thay đổi. Có lẽ, chính bản thân y cũng không nhận thấy là y rất hay nheo mắt. Nhìn nghiêng, mấp máy hai hàng lông mày không màu gợi nhớ đến một con thú dữ nhỏ bị dồn vào thế bí, muốn nhảy xổ ra cắn, nhưng không dám, song vẫn làm ra bộ can đảm, vẫn làm ra bộ dọa nạt. Rất có thể, góp phần gây ra ấn tượng đó là chiếc răng cửa hàm trên bị gãy một mảnh, chỉ lộ ra khi nói chuyện. “Hẳn có thể bịt vàng mảnh răng sứ đó nhưng không hiểu sao hẳn không làm như vậy – Apđi thăm nghĩ – Chắc là hẳn không muốn có thêm một đặc điểm nữa”.

– Chân cậu bị sao thế, bong gân à? Sơ xuất phải không? – Apđi hỏi cho phải phép lịch sự.

Grisan mơ hồ lắc đầu:

– Đúng, có thể nói là có bị đau một chút. Tớ sơ xuất, cậu nói đúng đấy, Apđi ạ, hình như tên cậu là thế thì phải?

– Đúng thế, tên tớ là Apđi.

– Một cái tên hiếm đấy, như trong Thánh Kinh vậy – Grisan cố ý kéo dài giọng ra và nhấp nháp từng tiếng một, tựa như vừa nói vừa ngẫm nghĩ. – Apđi, đấy đúng là một cái tên có nguồn gốc nhà thờ – y trầm ngâm kết luận. – Phải đấy, ngày xưa con người sống cùng với Chúa mà. Chính vì thế mà ở nước Nga có những họ như Prêsixtenxki, Bôgôlêpốp, Blavôvextốp đấy. Apđi này, chắc hẳn họ của cậu cũng phải tương tự chứ?

– Họ của tớ là Calixtôratốp.

– Đấy, cậu thấy chưa, trùng hợp mà... Còn tên tớ là Grisan, vừa đơn giản hơn, vừa theo kiểu vô sản. Nhưng điều đó không quan trọng. Vậy là

cậu nói đúng, Apđi ạ, tớ đã sơ xuất với cái chân của tớ. Một kết luận đáng ghê sợ rút ra từ chuyện đó là: nếu ai không ngốc đặc thì nhất định phải nhìn xuống chân mình. Cả câu chuyện ngụ ngôn về chiếc đầu tòi tệ khiến đôi chân không được yên cũng là nói đến ý ấy. Như cậu thấy đấy, tớ bị tàn phế, một câu chuyện quả là tầm thường.

– Và điều đó ảnh hưởng đến việc gì? – Apđi hỏi, ý muốn nói đến những lời lẽ bóng gió của Petơrukha.

– Tớ không hiểu đấy – Grisan cảnh giác.

– Tớ muốn nói là câu chuyện tầm thường này đã ảnh hưởng đến thành công trong công việc của cậu – phải hiểu như vậy phải không? – Apđi giải thích.

– À, đấy lại là chuyện khác! – Grisan lập tức thay đổi thái độ, vứt bỏ vẻ đóng kịch giả tạo đi. – Nếu cậu nói chuyện về công việc thì cậu có lý đấy. Nhưng hiện giờ đó không phải là điều quan trọng, không phải là điều làm tớ lo lắng. Tớ là ai thì tất nhiên cậu đoán ra rồi. Nếu không, tớ cần quái gì nói chuyện với cậu vào lúc này, tớ cần quái gì đến câu chuyện rỗng tuếch này... Tóm lại, tớ dường như là người điều hành ở đây, hoặc giả dụ như, một viên chuẩn úy quân đội vậy, và đối với tớ thì điều chủ yếu nhất là vượt qua trận tuyến mà vẫn duy trì được lực lượng.

– Tớ có thể giúp ích được gì cho cậu trong trường hợp này? Và nói chung, cũng nên chuyện trò với nhau một chút – Apđi đề nghị. – Về cái chuyện lực lượng này thì tớ cũng có điều để nói đấy...

– Nếu quyền lợi đã trùng hợp như vậy thì không nên chuyện trò mà phải bàn luận mới được – Grisan nói rõ thêm. – Chính đó là điều tớ muốn làm. Giả dụ như hai chúng ta đây là hai cô gái chẳng hạn thì thế nào cũng nảy ra vấn đề... – y nói bóng gió một cách ranh mãnh rồi yên lặng một lát. Sau đó y ra lệnh cho hai gã đồng bọn đang ngồi lánh sang bên và không tham gia

vào câu chuyện. – Chúng mày ngồi không đấy làm gì? Đi mà chuẩn bị đi!

Hai gã lẳng lẳng bỏ đi để thực hiện nhiệm vụ mà chắc hẳn đã ước định từ trước. Hạ lệnh xong, Grisan nhìn đồng hồ:

– Một tiếng nữa chúng ta sẽ bắt đầu chiến dịch lên tàu. Cậu sẽ được thấy việc đó diễn ra như thế nào – y hứa hẹn với Apđi. – Quy định của chúng tớ rất nghiêm khắc. Kỷ luật như trong quân đội đổ bộ. Mà chúng tớ quả thật là một đội quân trung thành vô hạn đối với Tổ Quốc, Tổ Quốc viết hoa đấy nhé. Cả cậu cũng phải hành động đúng mệnh lệnh. Không được “có thể” hay “không thể” gì hết. Nếu mọi người đều hành động đúng quy định thì đến tối chúng ta sẽ đến được ga Gianpắc-Xax.

Grisan im lặng đầy ý nghĩa. Sau đó, y ném một cái nhìn hí hửng đầy độc địa về phía Apđi rồi vừa nói vừa cười khẩy, để lộ chiếc răng sứt:

– Bây giờ ta nói về chuyện chính, về lý do đã đưa cậu đến đây. Cậu cứ ung dung đã, đừng vội. Vậy thì trong cái thế giới tội lỗi mà cậu bước vào một cách lạ lùng này, việc này ta sẽ nói đến sau, tình thế của cậu là như sau: Cậu là kẻ đi tìm kiến anasa. Cậu đã ràng buộc với chúng tớ và cậu lại biết quá nhiều nữa. Cậu có vẻ như không phải đồ ngốc đâu, nhưng cậu tự chui vào bẫy đấy chứ. Vậy bây giờ cậu hãy làm ơn đáp lại lòng tin cao cả của tớ bằng một giá cao không kém.

– Ý cậu muốn nói gì?

– Tớ nghĩ là cậu tự đoán ra được...

– Đoán là một chuyện, còn nói thẳng lại là chuyện khác.

Cả hai yên lặng một lát chờ cho hết tiếng ầm ầm của đoàn tàu chạy qua, mỗi bên đều chuẩn bị theo kiểu riêng của mình cho cuộc tranh luận quyết liệt mà giờ đây không thể tránh khỏi nữa. Vào giây phút đó, Apđi bất giác nghĩ rằng quan hệ giữa con người với nhau hình thành thật kỳ lạ: ngay cả ở đây, giữa thảo nguyên trơ trụi này, nơi mà hình như mọi người đều bình

đang, nơi ai cũng có cơ may như nhau, ai cũng đứng trước nguy cơ như nhau bị thất bại và phải chịu trách nhiệm hình sự, còn nếu may mắn thì ai cũng sẽ được thành công như nhau... ngay ở nơi này nữa, con người cũng mang theo, như mang theo máu thịt của mình, những luật lệ bất di bất dịch mà một kẻ như Grisan có được một quyền lực không viết thành văn bản nào đấy là được quyền ra lệnh, bởi vì y là chủ nơi đây.

– Vậy là cậu đề nghị nói thẳng chứ gì? – Grisan phá vỡ sự yên lặng. – Được thôi. – Y kéo dài giọng một cách mơ hồ và sau đó bỗng dường như sự tỉnh, ranh mãnh nói thêm – Apđiai này, có đúng là cậu bị chó sói tấn công không?

– Đúng – Apđi xác nhận.

– Vậy cậu có cảm thấy như thế này không: số phận đã cho cậu sống để bây giờ cậu trả lời câu hỏi của tớ – Grisan mỉm cười để lộ chiếc răng mé.

– Cứ cho là như thế đi.

– Vậy thì cậu đừng quanh co nữa. Cậu phải ở nguyên tại chỗ mà giải thích cho tớ biết ngay tại đây, vào lúc này: tại sao cậu lại làm rối loạn đầu óc các gã trai của tớ?

– Tớ muốn đính chính một điều thôi – Apđi nói.

– Đính chính gì? Còn cái quyền đính chính nào như ở nước Mỹ ấy nữa thế?

– Tớ muốn hướng họ lên con đường chân chính, tức là mấy tiếng “làm rối loạn đầu óc” hoàn toàn không thích hợp.

– Cậu hãy vứt bỏ chuyện ấy đi, đồng chí Apđi ạ. Chân chính và không chân chính, về vấn đề này mỗi người đều có quan niệm riêng của mình. Cậu hãy để yên những quan niệm vớ vẩn đó. Ở đây không phải là chỗ trở tài tranh luận. Tớ muốn biết ý định của cậu, cậu mưu mô gì cho cậu đấy, đức

cha Apđiai?

– Cậu muốn nói đến một mối lợi riêng gì đó phải không?

– Dĩ nhiên là thế rồi – Grisan dang rộng hai tay ra tỏ ngạc nhiên và mỉm cười với vẻ vừa đắc thắng vừa giễu cợt.

– Nếu thế thì không có một thứ lợi riêng nào hết, tuyệt đối không có một thứ lợi riêng gì hết – Apđi cắt ngang.

– Tuyệt! – Grisan gần như mừng rỡ kêu lên – Thật không còn gì bằng! Trùng hợp tất! Hoá ra cậu thuộc loại tiêu biểu của những kẻ ngốc nghếch cuồng tín, những kẻ mà...

– Gượm đã! Tớ biết cậu định nói gì rồi...

– Tức là cậu đến vùng Mũiuncumư này dưới dạng một kẻ tìm kiếm anasa, cậu luồn vào hàng ngũ chúng tớ, làm thân với chúng tớ và cậu hành động như vậy không phải bởi vì cậu chẳng thích kiếm bả như Chúa Kitô, và cũng không phải bởi vì cậu chẳng có chỗ nào mà đi sau khi bị đuổi ra chủng viện, bị rơi vào trạng thái không có lối thoát, có đúng không nào? Nếu tớ ở vào địa vị các lão cha cố ấy thì tớ đã tổng cổ cậu đi trong nháy mắt rồi, con người cậu như vậy thì ngay cả họ cũng chẳng cần quái gì. Họ chơi những trò chơi cổ lỗ, còn cậu thì cái gì tưởng coi là thật, cái gì cũng coi trọng...

– Đúng thế. Cả cậu cũng chớ coi thường tớ đấy – Apđi nói rõ.

– Nhất định rồi! Cậu tưởng là tớ không hiểu cậu ư? Tớ nhìn thấu suốt cậu. Tớ biết rõ cậu là người thế nào. Cậu là kẻ gàn dở, cậu tin mù quáng vào quan niệm ngốc nghếch của cậu. Chính vì thế mà cậu tới đây, nếu không tin thì cái gì đã dẫn cậu tới chỗ này? Chắc hẳn cậu đến với mục đích cao quý, với sứ mệnh cao quý là mở mắt cho chúng tớ, những kẻ sa ngã chuyên đi tìm kiếm anasa, chuyên buôn bán và đầu cơ chất thuốc phiện bị cấm này. Cậu đến để truyền bá những tư tưởng cứu thế cổ lỗ mà cách mấy

dậm vẫn sặc mùi chân lý cũ rích như sặc mùi nước tiểu vậy. Cậu đến để ngăn chặn chúng tớ làm điều ác, để chúng tớ phải ăn năn, thay đổi, để chúng tớ phải tiếp nhận những khuôn sáo của ý thức phổ quát mà cậu tôn thờ. Đó, chính vì thế mà ở phương Tây người ta khẳng định rằng ở nước ta ai cũng suy nghĩ theo một kiểu đấy – Grisan bỗng đứng dậy khỏi chiếc ghế vải với một vẻ nhanh nhẹn không hợp với một kẻ bị thương ở chân, ghé bộ mặt bưng bưng của y sát vào khuôn mặt Apđi. – Còn cậu, hỡi nhà sứ giả-cứu thế, cậu có nghĩ về việc cậu sẽ bị lực lượng như thế nào chống đối lại không?

– Có chứ, chính vì thế mà tớ có mặt ở đây. Và tớ xin báo trước cho cậu biết: tớ sẽ tìm cách đạt được mục đích của tớ vì lợi ích của chính các cậu đấy, dù tớ có phải trả giá đắt đến đâu chẳng nữa, vậy cậu chớ ngạc nhiên.

– Vì lợi ích của chính chúng tớ! – Grisan bĩu môi – Cứ yên tâm, tớ không ngạc nhiên đâu. Tớ cần quái gì phải ngạc nhiên về việc lại thêm một kẻ bị đóng đinh cẩu rút nữa hoá rồ, hỡi Đấng Cứu Thế kia của nhân loại. Hai tay giang ra bị đóng đinh trên cây thập tự, đầu gục xuống, khuôn mặt đau khổ nhăn nhó... Đấy, hãy ngẫm nhìn đi, hãy than khóc đi, hãy cúi rạp xuống chào cho đến ngày tận thế. Cứu chúng ta thoát khỏi chính bản thân chúng ta, cậu thấy không, những kẻ thông thái nghĩ ra được một trò cho muôn đời kể cũng khéo đấy chứ! Nhưng ai được cứu và cái gì được cứu trong thế giới này mới được chứ? Cậu hãy trả lời tớ đi! Tất cả những gì có từ trước khi xảy ra biến cố ở núi Sọ thì vẫn tồn tại cho tới nay. Con người cũng vẫn thế, và trong con người không có gì thay đổi từ khi đó. Vậy mà chúng ta lúc nào cũng chờ đợi sẽ có một người nào đó đến cứu vớt những kẻ tội lỗi là chúng ta đây. Trước kia, cậu đã vắng bóng trong công việc này, Apđi ạ. Nhưng giờ cậu đã đến với chúng tớ, cậu đến mà không bám bụi trần! – Grisan nhăn mặt với vẻ hài hước – Xin chào Chúa Kitô mới!

– Cậu có thể tự cho phép cậu nói về tớ thế nào cũng được, nhưng cậu

đừng có vô cớ nhắc đến tên Kitô! – Apđi chặn y lại. – Cậu phẫn nộ và ngạc nhiên vì thấy tớ xuất hiện ở đây, nhưng điều đó chẳng có gì lạ lùng cả – trước sau chúng ta nhất định sẽ phải gặp nhau kia mà. Cậu hãy nghĩ cho kỹ đi! Chẳng lẽ cậu không hiểu điều đó hay sao? Nếu không phải là tớ thì một người khác nào đó nhất định sẽ phải chạm trán với cậu. Còn tớ, tớ đã tính toán cuộc gặp gỡ này rồi...

– Có lẽ cậu đã tính toán cả tớ nữa chứ?

– Tất nhiên. Cuộc gặp gỡ của chúng ta là không tránh khỏi. Chính vì thế mà tớ đến đây không gợn chút bụi trần, nếu nói theo cách của cậu.

– Hoàn toàn logic, quý thật, đúng là chúng ta không thể tránh mặt nhau được. Và chắc hẳn chuyện đó cũng chứa đựng một tính qui luật khốn kiếp riêng nào đó. Nhưng đừng có hân hoan vội, hồi đấng Cứu Thế Apđi, lý thuyết của cậu sẽ không đem lại gì trong thực tiễn hết. Nhưng triết lý thế là đủ rồi, mặc dù cậu cũng là một nhân vật khá lý thú đấy. Đủ rồi, với cậu thì mọi chuyện đã rõ ràng rồi. Nếu tình hình đã như vậy thì cậu hãy nghe lời khuyên thiện chí của tớ đây: hãy đi theo con đường của cậu đi, Apđi ạ. Trước hết hãy cứu lấy cái đầu cậu đã. Giờ đây sẽ không ai động đến cậu đâu, còn những gì cậu thu nhặt được trong thảo nguyên thì nếu muốn, cậu có thể phân phát, đốt cháy hoặc tung hê theo gió, cái đó là tùy cậu. Nhưng hãy trông chừng đấy, đừng bao giờ để con đường chúng ta gặp lại nhau lần nữa! – Và Grisan gõ gõ gậy vào đá với một vẻ đầy ngụ ý.

– Nhưng tớ không thể chấp nhận lời khuyên của cậu được. Đối với tớ, khả năng đó bị loại trừ.

– Hãy nghe đây, cậu quả là một đồ ngốc đặc! Lý do gì ngăn trở cậu?

– Tớ chịu trách nhiệm trước Chúa và trước bản thân tớ về tất cả các cậu... Có lẽ cậu không hiểu nổi điều đó đâu...

– Có chứ, tại sao lại không nhỉ? – Grisan giận dữ hét to, mặt tái đi. –

Tiện đây, xin nói để cậu biết là tớ lớn lên trong một gia đình sân khấu và cậu hãy tin tớ, tớ hiểu và đánh giá cao vai cậu đóng. Nhưng liệu cậu có quá say sưa không đấy, vì sau bất kì cuộc biểu diễn nào, dù là cuộc biểu diễn thiên tài chẳng nữa, thì kết cục vẫn là hạ màn. Và bây giờ, đồng chí Apđi ạ, màn đã hạ rồi trước một khán giả duy nhất thôi. Cậu hãy dung hoà đi! Đừng bắt tớ phải gánh chịu một tội lỗi nữa trong tâm hồn. Cậu hãy đi đi khi còn chưa muộn.

– Cậu đang nói đến tội lỗi. Tớ hiểu cậu muốn nói gì, nhưng khi tận mắt thấy tội ác mà lánh đi chỗ khác thì đối với tớ, việc đó chẳng khác gì một trọng tội nặng nề. Và cậu đừng có can ngăn tớ. Tớ không thể thờ ơ được với những gì sẽ xảy ra. Chẳng hạn, với chú bé Lenca, với Pêtrukha và những gã trai khác trong bọn cậu. Kể cả cậu nữa.

– Gớm nhỉ – Grisan ngắt lời anh. – Vì lẽ gì mà cậu ban cho mình cái quyền được can dự vào cuộc sống của chúng tớ? Suy đến cùng thì ai cũng được tự do thu xếp số phận của mình. Lần đầu tiên trong đời tớ gặp cậu, vậy mà cậu cứ nằng nặc đòi quan tâm đến tớ và những người khác, cứ như cậu được Chúa ban cho những quyền hạn gì đấy. Thôi đi! Chớ có thử vận mệnh nữa! Nếu cậu gàn dở thì hãy đi với Chúa đi, chúng tớ sẽ lo liệu được không cần đến cậu, cậu hiểu chứ?

– Nhưng tớ không đồng ý như vậy! Cậu đòi hỏi tớ phải cho biết quyền hạn của tớ, nhưng quả thật chẳng ai uỷ nhiệm cho tớ cả. Lẽ phải và ý thức nghĩa vụ, đó chính là quyền lực của tớ, cậu muốn tính đến hay không là tùy cậu. Nhưng tớ nhất định sẽ thực hiện những quyền lực ấy. Cậu vừa lớn tiếng nói rằng ai cũng có quyền tự quyết định số phận của mình. Nghe hay lắm, nhưng làm gì có những số phận biệt lập, không hề có ranh giới ngăn cách số phận này với số phận khác, trừ việc sinh đẻ và cái chết. Còn từ lúc sinh ra cho đến lúc chết thì tất cả chúng ta quện lẫn vào nhau như những sợi chỉ trong cuộn chỉ. Vậy mà cậu, Grisan ạ, và những kẻ dưới quyền cậu

chỉ vì tư lợi mà mang đem ra khỏi thảo nguyên nổi bất hạnh và tai hoạ cho người khác cùng với chất anasa. Các cậu dùng miếng mồi cám dỗ thoáng qua để lôi kéo người khác vào vòng tuyệt vọng và sa ngã của các cậu.

– Cậu là quan toà luận tội chúng tớ chắc? Phải chăng cậu định bảo chúng tớ phải sống thế nào, phải hành động như thế nào?

– Tớ tuyệt nhiên không phải quan toà. Tớ là một người trong bọn các cậu, chỉ có điều là...

– Điều ấy là điều gì?

– Chỉ có điều là tớ ý thức được rằng trên đầu chúng ta có Chúa Trời, thước đo cao nhất của lương tâm và lòng nhân từ.

– Lại Chúa Trời! Vậy cậu muốn dùng cái đó để nói gì với chúng tớ thêm nữa?

– Từ tâm của Chúa tự thể hiện trong ý chí chúng ta. Chúa ở trong chúng ta, Chúa tác động lên chúng ta qua ý thức của chúng ta.

– Cậu nghe đây, những chuyện rắc rối như vậy để làm gì mới được chứ? Có thể rút ra được kết luận gì? Và cái đó sẽ đem lại gì cho chúng tớ?

– Sao lại “đem lại gì”? Chính nhờ sức mạnh của lý trí mà con người thống trị được bản thân mình như Chúa Trời. Vì sự nhận ra thói xấu một cách chân thành là gì? Theo tớ, đó là sự kết án điều ác trong bản thân mình ở mức độ Chúa Trời. Tự con người xác định cho mình một cách nhìn nhận mới về bản chất của mình.

– Quan điểm của cậu có khác gì so với ý thức quần chúng? Còn chúng tớ thì lánh xa nó để khỏi bị làm tù binh của đám đông. Chúng tớ không hợp với cậu, tự chúng tớ là một khối riêng.

– Cậu lầm rồi, tự do chỉ là tự do khi nó không e sợ luật pháp. Nếu không, đó chỉ là ảo tưởng. Còn tự do của cậu thì lúc nào cũng bị đè nặng bởi nỗi lo

sợ và bởi nguy cơ bị pháp luật trừng trị...

– Vậy thì sao nào? Cậu việc quái gì phải buồn rầu? Đây là sự lựa chọn của chúng tớ chứ có phải của cậu đâu?

– Đúng là sự lựa chọn của cậu thật, nhưng nó đâu chỉ động chạm đến cậu? Cậu phải hiểu là bao giờ cũng có lối thoát khỏi thế bí. Các cậu hãy ăn năn đi, ăn năn ngay tại đây, trên thảo nguyên, dưới bầu trời trong sáng này. Các cậu hãy tự hứa là sẽ vĩnh viễn chấm dứt công việc này đi, hãy chối bỏ món lợi mà chợ đen hứa hẹn, hãy chối bỏ tội lỗi và đi tìm sự hoà giải với bản thân mình, với đấng mang tên Chúa đã hợp nhất chúng ta lại bằng lý trí thống nhất...

– Và việc gì sẽ xảy ra lúc đó?

– Lúc đó các cậu sẽ lại có được bản chất của con người chân chính.

– Nghe hay lắm, quý thật, và đơn giản quá đi mất! – Grisan cau mày, quay quay chiếc gậy sần sùi, chờ cho đến khi lại thêm một đoàn tàu chở hàng nữa bị gò đất che kín chạy qua hết. Khi tiếng ầm ầm của đoàn tàu lặng đi và không khí yên tĩnh trở lại, y vừa tàn nhẫn và điệu cợt nhìn xoáy vào Apđi đã bộc lộ quá thành thật, vừa nói: – Thế này này, ngài Apđi vô cùng đáng kính ạ, tớ đã kiên nhẫn lắng nghe những ý kiến của cậu, như người ta thường nói, dù chỉ vì tò mò thôi, và tớ đành phải làm cậu thất vọng đau đớn. Cậu lầm rồi nếu cậu tự mãn cho rằng chỉ cậu mới có khả năng chuyện trò với Chúa trong ý nghĩ của cậu, còn tớ thì không tiếp xúc gì với Chúa. Cậu cũng lầm rồi nếu cho rằng chỉ riêng cậu, một kẻ biết suy nghĩ đúng đắn là có đặc quyền đó, còn tớ thì không. Đây, vừa rồi cậu chẳng suýt chết ngất vì ngạc nhiên và thấy chói tai khi nghe nói rằng cả một kẻ như tớ cũng có thể tiếp xúc với Chúa đấy phải không?

– Hoàn toàn không. Chẳng qua là hai tiếng “tiếp xúc” ở đây nghe có phần là lạ. Ngược lại, tớ rất sung sướng nghe thấy chính miệng cậu nói như

vậy. Rất có thể trong con người cậu đã có một cái gì đó thay đổi chẳng?

– Chẳng có gì thay đổi hết, cậu ngây thơ quá. Cậu đừng có quanh co nữa và phải biết rằng tớ có con đường riêng đến với Chúa. Tớ đến với Chúa theo kiểu khác, theo lối công hậu, Chúa của cậu không khó tính và khó tiếp cận như cậu tưởng đâu...

– Vậy cậu muốn đạt được gì khi đến với Chúa theo lối công hậu?

– Điều tớ muốn đạt được không kém gì cậu hết. Tớ giúp mọi người nếm trải hạnh phúc và nhận biết được Chúa trong niềm khoái lạc. Tớ cho họ những thứ mà các cậu không thể đem lại cho họ được bằng những bài thuyết giảng hoặc những lời cầu nguyện của các cậu... Tớ đưa những người của tớ xích lại gần Chúa một cách nhanh chóng hơn bất kỳ ai.

– Cậu đưa họ xích lại gần vị Chúa bị mua chuộc bằng tiền phải không? Nhờ chất độc chứ gì? Nhờ chất thuốc phiện chứ gì? Và cái đó cậu gọi là niềm hạnh phúc nhận thức được Chúa chứ gì?

– Thế thì sao? Có lẽ cậu cho rằng đấy là sự lãng mạ Chúa, báng bổ Chúa? Cứ cho là thế đi! Tớ làm rát tai cậu đấy. Tớ cạnh tranh với cậu đấy, cậu hiểu chứ? Tớ đã phồng tay trên của cậu đấy! Đúng, nào là tiền bạc này, nào ma túy này, tệ hại thật! Nhưng cậu biết không, tiền là tất cả. Cậu có cho rằng tiền có Chúa Trời riêng không? Trong nhà thờ và các cơ quan khác, liệu có thể các cậu không cần đến tiền không?

– Nhưng đó là một việc hoàn toàn khác!

– Thôi đi! Đừng có dối trá nữa! Trên đời này mọi thứ đều mua bán được hết, kể cả Chúa của cậu nữa. Nhưng ít ra thì tớ cũng cho mọi người được khoái lạc, được nếm trải những gì mà các cậu chỉ hứa hẹn trên lời nói và hơn nữa, lại ở thế giới khác. Chỉ trạng thái ngây ngất khoái lạc mới đem lại hạnh phúc, sự bình yên, sự thanh thoát trong không gian và thời gian. Dù hạnh phúc đó chỉ thoáng qua thôi, chỉ hư ảo thôi, chỉ tồn tại trong các ảo

giác thôi, nhưng đó vẫn là hạnh phúc và hạnh phúc ấy chỉ đạt được trong trạng thái xuất thần. Còn những kẻ sùng đạo như các cậu thì ngay cả sự tự huyền hoặc đó cũng không được hưởng.

– Tất cả những thứ đó đều là sự tự huyền hoặc, đó là điều duy nhất mà cậu nói đúng.

– Vậy thì cậu muốn gì? Muốn chỉ mất năm xu mà nhận được sự thật chẳng? Không có chuyện ấy đâu, đức cha thánh thiện của tôi ạ. Vì thiếu một thứ hạnh phúc khác nên trạng thái xuất thần ngây ngất là việc thay thế cay đắng của nó.

– Nhưng ai yêu cầu cậu thay thế thứ không có thật? Đây là một ý định độc ác – thực chất là như vậy!

– Đừng gay gắt như thế, đừng có gay gắt, Apđi! Vì nếu phân tích cho kỹ thì tớ là người giúp đỡ cậu đấy!

– Bằng cách nào?

– Như thế đấy, và chẳng có gì lạ lùng ở đây hết! Con người đã được hứa hẹn biết bao nhiêu điều từ ngày tạo thế, còn điều kì diệu gì nữa mà ta không hứa hẹn với những kẻ bị khinh bỉ và sỉ nhục: nào vương quốc của Chúa sẽ đến, nào dân chủ, nào bình đẳng, nào tình anh em, rồi thì hạnh phúc trong tập thể, nếu muốn thì hãy vào các công xã mà sống, rồi nếu siêng năng cần mẫn thì còn được hứa hẹn cả thiên đàng nữa. Nhưng trong thực tế thì sao? Toàn những lời lẽ hay ho thôi! Còn tớ thì nếu cậu muốn biết, tớ làm khuây khoả những kẻ đói khát, những kẻ thấp hèn. Tớ tựa như cột thu lôi ấy, tớ dẫn mọi người theo lối cống hậu lên gặp Chúa hảo huyền, không có thực.

– Cậu nguy hiểm hơn tớ tưởng rất nhiều đấy! Thật đáng sợ khi hình dung thấy cậu có thể gây ra tình trạng rối loạn như thế nào trên thế giới! Chắc hẳn cậu là hậu sinh của Napôlêông Tiểu Đế rồi.

– Cậu cứ cho cao lên nữa đi! Tại sao không phải là Napôlêông Đại Đế

nhỉ? Nếu tớ được tự do, tớ sẽ có thể tỏ rõ hết bản lĩnh của tớ. Nếu như chúng ta đột nhiên ở phương Tây, tớ sẽ không thềm làm những việc thế này đâu. Và khi ấy, cậu sẽ chẳng dám tranh luận với tớ, cậu sẽ nhìn những gì là thiện, những gì là ác theo ý tớ...

– Cái đó thì rõ rồi. Nhưng tớ cũng chẳng thấy gì đáng sợ trong lời lẽ của cậu hết! Tất cả những gì cậu nói đều không phải là chuyện mới, Grisan ạ. Cậu sống bám vào hiện tượng con người bị mất hết lòng tin, mà khuyến khích hiện tượng đó thì thuận tiện hơn nhiều. Mọi thứ đều xấu xa, mọi thứ đều giả dối, mà nếu thế thì hãy an ủi trong khoái lạc nhất thời. Còn nếu cậu phải nhổ tất cả những gì đã có trước kia thì cậu hãy tìm cách tạo cho mọi người một quan điểm mới đối với thế giới đi. Niềm tin, đó không phải là khoái cảm nhất thời. Niềm tin là sản phẩm tin hàng ngàn năm và hàng ngàn. Vậy mà trong công việc nhục nhã này của cậu, cậu lại muốn đảo lộn trật tự của ngày và đêm, muốn đảo lộn trật tự đã có bao đời nay. Và rút cuộc, cậu bắt đầu thì hay hóm lăm nhưng kết thúc thì lại tồi tệ, vì tiếp theo trạng thái khoái lạc nhất thời được cậu tâng bốc lên mây xanh như vậy là giai đoạn điên rồ và suy bại hoàn toàn của tâm hồn. Tại sao cậu lại không nói hết như vậy? Hoá ra trạng thái khoái lạc nhất thời ấy là một sự khiêu khích: ngay sau khi đến được với vị Chúa Trời hảo huyền kia là ngay lập tức sa vào vòng tay của quỷ Satăng. Vậy làm thế nào?

– Chẳng thế nào cả. Trên đời mọi thứ đều phải trả giá cả. Cả chuyện này cũng vậy. Hết như cuộc sống phải trả giá bằng cái chết. Cậu không bao giờ nghĩ đến điều ấy ư? Sao cậu lại im lặng? Dĩ nhiên, một bậc thánh như cậu thì không tiêu hoá nổi quan niệm của tớ rồi!

– Quan niệm của kẻ phản Kitô ấy ư? Không bao giờ!

– Ha ha. Đạo Kitô của cậu tồn tại làm sao nổi nếu không có kẻ phản Kitô? Nếu không có sự thách thức của hă, ai cần đến đạo của cậu làm gì? Đạo của cậu còn cần quái gì nữa? Thành thử tớ lại cần thiết cho các cậu.

Nếu không thì các cậu biết đấu tranh với ai? Các cậu làm thế nào để thể hiện tính chiến đấu trong các tư tưởng của các cậu?

– Chà, cậu mới khéo lươn lẹo chứ! – Apđi bất giác cười vang. – Tớ sẵn sàng chơi trò nói ngược như vậy. Nhưng cậu đừng có dùng những lời hoa hòe hoa sỏi nữa. Tớ với cậu không thể tìm được tiếng nói chung đâu. Chúng ta là những đối cực, chúng ta không thể dung hợp được. Đây, chính vì thế mà cậu đuổi tớ khỏi đây đây. Cậu sợ tớ, nhưng tớ vẫn đòi cho bằng được. Cậu hãy ăn năn đi, hãy giải thoát những gã trai kia khỏi mạng lưới của cậu đi. Tớ sẵn sàng giúp cậu.

Grisan đột nhiên im lặng. Y cau mày, bắt đầu lặng lẽ chống gậy đi đi lại lại, rồi dừng bước:

– Đồng chí Apđi ạ, nếu cậu nghĩ là tớ sợ cậu thì cậu thật sai lầm. Cậu cứ ở lại, tớ không đuổi cậu đâu. Giờ đây chúng ta sắp lẩn lên một đoàn tàu hàng nào đó. Có thể nói là chúng ta sẽ thực hiện một vụ đột nhập có tổ chức vào tàu hàng.

– Phải nói là một vụ đột nhập ăn cướp mới đúng – Apđi sửa lại.

– Tuỳ cậu, gọi là một vụ đột nhập ăn cướp cũng được, nhưng không phải nhằm mục đích ăn cướp mà nhằm đi bất hợp pháp một đoạn đường. Nhưng đó là những sự việc khác nhau, bởi vì nhà nước của cậu tước mất quyền tự do đi lại của chúng tớ...

– Cậu hãy để cho nhà nước được yên. Và cậu muốn đề nghị với tớ điều gì?

– Chẳng có gì đặc biệt hết. Sau cuộc đột nhập ăn cướp này, như cậu đã hạ cố sửa lại cho chính xác – Grisan gật đầu về phía đường sắt, – mọi người sẽ tập trung lại, mọi người đều hiện ra rõ ràng. Khi đó cậu hãy thử thuyết phục họ đi, những chú bé Lenca và những gã Pêtorukha tháo vát, cậu hãy cứu vớt linh hồn họ đi, hồi Đấng Cứu Thế của tớ. Tớ sẽ không gây trở ngại

cho cậu bằng một hành động nào hết, bằng một lời lẽ gì hết. Cậu cứ coi như không có tớ vậy. Nếu cậu thành công trong việc dẫn dắt bọn họ đi theo cậu, trong việc cảm hóa họ về với Chúa của cậu thì tớ sẽ ra đi ngay lập tức như người ta vẫn phải ra đi khi thất bại. Cậu hiểu tớ chứ? Cậu có nhận lời thách thức của tớ không?

– Có – Apđi trả lời ngắn gọn.

– Vậy cậu hành động đi. Còn về những gì chúng ta vừa trao đổi ở đây thì sẽ không một ai biết đến hết. Chúng ta sẽ bảo là chúng ta chỉ trò chuyện lan man thôi.

– Xin cảm ơn! Nhưng tớ chẳng có gì phải giấu diếm cả – Apđi đáp lại.

Grisan nhún vai.

– Thôi thì kệ cậu, như trong Thánh Kinh đã nói: “mày nói đấy nhé!”

* * *

Đã sáu giờ chiều vào một trong những ngày cuối cùng của tháng năm, nhưng mặt trời vẫn nóng rẫy như cũ và vẫn chói chang như cũ trên thảo nguyên bằng phẳng. Những đám mây lấp lánh ánh bạc mà suốt ngày nằm bất động một cách đáng ngờ như bị buộc chặt vào một chỗ thì nay nhợt nhạt đi và về chiều thì dày đặc lên, biến thành một dãy đen thẫm lơ lửng ngay trên đường chân trời, gây nên một cảm giác lo ngại mơ hồ trong tâm hồn Apđi. Rõ ràng là cơn giông đang kéo đến.

Trong khi ấy, các đoàn tàu vẫn chạy hết theo hướng này lại theo hướng khác, hết từ nam đến bắc rồi lại từ bắc xuống nam. Mặt đất run rẩy và rung chuyển dưới những bánh xe nặng trĩu của chúng. “Đất rộng mênh mông, không gian bao la, ánh sáng tràn ngập, vậy mà con người vẫn thấy thiếu một cái gì đó, trước hết là tự do – Apđi vừa nghĩ vừa nhìn những khoảng thảo nguyên vô tận. – Cô độc thì con người không thể sống nổi nhưng đông đúc thì lại cảm thấy nặng nề. Lúc này đây cũng vậy, biết hành động thế nào

đây? Phải làm gì đây để bất kỳ ai sa vào mạng lưới của Grisan cũng sẽ hành động theo lý trí của người đó chứ không phải theo sự cưỡng bức của đồng bọn vì sợ hãi hoặc vì cảm giác bầy đàn? và trước hết vì không đủ sức thẳng nổi ảnh hưởng của gã quý quyết này do chứng nghiện ma túy gây ra? Đáng giận thật, một con quý đáng sợ, cực kì nguy hiểm! Mình phải xử sự thế nào đây, phải làm gì bây giờ đây?”

Và giờ hành động đã đến. Trước khi chặn đoàn tàu hàng lại, những kẻ tìm kiếm anasa từ nãy vẫn nấp sau các đám cỏ và bụi cây nay phân thành các nhóm hai ba người dọc theo đường sắt. Tiếng huýt sáo là tín hiệu qui ước, khi đoàn tàu hiện lên ở phía xa – nó xuất hiện trên quãng đường vòng như con rắn đang bò – thì ngay sau lúc vang lên tiếng huýt sáo, tất cả đã sẵn sàng nhảy lên tàu. Các balô, các vali đựng anasa nằm ngay trong tầm tay. Apđi cùng với Pêtrukha và Lenca, cả ba ẩn sau một đồng đá dăm mà trước đây dùng để sửa chữa đường sắt. Cách họ không xa là Grisan và hai gã nữa, một kẻ tóc hung, tên là Côlia. Còn gã kia mũi khoằm, nhanh nhẹn, nói giọng vùng Cápcadơ, tên là Makhats, chắc hẳn quê gã ở Makhatscala. Những gã khác thì Apđi không biết gì, nhưng rõ ràng là còn hai ba gã nữa nấp ở một chỗ thuận tiện và sẵn sàng nhảy bước quyết định. Còn về phần hai gã mà Grisan phái đi rải hoá chất lên đường sắt để tạo ra ảo ảnh cháy cầu và do đó buộc người lái phải hãm tàu lại thì chúng ở mãi xa phía trước theo hướng chuyển động của đoàn tàu, cạnh cột chỉ đường có ghi ‘330km’. Tại đây, con đường sắt chạy trên một chiếc cầu nhỏ bắc qua một lũng sâu đã bị lũ mùa xuân sói mòn. Chỗ dễ gây hư hại này là nơi hành động của hai gã chịu trách nhiệm rải hoá chất. Đồng bọn gọi chúng là nhân viên phá hoại.

Đoàn tàu vùn vụt tiến đến gần, và Apđi hiểu rằng tất cả đều rất lo lắng, không biết tình hình sẽ ra sao, liệu có mau chóng nhảy lên được tàu không, đoàn tàu như thế nào, nếu toàn là xitéc cả thì biết bám vào đâu? Hoặc nhờ đây là đoàn tàu quân sự có bảo vệ thì cũng hỏng hết.

Lenca hai tay run rẩy vì lo lắng, châm thuốc hút. Pêtrukha lập tức giận dữ suốt cậu ta:

– Vứt ngay đi! Nếu không tao sẽ giết chết ngay đây, đồ khốn.

Nhưng Lenca mặt tái nhợt, tiếp tục hít từng hơi dài một cách thèm khát, hồi hả, Pêtrukha liền lao tới như một con thú, nện thẳng vào đầu cậu ta làm mũ bắn tung đi. Nhưng Lenca cũng không chịu kém, cậu ta trả miếng lại và khéo léo đá cho Pêtrukha một cái. Pêtrukha nổi khùng lên, và hai bên điên cuồng đánh lộn nhau.

Apđi phải nhồm dậy:

– Thôi đi. Thôi ngay lập tức! Pêtrukha, không được động đến Lenca. Cậu không biết xấu hổ ư?

Nhưng Pêtrukha giận dữ xông đến Apđi:

– Đồ cha cố ngu xuẩn, mày có quyền gì mà xen vào chuyện người khác? Sao lại đứng lên thế, đồ ngốc, lộ hết cả bây giờ! – Và hấn lấy hết sức túm lấy quần Apđi kéo xuống. Cuộc ẩu đả đã làm cả ba nổi nóng lên, chửi rủa nhau rồi họ vừa thở hổn hển vừa lăn về chỗ cũ.

Trong khi ấy đoàn tàu đã đến gần. Nổi hồi hộp của toán người lan sang cả Apđi. Nói gì thì nói, đó là thời điểm cực kỳ căng thẳng và nguy hiểm.

Từ nhỏ Apđi đã thích nhìn theo các đoàn tàu vì anh đã từng trông thấy những chiếc đầu máy thời kỳ sau chiến tranh, những cỗ máy đầy vẻ lãng mạn, nhả ra từng cột khói dày đặc và những cột hơi nước mù mịt, với những hồi còi vang động khắp xung quanh. Nhưng anh không hình dung nổi là sẽ có lúc anh chờ đợi đoàn tàu trong tâm trạng phấp phồng như vậy, bởi vì anh sắp phải đột nhập lên đó một cách bất hợp pháp và hơn nữa, một cách cưỡng bức.

Còn đoàn tàu hàng nặng nề, được hai đầu máy móc nối vào nhau kéo đi

cứ mỗi lúc lại gần, gần tới mức dường như sờ mó được, tới mức làm nổi da gà và sồn gai ốc lên. Những đầu máy thời trước còn xa mới sánh được với những đầu máy điêden hiện nay. Sức mạnh của chúng ẩn giấu ở bên trong, nhưng chúng kéo theo một dãy toa dài dằng dặc đến nỗi có cảm giác là chẳng bao giờ hết. Còn vô số bánh xe thì cứ liên tục lăn đi, từ dưới các toa tàu không ngừng phụt ra các luồng gió, vọng ra tiếng âm âm và tiếng lách cách đều đều. Apđi nhìn bộ máy đồ sộ lao vùn vụt một cách chính xác này và anh không tin rằng có thể chặn lại đoàn tàu to lớn và nặng nề đến mức ghê gớm đó.

Các toa tàu đủ loại, nào toa bằng, nào toa xitéc, nào toa chở gỗ, nào các toa côngtenơ chở hàng và có mui che kín, nối tiếp nhau chạy vụt qua. Và kìa, một nửa đoàn tàu đã chạy qua rồi. Apđi đã nghĩ là sẽ không ăn thua gì hết, tất cả những chuyện này chỉ là một việc làm vô ích, không thể chặn lại được khối máy móc đang lao nhanh với một tốc độ như vậy. Nhưng, đột nhiên đoàn tàu bắt đầu chạy chậm dần, các bánh xe bắt đầu quay chậm dần, tiếng phanh hãm kêu ken két. Đoàn tàu giật giật như bị vấp và từ từ giảm tốc độ. Apđi gần như không tin vào mắt mình nữa: đoàn tàu gần như dừng hẳn. Đúng lúc đó, một tiếng huýt sáo chói tai vang lên và đáp lại cũng là một tiếng huýt sáo hết như vậy.

– Ta đi thôi! – Pêtrưkha ra lệnh – Tiến lên!

Với lấy balô và túi xách, họ lao về phía các toa đang chạy chậm lại. Mọi việc diễn ra mau lẹ như từ chỗ mai phục xông ra. Sau khi đã nắm chắc hoặc bám vào một chỗ nào đó, phải kịp thời leo lên bất kỳ toa nào, bất kỳ cửa toa nào để rồi nhảy bừa lên đến đó, để có thể lần theo các mái toa và thu xếp một chỗ ngồi thuận tiện. Diễn biến tiếp theo đối với Apđi chẳng khác gì trong một cơn ác mộng. Anh luống cuống trước các toa tàu dựng đứng lên như một bức tường liền khối cao vút đến tận trời. Anh mơ hồ ngạc nhiên thấy chúng cao như vậy, thấy mùi madút nồng nặc như vậy phả ra từ dãy

bánh xe sẵn sàng lăn tiếp vào bất cứ giây phút nào. Nhưng mặc dù thế, Apđi vẫn hồi hả leo lên, vẫn giúp một ai đó và được ai đó giúp đỡ. Đoàn tàu hai lần giật mạnh đầy đe dọa, các toa kêu ken két, loảng xoảng. Coi chừng, kéo ngã vào bánh xe.

Nhưng mọi việc đều trót lọt, đều không thể trót lọt hơn được. Và khi đoàn tàu giật mạnh một lần nữa và lại lao băng băng đi để lấy lại thời gian đã mất thì Apđi nhìn quanh và nhận thấy anh đang ở trong một toa hàng trống không cùng với các chiến hữu gắn bó của anh là Pêtrukha và Lenca. Anh thấy cả Grisan nữa. Chỉ có trời mới biết y xoay sở thế nào mà nhảy được lên tàu với một bên chân bị thương như vậy, bên cạnh y còn hai gã nữa là Makhats và Côlia. Ai cũng tái nhợt và thở hổn hển, nhưng nét mặt lộ vẻ sung sướng và hài lòng. Apđi không thể tin được rằng mọi việc đều thành công mỹ mãn và giây phút phức tạp nhất đã ở lại phía sau. Giờ đây, toán tìm kiếm anasa đang trên đường tới ga Gianpắc-Xax và từ đó con đường sẽ dẫn họ về trung tâm đất nước, về những thành phố lớn, đông đúc...

Còn phải đi chừng năm tiếng đồng hồ nữa. Họ gặp may: trong toa tàu trống không mà họ chiếm được chỉ có những chiếc hòm gỗ rỗng vứt bỏ đi, chắc hẳn là sau khi lấy hết hàng ra thì không còn cần đến nữa. Họ thu xếp những chiếc hòm đó làm chỗ ngồi. Theo lệnh của Grisan, họ bố trí chỗ ngồi như thế nào để bên ngoài không nhận thấy. Trong toa đủ ánh sáng nếu mở cửa ở một phía thôi, hơn nữa các ô cửa sổ ở phía trên cũng đều mở ra để thông gió.

Trên chỗ dừng chân đầu tiên tại một đoạn tránh tàu nào đó, họ đóng chặt cửa lại, im lặng trong không khí ngột ngạt và nóng bức, chờ cho đến khi tàu sẽ lại chuyển bánh, nhưng không có ai xuất hiện cạnh đoàn tàu. Pêtrukha thận trọng lộ đầu ra, cho biết là mọi chuyện đều ổn, không thấy một ai xung quanh hết. Ngay sau khi một chuyến tàu khách ngược chiều âm âm chạy

qua đoàn tàu của họ lại lập tức khởi hành. Tại ga xếp tiếp theo, Makhats kiểm được cả một can nước lạnh và sinh hoạt trong toa được phục hồi, ai cũng tươi tỉnh lên, nhấm nháp bánh mì khô và đồ hộp, ai cũng say sưa mơ mộng đến lúc được ăn thoải thích đồ nóng tại nhà ăn ở ga Gianpắc-Xax

Trong khi ấy đoàn tàu vẫn tiếp tục hành trình của mình qua các thảo nguyên Truia về phía vùng núi.

Vào buổi chiều tà tháng Năm kéo dài ấy, trời vẫn còn sáng sủa. Họ nói linh tinh đủ thứ chuyện, nhưng nhiều nhất là về chuyện ăn uống và tiền bạc. Pêtrukha nhớ đến nụ cười xinh đẹp của y đang chờ y ở Murmanxơ. Nghe thấy vậy, Makhats nhận xét bằng một giọng đặc sệt vùng Cápcadơ:

– Pêtrukha thân mến ơi, chẳng lẽ ngoài Murmanxơ thì cậu không tìm đâu được đàn bà nữa hay sao? Chẳng lẽ ở Mátxcơva không thể kiếm được đàn bà hay sao? Ha ha ha! Ở Mátxcơva không có đàn bà chắc?

– Cậu còn non choẹt ấy, Makhats ạ! Cậu biết quái gì việc này cơ chứ? – Pêtrukha nổi cáu – Cậu bao nhiêu tuổi rồi?

– Bao nhiêu với chẳng bấy nhiêu! Bao nhiêu thì cũng của tớ tất! Ở vùng Cápcadơ chúng tớ thì loại như tớ đã có con từ lâu rồi, ha ha ha!

Cuộc đối đáp ấy làm ai cũng vui lên, ngay cả Apđi cũng bắt giắc mỉm cười và thỉnh thoảng lại nhìn Grisan, hần ngời lánh sang bên và độ lượng nhếch mép cười. Hần vẫn ngồi trên chiếc ghế xếp như trước, tay vẫn cầm chiếc gậy xù xì. Có lẽ hần chỉ giống đồng bọn ở chỗ cũng hút loại thuốc rẻ tiền như các gã khác.

Họ cứ vui vẻ như vậy mà đi, quen dần với toa tàu hàng trống trải. Lenca ngả lưng trong một góc, những gã khác cũng chuẩn bị đi ngủ mặc dầu mặt trời chưa tắt hẳn ở đường chân trời và còn chiếu sáng khắp xung quanh. Đang hút thuốc và chuyện trò linh tinh, cả bọn bỗng im bật rồi vừa thỉnh thoảng liếc nhìn Grisan vừa thì thầm với nhau.

– Grisan này – Makhats quay sang hẳn, – sao ta lại ngồi không thế này? Chúng tớ vừa bàn bạc chung và quyết định là ta sẽ hút cho khoái một lát, được không? Ta còn thì giờ kia mà, ta hút cho khoái một lát nhé? Thủ trưởng thân mến ạ, tớ có một loại thuốc cực kỳ, loại thuốc mà ngày xưa chỉ kẻ trộm thành Bátđã mới hút được đấy!

Grisan thoáng đưa mắt nhìn Apđi: – Thế nào, ý kiến cậu ra sao? – Hẳn ta im lặng một chút, chờ lúc thuận tiện buông ra một câu:

– Làm đi!

Ai nấy tươi tỉnh lên, túm tụm chung quanh Makhats. Y lấy đâu đó trong áo bludông ra một nhúm anasa, chính là loại thuốc cực kỳ mà ngày xưa chỉ kẻ trộm thành Bátđã mới được hút. Y cuộn một điếu thuốc to, hít một hơi đầu tiên rồi truyền điếu thuốc theo vòng tròn. Mỗi người đều say sưa hít khói chất anasa rồi truyền cho người tiếp theo. Khi đến lượt Pêtrưkha, y thèm khát kéo một hơi dài, neho mắt lại, rồi đưa điếu thuốc cho Apđi:

– Này Apđi, làm một hơi đi! Sao thế, anh chàng hói? Hút đi, đừng ngại, việc gì phải rụt rè như con gái ấy nhỉ?

– Không, tớ không hút đâu, đừng có nài tớ! – Apđi gạt phắt đề nghị của Pêtrưkha.

Pêtrưkha lập tức nổi tự ái:

– Cậu vẫn không bỏ được cái tính cha cố của cậu! Cái tính ấy ăn sâu vào cậu rồi! Người ta muốn làm điều tốt cho cậu, vậy mà cậu lại khinh mạn họ.

– Tớ đâu có khinh cậu, cậu nói không đúng!

– Nói với cậu chỉ phí công! – Pêtrưkha phẩy tay, hít một hơi nữa rồi chuyền điếu thuốc cho Makhats. Với vẻ nhanh nhẹn của dân vùng Cápcado, Makhats đưa nó cho Grisan.

– Bây giờ đến lượt cậu đấy, thủ trưởng ạ. Làm một hơi đi.

Grisan lặng lẽ gạt tay y.

– Kìa, thủ trưởng quý phái gồm nhi! – Makhats thương hại lắc đầu và điếu thuốc lại chuyền theo vòng tròn. Lenca say sưa hít một hơi, rồi đến Côlia tóc hung, rồi đến Pêtrukha và lại đến Makhats. Chẳng mấy chốc, tâm trạng của mấy kẻ hút anasa ấy bắt đầu biến đổi, mắt họ lúc thì mờ đi, lúc sáng long lanh, môi họ nở ra những nụ cười vô cớ, sung sướng, và chỉ riêng Pêtrukha là vẫn chưa thể quên nỗi giận hờn lúc nãy, y luôn luôn bực bội liếc xéo Apđi và lăm bằm những câu gì đó về lũ cha cố, về việc tất cả lũ cha cố đều đáng ghét như vậy cả.

Grisan im lặng ngồi trên chiếc ghế của y trong góc toa vừa thản nhiên theo dõi cảnh hút anasa vừa nhếch mép cười một cách độ lượng pha lẫn vẻ khiêu khích đầy diễu cợt. Những ánh mắt hăn học mà thỉnh thoảng hăn lại đưa nhanh về phía Apđi chứng tỏ hăn hài lòng về cảnh tượng đang diễn ra và đương nhiên là đoán được giá trị mà cảnh đó gây ra đối với một người sùng đạo như Apđi.

Apđi hiểu rằng bằng cách cho đồng bọn được say sưa mê mẩn trên đường đi, Grisan đã tổ chức một màn kịch phô trương cho anh xem. Thế nào, mi thấy thế nào? Mi hãy nhìn xem, ta mạnh biết bao và những khát vọng cao quý của mi thật bất lực trong cuộc đấu tranh với cái ác.

Mặc dù Apđi làm ra vẻ thờ ơ với những gì họ đang làm ở đây, nhưng trong thâm tâm thì anh phần nộ, anh đau khổ thấy mình bất lực, không có một thứ gì chống lại Grisan, không thể làm một việc gì đó thiết thực để giành giật những gã trai trẻ kia thoát khỏi ảnh hưởng của Grisan. Nhưng rồi Apđi không tự chủ được nữa. Anh không đủ sức chế ngự nỗi giận dữ cứ dâng trào lên trong lòng anh. Và giọt nước cuối cùng lại vẫn là việc Pêtrukha đề nghị anh làm một hơi từ điếu thuốc tự cuốn lấy cứ mỗi lần hút lại dầm thêm nước bọt cho đến khi nhuộm màu vàng vàng xanh xanh ghê tởm.

– Này, Apđiai, đừng có nhả nhó thể. Này cha cố non ạ! Tớ mời thật lòng đấy. Hút thử thuốc này khoái vô cùng, đầu óc cứ lâng lâng ra thôi! – Pêtrukha suồng sã bám riết lấy Apđi.

– Đừng có gây chuyện! – Apđi giận dữ ngắt lời y.

– Sao lại gây chuyện! Tớ thật lòng với cậu, vậy mà cậu cứ nhả nhó làm điệu làm bộ!

– Nào thì đưa đây! – Apđi bực tức nói và giơ tay cầm mẫu thuốc đã ướt nẫu ra, giơ lên đầu như muốn phô ra cho Pêtrukha thấy rõ rồi ném qua khung cửa mở của toa tàu. Sự việc diễn ra nhanh chóng đến nỗi tất cả mọi người, kể cả Grisan, sững sờ một lát vì bất ngờ. Không khí lặng đi, tiếng bánh xe chạy mau trên đường ray vang lên rõ hơn, âm vang hơn, đe dọa hơn.

– Thấy rồi chứ? – Apđi quay sang Pêtrukha với vẻ thách thức – Tất cả trông thấy tớ làm gì rồi chứ? – anh đưa cặp mắt giận dữ nhìn khắp lượt toán người đi kiểm anasa. – Và bao giờ tớ cũng làm như vậy!

Pêtrukha rồi tiếp theo đó tất cả các gã khác đều phân vân và dò hỏi quay về phía Grisan: thế nào đấy ông chủ? – họ như muốn hỏi – như vậy là thế nào đấy? Cái gã chơi trội này đến đây làm cái quái gì vậy?

Grisan ngạo nghễ im lặng và diều cợt đưa mắt nhìn Apđi rồi nhìn khắp lượt những khuôn mặt bực tức của đồng bọn. Người đầu tiên không chịu nổi là Makhats:

– Kìa thủ trưởng! Sao cậu im lặng? Cậu câm rồi chắc?

– Không, tớ không câm đâu! – Grisan nhại lại y và đánh giọng nói thêm, không giấu nổi niềm vui độc địa. – Tớ đã hứa với hãn ta là sẽ im lặng. Các cậu cứ tự giải quyết mọi chuyện! Tớ sẽ không nói gì nữa đâu...

– Đúng thế chứ? – Makhats phân vân hỏi Apđi.

– Đúng thế, nhưng chưa hết đâu, – Apđi hét lên. – Tớ đã hứa là sẽ vạch mặt hắn ta, – anh gật đầu về phía Grisan – cái con quỷ đã dùng miếng mồi cám dỗ tai hại này để lôi kéo các cậu! Và tớ sẽ không im lặng bởi vì sự thật là ở phía tớ!

Rồi chính anh cũng không hiểu chuyện gì xảy ra với mình, mình đang làm gì và la hét những gì. Anh lôi chiếc balô của anh khỏi một đống những balô khác đựng anasa. Vì bất ngờ, tất cả đều nhòem dậy, trừ Grisan, không hiểu cái anh chàng cha cố Apđi khiêm nhường này định làm gì.

– Các cậu hãy nhìn đây! – Apđi giơ cao chiếc balô lên đầu và lắc lắc. – Chúng ta đang đem theo trong này một chất độc nguy hiểm, có hại cho mọi người. Các cậu làm như vậy là do bị mê hoặc bởi những món tiền dễ dãi đấy, Pêtrukha ạ, Makhats ạ, Lenca ạ, Côlia ạ! Còn Grisan thì chẳng đáng nói đến anh ta làm gì. Tự các cậu cũng biết anh ta là kẻ như thế nào!

– Gượng đã, gượng đã Apđi! Anh bạn thân mến ạ, đưa đây cho tớ cái bị nào! – Pêtrukha tiến về phía anh.

– Đừng lánh ra! – Apđi đẩy y sang một bên – Và đừng có xen vào việc của tớ. Tớ biết cách huỷ diệt chất độc hại người này như thế nào.

Cả bọn chưa kịp bình tĩnh thì Apđi đã dứt đứt dây buộc balô, ném tung cả anasa ra ngoài cửa toa cho gió cuốn đi. Và cái chất độc ấy – hoá ra họ đã thu nhặt được rất nhiều những chùm hoa màu vàng pha sắc xanh và những cánh hoa đầu gai dại – bay dọc theo nền đường sắt, liệng ra và xoáy tròn như những chiếc lá thu. Có nghĩa rằng tiền của đã bay vèo theo gió – hàng trăm hàng ngàn rúp. Thoáng trong một giây, cả toán người lặng đi, nhìn Apđi như bị thôi miên.

– Thấy rồi chứ? – Apđi hét to và quăng cả chiếc balô ra ngoài. – Bây giờ các cậu hãy làm như tớ đi! Rồi chúng ta sẽ cùng ăn năn, Chúa sẽ mở lòng thương và tha thứ cho chúng ta. Nào Lenca, Pêtrukha! Các cậu hãy quăng

đi, hãy tung cho gió cuốn đi cái chất độc anasa khốn kiếp ấy!

– Nó hoá điên rồi! Đến ga nó sẽ nộp chúng ta cho “cá” mắt. Hãy tóm lấy nó, hãy nện cho thẳng cha cố ấy một trận – Pêtrukha giậm dũ gào lên.

– Gượng đã, gượng đã, hãy nghe tớ nói đã! – Apđi hét to định giải thích cho họ hiểu khi thấy mấy gã đã hút thoả thuê anasa kia nổi khùng lên, nhưng muộn mất rồi. Chúng lao vào anh như những con chó dại, Pêtrukha, Makhats, Côlia tranh nhau nện anh tới tấp. Chỉ riêng Lenca là hoài công cố gỡ ra, cố kéo rời những kẻ đang đánh lộn ra.

– Ngừng lại ngay, – cậu ta bắt lực chạy xung quanh. Nhưng cậu ta không thể ngăn chúng được, cậu ta làm sao có thể một lúc can được ba gã. Một cuộc đánh lộn dữ dội nổ ra.

– Đánh đi, lôi nó đi! Vứt nó ra khỏi toa! – Pêtrukha điên cuồng gào lên.

– Bóp chết thẳng cha cố đi! Quăng nó xuống! – Makhats phụ hoạ theo.

– Đừng làm thế! Không được giết anh ấy! Không được giết! – Lenca hét to, mặt tái nhợt, run rẩy.

– Lánh ra, đồ khốn, tao sẽ cắt cổ mày! – Côlia hung hăng vùng ra khỏi tay Lenca.

Apđi lấy hết sức chống đỡ, cố lùi xa cửa toa mở toang, cố chen vào giữa toa tàu đang chao đảo: bây giờ anh đã tận mắt thấy rõ sự hung dữ, tàn ác và dã man của những kẻ nghiện ma tuý – vậy mà mới đây thôi, họ còn khoan khoái mỉm cười trong cơn mê khoái lạc. Anh hiểu rằng đây là cuộc chiến đấu quyết liệt một mất một còn và sức lực hai bên chênh lệch hẳn. Chúng có ba người, ba gã trai lực lưỡng, cuồng nộ, anh làm sao chống lại chúng nổi, đứng về phía anh chỉ có Lenca, mà cậu ta thì không đáng kể. Còn Grisan vẫn ngồi yên tại chỗ như một khán giả ngồi trong rạp xiếc hay rạp hát, nhưng hẳn không giấu nổi nỗi vui sướng độc địa của hẳn.

– Được lắm, có thể chứ! – Hãn thỉnh thoảng lại cười khẩy, giễu cợt. Hãn đã kích động chúng, đã tính trước là nhất định hai bên sẽ ẩu đả nhau và bây giờ hãn thường thức thành quả thắng lợi, – hãn nhìn đồng bọn đang giết người ngay trước mắt hãn.

Apđi biết rằng chỉ sự can thiệp của Grisan mới có thể thay đổi được số phận anh. Anh chỉ cần kêu lên: “Grisan, hãy cứu tôi!” là bọn này sẽ ngừng tay ngay. Nhưng cầu cứu Grisan là điều Apđi không thể làm được trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Chỉ còn một cách là chen vào giữa toa, ẩn vào một xó, mặc cho chúng đánh, chúng nện, mặc cho chúng muốn làm gì thì làm, miễn là không để chúng lôi đi, quăng ra ngoài – nếu thế, chắc chắn anh sẽ chết...

Nhưng len được đến góc toa không phải là chuyện đơn giản. Những đòn giáng thẳng cánh và những cú đá hất dần anh về phía cửa toa mở toang. Chỉ cần anh nán lại ở đó một giây thôi là chúng sẽ tức khắc hất anh ra khỏi toa, anh không ngừng ngượng dậy, kiên trì cố len đến góc xa, hy vọng rằng mấy tên nghiện ma túy này sẽ kiệt sức hoặc suy nghĩ lại. Người đầu tiên trong cuộc ẩu đả dữ dội này bị quy ngã sau khi nhận được một đòn đánh vào đầu là Lenca. Chính Côlia đã nện cậu ta để cậu ta khỏi cản trở việc trừng phạt Apđi – gã cha cố sùng đạo và chắc hẳn là kẻ thù của những kẻ tìm kiếm anasa. Chúng lồng lộn đánh đập anh, vì đây là chuyện những món tiền cực lớn.

– Đánh đi, nện đi! Đánh cho nó lòi ruột ra! – Pêtrưkha như phát điên lên, y từ phía sau ôm lấy Apđi, bẻ ngoặt hai tay anh lại để anh phải hứng chịu những đòn đánh của Makhats, còn Makhats thì chẳng khác gì một con bò hăng máu, y điên tiết nện cho anh một cú trời giáng vào bụng, anh khom người lại, khạc ra máu rồi đổ gục xuống sàn toa tàu đang chạy. Khi ấy ba tên liền lôi anh ra cửa toa, nhưng anh vẫn ra sức chống lại, cào móng tay đến bật ra, hồi hả bám hai tay vào những tấm ván sàn, cố chống trả, cố vùng thoát. Trong khi ấy tên Grisan ác độc vẫn thản nhiên ngồi bắt chân chữ ngũ

trên chiếc ghế của hắn ở góc toa, vẻ mặt vừa điềm nhiên vừa đắc thắng và quay quay chiếc gậy, huýt sáo một âm điệu gì đó. Vẫn còn có cơ hội van xin lòng thương hại, vẫn còn có cơ hội kêu to: “Grisan, cứu tôi với!” và không loại trừ khả năng là Grisan đả thương anh, tỏ ra đại lượng và ngăn chặn vụ giết người này, nhưng Apđi không tài nào mở miệng nổi.

Rốt cuộc, chúng đã lôi anh đến cửa toa, máu ở đầu anh chảy ra vẽ thành một vệt dài trên sàn. Và tại đây, tại cửa toa đã diễn ra một cuộc vật lộn nữa, một cuộc vật lộn cuối cùng. Chúng không dám quăng anh ra ngoài trong lúc vật lộn vì chúng có thể bị ngã theo anh. Anh gắng giữ cho mình treo lơ lửng ở cửa toa, đúng hơn là ở bên ngoài cửa bằng cách nắm chắc vào nắm sắt của tay vịn. Gió ngược thổi ào ào, áp sát anh vào cửa, nhưng chân trái anh đã đung vào một đoạn kim loại nào đó trôi ra, khiến người anh có thể treo lơ lửng được, có lẽ chưa bao giờ anh lại có nhiều sức lực đến thế, lại khao khát sống như trong phút giây này, khi anh gắng sức vượt qua cơn tai họa. Nếu như chúng để mặc anh thì rất có thể anh sẽ leo lên được và bò lại vào trong toa. Nhưng chúng liên tục đá vào đầu anh như đá bóng, chúng thóa mạ anh bằng những lời lẽ tục tằn nhất và đánh đập anh đến mức bật máu ra, còn anh thì cố sống cố chết bám chặt vào tay vịn.

Những phút cuối cùng này đặc biệt khủng khiếp. Pêtrưkha, Makhats và Côlia phát điên phát khùng lên. Ngay cả Grisan cũng không chịu nổi, hắn nhảy ra gần cửa toa: giờ đây có thể không cần đóng kịch nữa, có thể thưởng thức cảnh Apđi bị ngã xuống đất chết. Và hắn đứng đợi cái giây phút không thể tránh khỏi ấy, khi đồng bọn của hắn kết liễu sinh mạng Apđi. Quả thật, Grisan rất thông thạo công việc của hắn, hắn giết chết Apđi bằng tay kẻ khác. Còn ngày mai, nếu người ta tìm thấy xác Apđi mà không tin rằng anh bị chết khi ngã tàu hoặc nhảy tàu thì Grisan vẫn sẽ vô can. Hắn không đích thân nhúng tay vào vụ này. Hắn sẽ bảo: bọn họ cãi cọ nhau, đánh lộn nhau, do đó để xảy ra tai nạn, nạn nhân trượt chân ngã trong lúc xô xát.

Chi tiết cuối cùng mà Apđi nhớ được là những cú đá vào mặt anh, giày của bọn chúng nhuộm đỏ máu, và gió ngược thổi ù ù trong tai như ngọn lửa phần phật. Thân thể Apđi nặng trĩch như chì cứ bị lôi dần xuống dưới, vào khoảng trống rỗng khủng khiếp, tàn nhẫn, còn đoàn tàu cứ chạy vùn vụt, bất chấp sức cản của gió, cứ chạy vùn vụt trên thảo nguyên ấy, và không một ai trên đời có liên quan gì đến anh, một kẻ không thể cứu nổi nữa và đang treo lơ lửng trên sợi tóc mỏng manh của cái chết. Cả vầng mặt trời trong buổi hoàng hôn của cái ngày dài vô tận ấy cũng vừa chiếu sáng loá cặp mắt lồi ra trong nỗi đau khổ và kinh hoàng của anh vừa cùng anh rơi nhào xuống vực thẳm đen ngòm của hư vô. Nhưng dù anh bị đá tới tấp, anh vẫn không buông tay ra. Khi ấy, Pêtrukha liền giật lấy chiếc gậy của Grisan và giáng cho anh một đòn cuối cùng, đòn quyết định. Chiếc gậy này được Grisan dường như vô tình giơ ra cho đồng bọn thấy, dường như y muốn bảo: – “Đây, cầm lấy đi và đánh đi, đánh vào tay hăn ấy, cho hăn phải buông tay ra...”

Và Apđi bay vèo xuống dưới, toàn thân đau nhừ, không còn biết mình lặn trên sườn dốc với thương tích đầy người và da thịt rách nát như thế nào, không còn biết phần cuối đoàn tàu lao vùn vụt qua chỗ anh ngã ra sao, rồi cả đoàn tàu biến mất, đem theo những kẻ mới đây còn đồng hành của anh. Anh cũng không biết tiếng bánh xe ầm ầm im bật vào lúc nào.

Một lát sau mặt trời tắt hăn, bóng tối sập đến và ở phía tây, những đám mây giông trở nên dày đặc trên bầu trời xám xịt...

Trong khi đó, nhiều đoàn tàu khác đã chạy qua nơi bất hạnh ấy, và con người không chịu cầu xin lòng thương hại để kéo dài cuộc sống của mình thì nằm sóng soài dưới đáy của một rãnh đường sắt. Tất cả những gì mà anh chiêm nghiệm được trong cuộc tìm kiếm nhiệt thành chân lý, tất cả những gì mà anh khẳng định được, thì giờ đây bị vứt bỏ hết, bị huỷ hoại hết. Liệu có đáng tàn nhẫn với bản thân và tự chối bỏ cơ hội sống sót hay không. Mà

ở đây là vấn đề cuộc sống của mình kia mà, và chỉ cần thốt lên mấy tiếng thôi: “Grisan, cứu tôi với!” là đủ. Nhưng anh đã không thốt lên mấy tiếng đó...

Những nghịch lý của Chúa quả thật là vô hạn. Trong lịch sử đã có lần xảy ra một trường hợp – một kẻ cũng hết sức kỳ quặc què ở Galilê đã cao ngạo đến nỗi không chịu thốt ra vài lời và do đó đánh liều tính mạng của mình. Đương nhiên là kẻ cao ngạo đó đã bị chết. Từ khi đó, một nghìn chín trăm năm mươi năm đã trôi qua, vậy mà tất cả mọi người vẫn không thể trấn tĩnh nổi, vẫn cứ thảo luận, tranh cãi, buồn phiền. Vẫn không hiểu chuyện gì đã xảy ra khi ấy và xảy ra như thế nào, và làm sao một chuyện như thế lại có thể xảy ra được. Và lần nào họ cũng có cảm giác như chuyện đó mới xảy ra ngày hôm qua – nỗi sợ hãi vẫn tươi mới như vậy đó. Và bất kỳ thế hệ nào – biết bao thế hệ đã sinh sôi nảy nở từ khi đó, không thể đếm xiết được – cũng đều như mới tỉnh ngộ ra và tuyên bố rằng giả sử như vào ngày đó, vào giờ đó mà họ có mặt trên núi Sọ thì nhất định họ sẽ không cho phép tàn sát con người què ở Galilê kia. Bây giờ họ có cảm giác thế đấy, nhưng lúc đó ai có thể dự đoán rằng mọi chuyện đều sẽ bị lãng quên đi trong các thế kỷ sau, trừ cái ngày hôm đó...

Tiện thể xin nói thêm là hôm đó cũng là ngày thứ sáu và kẻ có thể thoát thân ấy cũng không nghĩ ra là để cứu tính mạng mình thì chỉ cần nói lên đôi lời thôi...

II.1

Giêsu và Pônti Pilát

Buổi sáng hôm đó ở Giêrudalem thật nóng bức và báo trước một ngày còn nóng bức hơn. Trên gác sân Vòm Uốn của lâu đài Irốt, dưới vòm cột bằng đá hoa, nơi viên tổng đốc Pônti Pilát ra lệnh đặt ghế ngồi cho ông ta, chỉ đôi chân đi dép là cảm thấy một chút mát do làn gió lùa nhẹ từ phía dưới thổi lên. Những cây dương cao tít hình tháp trong khu vườn lớn chỉ hơi xào xạc ngọn, vầng lá của chúng năm nay sớm úa vàng.

Nhìn từ đây, từ gác sân Vòm Uốn của lâu đài dựng trên khu gò đá cao này, toàn cảnh thành phố với những đường nét nhoè mờ hiện lên trong màn khói mù lay động. Không khí mỗi lúc một nóng thêm lên. Ngay cả vùng ngoại vi Giêrudalem vốn thường thấy rõ thì lúc này cũng chỉ có thể mơ hồ phỏng đoán tại nơi giáp ranh với vùng sa mạc bạc trắng.

Vào buổi sáng hôm đó, phía trên ngọn đồi có một con chim đơn độc giương rộng đôi cánh, lặng lẽ lượn vòng tựa như treo trên một sợi chỉ vô hình buộc vào bầu trời. Cứ sau một khoảng thời gian đều đặn thì nó lại bay lướt trên địa phận của khu vườn lớn. Đây hoặc là đại bàng, hoặc là điều hâu, ngoài chúng ra thì không một loại chim nào có đủ kiên nhẫn bay lâu và đơn điệu như vậy trên bầu trời nóng rẫy. Bắt gặp ánh mắt ngẫu nhiên nhìn con chim kia của Giêsu xứ Naxarét đang đứng đối chân trước mặt ông ta, viên tổng đốc bỗng nổi giận và thậm chí còn phật ý nữa. Ông ta cúi kính và

gay gắt nói:

– Người nhìn đi đâu đấy, hỡi vua của dân Giuđê? Đây là cái chết của người đang bay lượn đấy!

– Nó bay lượn trên đầu tất cả chúng ta – Giêsu khẽ đáp lại như tự nhủ với mình, đồng thời anh bất giác chạm bàn tay vào bên mắt sưng húp thâm quầng.

Ở cạnh chợ, khi anh bị đưa đến toà án của Viện trưởng lão, một đám đông bị các thầy thượng tế và trưởng lão xúi giục đã nhảy xổ vào đấm đá anh. Một số tàn nhẫn đánh đập anh, một số khác thì nhổ vào mặt anh, và vào giờ phút đó anh hiểu rằng những người của thầy cả thượng phẩm Caipe căm thù anh ghê gớm biết bao, và hiểu rằng không thể trông chờ bất cứ sự nhân từ nào của toà án Giêrudalem. Tuy nhiên vốn là con người, anh vẫn ngạc nhiên và sửng sốt trước thái độ hung dữ và tráo trở của đám người đó. Dường như trước đây không một ai trong bọn họ đã nín thở lắng nghe những bài thuyết giáo của anh trong các nhà nguyện và trên các quảng trường. Dường như không phải họ đã hân hoan chào đón khi anh cưỡi con lừa mẹ màu xám và dắt theo con lừa con đi vào cổng thành. Dường như không phải họ đã vừa tung hoa đón rước anh vừa tràn trề hy vọng tung hô: “Hôsana! Mừng con vua Đavít! Hôsana! Trên cõi trời cao!”... Giờ đây, anh rên rĩ đứng trong bộ quần áo rách nát trước mặt Pônti Pilát để chờ đợi diễn biến tiếp theo.

Còn viên tổng đốc thì đang trong tâm trạng hết sức bực bội, và thật lạ lùng là ông bực bội trước hết với bản thân, với thái độ chậm chạp và do dự khó hiểu của ông ta. Ông ta chưa bao giờ như vậy trong quãng đời trước đây khi phục vụ trong quân đội thường trực La Mã và nhất là về sau này khi đã làm tổng đốc. Thực ra, kể cũng buồn cười thật: đáng lẽ mau chóng chuẩn y bản án của Viện trưởng lão và rũ đi những nhọc nhằn không cần thiết thì ông ta lại kéo dài cuộc hỏi cung, tiêu phí vào đấy cả thời gian lẫn sức lực.

Hình như thật hết sức đơn giản nếu cho triệu thầy cả thượng phẩm Giêrudalem hay bọn tay chân của ông ta đến và bảo: “Này, hãy đưa kẻ bị kết án này đi và xử lý hắn như các người đã quyết định”. Nhưng một chuyện gì đó đã ngăn trở Pônti Pilát hành động một cách đơn giản hết sức như vậy. Song liệu tên hề này có đáng để ông ta bận rộn với hắn không?...

Mà kể cũng lạ, cái gã kì quặc này cũng gồm thật. Theo lời hắn thì hắn là vua của dân Giudê, được Chúa Trời yêu quý và được ban cho dân Giudê như là con đường trực tiếp dẫn đến Vương quốc chính nghĩa của Chúa Trời, mà trong Vương quốc đó sẽ không có chỗ cho quyền lực của hoàng đế. Và các hoàng đế, các phó vương, các giáo sĩ trong thánh đường Do Thái xu nịnh, tất cả mọi người sẽ bình đẳng và hạnh phúc từ nay trở về sau cho đến mãi mãi... Xưa nay đã biết bao nhiêu kẻ cố giành lấy quyền lực tối thượng, nhưng chưa một ai biết đến một kẻ thông minh, ranh mãnh và quỷ quyết như vậy. Nếu hắn vươn tới được tay lái quyền lực thì chắc chắn hắn cũng cai trị như vậy thôi, bởi vì trên thế giới này không có và sẽ không có con đường sống nào khác. Chính hắn, kẻ tội phạm ấy, cũng biết rất rõ như vậy, nhưng hắn vẫn cứ thực hiện cái trò ma mãnh của hắn! Hắn mua chuộc những kẻ cả tin bằng cách hứa hẹn một Vương Quốc Mới.

Nếu đúng như người ta nói là ai cũng nhận định người khác theo mức độ tính đa nghi của mình thì đây đúng là một trường hợp như vậy: viên tổng đốc gán cho Giêsu những ý đồ mà trong thâm tâm chính ông ta vẫn ấp ủ mặc dù không hy vọng sẽ thực hiện được. Chính điều này khiến ông ta giận dữ hơn cả, do đó kẻ bị kết án kia khiến ông ta vừa tò mò lại vừa căm ghét. Ông ta cho rằng đã đoán ra được ý đồ của Giêsu. Chắc chắn tên tiên tri đầu đường xó chợ này tìm cách gieo rắc hỗn loạn trong các vùng đất, tìm cách đem Vương Quốc Mới hứa hẹn với mọi người và phá huỷ những gì mà về sau chính hắn muốn chiếm đoạt lấy.

Không, cái thứ người gì thế này! Ai có thể ngờ rằng cái tên Giudê tham

hại này lại dám mơ tưởng những thứ mà viên thống lãnh các tỉnh vùng Tiểu Á của đế quốc La Mã là Pônti Pilát cũng không thể mơ ước đến! Viên tổng đốc hết sức giàu kinh nghiệm đã tự thuyết phục, đã tự bắt mình tin và đã đi đến kết luận như vậy trong khi xét hỏi con người nay đây mai đó là Giêsu bằng một phương pháp khá lạ lùng. Lần nào ông ta cũng tự đặt mình vào địa vị của Giêsu và lại thấy công phần trước những ý định của kẻ thoán đoạt chưa từng có này. Và do vậy ông ta càng nổi nóng hơn nữa, càng bị nghi ngờ dày vò hơn nữa. Song ông ta vừa muốn ký ngay vào bản án tử mà hôm trước các viên trưởng lão Giêrudalem đã tuyên án, lại vừa muốn kéo dài giờ phút này, muốn tận hưởng giờ phút này bằng cách làm sáng tỏ triệt để những mối nguy cơ đe dọa triều đình La Mã hàm chứa trong những ý nghĩ và hành động của Giêsu...

Câu trả lời của Giêsu về con chim bay trên trời quá thành thật và quá mạn thượng khiến vị tổng đốc méch lòng. Lẽ ra, hẳn có thể im lặng hoặc nói một câu gì đó làm đẹp lòng ông. Nhưng không, hẳn lại tìm được cách an ủi rằng cái chết bay lượn trên đầu tất cả mọi người. “Người cẩn thận đấy! Tự người chuốc lấy tai vạ vào thân, cứ như người quả thật chẳng sợ án tử hình gì hết!” – Pônti Pilát tức giận nghĩ.

– Được thôi, ta hãy trở lại câu chuyện của chúng ta đi. Hỡi kẻ bất hạnh, người có biết chuyện gì đang đợi người không? – Viên tổng đốc hỏi bằng giọng khàn khàn và đã mấy lần dùng khăn tay lau mồ hôi trên khuôn mặt màu nâu bóng nhẫy, trên khoảng đầu hói và trên cả cái cổ chắc nịch. Trong khi Giêsu sắp sửa đáp lại thì ông ta bẻ từng ngón tay dẫm mồ hôi kêu răng rắc, một thói quen xấu của ông ta. – Ta hỏi người đấy, người có biết chuyện gì đang chờ đợi người không?

Giêsu nặng nề thở dài, mặt anh tái nhợt đi khi nghĩ đến tai hoạ sắp phải chịu đựng:

– Thưa ngài phó vương La Mã, tôi có biết, hôm nay tôi sẽ phải chịu án

tử hình – anh vất vả mới thoát được nên lời.

“Tôi có biết” – viên tổng đốc giễu cợt nhắc lại, vừa cao ngạo mỉm cười đầy vẻ khinh bỉ và thương hại vừa đưa mắt nhìn từ đầu đến chân nhà tiên tri xấu số đang đứng trước mặt ông ta.

Giêsu đứng cúi đầu, dáng vụng về, cổ dài, tóc dài, với những món tóc quần buông rũ xuống, quần áo rách tơi tả, chân đi đất – đôi dép của ông chắc hẳn đã bị thất lạc trong lúc xô xát. Còn đằng sau anh, qua hàng tường xây khu gác sân của lâu đài, hiện lên những ngôi nhà trong thành phố, trên những ngọn đồi phía xa... Thành phố hiện chờ đợi con người đang bị viên tổng đốc xét hỏi. Cả thành phố xấu xa kia đang chờ đợi nạn nhân của nó. Hôm nay, giữa lúc trời oi bức này, thành phố cần có một hành động đẫm máu, những bản năng đen tối như màn đêm của nó đang khao khát được hành động. Và khi đó, những đám đông ngoài phố sẽ gào thét và khóc lóc như những bầy chó núi gào hú và giận dữ sủa vang khi thấy con sư tử cuồng nộ đang xé xác một con ngựa vằn trong vùng hoang mạc Libi. Pônti Pilát đã từng nhiều lần chứng kiến những cảnh như vậy giữa loài thú và cả giữa loài người, trong thâm tâm ông ta cảm thấy kinh hoàng khi thoáng hình dung ra cảnh đóng đinh câu rút trên cây thập tự.

– Người vừa nói là “có biết”? “Có biết”, những tiếng đó chưa chính xác. Chỉ khi ở ngoài kia người mới hiểu đầy đủ chuyện đó...

– Đúng thế, thưa ngài phó vương La Mã, tôi biết thế, chỉ nghĩ đến chuyện đó thôi là tôi đã sợ run lên rồi.

– Vậy người đừng ngắt lời ta và đừng vội sang thế giới bên kia. Người còn kịp đấy – viên tổng đốc càu nhàu vì không được nói hết ý mình.

– Nếu ngẫu nhiên tôi ngắt lời ngài thì xin ngài tha lỗi cho, tôi đâu có muốn như vậy – Giêsu xin lỗi. – Tôi chẳng vội vã gì hết. Tôi còn muốn sống thêm nữa.

– Vậy người có định chối bỏ những lời lẽ xác xược của người không ? – viên tổng đốc hỏi thẳng.

Giêsu ngạc nhiên giơ tay ra, đôi mắt anh lộ vẻ bất lực một cách ngây thơ:

– Thưa ngài, tôi chẳng có gì phải chối bỏ cả. Những lời lẽ kia là do Đức Chúa Cha của tôi định sẵn, tôi có nghĩa vụ đưa những lời lẽ đó đến mọi người để thực hiện ý muốn của Người.

– Người vẫn nhắc đi nhắc lại luận điệu cũ kỹ của người. – Pônti Pilát giận dữ cất cao giọng. Khuôn mặt ông ta với chiếc mũi khoằm to tướng, với đường nét cứng cõi của đôi môi và những nếp gấp sâu quanh miệng, lộ vẻ lạnh lùng đầy khinh bỉ. – Dù người có đóng kịch như thế nào thì ta cũng nhìn thấu suốt người được – ông ta nói bằng một giọng không cho phép phản bác. – Đưa những lời lẽ của Cha người đến mọi người thật ra có nghĩa là gì? Có nghĩa là làm rối loạn đầu óc và lừa bịp đám dân đen! Có nghĩa là xúi giục bọn dân đen gây rối loạn! Có lẽ người cũng phải đem lời lẽ của Cha người đến cho ta nữa chứ, vì ta cũng là người kia mà!

– Thưa ngài, lúc này ngài không cần đến chuyện đó bởi vì ngài không bị đau khổ và ngài chẳng có gì phải ham muốn cuộc sống khác. Đối với ngài thì quyền lực là Chúa Trời và lương tâm. Mà quyền lực thì ngài có đầy đủ rồi. Đối với ngài không có gì cao quý hơn thế.

– Đúng, không có gì cao quý hơn quyền lực của La Mã. Ta hy vọng là người muốn nói như vậy đấy chứ?

– Thưa ngài, đó là ngài nghĩ như vậy.

– Những người thông minh bao giờ cũng nghĩ như vậy – viên tổng đốc độ lượng sửa lại câu nói của Giêsu. – Bởi thế người ta mới bảo rằng – ông ta giảng giải, – hoàng đế La Mã không phải là Chúa Trời, nhưng Chúa Trời tựa như hoàng đế La Mã. Nếu người không tin như thế thì hãy làm ta tin

ngược lại đi. Nào, hãy thuyết phục ta đi! – ông ta chăm chăm nhìn Giêsu với vẻ giễu cợt. – Nhân danh hoàng đế La Mã Tibêri mà ta là phó vương của Người, ta có thể thay đổi ít nhiều cách sắp đặt các sự vật trong thời gian và không gian. Còn người thì lại chống lại bằng một lực lượng tối cao nào đó, bằng một chân lý khác nào đó mà dường như người có được trong tay. Cái đó rất đáng chú ý, hết sức đáng chú ý đấy. Nếu không ta đã chẳng hoài phí thời gian ở đây làm gì. Trong thành phố họ đang sốt ruột chờ đợi việc thi hành bản án của Viện trưởng lão. Vậy người hãy trả lời đi!

– Tôi biết trả lời gì được?

– Người tin rằng hoàng đế La Mã thua kém Chúa Trời phải không?

– Hoàng đế La Mã là người trần tục.

– Rõ là người trần tục rồi. Nhưng trong lúc Người đang trị vì thì đối với dân chúng liệu có vị Chúa Trời khác cao quý hơn hoàng đế La Mã không?

– Thưa ngài, có, nếu chọn một chiều khác để đo sự tồn tại.

– Ta không nói là người làm ta buồn cười – Pônti Pilát nhăn trán và rướn đôi lông mày cứng nhắc lên làm ra vẻ phật ý rồi nói – Nhưng người không thể thuyết phục ta tin như vậy được chỉ vì một lý do đơn giản là chuyện đó chẳng có gì đáng cười hết. Ta không biết, ta không thể hiểu nổi những ai tin người và tại sao họ tin người?

– Những người tin tôi là những người bị những sự hà hiếp đẩy đến với tôi, hoặc được niềm khao khát lâu đời đối với chính nghĩa đưa đến với tôi. Khi ấy, những hạt giống mà đạo thuyết của tôi gieo xuống sẽ rơi vào mảnh đất đã được tưới bón bằng những giọt nước mắt và những nỗi đau khổ – Giêsu giải thích.

– Đủ rồi, – viên tổng đốc thất vọng khoát tay. – Chỉ phí thì giờ.

Cả hai yên lặng theo đuổi ý nghĩ riêng của mình. Văng trán nhột nhật

của Giêsu ướt đầm mồ hôi. Nhưng anh không lấy tay lau đi bằng ống tay áo rách nát của tấm áo choàng – anh không còn bụng dạ nào để ý đến chuyện đó. Nỗi lo sợ khiến cơn buồn nôn cứ trào lên cổ, mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt và nhỏ giọt xuống những viên đá hoa cạnh đôi chân gầy guộc hằn rõ những đường gân xanh.

– Đã như thế mà người vẫn còn muốn, – Pônti Pilát nói thêm bằng một giọng bỗng trở nên khàn khàn, – vẫn còn muốn ta, viên tổng đốc La Mã, ban tự do cho người hay sao?

– Vâng, thưa ngài tổng đốc phúc hậu, ngài hãy thả tôi ra.

– Và người sẽ làm gì?

– Tôi sẽ đem theo lời Chúa đi khắp thế gian.

– Đừng có hy vọng ta ngu ngốc như vậy, – viên tổng đốc quát to và nhảy bật dậy vì giận dữ. – Bây giờ thì ta tin chắc rằng chỗ của người là trên cây thập tự, chỉ cái chết mới ngăn chặn được người!

– Thưa ngài tổng đốc cao quý, ngài lầm rồi. Cái chết bất lực trước tinh thần, – Giêsu cứng cỏi nói rành rọt.

– Sao? Người nói gì vậy? – Pônti Pilát sửng sốt, không tin vào tai mình nữa và bước lại gần Giêsu. Khuôn mặt méo xệch đi vì giận dữ và ngạc nhiên của ông ta lăm lăm những vệt nâu đen sạm.

– Tôi nói gì thì ngài nghe thấy rồi.

Hít một hơi dài đầy phổi, Pônti Pilát giơ phắt hai tay lên trời, định nói một điều gì đấy, nhưng đúng lúc đó vang lên tiếng ủng kỵ sĩ bịt gót sắt kêu lách cách.

– Người cần gì? – viên tổng đốc nghiêm giọng hỏi một tên lính vũ trang đang bước đến gặp ông ta với một tấm giấy da.

– Xin kính chuyển tới ngài, – tên lính nói ngắn gọn rồi lui ra.

Đấy là bức thư vợ ông ta gửi cho chồng: “Thưa phu quân, thiếp yêu cầu phu quân chớ gây tai họa không thể sửa chữa nổi cho con người nay đây mai đó kia mà nghe nói có tên là Giêsu. Ai cũng bảo đấy là một kẻ sùng đạo hiền lành, một thầy thuốc giỏi chữa lành được mọi bệnh tật. Còn việc ông ta dường như là con Chúa Trời, là đáng cứu thế và gần như là vua của dân Giuđê thì có lẽ người ta đã đặt điều cho ông ta. Phận sự của thiếp không phải là xét đoán xem điều đó có đúng hay không, chính phu quân cũng biết đấy, bọn Giuđê này là dân hay gây chuyện và cuồng tín đến mức nào. Nhưng nhờ đấy là sự thật thì sao? Vì những điều lan truyền trong đám dân chúng hèn kém lại rất hay được xác nhận. Nếu lần này nữa cũng như vậy thì phu quân sẽ bị đời sau nguyên rủa. Người ta đồn là giới chức sắc các thánh đường Do Thái ở đây và đám trưởng lão trong thành phố sợ hãi và căm ghét con người tên là Giêsu Kitô kia vì dân chúng dường như đổ đi theo anh ta, và cũng vì ghen ghét mà các thầy thượng tế vu khống anh ta và xúi bẩy đám dân chúng ngu dốt xông vào đánh anh ta. Những kẻ mới hôm qua còn sùng bái thì hôm nay đã vác đá đánh đập anh ta. Thiếp có cảm giác là nếu phu quân đồng ý xử tử con người rô đại kia thì sau này phải chuốc lấy tiếng xấu đấy. Vì chúng ta đâu có đóng đô mãi ở Giuđê này. Thiếp muốn phu quân trở về La Mã với tất cả nghi lễ cao quý xứng đáng với phu quân. Xin phu quân chớ làm việc ấy. Hôm qua, khi vệ binh dẫn anh ta đi, thiếp thấy anh ta thật tuấn tú, đúng là một vị thần trẻ tuổi. Tiện đây, xin nói thêm để phu quân biết là đêm qua thiếp vừa mơ thấy một giấc mộng. Rồi thiếp sẽ kể cho phu quân nghe, một giấc mộng rất quan trọng. Chớ chuốc lấy sự nguyên rủa cho chính mình và cho hậu thế của mình!”

– Ôi, hỡi các đấng thần linh! Tôi đã làm gì khiến các vị nổi giận như vậy? – Pônti Pilát rên rỉ. Đây là lần thứ mấy rồi ông ta hối tiếc vì đã phỉ lời, đã trì hoãn, đã không phái vệ binh dẫn ngay gã giả tiên tri rô đại và gàn dở này đến chỗ bọn đao phủ đang chờ sẵn ở bên ngoài các khu vườn thành phố, trên ngọn đồi, nơi phải diễn ra cuộc hành hình mà toà án Giêrudalem

đòi hỏi. Vậy mà bây giờ, cả vợ ông ta cũng can thiệp vào việc quan của ông ta, ông ta cảm thấy ở đây nếu không phải là hoạt động âm thầm của những lực lượng đứng đằng sau Giêsu Kitô thì ít ra cũng là sự chống đối việc làm này của những lực lượng thần linh. Nhưng những đấng thánh thần ít quan tâm đến công việc trần thế. Nhưng còn vợ ông ta, với cái trí tuệ đàn bà của mình, bà ta hiểu được gì trong chuyện chính trị, tại sao ông ta lại phải khởi lên mối thù địch của thầy cả thượng thẩm Caipe và giới cầm quyền chớp bu ở Giêrudalem vốn tận tụy và trung thành với chính quyền La Mã chỉ vì cái gã Giêsu kia, một kẻ vô gia cư đáng ngờ và chuyên thoá mạ các vị hoàng đế? Do đâu mà vợ ông ta lại cho rằng gã tuần tú như một vị thần trẻ? Đúng là có trẻ thật nhưng chỉ như vậy thôi, còn gã chẳng có vẻ tuần tú gì đặc biệt hết. Đấy, gã đang đứng kia, bị đánh đập toi bời như một con chó ấy. Vợ ông ta thấy gì ở gã ta nhi?

Viên tổng đốc trầm ngâm đi đi lại lại mấy bước, ngẫm nghĩ nội dung bức thư, rồi lại thở dài ngồi xuống ghế bành. Tuy nhiên, trong đầu ông ta thoáng hiện thêm một ý nghĩ mà đã nhiều lần ông ta nghĩ đến: hình như con người thật nhỏ mọn, họ ỉa đái, giao hợp, chết đi, rồi lại sinh đẻ và chết đi, họ chứa chất trong bản thân họ biết bao chuyện đê tiện và độc ác, vậy mà giữa tất cả những sự ghê tởm và hèn hạ ấy, bỗng xuất hiện từ đâu đó nào thiên mệnh, nào những nhà tiên tri, nào những cơn hứng khởi của tâm hồn. Cứ như gã Giêsu này làm ví dụ, gã tin vào thiên chức của gã đến nỗi gã hết như sống trong mộng chứ không phải trong cuộc đời thực. Nhưng đủ rồi, phải làm cho gã tỉnh lại thôi! Đến lúc chấm dứt rồi!

– Ta vẫn muốn biết điều này, – viên tổng đốc nói với Giêsu, suốt thời gian vừa rồi Giêsu vẫn đứng yên – cứ cho rằng người là kẻ ngoan đạo chứ không phải là kẻ ác ý chuyên gieo rắc hỗn loạn cho những kẻ cả tin, cứ cho rằng khi nói đến Vương Quốc chính nghĩa, người không định tranh quyền thống trị thế giới của hoàng đế La Mã, cứ cho rằng ta sẽ tin người đi, vậy người hãy nói cho ta hay: cái gì bắt người phải chịu chết? Hãy cho ta biết

cái gì thúc đẩy người hành động? Nếu người muốn dùng cách đó để thống trị dân Ixraen thì ta không tán thành người, nhưng ta sẽ hiểu được người. Nhưng tại sao người lại chặt đứt cành cây mà người định ngồi lên? Làm sao người trở thành hoàng đế được nếu người phủ nhận quyền lực của hoàng đế? Chính người cũng hiểu đấy, giờ đây, cho người sống hay bắt người chết là do ý ta. Sao người cứ im lặng thế? Không nói được vì sợ hãi chăng?

– Vâng, thưa phó vương La Mã, tôi khiếp sợ kiểu hành hình khủng khiếp. Và tôi hoàn toàn không có ý định làm hoàng đế.

– Vậy thì người hãy ăn năn trên tất cả các quảng trường của thành phố đi, người hãy tự kết tội mình đi. Người hãy thú nhận rằng người giả mạo là nhà tiên tri đi, người hãy thôi đi, đừng đoán chắc rằng người là vua của dân Giuđê nữa, để đám dân đen rời bỏ người, để đừng cảm dỗ chúng bằng nỗi hy vọng vô ích và tội lỗi. Không thể có một vương quốc chính nghĩa nào hết. Chính nghĩa bao giờ cũng là những gì hiện có. Trên đời này hiện có hoàng đế Tibêri, và hoàng đế chính là thành trì bất khả xâm phạm của thiết chế thế giới. Còn vương quốc chính nghĩa mà người luôn luôn nói tới để xúi giục những kẻ nhẹ dạ hay ta thán thì chỉ là một thứ rỗng tuếch. Người hãy suy nghĩ đi! Đừng có làm rối loạn đầu óc của cả bản thân người lẫn những kẻ khác nữa. Và lại, người là cái thứ gì mà hoàng đế La Mã phải dè chừng người kia chứ? Người chỉ là một kẻ lãng du vô danh tiểu tốt, là một nhà tiên tri đáng ngờ, là một gã lớn tiếng la hét ngoài chợ, những kẻ như thế đầy rẫy trên đất Giuđê này. Nhưng người sẽ gieo rắc sự cảm dỗ bằng đạo thuyết của người, điều đó khiến thầy cả thượng phẩm của người hết sức quản ngại, bởi vậy người hãy giải thích trò lừa bịp của người đi. Sau đó người hãy cuốn gói sang Xiri hoặc các nước khác. Còn ta, với tư cách là viên tổng đốc của triều đình La Mã, ta sẽ tìm cách giúp người. Người hãy ưng thuận đi khi còn chưa muộn. Sao người lại im lặng thế?

– Thưa phó vương La Mã, tôi đang nghĩ rằng cả hai chúng ta khác xa

nhau đến nỗi vị tất đã hiểu được nhau. Việc gì mà tôi lại phải giả dối và chối bỏ đạo thuyết của Chúa theo kiểu như vậy để ngài và hoàng đế có lợi, còn chân lý thì bị thiệt hại?

– Đừng có quanh co nữa. Cái gì có lợi cho triều đình La Mã là cao hơn hết.

– Cái cao hơn hết là chân lý, mà chân lý chỉ có một. Không thể có hai chân lý được.

– Người lại nói lắt léo phải không, hả tên lang thang kia?

– Trước đây cũng như hiện nay tôi không bao giờ nói lắt léo hết. Còn câu trả lời của tôi là như thế này: thứ nhất – không việc gì phải chối bỏ những lời lẽ được nói lên nhân danh chân lý, vì chính ngài cũng muốn như vậy kia mà. Và thứ hai – không nên nhận lãnh lấy tội lỗi về những việc mà ta không làm rồi tự đâm vào ngực để rũ sạch những lời đồn đại xấu xa. Nếu lời đồn đại là giả dối thì nó sẽ tự mai một đi.

– Nhưng trước đó thì người đã chết rồi còn gì, hỡi vua của dân Giudê! Vậy là người sẵn sàng chịu chết dù con đường cứu vớt có như thế nào chẳng nữa?

– Tôi chỉ còn con đường này dẫn đến sự cứu vớt thôi.

– Dẫn đến sự cứu vớt gì? – Viên tổng đốc không hiểu.

– Dẫn đến sự cứu vớt thế giới.

– Nói nhảm nhí mãi thế là đủ rồi ! – Pôn-ti Pilát không giữ được kiên nhẫn nữa – Tức là người tự nguyện đi đến cái chết?

– Có lẽ là như vậy, bởi vì tôi không có con đường nào khác.

– Ôi, các đấng thánh hiền! – viên tổng đốc vừa mệt mỏi lắm bầm vừa đưa tay xoa những nếp nhăn sâu hằn ngang dọc trên trán ông ta. “Nóng bức quá, liệu thời tiết có thay đổi không đây?”, ông ta khẽ cắn răng. Rồi ông ta

quyết định dứt khoát: “Mình cần gì đến tất cả những chuyện này? Mình việc gì phải cố che chở cho một kẻ không thấy lợi ích gì trong việc đó hết? Mình cũng thật lẩn thẩn!”. Và ông ta lên tiếng :

- Nếu thế thì ta không còn trách nhiệm gì nữa!
- Tuỳ ý ngài, thưa ngài tổng đốc – Giêsu trả lời và cúi đầu.

Họ lại yên lặng, và chắc hẳn cả hai đều cảm thấy là bên ngoài bức tường vây của lâu đài, đằng sau những khu vườn xanh tốt kia, nơi phố xa đang mệt mỏi giữa không khí nóng bức dưới các vùng đất thấp và trên các khu đất cao của thành Giêrudalem, diêm gở đang tích tụ lại, phồng to lên và chỉ chực nổ tung. Tạm thời thì họ chỉ nghe thấy vọng đến những âm thanh mơ hồ – đó là tiếng ồn ào của những khu chợ đông đúc. Tại đây, nào người, nào hàng hoá, nào những súc vật thồ và kéo chen lẫn nhau suốt từ sáng. Nhưng giữa hai thế giới này có những lực ngăn cách, bảo vệ thế giới bên trên khỏi bị sự xâm phạm của thế giới bên dưới, trong khu rừng nhỏ, có một đội kỵ mã đứng vây quanh. Có thể thấy rõ lũ ngựa đang vẫy đuôi xua ruồi.

Sau khi lớn tiếng nói rằng ông ta không còn trách nhiệm gì nữa, viên tổng đốc cảm thấy thanh thản đôi chút bởi vì bây giờ ông ta có thể tự nhủ: – “Ta đã làm tất cả những gì phụ thuộc vào ta. Có các đấng thần linh chứng kiến, ta không thúc đẩy kẻ kia đến chỗ hấn cứ khăng khăng giữ ý hấn, coi trọng đạo thuyết hơn mạng sống của hấn. Nhưng vì hấn không chịu từ bỏ chính kiến của hấn nên cứ mặc xác hấn. Đối với chúng ta, như vậy còn tốt hơn là khác. Tự hấn đã kí vào bản án tử hình của hấn...”. Pônti Pilát suy nghĩ như thế cũng là để chuẩn bị cho việc trả lời vợ.

Rồi ông ta liếc nhìn Giêsu đang mơ hồ mỉm cười, lặng lẽ chờ đợi số phận mình đã được quyết định trước và nghĩ thêm: “Đầu óc con người này đang nghĩ chuyện gì? Chắc hẳn là giờ đây, hấn đang hối tiếc một cách chua chát và hiểu ra rằng hấn sẽ phải trả giá quá đắt cho đạo thuyết cao siêu của hấn mà hấn không dám từ bỏ. Hấn đã sa vào chiếc bẫy của chính hấn. Bây

giờ cứ thử thoải mái đi: một Chúa Trời duy nhất cho mọi người, cho mọi miền đất, cho toàn thể loài người, cho mọi thời đại. Một đức tin duy nhất. Một Vương quốc chính nghĩa duy nhất cho mọi người. Hẳn nhằm tới với đích gì nhỉ? Tất nhiên rồi, ai chẳng mong muốn như vậy, và hẳn liền quyết định lợi dụng điều đó. Nhưng đây, cuộc sống dạy chúng ta như vậy đó, cuộc sống trừng phạt thói ranh ma quá đáng như vậy đó. Âm mưu thoán đoạt lấy ngai vàng không có phúc phận được hưởng đã quay ngược trở lại như vậy đó. Hẳn ham muốn lắm! Hẳn quyết tâm khích động đám dân đen, xúi giục chúng nổi dậy chống lại các hoàng đế và làm cái chất độc ấy lan khắp thế giới từ đám đông này sang đám đông khác. Hẳn quyết tâm lật nhào toàn bộ trật tự thế giới đã có từ ngàn xưa. Thật là một kẻ liều lĩnh! Thật vậy! Không, không thể để một kẻ như thế sống sót được. Trông bề ngoài thì bình thường hiền lành thế kia, vậy mà trong đầu thì chứa chất những chuyện ghê gớm, hẳn đã làm một chuyện tày trời, chỉ có một trí tuệ vĩ đại mới đủ sức thực hiện mưu đồ như vậy. Ai có thể ngờ được kia chứ!”

Những ý nghĩ ấy khiến viên tổng đốc Pônti Pilát cảm thấy hài lòng về bản thân mình. Ông ta cũng thấy yên tâm vì giờ đây ông ta sẽ tránh được cuộc nói chuyện khó chịu với thầy cả thượng thẩm Caipe, người đã nhân danh Viện trưởng lão mà công khai đòi hỏi ông ta phải chuẩn y quyết định của toà án về vụ Giêsu.

– Thưa ngài tổng đốc thông thái, ngài chớ nghi ngờ gì nữa. Ngài sẽ được hài lòng về bản thân ngài và ngài sẽ có lý trong mọi việc... – Giêsu lên tiếng, hết như đoán được ý nghĩ của viên tổng đốc.

Pônti Pilát nổi giận.

– Người không phải lo lắng cho ta! – ông ta thô bạo quát Giêsu – Đối với ta, công việc của triều đình La Mã cao hơn hết. Người hãy nghĩ đến người thì hơn, hỡi kẻ bất hạnh kia!

– Xin ngài tha lỗi cho, tôi không nên nói thành tiếng những lời ấy mới

phải.

– Đúng thế, và để người khỏi phải hối tiếc khi đã muộn, người hãy suy nghĩ thêm trong lúc ta vắng mặt. Nếu đến lúc ta quay lại mà người không thay đổi quyết định thì ta sẽ phán quyết dứt khoát. Đừng có huyễn hoặc rằng người là vua của dân Giuđê, là trụ cột của thế giới nữa. Và cũng đừng có huyễn hoặc rằng nếu không có người thì trái đất sẽ rối tung lên. Ngược lại, mọi việc đều diễn ra không có lợi cho người. Thời của người đã hết từ lâu rồi, người chỉ còn có thể cứu nổi bản thân người thôi. Người hiểu chứ?

– Tôi hiểu, thưa ngài tổng đốc...

Pôngti Pilát đứng dậy và đi vào nội thất, vừa đi vừa sửa lại hai vai áo choàng rộng thùng thình. Trông ông ta xương xẩu, đầu to và hói, dáng đi oai vệ, tự tin vào phẩm giá và quyền lực lớn lao của mình. Khi ông ta đi dọc theo gác sân Vòm Uốn, ánh mắt ông ta lại bắt gặp con chim đang ngạo nghễ bay lượn trên nền trời. Ông ta không thể xác định được đây là đại bàng hay một con chim gì đó cùng loại, nhưng điều khiến ông ta lo lắng không phải là chuyện đó mà là việc con chim ấy vượt ra ngoài tầm với của ông ta, vượt ra ngoài quyền lực của ông ta. Ông ta không thể doạ nạt nó được, cũng như không thể gọi nó đến hay xua đuổi nó đi được. Nhướng phắt lông mày lên, ông ta ném một cái nhìn khó chịu lên cao: Chà, con chim kia cứ lượn vòng mãi, và nó thật nhớn nhỡ, chẳng phải bận tâm đến chuyện gì hết.

Nhưng ông ta vẫn bất giác nghĩ rằng con chim kia tựa như hoàng đế trên bầu trời. Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà sự hùng mạnh của hoàng đế được tượng trưng bằng chim đại bàng – đầu có chiếc mỏ to, rắn chắc, con mắt dữ tợn, đôi cánh cứng như sắt. Hoàng đế phải như vậy mới được! Phải trên cao tít mới được, để ai cũng nhìn thấy và không ai vươn tới nổi... Và từ trên cao ấy mà thống trị thế giới, không hề bình đẳng với bất kì người nào và bất kì chuyện gì. Ngay cả các đấng thần linh của hoàng đế cũng riêng biệt, cũng khác với các người khác, cũng vừa thờ ơ với kẻ dưới vừa khinh bỉ họ. Đó là

nền tảng của sức mạnh, đó là yếu tố bắt mọi người phải e sợ quyền lực, đó là chỗ dựa của trật tự bình thường trên thế giới.

Vậy mà gã Giêsu kia, cái gã khăng khăng bám lấy đạo thuyết của mình và định san bằng mọi người, từ hoàng đế cho đến tên nô lệ, bởi vì theo lời hăn thì Chúa Trời là duy nhất và mọi người đều bình đẳng trước Chúa. Cái tên Giêsu ấy lại khăng định: Vương quốc chính nghĩa sẽ đến với mọi người. Hăn làm rối loạn đầu óc kẻ khác, kích động bọn hạ lưu, định sắp đặt lại thế giới theo kiểu riêng của mình. Và kết quả ra sao? Vẫn đám đông ấy về sau đã đánh đập gã và nhổ vào mặt gã, cái tên giả mạo tiên tri, cái tên lừa bịp và dối trá ấy... Tuy nhiên, hăn là con người như thế nào nhỉ? Mặc dù tình thế hết sức tuyệt vọng, hăn vẫn xử sự cứ như kẻ chịu thất bại không phải là hăn mà là những người kết án hăn...

Đó là ý nghĩ của viên tổng đốc Pônti Pilát, phó vương của hoàng đế La Mã. Có thể nói, chính ông ta là một tiểu hoàng đế, ít ra thì cũng tại phần đất này của vùng Địa Trung Hải, trong lúc ông ta tạm thời bỏ dở cuộc thám vấn, để Giêsu ở lại một mình một bóng trong vài phút mà cảm thấy vực thẳm hoác miệng dưới chân. Phải bẻ gãy tinh thần hăn, phải bắt hăn bỏ lê một cách nhục nhã, phải buộc hăn từ bỏ Chúa Trời duy nhất cho mọi người, từ bỏ sự bình đẳng của tất cả mọi người để rồi sau đó thì tổng cố hăn ra cái vùng đất Ixraen như quăng đi một tên dê tội nghiệp đã bị gãy gục xương sống, mặc cho hăn sống vất vưởng rồi biến mất tăm, và nếu như hăn sống nổi một thời gian ngắn nữa thì bọn học trò đã mất lòng tin vào hăn chắc chắn cũng kết liễu đời hăn...

Viên tổng đốc Pônti Pilát hết sức giàu kinh nghiệm vừa suy nghĩ như vậy để đánh tan những mối nghi ngờ của mình, vừa tìm kiếm phương pháp diệt trừ tên phản loạn mới xuất hiện này một cách đúng đắn nhất, có lợi nhất và có tác dụng thị uy nhất. Khi rời khỏi gác sân Vòm Uốn, ông ta cho rằng khi còn lại một mình một bóng, tên tử tội kia sẽ cảm thấy nguy cơ đang đe dọa

hắn và đến lúc ông ta quay lại thì hắn sẽ quỳ sụp xuống chân ông ta. Ông ta đâu có biết rằng vào những giây phút ngắn ngủi đó, con người lạ lùng này hoàn toàn không suy nghĩ theo hướng đó, mà lại đắm chìm vào hồi tưởng cũng là vận mệnh của những người sống và là một trong những niềm hạnh phúc cuối cùng trên ngưỡng cửa từ biệt cuộc sống...

Viên tổng đốc vừa đi khỏi thì từ hốc tường bên có bốn tên lính gác thông thả tiến ra và đứng dọc theo hai bên mép gác sân Vòm Uốn, hết như người tử tù có thể trốn khỏi đây. Giêsu tự cho phép mình nói với người lính gác đứng gần nhất:

- Ngài lính gác tốt bụng ơi, tôi có thể ngồi được không?
- Được, – tên lính gác đáp và gõ mạnh ngọn giáo xuống sàn đá.

Giêsu ngồi ghé xuống gờ đá hoa cạnh tường, người gù gù, khuôn mặt nhợt hoắt tái nhợt khuôn giữa mái tóc dài đen thẫm rũ xuống như làn sóng. Anh đưa bàn tay lên che mắt rồi mê mải đắm mình trong suy nghĩ. “Giá được uống thỏa thích nhỉ, – anh nghĩ, – giá được tắm ở một chỗ nào đó ngoài sông thì tốt quá”. Anh tưởng tượng thấy như hiện lên dòng nước chảy ở ven hai bờ sông – nước chảy thành dòng như quán quýt lấy đất và cỏ ven bờ. Anh như nghe thấy tiếng nước vỗ oàm oạp, dường như máy chèo đang khua động, đẩy con thuyền lại gần chỗ anh ngồi. Dường như một người nào đó muốn đưa ông xuống thuyền rồi chở đi, rồi bơi đi với ông khỏi nơi đây. Đó là mẹ anh, đấy là bà đang bơi thuyền lại gần trong tâm trạng lo lắng và sợ hãi.

“Mẹ... – anh thầm thì không thành tiếng, – Mẹ ơi, nếu Mẹ biết con đang khổ khổ như thế nào! Mới đêm qua thôi, trên ngọn núi Ôliu ở Hephximania con còn mệt mỏi, con còn hoảng sợ vì nỗi buồn cứ trào đến như đêm đen, con còn đứng ngồi không yên, và trong khi thao thức với đám môn đệ của con, con vẫn không tài nào yên tâm nổi, con ướt đầm mồ hôi trong mối linh cảm khủng khiếp. Và khi đó, con đã cầu đến Đức Chúa, Cha của con. “Lạy

cha, – con nói, – nếu như cha đoái thương mà giúp con thoát khỏi số phận nặng nề này! Nhưng đó không phải là ý con, ý của Cha sẽ được thực hiện”. Và đây, cái số phận nặng nề ấy, cái số phận nặng nề đây ập ấy đây, nó nhất định sẽ đến, nó đang tiến đến gần không thể cưỡng lại nổi, và sắp sửa diễn ra biến cố mà chắc hẳn cả Mẹ cũng thấy trước.

Nếu đúng như thế thì tức là Mẹ đã biết chuyện gì sẽ xảy ra với con và nếu vậy thì Mẹ đã sống như thế nào trong những năm qua. Hỡi người Mẹ thân thiết của con, người Mẹ đã sinh ra con, đã ban cho con hơi thở, Mẹ đã ắp ủ những suy nghĩ và hy vọng gì khi nuôi nấng con, đưa con mà ý định của Chúa đã dành sẵn cho cái ngày vĩ đại và khủng khiếp này, cái ngày đáng sợ nhất trong mọi ngày này. Bởi vì đối với con người, không có nỗi đau khổ nào lớn hơn cái chết của chính bản thân mình, nhưng đối với người Mẹ phải chứng kiến cái chết của đứa con đứt ruột đẻ ra thì nỗi đau khổ còn lớn gấp đôi. Mẹ hãy tha thứ cho con, người quyết định số phận của Mẹ không phải là con mà là Đức Chúa Cha của con, do đó con sẽ hưởng ánh mắt của con lên Người mà không hề than thở và mong chờ ý Người sẽ được thực hiện!”...

Vào giờ phút đó, khi nhớ lại Bà Mẹ Maria của mình, anh chợt nhớ đến là hồi nhỏ, khi anh lên năm tuổi, anh đã gặp phải một trường hợp lạ lùng. Hồi nhỏ, gia đình anh đang ở Ai Cập, nơi họ đến để trốn tránh vua Irốt là người tìm cách giết hại đứa trẻ mới lọt lòng tức là Giêsu Kitô tương lai, bởi vì các pháp sư cho biết rằng đây là vua của dân Giuđê mới ra đời. Vào quãng thời gian ấy, Giêsu đã là một cậu bé, và ở vùng đó, cách không xa nhà họ có một con sông lớn đầy nước chảy qua, đó là sông Nin, một con sông vừa dài vừa rộng. Bà Maria thường đưa con ra sông để giặt giũ như nhiều phụ nữ khác tại địa phương. Nhưng vào hôm đó, khi họ đang ở bên sông thì có một ông lão đưa thuyền cập bờ và đến chỗ hai mẹ con, dịu dàng chào hỏi họ:

– Cụ ơi, – bà Maria bảo ông lão – cụ có thể cho phép tôi đưa con tôi đi

chơi một lát trên thuyền của cụ không? Cháu còn dại lắm, nó cứ khóc lóc đòi đi thuyền cho bằng được mới tậ chứ!

– Được, Maria ạ – ông lão đáp – tôi đưa con thuyền này đến đây chính là để bà đưa cháu Giêsu đi chơi đấy.

Bà Maria không ngạc nhiên khi thấy ông lão biết tên họ, bà nghĩ rằng đấy là một người nào đó sống quanh đâu đây thôi. Nhưng khi bà quyết định đề nghị ông lão chèo thuyền giúp họ thì ông lão bỗng biến mất như tan vào không khí. Nhưng ngay cả việc đó cũng không làm bà Maria bối rối, cậu con trai quá thèm được đi thuyền rồi, cậu hết sức mừng rỡ và cứ háo hức chạy nhảy xung quanh, miệng không ngớt giục mẹ. Bà liền bỏ lại mớ quần áo đang giặt trên đồng đá ven bờ, ấm con đặt vào thuyền, sau đó chính bà cởi dây buộc thuyền, đẩy thuyền khỏi chỗ nước cạn, nhảy xuống thuyền, ôm con vào lòng, rồi hai mẹ con cho thuyền trôi theo dòng. Thật tuyệt diệu biết bao được lướt nhẹ trên mặt nước lấp lánh gần như ngay cạnh bờ. Trên những bãi bồi ven sông nào lau sậy lắc lư, nào đủ loại hoa sắc sỡ muôn màu, nào lũ chim âm ỉ bay chuyền trong các bụi cây, cất tiếng hót véo von riu rít, nào côn trùng kêu ra rả, bay từng đàn trong bầu không khí trong lành ấm áp. Hai mẹ con cảm thấy thật sung sướng! Bà Maria khe khẽ hát, cảm thấy thật hạnh phúc, còn con bà thì thích thú được bơi thuyền như vậy. Điều đó khiến Bà Maria càng sung sướng hơn.

Đúng lúc đó – thuyền họ chưa đi xa lắm và cũng chưa cách bờ nhiều lắm, – một góc cây cong queo đang nằm yên tại chỗ nước nông bỗng bùng sống, quẫy sóng cuồn cuộn rồi vùn vụt bơi về phía họ với vẻ đầy đe dọa. Đây là một con cá sấu to lớn, cặp mắt lồi của nó thèm khát trừng trừng nhìn họ. Cậu bé hoảng sợ kêu thét lên, bà Maria chờ người ra, con thuyền suýt lật úp. Bà Maria vút mái chèo đi, xiết chặt con vào lòng. “Lạy Chúa! – bà cầu khẩn, – Giêsu đấy, con trai của Người đấy! Máu mủ của Người đấy! Lạy chúa, Người đừng bỏ nó! Người hãy cứu lấy nó!”.

Bà hoảng sợ đến nỗi bà chỉ có thể lim dim mắt và cầu nguyện Đấng Toàn Năng và cũng là Đấng Chúa Cha của con trai Bà. “Đừng bỏ mặc chúng tôi, nó sẽ còn cần cho Người đấy!”. Bà kêu lên. Còn con thuyền không người điều khiển thì bắt đầu trôi, được con cá sấu đẩy đi từ phía dưới. Rút cuộc, khi bà Maria đánh bạo mở mắt, Bà buột ra một tiếng kêu sung sướng – con thuyền đã cập bờ, dường như có ai đó đã đưa nó đến đây, còn con cá sấu thì quay lại, bơi ra xa. Bà Maria luống cuống nhảy khỏi thuyền rồi chạy trên bờ sông vừa khóc vì kinh hoàng lại vừa cười vì hạnh phúc. Bà xiết chặt con trai vào lòng mà chạy, mắt đăm lẹ, vừa hôn con vừa nhắc đi nhắc lại: “Giêsu, Giêsu của mẹ! Đứa con trai bé bỏng xinh đẹp của mẹ! Cha đã nhận ra con rồi! Cha đã cứu con đấy! Đấy là Cha đã cứu con đấy! Cha yêu quý con, Giêsu ạ, con là đứa con yêu quý của Cha đấy! Con nhất định sẽ trở nên một bậc hiền minh, Giêsu ạ! Con sẽ trở thành Đấng Tôn Sư, Giêsu ạ! Con sẽ mở mắt cho mọi người, Giêsu ạ! Họ sẽ đi theo con, Giêsu ạ! Và con sẽ không bao giờ, không bao giờ tách khỏi mọi người...” – người Mẹ hạnh phúc nhất trên đời đã vừa than vãn vừa hân hoan như vậy đó.

Bà Maria vừa than vãn vừa hân hoan như vậy vì sung sướng thấy Đấng Con Chúa đã được phép la cứu thoát, Bà không hề hay rằng đấy là điềm triệu của Chúa để mọi người biết được cậu bé Giêsu là ai, cậu con trai người thợ mộc Iôxip, người đã phải trốn sang Ai Cập để cứu đứa hài nhi khỏi tay vua Irốt là ai. Bởi vì ngay sau khi Bà Maria ôm con nhảy lên bờ và chạy đi tìm con thuyền đã trôi theo dòng sông rồi biến đâu mất, còn đám phụ nữ giặt giũ quần áo ngoài sông và chạy lại khi nghe thấy tiếng kêu của Bà thì sau đó quả quyết rằng khi bà bế con chạy đi thì xung quanh đầu cậu con trai Bà hiện rõ ánh hào quang vàng óng. Ai cũng vui mừng thấy như vậy, và họ xúc động đến chảy nước mắt khi cậu bé Giêsu áp chặt vào người bà Mẹ, thắm thiết ôm lấy cổ bà, hít lấy mùi thơm của Mẹ và nói: “Mẹ ạ, khi con lớn lên, con sẽ nắm đuôi con cá sấu kia mà bắt, để nó không làm cho

chúng ta sợ hãi nữa!”. Mọi người đều bật cười trước lời lẽ ngây thơ của cậu. Sau đó họ bắt đầu nhớ lại xem ai có thể là chủ chiếc thuyền kia. Hoá ra không một ai trong vùng biết ông lão đó và cũng không một ai thấy ông lão đó nữa. Bác thợ mộc Iôxip bỏ nhiều ngày tìm kiếm ông lão lái thuyền bí ẩn kia để xin lỗi và bồi thường thiệt hại, nhưng không sao tìm ra nổi...

Đó là câu chuyện đã một lần xảy ra với chú bé Giêsu ở Ai Cập và giờ đây Giêsu nhớ lại câu chuyện ấy khi ngồi trên góc sân Vòm Uốn và xin lỗi Mẹ về những nỗi đau khổ mà anh gây ra cho Bà. “Xin chia tay với Mẹ vào lúc này, mẹ ạ, – ông nói với Mẹ, – xin Mẹ đừng giận nếu như con không kịp hoặc không thể nói với Mẹ đôi lời lúc con bị hành hình. Con khiếp sợ cái chết, hai chân con lạnh toát mặc dù hôm nay trời nóng bức vô cùng. Mẹ hãy tha thứ cho con và đừng than thân trách phận vào giờ phút nặng nề của con. Mẹ hãy can đảm lên! Để đi tới chân lý trong con người, – mà con người lại là gánh nặng nhất của Đấng Sáng Tạo, con không có con đường nào khác ngoài sự khẳng định chân lý đó qua cái chết của con. Không có con đường nào khác để đi tới con người. Mà con thì đang đi tới con người.

Mẹ hãy tha thứ cho con và con xin vĩnh biệt Mẹ. Thật đáng tiếc là con vẫn chưa nắm được đuôi con cá sấu kia mà bắt. Nghe nói là loài cá sấu sống rất lâu, gấp hai ba lần đời người. Nếu như con bắt được nó thì con cũng sẽ thả nó ra cho nó sống yên ổn... Mặc cho nó muốn sống thế nào tùy ý... Mẹ ạ, con còn chột nghĩ một điều nữa: nếu người lái thuyền kia là thiên thần khoác hình dáng ông lão thì rất có thể con sẽ được gặp mặt người đó ở thế giới bên kia... Liệu người đó có nhớ đến trường hợp kia không? Con đã nghe thấy tiếng chân bước rồi, đấy là Pônti Pilát, viên đao phủ bất đắc dĩ của con, đang quay lại. Từ biệt Mẹ, con xin từ biệt Mẹ trước”.

Pônti Pilát trở lại góc sân Vòm Uốn cũng với bước đi rần rỏi như khi rời đi. Toán vệ binh lập tức lui ra ngoài, và lại chỉ còn hai người trên gác sân. Vừa thấy viên tổng đốc xuất hiện, Giêsu liền đứng dậy. Đưa mắt nhìn Giêsu

một cách đầy ý nghĩa, ông ta hiểu rằng mọi chuyện diễn ra như ông ta mong muốn- con người tội nghiệp kia đang dần tiến gần đến giới hạn cuối cùng. Tuy nhiên, ngay cả lần này nữa, ông ta cũng quyết định không xử sự thẳng tay – chẳng cần thế thì sự việc vẫn phát triển theo chiều hướng cần thiết.

– Thế nào? Như ta thấy thì câu chuyện chấm dứt rồi thì phải, – Pônti Pilát vừa đi vừa nói – Người đối ý rồi chứ?

– Không.

– Vô ích thôi! Người suy nghĩ thêm nữa đi!

– Không, – Giêsu lắc đầu. – Cái gì phải xảy ra thì cứ để cho nó xảy ra.

– Vô ích thôi! – Pônti Pilát nhắc lại mặc dù bằng một giọng không tự tin lắm nhưng trong thâm tâm thì ông ta rùng mình, – ông ta bị xáo động trước thái độ kiên quyết của Giêsu. Đồng thời ông ta cũng không muốn Giêsu tự phủ định mình và bắt đầu van xin để thoát khỏi cái chết. Và Giêsu cũng hiểu cả.

– Ngài đừng buồn phiền làm gì, – anh dịu dàng mỉm cười, – tôi tin những lời lẽ của ngài là thật lòng! Tôi hiểu ngài. Tôi cũng muốn sống lắm chứ, chỉ khi đứng ở ngưỡng cửa cái chết, con người mới hiểu cuộc sống quý giá như thế nào với mình. Và tôi cảm thấy thương Mẹ tôi, tôi yêu quý Mẹ tôi biết bao, tôi yêu quý Mẹ tôi từ thuở nhỏ, tuy tôi không nói ra như vậy. Nhưng thưa ngài phó vương La Mã, dù chuyện gì xảy ra chẳng nữa thì ngài hãy nhớ kỹ điều này: giả dụ như ngài có thể cứu vớt được một tâm hồn thôi thì như vậy cũng đã phải cảm ơn ngài nhiều lắm rồi, vậy mà tôi lại có nghĩa vụ cứu vớt nhiều người, thậm chí cả những người ra đời sau chúng ta nữa.

– Cứu vớt ư? Ngay cả khi người không còn trên đời này nữa ư?

– Đúng thế, ngay cả khi tôi không ở giữa mọi người nữa.

– Người hãy tự trách mình đi, chúng ta sẽ không trở lại câu chuyện này

nữa, – Pônti Pilát quả quyết, ông ta không muốn mạo hiểm thêm. – Nhưng người hãy trả lời câu hỏi cuối cùng của ta... – ông ta vừa nói tiếp vừa dừng lại cạnh ghế bành rồi trầm ngâm im lặng, cau hàng lông mày rậm. – Người hãy cho ta biết hiện giờ người có bụng dạ nào nói chuyện không đã, – ông ta bỗng hỏi thêm bằng một giọng tin cậy, – nếu người không thiết trò chuyện thì đừng bận lòng làm gì, ta sẽ không giữ người lại nữa. Họ đang chờ người trên núi đấy.

– Xin tùy ngài, tôi xin theo ý ngài, – Giêsu đáp và nhìn viên tổng đốc bằng cặp mắt trong xanh khiến ông ta phải sửng sốt vì sức mạnh và sức tập trung của tư tưởng, – dường như không hề có nỗi bất hạnh kia đang chờ Giêsu trên núi.

– Xin cảm ơn, – Pônti Pilát bỗng thốt lên tiếng cảm ơn cũng bất ngờ như vậy. – Nếu thế thì người hãy trả lời câu hỏi cuối cùng của ta, bây giờ ta hỏi chỉ vì tò mò thôi. Ta hãy trao đổi như những con người tự do. Ta chẳng phụ thuộc gì vào người, còn người thì chính người cũng hiểu đấy, người đang đứng trên ngưỡng cửa của sự tự do hoàn toàn, do đó chúng ta hãy thành thật với nhau, – ông ta vừa đề nghị vừa ngồi vào chỗ cũ. – Người hãy cho ta biết là có phải người đã nói với đám học trò của người, tức là với đám môn đồ của người... – như chính người cũng hiểu đấy, ta không tin vào đạo thuyết của người, – vậy thì có phải người đã nói với đám môn đồ của người, đã đoan chắc với họ rằng nếu người bị đóng đinh câu rút thì đến ngày thứ ba người sẽ sống lại và sau khi sống lại, người sẽ trở lại trái đất vào một ngày nào đó. Và, vào ngày phán xử cuối cùng người sẽ xét xử cả những người hiện đang sống lẫn những người sẽ còn sinh ra, người sẽ xét xử hết thầy người đời, hết thầy mọi thế hệ từ buổi tạo thế, có phải như vậy không? Người còn nói rằng đấy dường như sẽ là sự hạ giới thứ hai của người. Có đúng thế không?

Giêsu nhếch miệng mỉm cười một cách lạ lùng như tự nhủ: à ra thế đấy.

Ông đôi đôi chân đi đất trên nền đá hoa, im lặng một lát như muốn quyết định xem có nên trả lời hay không.

– Tất cả những chuyện đó là do Giuđa Ixcariốt đặt điều phải không, – anh diều cọt nói, – và điều đó làm ngài phó vương La Mã rất lo lắng?

– Ta không biết Giuđa là ai, nhưng các bậc trưởng lão đáng kính đã nói lại với ta như vậy. Thì ra tất cả những cái đó đều là những lời lẽ rỗng tuếch hay sao?

– Ngài muốn nghĩ thế nào thì nghĩ, – Giêsu lạnh lùng trả lời. – Không ai ràng buộc ngài những gì xa lạ với trí óc ngài.

– Ta hỏi nghiêm chỉnh đấy, ta không diều cọt gì đâu – viên tổng đốc vội cam đoan. – Chẳng qua là ta nghĩ rằng ta và người sẽ không còn cơ hội nào khác nữa để trò chuyện. Nhưng đối với người, ta muốn biết rõ là làm thế nào lại có thể xuất hiện trên đời một lần nữa mà không sinh ra, và làm thế nào lập được toà án phán xét hết thảy mọi người? Và toà án đó sẽ ở đâu? Trên trời hay còn ở đâu nữa? Và những kẻ tin theo người phải chờ đợi cái ngày ấy bao lâu để được ban thưởng sự thanh bình vĩnh viễn?

Trước hết người hãy để ta bày tỏ quan điểm của ta về việc đó đã. Tính toán của người rất đơn giản, người trông mong vào yếu tố là ai cũng muốn một cuộc sống dễ chịu cả ở thế giới bên kia nữa. Chà, lũ người trần thế kia, họ bao giờ cũng thèm muốn một điều gì đó, bao giờ cũng thèm khát một điều gì đó. Chỉ cần mỗi chà họ bằng những lời hứa hẹn thôi là ở cả thế giới bên kia nữa họ cũng sẽ chạy theo như đàn chó ấy. Nhưng cứ cho là tình hình sẽ như người nói đi, nhà tiên tri ạ, song cuộc đời của người sắp hết rồi, người chỉ có thể kéo dài nó bằng cuộc trò chuyện này thôi.

– Tôi cũng có thể không kéo dài thêm một chút nào được.

– Nhưng nếu người không trả lời câu hỏi của ta thì người sẽ không lên núi đâu. Trong khái niệm của ta thì kết cục như vậy còn tồi tệ hơn cái chết.

– Ngài nói tiếp đi.

– Cứ giả sử đạo thuyết của người là đúng, vậy người hãy nói cho ta biết: khi nào sẽ đến ngày hạ giới thứ hai của người? Và nếu phải chờ đợi thật lâu, lâu không thể tưởng tượng nổi thì trong đời người chẳng ích lợi là bao cho con người. Hơn nữa, nói thật ra thì không thể hình dung được là lại có thể đợi đến lúc xảy ra một biến cố khó tin như vậy. Hay là phải đợi bằng cách tin một cách mù quáng? Điều đó sẽ đem lại cái gì? Điều đó có ích lợi gì?

– Những nghi ngờ của ngài thật dễ hiểu, ngài phó vương La Mã ạ. Ngài suy nghĩ một cách thô thiển, theo kiểu trần thế, hệt như những người thầy Hy Lạp của ngài. Xin ngài chớ méch lòng vì nhận xét ấy của tôi. Trong khi tôi đứng trước mặt ngài như kẻ người trần mắt thịt thì ngài có quyền tranh luận. Vả lại, tôi với ngài khác xa nhau quá, chẳng khác gì nước với lửa. Và những nhận định của chúng ta cũng khác nhau, chúng ta nhìn mọi thứ từ những góc độ khác nhau.

Về chuyện khiến ngài lo lắng ấy thì như thế này... Đúng là phải đợi lâu vô cùng mới đến ngày hạ giới lần thứ hai của tôi. Điều đó thì ngài nói đúng, không ai có thể tiên đoán khi nào ngày ấy sẽ đến, bởi vì cái đó nằm trong ý định của Đấng Sáng Tạo. Những gì đối với chúng ta kéo dài hàng nghìn năm thì đối với Người có thể chỉ diễn ra trong khoảnh khắc. Nhưng thực chất là ở vấn đề khác. Đấng Sáng Tạo đã ban cho chúng ta thứ của cải quý giá nhất trên đời là lý trí. Người cũng cho phép chúng ta sống theo sự hiểu biết của mình. Chúng ta sẽ xử dụng quà tặng ấy của Chúa Trời ra sao – đó sẽ là câu chuyện về lịch sử con người. Chắc ngài phó vương La Mã cũng không phủ nhận rằng ý nghĩa sự tồn tại của con người là ở sự tự hoàn thiện tinh thần của mình, – trên đời không có mục đích gì cao hơn thế. Vẻ đẹp của cuộc sống hợp lẽ chính là ở chỗ ngày nào cũng vươn cao hơn nữa trên những bậc thang vô tận để đi tới sự hoàn hảo rực rỡ của tinh thần. Cái nặng nhọc nhất đối với con người là thường xuyên làm người. Chính vì thế mà

thời gian lâu bao nhiêu để chờ đến cái ngày mà ngài không tin ấy sẽ phụ thuộc vào chính bản thân con người.

– À ra thế! – Pônti Pilát bần chồn đứng phắt dậy, nắm lấy lưng ghế bành.
– Khoan đã, khoan đã, một việc như thế mà phụ thuộc vào con người thì cũng kỳ lạ thật! Ta không tin vào đạo thuyết của người nên ta không tài nào hiểu nổi. Nếu như con người có thể tùy theo ý mình làm một hiện tượng như vậy lâu đến hoặc mau đến thì con người sẽ giống như thánh thần hay sao?

– Ngài nói có phần đúng, thưa ngài phó vương La Mã, nhưng trước hết tôi muốn tách bạch lời đồn đại khỏi chân lý đã. Lời đồn đại về chân lý là một tai họa ghê gớm. Lời đồn đại chẳng khác gì đất bùn ở sông, nó dần dần biến con sông sâu thành vũng nước nông. Trong cuộc sống cũng luôn luôn như vậy. Bất kỳ một tư tưởng vĩ đại nào nảy sinh ra vì hạnh phúc của con người và đạt tới được qua biết bao giác ngộ và đau khổ bao giờ cũng bị lời đồn đại truyền từ miệng người này sang miệng người khác xuyên tạc đi, bóp méo đi thành điều ác cho cả bản thân lẫn chân lý. Đây chính là điều tôi muốn nói đến, thưa ngài phó vương, điều tôi muốn nói đến là: những câu chuyện hoang đường mà ngài tin ấy toàn là lời đồn đại, còn chân lý thì ở chỗ khác.

– Người có muốn nói rõ chân lý ấy không?

– Tôi sẽ cố xem sao. Tôi sẽ không lẫn tránh cuộc trò chuyện này. Hơn nữa, đây là lần cuối cùng tôi nói về vấn đề ấy. Thưa ngài phó vương La Mã, ngài phải biết rằng công việc của Chúa không phải là ở chỗ một lúc nào đó, đột ngột như sấm nổ giữa bầu trời quang đãng, sẽ chợt đến ngay. Đấng Con của Người sẽ phục sinh và xuống trần để lập toà án phán xét mọi dân tộc, mà mọi chuyện sẽ ngược lại, nhưng mục đích vẫn như cũ. Không phải là tôi, kẻ chỉ còn được sống trên quãng đường đi qua thành phố đến núi Sọ, sẽ sống lại và sẽ đến. Mà là những con người như ngài sẽ đến sống trong lòng

Đức Kitô, trong tấm lòng sùng đạo cao quý, những con người như ngài sẽ đến với tôi trong cái thế hệ tương lai khắc hẳn bây giờ. Và đó sẽ là sự hạ giới lần thứ hai của tôi.

Nói cách khác, tôi sẽ trở lại trong mọi người, sẽ trở lại với bản thân mình qua những nỗi đau khổ của tôi, tôi sẽ trở lại trong mọi người để đến với mọi người. Điều tôi muốn nói là như vậy, tôi sẽ là tương lai của các người mặc dù tôi đã ở lại phía sau hàng ngàn năm. Công nghiệp của Đấng Tối Cao chính là ở đó, chính là để bằng cách đó đưa con người bước lên ngai vàng của thiên chức con người – thiên chức hướng tới điều thiện và vẻ đẹp. Ý nghĩa những lời thuyết giảng của tôi là ở đó, chân lý là ở đó chứ không phải là ở những lời đồn đại lan tràn khắp nơi và những câu chuyện hoang đường đủ mọi loại làm tầm thường đi những ý tưởng cao quý. Con đường đó sẽ là con đường chông gai hơn hết đối với loài người và sẽ lâu vô cùng.

Do đó, thưa ngài phó vương La Mã, ngài e ngại một cách chính đáng. Con đường đó sẽ bắt đầu từ cái ngày bất hạnh, từ ngày giết hại Đấng Con Chúa, và các thế hệ mai sau sẽ mãi mãi ăn năn hối hận, sẽ mãi mãi run rẩy khiếp sợ trước cái giá mà hôm nay tôi sẽ trả để chuộc lại tội lỗi của người, để làm họ giác ngộ và thức tỉnh những cội nguồn thiêng liêng trong tâm hồn họ. Tôi sinh ra chính là để làm việc đó, để nêu tấm gương mãi mãi sáng láng cho mọi người, để mọi người hy vọng vào tên tuổi của tôi, đến với tôi qua đau khổ, qua đấu tranh hàng ngày với cái ác trong bản thân họ, qua nỗi ghê tởm đối với tật xấu, với bạo lực và sự tham tàn khát máu, những yếu tố đang huỷ hoại ghê gớm những tâm hồn chưa tràn ngập lòng yêu thương Chúa và có lẽ, chưa yêu thương đồng loại, chưa yêu thương mọi người nữa!

– Khoan đã, Giêsu, người đồng nhất Chúa với con người hay sao!

– Theo một ý nghĩa nào đó thì đúng là như thế đấy. Hơn nữa, tất cả mọi người gộp lại chính là hình ảnh của Chúa Trời trên trái đất. Ngay cả tên gọi cũng là của Chúa – Chúa Tương Lai, Chúa vô cùng, sự đó đã được ban tặng

cho thế giới từ ngày tạo thế. Chắc hẳn ngài phó vương La Mã đã nhiều lần bắt gặp mình nghĩ rằng những ước vọng của ngài bao giờ cũng hướng tới ngày mai. Hôm nay ngài tiếp nhận cuộc sống như nó hiện có, nhưng nhất định ngài thế nào cũng muốn ngày mai sẽ khác đi, và cho dù hôm nay đối với ngài tốt đẹp chẳng nữa thì ngài vẫn muốn ngày mai sẽ còn tốt đẹp hơn. Chính vì vậy mà chúng ta bao giờ cũng hy vọng, những niềm hy vọng trong chúng ta không bao giờ tắt hết như ánh sáng của Chúa. Chúa Tương Lai cũng chính là tinh thần vô tận và nói chung, tinh thần đó chứa đựng toàn bộ thực chất, toàn bộ hành động và khát vọng của con người. Do đó đấng Chúa Tương Lai ấy sẽ như thế nào – tốt đẹp hay xấu xa, thiện hay ác – điều đó tùy thuộc vào chính bản thân con người. Nên nghĩ như vậy và cần nghĩ như vậy, chính Đấng Tạo Thế cũng muốn những tạo vật biết suy nghĩ phải biết suy nghĩ như vậy, do đó cứ để cho bản thân con người quan tâm đến ngày mai trên trái đất vì mỗi người đều là một phần nhỏ của Đức Chúa Tương Lai. Con người tự phán xét và tự sáng tạo mỗi ngày của chúng ta...

– Gươm đã, thế Ngày phán xử cuối cùng mà người tuyên bố ghê gớm như vậy nghĩa là thế nào?

– Ngày phán xử cuối cùng ư... Thế ngài không nghĩ rằng cái toà án khủng khiếp ấy đang phán xét chúng ta từ lâu rồi sao?

– Phải chăng người muốn nói rằng toàn bộ cuộc sống chúng ta là Ngày phán xử cuối cùng?

– Ngài không xa chân lý lắm đâu, thưa ngài tổng đốc. Đi theo con đường đã bắt đầu trong đau khổ và dẫn vật kể từ khi Adam bị nguyên rủa rồi trải qua biết bao tội ác mà suốt nhiều thế kỷ do một số người gây ra cho một số người khác, khiến cái ác đẻ ra cái ác và giả dối đẻ ra giả dối – chắc chắn việc đó cũng có ý nghĩa ít nhiều đối với những kẻ đã và đang sống trên đời này. Kể từ khi tổ tông của loài người bị đuổi ra khỏi Êđê, cái ác đã tràn lan như một vực thẳm không đáy, và còn có loại chiến tranh gì, còn có loại bạo

tàn, giết người, áp bức, bất công, nhục mạ gì mà con người không biết đến! Tất cả những tội ác khủng khiếp trên trần thế chống lại cái thiện, chống lại thiên tính và được thực hiện từ ngày tạo thế ấy, – phải chăng đó không phải là sự trừng phạt còn có phần thật sự hơn Ngày phán xử cuối cùng? Mục đích khởi thủy của lịch sử là ở đâu – phải chăng là ở chỗ làm những con người có lý trí tiến gần đến những đỉnh cao thiêng liêng của tình yêu và lòng trắc ẩn? Nhưng biết bao thử thách ghê gớm đã xảy ra trong lịch sử loài người và phía trước vẫn không biết bao giờ mới chấm dứt những tội ác đang cuộn cuộn như sóng đại dương. Cuộc sống trong địa ngục như vậy liệu có tồi tệ hơn Ngày phán xử cuối cùng hay không?

– Và người, Giêsu xứ Naxarét, người định chặn dừng lịch sử lại trong cái ác chẳng?

– Chặn dừng lịch sử ư? Không một ai chặn dừng lịch sử được cả, nhưng tôi muốn tiêu diệt cái ác trong hành động và đầu óc loài người – đó chính là nỗi buồn của tôi.

– Khi ấy sẽ không còn lịch sử nữa.

– Không còn lịch sử nào mới được chứ? Không còn cái lịch sử mà ngài phó vương La Mã chăm lo ấy ư? Thật đáng tiếc là không thể xoá bỏ lịch sử ấy ra khỏi ký ức được, nhưng nếu không có nó thì chúng ta đã gần Chúa Trời hơn rất nhiều rồi. Tôi hiểu ngài, ngài phó vương ạ. Nhưng lịch sử chân chính, lịch sử hưng thịnh của lòng nhân đạo vẫn còn chưa bắt đầu trên trái đất.

– Khoan đã, Giêsu xứ Naxarét, hãy tạm gác ta sang một bên đã. Nhưng người định bằng cách nào đưa con người và các dân tộc đến mục đích như thế?

– Bằng cách tuyên bố thành lập Vương Quốc Chính Nghĩa, không có chính quyền của các hoàng đế. Như thế đấy!

– Và chỉ cần như vậy thôi ư?

– Vâng, nếu ai cũng muốn như vậy...

– Lý thú đấy, Giêsu ạ. Ta đã chăm chú lắng nghe người. Người có tầm nhìn xa đấy, nhưng liệu người có tự thị quá không, liệu người có quá kì vọng vào niềm tin của con người mà quên mất bản chất thấp hèn của đám dân đen không? Người sẽ rất mau chóng thấy rõ điều đó ở bên ngoài thành phố, nhưng người không thể quay ngược lịch sử được, không một ai có thể quay ngược dòng sông này được.

Nhưng ta chỉ ngạc nhiên một điều thôi, người nhằm mục đích gì khi đốt bùng lên đám cháy mà trước hết người sẽ cháy rụi trong đó? Không có hoàng đế thì thế giới không thể sống nổi, thì không có thể có sự hùng mạnh của một số người khác. Người chỉ hoài công thôi nếu muốn áp đặt một trật tự khác do người nghĩ ra, một trật tự mà người coi là lịch sử mới. Các hoàng đế có thánh thần riêng của mình, các vị ấy không kính trọng Đấng Chúa Tương Lai trừu tượng của người đầu, trong tất cả những thứ “ngày mai” vô cùng vô tận ấy, Chúa Tương Lai của người không hề có giới hạn rõ rệt và thuộc về mọi người, trên cơ sở bình đẳng hết như không khí vậy. Các vị ấy không kính trọng một thứ Chúa như thế bởi vì tất cả những gì có thể ban phát một cách bình đẳng đều không có ý nghĩa gì hết, đều ít giá trị vì rộng tuếch. Chính bởi vậy mà các hoàng đế mới được ban cho quyền dùng tên tuổi của mình để thống trị tất cả mọi người. Mà trong số các bậc hoàng đế đang trị vì trên thế giới thì hoàng đế Tibêri quang vinh được thánh thần biệt đãi nhất – đế quốc La Mã hùng cường của người trải rộng đến một nửa thế giới. Chính là dưới sự dẫn dắt của hoàng đế Tibêri mà ta cai trị vùng đất Giuđê này, ta thấy ý nghĩa cuộc đời ta là sứ mệnh ấy và lương tâm ta thanh thản. Không có gì vinh dự hơn là phục vụ triều đình La Mã bách chiến bách thắng!

– Ngài không phải ngoại lệ, ngài phó vương La Mã ạ, gần như bất kỳ ai

cũng khao khát được thống trị đồng loại, dù chỉ một đồng loại thôi. Tai họa chính là ở chỗ đó. Chắc chắn ngài sẽ bảo rằng thế giới được an bài như vậy. Tật xấu thì bao giờ cũng dễ biện minh cho nó. Nhưng ít ai suy nghĩ rằng đó là sự nguyên rủa giống người. Ít ai suy nghĩ rằng thói hám quyền hành mà tất thấy đều mắc phải – từ viên cai quản đám quét rác ở chợ cho đến các bậc hoàng đế ghê gớm – mới là cái ác khủng khiếp nhất, vì cái ác đó, rồi sẽ đến lúc nhân loại phải trả giá sòng phẳng. Các dân tộc sẽ mai một đi trong cuộc đấu tranh giành quyền thống trị, trong cuộc đấu tranh chiếm đất đai, họ sẽ huỷ diệt nhau đến tận gốc rễ.

Pôngtô Pilát nóng nảy vung tay lên ngắt lời Giê-su:

– Dừng lại đã, ta không phải học trò của người, ta không thể cứ cúi đầu nghe người nói như đám học trò của người được. Dừng lại đã! Bằng lời lẽ thì có thể phá huỷ bất kỳ thứ gì cũng được. Nhưng Giê-su ạ, dù người có tiên đoán thế nào chẳng nữa thì những nỗ lực của người đều vô ích. Thế giới là các chính quyền điều khiển thì không thể khác được. Trước kia nó sắp đặt ra sao thì sau này vẫn sẽ như thế: kẻ nào mạnh hơn thì nắm quyền hành và những kẻ mạnh sẽ còn tiếp tục thống trị thế giới. Trật tự đó là bất biến như sao trên trời vậy. Không một ai có thể di chuyển chúng đi chỗ khác.

Người lo lắng cho loài người chỉ hoài công thôi, người chẳng thu được kết quả gì đâu khi sẵn sàng cứu vớt loài người bằng tính mạng của mình. Cả những bài thuyết giảng trong đền đài lẫn những lời vọng từ trên trời xuống cũng sẽ chẳng dạy được gì cho con người đâu! Họ sẽ luôn luôn đi theo các vua chúa như bầy súc vật đi theo người chăn. Do sùng bái sức mạnh và của cải, họ sẽ kính trọng kẻ nào tàn nhẫn hơn hết và hùng mạnh hơn hết. Họ sẽ ca ngợi các tướng lĩnh và những trận đánh của các bậc tướng lĩnh ấy, nơi máu chảy thành sông để một số người này thống trị còn một số khác thì bị chinh phục và nhục mạ. Đó chính là tinh thần dửng dưng ca ngợi và truyền tụng đi từ thế hệ này đến thế hệ khác, và để chào mừng cái đó thì cờ

sẽ dựng cao lên, kèn đồng sẽ thổi vang, máu sẽ sôi sùng sục trong huyết quản và lời thề không nhường một tấc đất cho ngoại bang sẽ được phát thệ. Nhân danh nhân dân, người ta sẽ đưa các hành động quân sự lên hàng những hành động cần thiết, người ta sẽ giáo dục lòng căm thù đối với kẻ thù của đất nước. Cầu Chúa cho vua nước mình được hưng thịnh, còn vua nước khác thì phải tiêu diệt, phải bắt quỳ gối, phải bắt làm nô lệ cùng với dân chúng nước đó, đất đai thì phải chiếm đoạt lấy, – từ thời xa xưa, đó chính là toàn bộ khoái lạc của cuộc sống, là toàn bộ ý nghĩa của sự tồn tại.

Vậy mà người, Giêsu xứ Naxarét, người lại muốn lên án, nguyên rủa tất cả những cái đó, người lại ca ngợi những kẻ nghèo đói và bất lực, người lại muốn đâu đâu cũng hạnh phúc mà quên rằng con người là thú dữ, con người không thể thiếu chiến tranh được chẳng khác gì máu thịt của chúng ta không thể thiếu muối được. Có lẽ đó là sai lầm của người, dù là sai lầm vào giờ phút này, ngay trước khi người bị áp giải lên núi Sọ. Trước lúc chia tay với người, ta có cho người rõ: người thấy gốc rễ của cái ác trong thói háms quyền ghê gớm của con người, trong việc chinh phục các vùng đất và các dân tộc bằng sức mạnh, nhưng quan niệm đó chỉ làm tội người thêm nặng bởi vì ai chống lại sức mạnh cũng là chống lại kẻ mạnh. Người đã ám chỉ đến đế quốc La Mã của chúng ta bằng cách tuyên bố về vương quốc Chính Nghĩa, người muốn cản trở sự hùng mạnh ngày càng tăng của La Mã, muốn chống lại sự thống trị của La Mã đối với khắp thế giới, – chỉ riêng về ý định đó thôi người đã đáng bị tử hình ba lần rồi!

– Thưa ngài tổng đốc nhân hậu, việc gì phải hào phóng đến thế. Theo tôi thì chỉ một lần cũng đủ lắm rồi. Nhưng dù sao thì ta hãy tiếp tục câu chuyện, mặc dù tôi hiểu rằng lúc này bọn đao phủ đang khốn khổ dưới ánh nắng chói chang vì phải chờ tôi trên núi Sọ. Vậy thì ta hãy tiếp tục câu chuyện, nhưng giờ đây là theo nguyện vọng cuối cùng, nguyện vọng trước khi chết của tôi. Thưa ngài phó vương La Mã, vậy là ngài tin rằng sức mạnh chính là những thứ mà ngài coi là sức mạnh. Nhưng có sức mạnh loại khác

đó là sức mạnh của lòng tốt, và hiểu được loại sức mạnh này có lẽ còn khó hơn và phức tạp hơn. Lòng tốt cũng cần dũng cảm không kém gì chiến tranh. Xin ngài hãy lắng nghe tôi, thưa ngài phó vương, ai ngờ ngài lại là người cuối cùng mà tôi có thể trò chuyện trước khi lên núi Sọ. Tôi mong muốn được tâm sự với ngài, nhưng ngài chớ nghĩ rằng tôi sẽ cầu xin ngài khoan hồng cho tôi...

– Chuyện đó bây giờ nghe thật buồn cười.

– Chính vì thế tôi xin nói trước để ngài phó vương La Mã chớ lo ngại về việc này. Giờ đây chỉ riêng ngài là sẽ biết đến tâm sự của tôi. Đêm qua, tâm hồn tôi giằng xé mãi, lúc đầu tôi tưởng rằng tâm hồn tôi giằng xé một cách vô cớ. Không, ở Hépxima không ngọt ngào đâu, trên các khu đầu ngoai ô vẫn có gió nhẹ thổi. Vậy mà tôi đứng ngồi không yên, mệt mỏi, lo sợ và buồn bã làm tôi nhức nhối, nhưng âm thanh nặng nề như từ trái tim tôi vang lên trời. Đám môn đồ của tôi định không ngủ để thức với tôi, nhưng tôi vẫn không thấy thanh thản. Tôi biết rằng giờ tiền định đang đến và cái chết là không thể tránh khỏi. Nỗi kinh hoàng xâm chiếm lấy tôi... Vì cái chết của mỗi người đều là sự tận thế đối với người đó.

– Tại sao lại như vậy được, – Pônti Pilát nhìn kẻ bị cáo, không giấu nổi vẻ vui sướng độc địa, – thế còn cuộc sống bên kia thì sao hả Giêsu? Người đã chẳng khẳng định rằng cuộc sống không kết thúc với cái chết đấy ư?

– Ngài lại xét đoán theo lời đồn đại rồi! Trong thế giới bên kia, linh hồn lặng lẽ bay lượn như bóng dưới nước, – cái ánh phản chiếu của tư tưởng không thể nắm bắt nổi này trượt đi trong khoảng không gian mênh mông vô tận, nhưng xác thịt không thể đến đó được. Đó là môi trường hoàn toàn khác của một sự tồn tại khác, một sự tồn tại không thể nhận thức nổi. Dòng thời gian ở đó cũng khác, không thể đo bằng cách đo trần thế được. Nhưng lúc này tôi đang nói tới cuộc sống có thể đo được, cuộc sống trên trái đất. Đêm qua tôi dẫn vật vì một mối tiên cảm lạ lùng là sẽ bị lãng quên hoàn

toàn trên đời, tôi đi lang thang khắp Hépximania như một bóng ma mà không thấy yên tĩnh trong lòng, dường như trong khắp vũ trụ bao la chỉ còn lại tôi là tạo vật duy nhất trong những tạo vật biết suy nghĩ, dường như tôi đang bay trên mặt đất và suốt đêm ngày không nhìn thấy một con người sống nào – tất cả đều đã chết, tất cả đều phủ một lớp tro đen của những đám cháy đã tắt, trên mặt đất đâu đâu cũng ngổn ngang những đồng hoang tàn – không có rừng, không có ruộng cày, không có tàu bè ngoài biển, chỉ có một tiếng âm vang lạ lùng, vô tận, khe khẽ vọng đến từ xa như tiếng rên rỉ buồn bã lan đi trong gió, như tiếng than khóc của sắt thép từ trong lòng đất, như tiếng chuông đưa tang.

Còn tôi, tôi bay như một sợi lông tơ đơn độc trên vòm trời, mệt mỏi vì sợ hãi và vì linh cảm gở, tôi thầm nghĩ – ngày tận thế là như vậy đó, và một nỗi buồn không thể chịu nổi vò xé tâm hồn tôi: vậy thì con người đâu cả rồi? Tôi biết nương thân ở đâu bây giờ đây? Tôi thầm than vãn trong thâm tâm tôi: lạy Chúa, cái kết cục tiền định mà mọi thế hệ đã chờ đợi là đây, Ngày Tận Thế là đây, ngày hoàn tất lịch sử của các tạo vật có lý trí là đây – tại sao lại xảy ra như vậy? Làm sao có thể chết như vậy, có thể biến mất tận gốc như vậy bằng cách huỷ diệt hậu thế trong bản thân mình.

Và tôi kinh hoàng trước một câu giải đáp khủng khiếp: đó là sự trừng phạt về việc người yêu mến con người và đã hy sinh thân mình cho con người. Chẳng lẽ trên thế giới con người hung dữ đã tự giết hại mình trong cơn hung bạo của mình như con bọ cạp tự giết hại mình bằng chất độc của chính nó hay sao? Chẳng lẽ sự kết thúc man rợ này là kết quả của sự xung khắc giữa con người với con người, của sự không thể dung hợp giữa những biên giới các đế quốc, của sự trái ngược giữa các tư tưởng, giữa các niềm kiêu hãnh và các thói hám quyền, của sự đố kỵ giữa các vua chúa vĩ đại đã hưởng thụ thoải thích quyền thống trị độc tôn và giữa các dân tộc ngoan ngoãn đi theo họ một cách mù quáng, ca ngợi họ một cách giả dối, được vũ trang từ đầu đến chân và kiêu hãnh vì những thắng lợi trong vô số các trận

đánh tàn khốc?

Sự hiện diện của con người trên trái đất đã kết thúc như vậy đó, họ đã đem theo món quà tặng thiêng liêng là ý thức vào chốn hư vô. Ôi, lạy Chúa, tôi than vãn, vậy thì để làm gì mà Người ban trí tuệ, tiếng nói và đôi tay tự do sáng tạo cho những kẻ tự giết hại mình trong bản thân mình và biến trái đất thành nấm mồ chôn nổi nhục chung? Tôi đã than khóc như vậy và rên rỉ một mình giữa thế giới vắng lặng, tôi đã nguyện rửa số phận của mình và nói với Chúa: những việc mà bàn tay Người không nỡ giơ lên làm thì chính con người đã thực hiện một cách tội lỗi... Vậy thưa ngài phó vương La Mã, ngài hãy biết rằng ngày tận thế sẽ đến không phải do tôi, không phải do các thiên tai mà là do sự thù địch giữa con người với nhau. Ngày tận thế sẽ đến là do sự thù địch đó và do những thắng lợi mà ngài đang hết lời ca ngợi trong tâm trạng hân hoan nồng nhiệt...

Giêsu lấy lại hơi thở rồi nói tiếp:

– Đó là giấc mộng đêm qua của tôi, tôi suy nghĩ mãi đến giấc mộng đó, tôi không ngủ được, tôi thức trắng đêm để cầu nguyện và khi đã bình tĩnh lại, tôi định kể cho các môn đồ của tôi biết về quang cảnh mà Đức Chúa Cha đã báo cho tôi này. Nhưng đúng lúc đó thì một đám đông xông đến Hépxima và trong số đó có Giuđa. Giuđa mau mắn ôm lấy tôi và đưa đôi môi lạnh ngắt hôn tôi. “Hãy vui lên đi, Rápvi”,- y nói với tôi như vậy, nhưng trước đó y đã bảo đám đông kia: “tôi hôn người nào thì người đó chính là hăn đấy, hãy bắt lấy hăn”. Thế là họ bắt được tôi. Và bây giờ, ngài phó vương La Mã thấy đấy, tôi đang đứng trước mặt ngài. Tôi biết tôi sắp phải lên núi Sọ rồi. Nhưng ngài hãy tỏ ra khoan dung với tôi, tôi hài lòng vì trước khi chết đã có dịp kể lại những gì mà tôi đã trải qua vào ngày hôm qua ở Hépxima.

– Vậy người tin rằng khi nghe người nói, ta tin hết cả ư?

– Tin hay không tin – đấy là việc của ngài. Chắc chắn ngài không tin tôi

bởi vì tôi với ngài chẳng khác gì hai hiện tượng khác nhau. Mặc dù vậy ngài cũng đã nghe tôi nói. Ngài không thể tự nhủ rằng ngài không nghe thấy gì hết và ngài không thể tự cấm ngài suy nghĩ về việc đó. Còn tôi, tôi có thể tự nhủ rằng mình đã không đem xuống mồ những gì đã lộ ra cho tôi thấy ở Hépximania. Giờ đây lương tâm tôi thanh thản.

– Giêsu, người có tiện thể làm nghề tiên tri ở các chợ không đấy?

– Thưa ngài, không. Nhưng tại sao ngài lại hỏi tôi như vậy?

– Ta không hiểu là người đóng kịch hay quả thật người không biết sợ và không e ngại cuộc hành trình hết sức đau đớn kia. Chẳng lẽ khi người không còn nữa, người vẫn coi trọng đến thế những gì người đã kịp nói và những gì người không kịp nói, ai đã nghe người nói và ai không kịp nghe người nói hay sao? Ai cần đến tất cả những chuyện ấy? Liệu đấy có phải là hư ảo, là vô nghĩa không?

– Ngài chớ nói như vậy, đấy đâu phải là hư ảo? Những ý nghĩ trước khi chết để bay thẳng lên Chúa. Chúa rất cần biết con người nghĩ gì trước khi chết và qua đó Chúa xét đoán về loài người mà khi xưa Chúa đã tạo ra như một tạo vật cao quý nhất trong tất cả các sinh vật. Bởi vì những ý nghĩ cuối cùng bao giờ cũng trong sạch và hết sức chân thành, chỉ chứa đựng sự thật chứ không hề chứa đựng sự mưu mẹo, giả dối. Xin ngài tha lỗi cho, nhưng ngài thật vô cơ nghĩ rằng tôi đóng kịch. Hồi nhỏ tôi có chơi trò, nhưng sau đó thì không bao giờ nữa.

Còn về việc tôi có sợ những đau đớn không thì chẳng việc gì phải giấu diếm cả, tôi đã nói với ngài về việc này rồi. Tôi sợ, tôi rất sợ là khác! Tôi đang cầu xin Đấng Chúa Cha nhân từ của tôi ban cho tôi sức mạnh để chịu đựng một cách xứng đáng số phận đã dành sẵn cho tôi, đừng bắt tôi hạ mình đến nước phải gàoร้อง lên như súc vật, hoặc bắt tôi phải ô nhục bằng một cách nào đó... Vậy là tôi đã sẵn sàng rồi, thưa ngài phó vương La Mã, không nên giữ tôi lại lâu hơn nữa, không nên thế. Tôi đã đến lúc phải ra đi

rồi...

– Đúng thế, đã đến lúc người phải đến núi Sọ rồi. Vậy người bao nhiêu tuổi, Giêsu xứ Naxarét?

– Thưa ngài, tôi ba mươi ba tuổi.

– Người trẻ thật! Trẻ hơn ta đến hai chục tuổi, – Pônti Pilát lắc đầu và nhận xét với vẻ ghen tị. Ông ta suy nghĩ một lát rồi nói tiếp: – theo chỗ ta được biết thì người chưa có vợ, chẵn hẵn người cũng chưa có con, người không để lại đứa trẻ nào phải mồ côi hết, ta sẽ ghi lại như vậy, – ông ta ngừng lời, định nói thêm một điều gì nữa nhưng lại đổi ý và im lặng. Thật may mắn vì ông ta im lặng. Suýt nữa ông ta làm một việc xấu hổ. Ông ta định hỏi: – Thế người đã biết phụ nữ chưa? Nhưng chính ông ta cảm thấy lúng túng: sao lại tò mò như đàn bà thế, làm sao một người đàn ông đáng kính lại hỏi về những việc như vậy?

Nhìn Giêsu vào lúc ấy và qua ánh mắt của Giêsu, ông ta hiểu rằng Giêsu đã đoán ra được câu ông ta muốn hỏi và chắc hẳn là Giêsu sẽ không trả lời một câu hỏi như vậy. Cặp mắt trong xanh của Giêsu tối thăm lại, anh đã khoá chặt cánh cửa tâm hồn mình. “Trông bề ngoài thì thật hiền lành, vậy mà sức mạnh nội tâm của con người kia lại thật ghê gớm!” – Pônti Pilát thầm ngạc nhiên và đưa chân tìm chiếc dép đã tuột.

– Thôi được, – ông ta chuyển câu hỏi theo hướng khác, dường như muốn thay cho câu chuyện không thành về vấn đề phụ nữ, – nghe đồn người dường như là con rơi thì phải, có đúng thế không?

Giêsu mỉm cười cởi mở và đôn hậu, để lộ hàm răng đều đặn trắng bóng.

– Cũng đại loại như vậy.

– Người hãy nói chính xác xem sao, có đúng thế hay không?

– Thưa ngài tổng đốc phúc hậu. Đúng, đúng thế đấy, – Giêsu xác nhận,

ông cảm thấy Pônti Pilát bắt đầu giận dữ vì câu hỏi này không hợp lắm với một viên tổng đốc, – tôi bị Đức Chúa Cha của tôi “bỏ rơi” qua Đức Thánh Linh.

– Thật may là người sẽ không làm rối loạn đầu óc một ai nữa! – Pônti Pilát rít răng nói với vẻ mặt mỗi, – Nhưng mẹ đẻ của người là ai?

– Mẹ tôi tên là Maria, hiện đang sống ở Galilê. Tôi cảm thấy là hôm nay Mẹ tôi sẽ đến kịp. Mẹ tôi đi đường suốt đêm. Tôi biết rõ như vậy.

– Ta nghĩ rằng mẹ người sẽ chẳng vui sướng gì trước cái chết của con trai. – Pônti Pilát rầu rĩ nói để chuẩn bị kết thúc câu chuyện kéo dài với con người kỳ quặc xứ Naxarét kia.

Ông ta đứng thẳng người lên dưới những vòm mái của góc sân Vòm Uốn, to lớn, đầu to, mặt lớn, ánh mắt cương nghị, trông uy nghi trong chiếc áo choàng trắng như tuyết.

Có lẽ ta hãy xác định cho rõ thêm thông lệ, – ông ta quyết định và bắt đầu kể từng điểm một: – Bố, tên ông ta là gì ấy nhỉ? – Iôxip. Mẹ là Maria. Sinh quán ở Naxarét. Ba mươi ba tuổi. Chưa vợ. Không để lại con cái. Xúi giục dân chúng nổi loạn. Đe dọa phá huỷ đền thờ lớn ở Giêrudalem và trong ba ngày sẽ dựng được ngôi đền mới. Mạo nhận là tiên tri, là vua của Giuđê. Đây là tóm tắt toàn bộ lịch sử của người.

– Tôi không cần nói đến lịch sử của tôi làm gì, nhưng Pônti Pilát, đây là điều tôi nói với ngài: ngài nhất định sẽ còn lại trong lịch sử, – Giêsu khẽ nói và nghiêm nghị nhìn thẳng vào mặt viên tổng đốc, – sẽ còn lại mãi mãi.

– Không đâu! – Pônti Pilát ngạo mạn khoát tay. Dù sao câu nói đó cũng phỉnh nịnh ông ta, nhưng đột nhiên ông ta đổi giọng và trang trọng nói: – Trong lịch sử sẽ còn lại hoàng đế Tibêri quang vinh. Tên tuổi Người sẽ vinh quang mãi mãi. Còn chúng ta chỉ là những phụ tá trung thành của Người mà thôi.

– Pônti Pilát, dù sao ngài nhất định cũng sẽ còn lại trong lịch sử, – con người sắp lên núi Sọ ở ngoại ô Giêrudalem khăng khăng nhắc lại.


Còn con chim không hiểu là điều hâu hay đại bàng kia, con chim lượn tròn suốt từ sáng trên bầu trời của lâu đài Irốt như chờ đợi một người nào đó kia, rút cuộc nó rời bỏ chỗ cũ và chậm chạp bay đi. Phía nó bay đi chính là nơi có một đội kỵ binh đông đảo đang áp tải một người bị trói chặt như một tên tội phạm nguy hiểm, đây là con người đã cùng Pônti Pilát, viên toàn quyền khắp cõi Giuđê, chuyện trò lâu như vậy.

Viên tổng đốc đứng mãi trên gác sân Vòm Uốn, ông ta ngạc nhiên và kinh hoàng dõi nhìn con chim lạ lùng đang bay theo kẻ bị dẫn lên núi Sọ.

– Thế là thế nào nhỉ? – ông ta băn khoăn và lo lắng thầm hỏi...

II.2

Apđi thoát chết. “Tính đồng thời lịch sử” – Lời nguyện lạ kỳ của một vị nữ tu – Gặp lại toán đi lòng anasa

rận mưa mùa hạ giữa thảo nguyên đã chuẩn bị từ lâu lắm rồi, ngay từ chiều nó đã tối dần và hình thành dần ở chân trời qua các ánh chớp loè câm lạng và những đám mây đen liên tục di chuyển, nhưng mãi đến đêm khuya nó mới đổ xuống. Những giọt mưa nặng quất xối xả vào mặt đất khô khốc rồi chảy ào ào thành những dòng nước lớn làm mặt Apđi ướt đẫm và khiến anh tỉnh lại. Những giọt mưa ấy là món quà tặng đầu tiên của cuộc sống.

Apđi vẫn nằm trong chiếc hố cạnh nền đường sắt, nơi anh lăn vào từ triền dốc sau khi bị quăng xuống tàu. Ý nghĩ đầu tiên của anh là: “Mình ở đâu ấy nhỉ? Hình như mưa thì phải?”. Anh rên rỉ, muốn di chuyển, nhưng cơn đau dữ dội ở sườn và chiếc đầu nặng trĩch như chì lại làm anh mê man đi, song một lúc sau anh vẫn hồi tỉnh được. Trận mưa cứu mệnh đã đưa anh trở lại cuộc sống. Mưa đổ như trút, nước từ sườn dốc chảy xuống đọng lại ở đáy hồ, trào tới chỗ Apđi, nó sủi ngầu bọt, dâng cao dần đến cổ, buộc Apđi phải gắng hết sức tìm cách hành động để bò ra khỏi nơi nguy hiểm này. Vào những phút đầu tiên, khi thân thể dần sức lên và quen dần với chuyển động, anh cảm thấy đặc biệt đau đớn. Anh khó tin được rằng anh còn sống nổi. Anh đã bị đánh đập tàn nhẫn trên toa tàu, đã bị hất xuống đất với một tốc độ

khủng khiếp, nhưng tất cả những cái đó chỉ là chuyện vặt so với việc anh vẫn sống, vẫn có thể di chuyển được, dù là bò chằng nữa. Anh vẫn nghe thấy, nhìn thấy và anh sung sướng với trận mưa cứu mệnh này, trận mưa đang đổ xối xả như trút nước, rửa sạch thân thể đau nhức của anh, làm mát rượi chân tay anh và cái đầu ong ong nóng rục của anh. Anh sẽ bò khi còn đủ sức, vì chẳng mấy chốc trời sẽ rạng, sẽ đến buổi sáng và cuộc sống sẽ lại bắt đầu... Khi ấy anh sẽ nghĩ ra cách phải làm gì, miễn là gượng đứng dậy được...

Trong lúc đó, xuyên màn mưa và đêm tối, mấy đoàn tàu đêm nối tiếp nhau âm âm chạy qua... Anh cũng sung sướng được thấy chúng, tất cả những gì gắn với cuộc sống đều khiến anh sung sướng hơn bao giờ hết...

Apđi không muốn tránh mưa dù anh có thể tránh chằng nữa, anh hiểu rằng trận mưa làm tăng sức này cần thiết cho anh. Miễn sao chân tay anh lành lặn, còn những vết xây xát, giập thương, và ngay cả cơn đau nhức nhối ở sườn phải nữa, anh đều sẵn sàng chịu đựng không một lời than thở... Rút cuộc anh đã bò được ra khỏi hố, đã leo lên được chỗ an toàn là một mô gò nhỏ, và giờ đây anh nằm dưới trời mưa, chuẩn bị tinh thần để sống tiếp...

Anh đã lại xuất hiện như vậy từ cõi hư vô, và sau khi xuất hiện, anh phục hồi dần dần tất cả những gì tạo thành thực chất cuộc đời anh. Anh ngạc nhiên thấy những ý nghĩ súc tích và trong sáng một cách lạ lùng nảy nở trong đầu anh...

Và anh nói với Đấng bị đưa từ chỗ Pônti Pilát lên núi Sọ: “Thưa Thầy, con đây! Con phải làm gì để cứu được Thầy? Lạy Chúa, con phải làm gì đây? Con phải làm gì đây cứu được Thầy? Giờ đây, khi con lại sống lại, con lo sợ cho Thầy biết bao!” ...

Tính đồng thời lịch sử, khi con người có khả năng sống tưởng tượng cùng một lúc trong một vài thể hiện tạm thời mà đôi khi bị ngăn cách bởi hàng trăm và hàng ngàn năm, tính chất đó đặc trưng ở mức độ này hay

khác cho bất kỳ người nào không bị mất khả năng tưởng tượng. Nhưng người nào coi những biến cố đã qua gần gũi như hiện thực trước mắt, người nào cảm nhận sự việc quá khứ như sự việc máu thịt của mình, như số phận của mình, thì người đó là kẻ tuấn giáo, người đó là một cá nhân bị kịch. Bởi vì, nếu biết trước một câu chuyện nào đó đã kết thúc như thế nào, nó đã kéo theo những hậu quả gì, nếu tiên đoán trước được hết, thì người đó chỉ còn biết đau khổ, không đủ sức ảnh hưởng đến tiến trình các biến cố và hy sinh thân mình cho sự đắc thắng không bao giờ có được của công lý. Nhưng niềm khao khát này, niềm khao khát khẳng định sự thật của những gì đã qua là thiêng liêng, chính đó là con đường nảy sinh các tư tưởng, là con đường dẫn ra sự hoà nhập về tinh thần giữa những thế hệ mới với những thế hệ trước đây và xa hơn nữa. Chính nó là nền tảng của thế giới, và kinh nghiệm sống của loài người cứ thế thường xuyên được tăng thêm, được bồi bổ thêm. Cái thiện và cái ác được truyền đi từ thế hệ này sang thế hệ khác trong sự vô cùng tận của kí ức, trong sự vô cùng tận của thời gian và không gian của thế giới loài người...

Và do đó, người ta nói: những người ngày hôm qua không thể biết được những gì đang diễn ra hôm nay, nhưng những người hôm nay biết được những gì đã diễn ra ngày hôm qua, còn ngày mai thì những người hôm nay sẽ trở thành những người hôm qua...

Và người ta còn nói: những người ngày hôm nay sống trong những gì diễn ra ngày hôm qua, nhưng nếu những người ngày mai quên đi những gì đang diễn ra hôm nay thì thật tai hoạ cho mọi người...

Apđi rất lo lắng, tuyệt vọng khi đã đến hôm trước ngày đầu tiên của lễ Phục Sinh. Và vào buổi tối ngọt ngào đó trước ngày lễ, anh đi khắp mé dưới thành phố, cố tìm cho được ngôi nhà mà hôm trước đã diễn ra cuộc họp bí mật với các môn đồ, nơi Người bẻ bánh mà nói rằng đây là thân thể của Người và rót rượu mà nói rằng đây là máu của Người. Anh cố tìm cho được

Người bởi vì khi đó có thể báo trước về mối nguy hiểm đang đe dọa Người, về sự phản bội của Giuđa Ixcariốt, về sự cần thiết phải khẩn cấp rời bỏ thành phố khủng khiếp này ngay lập tức và mau lên đường càng sớm càng tốt.

Trong khi tìm kiếm ngôi nhà này, anh vừa chạy rồi lên trong ánh hoàng hôn đang tàn dần, giữa những ngõ hẻm quanh co và rắc rối, vừa chăm chú nhìn mặt những người qua lại mà không hiểu để làm gì. Dường như anh có thể gặp người quen ở đây, nhưng trong số những người dân thành phố vào giờ đó đang vội vã về gia đình ăn uống, cũng như trong số những kẻ còn tạt vào các cửa hàng trước khi cửa hàng đóng cửa. Anh không thấy một người nào có thể tin cậy được. Mà nhiều người qua lại cũng chẳng hề biết Giêsu Kitô là ai. Thiếu gì kẻ lang thang trong thành phố này...

Một người hiền lành ngỏ lời mời anh về nhà dự lễ Phục Sinh. Nhưng Apđi cảm ơn và từ chối. Anh hy vọng báo trước được cho Thầy anh. Vì lo lắng, vì ánh sáng trong các ô cửa sổ, vì mùi thơm ngào ngạt từ các bếp nấu ăn toả lan trong không khí, vì hơi nóng hầm hập bốc lên từ những con đường và sân thềm tưới đẫm nước cho mát mẻ, anh cảm thấy đầu đau nhức nhối, anh bắt đầu buồn nôn nữa. Anh liền chạy bỏ ra ngoại thành, đến Hepximania, hy vọng sẽ bắt gặp Thầy anh vẫn còn đang đứng ở trong vườn cầu nguyện và trò chuyện với các môn đồ. Nhưng vô ích! Cả ở đây, vào giờ phút muộn màng ấy, anh không thấy một ai hết. Trong vườn vắng vẻ, dưới cây đa to là nơi Thầy bị đám đông mang vũ khí đến bắt, cũng không có một người nào. Đám môn đồ đã chạy tán loạn mỗi người một ngả đúng như chính Thầy đã đoán trước...

Vầng trăng lơ lửng trôi trên mặt biển phía xa và trên đất liền. Đã quá nửa đêm, sắp đến cái ngày mà hậu quả của nó sẽ kéo dài hàng thế kỷ và sẽ còn gây ảnh hưởng khác nhau đến lịch sử nhân loại. Nhưng ở Hepximania và các khu gò đồi lân cận um tùm vườn cây và vườn nho, vào giờ đó hết sức

tĩnh mịch, chỉ nghe thấy lũ chim đêm hót trong các bụi cây, tiếng ếch nhái đối đáp nhau và tiếng dòng sông Kêdrôn không ngừng rì rầm trôi, lấp lánh dưới ánh trăng, theo những luồng nước lô nhô đá đã có từ lâu đời. Dòng sông này bắt nguồn từ những rặng núi phủ đầy bá hương, chia thành nhiều con suối rồi lại hợp thành một dòng chảy duy nhất. Mọi vật đều ổn định, đều tồn tại như từ thuở xa xưa. Mặt đất đêm đó thật thanh bình, yên tĩnh. Chỉ riêng anh, Apđi là đứng ngồi không yên vì mọi chuyện diễn ra đúng như nó phải diễn ra, và anh không thể dừng lại, không thể ngăn chặn một cái gì hết mặc dù anh biết trước tất cả sẽ kết thúc như thế nào.

Anh đã hoài công khóc lóc và tuyệt vọng kêu cầu Chúa Trời-Tương Lai. Anh không thể cam chịu với những gì xảy ra sau biến cố đó một nghìn chín trăm năm mươi năm. Và trong khi tìm kiếm bản thân, bằng cách đưa mình về cuộc sống quá khứ, ý nghĩ anh quay trở lại chốn cội nguồn mà từ đó sợi dây liên hệ vượt qua mọi biến cố không ngừng của thời gian, kéo dài đến cả số phận của anh. Anh tìm lời giải đáp, lúc thì anh quay ngược lại hàng nghìn năm trước, lúc thì anh trở về với hiện thực hôm nay, dưới trận mưa vùng thảo nguyên đổ xối xả lên đầu và vai anh, lúc thì anh phiêu diêu, lúc lại tỉnh táo cân nhắc lại các sự kiện...

Và trong lúc hứng khởi tốt đẹp, anh tự cho phép mình có thái độ duy ý chí đối với lịch sử. Khái niệm Ngày phán xử cuối cùng đối với hết thảy mọi người, một khái niệm mãi về sau mới hình thành, được anh gán ghép cho những người sống trước đó rất lâu, và anh rất nóng lòng nói cho chính Pônti Pilát biết như vậy bởi vì bóng đen của Pilát, viên phó vương hùng mạnh của đế quốc La Mã, vẫn không biến mất cho đến tận ngày nay, (giờ đây cũng nhiều kẻ có thể trở thành Pilát được chứ!). Và trong khi đi trước các biến cố như vậy, Apđi xuất phát từ quan điểm cho rằng những qui luật khởi thủy của thế giới luôn luôn hoạt động, dù mãi sau này mới bộc lộ ra chẳng nữa. *Ý tưởng Ngày phán xử cuối cùng là như thế – đã từ lâu rồi đầu óc con người lúc nào cũng bị dẫn dắt bởi ý nghĩ về sự trừng phạt sẽ xảy ra trong tương*

lai vì mọi nỗi bất công hoàn thành trên trái đất.

Giêsu được làm mốc tính đếm như mốc số không. Nhưng Giêsu là người thế nào trong sự tự nhận thức bi thảm của tinh thần? Và những cái đó cần để làm gì? Chẳng lẽ chỉ là để chúng ta có lý do vĩnh viễn ăn năn hay sao? Và tại sao từ khi Giêsu bước lên cây thập tự, trí óc con người mãi không được thanh thản? Mà từ ngày ấy, rất nhiều thứ có tham vọng bất tử đã bị lãng quên, đã biến thành tro bụi. Và khi đó, liệu người ta có luôn luôn nhớ rằng đời người hoàn thiện hàng ngày: cái gì hôm nay là mới thì sáng mai đã cũ, cái gì hôm nay tốt đẹp hơn thì ngày mai sẽ mờ nhạt đi trước những cái còn tốt đẹp hơn nữa. Vậy thì tại sao những lời Giêsu nói lại không bị già cỗi đi và không mất đi sức mạnh của mình? Chẳng lẽ tất cả những gì xảy ra từ lúc Giêsu sinh ra cho tới khi bị hành hình trên cây thập tự, và hơn thế nữa, tất cả những gì xuất phát từ Giêsu rồi đi vào các thời đại và các thế hệ, chẳng lẽ tất cả những cái đó lại cần thiết và tất yếu đối với nhân loại đến thế?

Và cuối cùng, đâu là ý nghĩa con đường này trong lịch sử loài người? Họ đã thấu hiểu được gì? Họ đã đi tới điều gì? Và nếu mục đích thiêng liêng là tư tưởng yêu mến con người, tư tưởng nhân đạo, như các trí tuệ uyên bác khẳng định, tức là con đường của con người đi tới bản thân mình, đi tới sự hoàn thiện vô tận trong bản thân mình với tư cách là tạo vật được phú cho lý trí, vậy thì tại sao ngay từ lúc khởi thủy, con đường này đã được trù tính một cách phức tạp, nặng nề và tàn khốc như vậy? Ai trù tính ra con đường đó và trù tính để làm gì? Liệu con người có thể tồn tại hay không mà không cần đến chủ nghĩa nhân đạo được mỗi người lý giải một khác, từ chủ nghĩa nhân đạo Ki-Tô giáo đến chủ nghĩa nhân đạo theo thuyết vũ trụ, từ chủ nghĩa nhân đạo vị kỷ xã hội, chủ nghĩa nhân đạo có tính giai cấp cho đến chủ nghĩa nhân đạo trừu tượng về nguyên tắc? Và thế kỷ chúng ta cần gì đến tôn giáo đã lỗi thời từ lâu trên con đường đó?

Thực vậy, cần gì đến tôn giáo kia chứ? Vì mọi thứ đã rõ ràng từ lâu với hết thảy mọi người, ngay cả với trẻ con nữa. Chẳng lẽ khoa học duy vật đã không đóng chiếc cọc vào mồ chôn đạo Kitô đấy sao? Mà đâu chỉ riêng đạo Kitô? Chẳng lẽ nó đã không quét sạch các tôn giáo một cách kiên quyết và oai vệ khỏi con đường tiến bộ và văn hoá, con đường duy nhất đúng đấy hay sao? Hình như con người ngày nay không cần tin theo tôn giáo nào hết. Đối với họ, hiểu biết về những đạo thuyết đã chết này nhằm am tường lịch sử chung đã là hoàn toàn đủ. Tất cả những thứ đó đã hết thời, đã nếm trái, đã vượt qua rồi. Nhưng chúng ta đã đến được cái gì? Chúng ta có gì thay thế cho cái tư tưởng kia, cái tư tưởng nhân từ, đầy hy sinh đã từ lâu bị gạt sang lề đường và bị các thế giới quan hiện thực chế diễu? Chúng ta có cái gì tương tự như thế, hay nói đúng hơn là ưu việt hơn thế? Vì cái mới nhất định phải tốt đẹp hơn cái cũ kia mà!

Có, cái mới ấy có đấy! Trên ngưỡng cửa có một tôn giáo hùng mạnh mới, tôn giáo của sức mạnh quân sự vượt trội. Trong biết bao thời đại, con người đã phải tồn tại hàng ngày, tồn tại suốt đời, từ lúc sinh ra cho đến lúc chết đi, trong sự phụ thuộc hoàn toàn vào việc những lực lượng đó sẽ gây chiến hay sẽ tự kềm chế? Giờ đây, Chúa Trời là ai nữa nếu không phải là chúng, những kẻ nằm trong tay thứ vũ khí ấy? Có chẳng là hiện nay chưa có những ngôi nhà thờ mà trong đó người ta cầu nguyện trước các mô hình đầu đạn hạt nhân trên bàn thờ và quỳ lạy các tướng lĩnh... Nào có khác gì tôn giáo đâu?

Apđi thỉnh thoảng vẫn đắm mình trong những suy nghĩ như vậy về đời người. Và lần này, trong lúc lan man suy nghĩ không dứt, anh có dịp đi sâu vào quá khứ như đi vào hiện tại, đi sâu vào thực chất của những biến cố đã xảy ra trước anh, chẳng khác gì dòng nước mới tràn qua hai dãy bờ cũ. Và khi đó, anh trở về ngọn nguồn của những ngày ấy, trở về đêm thứ sáu trước lễ Phục Sinh kia, để tìm gặp Thầy, để kịp nói với Thầy về nỗi lo ngại của mình, để báo tin rằng trên vũ đài lịch sử đã xuất hiện một Chúa Trời mới –

Chúa Gôliáp. Tựa như bệnh dịch hạch, Chúa Trời này đã làm tê liệt ý thức của hết thảy mọi người trên trái đất bằng tôn giáo của mình, một thứ tôn giáo sa đoạ và bao trùm lên tất cả, thứ tôn giáo của sức mạnh quân sự vượt trội.

Đấng Tôn Sư của anh sẽ đáp lại thế nào đây? Chắc hẳn Người cũng sẽ phải kinh hoàng, loài người sẽ trốn tránh vào đâu được trong cuộc đua tranh điên rồ giành ưu thế quân sự này? Và nếu như Người lại một lần nữa quyết định hứng chịu gánh nặng tội lỗi của chúng ta và bước lên cây thập tự lần thứ hai thì chắc gì đã làm xúc động nổi những tâm hồn đã bị nô lệ hoá bởi thứ tôn giáo xâm kích của sức mạnh quân sự vượt trội?...

Nhưng sự thật đau buồn là anh không gặp được Thầy. Giuđa đã phản bội Người. Người đã bị bắt và giải đi. Apđi than khóc trong khu Hepximania trống trải về tất cả những gì đã xảy ra, về tất cả những gì sẽ xảy ra, một mình cô đơn trong cả khu vườn và trên toàn thế giới. Vậy là khi vội vã quay trở lại, anh đã xuất hiện ở Hepximania, bước qua những đấng tổ tiên của mình mà khi đó còn sinh sống trong những khu rừng rậm phía Bắc và thờ phụng những thần tượng đẽo tạc bằng gỗ, chưa biết đến tên của anh. Apđi, cái tên ấy chỉ mãi sau này mới được vay mượn, còn chính anh thì sẽ còn phải sinh ra ở thế kỷ hai mươi xa xôi...

Apđi ngồi nức nở hồi lâu dưới gốc cây đa, nơi người Thầy đã bị phát giác, bị bắt và giải đi. Anh đau buồn đến mức dường như vì sự đau buồn ấy mà một điều gì đó có thể thay đổi trong số phận của thế giới.

Rồi anh đứng dậy, buồn bã trở về thành phố. Tại đây, đằng sau những bức tường của Giêrudalem ban đêm, dân chúng đang yên lành ngủ vào đêm trước lễ Phục Sinh, chưa hề nghi ngờ gì hết. Chỉ riêng anh là vừa lo lắng và bối rối lang thang khắp thành phố, vừa suy nghĩ: Thầy ở đâu? Chuyện gì đang xảy ra với Thầy? Sau đó anh chợt nghĩ rằng cứu Thầy vẫn còn chưa muộn, anh liền gõ các cửa sổ, gõ tất cả các cửa sổ anh thấy trên đường đi:

“Hỡi mọi người, hãy trở dậy đi! Tai hoạ sắp đến rồi! Hãy cứu lấy Thầy trong khi còn có thì giờ! Tôi sẽ đưa Người đến nước Nga, có một hòn đảo bí mật trên sông Ôca chỗ tôi...”

Theo ý Apđi, trên hòn đảo bí mật đó ở giữa sông, Thầy có thể được hoàn toàn an toàn. Tại đó, Thầy có thể đắm mình suy nghĩ về những thăng trầm của thế giới, và có lẽ ở đấy sẽ nảy sinh một kiến giải mới. Thầy sẽ soi sáng con đường mới cho nhân loại đi vào chốn thời gian xa xăm và sẽ tặng cho mọi người một sự hoàn thiện tuyệt mỹ để con đường dẫn đến mục đích thiêng liêng, mà Thầy tự đảm nhận lấy như một nghĩa vụ hiển nhiên, sẽ không phải đi qua những biến cố đẫm máu. Con đường ấy sẽ không phải trả giá bằng những đau đớn và nhục mạ mà Thầy, thật vô lý, sẵn sàng chấp nhận vì mọi người. Đó là con đường cho sự thật, một sự thật nguy hiểm đối với những kẻ săn đuổi Thầy, và do đó Thầy bị trừ diệt một cách không thương tiếc. Chính vì hạnh phúc của những thế hệ tương lai, Thầy đã gánh chịu cái nghĩa vụ thảm khốc ấy. Đó là nghĩa vụ không tránh khỏi trên con đường Thầy đã chọn nhằm giải phóng con người khỏi gánh nặng của việc bản thân họ can dự vào những nỗi bất công từ ngàn xưa. Bởi vì trong những sự vật tự nhiên thì không hề có bất công. Bất công chỉ tồn tại giữa con người với nhau và bắt nguồn từ con người.

Tuy nhiên, liệu có thể đạt được mục đích bằng cách phản lịch sử như vậy không? Liệu có tồn tại hay không niềm tin nào đó rằng bài học này của Thầy sẽ không bị lãng quên? Mỗi một khi con người theo đuổi mỗi lợi của mình, họ sẽ muốn quên Thầy đi. Họ sẽ đè nén và bóp nghẹt lương tâm mình và sẽ tìm thấy vô số cách biện minh. Họ sẽ bảo, ông ấy dường như buộc phải dùng cái ác để đáp lại cái ác. Làm sao ngăn chặn được con người – tinh hoa của sự sáng tạo – khỏi những khát vọng tai hại mà vốn đi liền với con người cả trong lúc hưng thịnh hay hoạn nạn, cả trong lúc nghèo khổ hay trong giàu sang tột đỉnh, cả trong lúc nắm quyền lực trong tay hay không có chút quyền lực gì? Làm sao có thể ngăn chặn được con người –

ting hoa của sự sáng tạo – khỏi sự khát khao mãnh liệt được thống trị người khác? Làm sao có thể ngăn chặn được con người thường xuyên lao đến chỗ muốn làm gì thì làm? Thói tự mãn và thói kiêu ngạo thôi thúc con người, ra lệnh và ép buộc khi họ có quyền lực, còn khi không có quyền lực thì họ lao đến mục đích đó bằng cách nịnh bợ, đạo đức giả và xảo quyệt... Đó mới là mục đích thật sự của cuộc sống, chính đây mới là ý nghĩa của cuộc sống. Và rốt cuộc, ai có khả năng trả lời câu hỏi này như thế nào để không một người nào nghi ngờ tính chân thực và trong sạch của câu trả lời của anh ta?

Thầy của con, Thầy sắp bước lên đài tử hình hết sức tàn khốc để con người nghe theo lòng tốt và sự đồng cảm vốn là những phẩm chất mà ngay từ buổi nguyên sơ đã làm tạo vật có lý trí khác với tạo vật không có lý trí, bởi vì cuộc sống của con người trên trái đất thật nặng nề và trong con người ẩn sâu những nguồn gốc của cái ác. Nhưng chẳng lẽ bằng cách đó lại có thể đạt được lý tưởng tuyệt đối là trí tuệ được sự tự do tư tưởng chấp thêm cánh, là nhân cách cao thượng đã loại bỏ được cái ác lỗi thời trong bản thân mình một cách vĩnh viễn như người ta đang loại bỏ bệnh truyền nhiễm. Ôi, nếu như có thể làm được như thế thì tuyệt diệu biết bao! Trời, tại sao Thầy lại chất lên vai gánh nặng như vậy để sửa chữa một thế giới không thể sửa chữa được? Hỡi Đấng Cứu Thế, hãy dừng lại đi, những kẻ mà vì họ Thầy sắp bước lên cây thập tự, sắp chịu một cái chết thảm khốc, những kẻ đó sau này sẽ diễu cợt Thầy. Đúng, đúng thế đấy, một số sẽ chỉ đơn giản là cười phá lên, một số khác sẽ diễu cợt công sức hoài phí của Thầy vào hàng nghìn năm sau, khi khoa học duy vật, sau khi đã phá tan niềm tin vào Chúa, sẽ tuyên bố tất cả những gì gắn liền với Thầy đều là chuyện huyền hoặc: “Thật lẩn thẩn! Thật ngu ngốc! Ai yêu cầu ông ta mới được chứ? Bày ra cái vở kịch đóng đinh câu rút để làm gì và nhằm mục đích gì? Định làm ai ngạc nhiên chắc? Việc đó đã mang lại lợi ích gì? Việc đó đã làm thay đổi gì trong con người? Dù chỉ thay đổi một sợi tóc thôi, dù chỉ thay đổi một chút xíu thôi?”. Những thế hệ tương lai sẽ nghĩ như vậy đó, họ sẽ cảm thấy chiến

công của Thầy gần như phi lý. Vào thời gian đó, họ sẽ thấu hiểu cấu tạo của vật chất cho tới tận thực chất ban đầu của nó, và sau khi thắng được sức hút của trái đất và bước vào vũ trụ, họ sẽ tranh giành vũ trụ với nhau trong mỗi tham vọng điên rồ, họ sẽ cố đạt tới sự thống trị trong toàn hệ ngân hà, tuy khoảng không ấy là bao la vô tận nhưng đối với họ thì vũ trụ vẫn chưa đủ, bởi vì để báo thù sự thất bại trên trái đất và để chiêu theo tham vọng của mình, họ sẽ sẵn sàng biến thành tro bụi toàn bộ hành tinh, nơi Thầy đã cố thờ phụng lòng nhân từ. Vậy Thầy hãy nghĩ rằng một khi họ tự coi mình cao quý hơn Chúa thì đối với họ Chúa chỉ là một kẻ kì quặc treo lơ lửng trên cây thập tự, và một khi đã tiêu diệt hết thầy mọi người ngay một lúc, họ sẽ quét sạch khỏi trái đất cả kí ức về Thầy nữa. Ôi, người Thầy tội nghiệp và ngây thơ của con, chúng ta hãy trốn đi, chúng ta hãy chạy trốn đến sông Vônga, sông Ôca, đến hòn đảo nhỏ hẻo lánh giữa sông, Thầy sẽ sống ở đó như trên một vì sao đâu cũng nhìn thấy nhưng không một ai xâm phạm nổi. Thầy hãy suy nghĩ đi, lúc này còn chưa muộn. Chúng ta còn được một đêm và một buổi sáng nữa, có lẽ thế. Liệu Thầy còn có khả năng tránh khỏi số phận tàn khốc không? Thầy hãy tính lại đi, lẽ nào con đường Thầy lựa chọn lại là con đường duy nhất có thể theo được?

Lòng dẫn vật bởi những ý nghĩ như vậy và ánh mắt thăm đượm nỗi đau buồn sâu sắc, Apđi lang thang khắp các phố xá và quảng trường của thành Giêrudalem ban đêm nóng bức, cố thuyết phục người Thầy mà chính Đức Chúa Trời đã phái xuống trần để chịu một số phận khủng khiếp và bi thảm, như tấm gương và lời quở trách vĩnh viễn đối với con người... Nhưng bản tính con người là như vậy: không một ai coi lời quở trách đó là trực tiếp nhằm vào mình, ai cũng tìm cách thanh minh cho mình, nào là ông ta chẳng có liên quan gì hết, nào là: không có ông thì vận mệnh thế giới vẫn diễn biến như thường, vậy thì cứ mặc cho nó diễn biến... Biết bao nhiêu sự mỉa mai ghê gớm ẩn giấu trong ý định ấy, một ý định mắc sai lầm là coi nhẹ bản tính con người...

Qua lại trước cổng thành đến mấy lần thì Apđi gặp một con chó hoang ba chân – chân thứ tư bị đánh què nên nó co lên bụng. Nó nhìn anh một cách thông minh và buồn bã.

– Này, anh bạn què kia, – anh vừa nói vừa nhìn khắp mình con chó, – mày cũng không nhà không cửa như tao vậy, đi với tao.

Con chó lang thang cùng Apđi cho tới tận trời sáng. Chuyện gì nó cũng thông hiểu hết. Nhưng đến sáng, thành phố lại thức dậy trong bao nỗi lo âu và tất bật, các khu chợ đông nghịch, nào những con lạc đà thồ hàng mà những người dân Bêduin lừa đến từ sa mạc, nào những con la con lừa chở những thứ hàng nhẹ hơn, nào những chiếc xe ngựa chất đầy hàng, nào những phu khuân vác vác những bao gói nặng – tất cả đều chuyển động, tất cả, nào là khát vọng, nào hàng hoá, nào cảnh huyên náo – đều quay cuồng trong bánh xe chung của cảnh mua bán... Nhưng nhiều người dân Giêrudalem đổ về ngôi đền trắng của thành phố rồi từ đó biến thành một đám đông huyên náo kéo đến dinh thự của tổng đốc triều đình La Mã là Pônti Pilát. Apđi cũng hoà vào dòng người: anh hiểu rằng đây là chuyện số phận của Thầy anh. Anh cũng theo họ đến lâu đài Irốt, nhưng đội vệ binh vũ trang không cho họ vào gặp quan tổng đốc. Họ liền đứng lại chờ đợi cạnh lâu đài. Dòng người vẫn nườm nượp đổ tới mặc dù bóng nực suốt từ sáng. Những khát vọng khác nhau cuốn hút tới đây những con người khác nhau. Còn chuyện gì mà đám đông náo động ấy không bàn tán nữa, một số bảo rằng nhà tiên tri Giêsu sẽ được quan tổng đốc dùng quyền lực mà La Mã trao cho ông ta để ân xá, để ông rời bỏ Giêrudalem và không bao giờ quay về nữa, một số khác thì bảo rằng một tội nhân sẽ được tha chết nhân dịp lễ Phục Sinh và tội nhân đó là Giêsu, lại một số khác nữa thì tin tưởng một cách đơn giản rằng ông sẽ được đức Giêhôva cứu thoát ngay trước mắt mọi người, nhưng tất cả – cả số người này lẫn số người kia đều chờ đợi, đều kiên nhẫn chờ đợi tuy không biết chuyện gì đang xảy ra ở trong kia, sau hàng rào và những bức tường của lâu đài. Trong đám đông cũng có nhiều

kẻ diều cợt con người tội nghiệp đã phải đem tính mạng ra mà trả giá cho ngai vàng nực cười của mình, họ chế giễu con người kỳ quặc sắp phải chịu chết kia và than vãn: việc gì mà ngài tổng đốc phải trùng trình như vậy, chém thì chém phắt ngay đi, nuông hãn mãi làm gì, năng đã như thiêu như đốt rồi, đến giữa trưa thì mọi người sẽ bị rang cháy trên núi Sọ mất. Cái gã Giêsu này, họ bảo: muốn phù phép ai cũng được, muốn làm rối loạn đầu óc ai cũng được, rõ ràng là gã đang khua môi múa mép làm quan tổng đốc bối rối đây, có khi ngài phó vương La Mã còn tha cho gã không biết chừng, nếu thế thì chúng ta đứng ở đây làm gì cho mất công... Mà gã thì cũng gồm lắm, toàn hứa hươu hứa vượn, chỉ có điều là cái Vương Quốc Mới của gã ấy, nó ở đâu mới được chứ, nhưng bây giờ thì chính gã cũng sẽ bị treo cổ như con chó vậy... Sự đời là như thế...

Nghe những lời lẽ đó, Apđi cảm thấy phần nộ. “Không được nói như thế! Những kẻ vô ơn hèn hạ! Làm sao lại có thể bôi nhọ và tầm thường hoá đến thế cuộc đấu tranh của tinh thần con người với chính bản thân mình! Các người phải tự hào về Thầy, phải lấy Thầy làm thước đo bản thân mình! Các người phải tự hào về Thầy!” – Apđi vừa tuyệt vọng hét to vừa dầm dìa nước mắt trong đám đông dân chúng Giêrudalem. Nhưng không ai nghe thấy tiếng anh, không ai nhận thấy sự hiện diện của anh. Vì anh còn phải chờ đến thế kỷ hai mươi mới được sinh ra...

* * *

Trận mưa ào ào đổ xuống giữa đêm nay ngớt dần. Cũng như lúc đến, nó ra đi để còn trút mưa rào ở một nơi nào đó nữa. Rồi nó tạnh hẳn, chỉ thỉnh thoảng mới thấy những giọt mưa muện mắt rơi từ trên xuống. Mà lúc đó đã sắp đến bình minh, một buổi bình minh được rửa sạch và rải rắc đầy sao, – bầu trời vẫn còn xanh đen ở chốn sâu thẳm. Sau cơn mưa, mọi vật đều sáng rõ hơn ở các viền cạnh. Không khí mát mẻ toả lên từ mặt đất ẩm ướt, từ những ngọn cỏ vươn thẳng lên trong đêm.

Nhưng có lẽ, không một nhân vật nào sống trên thảo nguyên vào giờ phút đó lại cảm thấy niềm vui tồn tại một cách sâu sắc và đầy biết ơn như Apđi, mặc dù tình trạng sức khoẻ của anh vẫn phải khá hơn nữa.

Song Apđi lại gặp may: không khí bị hung nóng ngày hôm trước không kịp lạnh đi về ban đêm, do đó anh không bị rét cóng. Tuy anh ướt sũng suốt từ đầu đến chân, tuy anh vẫn đau đớn vì những vết xây xước và giập thương, nhưng anh xem thường nỗi đau đớn đó, anh tập trung sức vào năng lực nhìn xa thấy rộng của mình, năng lực đó tạo cho anh khả năng cảm thấy mình đồng thời cả trong quá khứ lẫn hiện tại. Anh tiếp nhận cuộc sống một cách mới mẻ, phát hiện nó như một quà tặng của số phận và bởi vậy càng đánh giá cao hơn nữa cơ hội được sống và suy nghĩ. Vào giờ phút đó, khi trận mưa đã tạnh, Apđi ngồi dưới chiếc cầu đường sắt, nơi anh phải vất vả lắm, phải thu hết sức lực cuối cùng mới khập khiễng lê đến được trong đêm tối...

Dưới chiếc cầu này tương đối khô, anh lần mò đến nơi đây chẳng khác gì một kẻ lang thang không nhà không cửa, và anh hài lòng vì đã tìm được một chỗ như vậy, nơi anh có thể chờ qua cơn mưa và đắm mình trong suy tưởng. Dưới cầu âm vang như dưới những vòm cao của toà nhà thờ trung thế kỷ. Khi đoàn tàu nào đó chạy trên đầu thì tựa như một trận pháo kích dồn dập từ xa đổ sụp xuống rồi xa dần. Vào đêm đó, Apđi suy nghĩ thật thoải mái, thật phóng khoáng. Ý nghĩ một khi nảy sinh ra thì cứ tự nó phát triển, kéo theo một cách thanh thoát và vô tận cả tinh thần của anh nữa. Anh suy nghĩ lúc thì về Kitô và Pônti Pilát, anh tưởng như thấy mình bay về thời kỳ xa xưa đó, và tiếng ầm ầm của các đoàn tàu chạy qua không ngăn cản được anh cảm thấy mình đang ở xứ Giuđê cổ, giữa đám đông huyền ảo trên núi Sọ, và như được chứng kiến tận mắt những biến cố đang diễn ra. Lúc thì anh nhớ đến Mátxcova, nhớ đến đợt lưu lại mới đây thôi của anh tại nơi đó và hôm đến thăm viện bảo tàng Puskin, nơi dàn đồng ca nhà thờ Bungari biểu diễn, và anh nhớ lại người ca sĩ Bungari giống anh một cách

lạ lùng, trước mắt anh lại hiện lên khuôn mặt có cái miệng mở to của anh ta. Giọng các ca sĩ Bungari phát ra những âm thanh mới cao quý làm sao và những âm thanh đó đã nâng tâm hồn và ý nghĩ của anh lên một độ cao vời vợi!

Bố anh, người trợ tế Calixtơratốp, vốn rất yêu thích những bài hát nhà thờ và mỗi khi nghe những bài hát ấy lại bật khóc vì cảm kích. Một lần, một người nào đó chuyển cho ông bản ghi lời cầu nguyện lạ lùng của một nữ tu sĩ hiện đại. Người nữ tu sĩ này vào những năm đó còn trẻ, trước đây bà học trong một trại trẻ mồ côi rồi làm giáo viên trại mồ côi ấy. Bà đã phát nguyện vào những năm chiến tranh, sau khi người yêu mà bà được chung sống chỉ vền vẹn có tháng rưỡi, bị hy sinh trên một chiếc tàu chiến do tàu ngầm Đức đánh chìm. Mỗi lần đọc bản “tài liệu tâm hồn” ấy mà trong đó hoà lẫn lời than khóc và lời cầu nguyện, bố anh lại đầm đìa nước mắt. Ông rất thích khi Apđi – lúc còn nhỏ, là một chú bé – đứng trong góc thờ của gia đình, cạnh chiếc Piano cũ, cất giọng trẻ thơ trong trẻo đọc to lời cầu nguyện về chiếc tàu bị chìm của người nữ tu sĩ trước đây học trong trại trẻ mồ côi:

“Trời mới rạng sáng và thế giới còn yên ngủ trước lúc bình minh, con xin dâng lên Người, Đấng Thượng Đế Thông Tuệ và Nhân Từ, lời cầu nguyện tha thiết của con, Người hãy tha thứ cho con vì con đã dám tỏ ra tự tiện, đã không nghĩ đến Người trước tiên, vậy mà con lại quấy rầy Người bằng công việc của riêng con, nhưng trong khi con còn có mặt trên đời thì con sống chính là để đọc lời cầu nguyện này.

Người là Đấng Giàu Lòng Thương, là Đấng Nhân Từ, là Đấng Chính Nghĩa, Người hãy tha thứ cho con vì con lúc nào cũng làm phiền Người. Nhưng trong lời cầu nguyện của con không có một chút tư lợi nào – con không cầu xin một chút lạc thú trần thế nào và không van nài được kéo dài cuộc đời con. Con sẽ chỉ không ngừng kêu cầu Người cứu vớt linh hồn chúng sinh mà thôi. Người là Đấng Rộng Lòng Bao Dung, xin Người đừng

để mặc chúng con trong cảnh dốt nát, xin Người chớ cho phép chúng con kiếm cách biện minh cho mình về việc cái thiện và cái ác lẫn lộn nhau trên đời này. Xin Người hãy ban trí óc sáng suốt cho loài người.

Còn về bản thân con thì con không dám mơ mộng cầu xin gì hết. Con không sợ chấp nhận một cách xứng đáng bất kỳ kết cục nào – dù phải đau khổ dưới địa ngục hay được bước lên vương quốc bao la vô tận. Số phận đó của chúng con là do Người quyết định, hỡi Đấng Chí Tôn Vô Hình và có mặt khắp mọi nơi.

Con chỉ cầu xin một điều thôi, không có một lời cầu xin nào cao hơn thế nữa ở nơi con, kẻ nô lệ của Người, một nữ tu sĩ hèn mọn luôn vâng theo những lời lẽ thương yêu của Người, một nữ tu sĩ, một đứa con gái ẩn dật mà trong cơn tuyệt vọng của mình đã thấy được bề khổ nơi trần thế, đã dứt khoát chối bỏ chốn hư danh và tất bật để trong tư tưởng của mình được xích gần lại tinh thần của Người.

Con chỉ cầu xin một điều thôi, chỉ cầu xin có một phép lạ như thế nào để chiếc tàu kia vẫn chạy theo hướng cũ hết ngày này sang ngày khác, hết đêm này sang đêm khác, trong lúc ngày đêm vẫn luân phiên nhau theo trình tự do Người ấn định, theo vòng quay của trái đất trong vũ trụ. Mong sao chiếc tàu kia vẫn rong ruổi mãi từ đại dương này đến đại dương khác với phiến gác vẫn đều đặn như cũ, với những nòng súng được vĩnh viễn bọc kín, mong sao sóng biển vẫn đập vào đuôi tàu và tiếng sóng vỗ vẫn không ngừng vang động. Mong sao những cột nước đại dương bắn tóe lên vẫn rào rào trùm khắp con tàu, mong sao nó vẫn thấm đẫm làn nước mặn mau chóng tràn qua kia. Mong sao nó vẫn nghe thấy tiếng sàn tàu kêu ken két, tiếng máy chạy ầm ầm trong hầm tàu và tiếng ríu rít của đám hải âu bay lướt theo làn gió thuận chiều theo con tàu. Và mong sao nó vẫn tiến đến một thành phố tươi sáng trên bờ đại dương xa xăm, mặc dù nó chẳng bao giờ cập bến được...

Chỉ có như vậy thôi, con không cầu xin gì nữa trong lời cầu nguyện suốt ngày đêm của con, Người là Đấng Nhân Từ và Giàu Lòng Thương, xin Người hãy tha thứ cho con vì con đã làm phiền nhiều Người bằng lời cầu nguyện lạ lùng này, lời cầu nguyện cho con tàu đã đắm này. Nhưng Người là thành trì vững chắc của mọi hy vọng cao quý, cả hy vọng trần thế lẫn hy vọng bên ngoài trần thế. Người đã và sẽ mãi mãi là cội nguồn Thông Tuệ, Toàn Năng và Giàu Lòng Thương của mọi cội nguồn. Chính vì thế mà chúng con cầu nguyện Người và đi tới Người cả trong quá khứ cũng như trong hiện tại và trong những ngày tương lai. Chính vì thế mà khi con không còn nữa và chẳng có ai để cầu xin nữa, con vẫn mong cho con tàu kia được rong ruổi trên đại dương và cả bên ngoài chốn vĩnh cửu. Amen!”

Bản thân Apđi cũng không hiểu sao vào đêm đó anh lại nhớ đến lời cầu nguyện của người nữ tu sĩ. Và khi anh thoáng nghĩ rằng nếu như anh ngẫu nhiên gặp lại cô gái đi moto đến Ba Giếng kia và đọc cho cô nghe lời cầu nguyện này thì chính anh cũng cảm thấy buồn cười. Anh bất giác cười vang, tự gọi mình là một kẻ ngốc nghếch vô tích sự và tưởng tượng cô sẽ nhìn anh lạ lùng như thế nào khi thấy anh co ro dưới gầm cầu trong bộ dạng hết sức thảm hại, chẳng khác gì một tên kẻ trộm vặt vường hoặc một tên kẻ cướp xấu số. Cô sẽ nghĩ gì về anh vào lúc đó, vậy mà anh còn muốn đọc cho cô nghe lời cầu nguyện kia. Cô sẽ coi anh là kẻ điên rồ và dĩ nhiên là cô có lý. Nhưng ngay cả bây giờ nữa, khi anh có nguy cơ tự hạ mình trước mắt cô, anh vẫn muốn gặp lại cô...

Apđi ngồi dưới gầm cầu như vậy cho đến tận sáng, còn trên đầu anh thì âm âm các đoàn tàu chạy trên thảo nguyên. Nhưng điều khiến anh suy nghĩ nhiều nhất là đám thanh niên đã cùng anh đi tìm kiếm anasa hiện đang ở đâu và chuyện gì xảy ra với họ. Chắc hẳn họ đã vượt qua Gianpắc-Xax và đang đi tiếp nữa. Pêtorukha, Lenca và đồng bọn hiện đang ở đâu? Hiện đang ở đâu cái gã Grisan lẫn như trạch ấy? Và Apđi thấy tiếc vì đã phạm sai lầm, sai lầm ngu xuẩn. Gã Grisan đã đắc thắng, công việc đen tối kia đã

thắng anh, nhưng anh vẫn cho rằng thử thách giáng xuống đầu anh trong những ngày qua là cần thiết cho anh. Dù anh không thành công trong việc cảm hoá họ, nhưng anh đã thu thập được tài liệu lý thú để viết bài cho báo và thu thập được bằng lao động của riêng anh.

Những suy nghĩ này làm Apđi yên tâm ít nhiều, nhưng tâm hồn anh vẫn đau đớn, trước hết là đau đớn cho Lenca. Đó là người có thể đưa lên con đường chân chính được, nhưng anh đã không thành công.

Giờ đây anh nhớ lại tất cả những gì mà anh đã phải nếm trải và chứng kiến trong các thảo nguyên ven Môiuuncumư, anh nhớ lại cả cuộc gặp gỡ với bầy sói, cả việc con sói cái đáng lẽ cắn ngập răng nanh vào anh thì lại nhảy vọt qua đầu anh. Việc đó thật lạ lùng, rất lạ lùng – và anh nhớ mãi ánh mắt dữ tợn và thông minh hắt ra từ cặp mắt xanh của nó.

Nhưng kìa, mặt trời đã vượt lên bên trên nền đường sắt, và cuộc sống bắt đầu trôi theo một vòng mới. Trên thảo nguyên thật tuyệt diệu sau cơn mưa đêm. Trời còn chưa nóng, tất cả khoảng không bao la của thảo nguyên mà tầm mắt bao quát được đều toả ra không khí trong sạch, lũ sơn ca hát vang trên bầu trời. Những con chim nhỏ vùng thảo nguyên riu rít bay chập chờn giữa bầu trời và mặt đất. Còn trên thảo nguyên thì các đoàn tàu di chuyển từ chân trời này đến chân trời khác, nhắc nhở đến cuộc sống đang sôi nổi tại những vùng cách xa nơi đây.

Vào buổi sáng đó, vẻ hài hoà và thanh bình ngự trị khắp miền thảo nguyên mà đêm qua đã được hưởng trận mưa tốt lành của đất trời.

Nắng vừa ấm lên là Apđi quyết định hong khô quần áo. Anh bắt đầu cởi quần áo ra và kinh hoàng nhận thấy quần áo anh rách nát đến nỗi thật xấu hổ xuất hiện trước mắt mọi người. Thân thể anh đầy những vết xây xước, những vết bầm máu và những vết thâm tím lớn. Thật may là anh không đem theo gương, nếu soi gương, anh sẽ khiếp hãi với chính vẻ đáng sợ của anh, nhưng không cần gương anh cũng hiểu tình trạng của anh: không được

động đến mặt. Dù sao anh cũng đủ thông minh để tự thuyết phục rằng mọi việc có thể diễn ra tệ hại hơn, rằng anh vẫn còn sống, mà chỉ riêng việc đó thôi cũng là hạnh phúc lớn lao rồi.

Khi anh cởi quần áo dưới gầm cầu, anh phát hiện ra thêm một chuyện đáng lo: chứng minh thư và một ít tiền để trong túi nay không dùng được nữa. Tấm chứng minh thư bị rách nát trong lúc anh ngã rồi bị thấm dầm nước mưa đã biến thành một cục giấy ướt nhão. Về tiền thì còn hai tờ – tờ hai mươi năm rúp và tờ mười rúp – là ít nhiều lành lặn. Với số tiền đó anh phải đi đến Mátxcơva rồi tiếp đó đến Priôxcơ.

Những ý nghĩ không vui dẫn dắt Apđi. Sau khi bị đuổi khỏi chủng viện, anh phải sống trong những điều kiện khá eo hẹp. Được sự đồng ý của chị anh là Vacvara, anh phải bán đi chiếc piano cũ mà chị anh đã tập chơi hồi nhỏ. Tại cửa hàng đồ cũ người ta trả chiếc piano ấy có nửa giá, họ giải thích rằng nhạc cụ hiện nay không phải thứ khan hiếm mà vô khối, ngay cả máy ghi âm cũ cũng chẳng biết nhét vào đâu huống hồ là piano. Đành chấp nhận giá như vậy bởi vì không còn lối thoát nào khác. Và giờ đây anh hoàn toàn tay trắng. Thật khốn khổ!

Một ngày mới bắt đầu tức là phải sống, và vấn đề duy vật của sự tồn tại lại trở nên gay gắt đối với nhà duy tâm Apđi.

Anh triền miên suy nghĩ suốt đêm dưới gầm cầu, và bây giờ anh phải quyết định xem làm thế nào thoát khỏi nơi đây. Ngoài ra, anh còn phải nghĩ đến miếng ăn nữa.

Đúng lúc đó, hạnh phúc mỉm cười với Apđi. Khi trời đã sáng hẳn, anh thấy dưới gầm cầu là nơi anh trú ẩn có một con đường làng chạy qua. Thật ra, xét theo mọi dấu vết thì ô-tô không thường xuyên qua lại chỗ này. Không biết còn phải chờ đợi bao lâu nữa mới gặp được chiếc xe tiện đường, anh liền quyết định sẽ đi bộ đến chỗ tránh tàu gần nhất rồi tìm cách nào đó lên tàu đến ga Gianpắc-Xax. Sau khi đã quyết định như vậy, anh đưa mắt

nhìn quanh xem có chiếc gậy nào không để chống lúc đi đường. Đầu gối bên phải sưng vù vì bị giập thương lúc ngã từ trên tàu xuống nay đau nhức. Apđi vừa nhìn quanh vừa cười diễu: “Nhỡ Grisan vớt đầu đây chiếc gậy mà Pêtorukha dùng để đánh gục mình thì sao? Bây giờ thì hẳn chẳng cần gì đến nó nữa”. Dĩ nhiên anh không thấy chiếc gậy đó nhưng bù lại anh nhận ra có một chiếc xe đang chạy trên thảo nguyên về phía cầu.

Đấy là một chiếc xe tải có mui tự làm lấy bằng gỗ dán. Ngồi trong buồng lái bên cạnh người lái xe là một phụ nữ bế con. Chiếc xe hãm ngay lại, lái xe là một người Cadăcxtan lực lưỡng, mặt đen sạm, ông ngạc nhiên nhìn Apđi từ trong cửa cabin hé mở.

– Anh bạn, anh làm sao thế, bị dân Digan nện à? – không hiểu tại sao ông lại hỏi như vậy.

– Không, không phải dân Digan đánh tôi đâu. Tôi bị ngã tàu đấy.

– Anh không say rượu chứ?

– Nói chung tôi không uống rượu.

Người lái xe và người phụ nữ bế con xuýt xoa ái ngại cho anh, họ trao đổi với nhau bằng tiếng Cadăcxtan và trong lúc nói họ thường nhắc đi nhắc lại mấy tiếng ‘bisara’^[2]!

– Anh bạn này, lên xe đi, chúng tôi đến ga Gianpăc-Xax đây. Nếu không anh sẽ chết một mình giữa thảo nguyên mất, bisara! Xe không mấy khi chạy qua đây đâu.

Cố ghì những giọt nước mắt cứ chực trào lên cổ. Apđi mừng rỡ như đứa trẻ.

– Xin cảm ơn anh, – Apđi vừa nói vừa áp tay lên ngực. – Đúng lúc tôi đang muốn đề nghị là nếu anh tiện đường thì cho tôi đi nhờ. Tôi đau chân nên đi khó quá, xin cảm ơn anh.

Người lái xe bước xuống giúp Apđi leo lên xe.

– Anh lại đây. Tôi sẽ đỡ anh, bisara. Anh cứ lên đi, đừng sợ: trên ấy là lông thú đấy. Tôi chở từ nông trường đi giao nộp, anh sẽ được ngồi thật ấm. Chỉ có điều là chớ hút thuốc.

– Nói chung tôi không hút thuốc đâu, anh cứ yên tâm, – Apđi hết sức nghiêm trang đoạn chắc với người lái xe. – Suốt đêm qua tôi dầm mưa, ướt sũng hết, ở đây tôi sẽ được sưởi ấm, sẽ bình thường trở lại...

– Được được..! Tôi chỉ nói như vậy thôi mà. Anh cứ nghỉ ngơi đi, bisara.

Người phụ nữ từ cabin nhìn ra, nói gì đó với người lái.

– Cô ấy hỏi là anh có đói không? – Người lái xe mỉm cười giải thích.

– Tôi đói lắm! – Apđi thành thật thú nhận. – Xin cảm ơn. Nếu anh chị có thức ăn gì đó thì cho tôi xin, tôi sẽ rất biết ơn.

Apđi có cảm giác rằng chai sữa cừu chua và chiếc bánh mì thơm vừa mới ra lò là do Thượng Đế ban cho anh để bù đắp lại những nỗi khổ đau đêm qua. Ăn xong, Apđi ngủ một giấc say sưa trên lớp đệm lông cừu sức nức mùi mỡ và mùi mồ hôi. Trong lúc ấy, chiếc xe lăn bánh trên thảo nguyên vẫn còn giữ được không khí tươi mát sau trận mưa rào ban đêm. Đoạn đường này rất có lợi cho Apđi – anh cảm thấy như được bình phục sau khi ốm...

Anh thức giấc lúc chiếc xe dừng lại.

– Đến nơi rồi. Anh cần đi đâu nào? – người lái xe hỏi. Ông đã bước ra khỏi cabin, đứng cạnh thành xe phía sau và nhìn vào hòm xe. – Anh bạn, anh còn sống đấy chứ?

– Vâng, còn sống! Xin cảm ơn anh – Apđi đáp lại. – Chúng ta đã đến ga Gianpắc-Xax rồi cơ à?

– Đến rồi, bây giờ chúng tôi phải đến kho nguyên liệu sống đây, còn anh

cần đi đâu?

– Tôi phải đến nhà ga. Một lần nữa cảm ơn anh đã giúp đỡ tôi trong lúc hoạn nạn. Rất cảm ơn cả vợ anh nữa. Tôi không đủ lời lẽ để cảm ơn anh chị.

Khi từ hòm xe leo xuống với sự giúp đỡ của người lái xe, Apđi rên rỉ vì đau đớn.

– Sức khoẻ anh gay lắm, bisara. Anh phải đến bệnh viện mới được – Người lái xe khuyên anh. – Anh cần có gậy chống thì sẽ dễ đi hơn đấy.

Apđi phải mất trọn nửa giờ mới lần được đến nhà ga. Cũng may là dọc đường anh kiếm được một mảnh ván, anh kẹp nó vào nách như chống nạng, do đó anh bước khập khiễng dễ dàng hơn.

Trong khi ấy, bên trên các nhánh đường sắt, bên trên những kết cấu các cầu cạn, các đèn chiếu và cần cầu, bên trên những đoàn tàu chạy qua và chuyển bánh, bên trên bãi trống cạnh nhà ga, hay nói chính xác hơn, bên trên toàn bộ thị trấn cạnh nhà ga giữa thảo nguyên, đâu đâu cũng vang vang những mệnh lệnh phát qua hệ thống loa nội bộ, đâu đâu cũng vang lên tiếng còi tàu và thỉnh thoảng trạm phát thanh lại thông báo về giờ đi và đến của các chuyến tàu khách. Sau khi đã ở một thời gian tại những nơi xa xôi hẻo lánh, Apđi lập tức cảm thấy không khí sôi nổi của cuộc sống. Khắp xung quanh là những con người lo lắng vội vã chạy tới chạy lui – không phải vô cớ mà Gianpắc-Xax được coi là một trong những ga đầu mối lớn nhất của Turkextan.

Giờ đây Apđi phải quyết định xem ra đi bằng cách nào, đi chuyển tàu nào và nói chung làm thế nào sống tiếp được nếu trong túi anh chỉ vền vền có ba mươi năm rúp để chi cho mọi thứ. Mà giá vé toa nằm chỉ đến Mátxcơva thôi – với điều kiện là còn vé – đã là ba chục rúp rồi. Vậy sống bằng gì được? Xử sự thế nào đây với bên chân đau, với các vết xây xát và

giật thương? Nhờ bệnh viện địa phương hay mau mau ra đi? Mãi miết suy nghĩ, Apđi khập khiễng bước qua những gian nhà ga đông đúc và ngột ngạt. Quần áo rách nát, khắp người thâm tím và lại còn mảnh ván cong queo kì cục này thay cho chiếc nạng nữa, Apđi bất giác thu hút sự chú ý – nhiều người ngoái đầu lại nhìn anh. Khi bước ra sân ga đi về phía bảng giờ tàu chạy, Apđi nhận thấy một người công an đi theo anh.

– Này anh kia, đứng lại đã! – người công an gọi giật anh và tiến đến gần. Ánh mắt giận dữ, nghiêm nghị của anh ta không hứa hẹn điều gì tốt đẹp. – Anh làm gì ở đây? Anh là ai?

– Tôi ấy ư?

– Đúng thế.

– Tôi đang muốn đi tàu. Tôi định xem giờ tàu chạy.

– Anh có giấy tờ không?

– Giấy tờ gì?

– Giấy tờ bình thường thôi: chứng minh thư, giấy thông hành, giấy chứng nhận của nơi làm việc.

– Tôi có đấy, nhưng phải cái...

– Vậy anh xuất trình ra.

Apđi lúng túng:

– Đồng chí hiệu không... Những thứ ấy... Thừa đồng chí... thừa đồng chí...

– Thừa đồng chí trung úy, – người công an bực tức nhắc.

– Vâng, thừa đồng chí trung úy, tôi phải nói với đồng chí là...

– Anh cần nói gì thì sau này chúng tôi sẽ biết. Bây giờ, anh hãy xuất trình giấy tờ ra đã.

Apđi tròng trính lấy trong túi ra một cục giấy nhão méo mó mà trước đây là chứng minh thư của anh.

– Đây, – anh đưa cho người công an. – Đây là chứng minh thư của tôi.

– Chứng minh thư gì cái thứ này! – người công an khinh bỉ nhìn Apđi. – Anh định đánh lừa tôi chắc? Đây mà là chứng minh thư? Anh hãy giữ lấy và đi về đồn với tôi. Ở đây chúng tôi sẽ tìm hiểu xem anh là ai?

– Nhưng mà tôi, thừa đồng chí trung uý... – Apđi ngập ngừng nói, anh cảm thấy xấu hổ cho bộ dạng của mình, cho mảnh ván dùng làm nạng chống của mình và trước đám người vô công rồi nghề ngẫu nhiên đang mau chóng vây quanh, – đồng chí hiểu không, tôi là phóng viên báo.

– Hạng anh thì phóng viên gì! – người công an phẫn nộ cái gã bị bắt giữ này nói dối thật công nhiên và trắng trợn. – Thôi đi đi anh chàng phóng viên!

Đám đông vô công rồi nghề đứng xung quanh thích thú cười phá lên một cách độc địa.

– Gớm chửa, dám mạo nhận là phóng viên kia đấy!

– Này, sao anh bạn không tự xưng là bộ trưởng ngoại giao nhỉ?

Apđi khập khiễng bước theo người trung uý dễ nổi nóng qua phòng đợi. Bây giờ tất cả những ai gặp anh trên đường đi đều ngoái lại nhìn, thì thầm với nhau và cười diễu cợt. Khi họ đi qua một gia đình đang ngồi với đồ đạc trên một chiếc ghế dài lớn bằng gỗ, Apđi loáng thoáng nghe thấy những mẩu nói chuyện rời rạc.

Cô bé: Mẹ, Mẹ nhìn kìa, ai đấy hả mẹ?

Người phụ nữ: Con ạ, nó đi ăn cướp đấy. Con thấy không, nó bị chú công an bắt rồi.

Giọng đàn ông: Ăn cướp gì cái ngữ ấy. Ăn cắp vặt, trộm vặt là cùng.

Giọng phụ nữ: Đừng nói thế, Misa. Trông bề ngoài nó thì đáng thương lắm nhưng cứ thử gặp nó trong ngõ hẻm tối tăm xem – nó chẳng cắt cổ cho ấy à...

Nhưng điều bất ngờ đáng sợ nhất đang chờ Apđi ở phía trước. Khi bước theo người trung úy vào cửa một căn nhà trong số rất nhiều gian nhà cạnh nhà ga, anh thấy mình ở trong một phòng công an khá rộng có cửa sổ trông ra quảng trường. Một người công an cấp bậc thấp hơn đang ngồi ở bàn bên máy điện thoại, anh ta đứng dậy khi người trung úy xuất hiện.

– Thưa đồng chí trung úy, tình hình bình thường – anh ta báo cáo.

– Ngồi xuống đi, Bécbulát. Lại thêm một con chim lạc nữa đây, – người trung úy gật đầu về phía Apđi và nói. – Trông mới đẹp chứ! Lại còn là phóng viên nữa đấy!

Từ ngưỡng cửa, Apđi nhìn khắp lượt các phía và suýt kêu lên – anh hết sức sửng sốt với cảnh tượng hiện ra trước mắt anh. Ở góc bên trái cạnh cửa ra vào, sau dãy chấn song hàn một cách thô kệch bằng sắt cốt và ngăn riêng căn phòng ra suốt từ sàn đến trần là toán tìm kiếm anasa đang ngồi hệt như lũ thú ngồi trong chuồng thú: Pêtrukha, Lenca, Makhats, Côlia, hai gã phụ trách phá hoại và còn vài gã nữa – tất cả chừng mười, mười hai gã, gần như cả toán, chỉ trừ có Grisan. Không thấy gã ta đâu.

– Kia các cậu, các cậu làm sao thế? Có chuyện gì xảy ra vậy? – Apđi bất giác thốt lên.

Không một ai trong toán tìm kiếm anasa đáp lại câu hỏi của anh. Họ thậm chí không nhúc nhích nữa. Tất cả ngồi trên sàn như ngồi trong lồng, sát lại nhau, thay đổi hẳn, xa cách và rầu rĩ.

– Cùng bọn với anh đấy à? – người trung úy hay nổi giận cười khẩy một cách lạ lùng.

– Dĩ nhiên rồi! – Apđi quả quyết nói. – Các bạn tôi đấy.

– À ra thế! – Người trung úy chăm chú nhìn Apđi tỏ vẻ ngạc nhiên rồi quay sang hỏi toán tìm kiếm anasa: – Anh ta có phải trong bọn các anh không?

Không một ai đáp lại. Tất cả đều im lặng, cụp mắt xuống.

– Kìa, tôi hỏi các anh kìa! – Người trung úy phát cáu. – Sao các anh lại im lặng? Được, ta hãy chờ một lát vậy. Các anh sẽ còn nhảy nhót ở đây như cá trên chảo ấy. Các anh sẽ còn nhớ đến tôi khi cả bọn các anh được ban thưởng theo điều luật ba trăm mười bảy. Các anh sẽ còn được hát về những vùng xa lắc. Và chớ hy vọng là các anh còn ít tuổi, viện cớ là trước đây trẻ con không bị kết án. Cái đó không được tính đến đâu. Đúng, yếu tố đó không được tính đâu. Các anh bị bắt quả tang kia mà! – người trung úy gật đầu về phía mớ đồ đạc mà Apđi quen biết, đó là những chiếc balô và vali đựng anasa vút tứ tung trên sàn nhà: một số mở toang, một số bị rách nát, anasa vương vãi đầy đó và trong phòng sặc sụa mùi dầu gai dại. Trên chiếc bàn cạnh máy điện thoại ngổn ngang những hộp diêm và những chai lọ thủy tinh đựng plaxtilin. – Các anh cứ việc im lặng đi! Các anh méch lòng kia đấy, thấy chưa kìa! Các anh bị chúng tôi bắt quả tang cơ mà! – Người trung úy nhắc lại, mỗi lúc một gay gắt hơn, giọng sang sảng vì giận dữ. – Chứng cứ đây! Tang vật đây! Chất thuốc phiện của các anh đây! – Người trung úy đá vào những balô đựng anasa. – Trong bọn các anh, chỉ có một tên khốn kiếp thoát khỏi cuộc vây bắt. Nhưng rồi hẳn cũng sẽ ngồi sau dây chấn song trong góc này, các anh thật xấu xa quá! Đứng dậy, tôi bảo kìa – đứng dậy! Ngồi ì mãi rồi! Đứng yên mà nhìn đây! Không được đưa mắt đi chỗ khác! Không ai được đưa mắt đi chỗ khác! Những kẻ khốn nạn như các anh đã từ dưới toa bắn vào tôi, và bây giờ đừng có hòng tôi thương hại! Toàn lũ đều cáng, mới hỉ mũi chưa sạch mà đã bắt đầu đem súng ống rồi! Sau này sẽ ra sao? Tôi là kẻ thù vĩnh viễn của các anh, mà tôi thì biết cách đấu tranh với các anh. Trên khắp các đoàn tàu và khắp các tuyến đường, tôi sẽ tóm các anh như tóm lũ chó dại ấy, các anh đừng hòng thoát khỏi tay tôi! – Người

trung úy giận dữ hét to. – Vậy tôi hỏi các anh, anh ta là ai, cái gã rách rưới mạo nhận là phóng viên này? Anh ta là ai, hắn ta là ai? – Người trung úy nắm lấy tay Apđi kéo lại gần dãy song sắt. – Hãy trả lời đi trong khi tôi còn hỏi tử tế ! Anh ta trong bọn các anh phải không?

Tất cả yên lặng một thoáng, nhìn bộ mặt rầu rĩ của những kẻ tìm kiếm anasa, Apđi không tài nào quen được với ý nghĩ rằng những gã trai ngang tàng mà mới hôm qua thôi còn chặn các đoàn tàu trên thảo nguyên, còn tranh nhau hút anasa, còn hất anh xuống đất trong khi tàu đang chạy thì giờ đây lại ngồi trong lồng quây chắn song, không thắt lưng, không giày dép, đi chân đất (chắc hẳn làm như vậy là để họ không chạy trốn lúc cần dẫn họ đi đồng), trông thảm hại và hèn hạ.

– Tôi hỏi các anh lần cuối cùng – giọng người trung úy nghẹn lại vì kích động. – Cái gã bị tôi bắt giữ này có phải cùng bọn với các anh không?

– Không, không phải cùng bọn với chúng tôi, – Pêtrưkha giận dữ trả lời thay cho cả toán sau khi miễn cưỡng ngược mắt nhìn Apđi.

– Không cùng bọn với các cậu là thế nào, Pêtrưkha? – Apđi sừng sốt hỏi lại, tập tễnh chiếc nạng tự làm lấy bước về phía dãy chắn song sắt. – Các cậu quên tớ rồi à? – Anh trách móc những kẻ bị dãy chắn song sắt ngăn cách với anh. – Tớ rất thương các cậu, – anh nói thêm. – Sao lại xảy ra có sự này?

– Đây không phải là chỗ để anh ngỏ lời chia buồn – người trung úy ngắt lời Apđi. – Bây giờ tôi sẽ hỏi riêng từng người một – người trung úy đe dọa toán thanh niên đi kiếm anasa, – nếu ai nói dối, mà việc đó thế nào cũng lộ ra thôi, thì tội sẽ nặng thêm đấy. Nào, anh nói đi – người trung úy hỏi Makhats.

– Không phải bọn chúng tôi – Makhats bĩu cặp môi ướm, trả lời.

– Bây giờ đến lượt anh – người trung úy ra lệnh cho Lenca.

– Không phải bọn chúng tôi – Lenca đáp và nặng nề thở dài.

– Không phải bọn chúng tôi – Côlia tóc hung lâu bầu.

Tất cả toán đi tìm anasa đều không thừa nhận Apđi. Thái độ của họ dù lạ lùng đến đâu chẳng nữa vẫn khiến Apđi thấy tự ái. Việc họ chối bỏ anh, chối bỏ một cách ngẩn ngui, thẳng thừng, đã lảng mạ và sỉ nhục anh. Anh cảm thấy người nóng bừng, đầu như vỡ tung ra.

– Làm sao các cậu lại có thể nói là không biết tứ nhi? – Anh bối rối hỏi với vẻ băn khoăn. – Chính tứ đã...

– Thế này nhé, ngài phóng viên tờ ‘Niu Ước Thời Báo’ – người trung úy khinh bỉ ngắt lời anh, – nói thế là đủ rồi. Nào “chính anh”, nào “chính tôi” mãi. Đừng có bịp tôi. Không có anh, tôi cũng nhiều việc lắm rồi. Đi khỏi đây đi, chớ có quẩn chân tôi đấy. Và đừng có dính vào bọn kia. Đối với những kẻ như chúng đã có pháp luật trừng trị và pháp luật thì rất nghiêm khắc. Tội chế biến, lưu hành và buôn bán các chất ma túy đều phải bị kết án nhanh chóng. Không cần dài lời với những kẻ như chúng làm gì. Còn anh bạn phóng viên ạ, anh đi mau khỏi đây đi. Đi đi, đi cho khuất mắt tôi đi.

Tất cả đều im lặng. Apđi đổi chân, nhưng vẫn đứng nguyên.

– Anh có nghe thấy đồng chí trung úy nói gì với anh không? – người công an suốt từ nãy vẫn viết những giấy tờ gì ở đó ở bàn nay lên tiếng. – Anh đi đi kéo muện đấy. Anh hãy cảm ơn rồi đi đi.

– Thế các anh có chìa khoá mở chiếc cửa này không? – Apđi chỉ chiếc khoá treo ở cửa sắt.

– Anh cần gì? Dĩ nhiên là có chứ – người trung úy đáp, không hiểu rõ ý định của Apđi.

– Vậy thì các anh hãy mở ra – Apđi nói.

– Lại thế nữa! Nhưng anh là ai nào? – người trung úy phẫn nộ. – Tôi lại

nhốt anh luôn vào đây bây giờ!

– Đúng thế đấy, tôi muốn các anh giam tôi ngay vào sau dây chân song kia. Chỗ của tôi là ở đây! – mặt Apđi nóng bừng lên nổi điên khùng như lúc ở trên toa, khi anh quăng những cây anasa quý giá cho gió cuốn tung đi. – Tôi yêu cầu các anh bắt tôi và kết án tôi – anh thét lên, – như những kẻ bất hạnh kia, những kẻ lầm lạc trong một thế giới chứa đầy mâu thuẫn và những tội ác không kể xiết! Tôi phải chịu trách nhiệm như họ. Tôi cũng đã làm công việc như họ kia mà! Hãy mở cửa ra và giam tôi cùng với họ. Ở toà án, họ sẽ xác nhận tôi cũng có tội như họ! Chúng tôi sẽ ăn năn tội lỗi của mình và điều đó sẽ gột rửa tâm hồn chúng tôi...

Người công an gạt giấy tờ sang bên và đứng phắt dậy.

– Đồng chí trung úy, anh ta điên đấy. Đồng chí nhìn anh ta xem, thấy ngay là anh ta không bình thường.

– Tôi hoàn toàn minh mẫn – Apđi phản đối, – và tôi phải chịu hình phạt cũng như họ. Tôi điên ở điểm nào?

– Gượng đã, gượng đã, – người trung úy lưỡng lự. Hiển nhiên là trong suốt quãng đời công tác khó khăn của mình trong ngành công an vận tải, anh ta chưa gặp một trường hợp nào quái gở như vậy. Nếu kể lại thì chắc chẳng ai tin.

Mọi người lại im lặng. Đột nhiên có tiếng nấc lên rồi tiếng khóc nức nở nghẹn ngào nước mắt. Đây là Lenca quay mặt vào tường bật khóc. Pêtrukha bịt chặt miệng cậu ta lại và thầm thì gì đó tận tai cậu ta với vẻ đầy đe dọa.

– Thế này này, đồng chí ạ – người trung úy đột nhiên dịu đi và nói với Apđi. – Ta hãy đi nói chuyện một lát, tôi sẽ chăm chú nghe đồng chí, chỉ có điều là ở chỗ khác mới được. Ta đi khỏi đây đi. Đi đi, ta đi đi, hãy nghe theo tôi.

Họ lại bước vào gian phòng đợi chật ních những người qua lại. Người trung úy dẫn Apđi đến một chiếc ghế dài để trống, mời anh ngồi rồi chính mình cũng ngồi cạnh.

– Tôi tha thiết đề nghị đồng chí – người trung úy nói với vẻ tin cậy bất ngờ, – đừng ngăn trở chúng tôi làm việc. Nếu tôi nói điều gì không phải thì đồng chí cũng đừng giận. Công việc của chúng tôi rất khó khăn. Chính đồng chí cũng thấy rồi đấy. Tôi đề nghị đồng chí cần đi đâu thì cứ việc đi. Đồng chí được tự do, chỉ có điều là đừng đến chỗ chúng tôi nữa. Đồng chí hiểu chứ?

Trong khi Apđi đang tập trung tư tưởng, nghĩ xem nên giải thích như thế nào cho người trung úy về thái độ của mình và bày tỏ ý kiến của mình về số phận của đám thanh niên tìm kiếm anasa bị bắt kia thì người trung úy đã đứng dậy, rẽ đám đông bỏ đi.

Những hành khách đợi tàu chẳng có việc gì làm nên bắt đầu lại liếc nhìn Apđi. Anh quá nổi bật giữa đám người đủ loại. Bị đánh đập tàn nhẫn, mặt đầy vết thâm tím, quần áo rách tả tơi, dưới nách là mảnh ván thay cho chiếc nạng. Apđi khiến mọi người vừa tò mò lại vừa khinh bỉ. Hơn nữa, anh lại vừa bị công an dẫn đến đây.

Còn Apđi thì mỗi lúc một khó chịu trong người hơn. Nhiệt độ tăng, đầu nhức nhối không chịu nổi. Những biến cố ngày hôm qua, trận mưa rào ban đêm, một bên chân sưng vù không điều khiển được nữa và cuối cùng là cuộc gặp gỡ bất ngờ với toán thanh niên tìm kiếm anasa đang đứng trước nguy cơ bị trừng phạt nặng nề. Vì tội lỗi của họ – tất cả những cái đó đã tác động đến Apđi. Anh bắt đầu lên cơn rét, hết run bần bật lại nóng bừng bừng. Anh ngồi co ro, rứt đầu vào hai vai, không đủ sức đứng dậy nữa. Chiếc nạng bất hạnh nằm lăn lóc dưới chân anh.

Đột nhiên trước cặp mắt mờ đi của Apđi, mọi vật chao đảo như trong làn sương mù. Những khuôn mặt và hình người nhoà dần, mất đi những đường

nét rõ ràng, vươn dài ra, co hẹp lại, chùng lên nhau. Anh cảm thấy buồn nôn, những ý nghĩ lẫn lộn, khó thở. Ruột gan rối tung, anh ngồi trong căn phòng đông đúc, ngột ngạt nóng hầm hập này giữa những người tình cờ gặp nhau. “Ôi, mình khó chịu trong người quá – anh nghĩ, – và người ta được sắp đặt mới kì lạ chứ! Chẳng ai cần đến ai hết. Xung quanh thật trống trải, thật cô độc”. Anh chờ đợi tình trạng này sớm qua đi và anh lại sẽ như trước kia, khi ấy anh sẽ gắng tìm cách nào đó giúp cho những kẻ có nguy cơ bị ngồi tù. Việc mới hôm qua đây họ đã quăng anh xuống đất giữa lúc tàu đang chạy, hy vọng anh sẽ bị tan xương nát thịt, giờ đây đã lui xuống hàng thứ yếu. Những kẻ tội phạm đó, những kẻ khốn kiếp đó, những kẻ giết người ngu độn đó lẽ ra phải khiến anh căm thù, khao khát trả thù, chứ không phải thương hại. Nhưng vốn thiên về lý tưởng, Apđi không muốn tiếp nhận những bài học của cuộc đời, và không một lôgic nào có thể tác động nổi. Trong tiềm thức anh hiểu rằng thất bại của những kẻ đi tìm anasa là thất bại của anh, là thất bại của tư tưởng vị tha có chứa đựng lòng tốt. Anh đã không đủ sức tác động đến họ để cứu họ thoát khỏi số phận khủng khiếp. Đồng thời anh cũng không thể không hiểu rằng anh thật dễ thương tổn vì tính giàu lòng tha thứ này của anh và tính đó có thể dẫn đến những hậu quả hết sức tai hại...

Nhưng dù sao thế giới vẫn không thiếu người tốt, họ xuất hiện cả trong đám người tình cờ kia ở nhà ga. Một phụ nữ đứng tuổi, đầu bạc, chít khăn, ngồi với đồng hồ đặc trên chiếc ghế dài đối diện Apđi, rõ ràng là hiểu rằng anh không được khoẻ, anh cần sự giúp đỡ.

– Này anh... – bà lên tiếng nhưng lập tức chuyển sang giọng hỏi han ân cần như của người mẹ. – Này cháu, cháu không được khoẻ phải không? Cháu có ốm không đấy?

– Hình như cháu có bị ốm thật, nhưng bác cứ yên tâm – Apđi cố mỉm cười đáp.

– Cứ yên tâm là thế nào? Trời, cháu bị làm sao thế kia, cháu không bị ngã đó chứ? Cháu sốt cao đây này – bà áp tay vào trán Apđi rồi nói, – mắt cháu cũng cho thấy là cháu bị ốm rồi. Thế này nhé, cháu cứ ngồi yên đây, bác sẽ đi xem xem liệu có thầy thuốc ở đây không hoặc sẽ thu xếp cho cháu vào một bệnh viện nào đấy. Không thể để cháu như thế này được...

– Bác đừng lo cho cháu, không cần đâu bác ạ – Apđi nói bằng một giọng yếu dần.

– Không, không được. Cháu cứ ngồi ở đây một lát. Bác sẽ quay lại ngay.

– Bà già phúc hậu nhờ người phụ nữ ngồi cạnh với lũ con nhỏ trông nom hộ đồ đạc rồi bước đi.

Apđi không nhớ là bà đi bao lâu. Anh đuối sức hẳn. Bây giờ anh đã hiểu lý do: cổ họng anh đau nhức. Thậm chí không thể nuốt nước bọt được. “Chắc viêm họng” – anh thầm nghĩ. Anh yếu đến nỗi muốn nằm xuống, nằm dài ra ngay trên đất – dù anh có bị giẫm lên chẳng nữa – và thiếp đi, ngủ thiếp đi...

Anh vừa bắt đầu ngủ thì đám đông trong phòng đợi bên cạnh bỗng nhốn nháo lên và tiếng người nói lao xao. Anh mở mắt, thấy toán thanh niên đi kiểm anasa đang bị dẫn ra khỏi buồng công an. Một đội công an vây chặt lấy họ, người trung úy dễ nổi giận đi trước – đám đông giãn ra hai bên, tiếp theo sau là toán thanh niên kia bị xích tay. Bị đội áp tải kèm chặt, họ nối chân nhau bước – Pêtrưkha, Makhats, Lenca, Côlia, hai gã chuyên phá hoại và mấy gã nữa, tất cả là mười người. Họ bị dẫn ra khỏi nhà ga.

Cổ nén đau đớn, Apđi khó khăn lắm mới nhắc nổi chiếc nạng lên và lao theo họ. Anh có cảm giác là anh đi rất nhanh nhưng không hiểu sao không tài nào đuổi kịp được họ. Những kẻ vô công rồi nghề chen chúc nhau cũng ngăn Apđi lọt được đến chỗ toán người bị bắt kia. Nhưng họ bị đưa đi thế nào thì Apđi nhìn thấy: đồ gập cửa nhà ga là một chiếc xe mui kín, cửa xe

bị chấn song – hai nhân viên công an xốc nách từng gã lên xe và đẩy vào trong hòm xe. Sau đó đội áp giải ngồi vào xe và cửa xe đóng sập lại. Người trung úy bước lên cabin ngồi cạnh lái xe, và chiếc xe lăn bánh khỏi quảng trường nhà ga. Đám đông xô xao đủ mọi loại phỏng đoán.

– Bọn cướp đấy mà. Cả một toán bị bắt gọn.

– Đúng là những tên vẫn thường lén vào các nhà giết người đấy.

– Ôi, khiếp quá đi mất!

– Đây mà là bọn cướp ư? Toàn nhóc con thôi.

– Cậu bảo là bọn nhóc con ấy à? Bọn nhóc con bây giờ chẳng dẫn đi gì hết, muốn giết ai là giết luôn.

– Không phải đâu bà con ạ, đấy là những tên đi tìm kiếm anasa đấy. Chính bọn này chuyên chở anasa đấy mà. Vô khối tên bị bắt trên các đoàn tàu hàng...

– Bắt nhiều đến mấy thì chúng vẫn cứ nườm nượp kéo đi...

– Kể cũng lạ thật...

* * *

Câu chuyện cay đắng của toán người đi tìm kiếm anasa đã kết thúc như vậy. Và Apđi cảm thấy một nỗi trống vắng khó hiểu trong tâm hồn...

Không nhớ rõ trước đây ngồi ở đâu, Apđi liền tập tễnh vào phòng đợi. Anh đi một cách hú hoạ, vất vả lê đôi chân, và tại đây anh gặp người phụ nữ tóc bạc ban nãy.

– Anh ấy đây rồi! – Bà nói với chị y tá mặc áo choàng trắng. – Cháu đi đâu thế, bác tìm cháu mãi. Cả chị y tá cũng đến đấy. Hình như cháu bị sốt thì phải, do đó họ sợ cháu bị mắc bệnh truyền nhiễm.

– Cháu không nghĩ thế – Apđi yếu ớt đáp.

Người y tá sờ trán anh.

– Sốt cao, – chị nói. – thế có rối loạn tiêu hoá không? Đi ỉa chảy, phân thối hoắc chẳng hạn? – chị hỏi rõ thêm.

– Không.

– Dù sao cũng phải đến trạm y tế. Ở đây bác sĩ sẽ khám thêm.

– Tôi có thể đi ngay được.

– Thế đồ đạc của anh đâu?

– Tôi không có đồ đạc...

II.3

Tình yêu với Inga



ại bệnh viện cạnh nhà ga Gianpắc-Xax là nơi Apđi được đưa đến, nữ bác sĩ Alia – một phụ nữ Cadăcxtan cau có – khám cho anh rồi bảo:

– Tình hình của anh khá phức tạp. Chấn thương ở chân thì phải có bác sĩ chuyên khoa xem mới được. Còn trước mắt thì chúng tôi sẽ điều trị bằng kháng sinh để nhiễm trùng khỏi lan rộng. Nhưng đồng chí bệnh nhân ạ, đồng chí phải kể cho tôi nghe tất cả những gì đã xảy ra với đồng chí. Tôi hỏi đồng chí không phải vì tò mò đâu, mà với tư cách là bác sĩ...

Trong số vô vàn những cuộc gặp gỡ và chia ly có thể có, bao giờ trong đời người, dù chỉ một lần thôi, cũng xảy ra cái mà ta chỉ có thể gọi là cuộc gặp gỡ do Trời sắp đặt. Nhưng mỗi nguy hiểm là cuộc gặp gỡ như thế sẽ không dẫn đến kết quả gì hết cũng thật lớn lao. Con người chỉ mãi về sau mới hiểu được, và khi ấy anh ta luôn luôn thoáng cảm thấy hoảng sợ khi nghĩ rằng hậu quả sẽ ra sao đây nếu như cuộc gặp gỡ đó là vô ích. Vì kết cục cuộc gặp gỡ đã không phụ thuộc vào Trời nữa mà phụ thuộc vào chính bản thân con người.

Một biến cố tương tự đã xảy ra với Apđi. Vào chiều ngày thứ ba, nàng đã vào bệnh viện thăm anh. Đây là cô gái mà anh chỉ có thể mơ ước đến thôi bởi vì anh không biết nàng là ai, mà mơ ước thì người ta có thể mơ ước đến mọi thứ trên đời...

Ban ngày, sau nhiều lần tiêm và uống thuốc, nhiệt độ của anh hơi giảm xuống và đến chiều thì đã không vượt quá ba mươi bảy độ ba nữa. Nhưng chỗ sưng ở chân vẫn không bớt, một bên sườn hoá ra bị gãy phía phải, khi chiếu điện phát hiện thấy vết rạn. Song nói chung tình hình khá dần lên. Về tâm trạng chủ quan của mình thì Apđi không có gì phải than phiền. Bác sĩ Alia đã tỏ ra là một thầy thuốc điều trị với ý nghĩa đầy đủ của mấy từ ấy. Bà chữa bệnh không chỉ bằng kiến thức mà bằng cả phong cách của mình. Tất cả những qui định của bà và bản thân cách thức trò chuyện của bà đều khiến bệnh nhân thấy yên tâm và tin tưởng, đều giúp họ chống đỡ lại bệnh tật. Biện pháp tâm lý của bà rất thận trọng và sáng suốt. Và Apđi, sau mọi thăng trầm và chấn động, cảm thấy đặc biệt sâu sắc rằng đôi khi con người rất cần được người khác quan tâm đến và đối xử ân cần. Thành thật mà nói, anh thậm chí vui mừng vì phải nằm viện và gặp được một bác sĩ giỏi, – anh cảm thấy an tâm và thoải mái như vậy đây trong bệnh viện khiêm nhường và yên tĩnh ở nhà ga, đặt trong một công viên nhỏ...

Cửa sổ buồng rèm trắng và trông ra con đường lớn có trồng cây hai bên lúc này hơi hé mở. Không khí nóng bức vẫn chưa dịu bớt. Hai bệnh nhân nằm bên cạnh đã ra sân để hút thuốc và thay đổi không khí, còn Apđi nằm một mình, thường xuyên tự đo nhiệt độ. Anh rất không muốn nhiệt độ lại tăng lên. Đúng lúc đó có một đôi gót giày nhọn bước ngang qua cửa sổ và một giọng phụ nữ hỏi thăm người y tá trực nhật về anh. Liệu đây có thể là ai được nhỉ? Apđi cảm thấy giọng nói đó quen quen. Ít phút sau, người y tá mở cửa phòng bệnh.

– Đây, anh ấy nằm ở đây.

– Chào anh, – cô gái đến thăm nói. – Anh là Apđi Calixtơratốp phải không?

– Vâng, – anh đáp mà không tin ở mắt mình nữa.

Đây chính là cô gái đã làm sừng sốt trí tưởng tượng của Apđi, cô gái

trước đây đã đi moto đến Ba Giếng. Apđi bối rối đến nỗi gần như không nghe thấy cô nói, anh đoán được ý nghĩa những lời lẽ của cô chỉ bởi vì đã từ lâu anh sẵn sàng hiểu cô cho dù cô chỉ cần nói nửa lời. Hoá ra, cô tên là Inga. Cô đến đây bởi vì nữ bác sĩ Alia, người mà cô đã kết bạn từ ba năm nay lúc cô đến đây làm công tác nghiên cứu khoa học, đã kể cho cô nghe về anh và làm cô rất quan tâm. Cả hai người, tức là anh, Apđi, và cô, Inga, đều nghiên cứu những vấn đề có phần gần gũi nhau liên quan đến loại cây anasa. Cô đang nghiên cứu sự lan rộng – tiếp đó là một tên Latinh phức tạp gì đó của loại dầu gai dại vùng thảo nguyên – ở Mũiuncumư và vì thế cô đến làm quen với anh để biết xem anh có cần tin tức gì không. Vì theo ý kiến cô thì nhà báo cũng cần đến cả những tin tức khoa học.

Trời, lại còn tin tức khoa học gì được nữa khi tai anh như bị ù đi do sự xuất hiện bất ngờ của cô. Chỉ nhờ có một phép lạ kì diệu nào đó mà anh đoán được cô đang nói gì. Anh chỉ nhìn thấy mắt cô thôi và vào giây lát đó anh có cảm tưởng rằng không một ai có đôi mắt như vậy – chẳng khác gì nhà thiên văn học phát hiện ra một ngôi sao chưa ai biết đến trong số hàng triệu ngôi sao giống nhau, còn đối với một kẻ không am hiểu thì mọi ngôi sao đều giống hệt nhau. Hình như chỉ riêng ánh mắt cô đã làm anh bốc hơi rồi...

Tất cả những chuyện đó Apđi phục hồi lại là về sau, khi anh chỉ còn một mình một bóng và đã ít nhiều trấn tĩnh được, chứ vào những phút đầu tiên thì trông anh đúng là một gã ngốc đặc. Quả thật, Inga có thể nghĩ rằng đó là do anh bị sốt cao, vì chỉ đồ ngốc mới có thể chưa chi đã bộp chộp nói: “Do đâu mà chị biết được là tôi lúc nào cũng nghĩ đến chị?”. Đáp lại, Inga chỉ ngạc nhiên dướn mày lên khiến cô càng xinh đẹp hơn, và cô mỉm cười bí ẩn. Nếu như cô tiếp nhận câu nói ngốc nghếch thô thiển này như một sự dung tục hay tầm thường thì chắc là về sau Apđi sẽ tự dẫn vật, sẽ tự nguyện rửa mình thậm tệ. Nhưng ơn Chúa, cô đủ tế nhị để không gán cho những lời lẽ của anh một ý nghĩ gì đặc biệt. Và họ vui vẻ nhớ lại việc cô đi moto đến

Ba Giếng như thế nào, họ gặp nhau đầu tiên ra sao, và cùng thích thú điều cợt cái trường hợp thoáng qua song cả hai còn ghi nhớ ấy.

Inga còn thích thú hơn nữa khi nghe anh kể lại là sau đó một hôm, anh cùng hai gã lão luyện trong việc đi kiếm anasa là Pêtrukha và Lenca đã trốn trong cỏ như thế nào, khi trên bầu trời thảo nguyên xuất hiện chiếc máy bay lên thẳng. Hoá ra cô đã bay trên chiếc máy bay ấy cùng một nhóm khảo sát khoa học từ Tasken tới: một viện nghiên cứu khoa học ở Tasken đang nghiên cứu việc dùng phương pháp hoá sinh để tiêu diệt loài dầu gai dại ngay tại chỗ sinh trưởng ra nó. Giờ đây Apđi mới biết rõ là cuộc đấu tranh với chất độc ấy được tiến hành theo hai hướng: tiêu diệt nạn ma tuý và tiêu diệt những loại cây có chứa chất ma tuý. Và như thường xảy ra trong đời, giải quyết vấn đề này không phải chuyện đơn giản. Chẳng hạn như, những lời giải thích của Inga cho thấy rằng tìm ra những hoá chất tiêu diệt dầu gai dại không chỉ trong giai đoạn sinh trưởng mà còn tiêu diệt cả loại cây đó nữa bằng cách đánh vào hệ thống sinh sản của nó, là điều hoàn toàn có thể làm được, nhưng phương pháp này lại chứa đựng một hậu quả tai hại hơn: nó phá huỷ đất đai, đất ấy sẽ không trồng trọt được ít nhất là hai trăm năm. Huỷ hoại thiên nhiên vì cuộc đấu tranh chống ma tuý – đó cũng là một thứ đòn sóc hai đầu. Nhiệm vụ của Inga chính là tiến hành những công trình nghiên cứu nhằm tìm ra những phương pháp tối ưu để giải quyết vấn đề sinh học phức tạp này. Trời, Apđi nghĩ, nếu như thiên nhiên có tư duy thì mối liên hệ qua lại quái gở này giữa những loài cây hoang dại và sự tha hoá về đạo đức của con người sẽ chất lên vai cô như một tội lỗi thật nặng nề.

Mặc dù Apđi gọi mối quan hệ mới nảy sinh giữa anh và Inga là ‘giai đoạn mới trong số phận của mình’, nhưng anh không cho phép bất kì một sự phóng đại có tính chất lãng mạn nào. Sau khi trở về Priôxcơ được đúng một hôm, anh viết cho cô một bức thư dài, tuy rằng trên đường đi, gần như tại mỗi nhà ga mà đoàn tàu đỗ lại quá năm phút, anh đều gửi bưu thiếp cho cô. Có một cái gì đó mãnh liệt, không lờng vào được khái niệm thông

thường về tình yêu, trong tâm trạng căng thẳng về tình cảm, trong nỗi khao khát mà Apđi cảm thấy từ khi gặp được Inga trên đường đời của mình.

Anh viết cho cô:

“Thật không thể hiểu nổi chuyện gì đang xảy ra với tôi. Trước đây tôi vẫn cho rằng tôi là một người khá trầm tĩnh, lý trí và xúc cảm của tôi thăng bằng ở mức độ cần thiết, vậy mà bây giờ tôi không thể phân tích nổi bản thân tôi. Hơn nữa, thật đáng ngạc nhiên là tôi cũng chẳng muốn phân tích gì hết. Tôi chìm đắm trong niềm hạnh phúc chưa từng thấy. Niềm hạnh phúc đó tràn vào tâm hồn tôi chẳng khác gì tuyết lở từ núi xuống, (trong một bộ phim tài liệu tôi đã thấy cảnh một khối tuyết trắng toát trào xuống và quét sạch mọi vật trên đường đi của nó), và tôi sung sướng rằng khối tuyết lở đó đổ sụp xuống đầu tôi. Trước kia và hiện nay không có một người nào khác trên đời hạnh phúc hơn tôi, chỉ riêng tôi là gặp may mắn như vậy. Và tôi, như một gã man rợ cuồng tín vừa gồ trống vừa nhảy nhót, tôi cảm ơn số phận vì mọi thử thách mà số phận đó đã buộc tôi phải trải qua vào mùa hè này: số phận đã cứu sống tôi sau khi đã cho tôi biết được những gì chỉ có thể biết được trong chốn xoáy lốc của cuộc đời. Tôi muốn nói rằng trong phạm vi một cá nhân thì tình yêu là cuộc cách mạng thật sự của tinh thần! Và nếu thế thì cuộc cách mạng tinh thần ấy muôn năm! Đó là một cuộc cách mạng vừa phá huỷ lại vừa phục hưng cùng một lúc!

Inga, em hãy tha lỗi cho tôi về những lời lẽ lộn xộn ấy . Nhưng tôi yêu em. Tôi không đủ sức, không đủ lời để diễn tả toàn bộ ý nghĩa của em đối với tôi... Bây giờ em hãy cho phép tôi lấy lại hơi thở đã. Tôi đã đến toà soạn báo. Tôi đã kể vắn tắt những gì xảy ra và xảy ra như thế nào. Người ta giục tôi viết bút ký, người ta chờ đợi bài bút ký của tôi. Thậm chí, rất có thể là sẽ xuất hiện cả một loạt bút ký của tôi về đề tài bức thiết này. Và nếu những mong đợi của tôi được thực hiện thì tôi hy vọng sẽ được làm việc thường xuyên trong tờ báo này. Nhưng nói đến chuyện đó vào lúc này hãy

còn sớm. Điều chủ yếu là từ ngày mai tôi sẽ bắt tay vào công việc. Vì tôi cố ý không ghi chép gì hết nên tôi sẽ phải tuần tự nhớ lại mọi việc.

Dù thế nào chẳng nữa, số phận của những kẻ đi tìm kiếm anasa kia – hoàn toàn hợp lẽ là họ sẽ phải chịu sự xét xử chính đáng và nghiêm khắc vì tội phổ biến chất ma túy – vẫn làm tôi băn khoăn. Bởi vì đối với tôi, họ là những con người thật với số phận cay đắng và hư hỏng của họ. Tôi đặc biệt thương hại Lenca. Cậu ta đến sa ngã mất. Chính ở đây nổi lên vấn đề đạo đức mà tôi đã bàn luận nhiều với em. Inga ạ, em hoàn toàn có lý khi cho rằng bất kỳ một tội lỗi nào, bất kỳ một trọng tội nào của con người tại bất kỳ điểm nào trên trái đất, đều động chạm đến tất cả chúng ta, cho dù chúng ta ở xa, chúng ta không ngờ vực gì về chuyện đó và không muốn biết gì về chuyện đó chẳng nữa. Phải nói thẳng ra là đôi khi chúng ta còn cười đùa nữa: Kìa, những kẻ mà chúng ta quen gọi là đối thủ của chúng ta đã sa đọa tới mức ấy đấy. Nhưng báo chí đã làm đúng khi viết về những tội ác diễn ra ngoài giới hạn của chúng ta và việc đó chứa đựng một ý nghĩa sâu xa. Bởi vì trên đời có tồn tại một sự cân bằng chung nào đó giữa những gánh nặng của nhân loại, bởi vì con người là tạo vật duy nhất biết suy nghĩ trong vũ trụ, và dù chúng ta muốn hay không thì tính chất đó của con người vượt quá tất cả những gì chia rẽ họ. Chúng ta nhất định sẽ đi tới chỗ đó bất chấp mọi mâu thuẫn giữa chúng ta, và việc đó sẽ cứu vãn lý trí trên trái đất.

Tôi thật sung sướng, Inga ạ, tôi có thể viết cho em về những gì làm tôi đặc biệt xúc động vì nhất định tôi sẽ tìm thấy sự đáp ứng cần thiết trong tâm hồn em – tôi tin chắc như vậy. Tôi sợ em sẽ chán ngán về những bức thư dài lê thê của tôi – nhưng tôi vẫn muốn viết hết bức thư này đến bức thư khác, không lúc nào dừng, nếu không, tôi sẽ không chịu nổi. Tôi lúc nào cũng phải ở bên em, dù là trong tâm tưởng. Sao tôi thiết tha đến như vậy là lại được tới thảo nguyên Múiuncumư, lại được gặp em lần đầu tiên trên chính chiếc moto mà em đã đi khi em xuất hiện ở Ba Giếng và lập tức chinh phục được tôi, một kẻ đấu tranh cho quan niệm mới về tôn giáo. Thật xấu

hồ phải thú thật điều này, nhưng tôi sững sốt trước sự xuất hiện của em đến nỗi ngay cả bây giờ tôi cũng không thể chế ngự nỗi cảm giác rứt rứt và hân hoan. Em đã từ trên trời giáng thế như một vị nữ thần trong diện mạo hiện đại...

Và giờ đây, khi nhớ lại chuyện đó, tôi vẫn không thể tha thứ cho tôi là khi có dịp tiếp xúc với những kẻ đi tìm kiếm anasa, tôi đã không biết làm thế nào để giảm bớt phần cái ác – dù chỉ một phần nhỏ nhoi thôi – và tăng thêm phần cái thiện trong cán cân những nỗi đau khổ của con người. Tôi đã hy vọng rằng họ sợ Chúa, nhưng đối với họ, tiền bạc hoá ra cao hơn hết. Và giờ đây, tôi trần trở nghĩ cách giúp đỡ họ, dù chỉ giúp đỡ những kẻ đi tìm kiếm anasa mà số phận đã xô đẩy tôi đến với họ và tôi đã có ít nhiều kinh nghiệm tiếp xúc với họ. Ý tôi muốn nói trước hết là sự ăn năn. Đó chính là mục tiêu mà tôi muốn chỉ cho họ con đường đi tới. Ăn năn – một trong những thành tựu vĩ đại của lịch sử tinh thần con người – đã bị mất giá trị trong thời đại chúng ta. Có thể nói, nó hoàn toàn biến mất khỏi thế giới đạo đức của con người hiện đại. Nhưng làm sao con người có thể là con người được nếu không biết ăn năn, nếu không có sự chấn động và giác ngộ là những yếu tố đạt tới được qua sự nhận thức lỗi lầm – hoặc trong hành động, hoặc trong ý nghĩ – qua những cơn cuồng nhiệt tự dẫn vật mình hoặc tự kết án mình..? Con đường đi tới chân lý là con đường hàng ngày tiến tới sự hoàn thiện...

Trời, tôi lại quá mê mải với ý nghĩ của tôi rồi! Hãy tha thứ cho tôi, Inga. Sở dĩ như vậy là do biết bao tình cảm đang tràn ngập tâm hồn tôi, là do tôi lúc nào cũng nghĩ đến em. Lúc này tôi cũng có cảm giác rằng tôi không diễn đạt được một phần nghìn những gì tôi muốn nói với em...

Sao tôi khao khát đến thế là mau mau lại được gặp em, lại được gặp em càng sớm càng tốt – chúng ta xa nhau cả một tuần lễ rồi còn gì... Nỗi nhớ mỗi lúc một da diết này là điều duy nhất hiện làm tôi lo lắng. Còn tất cả

những vấn đề thường tình khác đều đã đột nhiên mất ý nghĩa đi một cách kỳ diệu và tôi cảm thấy chúng hoàn toàn không quan trọng...”

* * *

Lúc đó là vào cuối tháng bảy, và đã đến ngày tôi bước ra khỏi toà soạn báo với một tâm trạng chán nản. Tôi rất buồn vì thái độ của tổng biên tập đối với những bài tùy bút về thảo nguyên của tôi đột nhiên thay đổi. Cả những đồng chí trong ban biên tập mà trước đây đã động viên tôi thực hiện chuyến đi để lấy những tư liệu bức thiết thì giờ đây cũng xử sự với phần lạ lùng, dường như họ có lỗi gì đấy đối với tôi, mà việc đó bao giờ cũng khiến tôi thấy rất nặng nề. Khi tôi cảm thấy những người khác dường như thấy mình có mắc lỗi gì đấy với tôi, tôi đau khổ đến nỗi tôi muốn mau mau làm họ không phải cần rút lương tâm nữa để không một việc gì khiến họ phải ngượng nghịu khi gặp tôi. Bởi vì lúc đó tôi cũng cảm thấy mình có lỗi về lỗi lầm của họ... Khi ra khỏi toà soạn, tôi thề là sẽ không đặt chân đến đây nữa và không làm vướng mắt ai nữa, nếu họ cần đến tôi thì chính họ phải mời tôi. Còn nếu họ không cần đến tôi thì đành chịu. Tôi sẽ biết rằng tình hình chẳng đi đến đâu và chẳng có gì để hy vọng. Tôi đi trên đại lộ giữa thời kỳ đẹp nhất này của mùa hè Nga, vậy mà chẳng thứ gì làm tôi vui. Tôi đã dồn biết bao sức lực và cố gắng để viết những bài bút ký về thảo nguyên, để truyền đạt trong đó nỗi đau của một người công dân, tôi đã viết những bài báo ấy như những lời bộc bạch và tâm sự, vậy mà đột nhiên những quan niệm gì đó về uy tín đất nước đã can thiệp vào (- lạ thật, chúng ta tự giấu diếm chúng ta để làm gì nhỉ? -) và đe dọa sẽ chôn vùi những bài bút ký mà tôi phải vất vả lắm mới có nổi. Và điều lạ lùng nhất là tổng biên tập dám tự cho phép mình nói với tôi: – Nhưng cũng phải suy nghĩ xem, có lẽ nên trình bày tất cả những chuyện đó dưới dạng một bản báo cáo gửi lên cấp trên thì hơn. Để áp dụng những biện pháp thích hợp. Đúng, ông ta đã nói như thế đó. Tôi không chịu nổi và phản bác lại ông ta: – Chúng ta sẽ còn tin đến bao giờ nữa là ngay cả những thảm họa ở nước ta cũng là những thảm họa tốt

đẹp nhất? – Thảm hoạ thì có liên quan gì đến chuyện này? – ông ta cau mày. – Có liên quan chứ, vì nạn ma tuý là một thảm hoạ xã hội.

Nói xong câu đó, tôi lập tức bỏ đi. Điều duy nhất làm giảm nhẹ cuộc sống của tôi là những bức thư của Inga mà mỗi lần trái tim tôi đau nhói khi nhớ đến cô là tôi lại giở ra đọc đi đọc lại. Đương nhiên là trên đời có hiện tượng thần giao cách cảm, nếu không, làm sao giải thích được rằng những bức thư của cô luôn luôn đoán trước được những gì mà tôi suy nghĩ, những gì mà tôi tha thiết, những gì làm tôi lo lắng và xúc động hơn hết. Những bức thư này ngày càng nuôi dưỡng hy vọng của tôi và làm tôi tin tưởng: Không, số phận không lừa bịp tôi và nhất là không giễu cợt tôi. Những phụ nữ trẻ hiện nay hoàn toàn không thích loại người như tôi, một kẻ không thành đạt, một học sinh chủng viện với quan niệm tôn giáo cổ lỗ về những giá trị đạo đức. Tôi thật yếu thế giữa những gã trai nổi bật. Nhưng trong những bức thư của Inga, tôi tìm thấy biết bao niềm tin cậy và tôi dám nói là cả sự tôn trọng nữa, và cái chính là tình cảm đáp lại không úp mở, điều đó đã chấp cánh cho tôi và nâng cao tôi lên trước con mắt của chính tôi. Thật hạnh phúc biết chừng nào vì cô gái tôi gặp được lại chính là cô, Inga của tôi! Phải chăng sự mâu nhiệm của tình yêu, là ở chỗ hai bên đều khao khát hướng tới nhau...

Tạm thời thì những vấn đề của đời sống còn chưa động chạm đến chúng tôi. Nhưng tôi còn vui sướng hơn nữa vì có những vấn đề ấy và phải giải quyết chúng. Tôi cần tìm được một việc làm thường xuyên để có tiền lương ổn định. Hiện nay tôi vẫn sống bằng cách bán đi những cuốn sách cổ của bố tôi, một việc dẫn vật tôi rất nhiều. Thịnh thoảng tôi lại nghĩ về việc đến chỗ Inga ở Trung Á, thu xếp nơi ăn chốn ở và kiếm việc làm tại đó rồi sống bên cô. Tôi sẵn sàng làm thợ phụ trong đoàn khảo sát của cô và làm tất cả để cô tiến hành thành công những việc nghiên cứu của cô. Bởi vì từ nay trở đi, những việc nghiên cứu đó rất thân thiết đối với tôi. Chúng kết hợp những lợi ích chung của chúng tôi: tôi tìm cách tiêu diệt nạn ma tuý bằng những

nỗ lực đạo đức, còn cô tìm cách giải quyết vấn đề này từ phía khác, tức là bằng khoa học. Và tôi cũng rất cảm phục nhiệt tình của cô. Không thể nói rằng công việc của cô nằm trong những phương hướng được ưa chuộng, có uy tín đặc biệt, hoặc hứa hẹn trước con đường công danh mau chóng. Nói một cách nghiêm túc, cô gần như là người duy nhất nghiên cứu vấn đề tiêu diệt loại cây dầu gai dại anasa một cách thật sự, như nghiên cứu một vấn đề khoa học. Tôi cảm thấy rằng đóng vai trò không nhỏ trong việc lựa chọn phương hướng công việc của cô còn là việc cô xuất thân tại địa phương đó, ở Giambun, trước kia cô lại học ở Tasken nữa. Và tất cả những yếu tố đó hợp lại tất nhiên là không thể không ảnh hưởng đến tính chất sở thích của cô.

Cuộc đời Inga cũng có những chuyện phức tạp riêng. Người chồng cũ của Inga là phi công quân sự, họ không sống với nhau đã gần ba năm nay. Họ ly hôn khi đưa con trai ra đời. Bây giờ hình như người phi công ấy đang sắp lấy vợ khác. Chính vì vậy họ phải gặp nhau lần cuối cùng để giải quyết dứt khoát trước hết là về vấn đề đứa con trai họ – bé Igo. Bé hiện đang ở với ông bà tại Giambun, trong gia đình bác sĩ, nhưng Inga rất muốn hai mẹ con sống thường xuyên với nhau. Khi cô viết thư cho tôi là cô hy vọng đến mùa thu sẽ đem theo bé đến Gianpắc-Xax – người ta hứa với cô là sẽ dành cho một chỗ tại vườn trẻ của nhân viên đường sắt, – thì tôi vui mừng cho cô và trả lời rằng cô có thể hoàn toàn trông cậy vào tôi.

Khi ấy cô liền viết cho tôi là đến mùa thu này, lúc cô được nghỉ phép, cô rất muốn đi cùng tôi đến Giambun thăm cháu Igo và bố mẹ cô. Có lẽ chẳng cần nói là kế hoạch cùng đi này khiến tôi xúc động như thế nào. Tôi trả lời cô là vào bất kỳ giây phút nào tôi cũng sẵn sàng đến chỗ cô và đặt mình dưới quyền sai khiến của cô. Tôi viết rằng, nói chung, trong toàn bộ cuộc sống của tôi, tôi luôn luôn muốn xuất phát từ lợi ích chung của chúng tôi, trước hết là của cô, và rằng tôi thấy hạnh phúc của tôi là ở chỗ được hữu ích và cần thiết cho cô.

Mọi việc đều đi tới chỗ là đến mùa thu này chúng tôi sẽ phải quyết định số phận của chúng tôi. Tôi sống bằng niềm hy vọng đó. Và tôi hồi hộp, rất hồi hộp khi nghĩ về việc chúng tôi sẽ đi Giambun như thế nào để thăm cháu Igo và bố mẹ Inga, vì chuyến đi này quyết định rất nhiều thứ. Nhưng chuyến đi như vậy đòi hỏi phải có tiền nong. Chỉ riêng vé tàu xe thôi cũng đã khá tốn kém. Theo ý nghĩa đó, tôi trông đợi vào loạt bài tùy bút của tôi về Môiuuncumư, nhưng than ôi, tất cả đều đổ vỡ hết, và đổ vỡ không phải lỗi tại tôi. Tôi liền nhận làm người sửa bài ban đêm tại nhà in của tỉnh và công việc đó đem lại cho tôi một số tiền thù lao không nhiều...

Và rồi đã đến ngày tôi nhận được thư của Inga. Trong thư cô hỏi là liệu tôi có thể đến Gianpắc-Xax vào những ngày cuối tháng mười không – nếu được thì vào dịp nghỉ lễ tháng mười một chúng tôi sẽ cùng nhau đi Giambun...

Tôi chạy như bay đến bưu điện thành phố để đánh điện cho cô. Phải mau mau bán sách đi để lấy tiền lên đường...

II.4

Đội quân săn thú

Gã đại huynh Candalốp phát hiện ra Apđi Calixtơratốp ở nhà ga khi gã đang tìm mộ đội quân cho chuyến đi săn thú ở Mũiuncumư.

Dù ai giao phó công việc này cho Candalốp chẳng nữa thì người đó đã biết nhìn vào thực chất: Candalốp là một kẻ từng trải, đã từng giữ chức vụ quản trị trưởng tại cơ quan cứu hoả ngành đường sắt, trước kia là quân nhân, lai là quân nhân thuộc tiểu đoàn phạm binh nữa (mà điều đó cũng có ý nghĩa lắm chứ!), gã thật hết sức thích hợp cho cuộc hành quân cấp tốc ở thảo nguyên. Tiện thể nói thêm là Candalốp cũng có những tính toán tế nhị riêng của gã. Gã trông đợi rằng nếu giúp cơ quan tỉnh thực hiện kế hoạch giao thịt thì sẽ phục hồi danh dự được cho bản thân và sẽ khôi phục được đảng tịch nếu gã chạy chọt nổi qua các cấp cần thiết ở tỉnh. Vì người ta khai trừ gã không phải vì tội tham ô hay lạm dụng thô bạo gì đó mà chỉ vì một chuyện hết sức hiểm hoi và chủ yếu là chẳng làm thiệt hại gì cho nhà nước hết, – đó là tội luyến ái đồng giới trong các doanh trại của tiểu đoàn phạm binh mà gã đã lợi dụng chức vụ để ép buộc. Đúng là gã có mắc một tội như thế thật. Đúng là gã, một viên chuẩn úy tự nguyện ở lại quân đội sau khi làm xong nghĩa vụ quân sự, quả có ép buộc thật những kẻ khả nghi về tư tưởng, đặc biệt là những kẻ thuộc các giáo phái khác nhau và những kẻ nghiện ma túy... Nhưng việc gì phải thương hại chúng kia chứ? Và nên

trừng phạt như thế nào cho phải? Vợ gã bỏ gã, như vậy đã đủ lắm rồi, chính vì thế, gã đã bắt đầu trở thành con sâu rọu, mặc dù trước đây gã cũng đã uống rồi. Còn nếu phân tích cho kỹ thì gã là con người rất cần thiết. Đây, người ta vừa trao cho gã một việc nghiêm chỉnh là gã đã tập hợp được một nhóm ngay tức khắc. Đêm khuya, gã còn ra ga quan sát mọi người, con mắt giàu kinh nghiệm của gã đã giúp gã phát hiện được những kẻ khốn khổ vì nghèo đói và nhất định sẽ đồng ý cùng đi với gã đến Môiuuncumư để kiếm bầm trong một thời gian ngắn. Gã tìm được Apđi cũng là bằng cách đó.

Apđi buộc phải chấp nhận đề nghị của Candalốp không chỉ vì nghèo túng: đã xảy ra một sự việc mà anh hoàn toàn không dự kiến trước và khiến anh lo ngại – anh không gặp được Inga ở Gianpắc-Xax tuy anh đến đó là theo thư cô viết cho anh. Anh bị bất ngờ và choáng váng đến nỗi anh đâm ra chán nản, mặc dù cũng chưa rõ là có nên đau khổ như thế này không. Anh đã đáp máy bay đến, mà muốn vậy anh đã phải tới Mátxcova, tại Mátxcova, anh mất suốt một ngày mới kiếm được vé, còn từ Anma-Ata thì anh đi tàu hoả. Có thể nói là anh đã lao đến đây trong có hai ngày. Nhưng rút cuộc, khi anh tới được ngôi nhà nhỏ trong sân phòng thí nghiệm gần bệnh viện thì anh thấy ngôi nhà đó khoá cửa và ở lỗ khoá có một mẫu giấy của Inga. Trong mẫu giấy này cô đề nghị anh tới hòm thư lưu ở bưu điện nhà ga để nhận thư của cô. Lẽ tự nhiên là anh chạy như bay đến bưu điện. Người ta lập tức đưa cho anh, anh hồi hộp rẽ vào một vườn hoa nhỏ, ngồi xuống ghế dài và đọc thư cô:

“Anh Apđi thương yêu, hãy tha thứ cho em. Nếu như em biết là có chuyện trục trặc thế này thì em đã cho anh biết để anh tạm thời đừng đi nữa. Em sợ rằng bức điện của em không kịp đến tay anh và anh đã lên đường rồi. Câu chuyện như thế này anh ạ: chồng cũ của em đã bất ngờ đến Giambun để khởi sự vụ tố tụng về bé Ingo của chúng em, do đó em buộc phải khẩn cấp tới đó. Rất có thể em đã phần nào buộc anh ấy phải đến Giambun như vậy: em đã công khai viết cho anh ấy là em định bắt đầu cuộc sống mới với

một người em có tình cảm sâu sắc. Em phải cho anh ấy biết bởi vì chúng em có đứa con.

Anh yêu quý của em, xin lỗi anh một lần nữa vì tình hình lại xảy ra như vậy. Nhưng biết đâu như thế lại dẫn tới chỗ tốt đẹp hơn, dù sao thì sớm hay muộn cũng phải giải quyết vấn đề này. Vậy thì nên thanh toán ngay từ đầu đi là hơn.

Khi đến nơi anh sẽ thấy cửa khoá. Em để chìa khoá ở chỗ chị nhân viên phòng thí nghiệm là Xaula Alimbaeva. Chị ấy là người rất tốt, anh ạ. Anh đã biết phòng thí nghiệm của bọn em ở đâu rồi đấy. Anh hãy lấy chìa khoá ở chỗ chị ấy và sống bên chỗ em. Anh hãy tự nhiên như ở nhà và đợi em. Thật đáng tiếc là chị Alia lại vừa đi nghỉ phép, anh mà tiếp xúc với chị ấy thì hẳn sẽ thú vị lắm. vì chị ấy rất kính trọng anh. Em nghĩ là trong vòng một tuần lễ em sẽ trở về. Em sẽ cố gắng làm tất cả mọi việc để từ nay chúng ta không gặp rắc trở gì nữa. Em rất muốn anh gặp bé Ingo. Em nghĩ rằng anh và cháu sẽ thân thiết với nhau và em rất muốn tất cả chúng ta sẽ cùng chung sống bên nhau. Nhưng trước đó, như chúng ta đã dự tính, em muốn chúng ta sẽ đi thăm bố mẹ em, anh sẽ làm quen với bố em là Phêđo Kudơmich và mẹ em là Verônica Andrêépna. Chớ thất vọng nhé, anh Apđi yêu quý của em, và đừng có buồn. Em sẽ cố làm mọi việc thật tốt đẹp.

TB: Nếu anh đến sau giờ làm việc thì địa chỉ của Alimbaeva là: 41 phố Abai. Chồng chị ấy tên là Đaurbếch Ichxanovich”.

Bức thư mà Apđi đọc liền một hơi ấy khiến anh phải suy nghĩ. Anh cảm thấy sững sốt: sự việc quay sang một hướng mới, một hướng mà anh hoàn toàn không ngờ. Anh không đi lấy chìa khoá mà ở lại phòng đợi, quyết định trước hết hãy nghĩ cho kỹ đã. Sau đó anh gói vali vào kho giữ hành lý cho khỏi vướng víu, đi đến vườn hoa, ngồi ở đó một lát, rồi lang thang quanh khu bệnh viện quen thuộc. Tìm được một lối đi hẻo lánh giữa nhà ga và thị trấn, anh bắt đầu đi đi lại lại trên lối đi đó...

Ngoài thảo nguyên đang là cuối thu, tiết trời đã mát mẻ. Những đám mây xôm xốp, lờm chờm như sóng gợn lăn tăn trên đại dương xa tắp, hiện lên trắng phau trên bầu trời tháng mười đã nhợt nhạt đi qua mùa hè. Cây cối đã rụng lá đến một nửa và dưới chân ngọn ngang những chiếc lá khô khốc màu nâu đỏ. Các vườn rau cũng đã thu hoạch xong, trở nên trơ trụi. Phố xá của Gianpắc-Xax vắng vẻ và buồn bã. Một tấm mạng nhện bàng bạc bay lượn lờ và đột nhiên chạm vào mặt. Tất cả đều khêu gợi nỗi buồn cho Apđi. Còn ở nhà ga, nơi sức mạnh công nghiệp hùng hậu áp đảo khoảng không gian bao la của thảo nguyên, vẫn vang động tiếng ầm ầm, tiếng loảng xoảng của sắt thép, cuộc sống không phút nào ngừng như mạch đập vẫn diễn ra sôi nổi. Trên vô số các nhánh đường, các đoàn tàu vẫn đi đi lại lại, mọi người vẫn chạy tới chạy lui, tiếng các điều độ viên trên loa phóng thanh vẫn khàn khàn vang lên khắp vùng xung quanh.

Và Apđi bất giác nhớ lại những ngày hè năm xưa, nhớ lại đoạn kết thúc chuyến đi mạo hiểm của những kẻ tìm kiếm anasa. *Và nhân đó, anh đã mấy lần quay trở về với những suy nghĩ về sự ăn năn hối hận. Anh càng suy nghĩ thì càng tin chắc rằng ăn năn là một khái niệm tăng dần lên theo mức độ kinh nghiệm sống, là một đại lượng của lương tâm, là một đại lượng được thu lượm, được vun đắp và trau dồi bởi lý trí con người. Ngoài con người ra, không một sinh vật nào được ban cho khả năng biết ăn năn. Ăn năn là sự quan tâm vĩnh viễn và sâu nặng của tinh thần con người đối với bản thân mình. Từ đó suy ra rằng bất kỳ một sự trừng phạt nào – vì mắc lỗi lầm hay vì phạm tội ác – đều phải gây ra được nỗi ăn năn trong tâm hồn kẻ bị trừng phạt. Nếu không, sẽ chẳng khác gì trừng phạt một con thú.*

Mãi mê với những ý nghĩ đó, Apđi trở lại nhà ga. Và anh chợt nhớ đến người trung úy hay nổi giận kia. Anh muốn biết xem người trung úy đó còn nhớ anh không, và anh cũng muốn biết số phận của toán thanh niên đi tìm kiếm anasa – Pêtrưkha, Lenca và những kẻ khác nữa – hiện ra sao. Còn một lý do nữa thôi thúc Apđi làm việc đó: anh cố hết sức xao lãng đi những

gì làm anh lo lắng, dẫn vật, như đám mây đan tụ lại ở chân trời, – đó là những ý nghĩ về Inga. Giờ đây, anh nhìn cả cuộc đời anh và cả tương lai anh qua tấm lăng kính này – cuộc đời anh được quyết định bởi tình hình công việc tại thành phố Giambun xa xôi. Không, nếu anh không thể làm được một việc gì đó thì không nên nghĩ đến chuyện này, phải tránh xa, tránh xa những ý nghĩ ấy. Nhưng thật đáng tiếc, anh không gặp được người trung uý hay nổi giận kia. Khi Apđi gõ cửa phòng công an, một người công an bước lại gần anh.

– Anh cần gì?

– Tôi... Đồng chí hiểu không, tôi muốn gặp một đồng chí trung uý, – Apđi giải thích, linh cảm thấy là hành động này chẳng đem lại kết quả gì.

– Thế tên đồng chí ấy là gì? Chỗ chúng tôi có nhiều trung uý lắm.

– Đáng tiếc là tôi không biết tên đồng chí ấy, nhưng nếu tôi gặp thì tôi sẽ nhận ra ngay.

– Nhưng anh cần gặp đồng chí ấy để làm gì?

– Biết giải thích thế nào cho đồng chí nhỉ? Tôi muốn trò chuyện, trao đổi một lát...

Người công an tò mò nhìn kỹ anh:

– Thế thì anh hãy xem xem, biết đâu anh sẽ tìm thấy đồng chí trung uý của anh.

Nhưng lần này, ở trong phòng, ngồi bên bàn cạnh máy điện thoại là một người khác đang nói chuyện với một ai đó. Apđi xin lỗi rồi bước ra. Trong lúc bước ra, anh thoáng liếc nhìn chiếc lồng sắt, nơi toán tội phạm bị bắt đã từng ngồi trước đây. Song lần này thì chiếc lồng đó trống không.

Và dù Apđi có cố gắng lẩn tránh thế nào chẳng nữa, anh lại trở về với những ý nghĩ cứ day dứt làm tình làm tội anh. Chuyện gì xảy ra với Inga?

Anh vẫn chưa đi lấy chiếc chìa khoá mà Inga để lại: anh biết rằng nếu một mình một bóng với những ý nghĩ vò xé tâm hồn anh trong ngôi nhà trống trải của Inga thì anh còn cảm thấy mình cô độc hơn nữa. Anh có thể chờ đợi ở ngoài ga cũng được nếu như anh biết chuyện gì xảy ra với Inga và lúc nào cô trở về. Anh cố hình dung xem chuyện gì đang diễn ra ở nơi ấy, ở Giambun. Người phụ nữ anh yêu mến đang khốn khổ biết chừng nào, vậy mà anh không thể giúp cô được gì hết. Nhờ bố mẹ cô không muốn đưa bé mất bố và khẳng khái đòi cô phải làm lành với chồng thì sao? Đúng, sự việc hoàn toàn có thể quay quặt sang chiều hướng như vậy và khi ấy anh chỉ còn một cách duy nhất là quay về nhà. Trước mắt anh hiện lên rõ nét viên phi công quân sự rục rờ, oai vệ, mặc quân phục, đeo cầu vai, ít nhất là phải cấp thiếu tá, và anh hiểu rằng bên cạnh một người như vậy thì anh thua sút quá rõ rệt. Anh tin rằng đối với Inga thì mọi thứ cấp bậc và vẻ ngoài hào nhoáng không đóng vai trò gì hết. Nhưng ai biết được, nhờ bố mẹ Inga lại coi trọng việc chàng rể của họ là ai – là một phi công quân sự, bố đẻ của bé Ingo, hay một kẻ lạ lòng không có nghề nghiệp rõ ràng – thì sao?

Trời đã xầm xẩm tối, bóng tối đến càng làm Apđi u ám hơn nữa. Cả sân ga chật ních người chìm trong cảnh nhá nhem, không khí ngột ngạt, đầy khói thuốc, và nỗi chán nản của Apđi lên tới cực điểm. Anh có cảm giác như đang ở trong một khu rừng tối tăm, ẩm đạm, và hoàn toàn cô độc. Gió thu thổi ù ù trên các ngọn cây, tuyết sắp sửa rơi, tuyết sẽ phủ kín khu rừng lẫn anh, Apđi. Và mọi thứ sẽ chìm ngòm trong tuyết, mọi thứ sẽ bị lãng quên hết... Anh muốn chết đi, và nếu như vào giờ phút đó anh biết được rằng Inga sẽ không trở lại hoặc sẽ trở lại không phải một mình mà là để thu thập đồ đạc, sách vở, rồi ra đi với viên phi công quân sự của cô thì chắc hẳn anh sẽ không suy nghĩ gì nữa, sẽ bước ra và lao đầu vào đoàn tàu đầu tiên...

Chính vào giờ phút nặng nề đó, lúc trời đã tối khuya, thì gã Đại Huynh – Candalốp phát hiện thấy anh ở nhà ga Gianpắc-Xax. Gã đang đi một một toán người thích hợp cho chuyến ‘xaphara’ tại thảo nguyên Mõiuncumư. Rõ

ràng gã vốn rất tinh tường, gã hiểu hết sức chính xác rằng Apđi đang trong tâm trạng rối loạn, đang không biết xử sự ra sao. Thật vậy, nếu gã đề nghị Apđi ‘vù’ vài ngày đến đồng cỏ Mòiuncumư để kiếm tiền trong một công việc làm thêm rất béo bở thì anh đồng ý ngay. Anh sẵn sàng làm mọi thứ, miễn là không phải ngồi yên trong cảnh cô độc và không phải hoài công trông đợi. Hơn nữa, anh còn nghĩ rằng khi anh từ Mòiuncumư trở về với món tiền kiếm được thì rất có thể Inga sẽ xuất hiện và mọi việc và mọi việc sẽ trở nên sáng tỏ: hoặc là anh – (thật hạnh phúc!) sẽ được mãi mãi ở bên người phụ nữ anh yêu dấu, hoặc anh sẽ phải ra đi và tự tìm lấy sức lực mà sống... nhưng anh sợ hãi kết cục như vậy...

Ngay tối hôm đó gã Candalốp đã dẫn Apđi đến trụ sở đội cứu hoả, tại đây anh ngủ qua đêm trên một chiếc giường bỏ không.

Sáng hôm sau, cả toán lên đường cùng một đoàn xe đến đồng cỏ Mòiuncumư để săn thú. Phía trước là một công việc vui vẻ, thú vị...

II.5

Phiên tòa giữa thảo nguyên – Cuộc di cư cuối cùng của vợ chồng sói

Gìờ đây bọn họ lập tòa án xét xử Apđi Calixtơratốp. Năm gã sâu rượu là Candalốp, Misas, Kêpa, Hămlet-Gankin và Thổ Dân-Uducbai. Nói cho chính xác thì Hămlet-Gankin và Thổ Dân-Uducbai chỉ có mặt cho phải phép và họ cố gắng, quả thật là cố gắng một cách nhút nhát và thảm hại, tìm cách làm dịu cơn cuồng nộ của ba gã đứng ra xét xử.

Sở dĩ như vậy là vào lúc tối, Apđi lại tỏ ra điên rồ như lần trước, lúc trên toa tàu, và đó chính là cái cớ để bị trừng phạt. Cuộc săn đuổi lũ xaigắc trên đồng cỏ Môiuncumư tác động đến anh khủng khiếp đến nỗi anh phải lên tiếng đòi phải chấm dứt ngay vụ tàn sát đẫm máu này, anh kêu gọi bọn người đi săn đã mất hết tính người hãy ăn năn hối hận và hãy hướng lên Chúa, anh thuyết phục Hămlet-Gankin và Uducbai hãy nghe theo anh, cả ba sẽ rời bỏ gã Đại Huynh-Candalốp và bọn tay chân của gã, sẽ gióng lên tiếng chuông báo động, mỗi người sẽ thấm nhuần ý nghĩ về Chúa, về Đấng Sáng Tạo nhân hậu, sẽ hy vọng vào từ tâm bao la của Người, sẽ xin tha thứ về tội ác mà họ – những con người, - đã gây ra cho loài vật, bởi vì chỉ lòng ăn năn chân thành mới có thể làm họ được thanh thản.

Apđi la hét, giơ hai tay lên, kêu gọi họ đứng về phía anh ngay lập tức để

tẩy sạch cái ác và ăn năn hối lỗi. Trong cơn điên cuồng của mình, anh thật vô lý và buồn cười, anh gào thét lồng lộn, hét như linh cảm thấy ngày tận thế – anh có cảm giác là mọi thứ đều sắp tan biến mất, đều sắp bị lật nhào xuống vực thăm rực lửa...

Anh muốn cải hoá những kẻ đến đây chỉ để kiếm bầm tiền và hưởng họ về với Chúa... Anh muốn chặn lại guồng máy huỷ diệt khổng lồ đang hoành hành trên các khoảng không mênh mông của đồng cỏ Mõiuncumư – muốn chặn lại cái sức mạnh cơ giới hoá tàn phá hết thảy này... Anh muốn khắc phục những thứ không thể khắc phục nổi...

Khi ấy, theo lời khuyên của Misas, chúng lấy dây thừng trói chặt anh lại rồi vút thẳng lên đồng thịt xaigắc trên hòm xe.

– Dù mẹ, cứ việc nằm trên ấy mà nghỉ. Hãy gửi mùi xaigắc đi! – Misas hét lên với anh, giọng khàn khàn vì quá gắng sức. – Hãy gọi Chúa của mày đi! Có lẽ ông ta sẽ nghe thấy tiếng mày và sẽ hạ giới đấy...

Đêm đến, trăng đã mọc bên trên đồng cỏ Mõiuncumư, nơi đang diễn ra cuộc săn đuổi đẫm máu, nơi tất cả các sinh vật, ngay cả lũ sói nữa, đều trông thấy tận mắt sự đổ vỡ của thế giới... Nhưng những kẻ gây ra sự đổ vỡ ấy, trừ Apđi là người không may lại có mặt hôm đó trên đồng cỏ Mõiuncumư, tất cả đều hân hoan đắc thắng...

Chính vì thế mà chúng chuẩn bị xử tội anh...

Sau khi lôi Apđi từ trên xe xuống, Misas và Kêpa kéo lê anh đến chỗ gã Đại Huynh và buộc anh phải quỳ trước mặt gã. Gã ngồi trên một chiếc hòm rộng, phanh phật chiếc áo mưa phồng lên sang hai bên, giang rộng đôi chân đi ủng vải bạt. Ánh đèn gầm xe chiếu sáng gã khiến gã có vẻ to lớn, cau có một cách thiếu tự nhiên và dữ tợn cực độ. Bên cạnh, gần đồng lửa nhỏ vẫn sực nức mùi chả thịt xaigắc tươi cháy xém, là Hămlet-Gankin và Thổ Dân-Uducbai đang đứng co ro. Hai gã này đã say khướt và do đó, trong khi chờ

đội phiên tòa xét xử Apđi do gã Đại Huynh tổ chức, chúng đờ dẫn mím cười, thì thăm với nhau về một chuyện gì đó, huýt đẫy nhau và nháy mắt với nhau.

– Thế nào? – Rút cục gã Đại Huynh lên tiếng sau khi đã khinh bỉ nhìn Apđi đang quỳ trước mặt gã. – Mà đã suy nghĩ rồi chứ?

– Hãy cởi trói ra – Apđi đáp.

– Cởi trói ấy ư? Vậy tại sao tay mày lại bị trói, mà có suy nghĩ về việc đó không? Người ta chỉ trói tay những kẻ phiến loạn, những kẻ âm mưu, những kẻ ngang ngạnh, những kẻ phá rối trật tự và kỷ luật thôi! Những kẻ phá rối trật tự, mà nghe thấy chưa? Những kẻ phá rối trật tự, rõ chứ?!

Apđi im lặng.

– Thôi được, chúng ta sẽ thử cởi trói tay cho mày xem mà sẽ xử sự ra sao – gã Đại Huynh tỏ ra rộng lượng. – Cởi trói cho nó – gã ra lệnh,- bây giờ nó sẽ cần đến tay đấy.

– Dù me, việc quái gì phải cởi trói kia chứ! – Misas vừa bực bội càu nhàu vừa cởi dây thừng sau lưng Apđi – Những đứa như thế này phải dìm chết ngay như dìm lũ chó con ấy. Những đứa như thế này phải đè dí xuống đất, phải đem chôn sống mới được.

Chỉ đến bây giờ, khi đã được cởi trói, Apđi mới cảm thấy tê dại ở hai vai và hai tay...

– Đấy, chúng tao đã thực hiện yêu cầu của mày rồi – gã Đại Huynh-Candalốp nói. – Mày vẫn còn cơ hội thoát thân. Nhưng để mở đầu thì mày uống đi đã! – và gã đưa cho Apđi cốc vodka.

– Không, tôi sẽ không uống đâu – Apđi dứt khoát cự tuyệt.

– Cho này chết sặc đi, đồ khốn! – gã vung mạnh tay tạt rượu trong cốc thẳng vào mặt Apđi. Bị bất ngờ, anh suýt bị sặc và đứng phắt dậy. Nhưng

Misas và Kêpa lại nhảy xổ vào anh, đè anh sát xuống đất.

– Nói láo, dù mẹ, mày sẽ phải uống! – Misas gầm lên. – Tớ đã bảo là những đứa như thế này phải chìm chết đi kia mà. Nào, Đại Huynh, rót thêm vodka nữa đi. Tớ sẽ đổ tận họng nó, nếu nó không chịu uống thì tớ sẽ giết chết nó như con chó ấy.

Mép chiếc cốc vỡ rạn kêu lạo xạo trong tay Misas và khứa rách mặt Apđi. Sặc sụa vì rượu vodka và máu của chính mình, anh vùng ra và dùng cả hai chân hai tay giẫy giụa đẩy Misas và Kêpa đi.

– Các cậu ơi không nên thế, mặc kệ nó, nếu nó không uống thì chúng ta sẽ uống! – Hămlet-Gankin vừa ảo não rên rỉ vừa chạy xung quanh mấy kẻ đang đánh nhau. Gã Thổ Dân-Uducbai thì nấp sau góc xe và từ đó nhìn ra, không biết nên làm gì: nên ở lại – còn bao nhiêu vodka chưa uống, – hay chạy cho xa nơi rồi ren này... Chỉ riêng gã Đại Huynh-Candalốp ngồi bệ vệ trên chiếc hòm như trên ngai vàng là theo dõi cảnh tượng diễn ra như xem xiếc.

– Đại Huynh, ngăn họ lại đi, nó mà chết thì chúng ta sẽ phải ra toà mất!

– Ra toà? – gã Đại Huynh ‘hừm’ một tiếng đầy kiêu ngạo. – Toà gì ở cái đất Mõiuncumư này? Ở đây ta là toà án! Cứ tha hồ đi chứng minh đi. Biết đâu, chó sói xé xác nó thì sao. Ai nhìn thấy, ai chứng minh nào?

Apđi ngất đi, ngã xuống dưới chân chúng và chúng bắt đầu dùng ủng đá anh tới tấp. Ý nghĩ cuối cùng của anh là về Inga: rồi chị sẽ ra sao đây, bởi vì không bao giờ lại có ai có thể yêu chị tha thiết như anh.

Anh không còn nghe thấy gì nữa, mắt anh mờ đi, và không hiểu sao anh lại mơ thấy con sói cái xám. Chính con sói mà mùa hè nóng bức vừa qua đã nhảy vọt qua đầu anh trên thảo nguyên mọc đầy đầu gai dại...

– Sói cái, hãy cứu tôi – anh bỗng buộc ra tiếng kêu.

Anh dường như linh cảm thấy rằng hai coi sói Acbara và Tastrainar hiện đang tiến đến gần hang của chúng, cái hang đã bị con người chiếm lấy vào đêm đó. Thú vật bao giờ cũng muốn trở về chỗ ngủ đêm quen thuộc của chúng, chính vì thế mà chúng quay lại, chắc hẳn chúng hy vọng là con người đã rời bỏ trũng sâu của chúng và tiếp tục đi xa hơn rồi... Nhưng chiếc xe tải đồ sộ vẫn đứng nguyên tại chỗ và vẫn hiện lên đem thẳm đầy đe dọa như trước, – từ đó vọng lại tiếng la hét, om sòm và tiếng dậm đá thành thịch... Hai con sói lại phải quay trở về thảo nguyên, kiệt sức, bối rối, chúng mò mẫm chạy cho thật xa một cách vô định... Con người không để chúng sống nổi suốt cả ngày lẫn đêm... Và chúng chầm chậm chạy lang thang, đuôi cụp lại, ánh trăng chiếu sáng những hình bóng đen thẳm của chúng...

Trong khi ấy phiên toà, đúng hơn là phiên toà tự tổ chức, vẫn tiếp diễn... Lũ tay chân đã say khướt, chúng không nhận thấy là sau một lần dậm đá thường lệ, bị cáo Apđi của chúng hầu như không cố gượng dậy nữa.

– Đứng dậy, thằng cha cố khốn kiếp! – hét Misas lại Kêpa vừa quát tháo vừa đá mạnh vào Apđi, nhưng anh chỉ khẽ rên rỉ. Gã Đại Huynh nổi khùng, gã nắm lấy Apđi cứ thông xuống như một chiếc bao tải, nhắc bổng anh lên, túm lấy cổ áo anh và bắt đầu chửi rủa, càng chửi rủa lại càng giận dữ hơn:

– Đồ khốn kiếp, mày định mang Chúa ra dọa nạt chúng tao, định làm chúng tao phải khiếp sợ, mày định đem Chúa ra để móc mắt chúng tao, thằng khốn kiếp! Đem Chúa ra không đe dọa được chúng tao đâu – chúng tao đâu có dễ khiếp sợ như vậy, đồ chó. Vậy mày là ai mới được chứ? Chúng tao đang thực hiện nhiệm vụ của Nhà Nước ở đây, vậy mà mày chống lại kế hoạch, đồ chó. Mày chống lại tình, tức là mày là quân vô lại, là kẻ thù của nhân dân, là kẻ thù của nhân dân và Nhà Nước. Mà những kẻ thù như vậy, những kẻ sâu mọt và phá hoại như vậy không thể có chỗ đứng trên trái đất này. Ngay Xtalin đã nói: ‘Ai không đi với chúng ta là chống lại

chúng ta'. Kẻ thù của nhân dân phải bị tiêu diệt tận gốc! Không có khoan dung gì hết! Nếu kẻ thù không đầu hàng thì phải tiêu diệt nó đi. Trong quân đội mà nói láo như vậy thì sẽ nhận án tử hình ngay tức khắc! Để nước ta sạch hết những quân dơ bẩn. Còn mày, tên cha cố khốn kiếp, mày đã làm chuyện gì? Mày đã phá hoại ngầm. Mày đã tìm cách phá vỡ kế hoạch! Mày muốn dùng tôn giáo mê hoặc chúng tao! Đồ quái thai, tao sẽ bóp chết mày như bóp chết kẻ thù của nhân dân, và người ta sẽ chỉ cảm ơn tao thôi bởi vì mày là tay sai của chủ nghĩa đế quốc, đồ khốn kiếp! Mày tưởng Xtalin không còn thì sẽ không có ai cải quản mày ư? Đồ cha cố sâu bọ, mày quỳ xuống ngay! Tao bây giờ là chính quyền của mày – mày phải từ bỏ Chúa của mày, nếu không thì mày sẽ chết, tên khốn kiếp!

Apđi không quỳ nổi, ngã gục xuống. Chúng nâng anh dậy.

– Mày hãy trả lời đi, đồ súc sinh! – Gã Đại Huynh-Candalốp gào lên. – Hãy chối bỏ Chúa đi! Hãy nói là không có Chúa đi!

– Có chúa!- Apđi yếu ớt rên rỉ.

– Thấy chưa? – gã Misas thét to như bị bồng. – Tớ đã bảo mà. Dù mẹ, cậu nói với nó một đằng, nó sẽ trả lời cậu một nẻo để trả thù mà lại!

Thở hổn hển vì giận dữ, gã Đại Huynh lại nắm lấy cổ áo Apđi lắc mạnh.

– Này, thằng mê Chúa, bây giờ chúng ta sẽ tổ chức cho mày một cuộc biểu diễn lý thú đến nỗi mày sẽ suốt đời không quên được đâu! Hãy lôi nó đến cái cây kia và treo nó lên, hãy treo thẳng súc sinh lên! – gã la hét – Còn dưới chân nó chúng ta sẽ đốt một đồng lửa. Cho nó cháy thui đi!

Và Apđi bị cả bọn nhất loạt kéo lê đến một cây muối đen cong queo mọc trên rìa rừng sâu.

– Đưa dây thừng lại đây ! – gã Đại Huynh-Candalốp ra lệnh cho Kêpa.

Kêpa lao đến buông lái.

– Còn các cậu kia nữa! Uducbai, cậu thổ công ở đây, tiên sư cậu chú, và cái cậu nghệ sĩ chó chết kia, các cậu đứng ngoài mà nhìn hả? Chạy đến đi, xông vào đi, nếu không, đừng hòng ngửi mùi vodka đấy !- gã đe nẹt hai tên tay sai hám rượu nhưng hèn nhát, hai tên này cầm đầu chạy đến để tham gia việc treo lên cây anh thanh niên Apđi bất hạnh.

Cái trò côn đồ này bỗng có một ý nghĩa tàn ác. Vở hài kịch vô duyên này có nguy cơ biến thành một cuộc hành hình kiểu Linsơ. Dở một nỗi là không tìm đâu ra cây thập tự và đinh trong cái thảo nguyên tồi tệ này! Đù mẹ, thật tai hại, – Misas vừa than thở vừa bẻ răng rắc những cành cây muối đen. – Giá mà đóng đinh câu rút nó thì thật hết ý!

– Không sao, ta sẽ buộc nó bằng dây thừng cũng được! Không kém gì đóng đinh đâu – gã Đại Huynh-Candalốp tìm ra lối thoát. – Ta sẽ kéo căng hai chân hai tay nó như con ếch rồi buộc thật chặt cho nó không cựa quậy được! Cứ để nó treo lơ lửng như vậy cho đến sáng, cứ để nó suy nghĩ xem có Chúa hay không! Tớ sẽ thi hành với nó một biện pháp giáo dục nghiêm ngặt đến nỗi nó sẽ phải nhớ đời. Tớ sẽ cho cái thằng cha cố sâu mọt này biết tay tớ! Trong quân đội tớ đã từng bắt những kẻ còn ngang ngạnh hơn phải chịu phép một bề! Nào, xông vào đi, các cậu, hãy tóm lấy nó, nhắc nó lên cái cành kia kia, cao nữa vào! Hãy buộc tay nó vào đây, còn chân nó thì buộc vào đây!

Mọi việc xảy ra chớp nhoáng bởi vì Apđi không thể chống cự nổi nữa. Bị buộc chặt vào cây muối đen cong queo, bị dây thừng xiết chặt hai chân hai tay, anh lơ lửng như một tấm da thú mới lột đem phơi khô. Anh vẫn nghe thấy tiếng chửi rủa và tiếng người nói lao xao, nhưng đã như từ xa vọng lại. Nỗi đau đớn đã lấp mất mọi sức lực anh. Ở bụng, bên phía lá gan, anh thấy nhức nhối không chịu nổi, vùng thắt lưng dường như có một cái gì đó nổ tung và đứt phụt khiến anh hết sức đau đớn. Sức lực từ từ rời bỏ anh, việc lũ côn đồ tàn ác và say rượu kia đang hoài công tìm cách nhóm lửa

dưới chân anh không còn làm anh lo ngại nữa. Anh thấy thờ ơ với tất cả. Tuy nhiên, chúng không làm sao nhóm được lửa: cỏ và cành khô bị tuyết rơi hôm trước làm ẩm không chịu bốc cháy... Còn rưới xăng vào thì không một tên nào nghĩ đến. Đối với chúng thì việc Apđi bị treo lơ lửng như bù nhìn trong vườn rau là đủ thỏa mãn rồi. Về mặt anh không hẳn giống về mặt người bị treo cổ, cũng không hẳn giống về mặt người bị đóng đinh câu rút làm cả bọn chúng sôi nổi và phấn chấn hẳn lên. Đặc biệt hào hứng là gã Đại Huynh-Candalốp. Gã tưởng như thấy những cảnh tượng mãnh liệt và hấp dẫn hơn nhiều – một kẻ bị treo giữa thảo nguyên kia mà!

– Bất cứ kẻ nào cũng sẽ bị như vậy, hãy nhớ kỹ lấy – gã vừa đe dọa vừa đưa mắt nhìn Apđi bị trói chặt vào cây muối đen. – Tao sẽ treo cổ tất cả những đứa nào không cùng đi với chúng tao, và tao sẽ treo cổ như thế nào để lưỡi phải lè ra ngay lập tức! Tao sẽ treo cổ tất cả những kẻ nào chống lại chúng tao. Tao sẽ xâu thành một giải bao quanh cả trái đất như một vành đai ấy và khi đó sẽ không một ai dám cưỡng lại một lời nào của chúng tao hết, ai cũng sẽ phải khuất phục hết... Thôi, các bạn chính uỷ, ta đi đi, chúng ta sẽ nốc rượu một lượt nữa, mạnh bạo lên...

Hùa theo gã, cả bọn ồn ào kéo về phía xe, còn gã thì cất tiếng hát một bài mà chắc hẳn chỉ riêng gã biết:

Chúng ta xỏ quần galiphô, bao súng trể bên hông... Một-hai, một-hai....

‘Các bạn chính uỷ’ của gã sôi nổi hát hoà theo: ‘một-hai, một-hai’ và lần lượt chuyền tay nhau hai cái nửa lít, dốc thẳng vào cổ.

Một lát sau, chiếc xe bật sáng đèn pha, nổ máy, quành lại rồi từ từ lăn bánh vào thảo nguyên. Bóng tối khép ngay lại, khắp xung quanh trở nên tĩnh mịch. Chỉ còn lại Apđi bị trói chặt vào cây, cô đơn một mình trên đời. Ngực anh nhức nhối, bụng anh đau quặn, đau không chịu nổi khiến đầu óc mê mụ đi... Ý thức dần dần biến mất chẳng khác gì hòn đảo nhỏ chìm dần khi nước lên to.

“Hòn đảo nhỏ của tôi trên sông Ôca... Thưa Thầy, vậy ai sẽ cứu Thầy đây?”. Ý nghĩ cuối cùng của anh bùng loé lên rồi tắt hẳn...

Đấy là những làn nước cuối cùng của cuộc đời đã trào đến...

Ánh mắt mờ dần của anh như nhìn thấy một vùng nước lớn, một mặt nước liền khối bao la vô tận. Nước lặng lẽ nổi cuộn cuộn, và trên mặt nước là những đợt sóng trắng phau lặng lẽ lướt đi, hết như những làn tuyết bay là trên cánh đồng, không biết từ đâu đến và cũng không biết sẽ lướt đi đâu. Ngưng ngay trên mép bờ chỉ thấp thoáng của biển cả lặng lẽ ấy, có một hình người hiện lên mờ mờ trên mặt nước, và Apđi nhận ra ngay người ấy – đó là bố anh, thầy trợ tế Calixtơrátốp. Và đột nhiên, nghe thấy giọng thời trẻ của chính anh – giọng anh đọc cho bố nghe lời cầu nguyện yêu thích của ông về con tàu bị đắm, hết như vào thời thơ ấu của anh, lúc anh đứng cạnh chiếc piano cũ ở nhà. Nhưng chỉ có điều là giờ đây, khoảng cách giữa hai bố con anh thật lớn lao và giọng thời trẻ của anh ngân vang đầy cảm hứng trên khắp khoảng không gian bao la của thế giới:

“Trời mới rạng sáng và thế giới còn yên ngủ...”

... Người là Đấng Giàu Lòng Thương, là Đấng Nhân Từ, là Đấng Chính Nghĩa, Người hãy tha thứ cho con vì con lúc nào cũng làm phiền Người. Nhưng trong lời cầu nguyện của con không có một chút tư lợi nào – con không cầu xin một chút lạc thú trần thế nào và không van nài được kéo dài cuộc đời con. Con sẽ chỉ không ngừng kêu cầu Người cứu vớt linh hồn chúng sinh mà thôi. Người là Đấng Rộng Lòng Bao Dung, xin Người đừng để mặc chúng con trong cảnh dốt nát, xin Người chớ cho phép chúng con kiếm cách biện minh cho mình về việc cái thiện và cái ác lẫn lộn nhau trên đời này. Xin Người hãy ban trí óc sáng suốt cho loài người. Còn về bản thân con thì con không dám mơ mộng cầu xin gì hết. Con không sợ chấp nhận một cách xứng đáng bất kỳ kết cục nào – dù phải đau khổ dưới địa ngục hay được bước lên vương quốc bao la vô tận. Số phận đó của chúng

con là do Người quyết định, hồi Đấng Chí Tôn Vô Hình và có mặt khắp mọi nơi...

Con chỉ cầu xin một điều thôi, không có một lời cầu xin nào cao hơn thế...

Con chỉ cầu xin một điều thôi, chỉ cầu xin có một phép lạ như thế nào để chiếc tàu kia vẫn chạy theo hướng cũ hết ngày này sang ngày khác, hết đêm này sang đêm khác, trong lúc ngày đêm vẫn luân phiên nhau theo trình tự do Người ấn định, theo vòng quay của Trái Đất trong vũ trụ. Mong sao chiếc tàu kia vẫn rong ruổi mãi từ đại dương này đến đại dương khác với phiên gác vẫn đều đặn như cũ, với những nòng súng được vĩnh viễn bọc kín. Mong sao sóng biển vẫn đập vào đuôi tàu và tiếng sóng vỗ vẫn không ngừng vang động. Mong sao những cột nước đại dương bắn toé lên vẫn rào rào trùm khắp con tàu, mong sao nó vẫn thấm đẫm làn nước mặn mau chóng tràn qua kia. Mong sao nó vẫn nghe thấy tiếng sàn tàu kêu ken két, tiếng máy chạy âm âm trong hầm tàu và tiếng riu rít của đám hải âu bay lướt theo làn gió thuận chiều theo con tàu. Và mong sao nó vẫn tiến đến thành phố tươi sáng trên bờ đại dương xa xăm, mặc dù nó chẳng bao giờ cập bến được...

Amen !”

Giọng anh dần dần khẽ đi, mỗi lúc một xa... Và Apđi nghe thấy tiếng khóc của mình vang trên đại dương....

Suốt đêm đó, trong khung cảnh tĩnh mịch, ánh trăng rực rỡ sáng loà, tràn ngập khắp đồng cỏ Mũiuncumư mênh mông, soi tỏ một hình người bị treo câu rút bất động trên cây muối đen. Hình người này trông tựa như một con chim lớn gương đôi cánh muốn bay vút lên cao nhưng bị bắn rơi và ném lên cành cây.

Trong lúc ấy, cách nơi đó một cây số rưỡi, đống giữa thảo nguyên là chính

chiếc xe tải kiểu quân sự phủ bạt kín mà trên đó, bọn Đại Huynh-Candalốp, sau khi đã thực hiện xong công việc đen tối của chúng, đang nằm ngủ ngổn ngang trên đồng thịt xaigắc, giữa đám thức ăn nhầy nhụa mà chúng nôn mửa ra trong khi ngủ. Tiếng ngáy ầm ầm của chúng lay động bầu không khí. Chúng đã đi khá xa để bỏ mặc Apđi suốt đêm trong cảnh cô độc – chúng muốn dạy cho anh một bài học, muốn anh cảm thấy anh chẳng là gì hết nếu không có chúng. Khi ấy, chắc hẳn anh sẽ chối bỏ Chúa Trời của mình và sẽ khuất phục trước sức mạnh...

Cách hành hạ như vậy dành cho Apđi là do gã cựu diễn viên Hămlet-Gankin phát minh ra sau khi đã nốc hết chai này đến chai khác và uống vodka như uống một thứ nước nhạt thếch vô vị. Gã nếu ra ý đó để lấy lòng Đại Huynh-Candalốp, theo gã thì cứ mặc cho thằng mê đạo kia phải sợ chết khiếp đi, cứ để cho nó tưởng là cả bọn đã bỏ đi hẳn sau khi đã trói chặt nó lên cây. Chắc hẳn nó sẽ chạy đuổi theo. Nhưng cũng chẳng ăn thua gì!

Hôm sau, khi trời bắt đầu rạng sáng, hai vợ chồng sói thận trọng tiến lại gần hang cũ của chúng, Acbara đi trước, mới một đêm mà hai bên sườn nó đã hõm xuống, gãy rộc đi. Cau có bước tập tễnh đằng sau Acbara là con Tastrainar đầu to. Chỗ cũ hoàn toàn vắng vẻ, con người đã biến đâu mất trong đêm. Nhưng chúng bước trên vùng đất này như bước trên bãi mìn, nếu có thể áp dụng cách so sánh như thế, nghĩa là cực kỳ thận trọng. Cứ mỗi bước chúng lại vấp phải một thứ gì đó thù địch, xa lạ: đồng lửa đã tắt, những chiếc hộp rỗng, những mảnh kính vỡ, mùi cao su và mùi sắt khó chịu còn vương lại trong những vết bánh xe và đâu đâu cũng là những chai rượu uống hết vẫn còn toả ra nồng nặc mùi rượu. Với ý định vĩnh viễn rời bỏ cái nơi nhơ nhớp này, hai con sói đi men theo rìa rừng sâu và đột nhiên Acbara nhảy phắt lại và sững lạng như bị chôn chân xuống đất – con người!

Cách nó hai bước, một con người treo lơ lửng trên cây muối đen, hai tay dang ra, đầu buông thõng sang bên. Acbara lao vọt vào bụi rậm, Tastrainar

lao theo. Con người trên cây không nhúc nhích, làn gió nhẹ thổi rì rào trong các cành cây khô, lay động mái tóc trên vầng trán của con người đó. Acbara ép sát mình xuống đất, căng như lò xo, chuẩn bị nhảy. Trước mặt nó là con người, một sinh vật đáng sợ hơn hết, thủ phạm gây ra những tai họa cho loài sói của chúng, kẻ thù không đội trời chung của chúng. Nỗi giận dữ bốc ngùn ngụt, nó hơi nhún người về phía sau để lao vọt lên, nhảy xổ ra cắn ngập răng ngay vào họng con người. Nhưng đúng vào giây phút quyết định thì con sói nhận ra con người này. Nhưng nó đã gặp con người này ở đâu nhỉ? Phải rồi, đó chính là anh chàng kỳ quặc mà nó đã gặp hồi mùa hè, khi cả đàn sói của nó đi hít thở loài cỏ thơm. Vào khoảnh khắc đó, nó thoáng nhớ lại cái ngày hè ấy, nhớ lại cảnh đùa nghịch giữa lũ sói nhỏ với con người này, nhớ lại việc nó đã thương hại anh và nhảy vọt qua đầu anh như thế nào, khi anh sợ hãi ngồi thụp xuống đất, lấy hai tay che đầu. Nó nhớ lại ánh mắt hốt hoảng và kinh hoàng của anh, nhớ lại anh đã bỏ chạy thực mạng, trần trụi và bất lực...

Giờ đây, con người này treo lơ lửng một cách lạ lùng trên cây muối đen thấp, hệt như con chim bị mắc vào cành cây và Acbara không hiểu anh còn sống hay đã chết. Anh không nhúc nhích, không phát ra một âm thanh nào, đầu anh nghiêng sang bên và từ miệng anh rỉ ra một dòng máu nhỏ. Tastrainar đã định nhảy xổ vào con người bị treo lơ lửng đó, nhưng Acbara đẩy chông đi. Nó tiến lại gần, chăm chú nhìn những đường nét của con người bị treo câu rút này. Rồi nó rên rỉ, tất cả đàn con hồi mùa hè của nó đều đã chết, toàn bộ cuộc sống ở Mõiuncumư đều tan tành, nó chẳng biết than khóc với ai hết... Con người này không thể giúp được gì cho nó, kết cục của anh ta gần lắm rồi, nhưng trong con người anh vẫn còn giữ được hơi ấm của cuộc sống. Anh vất vả hé mở mí mắt và khẽ thăm thì với con sói cái rên rỉ kia.

– Người đã đến... – và đầu anh bất lực gục xuống. Đây là những lời cuối cùng của anh.

Đúng giây phút đó bỗng vang lên tiếng động cơ nổ âm âm – trên thảo nguyên xuất hiện chiếc xe tải kiểu quân sự. Chiếc xe lừng lừng tiến đến, mỗi lúc một to dần, kính ở cabin nhấp nhóang ánh mờ đục. Đây là bọn Đại Huynh-Candalốp đang trở về nơi gây ra tội ác...

Hai con sói lập tức chạy đi, chúng chạy mãi, chạy mãi, mỗi lúc một nhanh hơn, không hề ngoảnh đầu lại, lũ sói ở Môiuncumư đang vĩnh viễn rời bỏ Môiuncumư, rời bỏ đồng cỏ bao la này...

* * *

Suốt một năm ròng, Acbara và Tastrainar sống trong bãi lau sậy ven Andas. Tại đây, chúng sinh được lứa đông nhất, những năm chú sói con, – thật là một lứa đẻ hiếm có! Lũ sói con lớn choai choai thì chúng lại gặp tai hoạ – các bãi lau sậy bị cháy. Tại địa điểm này đang xây dựng những nhánh đường sắt dẫn đến một nơi khai thác quặng lộ thiên, do đó cần phải đốt trụi các bãi lau sậy. Trên một diện tích rộng hàng trăm và hàng nghìn hecta quanh hồ Andas, lau sậy lâu đời đều bị huỷ diệt hết. Sau chiến tranh người ta phát hiện thấy tại nơi này có những vỉa quặng lớn của một loại nguyên liệu hiếm. Và thế là lại đến lượt xây dựng một xí nghiệp quân sự vô danh khổng lồ trên thảo nguyên. Lau sậy thì có nghĩa lý gì trong trường hợp như vậy, khi sự huỷ hoại bản thân cái hồ, dù là cái hồ độc đáo chẳng nữa, cũng không làm ai chùn tay, nếu vấn đề ở đây là vấn đề một loại nguyên liệu khan hiếm. Vì việc đó có thể mổ bụng cả trái đất như bồ dưa vậy.

Lúc đầu, máy bay lên thẳng bay là là trên những bãi lau sậy rộng bạt ngàn và phun hỗn hợp cháy xuống để vào giây phút cần thiết thì lau sậy đồng loạt bén lửa.

Hiệu lệnh đốt ban bố vào nửa đêm. Vì chất cháy đã phun xuống từ trước nên lau sậy bùng cháy như thuốc súng, mãnh liệt hơn và dữ dội hơn nhiều lần so với rừng rậm. Ngọn lửa bốc cao đến tận trời, khói che mờ thảo nguyên chẳng khác gì sương mù che mờ mặt đất mùa đông.

Mùi chát khét vừa lan rộng và lửa vừa đỏ hồng tại các chỗ khác nhau thì hai vợ chồng sói đã chạy lồng lộn trong đám lau sậy để tìm cách cứu đàn con. Chúng dùng răng lôi lũ sói con tới hết nơi này đến nơi khác. Và bắt đầu cảnh náo loạn trong các lùm cây ven hồ Andas. Chim chóc bay rợp trời trên hồ, tiếng kêu xáo động của chúng bang xa nhiều dặm khắp vùng thảo nguyên xung quanh. Tất cả những sinh vật sống bao đời nay trong các bãi sậy – từ lợn lòi cho đến rắn rết – đều sa vào cơn kinh hoàng, tất cả các sinh vật đều chạy lồng lộn trong các rừng lau sậy rậm rạp. Đàn sói cũng chịu số phận đó, lửa bao bọc chúng từ khắp các phía, chỉ có thể thoát thân bằng cách bơi đi mà thôi. Vứt bỏ ba đứa con trong lửa, Acbara và Tastrinar dùng răng cầm hai đứa con khác, cố cứu chúng bằng cách bơi qua vịnh. Rút cuộc, khi lũ sói đã sang đến bờ bên kia thì hoá ra cả hai con sói nhỏ này đều bị chết sặc, mặc dù bố mẹ chúng đã hết sức nâng chúng lên cao.

Acbara và Tátrainar lại phải đi đến những miền đất mới. Lần này chúng chọn vùng núi. Bản năng gợi cho chúng biết rằng vùng núi là nơi duy nhất trên trái đất có thể dung dưỡng chúng.

Chúng đi mãi, đi mãi, để lại phía sau những đám cháy do con người gây ra đang bốc khói ngùn ngụt, che mờ cả chân trời. Chúng đi qua cao nguyên Kurđai, đi xuyên qua những xa lộ lớn mà xe cộ bật đèn pha sáng quắc lao vùn vụt. Trong chuyến đi này của chúng không có gì khủng khiếp hơn những làn ánh sáng chạy loang loáng đó. Sau khi vượt qua cao nguyên Kurđai, chúng đi sâu vào vùng núi Ac-Tiux, nhưng tại đây chúng cảm thấy không an toàn, thế là chúng quyết định đi xa hơn. Sau khi vượt qua đèo Ac-Tiux chúng rơi vào lòng chảo ven hồ Ixức-Cun. Không thể đi tiếp được nữa, phía trước đã là biển.

Tại đây hai vợ chồng sói Acbara và Tastrinar lại bắt đầu cuộc sống mới một lần nữa...

Và chúng lại sinh con đẻ cái – lần này là bốn chú sói con ra đời.

Đây là cố gắng cuối cùng, cố gắng tuyệt vọng của chúng nhằm tiếp tục nòi giống.

Cũng tại đây, tại Ixúc-Cun, câu chuyện này về lũ sói đã kết thúc bằng một thảm kịch khủng khiếp...

III.1

Gã Badarbai và đàn sói con – Gia đình Bôxtôn

Gìờ đây bọn họ lập toà án xét xử Apđi Calixtơratốp. Năm gã sâu rượu là Candalốp, Misas, Kêpa, Hămlet-Gankin và Thổ Dân-Uducbai. Nói cho chính xác thì Hămlet-Gankin và Thổ Dân-Uducbai chỉ có mặt cho phải phép và họ cố gắng, quả thật là cố gắng một cách nhút nhát và thảm hại, tìm cách làm dịu cơn cuồng nộ của ba gã đứng ra xét xử.

Con người tìm kiếm số phận, còn số phận lại tìm kiếm con người... Và cuộc sống cứ trôi theo cái vòng lẩn quẩn đó... Và nếu đúng là số phận luôn luôn cố đạt được mục tiêu của nó thì cả lần này nữa nó cũng đã thành công. Mọi chuyện xảy ra cực kỳ đơn giản và vì vậy không thể cứu vãn được, chẳng khác gì định mệnh...

Vào ngày hôm ấy Badarbai Nôigutốp phải đến toán địa chất làm người dẫn đường cho họ theo hợp đồng. Badarbai đâu có biết là đoàn địa chất cần người dẫn đường, chính họ đã tìm anh ta, chính họ đã đề nghị anh ta làm công việc đó.

Họ đến đây, đến vùng Taman này, theo vết bánh xe máy kéo mà người ta vẫn men theo để chở thức ăn cho cừu.

– Tại sao vùng này lại tên là Taman nhỉ? – một nhà địa chất hỏi.

– Thì có gì đặc biệt đâu?

– Có chứ, kể cũng lạ đấy...

– Taman có nghĩa là chân, là đế. Đế ủng đây chẳng hạn. Còn trong trường hợp này là chân núi, chính vì vậy nơi này có tên là Taman.

– A, ra thế! Tức là từ cái tên đó mà có những tên khác như tỉnh Taman và sư đoàn Taman nổi tiếng đấy!

– Chuyện ấy thì tôi chịu, anh bạn ạ.

Vậy là toán địa chất đã lần được đến Taman, còn xa hơn nữa thì họ bảo là họ chỉ biết đường trên bản đồ thôi, bởi vậy nếu có dân địa phương làm người dẫn đường trong các vùng núi thì tốt hơn. Tại sao lại không có kia chứ, nhất là lại được trả tiền công nữa! Công việc thì chẳng vất vả gì – chỉ phải dẫn bốn người đàn ông cùng với hàng thồ đến khe núi Asur-Tas thôi, tại đây toán địa chất này hình như sẽ lấy mẫu quặng gì đó, mẫu quặng vàng thì phải, ai chẳng biết là bọn họ chỉ đi tìm vàng. Mà nếu họ tìm thấy thì họ sẽ được thưởng bầm đấy chứ. Nhưng mặc họ, đấy là chuyện của họ, còn Badarbai thì đến tối sẽ phải trở về bãi thả cừu Taman, nơi anh ta phải sống hết mùa đông với bầy cừu của mình, toàn bộ công việc là như vậy.

Mà các gã trai kia thì hoá ra chẳng lọc lõi gì về chuyện tiền nong hết, họ là dân thành phố mà lại. Chỉ cần Badarbai bắt đầu bướng bỉnh, làm bộ làm tịch. Nào là, tôi chẳng có thời gian đâu làm người dẫn đường, nhờ một cái ban lãnh đạo nông trường xộc đến, các anh không sao chứ tôi thì sẽ phải giơ đầu ra. Họ sẽ hỏi: thế anh chàng tổ trưởng chăn cừu Badarbai đâu rồi, tại sao anh ta lại vắng mặt khi mùa cừu đẻ đã sắp đến... khi ấy thì ai sẽ chịu trách nhiệm? Badarbai chỉ cần bắt đầu làm ra vẻ khó khăn là họ lập tức trả thêm tiền, lập tức hứa sẽ đưa hai năm rúp nữa. Đúng là lũ khờ khạo! Mà việc gì phải nhẹ tay với họ? Tiền là tiền nhà nước kia mà, ngân khố có bị nghèo đi đâu? Chắc hẳn chính bọn họ cũng ra sức vơ lấy tiền nếu gặp nơi nào dễ lấy cắp. Vậy thì cứ để cho họ bỏ tiền ra. Mà đối với Badarbai thì dẫn toán địa chất tới nơi họ cần đến thật dễ như bỡn – chỉ việc nhảy lên ngựa và

cứ thế mà đi. Hơn nữa, gần như cứ cách một ngày là anh ta lại lang thang khắp nơi để giải quyết những việc cần thiết và không cần thiết của bản thân anh ta, nhất là nơi nào có đám cưới hoặc đám giỗ, nơi nào anh ta đánh hơi thấy là sẽ có nhậu nhẹt. Còn mỗi khi anh ta đi lĩnh lương ở văn phòng nông trường thì toàn đội anh ta – cả người phụ trách chính việc chăn cừu, cả hai chú bé giúp việc, cả người gác đêm, và đặc biệt là vợ anh ta (chị cũng là công nhân trong đội) còn trong mùa cừu đẻ thì cả những công nhân phụ việc nữa – ai ai cũng cảm thấy lo lắng. Badarbai thường mãi đêm mới về, say khướt, ngồi không vững trên yên ngựa, mà đấy là anh ta đem tiền về cho đội đấy. Hình như vợ đều cáng của anh ta đã than phiền với giám đốc nông trường thì phải: khoảng ba tháng nay, thủ quỹ Bôrônbai đã bắt đầu đích thân đem tiền lương đến chuồng cừu, anh ta bảo là pháp luật qui định mỗi người phải tự tay ký nhận vào sổ lương. Được thôi, nếu hăn ta thích thì cứ việc đến...

Vậy mà bây giờ, tờ hai năm rúp cứ tự nhiên chui tọt vào túi. Quả thật, con đường dẫn đến Asur-Tas khá gập ghềnh và có chỗ dốc đứng đến nỗi nghệt thở, ngã gãy cổ dễ như bỡn. Nhưng biết làm thế nào được, thế mới là núi chứ, đâu có phải chuyện chạy mấy vòng quanh sân vận động và còn được thưởng huy chương nữa. Chẳng có gì phải ngạc nhiên cả: trước đây cũng như hiện nay làm gì có công bằng trên đời này. Đây thì phải sống cả mùa hè lẫn mùa đông trong núi, không hề có đường trải nhựa, không hề có ống dẫn nước, không hề có ánh sáng điện, muốn sống ra sao thì sống, suốt năm giẫm lên phân cừu hôi thối mà đi theo bầy cừu. Còn ở đằng kia thì một gã lanh lợi nào đó đi giày trắng chạy vun vút quanh sân vận động hoặc đá bóng vào khung thành, bản thân mình thấy thích thú và mọi người trên sân vận động cũng phát điên vì sung sướng; rồi nào tiếng tăm lừng lẫy, nào được báo chí đâu đâu cũng nói đến. Trong khi đó, những kẻ còng lưng làm việc suốt từ sáng đến tối, không có ngày nghỉ, không có nghỉ phép, thì lại vất vả lắm mới đủ ăn; nếu có uống rượu cho bớt nỗi bức dọc thì sau đó lại

bị vợ chì chiết và bản thân mình cũng chẳng vui thú gì. Rồi nào phải đảm bảo có được một lứa cừu con, không được để một con cừu cái nào không sinh đẻ, nào phải đảm bảo mức tăng trọng, nào phải cung cấp lông cừu mịn. Ai ai cũng đe dọa sẽ tìm ra chất tổng hợp thay cho lông cừu, chỉ có điều là chất tổng hợp ấy ở đâu mới được chứ. Nhưng mỗi khi cắt lông cừu là hàng trăm kiểm tra viên kéo đến như lũ chim kèn kèn vậy. Họ vợ sạch sành sanh, phải giao hết cho họ đến sợi lông cừu cuối cùng. Họ nói là lông cừu mịn rất cần để thu được ngoại tệ... Rõ là họ cần thứ ngoại tệ ấy lắm... Và tất cả những thứ đó như rơi vào chiếc thùng không đáy ấy. Quý tha ma bắt hết cả đi – cả cừu, cả người, cả cuộc sống nhục nhã này...

Những ý nghĩ buồn bã ấy ám ảnh Badarbai suốt đường đi. Chính vì thế mà anh ta lúc nào cũng im lặng, chỉ thỉnh thoảng mới quay lại toán địa chất đi đằng sau để báo trước những chỗ nguy hiểm... Anh ta cảm thấy vừa khó chịu vừa buồn bã. Mà tất cả là tại con mụ đều giả kia... Đúng là đồ rắn độc! Anh ta mà lên tiếng thì nhất định mụ ta sẽ làm om xòm lên! Cả lần này mụ ta cũng kêu la ầm ĩ, lại trước mặt người ngoài nữa chứ. Mà nếu không thì lại xây xẩm mặt mày cho mà xem. Cả cuộc sống thế là cứ lộn nhào hết! Không phải vô cớ mà từ xưa người ta đã nói: ban đêm thì vợ nũng như con mèo, còn ban ngày thì tai quái như con rắn. Lạ thật đấy! Mụ ta gào mới khiếp chứ! Mụ ta bảo, còn chỗ nào mà anh không lang thang đến nữa. Anh cần gì đến cái toán địa chất kia? Công việc ở đây đã nhiều vô kể rồi. Cừu đã bắt đầu mùa đẻ. Thằng nhỏ thì lúc nào cũng bám lấy cổ. Máy thằng lớn ở trường nội trú thì đâm hư đốn lắm rồi, mỗi lần về nghỉ là chỉ biết ngốn cho căng bụng ra, chỉ biết hạch sách mà chẳng đỡ đần gì, lại còn hút thuốc như ống khói ấy, lại còn nốc rượu nữa. Ở trường nội trú có ai chăm sóc đến chúng đâu, hiệu trưởng thì lúc nào cũng say bét nhè. Còn ở nhà thì chúng biết lấy ai làm gương được? Còn thiếu chỗ nào mà anh không lang thang, còn thiếu chỗ nào anh không nhậu nhẹt? Cũng may là con ngựa còn đưa được anh về đến nơi, nếu không thì anh đã chết gục đâu đó vì say trên

đường đi rồi...

Đúng là mù khốn kiếp! Anh ta đã đánh đập để răn dạy biết bao lần rồi. Người mù ta suốt đời đầy vết thâm tím, chính vì thế mà người ta gọi mù là Cốc Turxun-Turxun Thâm Tím. Vậy mà mù ta vẫn không đủ thông minh để kèm giữ miệng lưỡi xấu xa của mù.

Cả lần này nữa, cái mù đều già ấy đã la hét văng lên thật không đúng lúc, trước mặt toán địa chất. Mà anh ta đã bao lần bóp cổ mù nghẹt thở đến nỗi hai mắt mù lòi ra! Sau đó mù ta đã bao lần hứa là sẽ không nói ngang ngược nữa, nhưng đâu vẫn hoàn đấy! Song anh ta đã tìm được cách bắt mù ta phải câm họng. Anh ta gọi mù vào nhà dường như để trò chuyện, nhưng khi mù vừa bước vào thì anh ta liền lạng lẽ ép sát mù vào tường, mặt giáp mặt, khiến mù chết khiếp. Đúng lúc đó, trên khuôn mặt lờ mờ, tái xanh và nhăn nheo của vợ, trong cặp mắt mờ đi vì sợ hãi của vợ, anh ta nhìn thấy toàn bộ nỗi buồn bã và vẻ thê thảm của những năm đã sống qua. Anh ta đọc thấy toàn bộ những thất bại và sự căm giận cuộc sống trong ánh mắt đã mất hết sinh khí của vợ, trong cái miệng móm mém đen ngòm nhếch sang bên của vợ. Anh ta thấy ghê tởm chính bản thân mình, và nói bằng một giọng nghẹn lại vì giận dữ:

– Đồ chó, nếu mày còn nói lảng nhãng một lần nữa thì tao sẽ bóp nát mày như bóp nát trứng chấy ấy! – và anh ta đẩy mạnh vợ sang bên.

Người vợ lạng lẽ xách đôi xô rồi bước ra sân sau khi đã đóng sập cửa lại. Anh ta lấy lại hơi thở, bước ra, ngồi lên ngựa rồi lên đường cùng toán địa chất...

Một điều may mắn là con ngựa của anh ta thuộc loại ngựa tốt, đó là niềm vui duy nhất của anh ta. Con ngựa hay và đẹp dáng này xuất thân từ trại nuôi ngựa giống. Một gã lẩn thẩn nào đó đã loại bỏ nó vì màu lông khó phân biệt nổi của nó không ra hồng mà cũng chẳng ra nâu, nhưng chẳng lẽ đó lại là chuyện quan trọng hay sao? Con ngựa này rất lanh lẹ, khi ở trong

núi tự nó biết nên đặt chân ở chỗ nào, và cái chính là nó dai sức, dai sức như chó sói vậy. Nó luôn luôn có người cưỡi, vậy mà không hề gãy đi. Con ngựa của anh ta quả là tốt thật, trong số những người chăn cừu quanh đây có lẽ không ai có một con ngựa chịu khó như vậy, trừ con ngựa của Bôxtôn, một lao động tiên tiến của nông trường, một anh chàng phải nói là keo cú đến mức hiếm có. Không hiểu sao mà hai người suốt đời không ưa nhau. Con ngựa của Bôxtôn không chê vào đâu được, màu lông thực đẹp, vàng óng, thuộc giống ngựa vùng sông Đông, tên nó là Đônkuliuc. Bôxtôn quả là gặp may, anh ta chăm nom ngựa rất cẩn thận, nhất định là thế rồi. Anh ta phải trông thật hùng dũng khi ở trên mình ngựa mới được. Bây giờ anh ta có một cô vợ trẻ, đấy là cô vợ goá của Ernadar, người mà ba năm trước đây đã ngã xuống khe núi phủ đầy băng trên đèo Ala-Môngguý và vĩnh viễn nằm lại đấy...

Khi đi vào núi, người ta phần lớn là nối đuôi nhau đi hàng một, do đó họ thường im lặng. Và lại, sau khi xô xát với vợ, Badarbai cảm thấy không thích trò chuyện lắm. Họ cứ thế mà đi. Mùa đông đã sắp tàn. Hoá ra là những sườn núi có ánh nắng chiếu vào và lộ ra đầy tin cậy từ dưới tuyết, đã phảng phất hơi xuân. Vào giờ phút này, trên mặt đất thật yên tĩnh và sáng sủa. Ở phía bên kia chiếc hồ lớn vùng núi óng ánh sắc xà cừ xanh xanh dưới vùng đất thấp, vầng mặt trời ban trưa đã lên cao bên trên các ngọn núi.

Chẳng bao lâu Badarbai đã dẫn toán địa chất đến cửa khe và trước mắt họ, thấp thoáng lần cuối cùng mặt nước trong trẻo và phẳng lặng như gương của hồ Ixức-Cun, rồi toàn bộ quang cảnh khuất hẳn sau các rặng núi. Những dốc đá dựng đứng bắt đầu nằm liên tiếp nhau, treo lơ lửng một cách ảm đạm trên đầu mọi người. Xung quanh toàn là đá, toàn là cảnh vắng vẻ hoang dã, vậy thì họ sẽ tìm được gì ở nơi đây? – Badarbai vừa phân vân tự hỏi vừa đưa mắt nhìn khắp các phía. Anh ta quyết định là ngay khi đưa toán địa chất đến nơi thì sẽ quay về ngay. Khe núi Asur-Tas không dài như khe núi bên cạnh chạy song song với nó và có lối ra về phía ven hồ. Anh ta

thăm quyết định là khi trở về sẽ đi theo ngã khe Basat, đường về nhà sẽ ngắn hơn một chút. Sau khi chia tay với toán địa chất, anh ta đã làm như vậy thật. Nhưng trước đó, lúc đã rút túi tờ giấy bạc hai trăm rúp mà anh ta xiết bao khao khát, anh ta vẫn nói thêm:

– Các bạn ạ, các bạn đã là những gã đàn ông rồi thì phải, – anh ta vừa cười khềnh vừa ngạo nghễ vuốt bộ ria, – và tớ cũng chẳng còn con nít nữa, chẳng lẽ các bạn lại để tớ ra về với cổ họng khô khốc hay sao?

Badarbai chỉ trông mong được một cốc nhỏ, nhưng họ lại hào phóng tặng anh ta nửa lít – một chai rượu nhỏ xanh nhạt do ngành công nghiệp ăn uống địa phương sản xuất. Nay, họ bảo, anh đem về nhà mà uống đi! Niềm vui bất ngờ quá khiến Badarbai lập tức hào hứng lên. Anh ta tíu tít chỉ cho họ nơi nào dựng lều thì tốt hơn, nơi nào tha hồ chặt cành khô để nhóm lửa. Anh ta lắc lắc tay họ hồi lâu khi lần lượt từ biệt từng người một và thậm chí anh ta quên cả việc cho ngựa ăn kiêu mạch mà anh ta vẫn đem theo trong chiếc túi thổ kurgion. Anh ta đã nhiều lần quên như vậy. Anh ta mau chóng ngồi lên yên rồi quay trở về. Đúng như anh ta dự tính, một lát sau anh ta đã thấy đường đi. Anh ta vượt qua dãy núi còn phủ tuyết đến một nửa rồi đi xuống khe Basat. Tại đây, hai bên thành khe thừa thớt cây cối và sáng sủa hơn, không đến nỗi tối tăm như trong khe Asur-Tas, nhưng cái chính là có nhiều suối và nguồn nước chảy qua. Do đó, nơi này được gọi là khe Basat, tức là khe Nguồn Nước.

Chai rượu để trong chiếc túi áo mưa mặc ngoài áo lông ngắn khiến anh ta luôn luôn phải bận tâm. Anh ta thỉnh thoảng lại vuốt ve chai rượu và tính toán xem nên dừng lại nghỉ ở đâu, cạnh con suối nào thì hơn. Anh ta biết rõ định mức của mình – anh ta có thể uống nửa chai, chiêu nước rồi đi tiếp. Điều chủ yếu đối với Badarbai trong những trường hợp như vậy là làm sao ngồi được lên yên, khi đó con ngựa đáng tin cậy sẽ tự chở anh ta đến nơi. Chị Turxun Thâm Tím tội nghiệp đã nói đúng khi bảo rằng Badarbai được

quỷ xốc nách – anh ta chưa bị ngã ngựa lần nào.

Nhưng rốt cuộc anh ta đã tìm được một con suối chạy dọc theo đường đi khiến anh ta vừa ý. Con suối này đóng một lớp băng mỏng, đang róc rách reo vui trên các tảng đá, dưới lớp băng ven bờ trong suốt. Badarbai cảm thấy vị trí này thật thuận lợi. Xung quanh là những bụi liễu nhỏ và thường sơn, tuyết không nhiều, có thể cho ngựa ăn uống được. Anh ta tháo hàm thiếc ngựa, gỡ kurgiuon kiêu mạch khỏi yên, cởi dây buộc rồi đưa bên phía kurgiuon đã tháo dây vào sát mõm ngựa. Con ngựa vừa lạo xạo nhai kiêu mạch vừa nhẹ nhõm thở, lim dim mắt, dường như muốn rũ bỏ đi nỗi mệt mỏi. Trong khi ấy, Badarbai đã thu xếp xong một chỗ ngồi tiện lợi trên gốc cây cong queo cạnh bờ suối, lấy chai rượu nửa lít ra, đưa lên ánh sáng ngắm nghía nhưng không thấy gì đặc biệt, ngoại trừ việc nhận thấy rằng ngày đã sắp tàn, các bóng râm trên núi đã nằm xiên. Từ giờ đến lúc mặt trời lặn chỉ còn hơn một giờ nữa là cùng. Nhưng anh ta chẳng đi đâu mà vội, cảm thấy trước tác động ngây ngất quen thuộc của rượu, anh ta ung dung lấy móng tay dày cộm mở nút chai, đưa lên mũi ngửi ngửi, lắc đầu rồi áp miệng vào chai. Anh ta run rẩy uống liền mấy ngụm to chất nước nóng cháy họng ấy. Sau đó anh ta khum tay vục nước suối, uống ừng ừng cùng những vụn băng nhỏ. Anh ta nhai băng kêu lạo xạo – tiếng lạo xạo truyền lên đến tận óc. Mặt anh ta nhăn lại một cách quái gở, anh ta ‘hừm’ lên một tiếng, rên lên một cách khoan khoái, nheo mắt lại, chờ đợi lúc chất rượu làm đầu óc mê mẩn. Anh ta chờ đợi cái khoảnh khắc mà khắp thế giới xung quanh – nào các ngọn núi, nào các khối đá – trở nên chao đảo, bập bênh như trong sương mù rồi bay vút lên. Anh ta chờ đợi lúc đầu óc nóng bừng của anh ta như cảm thấy những âm thanh và những tiếng ồn mơ hồ và anh ta ngồi yên, lim dim mắt, sẵn sàng chìm đắm vào trạng thái say ngây ngất.

Đúng vào giây phút thân thể rã rời ấy, anh ta bỗng nghe thấy ở đâu đó gần đây có tiếng ư ử lí nhí như tiếng trẻ con rên rĩ. Đây có thể là tiếng gì vậy? Đầu đó ở đằng kia, phía sau các bụi thường sơn, phía sau đồng đá kia

lại vang lên tiếng ăng ăng như tiếng chó con... Badarbai cảnh giác, máy móc tợp một ngụm rượu nữa rồi để chai sang bên, dựa vào một tảng đá, lau thật sạch môi và đứng dậy. Anh ta lại dỏng tai lắng nghe một lần nữa. Anh ta chợt đoán ra: Đúng, anh ta không nhầm. Đây là tiếng của những con thú con gì đó.

Ở chỗ đó quả là có hang sói và đây là lũ sói con của Acbara và Tastrainar đang buồn bã kêu ư ử vì bố mẹ chúng vắng nhà quá lâu rồi. Sau cuộc chạy trốn khủng khiếp khỏi đồng cỏ Môiuncumư, sau một năm buộc phải không được sinh đẻ, tiếp theo đám cháy trong các rừng lau sậy ven hồ Andas, thì đến mùa xuân Acbara sinh được bốn con sói con. Đây là một lứa đẻ quá sớm, không đúng mùa.

Trong lúc đó, Badarbai đã đi về phía hang sói. Anh ta vừa đi vừa quan sát các cửa hang hốc. Nếu như anh ta không say rượu thì chắc hẳn trước đây anh ta đã phải suy nghĩ xem có nên trèo lên đó không. Anh ta tìm một lúc mà không thấy hang trong khe núi. Nhưng kinh nghiệm đã giúp anh ta. Trong khi xem xét kỹ lưỡng mặt tuyết phủ, anh ta phát hiện thấy một dãy dấu chân hằn nét nối tiếp nhau – rõ ràng là lũ sói rất thận trọng, chúng bao giờ cũng bước theo các vết chân cũ. Tiếp đấy, Badarbai tìm thấy trong các bụi cây giữa các đồng đá có cả một bãi xương đây những khúc xương đã bị gặm sạch hoặc nhai dở, tức là các con thú đã nhiều lần tha một phần con mồi về đây rồi thông thả ăn nốt. Căn cứ theo số lượng những khúc xương đùi và những đốt khớp còn lại sau khi lũ sói ăn thì chúng sống ở đây đã lâu rồi. Bây giờ tìm được lối vào hang sói chẳng còn là việc khó khăn nữa. Thật khó nói là tại sao Badarbai lại dám trèo vào núi, nơi có thể chạm trán với lũ thú lớn. Nhưng đàn sói con khờ khạo đã đói meo vẫn cứ không ngớt rên ăng ăng và thò đầu ra như mời gọi đến với chúng.

Chúng đâu có biết rằng mẹ chúng – Acbara, cực chẳng đã mới phải đi săn lần này cùng bố chúng – Tastrainar. Đàn sói đã bước vào những ngày

khó khăn trước mùa xuân, khi tất cả các con vật nhỏ đều gầy rộc đi, khi lũ dê rừng và cừu rừng tại các vùng xung quanh đều bị tiêu diệt, khi những bầy dê đã bỏ vào các dãy núi đá hiểm trở để chờ ngày sinh đẻ, còn các bầy cừu người nuôi thì cũng vì lí do đó mà được giữ gìn trong các chuồng cừu đóng kín. Trong hoàn cảnh đó, có đủ sữa cho một bầy con lúc nào cũng đói bú thật không dễ dàng gì. Acbara gầy rộc đi, không còn nhận ra được nữa, – đầu to lên, chân yếu đi, vú sệ xuống. Nói chung, chó sói là loài thú giàu sức chịu đựng, chúng có thể nhịn đói mấy ngày liền, nhưng sói cái đang cho con bú thì không thể hạn chế ăn như vậy được. Cuộc sống buộc Acbara phải liều mạng – phải đi săn một chuyến xa, nếu như số phận nó phải chết thì đàn con còn bú của nó cũng chết theo.

Như thường lệ, Tastrinar chạy phía sau vợ. Chúng cần mau chóng quay trở về – chúng cần mau chóng tìm thấy và giết chết con mồi, cần mau chóng nuốt chửng từng miếng thịt để ngốn cho thật nhiều thịt, cần mau chóng chạy về hang để tiêu hoá thức ăn, vì điều chủ yếu đối với sói mẹ là có sữa cho con bú.

Ngày hôm đó, đường đi trơn như mỡ tại những đoạn có ánh nắng và cứng như đá vì băng giá mùa đông tại những chỗ trong bóng râm. Tuy nhiên, hai vợ chồng sói vẫn không giảm tốc độ, chúng kiên trì chạy hối hả khắp các ngọn núi. Vào thời gian này trong năm, khi các sinh vật nhỏ bị chôn vùi dưới đất, còn đối với những bầy thú rừng và thú người nuôi thì dùng hòn bég mắng tới được, cuộc sống còn phức tạp hơn nữa bởi vì không thể săn bắt những con thú lớn như ngựa, lạc đà hoặc thú có sừng mà không có bạn săn. Dù Tastrinar có khoẻ đến đâu chẳng nữa, nó cũng không đủ sức tha một con mồi lớn về hang. Lần mới đây nhất, khoảng hai ngày trước, nó cắn chết được một con lừa đang thơ thẩn ở vùng ven núi. Đến đêm, Acbara rời khỏi hang và cố ngốn thật nhiều thịt lừa, nhưng không phải ngày nào cũng có những con lừa lang thang thơ thẩn như vậy tại vùng ven núi. Thường thường bên cạnh lừa bao giờ cũng có người. Chính vì thế mà

lần này Acbara phải đích thân đi săn để có thể ăn no nê ngay tại chỗ.

Thoạt đầu Acbara cảm thấy do dự, luôn luôn phấp phỏng, thậm chí đã một vài lần nó muốn quay trở lại – nó lo lắng cho lũ sói con vì chúng thường xuyên cần được sưởi ấm và cho bú, nhưng nó đã tìm được mình, nó tự bắt mình phải tạm thời quên hang sói đi. Song khi đến vùng ven hồ và lần được vết con mồi thì bản năng săn bắt của nó đã hoàn toàn chiếm ưu thế.

Acbara và Tastrainar gặp may: lần theo dấu vết còn mới, chúng tới được một lũng núi rộng, nơi có ba con bò rừng Tây tạng mà chắc hẳn là lạc khỏi bầy, đang đơn độc gặm cỏ tại ba chỗ khác nhau. Một năm trước đây, chúng đã chạm trán với lũ bò này, cũng do tình thế quẫn bách. Khi ấy chúng mới từ nơi xa đến, chúng không còn cách gì khác là chiếm lấy những gì chúng gặp được. Còn bây giờ thì thời gian gấp gáp, gần đây không có một bóng người nào. Sau khi nhìn khắp xung quanh, hai vợ chồng sói liền công nhiên tấn công. Thấy hai con sói xông tới gần, mấy con bò lập tức bỏ chạy, vừa chạy vừa vụng về đá hậu và kêu rống lên. Nhưng lũ sói đã đuổi kịp, ba con bò đành phải dừng lại, hai bên sườn phập phồng, chĩa sừng về phía sói. Chúng không còn lối thoát nào khác. Trong một thoáng lát nào đấy, trên đời này ngự trị thế quân bình từ ngàn xưa: vàng dương trên bầu trời, những ngọn núi vắng vẻ, cảnh tĩnh mịch hoàn toàn và không hề có bóng người – tất cả những yếu tố đó đều thuộc về cả ba con bò lẫn hai con sói ở mức độ như nhau. Lũ bò muốn tránh cuộc chạm trán, nhưng lũ sói không thể bỏ đi đơn giản như vậy được, không thể quên đi cơn đói đang hành hạ chúng. Chúng nhất định phải xông vào cuộc chiến, phải giết chết được dù chỉ một con bò thôi, để bản thân chúng sống nổi và để nuôi sống đàn con của chúng. Mấy con bò không lớn lắm nhưng cũng không nhỏ, béo vừa phải, lông mọc rậm vào lúc cuối đông, đuôi hệt như đuôi ngựa. Chúng đã hiểu là cuộc chiến nhất định sẽ xảy ra. Trong nỗi sợ hãi và giận dữ, chúng cúi thấp đầu xuống đất, vừa rống lên vừa lấy móng đào tung đất. Trong lúc ấy vàng

dương trên bầu trời vẫn rực rỡ như trước, những ngọn núi mà trên đó tuyết bắt đầu tan vẫn lặng lẽ bao quanh khu lũng vàng trống trải, nơi những con thú ăn thịt và ăn cỏ trực tiếp đụng đầu nhau. Hai con sói vừa đi vòng quanh mấy con bò vừa nhảy nháy, chờ giây phút thuận tiện. Acbara có rất ít thời gian – lũ sói con đang chờ nó trở về. Nó liền liều mạng lao lên đầu tiên về phía con bò mà nó cho là có phần yếu hơn. Mắt con bò đỏ ngầu máu, nhưng Acbara vẫn nhận thấy trong ánh mắt ấy một vẻ thiếu tự tin, tuy nó cũng có thể sai lầm. Nhưng dẫn đo đã muộn rồi, Acbara lao lên cổ con bò. Sự việc quyết định trong giây phút. Trong khi con bò điên cuồng lên, lắc lắc đầu, cố hất con sói cái xuống để dùng sừng găm nó xuống đất thì nhiệm vụ của Tastrinar là nhảy lên từ phía bên, đưa răng nanh cắm ngậ vào họng con bò, và phải cắm ngậ răng nanh vào như thế nào để cửa động mạch cổ, làm máu phụt ra và não bị tê liệt.

Tình hình diễn ra đúng như vậy. Nhưng trước đó, con bò vẫn kịp hất Acbara đi, ghì nó sát xuống đất và rồi nó rống lên, định lấy sừng tung con sói lên cao. Chỉ một chút nữa thôi là nó có thể đè bẹp và giẫm nát con sói. Nhưng Acbara đã trườn khỏi cặp sừng bò lanh lẹn như rắn và lại nhảy lên đầu con bò, cắn vào phần gáy chắc nịch, phủ đầy loại lông cứng, cửa vào mõm nó sắc như cỏ lác. Cuộc tấn công này bộc lộ rõ bản chất tàn ác của loài sói, bộc lộ rõ thiên chức tàn ác của loài sói là giết kẻ khác để mà sống. Nhưng lần này nó vấp phải một con mồi ghê gớm, đây không phải là xaigắc hay thỏ – những con vật thường khuất phục bạo lực một cách nhẫn nhục. Con bò hung dữ tuy đã mất nhiều máu nhưng vẫn còn có thể kháng cự lâu và rất có thể còn chiến thắng nữa. Nhưng dù sao thì ngôi sao hộ mệnh của Acbara đã rực sáng: gần như đúng giây phút đó, Tastrinar từ bên cạnh nhảy bổ vào, bám chặt vào họng con bò đang mãi mê vật lộn với con sói cái. Tastrinar vốn có kiểu nhảy bổ ghê gớm và kiểu cắn mãi không chịu nhả cực kỳ nguy hiểm như vậy. Nó dốc toàn bộ sức lực của nó vào cú nhảy bổ đó. Con bò lão đảo, thở khò khè, sắc máu của chính nó rồi găm rống và

giây giữa đổ gục xuống, cổ họng bị cắn đứt. Mắt nó sững lạng đi. Trong lúc diễn ra cuộc giao chiến, hai con bò còn sống kia bỏ chạy thực mạng đến một quãng xa rồi chuyển sang đi bước một, ung dung đi tiếp trên lưng núi như không có chuyện gì xảy ra hết.

Còn hai vợ chồng sói đã nhảy vào xé xác con bò chưa chết hẳn. Chúng chẳng còn thời giờ đâu chờ đến lúc con mồi chết hẳn nữa. Chúng chẳng còn thời giờ đâu mà tính toán xem nên bắt đầu ăn từ phía nào. Acbara tìm cách dứt đứt phần bẹn con bò, dùng bàn chân và móng chân hỗ trợ thêm, rồi lập tức nuốt chửng những miếng thịt tươi còn nóng hổi. Nó cần phải nuốt cho được càng nhiều càng tốt những miếng thịt như thế và mau mau trở về hang nơi lũ sói nhỏ đang chờ nó. Tastrinar cũng không chịu thua kém. Vừa dứt tợn gầm gừ, nó vừa đưa đôi hàm mạnh mẽ nhai vỡ các đốt xương, xé thịt thành từng miếng nham nhở như một gã hàng thịt man rợ.

Mọi chuyện diễn ra đúng như thường lệ. Trước hết, lũ thú dữ sẽ ngốn thịt cho no nê rồi sẽ lên đường để mau mau về đến hang. Ban đêm, chúng sẽ lại trở lại để ngốn ngấu một lần nữa, nhưng đó là chuyện sau này. Còn bây giờ thì chúng đang hồi hả nuốt lấy nuốt để các miếng thịt...

Trong lúc đó, tại khe núi dưới vòm đá là nơi có hang sói, bầy sói con đói meo, bất giác rên ư ử, khoan tròn nằm sát vào nhau cho ấm, rồi lại bò tản đi, rồi lại dồn thành đống. Và khi bên ngoài vang lên tiếng lạo xạo – đấy là Badarbai đang bò vào hang sói – thì chúng rên ư ử còn dữ dội hơn nữa và xô về phía cửa hang trên những đôi chân non nớt, điều đó khiến nhiệm vụ của con người trở nên dễ dàng hơn rất nhiều. Khắp người Badarbai ướt đầm mồ hôi và căng thẳng. Anh ta mò mẫm len vào cửa hang chật hẹp, chỉ mặc mỗi véctong, áo lông ngắn đã cởi ra. Anh ta tóm lấy lũ sói con, lần lượt bỏ ba con vào ngực áo, còn con cuối cùng, con thứ tư, thì dùng cả bàn tay xách lấy cổ, rồi bỏ ra ngoài sáng. Anh ta hít một hơi đầy lồng ngực, khắp xung quanh im lặng như tờ. Anh ta chỉ nghe thấy tiếng thở của mình. Mấy con

sói con trong ngực áo bắt đầu ngộ ngộ, còn con sói con bị anh ta xách cổ thì cố vùng vẫy để thoát ra. Anh ta liền hối hả hành động, vẫn thờ hớn hển như vậy, anh ta vớ lấy áo lông ngắn chạy thật nhanh về phía suối, còn tiếp đấy thì mọi việc diễn biến hết sức trôi chảy. Bốn con sói con mà anh ta quyết định bắt lấy rồi đem bán ấy mà bỏ vào chiếc túi thồ kurgiun thì thật tiện. Còn về việc bán thế nào cho có lợi thì anh ta biết quá chắc chắn nữa là khác: hồi năm ngoái một người chần cừ đã bán cho trạm thú cả một ổ sói con, cứ mỗi con kiếm được năm mươi rúp.

Anh ta giật lấy chiếc kurgiun đựng kiều mạch ra khỏi mồm con ngựa đang nhai lạo xạo, nhanh nhẹn đổ kiều mạch xuống đất, nhét vào mỗi bên túi một đôi sói con, vắt ngang chiếc kurgiun qua yên ngựa, lấy đai yên buộc chặt lại cho kurgiun khỏi đung đưa, rồi lập tức xỏ chân vào bàn đạp. Phải phi ngay đi trong lúc còn chưa muộn. Thành công này thật tuyệt diệu! Nhưng phải rời khỏi đây khi lũ sói lớn chưa xuất hiện – Badarbai hiểu rõ như thế. Khi đã ngồi được lên yên rồi, anh ta mới sức nhớ đến chai rượu uống dở đặt dựa vào tảng đá. Nhưng bây giờ thì anh ta bất cần đến nó nữa. Mặc kệ nó, bán bầy sói con này, anh ta sẽ kiếm được nhiều tiền đến nỗi có thể mua được hàng chục chai rượu như vậy. Anh ta thúc ngựa chạy cho mau, cần ra khỏi khe núi này càng nhanh càng tốt, trước khi mặt trời lặn.

Về sau, chính Badarbai cũng sẽ ngạc nhiên là tại sao anh ta lại không nghĩ ngợi gì hết, lại thiếu thận trọng như vậy – khi leo vào hang sói. Nhờ con sói cái, và biết đâu cả sói đực nữa, ở quanh đấy thì sao? Ngay cả loài hươu cái hiền lành như vậy cũng nhảy bổ vào kẻ thù để bảo vệ đàn con của mình kia mà. Nhưng anh ta sẽ nghĩ đến tất cả những chuyện đó về sau này, và anh ta sẽ cảm thấy ớn lạnh khi nghĩ đến chuyện sẽ bị trả thù về những việc anh ta đã làm. Còn vào giờ phút đó, anh ta hối hả thúc con ngựa màu hồng nâu chạy cho thật nhanh trên nền đá lờm chờm của khe núi Basat. Anh ta luôn luôn ngoái nhìn lại vầng mặt trời đang lặn phía sau lưng, ở mãi sâu trong núi. Từ nơi ấy, bóng tối nhá nhem sớm buông xuống đường như

đang đuổi theo anh ta. Đúng, phải khẩn trương lên, phải mau mau vượt ra vùng trước núi, về phía khoảng đất bao la ven hồ. Địa thế tại nơi ấy phóng khoáng, muốn phi ngựa về phía nào cũng được, chứ không như trong khe núi chật hẹp này.

Badarbai càng tiến gần đến vùng ven hồ, càng tiến gần đến những khoảng đất rộng rãi có người ở thì anh ta càng tự tin hơn và thậm chí càng ngênh ngang hơn. Anh ta đã muốn khoe khoang về thành công của anh ta. Và anh ta thỉnh thoảng lại nghĩ xem dọc đường có nên tạt vào chỗ một người chăn cừu nào đó trong đám bạn rượu của anh ta hay không, để cho xem ổ sói con mà anh ta kiếm được và uống rượu mừng thành công đó, dù chỉ uống mừng mỗi con một trăm gam thôi – anh ta sẽ thanh toán sòng phẳng ngay sau khi tiêu thụ được món hàng sống này. Anh ta bắt đầu hồi tiếc là trong lúc vội vã đã để lại cạnh suối chai rượu mới uống hết có hơn một phần ba. Chà, giá được vừa đi vừa tu thẳng từ miệng chai thì thú biết bao... Sao anh ta lại muốn chiều ý mình đến thế! Nhưng lý trí vẫn nhắc anh ta rằng anh ta sẽ còn kịp làm việc đó. Trước hết, phải đưa an toàn lũ sói con về đến nơi và cho chúng ăn đã. Tuy chúng dai sức thật nhưng dù sao cũng chỉ là những con vật còn đang bú và vừa mở mắt. Đây, mắt chúng vẫn còn khờ khạo lắm... Không hiểu chúng ra sao trong chiếc kurgiuon kia, chỉ ngại chúng bị chết thôi. Badarbai cũng không ngờ rằng anh ta đang bị rượt theo, một cuộc rượt theo khủng khiếp và chỉ trời mới biết tất cả những chuyện này sẽ kết thúc như thế nào.

Sau khi ăn no nê thịt con bò rừng tây tạng bị giết chết, hai vợ chồng sói theo đường cũ trở về hang. Acbara chạy trước, Tastrinar chạy sau. Điều chúng mong muốn nhất là về với lũ sói con trong hang dưới vòm đá, nằm với chúng thành vòng tròn, nghỉ ngơi cho yên tâm lại. Rồi sau đó, khi đã hết mệt nhọc, sẽ trở lại chỗ con bò chưa ăn hết, còn để lại trong lũng núi.

Cuộc sống là như vậy: lúc nào cũng tất bật, lúc nào cũng phải chạy tới

chạy lui cho kịp, có lẽ chính vì thế mà người ta bảo: sói sống được là nhờ chân nhanh... Nếu như chỉ nhờ có chân nhanh thì đã may... Chỗ thịt kia cũng có thể bị các con sói khác dòm ngó lắm chứ – thường có những con sói chẳng coi vào đâu việc xâm phạm của kẻ khác và khi đó không thể không đánh nhau, đánh nhau quyết liệt, đẫm máu nữa. Nhưng quyền vẫn là quyền, và sức mạnh ở phía kẻ có quyền...

Ngay từ xa, ngay từ cửa ngõ dẫn đến hang, trái tim Acbara đã linh cảm thấy có chuyện không bình thường. Hệt như một con chim nào đấy lướt bên cạnh nó như cái bóng, nó cảm thấy một chuyện gì đó khủng khiếp trong ánh mặt trời lúc hoàng hôn. Ánh phản quang đỏ rực đầy lo ngại trên các đỉnh núi phủ tuyết cứ mỗi lúc lại trở nên thẫm hơn, ảm đạm hơn. Khi đến gần hang, nó tăng tốc độ chạy – nó cũng chẳng ngoái lại nhìn Tastrainar nữa, – và cuối cùng, nó phóng vùn vụt như bay, tràn ngập một linh cảm mơ hồ. Đột nhiên, mỗi lo ngại đâm qua người nó còn đau nhói hơn nữa. Nó ngửi thấy trong không khí một thứ mùi lạ: mùi mồ hôi ngựa nồng nặc và mùi một chất gì đó choáng váng một cách ghê tởm. Chuyện gì vậy? Tại sao lại có những mùi đó? Con sói cái nhảy vọt qua núi, qua những khe kẽ trong các bụi cây để lao đến hẻm núi dưới vòm đá, nó chui tọt vào hang. Lúc đầu nó đứng lặng đi, rồi nó khịt khịt mũi như chó săn, đánh hơi tất cả các góc ngách của tổ sói đã rộng tuếch và trống trải, nó chạy vụt ra ngoài, vấp phải Tastrainar ở cửa, liền giận dữ đớp cho một miếng, dường như Tastrainar là thủ phạm, là kẻ thù, chứ không phải sói bố của lũ con nó và sói chồng của nó. Con Tastrainar vô tội cũng lao vào hang và đuổi kịp sói vợ lúc sói vợ đã ra đến bờ suối. Acbara vừa đánh hơi các dấu vết vừa lờng lộn chạy đi chạy lại, cố căn cứ vào các dấu vết mà tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra. Một kẻ nào đó đã đến đây, các dấu vết còn mới cho nó biết là con người vừa có mặt ở đây. Kia là một đồng kiêu mạch đổ tung toé, sức mùi nước bọt ngựa, kia là bãi phân ngựa, còn kia là một chất gì đó trong chai, ngậy ngất một thứ mùi ghê tởm, và con sói cái rùng mình khi hít phải thứ mùi rượu ấy, còn kia nữa

là dấu chân người trên mặt tuyết. Những dấu chân ủng giả da, loại ủng này là của những người chần cừ. Kẻ thù khủng khiếp đã đi ngựa đến đây với một chất lỏng gôm ghiếc gì đó, đã tàn phá tổ ấm của nó, đã bắt cóc lũ con nó. Trời, nếu như kẻ đó đã ăn thịt lũ con nó thì sao? Acbara lại nhảy xổ vào con Tastrinar vô tội và cắn lấy cắn để như hoá dại rồi nó vừa gầm gừ khàn khàn vừa chạy bổ theo các dấu chân. Tastrinar lập tức chạy theo.

Hai vợ chồng sói lông lộn lẩn theo dấu vết hết sức chính xác. Chúng cứ đi mãi, đi mãi về phía trước, về phía có người ở. Dấu chân dẫn chúng về phía vùng ven hồ...

Trong lúc ấy Badarbai đã ra khỏi khe núi và bây giờ cho ngựa phi nước kiệu trên địa hình phóng khoáng trên các sườn đồi dốc thoải, nơi trải dài những bãi chăn thả mùa hè. Và kia, ở đằng xa, đã hiện lên đường viền đen đen của khu hồ. Chỉ một tiếng nữa là anh ta sẽ về đến nhà. Mặt trời đã hạ xuống đến tận rìa mặt đất, đã nằm gọn giữa các đỉnh núi và tàn dần, mờ nhạt đi. Làn gió lạnh buốt bốc lên từ phía hồ Ixúc-Cun. “Làm thế nào cho lũ sói con không bị chết cồng mới được”, Badarbai nghĩ, nhưng chẳng có gì ứ chúng cho ấm, anh ta liền quyết định xem chúng nằm trong túi kurgiuon ra sao, chúng có còn sống không. Nếu chờ về nhà mà chúng chết rồi thì còn cần quái gì nữa! Anh ta xuống ngựa, muốn cởi dây đai yên để gỡ túi ra và xem bên trong, nhưng con ngựa đã xoay chân ra để đi giải, nước giải bắn tung tóe. Đột nhiên, nó đột ngột ghìim dòng nước tiểu đang phụt mạnh, khịt khịt một cách man rợ và lông sang bên, suýt giật tung dây cương khỏi tay Badarbai.

– Đứng yên! – Badarbai quát con ngựa. – Không được hõn!

Nhưng con ngựa hoảng sợ lao vụt sang bên như để tránh lửa. Và Badarbai lập tức hiểu ngay ra lý do. Lưng anh ta thoáng lạnh đi, qua đó anh ta linh cảm thấy lũ sói đang xông đến. Anh ta nhảy bổ đến con ngựa, vừa kịp nắm lấy bờm thì con ngựa đã vừa khịt khịt và đá hậu lung tung, vừa phi

vụt đi. Cúi rạp người tránh gió, anh ta ngoái nhìn xung quanh. Một đôi sói đang chạy cách đây một quãng. Hoá ra con ngựa đã hốt hoảng ngay từ lúc lũ sói lấy đà nhảy lên gò đất. Và bây giờ chúng cố gắng chạy tắt ngang đường anh ta. Badarbai hồi hải cầu nguyện, anh ta nhớ đến các thánh thần mà vào những ngày khác anh ta thường chẳng coi vào đâu. Anh ta nguyện rửa toán địa chất đã đột nhiên hiện đến: “Cho chúng mày chết ghen vì vàng đi!”. Anh ta hồi hận, xin lỗi vợ: “Tôi xin hứa với mình là nếu tôi còn sống, tôi sẽ không bao giờ chạm ngón tay đến mình!”. Anh ta tiếc rằng đã dòm ngó lũ sói con: “Động đến chúng làm gì nhi, leo vào cái hang ấy để làm gì mới được chứ? Biết thế thì lấy đá lần lượt đập chết hết đi là xong. Còn bây giờ thì biết vớt chúng đi đâu, biết vớt chúng đi đâu?”. Chiếc túi thồ đã bị buộc chặt bằng dây dai yên, không thể vừa phóng ngựa vừa quăng đi được. Hơn nữa, trời bắt đầu tối mau, ánh nhá nhem đã lan rộng ra, tràn ngập khoảng không gian vắng vẻ. Không một ai biết đến số phận khủng khiếp của anh ta, chỉ con ngựa trung thành là vẫn phi hết sức, hoá điên lên vì sợ hãi.

Nhưng Badarbai hồi tiếc hơn cả là đã không đem theo súng. Nếu có, anh ta sẽ cho mỗi con một phát đạn. Anh ta không thể bắn chệch được. Có súng là việc bình thường, mỗi người chẵn cừu đều có ở nhà, nhưng nào có ai thường xuyên đem theo người đâu! Chà, nếu như anh ta biết được! Badarbai lấy hết sức la hét để dọa lũ sói. Toàn bộ hy vọng của anh ta đặt vào con ngựa, thật may mắn vì nó thuộc loại ngựa nòi...

Cuộc rượt đuổi diễn ra quyết liệt, một mất một còn...

Hai bên cứ chạy vùn vụt như vậy trên các gò đồi nhá nhem tối – phía trước là người cưỡi ngựa với ổ sói con bị bắt cóc đứng trong túi thồ, bám sát phía sau là cặp sói Acbara và Tastrainar. Hai con sói đã đánh hơi thấy mùi lũ sói con bị bắt cóc. Chúng cầu nguyện cho đàn con. Chúng sàu nảo nhớ đàn con. Giá như con ngựa bị vấp ngã dù chỉ một lần thôi, dù chỉ một

khoảnh khắc thôi! Giá như chúng không ngốn thứ thịt bò kia đến căng bụng thì lẽ nào thì chúng lại chạy chậm như vậy, lẽ nào chúng không đuổi kịp gã bắt cóc kia và xé xác gã thành từng mảnh để dùng sự báo thù đẫm máu ấy thiết lập sự công bằng trong cuộc đấu tranh vĩnh viễn tàn ác nhằm kéo dài nòi giống? Tình hình khác hẳn ở thảo nguyên Môiuuncumư trong thời gian rượt đuổi lũ xaigắc, khi lũ sói đột nhiên chạy như bay ra và áp mạnh hơn nữa để buộc con mồi đang chạy trốn phải rẽ vào hướng cần thiết. Nhưng hồi đó chúng tiến hành rượt đuổi vào lúc đói, chúng đã chuẩn bị trước cho cú nhảy vọt nhanh như chớp.

Chạy đặc biệt vất vả là Acbara, nó đã ăn quá no để dự trữ cho việc nuôi lũ con. Nhưng nó cũng không chịu bỏ cuộc, cũng lấy hết sức ra mà chạy, và nếu như nó đuổi kịp kẻ cười ngửa kia thì chắc chắn nó sẽ không do dự một giây, sẽ lao vào cuộc vật lộn dù việc đó có kết thúc như thế nào đối với nó chẳng nữa. Dĩ nhiên, bên cạnh nó còn có Tastrainar, một sức mạnh và chỗ dựa hùng hậu, nhưng ai cũng chết vì bản thân mình cả... Còn nó, nó sẵn sàng tiếp nhận bất kì cái chết nào, miễn là đạt được mục đích, miễn là đuổi kịp con người đang cười ngửa lạnh lẹn kia, miễn là...

Mặc dù con ngựa Badarbai đang cười quả là nhanh nhẹn, anh ta vẫn kinh hoàng nhận thấy rằng cặp sói đang dần dần đuổi kịp anh ta, tuy chậm chạp nhưng chắc chắn, từ phía bên phải, cắt đứt con đường của anh ta về phía ven hồ. Hai con thú giảo quyệt dự định bắt anh ta phải quay lại, dồn anh ta vào núi – và khi ấy, sớm hay muộn, anh ta nhất định sẽ chạm trán trực tiếp với chúng. Tình hình đúng là như vậy bởi vì con ngựa cuống quýt vì hoảng sợ, luôn luôn cố né tránh lũ sói đang xông đến từ bên phải và tìm cách chạy về phía núi. Nhưng điều khiến con ngựa lại là con người, một tạo vật biết suy nghĩ, có khả năng đoán trước mưu mẹo của chúng, và đó chính là sai lầm của lũ sói.

Còn một tình huống nữa đã cứu Badarbai thoát chết. Khi nhờ ân huệ của

số phận mà phía trước hiện lên ánh lửa của chuồng cừ gần nhất thì hoá ra – thật may mắn không thể hơn được nữa! – đấy là chuồng cừ của Bôxtôn Urkuntriếp. Đúng, đúng, đấy chính là anh chàng Bôxtôn lao động tiên tiến nhưng keo kiệt mà Badarbai không hề có thiện cảm. Nhưng giờ đây anh ta không quan tâm đến việc ai ưa ai. Có gì khác nhau đâu, đối với anh ta thì bất kì một người nào vào lúc này cũng quý giá như cuộc sống của anh ta vậy. Cái chính là anh ta đã gặp được trên đường một nơi có người ở – đó là niềm vui, đó là khả năng thoát chết của anh ta! Anh ta hân hoan phấn chấn, anh ta lấy gót thúc ngựa, và con ngựa như được tăng thêm sức lực, lao thêm nhanh về phía có người, có đàn cừ. Tuy nhiên, Badarbai vẫn cảm thấy như hàng thế kỷ trôi qua trước khi anh ta dám tự nhủ rằng anh ta có thể hy vọng vào kết cục tốt đẹp. Nhưng kìa, đã nghe thấy tiếng máy nổ của Bôxtôn nổ âm âm như súng máy, lũ chó chăn cừu đã náo động lên và vừa lo ngại vừa lo sợ vừa lao về phía anh ta. Song cả lũ sói cũng không chịu chậm lại, chúng tiến đến mỗi lúc một gần. Con ngựa gần kiệt sức và Badarbai đã cảm thấy hơi thở nóng bỏng của chúng. “Lạy chúa Baubêđin, Người hãy cứu con – anh ta hối hả cầu khẩn, – con sẽ cúng dâng Người bảy đầu súc vật!”.

“Thoát rồi! Thoát rồi!” – Badarbai hân hoan sung sướng.

Tất nhiên là chưa đầy một giờ sau anh ta sẽ quên bằng những lời hứa hẹn của anh ta, con người vốn là như vậy...

Nhưng vào lúc những người chăn cừu chạy đến cứu anh ta, anh ta đứng là ngã vào tay họ, thỉnh thoảng lại nhắc đi nhắc lại:

– Chó sói, chó sói đuổi theo tôi! Nước, cho tôi uống nước!

Còn hai con sói thì rõ ràng vẫn lảng vảng gần đây, không chịu đi, kiên trì chờ đợi. Trại trú đông của Bôxtôn náo động lên – đám chăn cừu chạy vào, đóng cửa các bãi chăn lại, gọi nhau ới ới trong bóng tối. Một người leo lên mái, bắn mấy loạt đạn. Lũ chó lao xao vừa lo sợ nhưng không dám chạy ra sân. Chúng lại gần ánh sáng, thái độ hèn nhát ấy của chúng khiến những

người chủ của chúng phần nộ.

– Xông ra đi! Săn đi! Không phải chó săn sói nữa mà là đồ đớp phân hết! – một người nào đó thúc lỗ chó bằng một giọng khàn khàn. – Xông lên đi! Actas, Giôbar, Giaixan, Barpalan! Xông lên đi! Săn đi! Chà, chúng mày cụp đuôi lại, chúng mày sợ quần nhau với chó sói chứ gì?

– Sức chó chỉ đến thế thôi – một giọng khác phản bác lại. – Việc gì cậu phải nổi khùng lên thế? Chúng có thể cạp chặt ủng lôi người đang cưỡi ngựa xuống, nhưng với chó sói thì chúng không thắng nổi đâu! Cậu muốn gì vậy? Không một con chó nào lại dám săn chó sói hết. Để mặc chúng, mặc cho chúng sửa!

Nhưng Badarbai không nhớ ra ngay, hoàn toàn không nhớ ra được ngay là tại sao anh ta lại bị chó sói rượt theo. Mãi đến khi chàng trai được lệnh chăm sóc cho con ngựa của anh ta bỗng hỏi: “Bác Badarbai này, trong túi kurgium của bác có cái gì thế? Một vật gì động đậy thì phải”, mãi đến lúc đó anh ta mới sức nhớ ra.

– Trong túi kurgium ấy ư? À, sói con đấy mà! Quỷ tha ma bắt chúng đi, bốn con mới đẻ ấy! Tôi bắt chúng ngay trong hang sói ở Basat. Chính vì thế mà lũ sói đuổi theo tôi đấy.

– Thế kia à! Tuyệt quá nhỉ! Bắt thế mới là bắt chứ! Bắt ngay trong hang sói à? May mà chạy thoát đấy...

– Chúng có bị chết trong túi không? Có bị ngạt hay bị chết bẹp lúc ngựa phi không?

– Chết thế nào được! Chúng có phải mơ khô đâu? Chúng dai sức như chó ấy.

– Ta hãy ngó xem sao? Trông chúng thế nào đấy?

Rút cuộc, chiếc túi kurgium đựng ổ sói con đã được tháo khỏi yên ngựa

và đem vào nhà Bôxton. Một việc quan trọng như vậy phải thực hiện trong nhà Bôxton, nhân vật chính ở đây và là chủ chuồng cừ này, mặc dù vào tối hôm đó bản thân Bôxton không có nhà: đang có phiên họp thường kỳ ở huyện và như thường lệ, nông trường viên tiên tiến Bôxton phải ngồi trên đoàn chủ tịch.

Badarbai được dẫn vào nhà Bôxton gần như một vị anh hùng, và anh ta chỉ còn cách khuất phục. Suy đến cùng, tuy anh ta ngẫu nhiên đến đây nhưng dù sao cũng vẫn là khách.

Không thể nói rằng trước đây Badarbai chưa bao giờ bước qua ngưỡng cửa ngôi nhà này. Trong nhiều năm làm nghề chăn cừu lảng giềng với Bôxton – cách đây khoảng bảy kilômet, anh ta đã ba lần tới đây. Lần đầu tiên là vào dịp giỗ anh chăn cừu Ernadar bị ngã xuống hẻm núi phủ băng trên đèo Ala-Môngguy. Lần thứ hai cũng lại vào dịp tang lễ – sau khi Ernadar thiệt mạng chừng nửa năm thì xảy ra cái chết của người vợ trước của Bôxton (nghe đồn chị Arđurgun quá cố này là một người vợ tốt). Vậy là khi đó Badarbai cũng đến dự tang lễ như tất cả những người chăn cừu và bà con quanh vùng, người đông vô kể, còn ngựa, máy kéo và xe cộ thì thật không đếm nổi. Lần thứ ba thì thật ra, anh ta tới đây không phải theo ý mình, khi ban lãnh đạo huyện quyết định tổ chức một hội nghị chuyên đề sản xuất để Bôxton phổ biến kinh nghiệm của bản thân cho anh em chăn cừu. Anh ta không muốn đi nhưng trốn đâu cho được, người ta buộc anh ta phải đến. Và thế là trong gần nửa ngày anh ta phải nghe giảng giải xem cần làm gì và làm như thế nào cho cừu non khỏi chết mà thu được nhiều lông và thịt hơn. Tóm lại là làm thế nào để hoàn thành kế hoạch. Hừ, có quái gì ghê gớm đâu! Không cần họ anh ta cũng biết thừa đi rồi: nào mùa đông thì phải cho cừu ăn kịp thời, nào mùa hè, lúc ở trong núi thì phải dậy sớm hơn và đi nắng muộn hơn. Nói chung là phải chịu khó làm việc. Không được rời mắt khỏi đàn cừu. Phải trông nom chúng cẩn thận, như Bôxton vậy, nhưng cũng không chỉ riêng gì Bôxton. Song một số này thì kết quả khá hơn, một số

khác thì kết quả tồi hơn. Tức là một số này thì gặp may, một số khác thì không gặp may. Chẳng hạn như, chỗ Bôxtôn có máy nổ hoạt động, nó suốt đêm cũng cấp ánh sáng, trong nhà, trong kho, xung quanh sân – chỗ nào cũng có điện. Tại sao lại như vậy? Anh ta biết cách xoay được hai chiếc máy: khi chiếc này hỏng hoặc đem đi bảo dưỡng thì chiếc thứ hai được đem ra sử dụng. Còn tất cả những người chẵn cừu khác – kể cả Badarbai – suốt năm chỉ có một chiếc thôi. Mà với một chiếc thì thật khổ: lúc thì nó làm việc, lúc thì nó hỏng, lúc thì có nhiên liệu, lúc thì không, lúc thì xảy ra trục trặc, lúc thì anh chàng hiểu biết công việc này bỗng thấy kệ tất và bỏ ra thành phố – tại đây thanh niên sống và làm việc sướng gấp trăm lần ở đây. Kết quả là theo số liệu thì đội chẵn cừu nào cũng có điện, nhưng thực ra, làm gì có chuyện ấy...

Vậy ai là người tốt? Bôxtôn là người tốt, lại không rượu chè nữa. Còn ai là người xấu? Badarbai và những kẻ giống như anh ta, thêm vào đấy, họ còn rượu chè nữa. Mà nếu là người xấu thì phải tống cổ mi đi chứ? Nhưng không được, cứ thử nói là sẽ bỏ đi xem nào, người ta sẽ lập tức đưa công an đến, tịch thu chứng minh thư, không cấp cho một thứ giấy tờ gì hết. Anh bạn ơi, đi mà làm việc đi, ở lại đây thôi, bây giờ không ai muốn làm nghề chẵn cừu cả, những kẻ ngu ngốc như vậy hiếm lắm. Ai cũng muốn sống ngoài thành phố, tại đây, làm hết giờ là tha hồ rong chơi một cách có văn hoá, nếu không thì cứ việc nghỉ trong căn hộ riêng, mọi thức ăn đều sẵn có, không cần nhóm lò, ánh sáng suốt ngày đêm, vòi nước trong tầm tay, nhà xí ngay cạnh, ngay ngoài hành lang... Còn cuộc sống ở nơi chẵn cừu thì sao? Đến mùa cừu sinh đẻ thì phải chăm nom ít nhất là nghìn rưỡi con, suốt cả ngày lẫn đêm không lúc nào được yên, tất cả nghìn rưỡi con ấy lúc nào cũng làm tình làm tội, cứ thử không bắt thiêu xem, cứ thử không đọc ác xem, cứ thử không đánh đập vợ và những người giúp việc xem, cứ thử không nhậu nhẹt xem... Vậy mà sau đó lại: ai là người xấu? Người xấu lại là Badarbai và những kẻ giống anh ta...

Họ lại còn như chọc vào mắt nữa chứ – hãy nhìn Bôxton kia kìa, lao động tiên tiến đấy, mẫu mực đấy.... Anh ta chỉ muốn vả vào mõm cái gã lao động tiên tiến keo kiệt ấy cho hẳn biết tay! Vậy mà Bôxton lại số may, toàn những người tốt đến với Bôxton và không bao giờ bỏ đi cả, họ làm việc hòa thuận như một gia đình vậy. Badarbai và nhiều dân chăn cừu khác đã nhốt toẹt vào những chiếc máy nổ câm lặng của mình từ lâu rồi. Họ sống như thời cổ, dùng đèn dầu và đèn bão, còn chiếc máy phát điện MI-1157 của Bôxton thì hết như đồng hồ, nó nổ giòn phía ngoài chuồng cừu, do đó mãi xa khắp xung quanh đều nghe thấy và ánh điện của nó mãi từ xa đã nhìn thấy. Chính vì thế mà đã làm lũ sói hoảng sợ. Mới lúc này đấy thôi, chúng rượt theo và suýt nữa đuổi kịp, nhưng vừa nhìn thấy ánh sáng và nghe thấy tiếng máy phát điện nổ vang là đã dừng ngay lại.

Đàn chó vẫn sủa. Mấy con sói chắc hẳn còn lẫn quẩn đâu đây nhưng không dám đến gần...

Đúng, Bôxton số may, đúng là số may thật. Ngoài sân trại của anh ta, mọi thứ đều gọn gàng, ngăn nắp, trong nhà thì ánh đèn sáng choang, sạch sẽ, dù có sống trên bãi chăn cừu vẫn được. Phải cởi ủng và tháo xà cạp ra ở gian ngoài rồi chỉ đi tất đan không mà bước vào phòng trong trên những tấm dạ trải sàn.

Nếu người ta đã số may thì việc gì cũng may hết. Trước kia, Badarbai không nhận thấy người vợ góa của Ernadar – Ernadar đã bị chết trên đèo Ala-Môngguy ấy – lại đẹp và hãy còn trẻ như vậy. Còn bây giờ thì chị guliumcan này đã là vợ của Bôxton, tuy đã phải nếm trải đau khổ nhưng xem ra thì chị rất hạnh phúc. Chị chừng bốn mươi, có lẽ chưa đến bốn mươi là khác, hai con gái riêng của chị với Ernadar hiện đang học trong trường nội trú, và mới đây thôi chị lại sinh cho Bôxton một đứa con – anh ta lại gặp may – chị sinh cho Bôxton một đứa con trai, còn hai cô con gái của Bôxton với người vợ trước thì hình như sắp lấy chồng rồi thì phải. Chị tỏ ra

rất niềm nở, tuy chị không ngờ nghêch gì. Không, chị không hề ngờ nghêch một chút nào, chị biết là chồng chị với Badarbai không chịu nổi nhau, nhưng chị không để lộ ra, chị niềm nở đón tiếp anh ta, chị lo lắng, chị thông cảm với anh ta.

– Anh là chỗ hàng xóm, láng giềng của chúng tôi – chị bảo anh ta. – Mời anh vào đây, mời anh ngồi xuống chỗ thảm này. Ôi, thật khủng khiếp quá, chưa bao giờ lại có chuyện chó sói bám sát sau lưng như thế đấy. Đúng là nhờ ơn Chúa và các đấng tổ tiên Arbắc nên anh mới được tai qua nạn khỏi đấy. Vậy mà chồng tôi lại không có nhà, lại có cuộc họp gì đấy ở huyện, chắc hẳn là cũng sắp về thôi, người ta hứa là sẽ lấy xe của giám đốc đưa anh ấy về. Mời anh ngồi, anh ngồi xuống đi, sau sự việc như thế thì phải uống trà mới được. Anh chờ cho một chút, tôi sẽ đem món nóng lên cho anh.

Tuy rơi vào tình trạng khó xử như vậy nhưng Badarbai vẫn quyết định thử chị chủ nhà, xem chị có thành thật với anh ta là khách không mời mà đến không. Hơn nữa, anh ta rất thèm rượu, anh ta muốn hồi sức sau tai hoạ vừa trải qua, anh ta liền tỏ ra táo tợn hơn.

– Chỉ đàn bà mới uống trà thôi – anh ta nói thẳng. – Xin lỗi chị, nhưng chẳng lẽ lại không có thứ gì mạnh hơn trong nhà của anh Bôxtôn giàu sụ ư? Tiếng tăm của anh ấy vang xa lắm kia mà!

Badarbai xấu tính như vậy đấy: cho dù anh ta không định uống rượu chẳng nữa, anh ta vẫn hài lòng thấy sắc mặt của chị vợ Bôxtôn lập tức thay đổi hẳn. Chị không ưa thái độ thẳng thừng của Badarbai. Mà việc gì phải e ngại kia chứ – anh ta có phải vua quan gì đâu mà chỉ là dân chần cừ của nông trường như vợ chồng chị thôi.

– Anh tha lỗi cho – chị cau mày đáp, – anh thừa biết là anh Bôxtôn nhà tôi chẳng ưa gì cái thứ đó...

– Tôi biết, tôi biết: anh Bôxtôn của chị là người không uống rượu! – Badarbai khinh khỉnh ngắt lời chị, – tôi tiện miệng thì nói vậy thôi. Chị cho uống trà là tốt lắm rồi, xin cảm ơn chị. Tôi cứ tưởng là tuy anh ấy không uống rượu nhưng nhà vẫn có khách khứa chứ...

– Vâng, nhất định là thế rồi – chị Guliumcan bối rối và nhìn Rurxcun đang ngồi cạnh Badarbai, – bên đầu gối anh ta là chiếc túi thổ bất hạnh đựng lũ sói con.

Rurxcun đã định nhóm dậy đi lấy rượu, nhưng đúng lúc đó trên ngưỡng cửa xuất hiện người giúp việc thứ hai của Bôxtôn là Marat, một sinh viên học đại học sư phạm dở dang, một gã trai tháo vát đã từng ngang dọc khắp tỉnh và bây giờ đã trở nên chính chắn hơn, yên ổn làm ăn ở chỗ Bôxtôn.

– Marat này – Rurxcun bảo anh ta, – cậu có giấu đâu đó một chai đấy. Tớ biết mà, đừng sợ, nếu xảy ra chuyện gì thì tớ sẽ chịu trách nhiệm trước Bôxtôn cho. Đem chai rượu của cậu mau mau ra đây, ta sẽ uống mừng thành công của Badarbai.

– Uống mừng ư? Thế thì tớ sẽ đem ra trong nháy mắt! – Marat thích thú cười vang.

Sau nửa cốc rượu đầu tiên xua tan nỗi bức dọc, cơn sợ hãi của Badarbai qua đi và nhường chỗ cho thái độ tự tin suông sã quen thuộc. Anh ta nằm dài ra trên thảm như ở nhà mình, kể lại những gì đã xảy ra và xảy ra như thế nào, sau đó cho mọi người xem lũ sói con. Anh ta mở cả hai bên túi của chiếc kurgion, lấy lũ sói con ra và lúc đó chính anh ta cũng lần đầu tiên ngắm nhìn chúng một cách kỹ lưỡng. Lúc đầu, lũ sói con tỏ ra uể oải, gần như không phản ứng lại gì hết, lúc nào cũng cố lẩn tránh đi như tìm sự bảo vệ, nhưng rồi chúng dần tươi tỉnh, ấm người lên, chúng bò lồm ngồm trên tấm dạ trải sàn, kêu ư ử, vừa rúc mõm vào mọi người vừa nhìn bằng những cặp mắt ngơ ngác, đờ đẫn. Chúng tìm mẹ chúng, tìm vú mẹ chúng. Chị chủ nhà thương xót lắc đầu:

– Thật tội nghiệp, chúng đói quá đấy mà! Tuy chúng là sói con thật, nhưng có khác gì trẻ con đâu. Chúng đến chết đói ở nhà anh mất. Anh bắt chúng làm gì?

– Chúng chết thế nào được kia chứ? – Badarbai mếch lòng. – Lũ thú này sống dai lắm. Tôi sẽ tìm cách nuôi chúng trong hai ngày rồi đem lên huyện. Ở trạm thú người ta biết cách chăm sóc chúng. Nếu cấp trên muốn gì thì họ cũng làm được tất. Cả chó sói họ cũng thuần hoá được rồi bắt biểu diễn trong rạp xiếc, mà muốn xem xiếc thì mọi người phải trả tiền. Biết đâu lũ sói con này cũng sẽ làm xiếc thì sao?

Nghe đến đây thì mọi người đều mỉm cười, mặc dù nỗi thương xót của chị chủ nhà cũng truyền lan sang cả họ. Nhưng đám phụ nữ chạy đến xem lũ sói con thì bắt đầu thì thầm với nhau.

– Anh Badarbai này – chị Guliumcan nói, – chỗ chúng tôi có những con cừu non đã tách khỏi bố mẹ chúng nhưng vẫn còn phải cho ăn sữa đấy, hay là ta đem những chai sữa nuôi cừu non kia đến đây cho lũ sói con này?

– Được đấy! – Badarbai không nhịn được cười. – Cừu sẽ nuôi nấng chó sói, thật tuyệt! Ta thử xem sao đi!

Và thế là đến giờ phút mà về sau, mỗi khi nhớ lại, ai cũng cảm thấy kinh hoàng. Nhưng lúc đó mọi người đều vui thích, họ vui thích vì thú dữ lại được nuôi bằng sữa cừu, vì lũ sói con trông thật cả tin và ngộ nghĩnh, vì trong ổ sói con đó có một con sói cái mắt xanh, từ nhỏ không ai nghe thấy nói sói lại có mắt xanh cả, ngay trong truyện cổ tích cũng không có. Họ còn vui thích vì thấy đứa con trai út còn rất nhỏ của Bôxtôn – bé Kengies, hớn hờ hẩn lên. Bé hớn hờ là phải – trong nhà bỗng nhiên có bốn con thú nhỏ kia mà. Những người lớn xúc động thấy đứa bé bụ bẫm mới một tuổi rưỡi kia bập bẹ những tiếng gì đó mà chỉ riêng bé hiểu, thấy đôi mắt xinh của bé rực sáng lên, thấy bé mãi mê đùa nghịch với lũ sói con. Không hiểu sao bốn con sói con cũng quấn lấy bé Kengies, dường như chúng linh cảm thấy ở

đây bé là sinh vật gần gũi nhất với chúng. Những người lớn bàn tán với nhau, họ bảo: “Này, nhìn kìa, đứa bé tưởng lũ sói con cũng là trẻ con như nó đấy”, và họ cố hỏi chị Guliumcan xem đứa con nhỏ của chị nói gì với lũ sói. Còn chị Guliumcan thì vừa sung sướng mỉm cười vừa ôm chặt lấy con và âu yếm bảo:

– Con trai xinh của mẹ, con chó con của mẹ, lũ sói con chạy đến với con đấy. Con nhìn xem, lông chúng màu xám này, chúng mới mềm mại làm sao. Con sẽ kết bạn với chúng chứ?

Đúng lúc đó Badarbai nói một câu mà về sau người ta cũng sẽ nhớ đến:

– Trước đây trong nhà chỉ có một con sói con nhưng bây giờ là năm kia đấy. Cháu có muốn làm sói con không? Nếu muốn, ta sẽ bỏ cháu vào hang sói, cháu sẽ lớn lên cũng với chúng nhé!

Mọi người thật lòng cười vang với câu đùa ấy và lại uống trà. Badarbai cùng Marat đã đổ bình mặt vì rượu. Họ đã uống hết chai và đang nhắm nháp món mỡ lợn và thịt rán. Chết men say làm họ mỗi lúc một hào hứng thêm. Còn ngoài sân đã yên tĩnh lại, đàn chó đã ngừng sủa. Nhưng đột nhiên, con chó lớn nhất có bộ lông rậm màu hung là Giaixan bỗng hiện ra trên ngưỡng cửa để ngỏ. Nó đứng lại ở cửa, ve vẩy đuôi, không dám bước vào. Một người ném cho nó mẩu bánh mì, nó đớp ngay lấy, răng va vào nhau nghe ‘cộp’ một tiếng. Để mua vui cho mọi người, anh chàng Marat ngà ngà say liền tóm một chú sói con và đem đến cho con chó:

– Này, Giaixan bắt lấy đi! Bắt lấy đi, tao bảo! – Và anh ta đặt con thú ngỏ gầy gò run rẩy trước mặt con chó.

Tất cả những ai có mặt đều ngạc nhiên thấy con Giaixan giận dữ, gầm gừ, cụp đuôi, rụt cổ lại rồi bỏ chạy. Mãi sau đó, khi đã ra đến sân, nó mới đứng dưới cửa sổ cất tiếng sủa một cách sợ sệt và thảm hại. Mọi người cười ồ lên và người cười to nhất là Badarbai:

– Cậu chỉ hoài công thôi, Marat ạ. Không có con chó nào mà lại không bỏ chạy khi người thấy mùi sói hết! Cậu muốn con Giaixan của cậu là sư tử chắc? Đừng hòng!

Mọi người im bật tiếng cười khi bé Kengies khóc thét lên. Bé thương con sói con, bé lo sợ cho nó, bé chập chững bước đến nó để che chở cho nó khỏi những hành động khó hiểu của người lớn.

Một lát sau, Badarbai bỏ bốn con sói con bất hạnh vào túi kurgiun rồi ra đi. Lúc đó ngựa của anh ta đã nghỉ ngơi lại sức, nó được thả yên cương và nhanh nhẹn phi nước kiệu rời khỏi trại trú đông của Bôxton. Phi ngựa bên cạnh anh ta là Marat và Ruxcun. Súng khoác trên vai, cả hai cũng ngà ngà say nhưng Marat say hơn, do đó anh ta đâm lăm lờ quá mức. Hai chàng trai vạm vỡ này tự nguyện đưa tiễn Badarbai để tìm cách làm dịu đi phần nào câu chuyện đáng tiếc đã xảy ra ngay trước khi vị khách không mời mà đến này ra khỏi nhà Bôxton.

Vào lúc đã chuẩn bị ra đi, Badarbai cảm thấy hài lòng vì đã trở thành trung tâm chú ý trong nhà Bôxton. Anh ta đưa chiếc túi kurgiun đựng lũ sói con cho Marat và bảo: “Này, cậu hãy vất túi qua yên ngựa đi”, còn chính anh ta thì gỡ trên tường xuống khẩu súng treo bên cạnh một bộ da sói lớn. Anh ta chăm chú xem xét khẩu súng, thấy thích khẩu súng ấy. Đó là một khẩu súng thượng hạng, nòng có rãnh xoắn, lắp được nhiều đạn, bóng loáng chất thép đen thẫm, hình thức cân đối rất đẹp, chuyên dùng để săn thú lớn. Bộ da sói treo trên tường như một chiến lợi phẩm kia mà, Bôxton kiếm được chính là nhờ phát đạn chính xác bắn ra từ khẩu súng này. Chuyện đó thì ai cũng biết.

– “Chị Guliumcan ạ” – Badarbai vừa chậm rãi nói vừa chuyển ánh mắt ngà ngà say từ khẩu súng sang chị chủ nhà. Anh ta thoáng nghĩ: nếu cô nàng Guliumcan này rơi vào tay anh ta ở một chỗ vắng vẻ... Anh ta đã quen chiếm đoạt phụ nữ một cách táo tợn, đôi khi ở ngay ngoài đồng hay

bên vệ đường. Có lúc anh ta thành công, có lúc anh ta thất bại, nhưng dù thành công hay không thì anh ta cũng chẳng bao giờ hối tiếc hết. Và giờ đây, khi dần dần so sánh Guliumcan với người vợ đã rách nát của anh ta là Turxun Thâm Tím, anh ta hình dung thấy rõ rệt là dường như anh ta vừa thắng cánh nện cho mục ta một mẻ vì mục ta, chứ không phải Guliumcan, là vợ anh ta, vì mục ta đã khiến anh chán đến tận cổ rồi. Và anh ta cố tự kềm chế, nói tiếp: – “Tôi cảm thấy rất thoải mái trong nhà chị, tôi được chị đón tiếp tử tế. Nhưng tôi còn một điều muốn nói với chị. Chị Guliumcan ạ, tôi sợ lũ sói lại rượt đuổi tôi. Liệu tôi có thể đem theo khẩu súng này và đến mai tôi sẽ nhờ người đem trả chị được không?”

– Lạy chúa, anh hãy treo ngay vào chỗ cũ đi – Guliumcan nghiêm khắc nói. – Anh Bôxton không bao giờ cho phép ai động đến khẩu súng này đâu. Anh ấy không thích người khác động đến khẩu súng của anh ấy.

– Thế nếu không có mặt anh ấy thì chính chị cũng không được dùng khẩu súng này hay sao? – Badarbai râu rĩ nhếch mép cười và tưởng tượng thấy rõ rệt cảnh được ôm xiết người phụ nữ này nếu có cơ hội thuận lợi.

– Anh nói lạ! Anh Bôxton về mà không thấy khẩu súng thì tôi biết làm thế nào.. Hơn nữa tôi cũng chẳng biết đạn ở đâu. Anh ấy tự tay cất hết đạn đi, không cho ai một viên đạn nào hết.

Badarbai thầm nguyện rửa Bôxton thậm tệ. Anh ta cũng tự xỉ vả mình nữa: chẳng lẽ anh ta lại không biết cá gã Bôxton ấy keo cú như thế nào hay sao, vợ gã hóa ra cũng chẳng tốt hơn chút nào. Anh ta suýt nói với Guliumcan: cho chị chết nghẹn với khẩu súng này đi. Nhưng đúng lúc đó Rurxcun gỡ bí cho anh ta, hay nói cách khác, Rurxcun làm dịu không khí đi:

– Chẳng việc gì phải lo lắng cả, anh Badarbai ạ. Nếu anh muốn thì tôi với Marát sẽ đem súng theo và đi ngựa đưa anh đến tận nhà – Rurxcun vừa cười vừa đoán chắc. – Thời gian của chúng ta vô khối, chúng ta còn cả một đêm kia mà. Còn khẩu súng này thì anh không nên động đến. Anh hãy treo

vào chỗ cũ đi. Anh phải biết tính Bôxtôn mới được, anh ấy ưa trật tự ngăn nắp lắm!

Họ đã chuẩn bị ra đi, nhưng Rurxcun buộc phải nán lại vài phút để an ủi bé Kengies. Bé khóc âm lên. Bé bảo: Tại sao chú lại bỏ sói con vào túi, chú định mang chúng đi đâu? Bé lăn lộn, bé vùng vẫy khỏi tay mẹ, đòi trả lại cho bé lũ thú nhỏ yêu thích của bé...

Khi họ đã ra khỏi nhà, anh chàng sinh viên Marát bỏ học liền kể một câu chuyện hài hước mà theo ý anh, có thể giải khuây cho hai người bạn cùng đi:

– Mới đây ở huyện ta có xảy ra một vụ tai tiếng âm ỉ khắp thế giới, thật buồn cười đến vỡ bụng mất. Anh có nghe thấy không, anh Badarbai?

– Không, tớ không nghe thấy – Badarbai thú nhận.

– Nhưng đúng là một vụ tai tiếng âm ỉ khắp thế giới thật, xin thề là như vậy!

– Cậu kể đi, cậu sinh viên, cậu kể đi xem nào! – Rurxcun vừa khích vừa lấy gót giày thúc ngựa.

– Có một quan chức ở tỉnh gọi điện đến tay biên tập báo huyện chúng ta. Vị quan chức ấy hỏi: Tại sao trên tờ báo ‘Bình minh của chủ nghĩa xã hội’ chỗ các anh lại tuyên truyền cho nước Mỹ tư bản chủ nghĩa? Tay biên tập viên ấy vốn là kẻ hèn nhát và nịnh bợ hiểm có – trước đây tớ cùng học với hắn mà lại, – nghe thấy thế thì sợ đến líu lưỡi: “Chú... chúng tôi có vi-iết gì về nư-nước Mỹ đâu! Xi-xin lỗi, tu-tuyên truyền như vậy là th-thế nào ạ?”. Vị quan chức kia bảo: “Không viết là thế nào? Vậy tại sao lại có cái đầu đề in rành rành ra đấy: “Bôxtôn vẫy gọi chúng ta?”. “Đấy là Bôxtôn, người chặn cừu tiên tiến của chúng tôi đấy chứ ạ. Bài báo viết về anh ta, về công việc của anh ta”. ” Thì rõ là bài báo viết về anh ta rồi, nhưng nhiều người khi đọc báo chỉ đọc mỗi đầu đề thôi”. Ha ha ha! Thế mới thú vị chứ! Tuyệt

quá phải không? “Vậy phải làm thế nào bây giờ ạ?” – tay biên tập viên hỏi. Vị quan chức kia liền ra lệnh: “Bảo cái anh chàng lao động tiên tiến ấy đổi tên đi”.

– Gượm đã – Badarbai ngắt lời. – Thế ở Mỹ cũng có Bôxton bên đó à?

– Làm gì có – Marát thích thú đáp. – Bôxton là một thành phố của Mỹ, là một trong những thành phố chính, có lẽ chỉ kém Niu Oóc chút xíu thôi. Còn ở vùng chúng ta thì Bôxton là áo lông xám. Bôx là xám, tôn là áo lông. Bây giờ thì rõ rồi chứ?

– Quý tha ma bắt cậu đi! Nhưng cũng đúng đấy chứ! – Badarbai đồng ý, nhưng anh ta tiếc rằng tất cả những chuyện đó chẳng đáng giá một xu và do đó chẳng có thể gây hại gì cho Bôxton cả. – Đúng thế thật, Bôxton đúng là áo lông xám thật....

Vào giờ đó, màn đêm đầy sao đã phủ lên mọi vật. Cả núi non, cả bầu trời, cả khoảng hồ phía xa, vòm lưng vòng lên mạnh mẽ của nó chỉ hiện lên mờ mờ trong bóng tối. Ba người cưỡi ngựa vừa bông đùa vừa đi về phía Taman và không hề ngờ rằng vào đêm đó những số phận nặng nề đã buộc lại với nhau bằng một nút buộc chắc chắn, không tài nào gỡ nổi... Giọng nói của họ và tiếng vó ngựa gõ lên đá vọng lại mỗi lúc một khẽ dần, mơ hồ dần.... Còn lại phía sau là tiếng máy nổ của Bôxton trong bóng tối bao phủ miền núi non này. Làn ánh sáng phát ra giật lấy một khoảnh tròn nhỏ xung quanh cơ ngơi của người chăn cừu và mảnh sân phía trước.

Trong khi ấy, lũ sói đang ẩn nấp đâu đó quanh đây...

III.2

Tiếng khóc của loài sói

Guliumcan phải vất vả lắm, phải vừa dỗ dành vừa vuốt ve mới đưa được bé Kengies đi ngủ, còn chị thì thức đợi chồng. Chắc hẳn anh cũng sắp về rồi. Khi đàn chó sủa rộ ngoài sân, chị quàng chiếc khăn ấm lên vai và bước sát đến bên cửa sổ. Đèn pha sáng rực xé toang màn đêm, chiếc xe con của giám đốc nông trường quành lại cạnh chuồng cừu lớn là nơi chặn giữ lũ cừu đê. Guliumcan nhìn thấy Bôxtôn bước xuống xe, chia tay với những người ngồi trong xe rồi đóng sập cửa lại, sau đó chiếc xe quay ngoắt lại và lăn bánh đi. Chị biết rằng chồng chị sẽ không vào nhà ngay. Trong những trường hợp như vậy, lúc đầu anh thường đi vòng một lượt các bãi thả cừu và nhà kho, ngó vào dưới mái che lợp cỏ khô, hỏi thăm bác gác đêm Kudurmát xem tình hình trong ngày ra sao, súc vật có bị chết không, có đẻ non không, có sinh được nhiều cừu con không...

Vừa đốt nóng bếp bằng những thanh củi đã chuẩn bị từ trước để đón chồng bằng thức ăn nóng sốt và nước trà ngon – thiếu trà ngon thì cuộc sống đối với Bôxtôn chẳng có nghĩa lý gì nữa, – Guliumcan vừa lắng nghe, chờ lúc tiếng chân chồng vang lên trên ngưỡng cửa. Tuy chưa đến lúc ấy nhưng chị đã cảm thấy sung sướng. Chị hình dung thấy bé Kengies trở mình trên giường ấm áp, chếp chếp môi khi bộ ria lạnh giá của bố chạm vào. Thường thường, Bôxtôn tự tay cho bé đi ngủ, trước đấy anh chơi đùa

với bé hồi lâu. Anh cũng thường tự tay tắm cho bé trong chiếc chậu to, sau khi đã đốt lò cho thật ấm và đóng kín mọi cửa ra vào và cửa sổ. Hàng xóm láng giềng cho rằng lúc về già anh đâm ra quá nuông con, trước đây anh đâu có như vậy.

Trước đây anh yêu công việc hơn yêu con cái. Những đứa con lớn của anh nay đã trở thành bố mẹ cả, có cuộc sống riêng của mình. Chúng chỉ thỉnh thoảng tạt qua nhà, còn đứa con út thì bao giờ cũng đáng yêu nhất, bao giờ cũng được yêu mến nhất. Mọi chuyện đúng là như vậy, nhưng chỉ riêng chị, Guliumcan là hiểu được nguyên nhân thật sự và cay đắng của việc Bôxtôn gắn bó với bé Kengies. Vì trước đây cả anh lẫn chị đều chẳng bao giờ nghĩ rằng họ sẽ trở thành vợ chồng và sinh con trai. Nếu như người chồng cũ của chị là Ernadar không bị thiệt mạng trên đèo Ala-Mônguy và nếu như tiếp theo đó người vợ trước của Bôxtôn là Ardurgun, không bị chết, thì việc đó chẳng bao giờ xảy ra cả. Họ cố không nhớ lại quá khứ mặc dù họ biết rằng khi một mình một bóng thì người nào cũng nghĩ đến quá khứ... Còn đứa bé là sợi dây chung ràng buộc họ với nhau, họ phải trả giá quá đắt mới có được. Vì con đường lên đèo Ala-Mônguy là do Bôxtôn khai phá, và Ernadar, người giúp việc của anh đã thiệt mạng trước mắt anh và vĩnh viễn nằm lại đó, dưới đáy khe núi sâu thẳm... Chỉ đứa bé mới lấp đầy được khoảng trống này trong tâm hồn anh, bởi vì từ xưa người ta đã nói rằng chỉ sự ra đời mới có thể bù đắp được cái chết.

Nhưng kìa, tiếng bước chân đã vang lên, Guliumcan nhanh nhẹn bước ra đón chồng, giúp chồng tháo ủng rồi đem đến nước, xà phòng, khăn mặt. Chị lặng lẽ đổ nước vào hai tay chồng, nhưng tạm thời họ chưa chuyện trò với nhau. Họ sẽ chuyện trò với nhau về sau, trong lúc uống trà. Lúc đó, Bôxtôn sẽ mở đầu câu chuyện bằng câu chào đầu ưa thích của anh: “Bây giờ em sẽ nghe nhé, trên đời thật chẳng thiếu gì chuyện...”. Rồi anh sẽ kể những gì anh nhìn thấy, những gì mới mẻ mà anh biết được. Và vào những phút như thế, khi chỉ có hai vợ chồng với nhau, cả hai đều cảm thấy hạnh phúc. Một

cuộc chuyện trò tâm tình, giữa những người thân thiết, thật chẳng khác gì bến tàu quen thuộc, nơi đã biết trước chỗ nông sâu. Họ nhớ lại là sau ngày giỗ đầu của Ardurgun, rốt cuộc, họ quyết định lấy nhau, và khi ấy, Bôxton từ trong núi đến chỗ chị, đến ngôi nhà goá bụa của chị ở rìa khu xóm ven hồ. Khi ấy, họ để con ngựa của Bôxton ở lại chỗ cọc buộc ngựa rồi lên chiếc xe buýt địa phương, cảm thấy ngượng nghịu trước mặt mọi người vì lần đầu tiên họ đi bên nhau. Họ đến phòng đăng kí kết hôn của huyện và tại đó họ cố ký thật nhanh những giấy tờ cần thiết và đi thật nhanh khỏi nơi đó. Sau đấy, vì không muốn đi xe buýt nữa và không muốn gặp mặt những người quen ngoài phố, họ đi bộ ra hồ rồi men theo bờ hồ về ngôi nhà goá bụa của chị. Hôm ấy là một ngày thu khô ráo và lặng gió, làn nước xanh ngắt của Ixúc-Cun vẫn trong trẻo và thanh bình như thường lệ. Tại đây, trên con đường nhỏ ven bên bờ rậm rạp những cây lá bản, Bôxton nhìn thấy hai con thuyền đỗ ở bến và họ dừng lại. Những đợt sóng lăn tăn khẽ đưa đôi thuyền, bên dưới nhìn rõ đáy hồ phủ cát.

“Em nhìn xem, khắp xung quanh là nước, là núi non, là đất đai – đó chính là cuộc sống. Còn đôi thuyền này chẳng khác gì anh với em. Sóng nước sẽ cuốn chúng ta đi đâu, cái đó sau này mới biết được. Những gì đã xảy ra với chúng ta và những gì chúng ta đã trải qua, tất cả sẽ còn lại với chúng ta khi chúng ta còn sống. Vậy ta hãy mãi mãi ở bên nhau. Anh già rồi, có thể nói như vậy. Mùa đông này anh đã bốn chín tuổi rồi. Còn em thì con cái còn nhỏ, phải dạy dỗ chúng và thu xếp cho chúng một cuộc sống yên ổn... Ta đi đi, chúng ta sẽ cùng thu xếp đồ đạc. Tuy bố em làm nghề đánh cá, nhưng em sẽ lại đi vào núi, chỉ có điều là lần này em sẽ đi với anh... Anh không đủ sức sống một mình nữa rồi...”

Guliumcan bật khóc mà chính chị cũng không biết tại sao, và anh an ủi chị hồi lâu... Sau đó, mỗi khi họ chỉ có hai vợ chồng với nhau và trò chuyện về cuộc sống, chị thường nhớ lại đôi thuyền kia trên hồ. Chính vì thế chị cảm thấy rằng cuộc trò chuyện với người thân của mình chẳng khác

gì bên nước quen thuộc.

Nhưng lần này chị để ý thấy chồng chị có vẻ lo âu hơn thường lệ. Dưới ánh đèn nhấp nháy ở gian ngoài, Bôxton người to lớn, cao hơn chị đến một cái đầu, đang vò khăn mặt và cố ý lau thật chậm đôi tay thô kệch. Đôi mắt xanh nhạt hơi nheo nheo của anh lộ vẻ u ám, khuôn mặt dài dàu nắng gió với chiếc cằm nặng nề bạnh ra của anh đượm màu đỏ thẫm, màu đồng hung. Như vậy nghĩa là thế nào nhỉ? Sau khi lau tay xong, việc đầu tiên của Bôxton là đến bên đưa con trai nhỏ, anh quỳ xuống cạnh chiếc giường gỗ xinh xắn do tự tay anh đóng, anh đưa đôi môi thô rúm hôn con trai, thầm thì những lời âu yếm với con, và anh bất giác mỉm cười khi chú bé Kengies cảm thấy có người hôn, cựa quậy trong giấc ngủ.

– Kuđurmát cho biết là Badarbai đến đây trong lúc anh vắng mặt – Bôxton vừa ngồi xuống ăn vừa nói. – Thật là một việc không hay...

Guliumcan hiểu câu đó theo ý chị, chị đỏ mặt lên và suýt nổi nóng vì tự ái:

– Thế em biết làm thế nào được? Cả một lũ xộc vào nhà. Họ bảo là muốn cho xem lũ sói con. Thằng Kengies sà ngay đến, nó thích lắm kia... Và em có đem trà lên cho họ...

– Anh đâu có nói chuyện đó. Mặc kệ anh ta, anh ta đến rồi lại đi thôi. Chỉ có điều anh cảm thấy đó là việc không hay...

– Thế có gì là xấu đâu? – chị nói mà vẫn không hiểu ý anh. – Chính anh cũng đã từng bắn chó sói kia mà. Đây, bộ da sói năm ngoái còn treo kia, chúng ta đã trau chuốt nó cho thật đẹp đấy thôi – chị gạt đầu về phía bộ da sói trên tường.

– Đây là treo để mà treo thôi – anh vừa nói vừa đưa cho chị chiếc bát không. – Em nói đúng, quả là đôi khi anh có bắn sói thật nếu như cuộc đời đã sắp đặt là có sói và có người. Nhưng anh không bao giờ phá hang sói.

Còn Badarbai thì anh ta thật hèn hạ, anh ta bắt cóc lũ sói con nhưng vẫn để thả lỏng bố mẹ chúng vốn là những con thú hết sức dữ tợn, việc đó đã gây hại cho chúng ta. Lũ sói sống ở vùng này, chúng chẳng biết đi đâu được. Và bây giờ, em hiểu chứ, chúng đang nổi khùng lên...

Lời lẽ của anh làm Guliumcan choáng váng. Chị nào nuốt thở dài, sửa lại bím tóc tuột xuống vai.

– Thật khốn khổ! Cơ cấu nào đã đưa cái gã vô tích sự ấy đến vùng ta? Mà việc gì anh ta phải động đến hang sói kia chứ? Kể cũng thương chúng thật – loài thú nào chẳng yêu con mình, ai mà không biết như vậy. Và tại sao em lại không nghĩ ra ngay nhỉ?

– Điều anh đang nghĩ là thế này – Bôxtôn âu lo nói tiếp. – Vậy đây là những con sói nào? Liệu có đúng là những con sói ấy không? – Bôxtôn im lặng một lát rồi nói thêm – Theo lời Kudurmát thì hoá ra lũ sói rượt đuổi Badarbai từ phía khe núi Basat.

– Thế thì sao?

– Anh sợ rằng đây chính là đôi sói từ nơi khác đến ấy, tên chúng là Acbara và Tastrainar. Có cặp sói như vậy đấy.

– Ôi, anh đừng có đùa nữa! – Guliumcan cười vang. – Chẳng lẽ sói cũng có tên như người hay sao? Làm gì có chuyện ấy!

– Đùa là thế nào? Anh nói nghiêm chỉnh đấy! Bọn anh biết cặp sói này. Chúng không giống những con sói ở vùng này, một số người đã có dịp trông thấy chúng. Chúng hung dữ, to lớn, không bao giờ sa bẫy, chưa ai bắn được chúng hết. Không hiểu sao cái gã nghiện Badarbai khốn kiếp lại mò được hang chúng và tóm được hết lũ sói con của chúng. Vậy mà em còn ngạc nhiên vì chúng có tên! Con đực là Tastrainar, nó to khoẻ đến mức có thể vật ngã cả ngựa. Còn con cái là Acbara, đó là một anabasa^[3], một con vật thông minh, hết sức thông minh. Chính vì thế mà nó đặc biệt nguy

hiếm.

– Bố nó ơi, thôi đi anh, anh đừng đùa nữa! Anh tưởng em còn bé bỏng hay sao? – Guliumcan ngờ vực mỉm cười. – Anh kể chuyện chúng cứ như anh sống với chúng từ nhỏ ấy... Không thể có chuyện như thế được.

Bôxton độ lượng mỉm cười, nhưng sau khi ngẫm nghĩ, anh quyết định nói cho vợ yên tâm.

– Thôi được – anh im lặng một lát rồi nói, – em chẳng cần để tâm đến những chuyện ấy làm gì. Chẳng qua là anh muốn kể cho em vui lên thôi. Em chuẩn bị chỗ ngủ đi, khuya rồi. Bây giờ, buổi sáng phải dậy sớm hơn mới được. Chính em cũng biết đấy, chỉ vài ngày nữa là sẽ đến mùa cừu đẻ. Một số con có thể đẻ ngay đêm nay hoặc rạng sáng, nhất là những con sinh đôi hoặc sinh ba!

Khi họ đã tắt đèn và đi nằm, khi Bôxton vừa thiu thiu ngủ – mà anh thì thiu thiu ngủ rất nhanh – vừa kể một chút về buổi họp trên huyện mà trong đó người ta thảo luận không phải lần đầu tiên về việc tại sao thanh niên lại không chịu làm nghề chăn cừu, về những gì cần phải làm và làm như thế nào... thì bỗng vang lên tiếng vó ngựa ngoài sân. Guliumcan nhảy phắt xuống giường, mặc nguyên áo lót chạy đến bên cửa sổ, chỉ kịp quàng chiếc khăn len lên vai. Chị nhìn thấy cạnh chuồng cừu lớn có hai người khoác súng đang xuống ngựa.

– Đấy là Rurxcun cùng Marat trở về đấy – chị nói. – Họ vừa đưa tiền Badarbai.

– Đồ ngốc! – Bôxton lăm bắm và ngủ thiếp đi.

Còn Guliumcan không ngủ được ngay. Chị đắp thêm chăn cho đứa con trai nhỏ trong chiếc giường xinh xắn tự đóng lấy – trong lúc ngủ, nó bao giờ cũng đập tung chăn đi và đập tung cả áo quần nữa. Thật khổ, nó còn bé bỏng gì lắm nữa đâu, vậy mà nó không bao giờ cho chị ngủ, nhất là những

khi chị buồn ngủ. Nhưng hôm nay, giấc ngủ không đến với chị. Ngày hôm nay thật cứ rối tung lên, thật tai hại thế nào ấy. Tất cả đều là tại Badarbai, anh ta đột ngột hiện đến và việc ấy khiến Bôxton rất khó chịu. Bôxton vốn là con người như vậy, anh không thích cảnh ồn ào tất bật, không ưa những kẻ thô lỗ như Badarbai, dù kẻ đó chẳng làm điều gì xấu cho anh. Dĩ nhiên Badarbai không phải là bạn anh, anh ta ghen tị vì công việc của Bôxton tốt đẹp... Nhưng anh ta đâu biết là phải bỏ bao nhiêu công sức mới đạt được như vậy. Ngày mai, ngay từ sáng sớm đã phải bắt tay vào việc rồi và cứ liên miên cho đến tận khuya, đâu đâu cũng phải có mặt, đâu đâu người chủ cũng phải để mắt đến...

Guliumcan bước đến bên cửa sổ nhìn sâu vào bóng đêm bàng bạc. Vầng trăng sáng rực bên trên những ngọn núi nhấp nhô. Tất cả các ngôi sao đều rực rỡ nhấp nháy. Đến rạng sáng thì trăng sẽ lên, sao sẽ tắt, nhưng vào giờ phút khuya khoắt ấy ban đêm dường như vĩnh viễn, mãi mãi. Trong không khí tĩnh mịch hoàn toàn của miền ven núi, chỉ vang lên tiếng nổ quen thuộc của chiếc máy phát điện đặt tại một nơi biệt lập.

Khó mà nói được Guliumcan ngủ có lâu không. Rất có thể chị ngủ lơ mơ thôi. Nhưng đúng lúc đó, qua giấc ngủ của chị, giữa tiếng chó sủa đột ngột nổi rộ lên, bỗng vang vọng một hồi hú dài. Chị bất giác thức dậy, xua đi giấc ngủ. Và bây giờ chị đã nghe rõ tiếng sói hú đau đớn, não nuột, vút lên cao. Tiếng hú khơi dậy nỗi kinh hoàng. Chị cảm thấy xoắn xang áy náy. Chị dịch lại gần chồng và nép sát vào chồng. Nhưng đột nhiên, tiếng hú chuyển thành tiếng khóc than chua xót – trong tiếng khóc than ấy thấm đượm nỗi đau đớn khôn nguôi, vang lên tiếng rên rĩ và gào thét của con thú khốn khổ.

– Nó đấy, con Acbara đấy! – Bôxton nói bằng một giọng khàn khàn vì ngại ngủ và nhắc phắt đầu dậy khỏi gối.

– Acbara nào? – Guliumcan thậm chí không biết anh nói gì.

– Con sói cái đấy! – Bôxton đáp rồi lắng nghe tiếng sói hú, nói thêm: –

Cả con đực Tastrinar cũng hú theo nó. Em nghe thấy không, nó rống lên như bò bị chọc tiết ấy.

Cả hai im lặng, nín thở.

Ou-ou-u-u-ua-a-a! Và những tiếng nước nở man rợ, đầy buồn bã, lại vang xa trong màn đêm mênh mông.

– Nó làm gì đấy, nó hú gì thế? – Guliumcan hoảng sợ thềm thì.

– Nó đau khổ chứ còn gì nữa.

Cả hai lại im lặng một lát.

– Thật tai hại! – Bôxton bực tức nguyên rủa. – Em nằm đây trông con để con khỏi thức dậy. Và em cũng đừng sợ, em có còn bé bỏng gì đâu! Đây là con sói cái đang hú đâu đó quanh đây. Nó than khóc lũ con nó đấy. Biết làm gì bây giờ được? Còn anh, anh sẽ đi xem xét tình hình các chuồng trại nhé.

Anh vừa nói vừa vội vã mặc quần áo rồi không tắt đèn, bước ra gian ngoài đi giày, sau đó anh quay lại phòng trong tắt đèn, bước ra gian ngoài rồi đi hẳn sau khi đóng sập cửa gian ngoài lại. Chị nghe thấy tiếng bước chân anh bên dưới cửa sổ, anh lồm bẫm chửi rủa rồi anh hét gọi chó: “Giaixan! Giaixan lại đây!” – sau đó tiếng bước chân anh lặng dần. Đúng lúc đó lại vang lên tiếng hú kéo dài của con sói cái và tiếng hú trầm đục của con sói đực hoà theo. Trong tiếng hú của chúng, những âm thanh đe dọa và cuồng nộ sôi sục chuyển dần thành tiếng than khóc. Nhưng sau đó, nỗi tuyệt vọng và giận dữ điên cuồng lại trào lên để rồi lại chuyển thành lời van xin năn nỉ...

Không thể chịu nổi, không thể yên tâm được khi nghe tiếng hú này. Guliumcan bịt chặt hai tai rồi ra cài móc cửa lại, dường như lũ sói có thể xộc vào nhà. Sau đó chị run rẩy trùm kín người trong tấm khăn len trở lại giường, không biết phải làm gì và đồng thời hoảng sợ vì lũ sói lại có thể hú nữa khiến đứa bé thức giấc. Chị sợ nhất là bé Kengies thức giấc và khiếp

hãi.

Còn lũ sói cứ hú mãi. Cứ có cảm giác là chúng quanh quần đầu đó gần đây, di chuyển từ chỗ nọ sang chỗ kia, lang thang vờ vẩn khắp xung quanh. Đáp lại chúng, đàn chó giện dữ rít lên sủa vang, nhưng không dám vượt quá phạm vi sân nhà. Đột nhiên, vang lên một phát súng inh tai nhức óc rồi tiếp đến một phát súng nữa. Guliumcan hiểu rằng Bôxton và người gác đêm Kuđurmát đã nổ súng để dọa sói.

Sau đó, tất cả đều lặng đi. Đàn chó im bật. Cả lũ sói cũng im bật. “May quá, nếu không, đến xảy ra tai hoạ mất!” – chị nhẹ nhõm thầm nghĩ. Nhưng chị vẫn thấy xao xuyến trong lòng. Chị bế bé Kengies đang ngủ đến chiếc giường to và đặt bé nằm giữa hai bố mẹ. Đúng lúc đó Bôxton trở về.

– Đang ngủ yên lành thì bị dựng dậy! Quỷ tha ma bắt tất cả lũ chúng đi!
– anh bực tức càu nhàu. Chắc hẳn, anh muốn nói đến cả lũ sói lẫn đàn chó và tất cả những gì liên quan đến chúng. – Cái gã Badarbai ấy thật khốn kiếp! Đúng là đồ khốn kiếp! – anh vừa nguyền rủa vừa nằm lại vào giường.

Guliumcan để chồng được yên. Chị không hỏi han gì thêm nữa. Lũ sói đã quấy nhiễu anh nhiều rồi, không cho anh được ngủ bình thường rồi. Mà sáng sớm mai anh đã phải có mặt ngoài trại súc vật. Anh không thuộc loại những người chần cừ tự cho phép mình dậy muộn.

Chị cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng khi thấy chồng đã yên tâm lại, thấy anh sung sướng ôm chặt lấy con và thầm thì âu yếm với con. Bôxton rất yêu quý bé Kengies của anh, chính vì thế mà anh còn gọi nó là Kengiêbêch, tức là ‘tiểu bếch’, một loại tiểu công tước trong bộ tộc. Từ xưa đến nay, những người chăn súc vật luôn luôn mơ ước trở thành công tước, nhưng sự trớ trêu của số phận là ở chỗ từ xưa đến nay những người chăn súc vật bao giờ cũng vẫn là người chăn súc vật. Theo ý nghĩ này thì Bôxton không phải là ngoại lệ.

Hai vợ chồng Bôxton lại ngủ thiếp đi, lần này với bé Kengies nằm giữa. Nhưng một lát sau, họ lại thức giấc vì tiếng sói hú náo nức. Và đàn chó bị kinh động lại sủa vang ngoài sân.

– Thật quái gở! Thế này thì chịu sao nổi! – Guliumcan bực tức than vãn nhưng chị ân hận ngay vì đã than vãn như vậy. Bôxton lặng lẽ trở dậy và bắt đầu mặc quần áo trong bóng tối.

– Anh đừng đi – chị đề nghị. – Mặc cho chúng hú. Em sợ lắm. Đừng đi anh!

Bôxton nghe theo lời vợ. Và thế là họ nằm yên trong ngôi nhà tối tăm giữa đêm khuya tối tăm trong vùng núi. Vừa nằm, họ vừa bất giác lắng nghe tiếng sói hú. Đã quá nửa đêm từ lâu, trời đã sắp rạng sáng, vậy mà lũ sói vẫn đau đớn và giận dữ hú từng hồi dài, không để ai được yên.

– Chúng làm tình làm tội người ta mãi, vậy thì chúng cần gì mới được chứ? – Guliumcan không chịu nổi nữa.

– Chúng cần gì ấy ư? Chúng đòi con của chúng chứ còn gì nữa! – Bôxton đáp.

– Nhưng con chúng có ở đây đâu. Con chúng bị đưa đi từ lâu rồi cơ mà.

– Chúng làm sao biết được như vậy? – Bôxton hỏi lại. – Chúng là thú vật, chúng chỉ biết một điều thôi là dấu vết đưa chúng đến đây. Đối với chúng thì nơi đây là nơi tận cùng, là nơi duy nhất có thể tìm được lũ con của chúng. Làm sao giải thích cho chúng được. Thật đáng tiếc là lúc đó anh không có nhà, nếu có nhà thì anh đã vắn cổ gã Badarbai vì gã đã làm một việc như vậy. Gã thì được ăn còn ta thì phải trả...

Để xác nhận những lời đó của anh, khắp chuồng cừu lại vang lên tiếng hú lúc thì náo nức ai oán, lúc thì cuồng nộ giận dữ – đó là lũ sói mê muội vì đau khổ, đang quần quanh vợ vẫn trong đêm tối. Tiếng hú đặc biệt náo nức là của Acbara, nó than vãn như phụ nữ ngoài nghĩa địa, và Guliumcan nhớ

lại là chính chị đã than khóc và đập đầu vào tường đau đớn như thế nào khi người chồng cũ của chị là Ernadar bị chết trên đèo Ala-Môngguy. Chị cảm thấy một nỗi buồn da diết, nhức nhối. Chị phải nỗ lực lắm mới tìm mình được, mới không kể cho Bôxton nghe chị nghĩ gì và cảm thấy gì trong những phút này.

Họ cứ nằm thao thức như vậy, chỉ có bé Kengies là hồn nhiên say sưa ngủ. Và trong lúc nghe những hồi hú dài không ngắt của con sói cái Acbara than khóc lũ sói con bị bắt cóc, chị càng lo lắng hơn cho đứa con của chị mặc dù không có gì đe dọa nó.

Bên trên các ngọn núi, ánh bình minh đã bắt đầu loé rạng. Bóng tối trên trời tan dần sau khi đã hoàn thành công việc ban đêm, các ngôi sao mờ nhạt đi, những ngọn núi xa gần hiện lên rõ nét hơn, và đất đai lại hiện hình đất đai...

Vào giờ đó, hai vợ chồng sói Acbara và Tastrainar đang trên đường đi về núi, về phía khe Basat. Hình bóng chúng lúc thì nổi cao lên trên các gò đồi, lúc thì hòa lẫn vào bóng tối. Chúng ủ rũ chạy nước kiệu – chúng buồn bã vì mất con và kiệt sức vì hú liên tục suốt đêm qua. Từ đây, chúng có thể tiện đường rẽ vào lưng núi là nơi vẫn còn lại một phần lớn thịt con bò rừng bị giết ngày hôm trước. Thường thường chúng không bỏ lỡ dịp chén no nê thịt tươi, nhưng lần này Acbara không thiết trở lại chỗ con mồi thuộc quyền chúng một cách hợp pháp, còn Tastrainar thì không dám làm việc này nếu không có sói vợ, không có anabasa.

Lúc rạng đông, khi đã đến gần hang, Acbara bỗng lao mình chạy vùn vụt đường như lũ sói nhỏ đang đợi nó. Cảm giác tự dối mình và tự phỉnh mình lây sang cả Tastrainar, và giờ đây cả hai đều chạy băng băng trong khe núi, bị hồi thúc bởi niềm hy vọng được mau mau gặp lại đàn con mình.

Và mọi việc đều lặp lại: sau khi trườn vào kẽ ngách giữa các bụi cây, Acbara chạy vào khe hẻm dưới vòm đá, lại đánh hơi những góc ngách

trống trải và lớp lót ổ lạnh lẻo, lại tin chắc là không có lũ sói con còn mặng sữa của nó. Không muốn cam chịu sự thật đau đớn ấy, nó nhảy vọt ra khỏi hang, mê mụ đi vì đau khổ, lại gây sự với con Tastrinar vụng về vấp phải nó ở cửa vào, rồi lại lờng lộn bên bờ suối, đánh hơi những dấu vết mà Badarbai để lại ngày hôm trước. Ở đây, mọi vật đều ghê tởm và thù địch, đặc biệt là chai rượu dở đặt dựa vào tảng đá. Mùi chua loét hăng hăng khiến nó giận điên lên. Nó gặm gừ, tự cắn vào thân mình, gặm giũ đất. Rồi nó hếch mõm lên, não nuột tru một hồi dài và bắt đầu than khóc thành tiếng, dường như nó bị xúc phạm ê chề, từ đôi mắt xanh khác thường của nó, những giọt nước mắt ùng đục tuôn rơi lã chã.

Và chẳng có ai an ủi nó trong cơn đau khổ, chẳng có ai than khóc cùng với nó. Những ngọn núi hùng vĩ vẫn lạnh lùng...

III.3

Bôxton và cuộc thương lượng với Badarbai – Cặp sói trả thù

Sáng hôm sau, vào khoảng gần mười giờ, Badarbai đã định thẳng cương ngựa để lên huyện lỵ thì bỗng nhận thấy một người cưỡi ngựa tiến về phía anh ta. Lạ thật, người đó cưỡi ở khu trú đông Taman này nhỉ? Người cưỡi ngựa ấy mặc chiếc áo khoác lông độn da thuộc màu vàng, không cài khuy, đội mũ lông cáo, đi nước kiệu nhỏ từ phía tây, dọc theo chân một sườn núi ngấn, tỏ ra là một kỵ sĩ thành thạo, điêu luyện. Badarbai nhận ra ngay người đó, và sau khi đã nhìn kỹ hơn con ngựa sông Đông vàng óng thì anh ta tin chắc mình đã nhận không lầm – đó chính là Bôxton cưỡi con ngựa Đônkuliuc.

Việc Bôxton xuất hiện khiến anh ta ngạc nhiên một cách khó chịu, khó chịu đến nỗi anh ta đặt sang bên bộ yên ngựa và quyết định chờ đợi người láng giềng thù địch của mình. Và để Bôxton khỏi nghĩ rằng anh ta chờ đón Bôxton, anh ta liền lấy một nắm rơm lau chùi con ngựa, làm ra vẻ đang bận việc riêng. Anh ta có cảm giác lạ lùng là dường như Bôxton bất thành linh bắt gặp anh ta. Bôxton đưa mắt nhìn khắp lượt khu nhà của anh ta, các chuồng cừu và những người chăn cừu đang bận bịu công việc buổi sáng, xem mọi thứ có trật tự ngăn nắp không. Tất nhiên là trại trú đông của Bôxton trật tự ngăn nắp hơn. Trong công việc, Bôxton rất nghiêm ngặt. Chính vì thế mà

Bôxton là lao động tiên tiến (những kẻ độc miệng bàn tán là nếu vào những năm vinh quang xưa cũ thì Bôxton nhất định sẽ bị đày đi Xibêri như một tên Kulăc rồi), còn Badarbai chỉ là một người chăn cừu Á Châu bình thường chẳng có gì nổi bật. Những người như anh ta thì vô khối trong các vùng núi non và thảo nguyên, họ chăn dắt những đàn súc vật hàng triệu con, móng của chúng giẫm nát cỏ khiến cỏ không mọc nổi nữa. Và lại, yêu cầu đối với mỗi người một khác, Bôxton là một loại, anh ta lại là một loại khác. Trong khi Bôxton tiến lại gần, trong đầu Badarbai nổi lên bao ý nghĩ. “Cái gã Kulăc ấy sao lại đột nhiên đến sớm như vậy nhỉ? Chưa bao giờ có chuyện như vậy hết!” – Badarbai băn khoăn tự hỏi. “Anh ta đến đây nhằm mục đích gì? Vì lẽ gì?”... Badarbai định mời Bôxton vào nhà nếu tình hình đã như vậy, nhưng sau khi nghĩ đến chỗ ở của mình, cơ ngơi điêu tàn của đội chăn cừu của mình, và nhất là sau khi nghĩ đến mẹ vợ Turxun Thâm Tím thảm hại và độc ác của mình (mẹ ta làm sao có thể so sánh nổi với Guliumcan!) anh ta gạt bỏ ý định ấy.

Đến gần khu trú đông Taman, Bôxton ghìim ngựa lại ở rìa sân và đưa mắt nhìn khắp các phía. Thấy Badarbai ở cạnh mái che, anh liền tiến lại. Cả hai dè dặt chào nhau – Bôxton vẫn ngồi nguyên trên yên. Badarbai vẫn tiếp tục làm việc của mình. Tuy nhiên không bên nào thấy việc đó có gì xúc phạm đến mình.

– Tôi gặp anh thế này thật may quá – Bôxton vừa nói vừa đưa bàn tay vuốt phẳng bộ ria.

– Anh thấy đấy, tôi chẳng đi đâu cả. Nếu không cần giữ bí mật thì anh có thể cho biết mục đích của anh không?

– Có gì bí mật đâu kia chứ? Tôi đến đây có việc.

– Một người như anh không bao giờ đến đâu mà lại không có việc – Badarbai kênh kiệu, – tôi nói đúng không nào?

– Đúng đấy.

– Nếu anh đến có việc thì anh xuống ngựa đi.

Bôxton lặng lẽ xuống ngựa, buộc con Đônkuliuc vào cọc buộc ngựa. Như thường lệ, cả lần này nữa anh cũng không quên nới lỏng đai ngựa để nó khỏi bị dây đai xiết chặt lấy ngực, để nó nghỉ ngơi được thoải mái và đi lại ung dung hơn. Sau đó anh nhìn xung quanh như muốn đánh giá những gì đang diễn ra trong sân.

– Tại sao anh lại đứng thế? Nhìn gì mà kỹ thế? – Badarbai hỏi với một vẻ bực bội không che giấu nổi. – Anh ngồi xuống khúc gỗ này đi – anh ta bảo Bôxton và tự mình ngồi xuống chiếc lốp xe máy kéo nằm lăn lóc dưới chân.

Họ nhìn nhau vẫn với vẻ ác cảm thâm lặng như vậy. Mọi thứ trên người Bôxton đều trái ý Badarbai. Anh ta bực bội thấy chiếc áo lông của Bôxton thuộc loại tốt, mép thêu viền lông cừu đen mịn. Anh ta bực bội vì nó mở phanh ra trên bộ ngực rộng của Bôxton. Anh ta bực bội vì Bôxton khoẻ mạnh, lực lưỡng, vì đôi mắt Bôxton trong sáng, vì khuôn mặt Bôxton đượm màu đồng hung, mặc dù Bôxton hơn anh ta phải đến năm tuổi. Anh ta cũng bực bội vì chắc hẳn hôm qua Bôxton đã nằm cùng giường với Guliumcan, tuy chuyện đó hình như chẳng liên quan gì đến anh ta.

– Anh nói đi, tôi nghe đây – Badarbai gật đầu.

– Tôi đến anh vì có một việc như thế này – Bôxton lên tiếng. – Anh thấy đấy, tôi đem theo cả túi kurgiun đi và đã buộc sẵn vào yên ngựa rồi. Anh hãy trao cho tôi lũ sói nhỏ kia, Badarbai ạ. Phải trả chúng về chỗ cũ thôi.

– Trả về chỗ nào?

– Phải đặt chúng trở lại hang sói.

– Thì ra thế! – Badarbai bĩu môi cay độc. – Vậy mà tôi nghĩ mãi không

hiếu tại sao đồng chí lao động kiểu mẫu của chúng ta lại hạ cổ đến sớm thế, lại vứt bỏ công việc đi mà phóng ngựa đến đây. Bôxtôn ạ, chắc anh quên mất rằng tôi không phải là cấp dưới của anh. Tôi cũng phụ trách một trại chăn cừu như anh, và anh chẳng có quyền gì mà ra lệnh cho tôi.

– Quyền với chẳng quyền gì ở đây? Tại sao anh lại không thể bình tĩnh lắng nghe đã? Nếu anh tưởng rằng lũ sói sẽ quên đi việc xảy ra ngày hôm qua thì anh lầm to đấy, Badarbai ạ.

– Thế thì việc quái gì đến tôi! Cứ mặc cho chúng nhớ, chuyện đó có quan hệ gì với tôi và cũng có quan hệ gì với anh kia chứ?

– Có đấy, hôm qua chúng tôi không chợp mắt được suốt đêm, lũ sói gào hú đến đình tai nhức óc. Những con thú ấy sẽ không chịu yên đâu nếu không trả lại con cho chúng, tôi biết rõ tính loài sói ấy lắm.

Bôxtôn đến gặp anh ta với tư thế kẻ cầu cạnh, điều đó khiến Badarbai đâm ra kênh kiệu, vênh vang, lên mặt. Anh ta nằm mơ cũng không thể ngờ được là Bôxtôn lại đến đây để hạ mình van vỉ. Anh ta liền quyết định là nếu đã gặp được cơ hội như vậy thì phải tận dụng lấy. Thêm vào đấy, trong đầu anh ta lóe lên một ý nghĩ độc địa: họ không được yên tĩnh ban đêm là một điều hay. Bôxtôn không được hưởng sự vuốt ve âu yếm của Guliumcan, mong sao cứ mãi như thế! Anh ta liền liếc xéo Bôxtôn và nói :

– Đừng có đánh lừa tôi, Bôxtôn! Tôi có phải đồ ngốc đâu! Tôi chiếm lấy ổ sói đâu phải là để rồi sẽ gần như cung kính đem trả nó lại. Anh tự thị quá đấy, Bôxtôn ạ! Vả lại, anh có lợi ích riêng của anh và tôi có lợi ích riêng của tôi. Tôi bất cần biết đến việc anh có ngủ yên với vợ anh hay không, chuyện ấy đối với tôi chẳng có nghĩa lý gì hết.

– Anh hãy suy nghĩ đi, Badarbai, đừng có cự tuyệt ngay như vậy.

– Còn suy nghĩ cái gì nữa?

– Anh làm thế là không nên đâu – Bôxtôn nói, cố kìm mình lại. Anh hiểu

rằng anh đã phạm sai lầm nghiêm trọng, bây giờ anh chỉ còn cách sử dụng đến biện pháp cuối cùng. – Nếu vậy thì – anh nói tiếp, vẫn cố không để mất bình tĩnh, – ta hãy mặc cả với nhau một cách trung thực. Anh bán, tôi mua vậy! Dù sao anh cũng đem bán lũ sói con kia mà, vậy anh hãy bán cho tôi. Anh cứ đặt giá đi, thế là xong!

– Tôi không bán! – Badarbai thậm chí hơi nhồm dậy. – Anh trả đất đến đâu tôi cũng không bán cho anh! Bán với chẳng bán! Anh tưởng cách ấy hay lắm đấy! Anh tưởng anh có tiền còn tôi thì không chứ gì? Tôi bắt cần đến việc anh có tiền! Tôi sẽ bán lũ sói con đi và lấy tiền uống bằng hết, nhưng tôi sẽ không bán cho anh, anh nghe rõ chứ? Mặc xác việc anh là ai và là cái thá gì! Anh hãy mau mau lên ngựa và khôn hồn cuốn xéo ngay khỏi đây!

– Đừng nói nhảm, Badarbai! Ta hãy trao đổi theo kiểu đàn ông với nhau. Bán cho ai thì đổi với anh có gì khác nhau đâu?

– Có chứ! Anh không việc gì phải dạy bảo tôi. Không cần anh, tôi cũng hiểu chán ra rồi. Còn nếu anh muốn thì tôi sẽ bố trí cho anh một cơ hội tuyệt diệu là trong buổi họp đảng của anh, nơi anh lúc nào cũng lên mặt ta đây, nơi anh tự coi anh là con người gương mẫu nhất và dạy khôn cho mọi người. Tôi sẽ bố trí cho anh trong buổi họp như vậy một cơ hội tuyệt diệu đến nỗi anh sẽ không còn nhớ được lúc nào mặt trời mọc và lúc nào mặt trời lặn nữa. Tôi sẽ bố trí cho anh một cơ hội tuyệt diệu khiến anh sẽ phải nhớ đời!

– Gớm nhỉ! – Bôxton thành thực ngạc nhiên và bất giác đưa tay ra như muốn ngăn cách mình với Badarbai. – Anh đừng có dọa tôi, anh hãy cho tôi biết vì lẽ gì anh nổi khùng lên như vậy?

– Vì lẽ gì ấy ư? Còn vì lẽ gì nữa! Anh chống lại chính quyền. Rõ là thế rồi, chỉ mình anh là thông minh thôi chắc? Cấp trên yêu cầu phải tiêu diệt thú dữ ở khắp nơi, vậy mà anh lại dám tha thứ chó sói, dám tạo điều kiện

cho chúng sinh đẻ, có đúng thế không? Đầu óc kulắc của anh hãy suy nghĩ đi! Tôi đã trừ diệt cả một ổ sói, chắc chắn là đã đem lại lợi ích to lớn cho nhà nước, vậy mà anh muốn đặt trở lại chúng vào hang. Cứ để cho chúng lớn, cứ để cho chúng sinh sôi nảy nở – có phải thế không? Anh lại còn định mua chuộc tôi nữa chứ!

– Không phải tôi định mua chuộc anh, mắt tôi sẽ không nhìn thấy anh nữa nếu tôi có ý định như vậy, mà là tôi định mua lũ sói con. Nhưng anh dọa nạt tôi như trước toà án ấy thì chỉ uống công thôi. Anh hãy suy nghĩ cho kỹ đã về những việc anh đang làm và rồi hãy suy nghĩ cho kỹ anh là người thế nào! Nếu anh đúng là một kẻ dưng cảm như vậy thì đầu tiên anh hãy tiêu diệt những con sói lớn đi. Và trước hết, anh hãy tiêu diệt con sói cái đi, một khi anh đã gặp phải hang sói. Còn nếu anh yếu đuối thì hãy nói với những người khác, hãy cho họ biết rõ tình hình, hãy để cho người nào đủ sức chăm lo đến việc đó.

– Vậy người đó là ai? Là anh chắc?

– Thì cứ cho là tôi đi thì đã sao? Còn bây giờ anh thử đi tìm lũ sói ấy đi – chỉ uống công thôi. Nếu anh đã phá tan hang của chúng thì bây giờ đừng hòng lần ra dấu vết để giết chết sói bố và sói mẹ. Bây giờ chúng sẽ căn cứ tất cả súc vật trong vùng, sẽ trả thù con người vào bất kỳ lúc nào. Vậy anh hãy tìm cách thanh toán chúng đi. Anh có nghĩ đến việc đó không?

– Cứ nói đi, anh cứ nói nữa đi. Chà! Vớ ngay được một kẻ bào chữa cho chó sói. Anh thử đi mà chứng minh, ai tin được anh kia chứ? Anh kể về chó sói chẳng khác gì về con người cả, anh đã quen bịp bợm rồi! Nhưng tôi thì tôi nhìn thấu bụng dạ anh! Tôi sẽ nói cho anh biết một điều khác. Nếu anh đến đây để gây áp lực với tôi thì... – Badarbai không nói hết câu, giật phắt mũ khỏi chiếc đầu hói, xông đến Bôxtôn, hệt như một con bò đực hung hãn.

Họ đứng sát nhau, mặt giáp mặt, cả hai đều thờ phì phì, nghệt thờ vì căm thù.

– Mà y còn muốn nói với tao điều gì nào? – Bôxtôn lên tiếng bằng một giọng khàn khàn vì căng thẳng. – Tao không có thì giờ nữa đâu!

– Tao luôn luôn biết rằng mà y là một kẻ keo kiệt, ranh mãnh, than lam, chính vì thế mà y mới la cà hết cuộc họp này đến cuộc họp khác. Mà y cho rằng thiếu mà y thì những người chần chừ không sống nổi. Nhưng không ai biết rằng mà y chết uất như con chó vì ghen tị khi có kẻ nào thành đạt được một việc gì đó. Đây, không phải mà y bắt được sói, không phải mà y vớ được ổ sói, thế là mà y lồng lộn lên, mà y không ngủ được suốt đêm khi có kẻ nào thành đạt được một việc gì đó.

– Thật ghê tởm! – Bôxtôn không chịu nổi nữa. – Vậy mà tao còn đi nói chuyện với một kẻ đê tiện như mà y! Mà tao cũng ngốc thật. Nếu tao biết thế thì tao chẳng thèm đến làm gì! Đủ rồi, nói nữa chỉ phí lời thôi! Dù bây giờ mà y có dâng lũ sói con cho tao, tao cũng không lấy đâu. Đi đi, đi làm công việc của mà y đi!

Bôxtôn hết sức giận dữ bước đến chỗ buộc ngựa, nhổ phắt cọc lên, kéo mạnh dây đai ngựa đến nỗi con ngựa lão đảo đổi chân đứng, rồi anh nhảy phụt lên lưng ngựa. Anh bực tức đến nỗi không nghe thấy người vợ của Badarbai gọi giạt anh ta. Người phụ nữ tội nghiệp ấy chỉ đến chậm có một chút. Khi ra khỏi nhà, chị nhận thấy chồng chị đang lớn tiếng nói chuyện với một người nào đó và vung vẩy hai tay. “Ai đấy nhỉ? – chị thăm nghĩ. – Chẳng lẽ lại chính là Bôxtôn đến hay sao? Nhưng anh ấy đến đây làm gì nhỉ?”. Nhưng chị hiểu ngay rằng hai người đàn ông đang tranh cãi nhau và chị vội vàng đến chỗ họ. Song chị không chạy tới kịp – Bôxtôn đã ra đi trên con ngựa sông Đông vàng óng, vẻ mặt anh rất tức giận. Đội chiếc mũ lông cáo sụp xuống trán, anh quất ngựa phi vụt đi, tà áo khoác lông bay tung như đôi cánh.

– Anh Bôxtôn! Anh Bôxtôn! Nghe tôi đây! – chị Turxun Thâm Tím gọi to. Nhưng Bôxtôn không ngoái đầu lại. Ai biết được anh không nghe thấy

hay không muốn lên tiếng đáp.

– Sao ông lại xúc phạm người ta thế? Các ông cãi cọ nhau vì chuyện gì?
– chị Turxun Thâm Tím bước đến gần Badarbai hỏi.

– Không phải việc của bà! Và đừng có rống lên như thế! Bà cần gì mà phải gọi nó? Nó là gì đối với bà nào?

– Nhưng hãn hữu lắm người ta mới đến gặp ông kia mà. Thế còn ông? Ai đã sinh ra ông như vậy nhỉ? Ông ác độc quá lắm.

Lời lẽ của người vợ chỉ làm Badarbai điên tiết thêm. Anh ta nổi giận, nhảy lên khúc gỗ và la hét theo Bôxtôn:

– Tao sẽ bóp chết mày! Mày đánh giá tao thấp quá đấy! Mày quen thói được mọi người quy lụy rồi! Mẹ mày chứ...

– Thôi đi, ông thôi đi! – chị Turxun Thâm Tím dửng dưng cảm lao đến kéo chồng xuống khỏi khúc gỗ. – Thà ông đánh đập tôi còn hơn, sao ông lại chửi rủa người ta thế? Để làm gì mới được chứ?

– Lui ra đi con mẹ khốn nạn! – Badarbai gạt chị ra. – Việc quái gì đến mẹ? Hãn ta tưởng là Badarbai này sẽ khúm núm trước mặt hãn ta đấy! Hãn ta tưởng là Badarbai này sẽ cung kính dâng cho hãn lũ sói con để hãn muốn làm gì thì làm đấy! Hãn lắm to rồi!

– Thì ra vì chuyện lũ sói con đấy ư? – chị Turxun Thâm Tím ngạc nhiên.
– Thật chẳng ra sao cả! Đúng là đến ngày tận thế rồi! Nhục nhã chưa kia chứ...

Vào hôm đó hai vợ chồng sói dời đi chỗ khác. Chúng không chỉ tạm thời dời đi chỗ khác mà là vĩnh viễn rời bỏ hang cũ, ban đêm không trở về nữa và bắt đầu lang thang ở mé ngoài. Lúc thì chúng buồn bã tiện đâu nghỉ đấy, lúc thì chúng lòng sục khắp vùng. Đặc biệt là chúng không ăn nấp nữa, chúng xử sự một cách táo tợn, dường như không còn biết sợ người. Vào

những ngày đó, nhiều người chần cừ trong vùng nhận thấy chúng tại những nơi bất ngờ nhất. Con sói cái bao giờ cũng cúi thấp đầu đi trước như bị mất trí, còn con sói đực luôn luôn theo sau. Có cảm giác như cặp sói này đang đi tìm cái chết, bởi vì chúng công nhiên coi thường nguy hiểm. Một vài lần, sau khi làm bầy chó nhà hoảng loạn náo động lên, chúng tiến sát đến các khu nhà và các chuồng cừ. Bầy chó nhà giận dữ sủa ran, phát khùng lên, làm ra vẻ sắp xông vào chúng, nhưng chúng vẫn kiên gan không để ý đến bầy chó, và ngay cả khi bị bắn đuổi theo, chúng vẫn thong thả chạy tiếp đường như không nghe thấy tiếng súng.

Thái độ điên rồ của cặp sói này đã trở thành câu chuyện cửa miệng của mọi người. Người ta càng bàn tán đến chúng nhiều hơn nữa khi chúng vi phạm điều cấm của loài sói là bắt đầu tấn công người. Một hôm giữa thanh thiên bạch nhật, chúng bao vây một công nhân lái máy kéo ngay giữa đường. Anh thanh niên này đang chở củ khô trên chiếc xe kéo rơ-mooc nhỏ. Thấy tay lái bị hóc, anh liền chui xuống gầm xe xem có chuyện gì xảy ra. Anh loay hoay hồi lâu với bộ chìa vặn, và đột nhiên anh nhận thấy cách chỗ anh không xa lắm có hai con sói chạy trên lớp tuyết đang tan tiến về phía anh. Điều khiến anh sửng sốt nhất là ánh mắt chúng, như về sau anh kể lại. Ánh mắt chúng đầy vẻ hung dữ khi chúng tiến lại gần anh. Đáng sợ hơn là con sói cái hơi thấp hơn ở u vai và mắt xanh, đôi mắt nó ẩm ướt và nhìn chăm chăm. Thật may mắn là anh không bị luống cuống. Anh kịp nhảy vào buồng lái và đóng sập cửa xe lại. Thật may mắn là động cơ hoạt động được nhờ bộ khởi động chứ không phải lấy sức mà quay maniven. Đúng là anh gặp may thật. Chiếc xe kéo rờ lên, cặp sói nhảy lùi lại nhưng không chịu bỏ đi mà luôn luôn cố tìm cách lại gần lúc thì từ phía này, lúc thì từ phía kia.

Lại một lần khác, chỉ nhờ có phép lạ mới cứu thoát được một em thiếu niên chần cừ. Sự việc cũng xảy ra vào ban ngày. Em cưỡi một chú lừa nhỏ đi đến một nơi cách nhà không xa lắm để lấy củi khô về đốt lò. Trong khi em đang dùng liềm cắt những cành khô trong bụi cây thì từ đâu đó bỗng có

hai con sói nhảy ra. Chú lừa nhỏ không kịp kêu lên nữa, cuộc tấn công thật bất ngờ, lặng lẽ và đẫm máu. Em thiếu niên không kịp buông liềm ra, bỏ chạy và khi chạy đến chuồng cừu thì em ngã vật xuống, kêu thất thanh. Lúc mọi người xách súng từ trong chuồng cừu ủa ra thì hai con sói đã thông thả chạy nước kiệu và biến mất sau đồi. Ngay cả tiếng súng cũng không buộc chúng chạy nhanh hơn...

Ít lâu sau, cặp sói gây ra một cuộc tàn sát thật sự trong đám cừu cái có mang được lừa đi ăn cỏ cách chuồng cừu một quãng. Không ai nhìn thấy chuyện gì đã xảy ra và xảy ra như thế nào. Mọi người chỉ giết mình khi những con vật còn sống kinh hoàng chạy ủa vào sân. Khoảng mười lăm con cừu cái đang có mang bị cắn xé nằm la liệt trên bãi cỏ, tất cả đều bị giết chết một cách man rợ, bị cắn đứt cổ, bị giết chết một cách vô nghĩa – bị giết để mà giết chứ không phải để ăn thịt.

Người ta bắt đầu liệt kê những hành động tàn ác của cặp sói Acbara và Tastrainar. Người ta bắt đầu khiếp hãi chúng. Nhưng ai cũng chỉ thấy mặt bên ngoài của sự việc và không biết những uẩn khúc và nguyên nhân thật sự của sự trả thù này – không ai hay biết về nỗi nhớ vô hạn của con sói mẹ đối với lũ sói con bị bắt cóc khỏi hang...

III.4

Bôxton và Ernadar – Bí thư chi bộ Côscôrbaép – Cuộc vượt đèo đi Kisiben – Nỗi đau của người, nỗi đau của sói

Badarbai tha hồ rong chơi, vênh váo. Vào những ngày ấy, anh ta dùng số tiền kiếm được đem uống rượu một cách phung phí, chè chén trong những tiệm ăn tại những nơi nghỉ mát ven hồ. Đó là những tiệm ăn vắng vẻ và ảm đạm vào mùa vắng khách, ấy nhưng rượu vodka thì lại vô khối. Và đâu đâu cũng vậy, sau khi đã nốc rượu đến mức ngay cả khoảng đầu hói cũng đỏ rục lên, anh ta chỉ nói về một chuyện thôi – về việc anh ta đã thẳng tay tống cổ như thế nào cái gã Bôxton tự thị và kiêu căng kia, cái gã keo kiệt và độc ác kia, cái gã kulắc bí mật còn chưa bị vạch mặt kia mà nếu vào thời trước đây thì người ta đã coi là kẻ thù giai cấp, đã bắt đứng sát vào tường và cho một phát đạn.

Thật đáng tiếc là thời ấy đã qua rồi, đem bắn chết cái loại ấy là một việc thiêng liêng! Chứ còn sao nữa? Vào những năm hai mươi và ba mươi, bất kỳ một công an viên nào cũng có thể bắn chết một gã kulắc hoặc một gã giàu có ngay trong sân nhà hăn ta. Nhiều sách đã viết về chuyện đó, trên đài cũng đã kể lại trường hợp là một gã kulắc đã áp chế, đã bocc lột một người cố nông, do đó gã đã bị bắn chết giữa thanh thiên bạch nhật, trước mặt tất cả mọi người, để không kẻ nào dám xúc phạm đến người nghèo nữa.

Nhưng chuyện Badarbai thích kể lại nhất – bản thân anh ta cũng cảm thấy bưng bưng lên khi kể chuyện này – là việc anh ta đã tổng cổ Bôxton đi, đã chửi rủa Bôxton thậm tệ khi Bôxton đến chỗ anh ta ở Taman. Đám bạn rượu của Badarbai – phần lớn là những công nhân phục vụ các nhà nghỉ theo mùa nên lang thang rối rã vào những ngày đông này – cười hô hố âm ỉ đến nỗi cửa kính kêu loảng xoảng trong những căn phòng lạnh cóng và sặc mùi khói thuốc của nhà ăn công cộng. Họ kích thêm Badarbai đang say, làm anh ta càng hăng hái ba hoa hơn.

Những câu chuyện đó cũng đến tai cả Bôxton nữa. Chính vì thế đã xảy ra một vụ om xòm ghê gớm trong cuộc họp ở chỗ giám đốc nông trường. Hôm trước, Bôxton trằn trọc suốt đêm vì không ngủ được, vì những ý nghĩ nặng nề bỗng tràn đến. Mọi chuyện bắt đầu từ chỗ lũ sói lại lảng vảng gần chỗ trú đông và lại hú lên từng hồi dài buồn thảm không thể chịu nổi, làm lòng dạ rối bời lên. Guliumcan run rẩy vì sợ hãi, nép sát vào chồng, rồi chị không kìm được nữa, lại bế bé Kengies đang ngủ vào giường hai vợ chồng, vuốt ve bé, lấy thân mình che cho bé, dường như bé đang bị một chuyện gì đấy đe dọa. Hành động đó của chị khiến Bôxton bực bội tuy anh hiểu rằng phụ nữ thường sợ bóng tối và những âm thanh lạ, đó là điều có thể tha thứ được.

Một vài lần Bôxton đã vùng dậy định ra sân bắn một loại súng, nhưng vợ anh giữ lại, không muốn năm một mình một chút nào hết. Sau đó chị vẫn tiếp đi trong giấc ngủ đầy lo âu, lúc nào cũng sẵn sàng chột thức giấc. Nhưng Bôxton thì không sao chế ngự được cơn mất ngủ, đủ mọi loại ý nghĩ cứ len vào đầu anh. Hoá ra anh càng sống lâu trên đời này thì anh càng cảm thấy sống là khó khăn và phức tạp, và thậm chí không chỉ sống mà cả để hiểu được ý nghĩa cuộc sống. Những gì mà trước đây anh không suy nghĩ hoặc suy nghĩ một cách mơ hồ, tận đâu đó ở đáy sâu tâm hồn, thì giờ đây xuất hiện trong các ý nghĩ của anh cùng với sự cần thiết cấp bách là phải tự trả lời cho thật rõ ràng.

Ngay từ nhỏ anh đã sống bằng sức lao động của bản thân. Số phận anh thật nặng nề: bố anh hy sinh trong chiến tranh, lúc anh mới học lớp hai, rồi đến lượt mẹ anh mất. Các anh chị của anh phải tự kiếm sống lấy, một số nay đã không còn nữa, và mọi việc anh làm được chỉ nhờ bản thân anh thôi, chỉ nhờ lao động của anh thôi. Bây giờ anh mới hiểu là anh đi tới mục đích anh tự đặt ra cho mình một cách kiên trì, liên tục, hết ngày này sang ngày khác, anh làm việc không ngơi tay và anh cho rằng ý nghĩa cuộc sống chỉ có thể là ở đó. Anh cũng bắt tất cả những ai làm việc dưới quyền anh phải lao động cật lực như vậy. Trong số người được anh dìu dắt, anh đã giúp được nhiều người trưởng thành, anh dạy họ biết làm việc và qua đó, biết coi trọng chính cuộc sống trong lao động. Anh thành thật không yêu mến và không hiểu những kẻ nào không vươn tới mục đích đó. Anh đối xử với họ khô khan và lạnh nhạt, anh coi họ là những kẻ vô dụng, anh biết rằng nhiều người chửi rủa sau lưng anh về chuyện đó. Họ gọi anh là kẻ keo kiệt, là kulắc. Họ lấy làm tiếc rằng anh sinh ra hơi muộn, nếu không anh đã chết mục xương trong tuyết ở Xibêri rồi.

Anh không bao giờ đáp lại một lời mạt sát nào, bởi vì anh bao giờ cũng tin chắc rằng anh có lẽ phải, không thể khác được, nếu không thế thì thế giới đã lộn nhào lên mất. Anh tin chắc như vậy cũng hết như anh tin chắc rằng mặt trời mọc ở phương đông. Và chỉ một lần thôi, số phận mù quáng đã buộc anh phải quỳ gối, đã buộc anh phải hối hận một cách cay đắng. Và từ khi ấy anh mới nhận biết được nỗi nặng nề và chua xót của sự nghi ngờ...

* * *

Anh cùng làm việc với Ernadar, người chồng đã quá cố của Guliumcan, được ba năm trước khi xảy ra tai họa bi thảm ngày nọ. Ernadar là một công nhân tốt, chắc chắn là như vậy, và là một người đáng tin cậy – Bôxtôn cần đến chính là một con người như thế trong đội của anh. Tự Ernadar đến với anh, và từ đó họ bắt đầu làm việc với nhau. Một lần vào mùa thu, Ernadar

đến gặp Bôxtôn ở Bescungây, nơi đàn cừ đang được chặn dất trước mùa đông. Ernadar nói là đến để trao đổi, và họ đã trao đổi với nhau trong lúc uống trà. Ernadar than phiền là anh đã chán làm việc với những kẻ vớ vẩn rồi, dù có cố gắng đến đâu chẳng nữa, nhưng nếu người phụ trách chặn cừ không phải là chủ thì cố gắng cũng chẳng đem lại lợi ích gì nhiều. “Đây, năm tháng trôi qua, hai đứa con gái đã lớn, ngoảnh đi ngoảnh lại đã sắp lấy chồng rồi. Thời gian trôi qua vùn vụt, tôi làm việc quần quật, vậy mà vẫn nợ đũa ra. Tôi đã xây nhà thật, nhưng ai biết được tôi đã tốn kém như thế nào. Còn ở chỗ anh, anh Bôxkê ạ – Ernadar gọi Bôxtôn một cách kính trọng như vậy – tôi không giấu diếm là có thể vừa làm việc vừa kiếm tiền được. Lông cừ của anh tốt, đàn cừ của anh mắn đẻ và tăng trọng nhanh, do đó anh luôn luôn được nhận tiền thưởng, và nhiều nữa là khác. Chính vì thế tôi nghĩ đến việc đề nghị anh, nếu anh không phản đối, hãy nói chuyện với giám đốc để ông ta lấy tôi vào chỗ anh làm người chặn cừ chính, làm cánh tay phải của anh. Tôi sẽ không phụ anh đâu, anh hiểu đấy, nếu không tôi đã chẳng trao đổi như thế này với anh...”

Bôxtôn đã biết Ernadar từ trước đó, họ đã từng sống trong cùng một nông trường. Hơn nữa Guliumcan lại là họ hàng xa với vợ anh là Arđưgun. Như vậy, họ là chỗ thân thiết với nhau. Nhưng cái chính là Bôxtôn tin ngay vào Ernadar và về sau anh không bao giờ phải hối tiếc việc đó.

Đấy, mọi chuyện đã bắt đầu từ đấy, từ câu chuyện đời sống giản dị này. Họ làm việc với nhau ăn ý một cách dễ dàng, bởi vì cũng như Bôxtôn, Ernadar dường như sinh ra để làm chủ, nhưng lại là đồ ngốc hiếm thấy nếu xét trên quan điểm của kẻ khác: anh coi bầy súc vật của nông trường như của mình, dường như nó thuộc vào cá nhân anh. Đầu óc anh không được bình thường chẳng? Nhưng đấy là nguồn gốc của mọi biểu hiện khác: anh lao động như lao động cho bản thân mình, anh chăm lo đến nông trường như công việc máu thịt của mình. Cần cù lao động là thuộc bản tính của Ernadar. Anh được thiên nhiên phú cho đức tính ấy và anh đã phát triển nó

lên trong quá trình sống. Đó là một phẩm chất có tính phổ quát, chắc hẳn ai cũng được trời phú cho phẩm chất ấy, chỉ có điều là một số này thì phát huy phẩm chất ấy lên trong con người mình, còn một số khác thì không như vậy. Mà nếu suy nghĩ một chút thì sẽ thấy đâu đâu cũng có biết bao kẻ lười nhác – cả lớn lẫn nhỏ, cả nam lẫn nữ. Dường như họ không hiểu được rằng trong mọi thời đại, biết bao nỗi bất hạnh và bần cùng đã và đang bắt nguồn từ sự lười biếng. Nhưng Bôxtôn và Ernadar là những người cần cù lao động thật sự, và do đó họ là những tâm hồn thân thiết với nhau. Chính vì vậy mà họ làm việc hòa hợp với nhau và họ chỉ cần nói nửa lời là đã hiểu nhau.

Tuy nhiên số phận thật trớ trêu: có lẽ chính đặc điểm này đã đóng vai trò tai hại của nó trong cuộc sống của họ... Song điều đó có thật như thế hay không thì ai mà biết được...

Câu chuyện vốn là như sau: ngay khá lâu trước khi xuất hiện những giao kèo sản xuất khoán sản phẩm cho các đội và các gia đình, Bôxtôn có lẽ là do linh tính nào đó của mình, mỗi khi gặp cơ hội thuận lợi đều nâng nặc đòi cấp cho anh, đúng hơn là cho đội của anh, một mảnh đất sử dụng thường xuyên. Cái mục đích đơn giản này – một mục đích quả thật được diễn đạt một cách thật thà nhưng lại có tính chất thách thức theo quan điểm của một số kẻ chính thống – có thể tóm tắt theo lời lẽ của anh ta như sau:

“Hãy để cho tôi có một khu vực chăn dắt riêng, tức là có một khoảng đất riêng. Hãy để cho tôi có những chuồng cừ riêng và người chịu trách nhiệm về những chuồng cừ đó sẽ là tôi chứ không phải người quản lý của nông trường – anh ta chẳng bao giờ lo toan đến công việc dù công việc có nát bét chẳng nữa. Hãy cấp cho tôi những bãi chăn thả mùa hè trong núi để không ai muốn đuổi tôi đi đâu cũng được cùng với bầy cừ của tôi. Hãy cho mọi người biết rằng những bãi chăn thả đó là giao cho tôi, Bôxtôn, chứ không phải giao cho một người nào khác, và người quản lý tất cả những thứ ấy phải là tôi với tư cách là chủ nhân và cán bộ của nông trường. Khi đó tôi sẽ

làm được một khối lượng công việc nhiều gấp trăm lần và sẽ giao nộp sản phẩm vượt kế hoạch lớn hơn rất nhiều so với hiện nay tôi đang làm việc trên một khu đất cằn cỗi, chẳng khác gì một cố nông làm thuê mà mùa thu sang năm sẽ bị thuyên chuyển chẳng biết là đến đâu nữa...”

Nhưng ý kiến này của Bôxtôn không được chấp nhận. Lúc đầu ai cũng đồng ý: “Đúng, việc đó dĩ nhiên là đúng, là hợp lý rồi. Nên cấp những khu đất riêng cho mọi người để ai cũng cảm thấy mình là chủ, để gia đình con cái họ biết như vậy và cùng nhau lao động trên mảnh đất riêng của họ!”... Song chỉ cần ai đó trong số những nhà kinh tế chính trị học địa phương giàu ý thức cảnh giác tỏ ra ngờ vực: “Liệu đây có phải là sự xâm phạm đến những nguyên tắc thiêng liêng của chủ nghĩa xã hội không?”, là mọi người lập tức thoái lui và bắt đầu nói ngược lại, họ chứng minh những điều không cần thiết phải chứng minh. Không một ai muốn bị nghi ngờ là theo tà đạo, chỉ riêng Bôxtôn – anh chàng chần chừ dốt nát ấy – vẫn khăng khăng tiếp tục nhắc đi nhắc lại ý kiến của mình gần như trong mỗi buổi họp của nông trường hoặc của huyện. Người ta nghe anh nói, người ta khâm phục anh và đồng thời lại chế diễu anh: “Cái gã Bôxtôn kia đúng là kẻ nghĩ gì nói nấy. Gã có gì mà mất đầu? Chẳng sa thải gã được và con đường công danh của gã cũng chẳng có gì để mà ngăn trở được. Gã sướng thật đấy!”...

Và lần nào Bôxtôn cũng bị đập lại từ góc độ lý luận, và người đặc biệt kiên trì làm việc đó là Côscôrbaép, bí thư chi bộ của nông trường, một nhà ‘thông thái’ điển hình đã tốt nghiệp trường đảng của tỉnh. Thái độ của Bôxtôn với anh ta thật kỳ lạ, anh ta làm bí thư chi bộ của nông trường đã bao nhiêu năm rồi, vậy mà Bôxtôn vẫn không sao phân biệt nổi: anh ta chỉ giả vờ là một kẻ mọt sách ngây thơ (chắc hẳn việc đó tạo cho anh ta một số ưu thế nào đấy) hay đúng là anh ta như thế thật? Mặt anh ta như mặt một kẻ bị thiếu – má đỏ, nhẵn nhụi như quả trứng. Anh ta lúc nào cũng đeo càvat, lúc nào cũng cặp cặp giấy, lúc nào cũng đăm chiêu – công việc tui bụi mà lại! Anh ta đi nhanh và nói liếng thoắng như đang đọc báo. Đôi khi Bôxtôn

chợt nghĩ: có thể ngay cả trong lúc ngủ anh ta cũng hiểu rằng đất đai ở nước ta là tài sản chung của toàn dân. “Trong hiến pháp đã ghi rõ như thế: đất đai ở nước ta thuộc về nhân dân và chỉ thuộc về nhân dân thôi chứ không thuộc về bất kỳ kẻ nào khác. Vậy mà đồng chí lại đòi cho mình gần như được sở hữu cá thể nào bãi chăn thả mùa đông và mùa hè, nào chuồng cừ, nào thức ăn cho cừ và các loại tài sản khác. Điều đó thì chúng tôi không thể cho phép được. Chúng tôi không có quyền vi phạm những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội. Đồng chí có hiểu là đồng chí định lái chúng tôi đi đâu và muốn dẫn chúng tôi tới đâu không?”

– Tôi chẳng muốn dẫn ai đi đâu hết – Bôxtôn không chịu thua. – Nếu người chủ không phải là tôi mà là nhân dân, thì cứ để cho nhân dân đến làm việc trong chuồng cừ của tôi, tôi sẽ xem xét kết quả ra sao. Nếu tôi không làm chủ công việc của tôi thì rốt cuộc ai phải làm chủ mới được chứ?

– Nhân dân chứ còn ai nữa, đồng chí Bôxtôn. Tôi xin nhắc lại một lần nữa: người làm chủ phải là nhân dân Xô-viết, là nhà nước Xô-viết.

– Nhân dân ư? Thế theo đồng chí thì tôi là ai? Tôi không hiểu nổi đấy! Tại sao tôi lại không phải là nhà nước? Đồng chí bí thư ạ, dường như đồng chí còn trẻ mà đã quá uyên bác rồi, nhưng không biết người ta dạy đồng chí những gì nếu như tôi không hiểu nổi những điều đồng chí nói?

– Đồng chí Bôxtôn ạ, tôi sẽ không ngả theo đồng chí đâu, bởi vì đồng chí đang mị dân theo kiểu kulắc đấy. Đồng chí hãy nhớ là thời của đồng chí đã qua rồi và chúng tôi sẽ không cho phép một ai xâm phạm đến những nền móng của chủ nghĩa xã hội.

– Đồng chí cứ xem xét đi. Đồng chí là cấp trên, nhất định là đồng chí sáng suốt hơn rồi – Bôxtôn hậm hực đáp lại. – Nhưng tôi vẫn giữ ý kiến của tôi, người làm việc là tôi chứ không phải một ai khác! Chưa chi đồng chí đã định bịt miệng tôi: Lúc nào cũng nhân dân với nhân dân. Lúc nào cũng nhân dân là chủ! Được thôi, vậy thì cứ để cho nhân dân phán xét lấy: Đàn

súc vật mỗi năm một nhiều hơn, chỉ riêng đàn súc vật nhỏ trong nông trường đã đến bốn chục ngàn con rồi – trước đây có năm mơ cũng chẳng có chuyện như vậy. Đất đai bỏ không ngày một ít đi, còn kế hoạch thì tăng lên. Các đồng chí cứ tự xem xem, trước đây, mỗi con cừu tôi cắt được ba nghìn bảy trăm gram lông. Còn khoảng hai chục năm trước nữa thì ai cũng biết đấy, tôi bắt đầu với hai nghìn gram mà thôi. Tức là trong vòng hai mươi năm, phải vất vả lắm tôi mới tăng thêm được một nghìn bảy trăm gram. Còn bây giờ thì cứ mỗi năm kế hoạch lại tăng thêm năm trăm gram nữa, tôi biết lấy từ đâu được? Tôi phải có phép lạ chẳng? Nhưng nếu tôi không hoàn thành kế hoạch thì cả đội tôi sẽ chẳng nhận được gì hết, mà họ thì có gia đình. Vậy thì họ làm việc để làm gì? Họ suốt năm đi theo bầy cừu để làm gì? Song làm sao hoàn thành kế hoạch được nếu người chăn cừu nào cũng xoay như chong chóng để cướp giật của người khác bãi chăn thả tốt hơn, bởi vì đất đai là của chung, không ai làm chủ cả? Biết bao vụ xô xát giữa dân chăn cừu đã xảy ra vì các bãi chăn thả, vậy mà đồng chí là bí thư chi bộ, tự đồng chí chẳng làm gì hết mà còn bó tay giám đốc nữa. Đồng chí tưởng tôi không thấy hay sao?

– Việc tôi làm hay không làm là quyền nhận định của huyện uỷ. Chỉ có điều là huyện uỷ cũng sẽ không tiếp tay cho ý kiến phiêu lưu nguy hiểm của đồng chí đâu, đồng chí Bôxtôn ạ!

Lần nào câu chuyện cũng lâm vào ngõ cụt như vậy...

Và đây, số phận lại đưa Ernadar đến đội chăn cừu và Bôxtôn có được một kẻ đồng chí hướng và đồng minh gần gũi. Hai người vợ của họ – Arđưgun và Guliumcan – thường điếu cợt họ: “Thật khéo chọn nhau quá, chẳng khác gì một cặp vợ chồng. Họ không thiết ngủ, không thiết nghỉ ngơi, lúc nào cũng chỉ biết làm việc”.

Chính lúc đó, họ nảy ra ý định đưa đàn súc vật đi chăn thả vào mùa hè ở bên kia đèo Ala-Môngguy. Người đề ra ý kiến đó là Ernadar. Anh bảo: “Tôi

gì cứ phải sống vất vưởng ở vùng trước núi suốt mùa hè và giành giật từng ngọn cỏ với những người chăn cừu bên cạnh. Có lẽ ta nên đưa đàn cừu sang bên kia đèo để chăn thả chúng ở bãi Kisiben thì hơn. Các cụ già bảo là ngày xưa những chủ trại súc vật giàu có dường như vẫn dẫn các đàn ngựa và đàn cừu tới nơi ấy. Ngay từ thời đó người ta đã sáng tác bài hát ‘Kisiben’. Họ biết rằng tuy bãi chăn thả Kisiben không lớn lắm nhưng theo lời đồn đại thì cỏ ở đấy lại rất tốt, trong năm ngày súc vật tăng cân bằng suốt một tháng vỗ béo”.

Trước đây Bôxtôn cũng đã nghĩ đến chuyện đó, nhưng có nhiều điều chưa rõ ràng về miền Kisiben này. Ngay từ trước chiến tranh, những người chăn súc vật của nông trường đã đến Kisiben về mùa hè qua ngã đường đèo độc nhất là qua dãy núi Ala-Mônguy đóng băng. Vào thời gian chiến tranh, khi các bản làng chỉ còn lại người già và trẻ con, không ai còn dám dẫn thân vào một chuyến đi xa như vậy. Còn sau đó thì những nông trang nghèo khó hợp nhất lại thành một nông trường lớn có một tên gọi vô nghĩa gồm sáu chữ của một ngày lễ kỉ niệm thường niên gì đó, mà về sau những người dân địa phương đổi thành ‘Bêrich’, theo tên con sông nhỏ Bêrich-xu. Trong cảnh tất bật của những sự hợp nhất và biến đổi ấy, người ta dần dần quên băng mất là về mùa hè, trong suốt hai tháng trời và có khi còn lâu hơn nữa, có thể chăn thả súc vật ở bên kia đường đèo phủ tuyết của ngọn núi Ala-Mônguy hùng vĩ. Mà cũng có thể là không ai muốn vượt qua một độ cao như vậy, bởi vì để lừa được đàn súc vật qua con đường núi hết sức hiểm trở ấy, cần phải có nhiệt tình và ý chí mãnh liệt của người chủ nào khao khát chăm sóc thật chu đáo đàn súc vật của mình. Phải chăng vì thế mà thời xưa, những người Kiécghidi khi gặp nhau bao giờ cũng hỏi thăm nhau: “Man gian amanbu?”, tức là súc vật và người có khoẻ không. Người ta nói trước hết là đến súc vật. Cũng phải thôi, cuộc sống vẫn cứ là cuộc sống...

Hăm hở với ý tưởng đã có từ lâu này, Bôxtôn và Ernadar liền lấy bút chì phác tính mọi phương án lừa súc vật đến Kisiben. Ngay cả theo những tính

toán khiêm tốn nhất, có lưu ý đến việc súc vật bị gãy đi khi phải vượt qua đèo, thì vẫn bỏ công làm. Công việc hứa hẹn có lợi lớn vì ngoài tiền trả công lao động ra, thực tế không có khoản phí tổn trực tiếp nào hết, nếu không kể đến việc chuyên chở muối để cho cừ liếm. Quả thật, tạm thời đây mới chỉ là những tính toán quẩn rữ.

Bôxtôn quyết định sẽ đến gặp đơn vị trưởng trước tiên, sau đó sẽ đến gặp giám đốc nông trường. Còn với bí thư chi bộ thì anh không định gặp. Anh không ưa người bí thư chi bộ này. Đã nhiều lần anh tin chắc rằng đây chỉ là kẻ bẻm mép, một kẻ chỉ biết phát biểu trong các cuộc họp, kể lại những điều gì đã viết trên báo, một kẻ chỉ biết ngăn ngừa hết việc này đến việc kia và đeo càvat để chưng diện. Còn với giám đốc nông trường thì anh kể tỉ mỉ ý đồ của mình:

– Đồng chí Ibraim Sôtbaevich ạ – anh nói, – tôi với Ernadar định khôi phục lại những bãi chăn thả cũ ở bên kia dãy núi Ala-Môngguý, làm như vậy sẽ rất có lợi cho công việc. Trước hết hai chúng tôi sẽ đi khảo sát xem những bãi chăn thả ở Kisiben như thế nào, những loại cỏ mọc ở đấy ra sao. Và sau đó, khi trở về, chúng tôi sẽ lùa cừ tới đó suốt mùa hè. Nếu mọi chuyện diễn ra thuận buồm xuôi gió thì đồng chí hãy giao hẳn cho tôi bãi chăn thả Kisiben ấy, và nếu có ai đó trong đám dân chăn cừu cũng muốn theo gót tôi vượt qua đèo thì cũng chẳng thiếu chỗ đâu. Điều chủ yếu là tôi muốn biết xem mình được chia cho những bãi chăn thả nào và có thể tính toán được những gì trong suốt thời kỳ chăn thả. Chính việc đó mà tôi đến gặp đồng chí đây. Tôi với Ernadar đã quyết định là hai ngày nữa sẽ lên đường sang bên kia đèo Ala-Môngguý, còn công việc ở nhà thì tạm thời chúng tôi sẽ giao cho hai cô vợ chúng tôi và những người giúp việc.

– Nhưng anh Bôxtôn này, hai cô vợ của các anh nghĩ thế nào về dự tính của các anh? – đồng chí giám đốc hỏi. – Vì đấy là chuyện hệ trọng kia mà.

– Có lẽ họ hiểu biết đấy. Nói thế này xem chừng không phải, nhưng cô

vợ Arđugun của tôi là người hiểu biết lắm, còn cô Guliumcan là vợ của Ernadar ấy thì tuy trẻ hơn thật song xem ra cũng chẳng thuộc loại kém đâu. Họ rất hoà hợp với nhau nữa, tôi thấy như vậy. Tôi rất mừng về chuyện đó. Nếu phụ nữ mà hục hặc với nhau thì không gì tồi tệ hơn, cuộc sống khi ấy sẽ chẳng còn là cuộc sống nữa... Trước đây đã xảy ra những trường hợp như vậy...

Bôxton còn trao đổi với đồng chí giám đốc về một vài chuyện khác. Hoá ra là vào mùa thu này đã dự kiến là sẽ có một chuyến đi của các nông trường viên tiên tiến trong huyện đến Mátxcơva để tham dự cuộc triển lãm có tên gọi rất khó đọc là VÊĐENKHA hay VÊĐENKHU' gì đấy (tên gọi tắt theo tiếng Nga của triển lãm những thành tựu kinh tế quốc dân Liên Xô) và hình như Bôxton gần như đứng đầu danh sách ấy.

– Anh Sôtbaép ạ, liệu tôi có thể đi cùng với vợ tôi không? Cô Arđugun nhà tôi đã mơ ước được thấy Mátxcơva từ lâu rồi – Bôxton thú thật.

– Tôi hiểu anh, anh Bôxton ạ – giám đốc mỉm cười, – nhưng người ta thường nói là cứ sống rồi sẽ thấy. Và tại sao lại không thể như thế nhỉ? Chỉ cần được bí thư chi bộ đồng ý thôi. Tôi sẽ trao đổi với đồng chí ấy về việc này.

– Trao đổi với bí thư chi bộ ấy ư? – Bôxton ngẫm nghĩ.

– Anh cứ yên tâm, Bôxton ạ. Chẳng lẽ vì không ưa anh mà đồng chí ấy sẽ gây khó khăn cho vợ anh chắc? Làm thế thật không đáng mặt đàn ông chút nào.

– Vấn đề đâu phải ở chỗ đó. Anh tưởng chuyện đi hay không đi đối với chúng tôi là quan trọng lắm chắc? Không đâu. Tôi có chuyện này muốn trao đổi với anh đây, anh giám đốc ạ. Anh hãy cho tôi biết là anh có cần lắm đến một bí thư chi bộ như vậy trong nông trường không? Anh không thể tiến hành công việc nếu không có anh ta phải không?

– Thế thì sao nào?

– Tôi cần biết ý kiến của anh. Giả dụ như một chiếc xe có bốn bánh xe và mọi chuyện đều đầu vào đó hết, nhưng nếu lắp thêm một bánh xe thứ năm nữa thì bánh xe đó chẳng những không chạy mà còn ngăn trở các bánh xe khác. Vậy bánh xe này có cần hay không?

– Anh cũng thấy đấy... – Giám đốc, một người đàn ông cao lớn, mắt xếch, khuôn mặt to hơi thô, bỗng trở nên nghiêm nghị, bắt đầu sắp xếp lại mớ giấy tờ trên bàn và lim dim đôi mắt mệt mỏi. (Lúc nào cũng tất bật nên thiếu ngủ đấy mà, Bôxtôn nghĩ). – Thật ra thì cần phải có một bí thư chi bộ hiểu biết công việc... – ông giám đốc nói sau một phút im lặng.

– Thế bí thư chi bộ hiện nay?

Đồng chí giám đốc thoáng nhìn vào mặt Bôxtôn:

– Hai chúng ta thảo luận chuyện này làm gì mới được chứ? Nếu huyện uỷ cử anh ta đến thì biết làm thế nào được?

– Huyện uỷ ư? Anh ạ – Bôxtôn không kìm được nữa, – nhiều lần tôi có cảm giác là dường như anh ta luôn luôn làm ra vẻ cần xử sự như vậy để đạt được một mục đích gì đó. Tại sao anh ta lúc nào cũng phải đe dọa mọi người, dường như tôi muốn phá hoại chủ nghĩa xã hội? Điều đó không đúng sự thật. Nếu như tôi có đòi hỏi chút gì thì cũng là để cho công việc. Tôi sẽ không bao giờ đem bán khoảnh đất ấy. Tôi cũng sẽ không giao nó cho ai hết. Khoảnh đất ấy trước đây và sau này vẫn sẽ là của nông trường kia mà. Và dù thế nào chẳng nữa thì trong khi tôi còn sống và làm việc, tôi sẽ sống bằng đầu óc của tôi.

– Anh cứ giải thích mãi cho tôi mà làm gì, Bôxtôn? Không thể làm theo đề nghị của anh được đâu.

– Thế tại sao không?

- Bởi vì không thể chứ còn sao nữa.
- Chẳng lẽ đấy là câu trả lời ư?
- Tôi còn có thể trả lời anh thế nào được nữa?
- Tôi hiểu anh, anh Sôtbaép ạ. Đồng chí đã thất bại một lần rồi, đồng chí muốn làm cho tốt hơn, nhưng người ta lại sặc cho đồng chí một trận và hạ cấp đồng chí, chuyển đồng chí từ huyện uỷ về nông trường.
- Đúng thế, và tôi không muốn lại bị cho một trận nữa. Tôi đã hiểu ra nhiều rồi.
- Đồng chí thấy đấy, người nào cũng nghĩ về mình trước hết. Tôi không phản đối chuyện đó, cần phải nghĩ đến bản thân, chỉ có điều là phải nghĩ một cách thông minh mới được. Không nên trừng phạt người nào làm được một việc gì đó mới mẻ mà phải trừng phạt kẻ nào có thể làm được một việc gì đấy nhưng lại không làm. Còn ở chỗ chúng ta thì mọi thứ đều ngược lại.
- Anh lý luận thì dễ lắm – giám đốc nhếch miệng mỉm cười.
- Ai cũng cảm thấy như vậy hết. Còn tôi, tôi chán sống theo kiểu làm khách lắm rồi. Đã là khách thì làm việc tốt sao được? Chính đồng chí cũng hiểu đấy, chỉ làm việc hăng hái được vài ba ngày đầu nhưng sau đó thì chán ngay thôi... Còn ở chỗ chúng ta thì cứ tha hồ mà làm việc, nhưng Côscôbaép lúc nào cũng búng vào mũi để nhắc: anh là khách chứ không phải là chủ đâu.
- Anh Bôxtôn ạ, ta hãy thoả thuận thế này nhé: Anh đừng viện dẫn gì tôi cả nhưng cứ làm việc gì anh thấy cần...

Đến đây, họ chia tay nhau...

Ba ngày sau, Bôxtôn cùng Ernadar lên đường đi Kisiben vào lúc sáng sớm. Khi họ lên ngựa thì mọi người vẫn còn đang ngủ. Bôxtôn cười con ngựa thiện màu hung nhạt. Con Đônkuliuc của anh hồi đó mới hai tuổi, còn

quá non, mà đi vào núi thì nên sử dụng con ngựa nào chạy chậm vì không thể phi nước kiệu leo lên đồi được. Ernadar cũng cưỡi con ngựa vào loại tốt. Vào mùa đó, cả hai con ngựa đều béo mập và chạy nhanh. Mỗi người đều chở theo một túi kurgiuon lúa kiều mạch để đề phòng phải ngủ đêm trong tuyết. Họ còn đem theo cả áo khoác lông cừu nữa cũng nhằm phòng xa như vậy.

Có khi đi đường thấy vui vẻ, đặc biệt là nếu chọn được người cùng đi tâm đầu ý hợp và hai bên ung dung chuyện trò với nhau một cách giản dị, mộc mạc. Mà ngày hôm đó thì tiết trời quang đặng hiếm thấy. Phía trước sừng sững những rặng núi phủ tuyết, chạy trùng trùng điệp điệp, rặng tiếp theo bao giờ cũng hùng vĩ hơn và dày đặc tuyết hơn. Còn nếu ngoái nhìn lại thì phía sau, dưới vùng đất thấp, là hồ Ixúc-Cun rộng mênh mông. Nước hồ xanh thắm và phẳng lặng như một tấm gương mờ khiến họ luôn luôn muốn quay đầu lại nhìn.

– Chà, giá như đem được một chút sắc xanh kia trong túi kurgiuon thì hay quá – Ernadar nói đùa.

– Thế thì lấy gì cho ngựa ăn! Chẳng lẽ lại thay lúa kiều mạch bằng sắc xanh hay sao? – Bôxton đáp lại một cách hợp lý.

Và cả hai cười vang. Ít khi họ được thoát khỏi những công việc hàng ngày nặng nhọc của người chăn cừu hiện nay. Mặc dù lúc này là họ đang đi là để thăm dò việc lừa súc vật qua đèo và phía trước họ là những việc còn khó khăn hơn và gian nan hơn, nhưng họ vẫn cảm thấy khoan khoái. Cả con đường của tổ tiên họ cũng tạm thời còn bao dung đối với họ. Ernadar cảm thấy phơ phới trong lòng – dù sao thì ý đồ của anh cũng đã bắt đầu biến thành hiện thực. Từ hồi chiến tranh đến nay đã bốn mươi năm, suốt trong thời gian đó không một ai vượt qua ngọn đèo này, vậy mà anh với Bôxton đã dám thực hiện chuyến đi mạo hiểm ấy.

Tiện thể nói thêm là Ernadar rất thích bàn luận, hỏi han. Đáng người anh

oai vệ, hồi đi bộ đội anh phục vụ trong những đơn vị kỵ binh cuối cùng sau chiến tranh. Tác phong của anh đàng hoàng, đĩnh đạc, mặc dù bao nhiêu năm đã qua rồi. Guliumcan vừa cười vừa kể chuyện là Ernadar của chị một lần suýt trở thành diễn viên. Một đạo diễn điện ảnh nào đó đến gặp Ernadar và thuyết phục anh đóng phim. “Nếu như Ernadar của chị – người đạo diễn đó nói – sống ở Mỹ, thì anh ấy thế nào cũng đóng vai cao bồi trong phim”. Nhưng Guliumcan đáp lại: “Tôi biết cái nghề điện ảnh của các anh rồi. Tôi đã nghe kể là có một người chần cừ được mời đi đóng phim và thế là mất tích luôn. Một nữ diễn viên nào đó đã cuỗm mất anh ta. Còn tôi, tôi sẽ không buông Ernadar của tôi đâu”. Thế là mọi người phá lên cười.

Trong khi ấy, Bôxton suy nghĩ xem làm thế nào để mùa thu này, khi họ từ Kisiben trở về, sẽ giúp Ernadar có được một đội chần cừ dưới quyền mình. Cần giúp Ernadar được làm việc một cách ổn định và lẽ ra phải giao phó cho anh ấy chức đội trưởng từ lâu rồi, giữ mãi anh ấy ở chân giúp việc như vậy thật vô lý. Nếu như anh, Bôxton, là giám đốc nông trường hoặc bí thư chi bộ thì chắc hẳn anh sẽ biết nên đặt ai vào cương vị nào và vào lúc nào. Nhưng như trong nhân dân đã nói: “biri kem đuniê”, có nghĩa là bao giờ trong đời cũng có những chuyện bất hợp lý.

Họ đã đi sâu vào núi và giờ đây họ đã không gặp dọc đường những chiếc máy kéo và những người cưỡi ngựa nữa, những trại trú đông và những chuồng cừ cũng mỗi lúc một thưa thớt hơn. Cả phong cảnh cũng thay đổi: thiên nhiên ở đây khác lạ, nghiệt ngã hơn, lạnh lẽo hơn. Buổi chiều, ngay trước khi mặt trời lặn, họ men theo khe hẻm gập ghềnh đá đến chân đèo Ala-Môngguy. Có thể đi thêm một đoạn đường nữa cho đến lúc trời tối hẳn, nhưng họ lập luận rằng khi lừa súc vật đi, dù có lên đường vào lúc rạng đông dưới ánh sao chăng nữa, cũng không thể đi một quãng đường núi nhiều hơn trong một ngày trời, mà nếu như vậy thì tức là sẽ phải dừng lại ngủ đêm tại khe hẻm này, ngay dưới chân đèo. Dân chần súc vật gọi đêm như thế là ‘sưcama’ – đêm trước khi vượt đèo. Hơn nữa, địa điểm cho

sưcama lại rất thuận tiện: tại đây có nguồn một con sông nhỏ chảy từ các khối băng trôi xuống, có thể chọn được một chỗ dưới sườn dốc là nơi gió từ các khối băng trôi không thổi đến được. Dân chăn cừu biết rõ là thứ gió lạnh buốt và nguy hiểm ấy bao giờ cũng nổi lên từ lúc nửa đêm và kéo dài cho tới khi mặt trời mọc. Cái hay của sưcama là che chở suốt đêm cho bầy gia súc đông đảo tránh được thứ gió thổi từ các khối băng trôi này và sáng hôm sau bắt đầu cuộc tấn công đèo với những sức lực tươi mới.

Sau khi xuống ngựa và tháo gỡ yên cương khỏi hai con ngựa đã mệt nhoài, Bôxtôn và Ernadar bắt tay vào việc thu xếp chỗ ngủ đêm. Họ chọn một nơi bên dưới một mỏm đá nhỏ, nhặt nhanh được một ít củi khô. Ernadar không ngại vất vả, anh men theo khe núi xuống một chỗ khá xa, nơi mọc nhiều những bụi cây thấp lè tè vùng núi. Sau đó họ ngồi bên đống lửa ăn tối bằng số lương thực đem từ nhà đi. Họ còn đun nước sôi trong chiếc siêu bằng sắt tây để pha trà nữa, rồi họ khoan khoái nằm nghỉ sau quang đường dài.

Tại những điểm cao phía dưới đèo, trời mau chóng tối sầm lại và lập tức cảm thấy lạnh, dường như mùa đông đã xộc đến. Thời tiết chuyển từ mùa hè sang mùa đông chỉ trong có một ngày đi ngựa. Làn hơi lạnh giá toả xuống từ các khối băng trên núi Ala-Môngquy – những khối băng vĩnh cửu ấy nằm rất gần, hay như người ta thường nói, chỉ với tay là đến. Bôxtôn đã đọc thấy trong một tờ báo nào đó viết rằng những khối băng ấy nằm trên các đỉnh núi đã hàng triệu năm và nhờ có chúng mà các sinh vật mới có thể sống ở đây, trong các thung lũng này, bởi vì băng tan dần từng ít một bắt nguồn cho những con sông chảy xuống các vùng đất thấp nóng nực và các cánh đồng. Đó, mọi thứ trong thiên nhiên đã sắp đặt thông minh như vậy đó.

– Ernadar này – Bôxtôn nói trước khi ngủ thiếp đi, – lạnh quá đi mất! Cậu có cảm thấy rét buốt không? May một cái là ta đem theo áo lông đi

đấy!

– Áo lông thì đã ăn thua gì – Ernadar đáp lại, – thời trước người ta còn viện đến cả bài cầu nguyện nữa kia. Tên bài cầu nguyện ấy là bài cầu nguyện vượt đèo. Cậu có nhớ không?

– Không, tớ không nhớ.

– Tớ thì tớ chỉ nhớ như ông tớ đã đọc cho nghe thôi.

– Vậy thì cậu đọc đi.

– Nhưng tớ nhớ lồm bồm lắm.

– Nhớ lồm bồm vẫn còn hơn là không nhớ gì hết. Nào, bắt đầu đi.

– Được, tớ sẽ đọc, còn cậu sẽ đọc theo đấy. Cậu nghe thấy chứ, Bôxton, cậu phải đọc theo đấy.

“Hỡi Đấng Cao Cả trên bầu trời lạnh giá, hỡi ngọn Tengri xanh thẳm, xin đừng làm gai góc thêm con đường của chúng tôi vượt qua núi đèo rét buốt. Nếu Người cần vùi lấp súc vật của chúng tôi trong bão tuyết thì xin hãy thay bằng lũ quạ trên trời. Nếu Người cần làm cho con cái chúng tôi bị chết rét vì giá buốt thì xin hãy thay bằng chim tu hú trên trời. Còn chúng tôi sẽ thắt chặt đai ngựa, sẽ xiết chặt thêm hàng thồ trên lưng bò và ngẩng mặt hướng lên Người, chỉ mong sao Người, hỡi ngọn Tengri xanh thẳm, đừng chặn ngang đường chúng tôi, hãy cho chúng tôi vượt qua đèo để đến được những vùng đất cỏ xanh, những hồ nước lạnh giá. Và xin Người hãy nhận cho những lời cầu nguyện này”. Hình như thế thì phải, tớ chỉ nhớ tới đây thôi.

– Thật đáng tiếc.

– Đáng tiếc cái gì kia chứ? Bây giờ những lời cầu nguyện như vậy chẳng cần cho ai hết. Bây giờ người ta dạy trong trường rằng tất cả những thứ đó đều là chuyện lạc hậu và tằm tối. Họ bảo: con người đang bay vào vũ trụ

kia mà.

– Vũ trụ thì có liên quan gì đến chuyện này? Chẳng lẽ nếu chúng ta bay vào vũ trụ thì phải quên đi những lời cầu nguyện ngày trước hay sao? Số người bay vào vũ trụ có thể đếm trên đầu ngón tay, còn biết bao nhiêu người như chúng ta sống trên trái đất và sống bằng đất đai? Cha chúng ta, ông chúng ta đã sống bằng đất đai, vậy thì chúng ta cần cái gì trong vũ trụ? Cứ mặc cho họ bay – họ có việc của họ, chúng ta có việc của chúng ta.

– Nói thì dễ, Bôxtôn ạ, nhưng những kẻ như bí thư chi bộ Côscôbaép thì trong buổi họp nào cũng nguyên rủa tất cả những thứ xưa cũ. Họ bảo: các người tổ chức lễ cưới không đúng, tại sao các người không hôn nhau trong các buổi hôn lễ, tại sao cô dâu và bố không ôm nhau nhảy? Các người đặt tên cho con cái cũng không đúng phép tắc – anh ta bảo thế – có một danh sách các tên mới đã được cấp trên chuẩn y, còn các tên cũ thì phải thay thế hết đi. Hoặc anh ta bỗng nhiên hoạnh hoẹ: các người tổ chức chôn cất không đúng phép – anh ta bảo – các người khóc người chết cũng không đúng phép. Anh ta còn bảo cách khóc nữa, phải khóc theo kiểu mới chứ không được khóc theo kiểu cũ.

– Tớ biết chứ, Ernadar ạ, cậu cứ làm như tớ không biết chuyện đó ấy. Nếu tớ đến Mátxcơva, mà hình như mùa thu này người ta định cử tớ đến dự triển lãm thì phải, tớ nhất định sẽ đến Trung Ương Đảng. Tớ muốn biết là chúng ta có thật cần đến những kẻ như Côscôbaép không hay đấy là tai họa cho chúng ta? Không thể nói gì với anh ta được, động một cái là anh ta chẹn ngang cổ vu cho tội chống Đảng. Một mình anh ta là toàn Đảng kia đấy! Và không một ai phản đối anh ta cả. Tình hình chỗ chúng ta là như vậy đó. Chính đồng chí giám đốc cũng né tránh anh ta. Mặc kệ anh ta, đồng chí ấy bảo thế! Hiềm một nỗi là những kẻ như Côscôbaép có không ít, cả ở những nơi khác nữa... Thôi ta ngủ đi, Ernadar. Ngày mai là ngày khó khăn nhất của chúng ta đấy...

Vào đêm đó, hai người chẵn cừu vừa chuyện trò lan man vừa ngủ thiếp đi như vậy trong khe hẻm phía dưới đường đèo Ala-Mônguy hùng vĩ quanh năm phủ băng. Các ngôi sao đã bừng sáng trong khoảng trời cao hư ảo đen thẫm bên trên các ngọn núi. Có bao nhiêu ngôi sao thì có bấy nhiêu ngôi xuất hiện chi chít trên nền trời. Bôxtôn cảm thấy ngạc nhiên vì những ngôi sao lớn và nặng như vậy – mỗi ngôi phải to bằng nắm tay anh – lại không rơi xuống mà lơ lửng trên trời và sáng nhấp nháy không biết mệt. Gió lạnh rú rít điên cuồng trong các hốc đá... Thần gió Saman bao giờ cũng thiếu chỗ, bao giờ cũng bực bội và giấu kín một chuyện gì đó trong lòng...

Cũng những đợt gió lạnh hết như vậy rít lên lùa qua các khe cửa sổ cả vào ban đêm âm u ấy, khi Bôxtôn giữa tiếng hú thảm thiết của lũ sói, nhớ lại tất cả những gì đã trải qua... Anh điếm lại trong trí nhớ những chuyện xưa cũ, những chuyện đã qua, và trong tâm hồn anh trào lên nỗi bực bội do những kẻ vô dụng gây ra, những kẻ sử dụng cả đến những nỗi bất hạnh của người khác để nhạo báng và vu khống. Ôi, bọn chúng thật mạnh mẽ biết bao trong công việc ghê tởm đã có từ ngàn xưa này của chúng. Chúng muốn bắt ai phải đau khổ cũng được, chúng muốn bắt ai phải khốn khổ vì mất ngủ cũng được – từ vua chúa cho đến người chẵn dốt súc vật! Những ý nghĩ tuyệt vọng đó khiến Bôxtôn đau đớn đến nỗi đôi khi anh có cảm giác rằng tiếng sói hú lại vang lên vào đêm đó hình như là tiếng gào thét bật ra từ tâm hồn đau khổ của anh. Anh có cảm giác rằng đấy là tâm hồn đau đớn của anh đang lang thang trong đêm tối bên ngoài các chuồng cừu. Đấy là tâm hồn mê muội đi vì đau khổ của anh đang than khóc vào gào hú cùng con sói cái Acbara. Không có một sức lực nào chịu đựng nổi tiếng hú của con sói cái ấy, và anh chỉ muốn bắt nó phải câm họng.

“Sao nó lại kiên trì đến thế nhỉ? Nhưng mà biết làm gì với nó được? Mà cần gì ở tao mới được chứ? – Bôxtôn nổi giận. – Tao chẳng giúp được gì mày đâu. Tao đã cố rồi nhưng không ăn thua. Acbara! Đừng có hú nữa! Có chạy hàng trăm cây số cũng chẳng thấy được lũ con mày đâu. Người ta đã

đưa đi bán mỗi con một phương rồi. Mà chẳng tìm thấy chúng nữa đâu! Mà phải hiểu chứ! Mà còn hành hạ chúng tao đến bao giờ nữa? Đi đi, biến đi, Acbara! Mà hãy quên hết đi. Tao hiểu, mà đau khổ lắm, nhưng hãy đi đi, hãy biến mất đi. Cầu Chúa cho mà đừng lọt vào mắt tao, tao sẽ bắn chết mà đấy, con sói bất hạnh kia. Tao sẽ không lưỡng lự gì hết, tao sẽ bắn chết mà bởi vì mà không để cho tao sống yên nữa. Chớ đấy tao đến chỗ đó, không có mà tao đã phát ớn. Mà thì tao có thể giết được, nhưng tao biết làm gì đây với những kẻ giễu cợt nỗi đau khổ của tao? Vậy thì mà hãy đi đi, hãy biến mất đi để tao không bao giờ nghe thấy tiếng gào hú của mà nữa! Tao còn có thể giết một kẻ nữa, và tao xin lấy mẹ tao ra thì là tay tao sẽ không run đâu. Tao với mà có một kẻ thù chung – nó đã bắt cóc lũ con của mà, Acbara ạ. Còn với tao thì tên khốn kiếp ấy đã lăng mạ tao thậm tệ. Khi tao nghĩ đến chuyện ấy và nghĩ đến chuyện hồi trước tao đã bật móng tay móng chân như thế nào khi leo xuống vực thăm phủ băng kia, tao đã gọi Ernadar đến khản giọng như thế nào và than khóc một mình giữa những ngọn núi tàn nhẫn thì tao lại không thiết sống nữa, không thiết sống một chút nào nữa. Quả thật là tao sẽ chẳng sống làm gì nữa, tao sẽ thây kệ hết nếu như không có đứa trẻ kia. Đó, nó ở đây, ở ngay cạnh tao, đang cuộn tròn lại mà ngủ, mẹ nó đã đem nó lại gần bên tao. Rõ ràng là mẹ nó sợ tiếng sói hú, còn đứa trẻ thì đang ngủ bởi vì nó trong sạch, bởi vì nó vô tội, bởi vì nó đã được Chúa ban cho tao để bù lại những nỗi đau khổ của tao, bù lại những gì mà tao đã phải chịu đựng. Nó là máu thịt của tao, là khuôn mẫu cuối cùng của tao. Nhưng tao đâu có cầu xin số phận như vậy, số phận ấy đã tự đến, đã đến một cách tự nhiên như ban đêm, đúng như người ta vẫn nói, không thể lẩn tránh số phận được. Vậy mà cái gã Badarbai khốn kiếp kia lại đặt điều vu oan giá họa cho tao ghê tởm đến nỗi tao chỉ muốn bóp chết gã như bóp chết con chó ấy bởi vì không có cách gì trừng trị gã cả. Còn kẻ phụ họa với gã lại là bí thư chi bộ của chúng tao, dường như anh ta chẳng có việc gì làm nữa, anh ta nâng đỡ gã, khiến cái gã say rượu ấy nói

bây nói bạ và muốn làm đứa trẻ của tao bị khốn quẫn... Vậy làm sao tao lại không hiểu nỗi khổ của mày kia chứ, Acbara?”

Bôxton suy nghĩ như vậy trong lúc trần trọc thao thức vào đêm đó, nhưng dù anh có thông minh và nhạy cảm đến đâu chẳng nữa, anh cũng không thể hình dung nổi toàn bộ tầm mức đau khổ của Acbara. Tuy nó không biết nói nhưng nó vẫn biết đau khổ, mặc dù nó không có khả năng diễn đạt thành lời những điều đau khổ ấy. Và nó không tài nào lãng quên nổi những nỗi đau đớn đang nung nấu. Chẳng lẽ nó lại có thể vùng ra khỏi bộ da của nó hay sao? Chẳng lẽ nó lại không cố vờ vẫn chạy tới chạy lui không ngừng trên các triền núi và bãi bồi cùng Tastrainar – chông nó luôn luôn bám theo nó ở khắp mọi nơi – với hy vọng là sẽ tự làm mình phải mệt mỏi, phải ngã gục, phải chết vì mệt mỏi hay sao? Chẳng lẽ nó lại không cố làm dịu bớt đi, đè nén đi nỗi đau mất mát lúc nào cũng nhức nhối bằng cách dùng Tastrainar tấn công một cách hung dữ và tuyệt vọng vào tất cả những ai chúng gặp trên đường đi hay sao? Chẳng lẽ nó lại không cố quay về hang cũ của nó dưới vòm đá để tin chắc một lần nữa rằng cái hang ấy trống không, để dứt khoát giết chết trong lòng nó bất kỳ niềm hy vọng nào, để không bị những giấc mơ đánh lừa lâu hơn nữa. ?...

Ôi, thật khốn khổ biết bao! Vào chiều hôm đó, trong lúc lang thang vô định khắp các vùng xung quanh, Acbara bỗng quay ngoắt lại về phía khe núi Basat và bắt đầu chạy vùn vụt, mỗi lúc một nhanh hơn, dường như có một việc gì đó đòi hỏi nó phải có mặt ngay lập tức. Tastrainar như thường lệ, liền bám sát theo sau, không rời nó một bước. Còn Acbara vẫn cứ chạy mỗi lúc một nhanh, vẫn cứ chạy như điên cuồng qua các tảng đá, qua các khối tuyết, qua các khu rừng... Nó chạy theo con đường quen thuộc xuyên qua lối cũ, xuyên qua những bụi thường sơn núi rồi xộc vào hang, lại một lần nữa tin chắc rằng hang của nó trống không, đã từ lâu không có hơi sói, và nó lại cất tiếng hú, vừa than vãn rên rỉ vừa lục lọi và đánh hơi tất cả những gì còn có thể giữ được hơi ấm của lũ sói con: “Chúng đâu cả rồi,

chuyện gì đã xảy ra với chúng? Các con của mẹ, các con đâu cả rồi, bốn đứa con còn mặng sữa của mẹ đâu cả rồi? Nếu như các con trưởng thành lên, nếu như răng nanh của các con thêm rắn chắc, nếu như các con đi bên cạnh mẹ thì mẹ sẽ yên tâm biết chừng nào và chân mẹ sẽ chẳng bao giờ biết đến mệt mỏi”.

Acbara chạy lờng lộn gần con suối, nơi thứ mùi đáng ghét nghê tởm vẫn tỏa ra từ cổ chai rượu và những hạt còn lại của đồng lúa kiều mạch bị chim chóc mổ tú tung đã bị văng gấn chặt xuống đất...Sau đó nó lại quay về hang và nằm xuống, rúc mõm vào bẹn. Tastrainar nằm bên cạnh, sưởi ấm vợ bằng bộ lông dày rậm rạp.

Đêm đã xuống, Acbara mơ thấy lũ sói con đang nằm bên cạnh nó trong hang, chúng vụng về cựa quậy áp vào vú mẹ. Trời, nó đã khao khát từ lâu được dành hiến sữa cho lũ con, được dành hiến cho chúng tất cả số sữa đã tích tụ lại khiến nó phải đau lên... Và lũ sói con mê mải bú chùn chụt, thỉnh thoảng lại sặc sụa vì sữa ra quá nhiều. Trong lúc ấy, cảm giác mệt mỏi của tình mẹ con âu yếm lan truyền một cách ngọt ngào khắp cơ thể sói mẹ, chỉ có điều là không hiểu sao không thấy sữa cạn bớt đi... Sói mẹ đâm lo lắng, tại sao lại như vậy nhỉ? Tại sao bầu vú của nó không nhẹ bớt, vậy là lũ sói con vẫn chưa no? Nhưng bù lại, nó đã có cả bốn đứa con ở ngay bên cạnh, bốn đứa con đang được ấp ủ. Kia là con hiếu động hơn hết và có mồm đuôi màu trắng; kia là con bú lâu hơn hết và nó ngậm nguyên đầu vú mà ngủ thiếp đi; kia là con vừa hay gây gỗ lại vừa mau nước mắt; còn kia, nằm ở giữa, là đứa con nhỏ nhất của nó, một con sói cái bé bỏng mắt xanh, đó là một Acbara mới trong tương lai... Sau đó Acbara còn mơ thấy nó không chạy mà đang bay, thân không chạm mặt đất. Nó mơ thấy nó lại ở trên đồng cỏ Môiuincumư bao la và cùng với nó là bốn con sói nhỏ, chúng cũng không chạy mà đang bay. Cùng với chúng còn có sói bố Tastrainar nữa đang lao vùn vụt bằng những bước nhảy khổng lồ. Mặt trời chiếu sáng rực rỡ trên trái đất và bầu không khí mát mẻ trôi đi, chuyển động đi như bản thân cuộc

sống...

Đến đây Acbara chợt thức giấc và nằm hồi lâu không nhúc nhích, tê tái đi vì sự thật tàn ác. Sau đó nó thận trọng trở dậy, thận trọng tới nỗi ngay cả Tastrainar cũng không nghe thấy, rồi thận trọng bước ra khỏi hang. Vật đầu tiên mà nó trông thấy khi bước ra ngoài là vầng trăng bên trên những ngọn núi phủ tuyết. Vào đêm sáng sủa đó, vầng trăng dường như sát gần và nổi bật trên bầu trời đầy sao đến nỗi có cảm giác như chẳng khó nhọc gì cũng chạy được đến nơi. Con sói cái bước đến dòng suối đang róc rách chảy, cúi đầu buồn bã lang thang trên bờ suối rồi quặp đuôi ngồi xuống, ngược nhìn hồi lâu lên vầng trăng tròn vành vạnh. Vào đêm đó Acbara hình dung thấy nữ thần sói Biuri-Ana trên mặt trăng rõ rệt và rành mạch hơn bao giờ hết. Hình bóng gồ ghề của nữ thần sói trên mặt trăng thật giống hệt Acbara – nữ thần sói Biuri-Ana ngồi trên đó hệt như thật, đuôi quặp ra sau và mồm mở to ra. Acbara có cảm giác là con sói trên mặt trăng cũng nhìn thấy và nghe thấy nó. Nó hếch mồm lên cao hướng tới nữ thần sói, vừa khóc vừa than vãn, và những luồng hơi nước bay ra từ mồm nó:

“Hỡi nữ thần sói Biuri-Ana, hãy đoái nhìn con. Con là Acbara. Con đang ở đây, giữa những ngọn núi lạnh lẽo này. Con thật bất hạnh và cô độc. Ôi, con khốn khổ biết chừng nào! Người có nghe thấy con đang than khóc không? Người có nghe thấy con gào hú và nức nở không? Ruột gan con nóng bỏng vì đau đớn, bầu vú con căng lên vì ứ sữa, vậy mà con chẳng có ai để cho ăn, cho bú. Con đã bị mất đàn con của con rồi. Ôi, chúng đang ở đâu và chuyện gì đang xảy ra với chúng? Hỡi nữ thần sói Biuri-Ana, Người hãy xuống đây, hãy xuống đây với con, chúng ta sẽ ngồi bên nhau và sẽ cùng gào hú, cùng nức nở với nhau. Người hãy xuống đây, hỡi nữ thần sói của con, con sẽ dẫn Người đến những nơi con đã sinh ra, đến những thảo nguyên giờ đây chẳng còn chỗ cho loài sói. Người hãy xuống đây, xuống những dãy núi đá này, nơi cũng không còn chỗ cho chúng con nữa. Rõ ràng là chẳng nơi đâu còn chỗ cho loài sói... Còn nếu Người không

xuống, hỏi nữ thần sói Biuri-Ana, thì Người hãy đưa con về với Người. Con là sói xám đây. Con là sói mẹ Acbara đây. Con sẽ sống trên mặt trăng, con sẽ sống với Người và than khóc về trái đất. Ôi, hỏi thần Biuri-Ana-a-a, Người có nghe thấy tiếng con không? Người hãy nghe con, hãy nghe tiếng con, hãy nghe lời than khóc của con!”

Acbara đã than khóc như vậy, đã hướng lên vầng trăng mà gào hú như vậy vào đêm đó, giữa những ngọn núi lạnh lẽo...

III.5

Tai họa trên đèo

Khi đêm sụcama trên đèo đã trôi qua, Ernadar là người dậy đầu tiên, anh trùm kín áo lông rồi đi thăm hai con ngựa bị buộc chân lại.

– Có rét không? – Bôxton lo ngại ló đầu ra từ dưới áo lông và cất tiếng hỏi khi Ernadar trở lại.

– Ở đây bao giờ cũng vậy – Ernadar đáp, – bây giờ thì lạnh, nhưng mặt trời hơi ló ra là sẽ ấm.

Và anh ngồi ghé xuống tấm chắn phủ mình ngựa. Vào giờ đó, trong núi còn sớm và chưa rõ mặt người.

– Ngựa của chúng ta ở đằng ấy thế nào?

– Vẫn bình thường.

– Tớ nghĩ như thế này, khi chúng ta lừa súc vật đi, chúng ta sẽ dựng lều nghỉ đêm ở đây, sẽ ấm hơn đấy.

– Tại sao lại không dựng nhỉ – Ernadar đồng ý. – Chỉ trong nháy mắt là chúng ta dựng xong thôi. Miễn làm sao mở được đường đi, những việc còn lại là phụ thuộc vào chúng ta.

Khi mặt trời mọc thì trong núi quả có ấm lên thật. Không khí mau chóng nóng lên và trời vừa rạng sáng là họ đã thẳng xong yên cương ngựa.

Trước khi ngồi lên ngựa, Bôxtôn ngoái nhìn một lần nữa, anh đưa mắt nhìn bao quát những dốc đứng và ghềnh đá bao bọc xung quanh. Những dốc đứng và ghềnh đá ấy cao vút và ghê sợ, con người hình như quá nhỏ bé ở bên chúng. Vậy mà họ dám thách thức những ngọn núi kia. “Núi đèo không làm chúng ta sợ – Bôxtôn nghĩ, – nếu như đây là vấn đề cuộc sống. Mà nếu đây là vấn đề cuộc sống thì chẳng thứ gì đe dọa nổi con người. Đâu đâu con người cũng tìm được lối đi, dù ra biển, dù vào lòng đất, dù lên trời. Cả chúng ta cũng nhất định sẽ đi qua được nơi đây.”

Đầu tiên, họ tìm được một lối đi cũ đã gạt sạch đá ra hai bên đường và đôi nhìn xem nó chạy xuyên qua đèo như thế nào. Hoá ra con đường đèo này chạy qua một dãy núi phủ tuyết hình yên ngựa, giữa hai đỉnh núi. Họ liền tiến về phía ấy. Rõ ràng sau đây là dốc xuống của dãy núi Ala-Mônguy, chắc chắn là tại đây cũng có cả vùng Kisiben, nơi có một khu rừng bạch dương, con sông vùng núi chảy xiết, như theo lời kể của các cụ già. Thiên nhiên nhiều khi giấu kín như vậy đấy những chốn bí ẩn của mình vào những góc ngách xa xôi, làm không ai tới được những chốn ấy. Nhưng khi vấn đề là chuyện sống còn thì con người phải tìm cách đạt được mục đích của mình để tồn tại được trên trái đất...

Đường đi mỗi lúc một dốc hơn. Khi chân bắt đầu giẫm lên mặt tuyết cứng thì ngựa cũng bắt đầu đi khó khăn hơn – chúng càng đi thì tuyết càng sâu. Mặt trời chiếu sáng rực rỡ, gió lặng, trong cảnh tĩnh mịch hoàn toàn ấy có thể nghe thấy hơi thở gấp gáp của ngựa như hơi thở của chính mình.

– Thế nào đây? – Bôxtôn ngoái lại hỏi Ernadar. – Nếu tuyết ngập đến trên bụng cừu thì chúng ta sẽ gay go đấy. Ý cậu thế nào?

– Bôxtôn ạ, chúng ta đi tới nơi ấy thì dĩ nhiên là phải gay go rồi! Nhưng cái chính là làm sao chúng ta đừng bị lấn bấn lâu. Nếu cần thì chúng ta sẽ xẻ đường cho cừu đi và đôi chỗ chúng ta sẽ phải đắp cho chắc nữa.

– Tớ cũng đã nghĩ đến chuyện đó. Chúng ta sẽ phải đem theo xẻng đấy,

Ernadar ạ. Cậu hãy nhớ để sau này chúng ta phải đem theo xêng mới được.

Khi tuyết ngập đến trên đầu gối ngựa, họ xuống ngựa và cầm dây cương dắt đi. Ở đây thiếu không khí, họ phải thở bằng mồm. Màu tuyết trắng làm loá mắt họ – cần đến loại kính râm mà bây giờ ai cũng đeo khi đi ngoài phố. Họ phải cởi áo lông ra vắt lên yên ngựa. Hai con ngựa thở hỗn hển, ướt đẫm mồ hôi, sườn lắc lư. Thật may mắn là từ đây đến núi yên ngựa không còn xa lắm nữa.

Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu và toả nắng xuống những rặng núi phủ tuyết tê cóng nằm nhấp nhô từ bao đời nay. Không có dấu hiệu gì là thời tiết sẽ thay đổi nếu không kể đến đám mây nhỏ lơ lửng trên đường họ đi. Họ đi xuyên qua những đám mây ấy, hay nói cho đúng hơn, họ bước trên những đám mây ấy như trên lớp đệm bông. Thậm chí không thể tin được rằng vào giờ đó, ở dưới vùng đất thấp ven hồ Ixúc-Cun lại nóng nực đến nỗi dân đi nghỉ đang phơi nắng trên các bãi tắm ven hồ.

Họ chỉ còn khoảng năm trăm mét nữa và bây giờ họ đã nghĩ đến tình hình ở bên kia đèo: nếu tình hình bên đó không tồi tệ hơn thì thật tuyệt diệu.

Cuối cùng họ đã đến đỉnh đèo, Bôxtôn và Ernadar dừng lại nghỉ một lát cho lại sức. Mồ hôi họ ướt đẫm, họ thở hỗn hển, cả người cũng mệt lử. Nhưng họ cảm thấy sung sướng và hài lòng, họ nhìn xuống dưới, xuống con đường mà họ vừa vượt qua.

– Thế là xong Bôxtôn ạ – Ernadar mỉm cười nói, mắt anh long lanh vui sướng. – Có thể dẫn đàn cừu đi được, tất nhiên là nếu thời tiết tốt.

– Đúng thế đấy. Dĩ nhiên là thời tiết phải êm ả mới được.

– Vậy là chúng ta đi mất hai tiếng rưỡi – Ernadar nhìn đồng hồ rồi nói. – Có vẻ như không đến nỗi nào phải không?

– Nếu dẫn theo đàn cừu thì sẽ phải mất chừng ba tiếng – Bôxtôn nhận xét, – mà có thể còn lâu hơn nữa. Nhưng cái chính là chúng ta tin chắc rằng

có thể đi qua đèo được. Còn bây giờ thì ta đi tiếp đi, theo tớ thì từ chỗ kia đã có thể nhìn thấy lối xuống rồi mà biết đâu thấy được cả vùng Kisiben nữa. Ở đây chắc hẳn đang xanh mượt đấy...

Và họ liền đi tiếp. Xung quanh toàn là tuyết trắng phau, chỗ thì bằng phẳng, chỗ thì bị gió cuốn tung lên và dựng thành những đống lấp lánh. Nhưng có thể đoán được là ở một nơi nào đó phía trước, không gian đầy tuyết này sẽ chấm dứt và bắt đầu một thế giới khác. Họ muốn mau mau đến nơi đó, muốn mau mau nhìn thấy tận mắt vùng Kisiben, mục tiêu chuyển đi của họ. Họ cứ đi như vậy trên dãy núi hình yên ngựa, giữa hai đỉnh núi như hai bướu lạc đà, và cảnh tượng huyền bí kia hình như gần lắm rồi. Bôxtôn đang xông pha trong tuyết ở phía trước, tay dắt ngựa, thì đột nhiên anh như bị hẫng chân. Anh nghe thấy một tiếng thét phía sau.

Anh quay phắt người lại và sửng sờ: Ernadar đã đâu mất, đã biến đâu mất – không thấy cả người lẫn ngựa. Chỉ thấy tuyết bốc lên ở chỗ Ernadar vừa đi.

– Ernadar! – Bôxtôn hốt hoảng thét to và chính anh cũng hoảng sợ với tiếng thét của anh đang âm vang lan xa trong cảnh vắng lặng tĩnh mịch.

Anh vội vã lao đến chỗ tuyết đang bốc lên và chỉ nhờ có phép lạ anh mới kịp dừng lại, lùi lại – trước mắt anh là một vực thăm toang hoác miêng. Bóng tối đen ngòm và hơi lạnh giá buốt toả lên từ đáy vực. Bôxtôn liền nằm sấp bụng xuống tuyết và bò đến tận mép vực, không nhận thức được hay đúng hơn là không dám nhận thức biến cố vừa xảy ra. Và toàn bộ con người anh, với tất cả cảm giác và ý nghĩ của anh, đều dường như đã biến thành nỗi sợ hãi, nỗi sợ hãi này làm tê liệt thân thể anh. Nhưng anh vẫn bò, vẫn bò mãi, một sức mạnh nào đó giúp anh cử động, bắt anh phải thở. Anh chống hai khuỷu tay bò, vừa bò vừa gạt tuyết cứ bám dính vào mặt. Anh hiểu rằng dưới người anh là lớp băng cứng và anh chợt nhớ lại những câu chuyện về những chỗ đứt gãy và khe nứt ẩn kín dưới tuyết mà nhiều đàn súc vật đã bị

thụt xuống toàn bộ. Anh cũng nhớ lại câu rủa: “Giarakaga ket” – cầu cho mây ngã xuống vực thẳm. Nhưng vì lẽ gì mà câu rủa đó lại giáng xuống đầu Ernadar, và đâu chỉ có Ernadar, biết đâu nó giáng xuống cả đầu anh nữa?

Chắc hẳn vì anh chẳng bao giờ hết ham muốn, anh lúc nào cũng thấy chưa đủ, việc gì anh cũng không hài lòng... Nếu như anh biết được là có thể xảy ra tai hoạ như vậy...

Bôxton bò đến rìa chỗ đứt gãy và trước mắt anh hiện ra một vách đứng đen ngòm chạy nham nhở hun hút xuống phía dưới. Anh run lên vì kinh hoàng.

– Ernadar – Bôxton thì thầm khẽ gọi, cổ họng khô khốc. Rồi anh gào to bằng một giọng man rợ, đứt quãng. – Ernadar, cậu ở đâu đấy? Ernadar! Ernadar! Ernadar!

Và khi anh dứt tiếng, anh có cảm giác như nghe thấy từ phía dưới vọng lên tiếng rên rĩ và mất tiếng nói mơ hồ: “Đừng lại gần!”. Anh liền thét lớn:

– Ernadar! Ernadar của tớ! Tớ kéo cậu lên ngay đây! Hãy chịu đựng một chút! Tớ kéo cậu lên ngay đây!

Anh vùng dậy, bất chấp nguy cơ bị ngã xuống vực, vừa xẻ tuyết vừa chạy đến chỗ ngựa, rồi gỡ yên cương ra: cuộn dây thừng và chiếc rìu mà họ đem theo để đề phòng bất trắc thì đã buộc chặt vào yên ngựa của Ernadar và bị rơi cùng Ernadar xuống vực. Bôxton rút dao khỏi bao, cắt đầu những đoạn dây bằng da – nào dây dưới đuôi ngựa, nào yếm che ngực ngựa, nào bàn đạp, nào đai bụng ngựa, nào dây cương và dây thắng, – anh nối lại và buộc tất cả thành một chiếc dây duy nhất. Tay anh run rẩy vì căng thẳng nên bị dao cắt đâm đìa máu. Sau đó anh lại hối hả chạy đến chỗ đứt gãy, lại bò đến tận rìa vực, không còn phân biệt đường sá nữa, thở hổn hển như trong cơn hấp hối, như sợ rằng mình sắp chết đến nơi rồi và sẽ không kịp cứu Ernadar.

– Ernadar! Ernadar! – anh gọi. – Dây đây, có dây đây! Cậu nghe thấy không, có dây đây! Cậu nghe thấy không? Ernadar! Ernadar của tớ! Cậu đáp lại đi!

Chiếc dây bện bằng những trang bị bằng da của ngựa được anh quấn một đầu vào nắm tay rồi thả xuống vực. Nhưng không ai nắm lấy dây, không ai đáp lại lời gọi của anh. Và anh cũng không biết chiếc dây anh ném xuống có xuống xa không và độ sâu của vực này là như thế nào.

– Đáp lại đi, Ernadar! Đáp lại đi! Dù chỉ một tiếng thôi, Ernadar! Ernadar của tớ! – Bôxtôn gọi, gọi mãi, nhưng chỉ thấy tiếng gọi của anh vọng lên từ dưới vực khiến anh cảm thấy khiếp hãi. – Ernadar, cậu đâu rồi? – Bôxtôn kêu gọi. – Cậu nghe thấy không, Ernadar? Tớ biết làm thế nào bây giờ?

Không đủ sức tìm mình nữa, anh òa lên nước nở và bắt đầu hét to những câu chữ rời rạc. Anh than vãn với bố anh đã hy sinh ngoài mặt trận, với mẹ anh đã mất từ lâu, với các con anh, các chị em của anh và anh than vãn đặc biệt tha thiết với Ardugun vợ anh. Không, ý thức anh không làm sao chấp nhận nỗi tai họa vừa xảy ra... Ernadar đã chết, đã chết rồi! Và không ai có thể an ủi anh trong cơn đau khổ... Từ nay nỗi đau khổ đó sẽ suốt đời day dứt anh... Và khi đó anh hét to lên: “Chẳng lẽ Người lại không nghe thấy những lời van xin của chúng ta hay sao? Người đã gây ra chuyện gì vậy và Người còn là ai nữa sau việc làm này?” – anh hét to lên mà chính anh cũng không hiểu hướng tới ai.

Anh lão đảo đứng dậy, hiểu rằng trời đã về chiều và cảm thấy thời tiết trên đèo đang thay đổi. Những đám mây đen từ đâu đó kéo đến, gió lạnh sát mặt đất thổi giạt từng cơn. Nhưng làm gì bây giờ đây? Đi đâu đây? Con ngựa anh bỏ mặc trên đường đã đi ngược lại, anh trông thấy nó xuống thấp dần nhưng không thể nào đuổi kịp. Và lại, ngựa còn có ý nghĩa gì nữa một khi anh đã cắt đứt toàn bộ dây cương cho đến đai bụng và dây chằng bàn

đạp? Anh giậm dữ đá tung chiếc yên vô dụng đi. Anh cứ đứng như vậy, người phồng lên, đen đi, đầu để trần (mũ anh mới lăn xuống khe núi), nhìn khắp xung quanh, hoàn toàn một mình một bóng giữa các vòm đá và băng giá vĩnh cửu trên đèo Ala-Môngguy. Gió lạnh buốt trên đèo gây nỗi buồn vô hạn cho anh và cho tâm hồn vốn đã bị thương tổn của anh. Biết đi đâu và làm gì bây giờ? Mọi chuyện mở đầu mới tốt đẹp làm sao và do đâu lại xuất hiện cái khe núi khủng khiếp này trên đường của họ? Sau khi xem xét dây dẫu chân của mình, anh hiểu rằng Ernadar rơi xuống khe hoàn toàn ngẫu nhiên – chính anh đi cách mép khe chỉ chừng mét rưỡi, còn Ernadar thì thật tai hại, lại đi lệch sang phải, và thế là bị ngã nhào cùng với ngựa xuống khe núi ẩn kín dưới tuyết.

Anh thật sự không thể giúp gì bạn anh được, nhưng anh không thể bó tay cam chịu nổi. Đột nhiên, anh chợt nghĩ: biết đâu Ernadar còn sống, biết đâu anh ấy chỉ ngất đi thì sao? Nếu thế, phải khẩn cấp kéo anh ấy từ dưới vực lên trước khi bị chết cứng hẵn dưới đó. Và nếu thế thì rất có thể sẽ cứu được anh ấy. Bôxton liền quăng áo lông xuống tuyết rồi hối hả chạy về phía chân đèo mặc dù chạy ở những chỗ đó thật vất vả. Phải tìm cách thông báo thật nhanh cho nông trường biết về tai họa vừa xảy ra – anh thầm nghĩ, – khi ấy họ sẽ cử người đem theo dây, xẻng, đèn đi cứu và khi ấy anh sẽ đích thân leo dây xuống khe hẻm kia, sẽ tìm thấy và cứu thoát Ernadar.

Anh mấy lần bị ngã, anh kinh hoàng nghĩ: “Miễn đừng có gãy chân là được!”. Rồi anh đứng dậy và chạy nhanh hơn.

Anh vừa chạy vừa hy vọng sẽ đuổi kịp ngựa, mặc dù lúc này ngựa thiếu đến cả dây cương. Thời tiết xấu đi từng phút một, tuyết mịn như bột đã bay lơ lửng trong không khí. Nhưng điều đó không làm Bôxton lo lắng – anh biết rằng phía dưới sẽ không có tuyết rơi dù trên đèo bão tuyết có nổi lên chẳng nữa. Điều anh lo sợ là chuyện gì sẽ xảy ra với Ernadar, nếu còn sống thì liệu Ernadar có chờ được người đến cứu hay không? Mau lên, mau mau

lên – mấy tiếng ấy như cứ liên tục gõ vào đầu óc anh. Anh rất lo vì bóng tối mỗi lúc một dày đặc, mà trong đêm tối thì không thể chạy nhanh được.

Còn ngựa thì Bôxtôn không tài nào đuổi kịp. Sau khi cảm thấy được tự do, con ngựa hung nhật của anh đã phi thẳng về những nơi thân thuộc của nó.

Bôxtôn đi theo những khoảng đất cao của vùng trước núi hết sức quen thuộc với anh, anh đi thẳng để rút ngắn hẳn đường đi. Anh mệt rã rời một phần vì phải cuốc bộ qua những khe sỏi vô tận và những vạt ruộng cày, nhưng chủ yếu vì những ý nghĩ nặng nề cứ bám riết lấy anh về biến cố vừa xảy ra. Đầu óc anh ong ong vì biết bao kế hoạch cứu thoát Ernadar. Lúc thì anh cảm thấy không nên đi khỏi quãng đèo kia và để lại Ernadar một mình, cho dù anh có bị bão tuyết cuốn đi chẳng nữa. Lúc thì anh có cảm giác như Ernadar hấp hối đang rên rỉ trong bóng đêm mịt mùng dưới vực sâu giá lạnh, còn bên trên các ngọn núi là bão tuyết dữ dội đang gầm rú. Còn khi anh tưởng tượng xem mình sẽ nói gì đây với gia đình Ernadar, với vợ con Ernadar thì anh lại cảm thấy không thể chịu nổi và hình như anh sắp phát điên mất.

Nhưng dù sao thì không chỉ có thất bại chờ đón anh, anh cũng còn gặp may nữa. Vào hôm đó, một người chần cừu tổ chức lễ cưới vợ ở vùng trước núi. Người đó cưới vợ cho con trai là sinh viên về đây trong dịp nghỉ hè. Khách khứa ra về muộn, những người khách cuối cùng mãi đến quá nửa đêm rất lâu mới ra về bằng xe tải. Trăng sáng vắng vạc, không khí mát mẻ từ hồ toả lên. Ở khu đất trũng phía xa mờ mờ hiện lên mặt hồ Ixức-Cun phẳng lặng đang nhấp nháy một cách mơ hồ, ai cũng muốn hát và mọi người hát hết bài nọ đến bài kia.

Nghe tiếng hát, Bôxtôn nhảy bổ ra đường cái và tuyệt vọng vẫy vẫy hai tay. Chính trên chiếc xe tải kia, anh đã đến nông trường ‘Bêrich’ vào lúc hai giờ sáng. Chiếc xe tải đỗ lại cạnh nhà giám đốc nông trường, chó sủa vang,

cố tìm cách cắn vào ủng Bôxtôn. Anh không thèm chú ý đến, nắm chặt tay đấm vào cửa sổ.

– Ai đấy? – vang lên một giọng nói lo ngại.

– Tôi đây, Bôxtôn đây.

– Có chuyện gì đấy, anh Bôxtôn?

– Tai hoạ!

* * *

Hôm sau, vào quãng giữa trưa, toán người đi cứu đã nối đuôi nhau tiến về phía đèo Ala-Mônguy. Họ gồm năm người đi cùng Bôxtôn. Chiếc xe chạy mọi địa hình chở họ đến chỗ xe không thể chạy tiếp được nữa. Giờ đây họ leo lên dốc cùng dây nhợ và các dụng cụ. Họ lặng lẽ và kiên trì bước theo Bôxtôn, cố giữ cho hơi thở đều đặn. Chỉ một hai giờ nữa là sẽ có một chiếc máy bay lên thẳng bay về phía đèo và ba nhà leo núi giàu kinh nghiệm sẽ nhảy dù xuống hỗ trợ cho họ.

Bôxtôn vừa đi vừa ngẫm nghĩ. Anh nghĩ rằng hôm qua, cũng vào giờ này, anh đang cùng Ernadar cũng đi theo con đường này lên đèo mà không biết chuyện gì đang chờ đón họ... Anh hiểu rằng dù có sống một thời gian sau khi ngã thì chắc gì Ernadar đã chịu đựng nổi suốt một ngày đêm dưới đáy vực lạnh giá. Nhưng dầu thế nào đi nữa, anh vẫn muốn tin vào phép lạ.

Sau trận bão tuyết hoành hành dữ dội cả đêm qua, trên đèo phủ đầy tuyết và yên tĩnh. Tuyết lấp lánh đến nhức mắt. Thật đáng buồn là bão tuyết đã phủ sạch mọi dấu vết hôm qua và giờ đây Bôxtôn không thể xác định được chính xác chỗ băng bị đứt gãy. Nhưng bao giờ cũng vậy, trong cuộc đời cái rủi luôn luôn đi liền với vận may: một người trong toán đi cứu tìm thấy trong tuyết chiếc áo lông mà Bôxtôn quăng lại hôm qua trước khi bỏ đi, còn cách đây vài bước họ tìm thấy chiếc yên ngựa vớt bỏ lại. Nhờ những vật đó làm chuẩn, họ xác định được khá chính xác chỗ băng nứt đã bị tuyết phủ

kín trong đêm. Vào lúc đó mấy nhà thể thao leo núi cũng vừa đến, họ leo xuống khe hẻm ấy mà theo lời họ phải sâu gần bằng toà nhà sáu tầng...

Sau khi leo lên, tốp các nhà thể thao leo núi cho biết rằng, không thể đem Ernadar lên được. Thân thể anh đã đông cứng lại và gắn chặt vào lớp băng dày, cả xác con ngựa của anh cũng vậy. Họ giải thích rằng do những va đập mạnh nên băng có thể dịch chuyển và sụt lở, khi đó chính những người đi cứu cũng sẽ trở thành nạn nhân, cũng sẽ bị đè bẹp... Họ bảo rằng Bôxtôn chỉ còn một cách là xuống khe từ biệt Ernadar. Không có lối thoát khác...

Và mãi lâu về sau, biết bao năm tháng qua đi, Bôxtôn vẫn thấy cùng một giấc mơ khủng khiếp đã vĩnh viễn in hằn vào ký ức anh. Anh mơ thấy anh bám vào dây leo xuống vực thẳm kia, vừa leo vừa dùng đèn pin, anh có một đèn pin dự trữ nữa để đề phòng trường hợp anh bị rơi mất chiếc thứ nhất. Đột nhiên anh phát hiện thấy chiếc đèn pin dự trữ đã biến đâu mất, đã thất lạc mất, do đó anh cảm thấy áy náy lo ngại. Anh cảm thấy lo lắng và kinh hoàng, anh muốn kêu hét lên. Nhưng anh tiếp tục chậm chạp leo mỗi lúc một sâu hơn xuống vực băng khủng khiếp và rốt cuộc ánh đèn pin đã chiếu rõ vào Ernadar bị đóng cứng vào băng giữa bóng tối mịt mù. Ernadar (trước kia là như vậy) đang ở tư thế quỳ, chiếc áo lông trùm lên đầu, mặt bê bết máu, môi mím chặt, mắt nhắm nghiền. “Ernadar! – anh gọi. – Tớ đây mà! Cậu nghe thấy không, tớ muốn để lại cho cậu chiếc đèn pin dự trữ, ở đây tối tăm, khủng khiếp quá! Nhưng tớ đánh mất rồi. Cậu hiểu không, Ernadar, tớ đánh mất rồi. Nhưng dù sao tớ cũng sẽ đưa cho cậu chiếc đèn của tớ. Này, cậu cầm lấy chiếc đèn của tớ đi! Cầm lấy đi, Ernadar, tớ đề nghị cậu đấy!”. Nhưng Ernadar không cầm chiếc đèn của anh, cũng không hề đáp lại. Bôxtôn khóc nức nở, run rẩy và thức dậy thấy mình đầm đìa nước mắt.

Và sau đó anh suốt ngày đứng ngồi không yên – vào những ngày ấy

Bôxton ủ rũ và cau có. Anh không bao giờ kể về giấc mơ kia cho bất kỳ ai, bất kỳ người nào, nhất là với Guliumcan, ngay cả sau khi chị đã trở thành vợ anh. Anh cũng không kể cho một ai trong gia đình Ernadar về việc anh đã xuống vực từ biệt Ernadar.

Khi anh từ đèo về đến nhà, mọi người trong đội anh đều đã biết về thảm họa vừa xảy ra. Và đối với Bôxton, không có gì nặng nề hơn là nhìn thấy Guliumcan khóc lóc, tuyệt vọng vì đau khổ. Anh cảm thấy thà anh bị mất tích trên quãng đèo kia còn hơn, thà anh phải leo xuống vực một ngàn lần nữa và lại trải qua toàn bộ nỗi kinh hoàng kia còn hơn. Guliumcan chịu đựng cái chết của chồng một cách chật vật, người ta sợ chị phát điên mất, lúc nào chị cũng lồng lên muốn chạy đi đâu đó: “Tôi không tin, tôi không tin là anh ấy đã chết! Hãy buông tôi ra! Tôi sẽ tìm thấy anh ấy! Tôi sẽ đi đến chỗ anh ấy!”.

Một đêm chị bỏ chạy đi thật. Sau khi đã vất vả suốt ngày, Bôxton định nghỉ ngơi một lát: suốt mấy ngày liền anh không hề được cởi quần áo đi nằm, anh phải đón tiếp những người đến chia buồn từ khắp vùng xung quanh. Một số người theo phong tục cổ, ngay từ xa đã bắt đầu than khóc Ernadar: “Ernadar yêu quý. Ernadar ruột rà như máu thịt của tôi. Ernadar thân yêu. Biết gặp anh ở đâu được?” – và anh giúp họ xuống ngựa, an ủi họ... Nhưng vào hôm đó, xem ra buổi tối ít nhiều rồi rãi hơn, anh liền cởi trần rửa ráy trong sân nhà, mức nước dội lên đầu, lên người. Ardưngun vợ anh đang ở chỗ Guliumcan, vào những ngày này chị lúc nào cũng sang bên ấy.

– Bôxton, Bôxton, anh đâu rồi? – đột nhiên vang lên tiếng gọi to của Ardưngun.

– Có chuyện gì thế em?

– Anh chạy nhanh lên, đuổi cho kịp Guliumcan đi! Chị ấy vừa chạy đi rồi. Mấy đứa con chị ấy đang khóc mà em thì không sao ngăn nổi chị ấy.

Bôxton chỉ kịp mặc chiếc áo may-ô, khăn mặt vẫn quàng lên cổ, anh vừa lau người vừa chạy đuổi theo Guliumcan đã mất trí.

Mãi một lúc anh mới đuổi kịp chị.

Chị đang nhanh chân đi đằng trước trong sương xói dốc thoải để tiến về phía núi.

– Guliumcan, dừng lại, em đi đâu thế? – Bôxton gọi chị.

Chị vẫn đi tiếp, không ngoái đầu lại. Bôxton rảo bước, anh nghĩ rằng trong tâm trạng như vậy, Guliumcan có thể nói thẳng vào mặt anh lời buộc tội mà anh sợ nhất, chị sẽ bảo chính anh đã giết chết Ernadar. Ý nghĩ này khiến anh rất bồng như bị dội nước sôi, vì chính anh cũng bị ý nghĩ đó hành hạ, dẫn vật, và tâm hồn anh không lúc nào được thư thái. Khi ấy anh sẽ trả lời chị thế nào đây?

Chẳng lẽ anh lại thanh minh ư? Nhưng thanh minh liệu có ý nghĩa gì với chị không? Làm sao chứng minh được rằng vẫn thường xảy ra những hoàn cảnh có tính chất định mệnh mà con người bất lực? Nhưng những lời lẽ này cũng không có tác dụng an ủi. Trong tự nhiên không có những lời lẽ làm tâm hồn dung hòa được với những gì xảy ra. Và cũng không có những lời lẽ nào giải thích được cho Guliumcan là tại sao anh vẫn còn sống nổi sau biển cổ kia.

– Guliumcan, em đi đâu đấy? – thở hổn hển vì chạy, Bôxton rốt cuộc đã đuổi kịp chị và đi ngang hàng với chị. – Dừng lại đã, anh bảo kìa, ta về nhà đi...

Vào quãng chiều ta đó, trời vẫn còn khá sáng sủa, các dãy núi vẫn còn hiện rõ trong cảnh nhá nhem tối yên tĩnh lúc ngày đang tàn dần. Và khi Guliumcan ngoái đầu lại, Bôxton có cảm giác là cả người chị toát ra vẻ đau khổ chẳng khác gì một sự phát xạ mờ ảo. Những nét mặt chị sai lệch đi, dường như chị nhìn anh từ dưới một lớp nước dầy. Anh đau đớn không thể

chịu nổi khi nhìn thấy những nỗi đau khổ của chị – mới hôm qua thôi chị còn là một phụ nữ tươi tắn yêu đời. Anh đau đớn vì chị chạy như người mất hồn, vì chiếc áo dài lụa nhàu nát mà người ta mặc cho chị bị rách toạc trên ngực, vì đôi ủng cao mới màu đen chị đang đi hình như đượm vết tang tóc, còn bím tóc của chị thì xổ tung ra làm dấu hiệu để tang...

– Em đi đâu đấy, Guliumcan? Em chạy đi đâu đấy? – Bôxton hỏi và bất giác nắm lấy tay chị.

– Em đến chỗ anh ấy, em đến chỗ anh ấy trên đèo – chị nói bằng một giọng xa cách.

Đáng lẽ phải nói: “Em điên đấy à? Bao giờ em nói tới nơi được? Mặc áo mỏng như thế kia thì chỉ một tiếng đồng hồ là em sẽ chết cóng ở đấy mất!” – thì anh lại đề nghị chị:

– Không nên đi vào lúc này, Guliumcan ạ. Sắp đến đêm rồi. Ta sẽ đi lần khác. Anh sẽ chỉ cho em chỗ ấy, còn bây giờ thì không nên đi. Sắp đến đêm rồi, ta về đi. Guliumcan, anh yêu cầu em đấy.

Guliumcan im lặng, người khom xuống dưới sức nặng của đau khổ.

– Làm sao em sống được nếu không có anh ấy? – chị vừa ảo não nói vừa lắc đầu. – Làm sao có thể để anh ấy cô độc một mình, không được chôn cất, không có người than khóc được?

Bôxton không biết an ủi chị bằng cách nào. Anh đứng trước mặt chị, đầu cúi xuống, vẻ ân hận. Chiếc may-ô tuột ra, buông thông trên đôi vai gầy gò, chiếc khăn mặt quàng trên cổ, chân đi đôi ủng giả da mà anh lúc nào cũng đi suốt mùa đông lẫn mùa hè. Trông anh thật bất hạnh, ân hận, phiền muộn. Anh hiểu rằng không thể lấy gì bù đắp nỗi sự mất mát của người phụ nữ này. Nếu như anh có thể làm chồng chị sống lại bằng cách đổi chỗ cho chồng chị thì anh sẽ làm ngay, không hề đắn đo một phút.

Họ im lặng, mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng của mình.

– Ta về đi. – Bôxton cầm tay Guliumcan. – Chúng ta phải có mặt ở chỗ mọi người đến tưởng nhớ Ernadar. Chúng ta phải có mặt ở nhà.

Guliumcan ngã vào vai anh, và dường như thổ lộ nỗi đau khổ với bố đẻ của mình, chị líu nhíu lắm bầm những câu chữ gì đó, vừa nghẹn ngào nước mắt vừa run rẩy. Anh khoác tay chị và họ cứ thế về nhà, cùng khóc lóc và cùng đau khổ. Buổi chiều tối mùa hè yên tĩnh đang tắt dần, không khí tràn ngập mùi hương hăng hắc của các loại cỏ núi đang ra hoa. Ardugun dắt mấy đứa con của Ernadar đi về phía họ. Nhìn thấy nhau, hai người phụ nữ ôm chầm lấy nhau và oà khóc to hơn, dường như họ gặp lại nhau sau một thời gian dài xa cách...

* * *

Nửa năm sau, khi Ardugun đã nằm bệnh viện huyện còn Guliumcan đã dọn nhà từ lâu đến xóm chài vùng ven hồ, Bôxton chợt nhớ lại buổi chiều tối đó và mắt anh nhòa đi vì biết bao cảm xúc trào đến.

Anh ngồi trong phòng bệnh của Ardugun, cạnh giường nằm của chị, và anh đau đớn nhìn khuôn mặt võ vàng xanh xao của chị. Đó là một ngày thu ấm áp, phần lớn những bệnh nhân cùng phòng đang đi dạo ngoài sân, do đó đã diễn ra cuộc trò chuyện giữa hai vợ chồng mà người mở đầu chính là Ardugun.

– Em có vài việc muốn nói với anh. – Ardugun vừa chậm chạp nói từng tiếng vừa vắt vẻo ngược mắt nhìn Bôxton, và anh nhìn thấy chị xanh xao thêm và gầy rộc đi trong đêm qua.

– Anh nghe em đây. Em muốn nói chuyện gì đấy em, Ardugun? – Bôxton âu yếm hỏi.

– Anh đã gặp bác sĩ rồi chứ?

– Anh gặp rồi. Ông ấy bảo là...

– Gượng đã, ông ấy bảo gì thì để sau cũng được, cái đó không quan

trọng. Anh Bôxton ạ, anh phải hiểu là chúng ta cần nói chuyện nghiêm chỉnh với nhau.

– Những lời ấy khiến Bôxton thấy tim mình đau thắt lại. Anh lấy khăn tay trong túi ra và lau mồ hôi trán.

– Có lẽ không nên nói chuyện đó vội, để bao giờ em khỏi đã. – Bôxton định gạt đi câu chuyện đang chín mùi, nhưng nhìn ánh mắt vợ, anh hiểu rằng không thể đòi hỏi như vậy được.

– Cái gì cũng có lúc của nó – Ardurgun bướng bỉnh mấy máy đôi môi tái nhợt. – Ở đây em đã suy nghĩ hết rồi, trong bệnh viện còn biết làm gì nữa nếu không suy nghĩ? Em nghĩ rằng chúng ta đã chung sống một quãng đời tốt đẹp và em hài lòng với số phận mình. Xin Chúa tha tội cho, nhưng chúng ta đã nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành. Và bây giờ chúng có thể sống tự lập được, về con cái thì chúng ta sẽ nói chuyện riêng sau này. Nhưng Bôxton ạ, em rất thương anh. Em thương anh hơn hết. Anh vụng về, anh không biết cách gần gũi mọi người, anh không chịu quy lụy ai, và anh cũng không còn trẻ nữa. Sau khi em chết, anh chớ xa lánh mọi lánh mọi người. Em muốn là sau khi em chết, anh đừng sống độc thân, anh Bôxton ạ. Sau khi làm giỗ đầu em, anh hãy nghĩ xem anh phải làm gì trong tương lai, em không muốn anh sống một mình đâu. Con cái đã có cuộc sống riêng của chúng rồi.

– Em nói những chuyện đó mà làm gì? – Bôxton âm thầm đáp – Liệu chúng ta có nên nói chuyện đó không?

– Có chứ, anh Bôxton ạ, chúng ta phải nói đến chuyện đó! Còn chuyện gì quan trọng hơn nữa đâu? Lúc cuối cùng bao giờ người ta cũng nói đến chuyện đó, vì đã chết rồi thì không thể nói được nữa. Trong lúc nằm ở đây, em đã suy nghĩ về cả anh lẫn em. Guliumcan thường đến thăm em. Chính anh cũng biết đấy, cô ấy không phải là người xa lạ với chúng ta. Cuộc đời đã xoay chuyển khiến cô ấy lâm vào cảnh góa bụa cùng với lũ con nhỏ, cô

ấy là một phụ nữ xứng đáng đấy. Em khuyên anh hãy lấy cô ấy làm vợ đi, dĩ nhiên anh phải tự quyết định xem nên hành động như thế nào. Mỗi người đều được tự do quyết định số phận của mình. Khi em không còn nữa, anh hãy nói cho cô ấy biết về buổi chuyện trò này của chúng ta... Biết đâu sự việc sẽ xảy ra đúng như mong muốn của em thì sao, và lũ con anh Ernadar cũng sẽ có bố...

Những người đến vùng hồ Ixúc-Cun thường điểu cợt dân địa phương, họ sống ngay cạnh hồ mà không nhìn thấy hồ, họ lúc nào cũng bận tối mắt lại. Cả Bôxtôn cũng vậy, anh rất ít khi ra hồ mà thường chỉ thoáng ngăm nhìn từ xa làn nước xanh của hồ Ixúc-Cun.

Nhưng lần này, sau khi rời bệnh viện, anh đi ngay đến ven hồ – anh muốn được một mình một bóng bên cạnh kỳ quan xanh biếc này giữa các ngọn núi. Anh nhìn gió xô đẩy những làn sóng bạc đầu lan trên mặt hồ, sóng nhấp nhô thành những hàng đều đặn chẳng khác gì những đường cày phía sau chiếc cày vô hình. Anh muốn khóc lên, muốn biến mất trong hồ Ixúc-Cun. Anh vừa muốn sống lại vừa không muốn sống... Hệt như những làn sóng bạc đầu kia – chúng sủi bọt lên, biến mất rồi lại tự phục sinh lại...

III.6

Xung đột với bí thư chi bộ – Lại đụng độ với gã Badarbai – Cuộc phục kích cặp sói

Dù sao thì hai con sói cũng đã quấy rầy được Bôxtôn – chúng gào hú xung quanh trại cừu lâu và nhức nhối đến nỗi chúng buộc anh phải trở dậy. Nhưng lúc đầu chúng làm bé Kengies thức giấc, bé thức giấc và khóc thét lên. Bôxtôn dịch bé lại gần, ôm chặt lấy bé và vỗ về bé:

– Kengies, Kengies con! Ba đây mà. Bé ngốc nghếch của ba, con làm sao thế? Cả mẹ cũng ở đây mà con, con có nhìn thấy không? Con có muốn ăn kẹo không? Con có muốn ba bật đèn không? Con đừng sợ, đấy là mèo kêu đấy, chúng hú lên như vậy đấy.

Guliumcan thức giấc và cũng dỗ bé, nhưng bé không chịu nín. Đành phải bật đèn lên.

– Em Guliumcan ạ – Bôxtôn bảo vợ lúc đứng ở cửa, – anh ra đấy bật đèn, anh phải đi đuổi lũ thú thôi. Không thể cứ thế này được mãi.

– Máy giờ rồi anh?

Bôxtôn nhìn đồng hồ:

– Ba giờ kém hai mươi.

– Anh thấy không – Guliumcan buồn bã nói – vậy mà sáu giờ anh đã

phải dậy rồi. Thật tệ quá đi mất, cái con Acbara khốn kiếp ấy đến làm chúng ta phát điên mất. Sao chúng ta lại chịu cảnh trừng phạt thế này?

– Em cứ yên tâm. Còn biết làm gì bây giờ nữa? Anh sẽ quay lại ngay thôi, và em đừng sợ gì hết. Đúng là sự trừng phạt thật. Anh sẽ khoá chặt cửa bên ngoài lại, em cứ yên tâm đi ngủ đi.

Anh đi đi lại lại dưới cửa sổ, nện mạnh đôi ủng xỏ vôi vào chân không kịp đi tất. Anh muốn chạm trán với lũ sói nên anh cố tình lớn tiếng gọi bầy chó lại và mắng chửi chúng thậm tệ. Anh sẵn sàng đón nhận mọi chuyện – anh đã căm ghét lắm hai con sói phát khùng lên vì đau khổ này.

Anh không thể giúp gì cho chúng được. Chỉ còn hy vọng là anh sẽ bắn chết được lũ sói nếu anh nhìn thấy chúng, bởi vì anh có khẩu súng trường nửa tự động.

Nhưng anh không gặp lũ sói. Khi ấy, anh vừa nguyên rửa khắp trên trời dưới bể vừa trở về nhà. Nhưng anh cũng không thể ngủ được. Anh nằm hồi lâu trong bóng tối, đầu vẫn vương quay cuồng những ý nghĩ lo lắng, đau đớn.

Anh nghĩ miên man hết chuyện này đến chuyện nọ. Điều anh suy nghĩ nhiều nhất là bây giờ làm việc tận tâm mỗi năm một khó khăn hơn và nhiều người trong thời buổi hiện nay, đặc biệt là thanh niên, không còn biết xấu hổ nữa, lời lẽ không còn được ai tin nữa. Người nào cũng tìm mỗi lợi cho mình trước hết. Vậy mà trước chiến tranh, khi xây dựng kênh đào Truixki nổi tiếng, mọi người từ khắp nơi trong nước kéo đến, tự nguyện làm việc không công. Còn bây giờ thì chẳng ai tin nữa. Họ bảo, các người toàn kể chuyện viễn vông thôi, những việc như thế chẳng có ý nghĩa gì hết. Bây giờ dù có buộc dây thòng lọng cũng đừng hòng kéo ai vào nghề chẵn cừu. Ai cũng biết như vậy, nhưng ai cũng làm ra vẻ dường như đây chỉ là khó khăn tạm thời. Mà nếu nói đến chuyện đó là thế nào cũng bị buộc vào tội vu khống, hùa theo giọng người khác. Và không một người nào muốn suy nghĩ

nghiêm túc xem chuyện gì sẽ xảy ra...

Điều duy nhất khiến anh yên tâm và sung sướng là Guliumcan không hề trách móc hoặc kêu ca anh về việc anh phải làm công việc chăn cừu suốt năm, không có ngày nghỉ và không được nghỉ phép. Không thể để mặc đàn cừu được, không thể đóng mở như đóng mở cầu dao được, đàn cừu bao giờ cũng cần được chăm sóc suốt ngày đêm. Thành thử dù có xoay như chong chóng nữa cũng không xuể. Không phải vì không có người mà bởi vì người ta không muốn làm việc. Nhưng tại sao lại như vậy? Không thể sống mà không lao động kia mà? Sống mà không lao động chẳng khác gì cái chết. Phải chăng là phải sống và lao động theo cách khác? Vấn đề nan giải nhất là lấy đâu ra những người chuyên làm việc tại những trại sinh sản để chăm nom lũ cừu non mới đẻ. Thanh niên lại không muốn đến những nơi đó làm việc. Tại đây phải túc trực suốt ngày đêm, phải chăm sóc lứa cừu non không phải vì bị dọa nạt mà là vì trách nhiệm, vì lương tâm, do đó không thể cưỡng bức thanh niên đến đây được. Thanh niên hiện nay không muốn dẫn mình vào chỗ bán thiu, và không muốn sống tách biệt. Hơn nữa tiền công ở đó lại thấp. Ở thành phố, nếu làm tám tiếng một ngày trong nhà máy hoặc trên công trường, họ có thể kiếm được nhiều hơn nhiều.

“Chúng ta thì sao? Chúng ta suốt đời làm việc quần quật ở nơi nào cần đến sức lao động chứ có phải ở nơi nào kiếm được nhiều tiền đâu? Vậy mà bây giờ, khi đến lượt tụi trẻ phải đảm đương công việc thì chẳng trông mong được mấy vào chúng – chúng không biết xấu hổ cũng chẳng còn lương tâm gì nữa”. Các cụ già bực bội nói như vậy. Sự xung đột này – sự xung đột dần dần đưa đến chỗ các thế hệ không hiểu nhau và xa cách nhau – đã từ lâu làm mọi người phiền muộn.

Và trong tâm trí Bôxtôn lại nổi lên một câu chuyện cũ, khi ấy anh đã không tìm mình được. Thật uổng công, anh lại dành cả bài phát biểu của anh để chứng minh rằng con người phải làm việc như làm việc cho chính

mình. Anh không thấy lối thoát nào khác, mà muốn vậy thì người lao động phải thật sự quan tâm đến công việc của mình. Anh đã nhiều lần nói rằng tiền công phải phụ thuộc vào kết quả lao động, và điều cốt yếu là người chần chừ phải có khu đất riêng của mình. Anh ta phải lo lắng đến khu đất ấy, những người giúp việc và gia đình họ cũng phải lo lắng đến khu đất ấy. Nếu không, sẽ chẳng ăn thua gì hết...

Như thường lệ, người phản bác lại anh vẫn là bí thư chi bộ Côscôbaép. ‘Con người nhai lại sách báo’ này – trong nông trường người ta đặt cho Côscôbaép biệt danh như vậy – ngồi bên phải bàn giám đốc, quay sườn về phía Bôxton. Anh ta cau mày lại – chắc hẳn là anh ta khó chịu lắm – và vừa thỉnh thoảng sửa chiếc cà-vạt cho thêm phần chững chạc vừa liếc xéo Bôxton. Giám đốc nông trường Sôtaép dễ dàng hình dung thấy tiến trình suy nghĩ của Côscôbaép. Trong nhiều năm trời cùng làm việc, ông đã nghiên cứu kỹ cách lập luận bất di bất dịch, không thể lay chuyển nổi và thuộc lòng của anh chàng chuyên mị dân này. Chắc chắn là anh ta đang nghĩ: cái gã Bôxton kia, cái tên kulăc và phản cách mạng kiểu mới kia, lại đã thò mặt ra rồi. Cuộc đời đang bóp nghẹt hẳn, vậy mà hẳn vẫn ngoan cố bám lấy ý kiến của hẳn. Phải tổng cố hẳn đi thật xa như vào thời trước mới phải...

Hôm đó, trong hội nghị này bàn về công việc, có mặt cả phái viên mới của huyện uỷ. Một thanh niên trông có vẻ khiêm nhường mà mọi người trong nông trường ‘Bêrich’ vẫn chưa biết. Anh chăm chú lắng nghe những người phát biểu và ghi hết vào sổ tay. Sôtaép dự đoán rằng Côscôbaép nhất định sẽ không bỏ lỡ cơ hội trở tài trước mặt phái viên mới của huyện uỷ. Và ông đã không lầm, sau khi Bôxton nói xong, Côscôbaép đề nghị cho phát biểu. Dường như để đáp lại, và anh ta bắt đầu nói lằng lằng, anh ta biết trình bày vấn đề hết như trong báo và đấy là sức mạnh của anh ta.

– Đồng chí Bôxton – như thường lệ, anh ta gọi Bôxton theo đúng nghi

thức là ‘đồng chí’. – Đồng chí sẽ còn làm rối loạn đầu óc mọi người bằng những đề nghị đáng ngờ của đồng chí cho tới bao giờ nữa? Kiểu quan hệ sản xuất trong lòng tập thể xã hội chủ nghĩa đã được lịch sử xác định từ lâu rồi. Vậy mà đồng chí lại muốn người chần cừ như ông chủ vậy, muốn người đó có quyền quyết định xem nên làm việc với ai, không nên làm việc với ai và trả công bao nhiêu cho ai. Đó là cái gì? Đó chính là sự tấn công vào lịch sử, vào các thành quả xã hội chủ nghĩa của chúng ta, là mưu đồ đặt kinh tế lên trên chính trị. Đồng chí chỉ xuất phát từ lợi ích hẹp hòi từ trại cừu của đồng chí, đối với đồng chí, đó là vấn đề trung tâm nhất. Nhưng việc chăm nom cừu là trách nhiệm của huyện, của tỉnh, của cả nước kia mà! Đồng chí muốn dẫn chúng tôi đến đâu? Phải chăng là đến chỗ phá huỷ những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa trong việc quản lý kinh tế?

Bôxtôn giận sôi lên, anh đứng phắt dậy.

– Tôi chẳng kêu gọi ai đi đâu hết. Tôi đã nói mãi như vậy rồi, tôi mệt mỏi lắm rồi. Tôi chẳng kêu gọi ai đi đâu hết. Những gì diễn ra trong tỉnh, trong nước và cả trên thế giới nữa – đấy không phải là công việc chần dốt súc vật của tôi. Không có tôi cũng đã đủ những kẻ thông thái rồi, còn công việc của tôi là chăm sóc đàn cừu. Nếu đồng chí bí thư chi bộ không muốn biết tôi nghĩ những gì về đàn cừu của tôi thì tại sao lại triệu tập tôi đến những hội nghị như thế này làm tôi mất công mất việc? Những câu chuyện rỗng tuếch không hợp với tôi. Những câu chuyện ấy có thể quan trọng đối với ai đó, nhưng tôi thì tôi không hiểu nổi. Đồng chí giám đốc ạ, anh đừng triệu tập tôi nữa! Không nên làm tôi mất công mất việc, tôi không cần những hội nghị như vậy!

– Sao anh lại nói thế, anh Bôxtôn? – giám đốc Sôtbaép cựa quậy trên ghế một cách bất lực. – Anh là nông trường viên tiên tiến, là người chần cừ ưu tú của nông trường, là một cán bộ giàu kinh nghiệm, do đó chúng tôi muốn biết những suy nghĩ của anh. Chính vì thế chúng tôi mới mời anh đến đây.

– Anh làm tôi ngạc nhiên đấy, giám đốc ạ – Bôxtôn nổi nóng thật sự. – Nếu tôi là nông trường viên tiên tiến thì chính anh phải biết tôi phải trả giá thế nào chứ? Vậy tại sao anh lại im lặng? Tôi chỉ cần mở miệng ra là Côscôbaép đã không cho tôi nói một lời nào, đồng chí ấy hoành hoạ cứ như công tố viên ấy. Vậy mà anh giám đốc ạ, anh cứ ngồi im, cứ như chẳng có chuyện gì xảy ra, cứ như việc đó không liên quan gì đến anh.

– Gượng đã, gượng đã – Sôtbaép ngắt lời anh.

Ông rõ ràng là hết hoảng: ông lâm vào tình thế rất khó khăn, lần này ông không thể giữ thái độ trung lập giữa Bôxtôn và Côscôbaép được nữa. Trước mặt phái viên của huyện uỷ, ông sẽ phải tỏ lập trường rõ rệt, mà ông lại rất không muốn dây đến Côscôbaép, với con người nhai lại sách báo này. Chính sách mị dân của anh ta có thể làm khởi động những lực lượng đáng sợ vì anh ta đâu phải là mắt xích duy nhất trong hệ thống những kẻ tuân theo các nguyên tắc sách vở. Và lần này, anh ta cố tình làm gay gắt thêm cuộc tranh luận bằng cách buộc tôi ngay tức khắc Bôxtôn là “tấn công vào những thành quả xã hội chủ nghĩa của chúng ta”, vậy thì sau đó ai còn dám phản bác lại anh ta nữa? Tuy nhiên vẫn phải thoát ra khỏi tình thế bằng một cách nào đó.

– Gượng đã, gượng đã, anh Bôxtôn, anh chớ nóng nảy như vậy – giám đốc Sôtbaép nói và đứng dậy. – Chúng ta hãy phân tích cho kỹ, các đồng chí ạ – Ông vừa nói với những người dự họp vừa khẩn trương suy nghĩ xem làm thế nào để hoà giải được các bên. Dĩ nhiên là Bôxtôn có lý, nhưng với Côscôbaép thì phải cẩn thận lắm mới được. Làm thế nào bây giờ đây? – Chúng ta đang bàn đến chuyện gì mới được chứ? – ông lập luận. – Theo tôi hiểu thì đồng chí Bôxtôn muốn làm chủ đàn cừu và có khoảnh đất riêng chứ không muốn đóng vai trò một kẻ làm thuê, và đồng chí ấy không chỉ nhân danh mình mà phát biểu, đồng chí ấy phát biểu còn nhân danh cả đội chăn cừu của mình và các gia đình trong đội nữa, điều đó cũng không thể không

lưu ý đến được. Tôi còn thấy việc này có lý riêng của nó. Đội chăn cừu chính là đơn vị kinh tế cơ sở của chúng ta, phải bắt đầu từ đây mới được. Theo như tôi hiểu thì đồng chí Bôxtôn muốn nắm toàn bộ trong tay: nào là đàn súc vật, nào bãi chăn thả, nào thức ăn, nào chuồng trại – tóm lại là tất cả những gì cần thiết cho sản xuất. Đồng chí ấy lại định áp dụng việc khoán sản phẩm theo đội để mỗi người đều biết mình sẽ kiếm được bao nhiêu nếu làm việc như cho chính mình chứ không phải cho người khác. Làm trọn phần mình mà thôi. Đó, tôi hiểu đề nghị của đồng chí Bôxtôn là như vậy và chúng ta nên lắng nghe đề nghị ấy, đồng chí Côscôbaép ạ – ông quay sang phía bí thư chi bộ.

– Còn tôi, với tư cách là bí thư chi bộ của nông trường do tôi cùng đồng chí lãnh đạo, tôi hiểu như thế này: khuyến khích tâm lý tư hữu trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là một việc bất kì ai cũng không nên làm, nhất là người lãnh đạo kinh tế – Côscôbaép trình trọng trách giám đốc Sôtbáp.

– Nhưng đồng chí phải hiểu là đề nghị đó nhằm đem lại lợi ích cho công việc – giám đốc thanh minh, – vì thanh niên có chịu vào làm ở các đội chăn cừu đâu...

– Tức là công tác động viên quần chúng của chúng ta tiến hành kém. Phải nhắc nhở thanh niên nhớ đến Páplich Môrôđốp và người anh em Kiécghidi của anh là Cừsan Giacừpốp mới được.

– Nhưng việc đó là thuộc lĩnh vực của đồng chí đấy, đồng chí Côscôbaép ạ – Giám đốc nói xen vào. – Đồng chí thành thạo lắm rồi. Đồng chí hãy nhắc nhở đi, hãy cố động đi, không ai ngăn trở đồng chí hết.

– Rồi chúng tôi sẽ cố động, đồng chí không việc gì phải lo lắng cả – Côscôbaép đốp chát lại. – Chúng tôi đã vạch ra cả một loạt biện pháp rồi. Nhưng điều hết sức quan trọng là phải kịp thời ngăn chặn những mưu đồ có tính chất tư hữu, dù chúng có được nguy trang khéo léo thế nào chăng nữa. Chúng tôi sẽ không cho phép phá hoại những nền tảng của chủ nghĩa xã

hội.

Nghe cuộc tranh luận diễn ra hết sức nghiêm chỉnh này, Bôxton cảm thấy chán nản, nỗi sợ hãi bất giác làm cổ anh nghẹn lại. Vì anh chỉ muốn nói rằng rút cuộc anh muốn lao động trên trái đất theo hiểu biết của anh chứ không phải theo sự chỉ bảo của người khác.

– Không được nhượng bộ và khoan dung với bất kỳ ai – Côscôbaép nói tiếp. – Những hình thức xã hội chủ nghĩa của sản xuất là bắt buộc đối với mọi người. Tôi nói như vậy trước hết là với đồng chí Bôxton, đồng chí ấy lúc nào cũng đòi cho mình những điều kiện đặc biệt nào đấy.

– Không phải chỉ cho tôi đâu – Bôxton ngắt lời anh ta. – Những điều kiện như vậy cần thiết cho mọi người, khi ấy công việc của chúng ta sẽ trôi chảy.

– Tôi nghi ngờ đấy! Và nói chung, cái lối đặt điều kiện riêng của mình là thế nào nhỉ? Hãy làm cái này với chẳng hãy làm cái kia. Đồng chí Bôxton ạ, do chạy đuổi theo bãi chần thả riêng cho đàn cừu của mình mà đồng chí đã làm chết người trên đèo Ala-Mônguy đấy, nguyên chuyện đó đã đủ lắm rồi. Hay đồng chí thấy vẫn còn ít?

– Nói tiếp đi, nói tiếp nữa đi! – Bôxton giận dữ xua tay. Anh cảm thấy méch lòng và đau đớn không chịu nổi vì người ta nói đến cái chết của Ernadar một cách thoáng qua và tiện thể như vậy.

– Sao kia, nói tiếp theo ấy ư? Chẳng lẽ tôi nói không đúng hay sao? – Côscôbaép chầm chọc anh.

– Đúng thế, đồng chí nói không đúng.

– Sao lại không đúng một khi xác Ernadar cho tới nay vẫn nằm trong vực băng trên đèo? Và có lẽ sẽ còn nằm đấy một nghìn năm nữa.

Bôxton im lặng, anh rất khó chịu vì trong phiên họp lại đã động đến

chuyện đó. Nhưng Côscôrbaép vẫn không thôi.

– Sao đồng chí lại im lặng, đồng chí Bôxtôn? – anh ta đổ thêm dầu vào lửa. – Chẳng lẽ không phải chính đồng chí đã đi tìm bãi chôn thả mới, bãi chôn thả riêng cho đồng chí đấy hay sao?

– Đúng là cho tôi thật – Bôxtôn gay gắt đáp lại. – Nhưng đâu chỉ cho tôi mà cho tất cả mọi người, kể cả đồng chí nữa, đồng chí Côscôrbaép ạ. Bởi vì tôi nuôi sống đồng chí chứ không phải đồng chí nuôi sống tôi. Và bây giờ thì đồng chí ăn cháo đá bát.

– Thế là thế nào? – Côscôrbaép phẫn nộ, mặt anh ta đã đỏ bừng lên. – Tôi chỉ chịu ơn đảng mà thôi.

– Vậy đảng lấy đâu ra, đảng lấy gì để nuôi sống đồng chí? – Bôxtôn hăm hăm hỏi lại. – Lấy trên trời chắc?

– Thật là những lời nói vô trách nhiệm – Côscôrbaép lồng lên, tay giần giật sửa lại càvat.

Sắp nổ bùng một cuộc cãi cọ om xòm. Cả Côscôrbaép lẫn Bôxtôn đều đứng như những kẻ bị kết án tử hình – một người cạnh bàn, một người cạnh tường, có cảm giác như chỉ một chút nữa thôi là một trong hai người sẽ ngã gục xuống sàn. Nhưng tình thế đã được người phái viên trẻ của huyện uỷ cứu vãn ít nhiều.

– Các đồng chí hãy bình tĩnh lại – anh bất ngờ lên tiếng từ góc phòng, nơi anh ngồi ghi chép vào cuốn sổ. – Theo tôi, theo cảm nghĩ của tôi thì đồng chí Bôxtôn về nguyên tắc là đúng. Người lao động, hay như chúng ta vẫn ưa nói, người sáng tạo ra của cải vật chất có quyền nói lên tiếng nói của mình. Nhưng liệu có cần đi quá xa như thế hay không?

– Đồng chí chưa biết anh ta đâu, đồng chí Manbêtop ạ – Côscôrbaép vội vã hòa vào. – Những tham vọng của Bôxtôn nói chung là không có giới hạn. Chẳng hạn như mới đây thôi một người chôn cừu là Badarbai. Đúng,

đúng là Badarbai, đã tìm thấy trong núi một hang sói. Anh ta đã thu hồi, hay có thể nói là tước đoạt cả ổ sói, tức là đã bắt gọn bốn con sói nhỏ để tiêu diệt tận gốc bầy sói. Anh ta đã hành động đúng như trách nhiệm đòi hỏi. Vậy mà đồng chí có biết không, đồng chí Bôxton đây đúng là đã truy bức anh ta. Lúc đầu đồng chí ấy định mua chuộc anh ta, nhưng khi mưu mô ấy không trót lọt bởi vì Badarbai là con người nguyên tắc thì đồng chí ấy liền giở thói đe dọa anh ta, đòi anh ta phải trả lũ sói con về hang cũ, với mục đích rõ ràng là để lũ thú dữ ấy có thể tiếp tục sinh sôi nảy nở. Như vậy là thế nào? Phải hiểu việc đó thế nào đây? Đồng chí Bôxton ạ, ngoài mọi chuyện khác ra, có lẽ đồng chí còn muốn nuôi lũ sói riêng của mình nữa? Lũ sói cá thể riêng của đồng chí nữa, có thể nói như vậy. Hay là nông trường phải đảm bảo cho đồng chí cả chó sói nữa? Lúc đầu là đất riêng của mình, cừu riêng của mình, còn sau đó là cả sói riêng của mình! Có phải thế không? Hay phải hiểu đồng chí như thế này: cứ mặc cho chó sói sinh sôi nảy nở, cứ mặc cho chúng giết hại đàn cừu của chúng ta và sống bám vào quyền sở hữu toàn dân?

Đến khi đó Bôxton đã kịp trấn tĩnh lại và anh nói khá bình tĩnh:

– Về lũ sói thì đúng đấy, chỉ có tai họa một điều: lũ sói không biết rằng chúng đã xâm phạm đến quyền sở hữu toàn dân.

Những người dự họp bất giác cười vang, còn Bôxton lợi dụng lúc ngừng, nói tiếp:

– Ở đây không nên nói đến chuyện chó sói mới phải. Nhưng nếu đã đề cập đến thì tôi cũng sẽ phát biểu ý kiến riêng của tôi. Trong bất cứ công việc gì cũng cần có lý trí, chúng ta sinh ra là những sinh vật có lý trí kia mà. Nhưng trong chúng ta đây có một số thiếu lý trí song tính khoáng lác thì lại thừa thãi. Thí dụ như trường hợp lũ sói con kia chẳng hạn. Như chúng ta đều biết, Badarbai đã bắt lấy, hay nói một cách giản dị thì anh ta đã lôi đi, đã đánh cắp lũ sói con trong hang, vậy mà xung quanh làm ầm ĩ lên, gần

như tôn anh ta làm anh hùng. Nhưng người anh hùng này đã không nghĩ rằng trước hết phải săn đuổi sói bố sói mẹ và bắn chết những con sói già đời đó đã rồi sau mới được nghĩ đến chuyện nên làm gì với lũ sói con. Nhưng anh ta đã vội vã bán lũ sói con đi để lấy tiền uống rượu. Tại sao tôi lại đề nghị Badarbai trao cho tôi hoặc bán cho tôi lũ sói con? Tôi đề nghị như vậy để dùng lũ sói con dụ sói bố sói mẹ vào bẫy chứ không để thả lỏng hai con sói đã điên khùng lên sau khi hang của chúng bị huỷ hoại. Cần phải hiểu rằng một con sói điên khùng lên gây tai hoạ bằng mười con sói bình thường cộng lại, nó sẽ không chịu yên khi chưa trả thù được. Tất cả dân chăn cừu đều biết rằng hiện nay cặp vợ chồng sói bị tước đoạt mất con ấy – tên chúng là Acbara và Tastrinar – đang hoành hành dữ dội như thế nào trong vùng. Giờ đây không tài nào ngăn chặn chúng được, chúng có thể tấn công cả người nữa. Chúng có thể gây ra bất cứ chuyện gì. Tôi đọc trong sách báo thấy những kẻ xấu bị gọi là những kẻ khiêu khích, Badarbai chính là một kẻ khiêu khích loài sói, anh ta kích động chúng điên khùng lên. Tôi đã nói với anh ta, và tôi sẽ lại nói thẳng vào mặt anh ta: anh ta đã hành động như một kẻ khiêu khích hèn nhát.

Và đồng chí bí thư chi bộ ạ, tôi cũng sẽ nói thẳng vào mặt đồng chí: tôi thật không hiểu nổi đồng chí là con người như thế nào. Đã bao nhiêu năm đồng chí làm việc trong nông trường chúng ta, vậy mà cho tới nay đồng chí chỉ biết mỗi một việc là đọc báo và doạ nạt những người dân chăn cừu như tôi. Đồng chí bảo nào là chúng tôi chống lại cách mạng, nào là chúng tôi chống lại chính quyền xô-viết, còn chính đồng chí thì dốt đặc về kinh tế, chẳng am hiểu gì về kinh tế hết. Nếu không, đồng chí đã chẳng khép người ta vào tội muốn làm chó sói sinh sôi nảy nở. Mặc xác chúng, lũ sói ấy, lời buộc tội này của đồng chí khiến thiên hạ cười vỡ bụng thôi.

Nhưng lời buộc tội thứ hai của đồng chí thì, đồng chí Côscôbaép ạ, tôi không thể không trả lời được. Đúng, Ernadar đúng là bị chết trên đèo. Nhưng tại sao hai chúng tôi vượt đèo? Không phải vì cuộc sống tốt đẹp

đâu! Chúng tôi tìm gì ở nơi đó? Đồng chí có biết nguyên nhân gì đã dẫn chúng tôi lên đó không? Đồng chí có biết là nếu chúng tôi không cấp thiết cần có những bãi chặn thả thì chúng tôi đã chẳng liều mình như vậy hay không? Và sự cần thiết đó mỗi ngày một thúc bách ghê gớm hơn. Kia, giám đốc đang ngồi kia, hãy để đồng chí ấy nói xem, khi đồng chí ấy bắt đầu làm giám đốc thì cỏ ra sao, các bãi chặn thả và đất đai như thế nào! Còn bây giờ thì sao? Đâu đâu cũng chỉ thấy bụi và đất khô nẻ thôi. Mỗi một ngọn cỏ đều phải tính toán, mà như vậy bởi vì chúng ta đã chặn thả cừu gấp mười lần so với khả năng của những diện tích đất như vậy và móng cừu ngày càng gây hại cho đất. Chính vì thế, tôi với Ernadar đã lên đường sang vùng Kisiben. Chúng tôi muốn làm cho tốt hơn, nhưng chúng tôi đã gặp phải nỗi bất hạnh. Chuyển đi của chúng tôi kết thúc tệ hại, vì thế tôi đã từ bỏ mục tiêu này. Tai hoạ đã buộc tôi phải im lặng, không còn bụng dạ nào nghĩ đến nữa. Nhưng nếu mọi việc diễn biến khác đi thì năm đó tôi đã đi Mátxcơva dự triển lãm rồi, tôi đã đến gặp các nhà lãnh đạo cao nhất của chúng ta và kể về anh rồi, anh Côscôrbaép ạ. Anh vênh vang là anh chỉ nghĩ đến Đảng thôi, nhưng liệu Đảng có cần đến những kẻ như anh không, những kẻ tự mình chẳng biết làm gì hết mà chỉ biết trói buộc người khác.

– Đồng chí quá quắt lắm! – Côscôrbaép không kìm nổi. – Đây là sự vu khống! Đồng chí sẽ phải nghiêm khắc trả lời về mặt đảng.

– Chính tôi cũng muốn trả lời hết trong phiên họp đảng. Và nếu tôi quả thực có làm không đúng và nghĩ không đúng thì hãy tống cổ tôi đi, tức là tôi không có chỗ trong Đảng và chẳng việc gì phải thương hại tôi cả. Nhưng đồng chí Côscôrbaép ạ, đồng chí cũng cần suy nghĩ về việc đó.

– Tôi chẳng có gì phải suy nghĩ, đồng chí Bôxtôn ạ. Lương tâm tôi trong sạch, tôi luôn luôn ở bên Đảng.

Bôxtôn lấy lại hơi thở như đang chạy trên núi, sau đó anh nhìn phái viên của huyện uỷ và nói:

– Còn đồng chí, đồng chí phái viên mới ạ, tôi tha thiết đề nghị đồng chí báo cáo lại với huyện uỷ. Vấn đề của chúng tôi phải được đưa ra để giải quyết trong cuộc họp đảng. Tôi không thể sống như thế này lâu hơn nữa.

Chẳng bao lâu sau, Bôxtôn tin chắc rằng các biến cố bắt đầu dồn dập xảy đến xung quanh cuộc xung đột giữa anh và Côscôbaép. Đúng vào hôm đó anh đến vùng ven hồ để giải quyết việc riêng. Tại đây các vườn cây đã sắp phải nở hoa rồi, lúc đó là những ngày cuối xuân, vậy mà anh vẫn chưa kịp phun thuốc cho táo trong vườn của anh và trong khu nhà cũ của Ernadar. Giờ đây hai vợ chồng Bôxtôn và Guliumcan có hai nhà và hai vườn, cả hai nơi đều cần được chăm sóc. Mà sở dĩ như vậy là vì người chăn cừu luôn luôn phải sống trong núi và bao giờ cũng không đủ thời gian làm những công việc nhà cần thiết. Việc gì cũng phải gác lại và sau đó, khi nhìn lại thì thời gian đã qua rồi. Nhưng dù sao chẳng nữa thì vẫn phải phun thuốc cho vườn cây, nếu không, sâu bọ sẽ sinh sôi vùn vụt, sẽ làm hư hại hoa và gây tác hại cho vụ thu hoạch. Lần này, Guliumcan không kìm được nữa, chị nặng lời trách móc anh, chị bảo: anh cứ dây dưa mãi, lẽ ra anh phải đi sớm hơn mới đúng, và nếu anh không kịp làm thì hãy thoả thuận với ai đó trong đám hàng xóm láng giềng để họ làm giúp và trả tiền công cho họ.

– Anh chẳng giúp đỡ được gì việc nhà cả – chị bực bội nói, – suốt ngày đêm anh chỉ lang thang ngoài trại cừu hay ngồi họp thôi. Nếu anh không thể tự tay thu vén vườn tược được thì anh hãy ngồi nhà với con một ngày đi, nó còn dại dột lắm, phải để mắt luôn mới được. Còn em, em sẽ lên ngôi nhà ven hồ và làm thay anh mọi việc, những việc này đúng ra là trách nhiệm của người chủ nhà biết lo toan kia đấy.

Guliumcan nói đúng, chẳng làm thế nào được, đành phải im lặng lắng nghe chị thôi.

Vì vậy anh ra đi từ sáng đến vùng ven hồ để chăm sóc vườn cây. Anh cười con ngựa Đônkuliuc. Đúng như người ta vẫn nói từ xưa, về mùa xuân,

cả cỏ lẫn ngựa đều tăng thêm sức lực. Hơn nữa, con Đônkuliuc đang độ sung sức: lấp lánh con mắt rực lửa và hất tung bờm lên, nó lúc nào cũng chực lồng lên chạy và thừa thãi sức. Nhưng Bôxtôn đang ở trong tâm trạng không muốn phi ngựa nhanh như vậy, anh ghìm con ngựa lanh lợi lại, anh muốn bình tĩnh ngắm nghĩ lan man dọc đường. Đêm qua anh ngủ không yên giấc, anh trằn trọc mãi, không sao quên được việc bí thư chi bộ Côscôbaép buộc tội anh gây ra cái chết của Ernadar. Khi đi họp về, anh kể vắn tắt cho vợ nghe tình hình cuộc họp, nhưng về lời buộc tội này thì anh im lặng. Anh không muốn gọi nhắc Guliumcan một lần nữa về người chồng trước của chị mặc dù Ernadar qua đời đã nhiều năm rồi, bởi vì khi đó thế nào cũng diễn ra câu chuyện nặng nề khiến cả anh lẫn chị đều đau lòng: Ernadar không được chôn cất hiện vẫn nằm trên đèo Ala-Mônguy, bị đóng cứng vĩnh viễn vào lớp băng dưới đáy vực sâu thẳm khủng khiếp như đêm đen. Vậy tốt hơn là không đả động gì đến lời buộc tội này.

Nhưng khi Bôxtôn vừa bắt đầu thiu thiu ngủ thì lũ sói lại đến mồm đất cao phía sau chuồng cừ lớn. Acbara lại cất tiếng hú náo nuột than khóc đàn con bị bắt cóc, Tastrainar lại hoà theo bằng một giọng trầm thấp. Và nếu trước đây, khi nghe thấy tiếng sói hú, Bôxtôn cảm thấy thương hại chúng, thông cảm với chúng, với tai hoạ của chúng thì bây giờ trong lòng anh trào lên nổi tức giận, anh muốn giết chết những con thú bướng bỉnh này miễn là không phải nghe thấy tiếng gào hú của chúng. Tiếng gào hú ấy vang lên như một lời nguyền rủa cả anh nữa, mà anh nào có lỗi gì đâu? Đêm qua anh đi đến quyết định là dù thế nào chăng nữa cũng phải tiêu diệt bằng được hai con sói. Thậm chí, anh đã dự tính xong kế hoạch làm việc đó. Thêm nữa, đúng vào hôm anh tranh luận gay gắt với Côscôbaép trong buổi họp, Acbara và Tastrainar giết chết ba con cừ trong bầy cừ của anh. Chú bé giúp việc kể lại rằng khi cặp sói xông đến bầy cừ, chú đã ra sức gào thét và khua gậy, nhưng cặp sói không chút sợ hãi, chúng cắn đứt cổ ba con cừ rồi biến mất. Biến cố này khiến Bôxtôn giận điên lên, nếu cứ tiếp diễn

như vậy, anh nghĩ, thì chúng ta chỉ còn cách rời khỏi đây, chỉ còn cách trốn tránh lũ sói một cách nhục nhĩ. Acbara và Tastrinar không hiểu rằng do những hồi gào hú không dứt của chúng, chúng đã tự ký bản án tử hình vào giờ đó. Bây giờ Bôxtôn biết rõ những việc anh phải làm, anh sẵn sàng thực hiện ý định của anh ngay lập tức nếu như sáng hôm sau anh không phải đi giải quyết công việc vườn tược ở vùng ven hồ. Nhưng anh quyết định là trước hết hãy chăm sóc vườn cây để vợ anh khỏi trách móc đã, rồi sau đó sẽ thanh toán cặp sói kia.

Đấy là những suy nghĩ dọc đường của Bôxtôn...

Trong một ngày anh đã giải quyết xong việc phun thuốc và xới đất mùa xuân cho vườn táo. Anh tìm được trong làng một gã trai nhanh nhẹn và thuê gã làm xong nhanh chóng công việc này. Anh hứa sẽ trả công cho gã một con cừu con trong bầy cừu đen của anh.

Sau khi hoàn tất công việc, anh quyết định mua một thứ đồ chơi mới cho bé Kengies, anh muốn đem lại niềm vui cho con. Bé Kengies thật đáng yêu, lúc nào bé cũng chạy khắp nhà, chỉ hơn một tháng nữa là bé sẽ đầy hai tuổi. Tinh nhanh, ngộ nghĩnh, lại hay nghịch ngợm nữa, bé làm Bôxtôn đang về già cảm thấy hồi lòng hồi dạ. Mỗi một tiếng bé mới học được đều khiến bố bé mừng rỡ. Nhờ có bé, Bôxtôn hiểu được ý nghĩa sâu sắc, thâm kín của cuộc sống, ý nghĩa ấy ẩn giấu trong tình cảm quyến luyến với đứa con bà người mẹ đã sinh ra đứa con ấy. Đấy là điểm tận cùng và cao nhất của số phận định sẵn cho Bôxtôn. Anh muốn yêu thương vợ con, hơn thế nữa, anh không đòi hỏi và ước mong gì ở cuộc sống, bởi vì chẳng lẽ đây không phải là hạnh phúc cao quý nhất mà chúng ta được ban cho hay sao? Anh không bao giờ nói về chuyện đó, nhưng trong thâm tâm anh biết rằng đúng là như thế thật. Và anh tin rằng vợ anh cũng thầm chia sẻ những tình cảm của anh.

Anh xuống ngựa cạnh cửa hàng huyện ‘Mađanhiát’ rồi bước vào mua một con ếch vằn dây cót, hai mắt lồi to, trông thật ngộ nghĩnh – chắc bé

Kengies sẽ vui phải biết! Khi bước ra phố chuẩn bị lên yên, anh bỗng cảm thấy đói và chợt nhớ là chưa ăn gì suốt từ sáng. Quán ăn ngay gần cửa hàng huyện và, bất hạnh thay, anh quyết định tạt vào đó.

Bôxton bước vào gian phòng lờ mờ tối, sặc sụa mùi thức ăn rẻ tiền mà ở đây người ta vẫn bán cho các lái xe đi ngang qua. Anh vừa ngồi vào chiếc bàn gần lối vào thì đột nhiên anh nghe thấy tiếng Badarbai sau lưng, anh không ngoái đầu lại vì không cần ngoái đầu lại anh cũng hiểu rằng Badarbai đang chèn chèn với đám bạn bè của hắn. “Công nhiên ngồi nhậu nhẹt giữa ban ngày ban mặt với lũ ăn báo cô, thật không còn biết xấu hổ, không còn có lương tâm gì nữa”. Anh khó chịu thầm nghĩ. Anh đã định đứng dậy bỏ đi để tránh việc không hay, nhưng rồi anh lại nghĩ: vì lẽ gì, tại sao mình lại phải bỏ đi mà chưa ăn kia chứ? Anh gọi món súp củ cải đỏ và thịt băm viên. Nhưng trong lúc đó, chắc hẳn Badarbai đã được báo là Bôxton đang ngồi trong góc phòng. Ngay lập tức, những giọng nói sau lưng anh im bật, đầy vẻ thù địch rồi sau đó lại huyên náo lên. Và chẳng mấy chốc, một gã bạn của Badarbai được phái đến chỗ Bôxton, tên gã là Korơ Xamát - Xamát Chột – một gã phóng đảng người địa phương và chuyên vu khống, ngay từ hồi trẻ, gã đã bị đánh lòi mắt trong một cuộc ẩu đả.

– Chào Bôxton, chào cậu! – Xamát nhếch mép cười đầy ý nghĩa và giơ tay cho Bôxton bắt. Chẳng làm thế nào được, đành bắt tay gã thôi. – Sao cậu lại ngồi một mình ở đây thế? – gã tiến tới gần Bôxton. – Bọn tớ đang ngồi cùng Badarbai ở kia kìa. Chúng tớ đã lâu không gặp nhau nên quyết định họp mặt lại. Đến chỗ chúng tớ đi, Badarbai mời cậu đấy.

– Cậu bảo giúp là tớ không có thì giờ – Bôxton cố ghì mình đáp lại. – Tớ ăn xong là phải đi ngay vào núi.

– Còn kịp chán, núi của cậu chạy đi đâu được kia chứ?

– Xin cảm ơn, tớ có việc.

– Cần thận đấy, cậu không nên thế đâu, không nên thế đâu – Xamát Chột ném lại một câu lúc bỏ đi.

Tiếp theo gã, Badarbai cũng đích thân đến. Badarbai rõ ràng đã ngà ngà say, rồi cả những tên khác cũng kéo theo Badarbai.

– Này sao cậu kênh kiệu như vậy? Người ta mời cậu tử tế, còn cậu thì sao? Cậu tự coi mình tốt đẹp hơn những người khác chắc? – Badarbai lập tức bám riết lấy.

– Tớ đã bảo là tớ không có thì giờ – Bôxtôn thản nhiên đáp lại và để tỏ thái độ, anh ngẫu nhiên ăn món súp, món ăn mà vào lúc khác anh chỉ ăn một thìa rồi dứt khoát không động đến nữa.

– Tớ có việc với cậu đây – Badarbai nói và ngang ngược ngồi đối diện với Bôxtôn.

Những tên khác vẫn đứng để chờ đợi một cảnh hấp dẫn.

– Chúng ta có thể có việc gì với nhau được? – Bôxtôn đáp.

– Chúng ta cần nói chuyện với nhau, chẳng hạn như về lũ sói ấy, Bôxtôn ạ – Badarbai cau mày và lắc đầu.

– Chúng ta đã nói chuyện về việc đó rồi, có cần trở lại vấn đề ấy lần nữa không?

– Theo tớ thì cần.

– Còn theo tớ thì không, đừng có quấy nhiễu tớ. Tớ sắp ăn xong rồi và sẽ đi khỏi đây.

– Mày vội đi đâu, đồ chó? – Badarbai đứng phắt dậy và khom người, đưa bộ mặt méo xệch đi vì giận dữ lại gần Bôxtôn. – Mày vội đi đâu, đồ khốn kiếp? Tao với mày chưa nói chuyện xong về lũ chó sói đâu. Trong phòng làm việc của giám đốc, mày đã gọi tao trước mặt mọi người là kẻ khiêu khích, mày bảo là vì tao mà lũ sói hoành hành. Mày tưởng tao không

biết kẻ khiêu khích là gì chắc? Theo màý thì tao là tên phát-xít, còn chỉ riêng màý ở vùng này là trung thực thôi hay sao?

Bôxton cũng đứng dậy. Bây giờ anh và Badarbai đứng đối diện mặt với nhau.

– Đừng có nói nhăng nói cuội nữa – Bôxton chặn lời Badarbai. – Tao không gọi màý là tên phát-xít, chẳng qua là tao không nghĩ ra tiếng đó thôi, chứ màý cũng đáng bị gọi như thế lắm. Còn việc màý là kẻ khiêu khích và một tên độc ác ngu xuẩn thì đúng đấy, trước kia và bây giờ tao vẫn sẽ nói với màý như vậy. Nhưng tốt nhất là màý quay về chỗ cũ đi và đừng mò sang đây nữa.

– Màý có quyền gì mà dám ra lệnh cho tao phải ở đâu và phải làm gì? – Badarbai phát khùng lên. – Màý chẳng có quyền gì với tao hết, tao nhổ vào mặt màý thì có. Theo màý thì tao là kẻ khiêu khích, thế chính màý là đồ gì? Màý tưởng màý giết chết Ernadar và giấu kín được mọi việc hay sao? Đồ khốn kiếp, màý lại còn tặng tịu với vợ nó ngay khi nó còn sống, còn mẹ vợ già của màý thì phải chết cho khuất mắt. Thế là màý quyết định đẩy nó xuống vực thăm trên đèo rồi lấy cái con chó cái Guliumcan kia, màý hãy thử chứng minh là không phải như thế đi. Tại sao người ngã xuống vực không phải là màý mà là Ernadar? Hai chúng màý cùng đi một đường, màý tưởng không ai biết gì chắc? Nhưng nó chết, còn màý thì sống. Màý với con chó cái Guliumcan của màý là cái loại người gì sau chuyện đó? Ernadar bị chết trên đèo, bị đóng cứng vào băng, bị phơi xác như con chó ấy. Còn đồ đê tiện là màý thì ôm ấp mẹ vợ vô liêm sỉ của nó, ôm ấp con chó cái bất lương ấy và sống sung sướng! Vậy mà màý là đảng viên cơ đấy! Phải tổng cổ màý ra khỏi đảng mới đúng. Gớm chưa, lao động tiên tiến đấy, chiến sĩ thi đua đấy! Phải đưa màý ra toà mới được.

Bôxton vất vả lắm mới tìm được mình, mới không nhảy xổ vào Badarbai mà nện cho gã một trận tơi tả và đập vỡ bộ mặt ghê tởm kia. Rõ

ràng là gã khiêu khích anh đánh nhau, làm om xòm lên và nện nhau một trận chí tử. Nhưng anh đã nén lại được, anh nghiêng chặt hàm và nói với Badarbai đang thở hỗn hển vì giận dữ:

– Tao chẳng có chuyện gì để nói với mày cả. Những lời lẽ của mày chẳng có ý nghĩa gì đối với tao, và tao sẽ không bắt chước mày. Mày muốn nói gì và nghĩ gì về tao mặc mày, còn bây giờ thì hãy rút đi. Này, anh bạn – anh gọi người phục vụ, – nhận tiền này – anh dúi vào tay người đó tờ năm rúp rồi lặng lẽ bước đi.

Badarbai nắm lấy tay áo anh:

– Đứng lại đã! Đừng vội về với con chó cái của mày! Biết đâu nó đang ôm ấp một gã chần chừ nào đấy trong lúc mày đi vắng và mày sẽ gây trở ngại cho chúng đấy!

Bôxtôn vớ lấy chai sâm-banh rỗng ở bàn bên cạnh.

– Bỏ tay ra! – anh khễ rít răng nói, mắt nhìn chăm chăm vào bộ mặt thoảng tái đi của Badarbai. – Đừng bắt tao phải nhắc lại lần nữa, bỏ tay ra! Mày nghe thấy không? – anh vừa nói vừa rung rung chiếc chai nặng chịch màu tối.

Bôxtôn cứ nắm chặt chiếc chai như vậy mà bước ra phố. Mãi đến khi đã ngồi trên yên, anh mới chợt tỉnh, anh quăng chiếc chai xuống rãnh ven đường và thúc con Đônkuliuc, mặc cho nó phi nước đại. Đã lâu anh không phi ngựa với tốc độ điên cuồng như vậy – cuộc phi ngựa khủng khiếp ấy đã giúp anh bình tĩnh lại và sau khi bình tĩnh lại thì anh cảm thấy kinh hoàng: Chỉ một phần giây nhỏ nhoi thôi đã ngăn anh khỏi việc giết người, đội ơn Chúa đã cứu thoát anh. Nếu không, chỉ cần một đòn đánh là anh đã đập vỡ sọ tên Badarbai đáng ghét kia. Những người đi trên chiếc máy kéo rơ-móc ngạc nhiên và không tin vào mắt mình nữa, họ nhìn theo anh hồi lâu: chuyện gì xảy ra với Bôxtôn nhỉ? Một con người đứng đắn như vậy mà lại

phi ngựa như một em thiếu niên nông nổi.

Hơi thở của Bôxton mãi mới trở lại bình thường – anh chỉ tỉnh lại hẳn sau khi đã uống no nê nước suối giá lạnh. Khi đó, anh phủi sạch quần áo, ngồi lên yên và không thúc con Đônkuliuc nữa. Anh cho ngựa đi bước một, sung sướng suốt đường đi vì đã tránh được một vụ giết người.

Nhưng dọc đường, khi nhớ lại tất cả những gì đã xảy ra, anh lại cau mày và nét mặt trở nên u ám. Lòng dạ anh rối bời hẳn khi anh chợt nhớ là đã để quên trên bậu cửa sổ quán ăn con ếch đồ chơi mà anh đã mua cho bé Kengies, con ếch vắn dây cót mồm to và mắt lồi ấy trông mới ngộ nghĩnh làm sao. Dĩ nhiên thứ đồ chơi ấy chẳng lấy gì làm quý giá lắm, có thể để lần sau mua cho bé cũng được và cũng ngay ở cửa hàng huyện ‘Madanhiat’ đó thôi, nhưng không hiểu sao anh bất giác nghĩ rằng đó là điềm xấu. Không được quên, dù thế nào cũng không được quên một vật gì đã định dành cho con trẻ, vậy mà anh đã quên...

Cảm giác mê tín ấy của bản thân khiến anh thấy giận dữ và khơi dậy trong lòng anh ý muốn bằng một cách nào đó cưỡng lại tiến trình tai hại của các biến cố. Cứ nghĩ đến việc anh sẽ giăng bẫy và bắn chết những con sói đáng nguyên rủa kia để quanh đây không còn tăm hơi chúng nữa là cơn giận dữ lại trào lên làm anh nghẹt thở.

Cái điềm gì mà lạ lùng thế, anh nghĩ, cuộc xung đột với Badarbai tại quán ăn – một cuộc xung đột suýt kết thúc bằng án mạng – lại đã bộc phát lên vì lũ sói này...

Bôxton định hôm sau sẽ thực hiện ý định của anh. Suốt đêm anh suy nghĩ, dự kiến mọi chi tiết của hành động sắp tới, và có lẽ lần đầu tiên trong cả quãng đời chung sống của họ, anh không cho vợ biết ý đồ quan trọng đối với anh. Anh không muốn khơi gợi chuyện về hai con sói lớn và lũ sói nhỏ – nguyên nhân cuộc xung đột với Badarbai, anh không muốn nói về bất kỳ chuyện gì có thể gợi nhắc đến cái chết của Ernadar trên đèo. Chính vì vậy

mà ở nhà anh im lặng nhiều hơn, anh đùa chơi với con và trả lời giống một những câu hỏi của Guliumcan. Anh biết rằng việc anh im lặng sẽ làm vợ lo lắng, ngờ vực, nhưng anh không thể xử sự khác được. Anh hiểu rất rõ rằng cuộc xung đột giữa anh và Badarbai cũng như những lời nhiếc móc bản thủ trút xuống đầu vợ chồng anh sớm hay muộn cũng đến tai chị. Nhưng anh tạm thời im lặng – anh không muốn nhắc lại những gì gã Badarbai quái dị kia đã nói về họ – cái đó quá hèn hạ và ghê tởm.

Anh cũng nghĩ rằng cuộc đời hai vợ chồng anh sắp đặt thật lạ lùng, nặng nề và phức tạp. Họ đã chứng kiến biết bao nỗi ác cảm ngấm ngấm và thái độ thù địch công khai của mọi người đối với họ kể từ khi họ nên vợ nên chồng. Còn điều vu khống gì về họ mà người ta không lan truyền đi nữa. Nhưng Bôxtôn không hề hối tiếc về việc anh gắn bó đời mình với người vợ goá của Ernadar. Anh đã khó hình dung nổi anh sẽ sống ra sao nếu thiếu chị. Anh cần thường xuyên cảm thấy chị có mặt bên anh...

Đúng, đây sẽ là một cuộc đời hoàn toàn khác, còn cuộc đời anh chỉ có thể với chị mà thôi. Tuy đôi khi chị có bực mình về anh và có lúc bất công với anh nữa, nhưng chị chung thủy với anh và đó là điều chủ yếu nhất. Song giữa họ với nhau, họ không bao giờ nói đến chuyện ấy, họ chỉ ngấm hiểu như vậy. Và nếu có ai hỏi Bôxtôn là bé Kengies của anh, cái chú bé hiếu động, mới biết chỉ dăm ba tiếng thôi, cái chú bé có cặp mắt trong sáng, luôn luôn mỉm cười và lúc nào cũng chạy đi chạy lại trên đôi chân mũm mĩm ấy, cái chú bé dòng dõi anh ấy, có ý nghĩa gì đối với anh thì anh sẽ không biết đáp lại ra sao. Anh không tìm được những lời lẽ thích hợp để đáp lại, tình cảm ấy cao hơn lời lẽ bởi vì anh thấy con anh là hình ảnh bản thân mình dưới dạng ngây thơ trong trắng mà Chúa đã ban cho....

Nhưng trong chỗ sâu kín của tâm hồn, anh hiểu hết và nhận thức được hết. Và khi nằm với vợ con, anh cảm thấy yên tâm, thanh thản, tốt bụng hơn. Anh muốn quên đi sự việc xảy ra tại quán ăn, thậm chí anh nghĩ rằng

nếu lũ sói không xuất hiện đêm nay thì có lẽ anh sẽ không mai phục chúng nữa và có khi còn bỏ hẳn quyết định của mình, anh muốn được yên tĩnh...

Nhưng thật trở trêu, đến gần nửa đêm thì hai con sói lại xuất hiện. Trên gò đất sau chuồng cừu lớn, con Acbara bắt đầu rên rĩ cất tiếng hú và hoà theo nó là tiếng hú trầm trầm của con Tastrinar. Bé Kengies lại hoảng sợ thức giấc và khóc thút thít, còn Guliumcan nửa thức nửa ngủ thì cầu nài nguyện rửa cuộc sống không làm sao yên được vì lũ sói điên khùng kia. Bôxtôn lại phát cáu, anh muốn nhảy xổ ra khỏi nhà đuổi theo hai con sói dù cho đến cùng trời cuối đất, và anh nhớ lại việc gã Badarbai hèn mạt và đều cáng đã thoá mạ, đã mạt sát và làm nhục anh như thế nào, anh hối tiếc rằng đã không cầm chai rượu đập vỡ đầu gã. Vì anh chỉ cần nện chai rượu nặng chịch xuống đầu gã Badarbai đáng ghét ấy thì gã sẽ toi mạng. Anh sẽ không ân hận gì hết, Bôxtôn thầm nghĩ, anh sẽ không ân hận một chút nào mà ngược lại, anh còn sung sướng nữa nếu như rút cuộc, anh giết chết được đồ súc sinh ghê tởm đội hình người ấy... Trong lúc ấy, hai con sói vẫn cứ tru hú mãi...

Anh đành lấy súng và đành lại ra ngoài dù chỉ để dọa chúng thôi. Đáng lẽ chỉ bắn một hai phát, anh lia liên tiếp năm viên đạn vào đêm tối. Sau đó anh quay vào nhà nhưng không thể ngủ được, và không hiểu sao anh lại đem súng ra lau. Anh ngồi trong một góc buồng ngoài, cúi xuống khâu súng săn 'Barxơ', chăm chú lau sạch khẩu súng, anh lại một lần nữa ngẫm nghĩ cách thanh toán lũ sói và anh quyết định sẽ hành động ngay lập tức, ngay khi trời vừa hừng sáng.

Trong lúc ấy, Acbara và Tastrinar bị tiếng súng làm hoảng sợ, đang chạy về khe núi để ngủ nốt phần đêm còn lại. Cặp sói đang hoang mang này giờ đây không có chỗ ở cố định nữa, và chúng bọ đâu ngủ đấy. Acbara vẫn chạy trước như thường lệ, bộ lông bù xù của nó dài ra và rũ xuống trước khi thay lông mới nên trong đêm tối trông nó thật đáng sợ. Cặp mắt nó sáng

quắc lên, lưỡi thè ra – có thể tưởng nó đã hoá điên. Không, nỗi đau đớn của con sói mẹ mất đàn con vẫn không hề dịu đi, nó không làm sao quên được tổn thất của nó. Linh cảm mách bảo nó một cách vô căn cứ là lũ con của nó hiện trong chuồng cừu của Bôxtôn – chúng không thể ở đâu khác được, vì kẻ bắt cóc con nó mà vào cái ngày bất hạnh kia vợ chồng nó đuổi theo sát góc đã lẫn trốn vào đấy. Trí óc loài vật của nó không thể hiểu sâu xa hơn.

Chính vì thế mà vào những ngày ấy hai con sói đã hoành hành một cách man rợ, đã điên cuồng tấn công các đàn súc vật khắp vùng xung quanh – chúng làm thế đâu chỉ để thoả mãn cơn đói mà chủ yếu là do nhu cầu mãnh liệt không lúc nào nguôi phải bóp nghẹt, phải cắn xé, phải lấy máu và thịt lấp đầy cảm giác trống rỗng nhức nhối và nổi giận dữ đối với thế giới. Và sau khi đã ngốn ngấu no nê những con vật bị chúng giết chết, chúng lại quay trở lại nơi chúng đã mất dấu vết lũ sói con. Đặc biệt đau khổ là Acbara – nó không thể cam chịu nổi. Không có ngày nào nó không quay trở lại nơi ấy, không có ngày nào nó không cùng với Tastrainar lang thang quanh trại cừu của Bôxtôn. Bôxtôn đã tính toán đến yếu tố ấy sau khi quyết định giết bằng được hai con sói bằng bất kỳ giá nào.

Hôm sau, ngay từ sáng, Bôxtôn ra lệnh không thả cừu ra bãi chăn mà giữ lại trong hai chuồng cừu, đồng thời anh cũng ra lệnh cấp thêm thức ăn hạt cho chúng và cho chúng uống nước ngay trong máng ngoài sân. Còn chính anh đích thân chọn lấy khoảng hai chục cừu cái có con mới đẻ, phần lớn là đẻ sinh đôi, để chúng làm ầm ĩ huyên náo hơn, rồi xua đàn súc vật không đông lắm ấy về một phía vắng vẻ, không có đường xá.

Anh không đem theo một người nào, anh đi một mình, dùng chiếc gậy dài xua đàn cừu. Anh khoác trên vai khẩu súng đã lau sạch hồi đêm và đã lấp cả băng đạn, anh thông thả đi hồi lâu, phải đi càng xa chỗ người ở càng tốt.

Thời tiết ấm áp thực sự là mùa xuân. Các ngọn núi hấp thụ hơi ấm của

mặt trời, , biển hơi ấm ấ ỹ thành cỏ non xanh rờn trên các đồi gò và khe trũng. Những đám mây trắng bông thưa thớt nằm thanh thản trên bầu trời xanh thẳm, chim sơn ca hót vang, những con gà gô núi cục tác gọi mái giữa các tảng đá – tóm lại, đâu đâu cũng là cảnh bình yên hạnh phúc. Chỉ những rặng núi phủ tuyết đầy vẻ dữ dội vút cao khắp đường chân trời, nơi bất kỳ phút nào bão tuyết cũng có thể nổi lên, và những đám mây đen bị cơn gió mãnh liệt không biết từ đâu thổi bạt đến có thể che kín mặt trời là nhắc nhở rằng cảnh bình yên hạnh phúc đó không phải là vĩnh viễn.

Nhưng lúc này, không một thứ gì báo trước những biến đổi tệ hại. Đàn cừu mẹ và cừu con không lấy gì làm đông vừa huyền ảo gọi nhau vừa đi về phía con người xưa chúng tới. Lũ cừu con vui vẻ nhảy nhót, thỉnh thoảng lại xô đến cừu mẹ và vừa đi vừa bú. Nhưng ngay từ đêm, tâm trạng Bôxtôn đã u ám. Anh càng nghĩ càng giận lũ sói và gã Badarbai, thủ phạm gây nên câu chuyện đáng sợ này. Với Badarbai thì anh không muốn dây đến, anh nhớ tới câu: tránh voi chẳng xấu mặt nào – nhưng với lũ sói thì phải thanh toán, phải bắn chết, phải tiêu diệt – anh không thấy lối thoát khác.

Tính toán của anh rất đơn giản: tiếng ầm ĩ huyền ảo của lũ cừu mẹ và cừu con nhất định sẽ thu hút hai con sói, còn anh sẽ nằm một chỗ mai phục. Hai con sói nhất định sẽ xông vào đàn cừu và nếu gặp may, anh hoàn toàn có thể hạ sát chúng. Nhưng như người ta thường nói, người định như mệnh trời... Tình hình xảy ra đúng như vậy...

Mãi tới gần giữa trưa vẫn không thấy lũ sói xuất hiện. Sau khi lừa bầy cừu vào một chỗ trũng hẻo lánh có thể quan sát rõ, Bôxtôn nín thở nằm xuống rìa trũng, đặt khẩu súng giữa các tảng đá và một bụi cây thưa thớt. Anh bắn chuẩn xác, từ nhỏ anh đã đi săn và đã bắn hạ được không ít sói ven hồ Ixúc-Cun. Vì thế anh tin chắc rằng anh sẽ bắn chết được lũ sói, miễn là anh nử được chúng đến. Đàn cừu mẹ và cừu con sinh đôi ồn ào liên tục kêu be be gọi nhau, nhưng thời gian trôi đi mà không thấy lũ sói xuất hiện,

mặc dù vào những ngày khác chúng thường tổ chức đột nhập, trút nỗi giận dữ lên các đàn súc vật khắp vùng xung quanh và theo thông lệ thì bao giờ cũng vào ban ngày.

Năng bắt đầu nóng rẫy. Nằm trên chiếc áo bông dưới bụi cây vào lúc khác thì chắc hẳn Bôxtôn đã thiu thiu ngủ, nhưng lúc này anh không cho phép mình được như vậy. Hơn nữa, tâm hồn anh u ám, anh cảm thấy đau khổ khi hiểu rằng anh bị buộc tội đã gây ra cái chết của Ernadar. Những kẻ thù của anh – cả Côscôrbaép lẫn Badarbai – đã liên kết lại với nhau, và mỗi tên đều dối trá vu khống anh theo kiểu riêng, dồn anh vào chân tường. Và anh không hiểu tại sao cuộc đời lại sắp đặt như vậy: vì sao, vì lẽ gì mà những con người hết sức khác nhau lại đều căm ghét anh? Lại còn lũ sói này ám ảnh anh, dày vò anh nữa. Chính vì thế mà gia đình anh đã mất đi sự yên tĩnh, chuyện gì sẽ còn xảy ra nữa khi vợ anh hay biết những lời đồn đại về cuộc va chạm giữa anh và Badarbai? Quán ăn đông nghịt người vào lúc Badarbai thoá mạ thậm tệ cả vợ anh lẫn bản thân anh, mà trong số đó có biết bao kẻ ác ý...

Lũ sói vẫn chưa đến, và Bôxtôn bắt đầu sốt ruột. Tuy nhiên, anh vẫn căng mắt và động tai lên, cảnh giác chờ đợi. Điều quan trọng là nhận ra lũ sói càng sớm càng tốt để bắn chúng ngay khi chúng vừa xông đến đàn cừu, nhưng nắm bắt được lũ sói xuất hiện không phải chuyện đơn giản: giống cừu nhà không thính mũi, mắt của chúng cũng rất tồi, tóm lại, trên đời không có loài vật nào ngu ngốc và vụng về hơn chúng. Đối với chó sói thì cừu là thứ mồi sẵn để kiếm nhất, và chỉ con người mới có thể cứu được cừu thoát khỏi chó sói, do đó chó sói phải đương đầu với con người, lần này cũng vậy...

Đàn cừu vô tư lự ngay cả bây giờ cũng không linh cảm thấy nguy hiểm. Chúng chăm chú gặm cỏ, chỉ xao lãng khi nghe thấy lũ cừu con gọi, thỉnh thoảng lại nhẩn nại đưa vú cho con bú và không biết đến một sự lo lắng nào

khác. Chỉ có Bôxton là nhận thấy nỗi nguy hiểm...

Một cặp ác là núi sườn trắng đang lảng xãng tất bật gần đó bỗng lo ngại kêu rú rít và bắt đầu bay chuyền từ chỗ nọ sang chỗ kia. Bôxton canh chừng, sẵn sàng bóp cò nhưng vẫn không nhõm người lên, mà trái lại, anh cố giấu mình kỹ hơn nữa. Phải hành động cho thật chắc chắn mới được, anh sẵn sàng hy sinh một vài con cừu, miễn là dụ được lũ thú dữ ra chỗ trống. Song lũ sói hình như cũng đánh hơi thấy sự nguy hiểm – không loại trừ khả năng là chính cặp ác là kia đã phát lộ cho chúng biết về mối nguy hiểm ấy. Sau khi đã ngừng kêu rú rít ở một chỗ, chúng vội vã bay đến nơi Bôxton đang ngồi mai phục và tại đây chúng cũng cất tiếng kêu náo động táo tợn lên, mặc dù Bôxton hình như không hề thu hút sự chú ý của chúng – anh ngồi yên không nhúc nhích sau bụi cây. Dù sao chẳng nữa, lũ sói cũng không nhảy ra ngay. Hoá ra chúng chia làm đôi: Acbara bò giữa các ụ đất, lén đến từ mé xa, còn Tastrainar thì từ phía đối diện (mãi sau mới biết là nó bò không xa chỗ Bôxton cầm súng ngồi nấp).

Nhưng tất cả những chuyện đó không thấy được ngay. Trong lúc chờ chó sói xuất hiện, Bôxton cảnh giác nhìn quanh nhưng không tài nào hiểu nổi chúng sẽ xuất hiện từ phía nào. Xung quanh hoàn toàn thanh bình và yên tĩnh: đàn cừu thản nhiên gặm cỏ, lũ cừu con nghịch ngợm chạy lảng xãng, cặp ác là không kêu nữa – chỉ nghe thấy gần đấy là dòng suối đang róc rách chảy từ núi xuống và lũ chim non hót rú rít trong các bụi cây. Bôxton đã mệt mỏi vì phải chờ lâu, nhưng đột nhiên một bóng xám thấp thoáng giữa các tảng đá, đàn cừu xô giạt sang một bên và hoang mang sững lặng lại, hoảng sợ chờ đợi. Toàn thân Bôxton căng ra, anh hiểu rằng đấy là lũ sói đe dọa đàn súc vật để biết xem con người nấp ở đâu: trong những trường hợp như vậy, bất kỳ một người chăn cừu nào cũng sẽ kêu thét lên và chạy đến đàn cừu. Nhưng Bôxton có một nhiệm vụ khác và bởi vậy anh tuyệt đối không để lộ mình.

Khi ấy, giữa các tảng đá lớn, một bóng xám lại băng vọt qua và chỉ cần hai bước là con thú dữ đã nhảy đến chỗ đàn cừ đang náo động. Đó là con sói cái Acbara. Bôxton giơ súng lên, bắt lấy mục tiêu vào đầu ruồi và đã chuẩn bị bóp cò thì một tiếng sột soạt đằng sau buộc anh phải quay đầu lại. Đúng giây đó, anh đồng thời không nhắm gì hết, bắn thẳng vào một con thú to lớn đang nhảy chồm vào anh. Mọi việc chỉ diễn ra trong chớp mắt, viên đạn xuyên vào con Tastrainar trong lúc nó đang nhảy, nhưng nó không ngã ngay mà giậm dữ nhe răng ra, mắt loé sáng những tia lửa cuồng nộ, hung hãn giơ đôi chân có vuốt sắc về phía trước, còn lao theo quán tính một chút nữa về phía Bôxton rồi mới ngã vật xuống chết chỉ cách anh nửa mét. Anh lập tức quay súng về phía kia nhưng thời cơ đã lỡ, Acbara để lại con cừ mà nó vừa quật ngã và đã kịp lao mình ra sau các khối đá. Anh xách súng đuổi theo, hy vọng sẽ bắn chết được nó, nhưng chỉ nhìn thấy nó nhảy qua dòng suối. Anh bắn một phát nhưng hụt...

Anh lấy lại hơi thở, dờ dãn nhìn xung quanh. Vì quá căng thẳng, anh tái nhợt mặt đi và thở hỗn hển. Anh không đạt được mục tiêu chính của anh con Acbara đã chạy thoát. Giờ đây, tình hình còn phức tạp hơn nữa. Bắn được nó sẽ không phải chuyện đơn giản: nó sẽ là con thú khó mà bắt gặp được. Tuy nhiên, anh thầm nghĩ, nếu như anh không kịp thời quay lại phía sau Tastrainar và không hạ được nó ngay từ phát đạn đầu tiên thì mọi chuyện có thể còn tệ hại hơn nhiều. Ngẫm nghĩ diễn biến vừa xảy ra, anh hiểu rằng khi tiến gần đến bầy cừ thì cặp sói ngờ là có nguy hiểm và liền chia làm đôi, và khi Tastrainar nhận thấy có một người cầm súng đe dọa con sói cái không hề hay biết là bị mai phục thì nó không đắn đo gì nữa mà nhảy bổ vào kẻ thù...

Đối với Acbara, thế giới đã mất đi giá trị của nó. Giờ đây cuộc sống của nó chỉ ở trong những hồi ức về quá khứ. Gối đầu lên hai chân trước, nó suốt ngày nhớ lại những ngày sung sướng và đau khổ ở đồng cỏ vùng Môiuncumư, ở các thảo nguyên vùng Andas và cả ở đây, ở vùng núi ven hồ

Ixúc-Cun nữa. Trước mắt nó cứ lần lượt hiện lên những bức tranh của cuộc sống xưa cũ mà nó đã trải qua hết ngày này sang ngày khác cùng với Tastrainar. Và mỗi khi không thể chịu nổi nỗi buồn thì nó lại chồm dậy, ủ rũ chạy lang thang khắp một vùng xung quanh, rồi nó lại nằm xuống, lại gãi cái đầu bạc đi lên hai chân và lại nhớ đến lũ con – nhớ đến bốn đứa con vừa bị đánh cắp cách đây ít lâu, nhớ đến lũ con đã bị chết trong cuộc vây ráp ở Môiuuncumư, lúc thì nó nhớ đến đàn con đã bị thiêu cháy ở trong các bụi lau sậy ven hồ, nhưng nó thường nhớ đến hơn cả là chồng nó, con sói đực Tastrainar trung thành và mạnh mẽ của nó.

Đôi khi, nó cũng nhớ đến con người lạ lùng mà vợ chồng nó đã gặp trong các bụi đầu gai dại. Nó nhớ lại là con người bất lực, gần như trần truồng ấy đã đùa nghịch với lũ sói con của nó, và khi nó lao mình vào anh, sẵn sàng cắn đứt cổ họng anh ngay tức khắc thì anh đã hốt hoảng ngồi sụp xuống, lấy hai tay che đầu, rồi chạy thục mạng trốn tránh nó... Và về sau, vào đầu mùa đông, lúc tảng sáng, trong đồng cỏ Môiuuncumư, nó đã nhìn thấy anh bị treo câu rút trên cây muối đen. Nó nhớ lại là nó đã nhìn kỹ những đường nét quen thuộc, và anh hé mở mắt, khẽ thềm thì một câu gì đó với nó rồi im lặng...

Giờ đây nó cảm thấy cuộc sống trước kia như một giấc mơ, một giấc mơ không bao giờ trở lại. Nhưng mặc dầu vậy, niềm hy vọng vẫn không tàn lụi đi, vẫn le lói trong tim Acbara – đôi khi nó có cảm giác là sẽ đến lúc tìm ra được đàn con cuối cùng của nó. Chính vì thế, cứ đêm đêm là nó lại lần mò đến trại trú đông của Bôxton, nhưng nó không gào hú lanh lảnh, quen thuộc và đầy đe dọa nữa mà chỉ lắng nghe từ xa: biết đâu làn gió chợt đưa đến tiếng ăng ăng của lũ sói mới lớn hay mùi hương ngọt ngào quen thuộc của chúng... Nếu như có thể xảy ra phép lạ kỳ diệu như vậy! Acbara sẽ lao ngay đến với lũ con xinh đẹp của nó, nó sẽ chẳng sợ người, sợ chó gì hết, nó sẽ giải thoát, sẽ đem đi lũ con của nó, và chúng sẽ phi như bay khỏi nơi đây để đến những miền đất khác, nơi chúng sẽ bắt đầu sống cuộc đời tự do

và gian nan như số phận của loài sói quy định...

Vào những ngày ấy, nhiều công việc chán ngán không để Bôxton lúc nào được yên – anh chẳng những bận bịu về chuyện di chuyển mà còn vướng vào những công việc quan liêu ngốc nghếch nữa. Đúng như Côscôrbaép đã hứa hẹn, anh ta viết đơn khiếu nại Bôxton lên cấp trên và một đoàn cấp trên xuống tận nơi tìm hiểu xem ai sai ai đúng, nhưng bản thân đoàn điều tra lại chia rẽ ý kiến. Một bộ phận trong đoàn cho rằng phải khai trừ người chần chừ Bôxton ra khỏi đảng bởi vì anh ta lăng mạ cá nhân đồng chí bí thư chi bộ và do đã gây tác hại về tinh thần cho đảng. Một bộ phận khác lại cho rằng không nên làm như vậy bởi vì Bôxton phát biểu về chuyện công việc và sự phê bình của anh nhằm mục đích nâng cao năng suất lao động. Cả Badarbai cũng được mời đến gặp uỷ ban và phải viết lời giải thích bằng văn bản về lũ sói con mà Bôxton dường như đòi đem trả lại hang sói... Tóm lại sự việc được điều hành theo đúng mọi quy tắc...

Hai lần gần đây nhất uỷ ban mời Bôxton đến nhưng anh không đến. Anh yêu cầu nói rằng anh phải lừa súc vật lên vùng cao, phải cùng gia đình chuyển tới đó suốt mùa hè và thời hạn gấp rút lắm rồi, do đó người ta cứ việc điều tra mà không cần có mặt anh, còn anh thì đồng ý với bất cứ hình phạt nào mà uỷ ban thấy cần thiết. Điều đó khiến Côscôrbaép mừng rỡ: anh ta có lợi trong cách xử sự như vậy của Bôxton.

Nhưng Bôxton không có lối thoát nào khác. Việc lừa súc vật đến những bãi chăn thả mùa hè đã bắt đầu, mà Bôxton không bao giờ cho phép mình được chậm trễ. Trong những năm gần đây, súc vật thường được lừa đi theo đường riêng trước một ngày rồi sau đó người ta mới chuyên chở nhà lưu động và vật dụng gia đình đến những nơi ô-tô có thể chạy qua, còn tiếp đó người ta lại di chuyển theo phương pháp cổ xưa của cha ông là phương pháp thờ. Nhưng cách đó làm việc lừa súc vật đi dễ dàng rất nhiều và chủ yếu là làm mau chóng thêm rất nhiều. Bôxton cũng làm như vậy, trước hết,

anh xua đàn súc vật đến bãi chăn mùa hè, để lại đấy những người giúp việc trông nom đàn cừ rồi ban đêm quay trở về để hôm sau đưa cả gia đình và vật dụng trong nhà lên xe và đi vào núi cho đến mùa thu.

Và ngày đó đã đến...

Sau khi đã dồn thu lại đàn cừ hốt hoảng chạy tứ tung, Bôxton đi xem con sói bị giết chết. Tastrainar nằm vật một bên, nhe những chiếc răng nanh to vàng khè, cặp mắt đã mất hết sinh khí. Anh chạm vào đầu Tastrainar – cái đầu đồ sộ của nó phải to bằng đầu ngựa. Ai ngờ con thú này lại mang một cái đầu nặng như vậy, còn bốn chân nó thì Bôxton nhắc lên, ướm xem nặng bao nhiêu và bất giác lấy làm khâm phục, bốn chân nó vẫn cho thấy một sức mạnh ghê gớm. Hai cặp chân này đã ngang dọc biết bao nhiêu đường đất và đã xé xác biết bao nhiêu con mồi!

Sau một chút lưỡng lự, Bôxton quyết định không lột xác con Tastrainar. Mặc kệ bộ da của nó, và vấn đề đầu phải ở bộ da. Và lại, Acbara vẫn sống sót – chẳng có lý do gì để vui mừng cả. Anh trầm ngâm đứng một lát nữa rồi vác con cừ bị con sói cái giết chết lên vai và xua bầy cừ về nhà.

Về đến nhà, anh lấy xéng cuốc đi và dùng hết phần ngày còn lại đào một chiếc hố chôn xác con Tastrainar. Anh phải loay hoay rất lâu vì đất ở đấy hoá ra lẫn nhiều đá, thỉnh thoảng anh ngừng tay, yên lặng và thận trọng ngoái nhìn xung quanh xem con sói cái có đột nhiên xuất hiện không. Khẩu súng bắn chính xác của anh nằm bên cạnh, chỉ cần với tay là lấy được...

Nhưng Acbara mãi đêm khuya mới tới... Nó nằm cạnh nấm đất mới đắp cho đến tận tảng sáng, và khi những tia nắng đầu tiên xuất hiện thì nó biến mất...

III.7

Chương cuối

Dang là những ngày mùa xuân, thậm chí có thể nói là đầu hè nữa. Dân chăn cừu đã đến lúc chuyển đến các bãi chăn thả mùa hè. Những ai mùa đông ở trong các vùng trước núi thì chuyển xuống các thung lũng dưới sâu và các khe núi, đến các bãi cỏ mới trong núi để dần dần tiến đến gần các sườn đèo. Những ai mùa đông ở trong các cánh đồng và nuôi súc vật trong chuồng thì chuyển đến các bãi chăn thả mùa xuân dự trữ. Thời gian này thật tất bật công việc: nào lừa súc vật đi, nào chuyên chở đồ vật trong nhà, và nặng nhọc hơn cả là cắt lông cừu. Tất cả những việc đó cộng lại tạo nên bầu không khí khẩn trương, căng thẳng. Hơn nữa, ai cũng vội vã tới các bãi chăn mùa hè càng sớm càng tốt để chiếm được những chỗ tốt nhất. Tóm lại, công việc ngập đầu... Và mỗi người đều có những việc bận bịu riêng...

Trong khắp vùng, chỉ riêng Acbara là thần thờ vô định. Chỉ riêng nó là không liên quan gì đến cuộc sống sôi sục khắp xung quanh. Và lại, có thể nói là người ta đã quên bẵng nó rồi, sau khi Tastrinar bị chết, nó không xuất đầu lộ diện nữa, ngay cả cạnh trại trú đông của Bôxton, và nó cũng không gào hú ban đêm nữa.

Tâm trạng nó nặng nề u tối. Nó trở nên uế oải, thờ ơ. Nó ăn đủ mọi loại thú nhỏ mà nó bắt gặp và phần lớn là nó sống qua ngày đoạn tháng tại một nơi hẻo lánh nào đó. Ngay cả khi trong núi có hàng ngàn súc vật di chuyển,

trong sự chuyển động rầm rập ấy có cặp đi một con cừu con ngơ ngẩn hoặc cả một con cừu lớn nữa thì cũng là một chuyện chẳng khó khăn gì, nhưng việc di chuyển những đàn súc vật đông đảo như vậy vẫn chẳng làm nó thoát ra khỏi tâm trạng thờ ơ.

Nhưng trước đây là đêm Acbara trở lại hang cũ. Kể từ sau cái chết của Tastrainar, con sói cái này luôn luôn lẩn tránh chỗ hang cũ dưới vòm đá – nó biết rằng hang ấy trống rỗng và chẳng có ai chờ đợi nó ở đấy. Nhưng lần này, con Acbara đã chịu nhiều đau khổ kia chợt nảy ra ý muốn chạy theo con đường quen thuộc và chui qua các góc ngách vào hang cũ. Nhỡ lũ con nó đang đợi nó ở đấy thì sao? – nó không thẳng nỗi sự căm dỗi và buông thả theo ý nghĩ tự hủy hoại hoặc ấy.

Nó chạy như điên rồ, không phân biệt đường sá, hết lộ xuống nước lại leo lên các tảng đá, nó chạy ngang qua những đồng lửa ban đêm sáng rực tại những bãi chăn thả mùa hè, chạy ngang qua những con chó hung dữ trong lúc những phát súng vang động bắn đuổi theo nó...

Nó cứ chạy băng băng như vậy, cô độc và điên rồ, qua các ngọn núi, dưới vầng trăng cao tím đứng yên trên bầu trời... Và khi nó chạy đến hang sói đã phủ đầy lớp cỏ mới và những bụi thường sơn núi rậm rạp đến nỗi không thể nhận ra nỗi thì nó không dám bước vào nơi ở cũ đã bỏ quên và trống vắng từ lâu... Nó cũng không đủ sức chế ngự mình để bỏ đi khỏi nơi đây nữa... Và nó lại hướng tới nữ thần sói Biuri-Ana và gào hú than khóc hồi lâu, than vãn hồi lâu cho số phận cay đắng của nó và cầu xin nữ thần sói đem nó lên mặt trăng, nơi không có con người...

Vào đêm đó, Bôxtôn đang trên đường đi. Anh đang trở về sau khi lùa súc vật trở lại trại trú đông. Dĩ nhiên là có thể chờ tới sáng rồi mới lên đường. Nhưng nếu thế, mãi đến tối anh mới về tới nơi, anh sẽ phải chờ đợi suốt cả ngày và chỉ sau đó mới có thể lên xe tải và đi theo đàn cừu, mà anh thì không thể tự cho phép mình hao phí nhiều thời gian như vậy. Hơn nữa, ở

trại cừu gần như không còn ai ngoài hai mẹ con Guliumcan và một gia đình nữa, họ đang đợi đến lượt đi tới bãi chăn thả mùa hè, còn đàn ông thì đã đi hết.

Chính vì thế mà đêm đó Bôxton hết sức vội vã, lại thêm con Đônkuliuc vẫn chạy năng nổ và đầy tự tin như thường lệ. Nó chạy nhanh, đều chân, hân hoan phấn chấn. Dưới ánh trăng, tai và bờm của con ngựa vàng óng vùng sông Đông này lấp lánh lên, những bắp thịt chuyển động trên phần mông chắc nịch hết như mặt nước gợn lăn tăn về ban đêm. Thời tiết không nóng không lạnh, thoáng thoảng mùi cỏ. Bôxton đeo khẩu súng sau lưng – thiếu gì chuyện có thể xảy ra vào ban đêm trong núi. Còn khi đến nhà rồi thì anh sẽ trả súng về chỗ cũ và khẩu súng không tháo đạn sẽ treo lên đinh với toàn bộ năm viên đạn trong ổ.

Bôxton dự tính đến trại cừu vào lúc trời còn rạng sáng, khoảng năm giờ, và hình như tình hình sẽ đúng như vậy. Vào đêm đó anh lại một lần nữa tin chắc rằng anh thật gắn bó với vợ con: mới qua một ngày mà anh đã mong nhớ vợ con rồi và giờ đây anh đang vội vã trở về nhà. Trên đường đi, điều khiến anh lo ngại nhất là con sói cái Acbara sẽ lại quanh quẩn cạnh nơi ở của họ và sẽ cất tiếng hú khủng khiếp khiến Guliumcan và bé Kengies hoảng sợ. Anh chỉ biết tự trấn an là sau khi con Tastrainar chết thì con Acbara không xuất hiện nữa, ít nhất, cũng không nghe thấy tiếng nó hú nữa.

Nhưng Bôxton lo lắng thật hoài công vào đêm đó.

Vào đêm đó, Acbara đang than vãn với nữ thần sói Biuri-Ana cạnh hang cũ trong khe núi Basat. Và dù nó có ở bên cạnh trại cừu của Bôxton thì nó cũng chẳng làm kinh động một ai – sau khi Tastrainar chết, nó chỉ đau khổ lắng nghe những tiếng người và súc vật vọng ra từ trại cừu...

Và thế là ngày đó đã đến...

Vào sáng hôm đó Bôxton thức dậy khi nắng đã chiếu sáng rực rỡ: sau

khi về đến nhà lúc rạng đông, anh ngủ bốn tiếng đồng hồ liền. Anh còn ngủ thêm được nữa nhưng bé Kengies đã làm anh tỉnh giấc. Vào sáng hôm đó, mặc dù Guliumcan cố hết sức không cho bé lại gần bố, nhưng vào một lúc nào đó, do mãi thu dọn nhà cửa, chị đã không để mắt được tới bé. Và bé vừa bi bô một chuyện gì đó vừa tự tiện vỗ vỗ vào hai má bố. Bôxtôn mở mắt ra mỉm cười ôm lấy bé và một nỗi âu yếm kỳ lạ với bé trào dâng mạnh mẽ trong tâm hồn anh. Anh sung sướng nhận thấy bé Kengies, đứa con máu mủ ruột thịt của anh, lớn lên khoẻ mạnh và linh lợi. Tuy bé chưa đầy hai tuổi nhưng bé đã sáng ý, biết yêu quý bố mẹ, khuôn mặt và tính tình bé giống hệt anh, chỉ có đôi mắt, đôi mắt long lanh ẩm ướt như hai hạt huyền là của mẹ. Mọi việc của bé đều tốt đẹp và nhìn bé, Bôxtôn tự hào có một đứa con trai tuyệt diệu như vậy.

– Con làm gì đấy con? Muốn bố dậy à? Nào, kéo tay bố nào! Kéo đi, kéo nữa đi, đúng rồi! Ôi, con của bố khoẻ quá đi mất! Còn bây giờ thì ôm cổ bố nào!

Trong lúc ấy, Guliumcan đã kịp pha nước trà với bột rán, sữa và muối đặc kiểu Canmức mà chồng chị ưa thích. Bởi vì chẳng những bầy cừ mà cả lũ chó nữa vào lúc đó cũng ở mãi xa trong núi, nên gia đình Bôxtôn có thể tự cho phép mình, dù chỉ một lần trong năm thôi, uống trà một cách ung dung, trong cảnh thanh bình và yên tĩnh. Ít ai hiểu được rằng đối với một gia đình dân chăn cừu thì dịp nghỉ ngơi như thế hiếm hoi đến mức nào. Bầy súc vật đòi hỏi phải chú ý thường xuyên, suốt năm và suốt ngày đêm, còn khi số súc vật đã lên tới gần nghìn con và cùng với lúa để sắp tới sẽ lên đến nghìn rưỡi con, thì gia đình dân chăn cừu chỉ có thể mơ ước đến một buổi sáng rảnh rỗi như vậy. Họ ngồi tận hưởng cảnh bình yên trước khi bắt tay vào công việc thu dọn – họ sẽ đi suốt mùa hè cơ mà. Ôtô sẽ đón họ vào quãng trưa và mọi đồ đạc trong nhà phải thu xếp xong vào lúc đó.

– Ôi, thật khó mà tin được – Guliumcan không ngớt thăm thì – thật hạnh

phúc, thật thanh bình và yên tĩnh quá đi mất! Không biết anh nghĩ sao chứ em chẳng muốn đi chút nào. Thôi, ta đừng đi đâu nữa. Bé Kengies, bé bảo bố đi, bé bảo bố là không nên đi đâu cả đi!

Bé Kengies bập bẹ những câu gì đó, hết ngồi sán vào bố lại ngồi sán vào mẹ, còn Bôxtôn thì hiền hậu đồng ý với vợ:

– Được thôi, tại sao chúng ta lại không thể sống ở đây suốt mùa hè nhỉ?

– Anh mà cũng nói thế – Guliumcan cười vang. – Chỉ một ngày nữa thôi là anh sẽ chạy theo bầy cừu của anh nhanh đến nỗi dù có cưỡi con Đônkuliuc cũng chẳng đuổi kịp nổi.

– Đúng đấy, dù có cưỡi con Đônkuliuc cũng chẳng đuổi kịp thật! – Bôxtôn gật đầu hài lòng và vuốt bộ ria cứng. Đó là dấu hiệu chứng tỏ anh hạnh phúc.

Họ cứ ngồi uống trà như vậy quanh chiếc bàn tròn thấp, hai bố mẹ ngồi trên sàn, còn bé Kengies thì chạy bên cạnh. Bố mẹ muốn bắt bé ăn no, nhưng vào sáng hôm đó bé mãi nghịch quá, bé mãi chạy nhảy, nô đùa và không tài nào bảo bé ngồi ăn được. Cửa ra vào mở toang – đóng cửa lại thì nóng – thế là bé Kengies cứ thỉnh thoảng lại tự do nhảy ra ngoài, chạy khắp sân, ngắm nhìn những chú gà con lanh lẹ, phủ đầy lông tơ, đang tung tăng cạnh gà mẹ. Đấy là con gà mái của người hàng xóm, anh gác đêm Kudurmát, vốn đã đến trại chăn mùa hè rồi, còn người vợ là Axưngun thì đang chuẩn bị ra đi cùng chuyến xe với gia đình Bôxtôn. Chị đã tạt qua bên Bôxtôn cho biết là đã thu xếp xong đồ đạc, chỉ còn việc nhốt đàn gà vào lồng nữa, việc đó chị sẽ làm khi xe đến, còn bây giờ thì chị chuẩn bị giặt giũ và phơi khô quần áo.

Sáng hôm đó đang trôi qua như vậy. Mặt trời đã nóng như thiêu đốt, ai cũng bận bịu công việc của mình. Hai vợ chồng Bôxtôn buộc các gói bọc, xếp dọn bát đĩa. Axưngun giặt giũ – thỉnh thoảng lại nghe thấy tiếng chị hắt

nước xà phòng từ trong nhà ra ngoài. Còn bé Kengies thì được để tự do, lúc thì bé chạy ra sân, và bé luôn luôn quanh quẩn bên đàn gà con.

Trong lúc đó con gà mẹ cần mẫn dẫn đàn con đi xa hơn để bới đất sau góc nhà. Bé Kengies cũng đi theo lũ gà con, và cả bé lẫn đàn gà đã ở phía sau bức tường liền của nhà kho lúc nào không biết. Tại đây, bên những rặng ngưu bàng và những bụi chút chút, không khí mùa hè êm ả và yên tĩnh. Lũ gà con kêu chiêm chiếp bới tung đồng rác, còn bé Kengies thì khe khẽ cười, chuyện trò với chúng, cố tìm cách vượt ve chúng. Con gà mẹ không sợ bé, nhưng khi một con chó to màu xám xuất hiện, nhẹ nhàng lén đến gần thì nó sợ hãi, bực bội kêu quang quác và muốn dẫn đàn con đi xa hơn. Nhưng đối với bé Kengies thì con chó to màu xám có cặp mắt xanh lạ lùng kia chẳng có gì đáng sợ hết, nó dịu dàng nhìn bé và thân ái vẫy vẫy đuôi. Chính là Acbara, con sói cái này đã lang thang canh trại trú đông từ lâu rồi.

Acbara sờ dĩ dám lại gần chỗ người ở như vậy bởi vì bắt đầu từ đêm qua, trong trang trại trở nên vắng vẻ, không nghe thấy cả tiếng người lẫn tiếng chó nữa. Bị lôi cuốn bởi nỗi buồn khôn nguôi của tình mẹ và niềm hy vọng không nguôi tắt, nó thận trọng đi vòng khắp các chuồng cừu, khắp các ngăn chuồng nhưng không tìm thấy đâu lũ con đã thất lạc. Nó bèn đến sát chỗ người ở. Và kia, nó đang đứng trước mặt đứa bé. Không hiểu sao nó nhận biết được rằng đây là một sinh vật nhỏ cũng hết như bất kỳ đứa con nào trong đàn con của nó, chỉ có điều là mang hình người mà thôi.

Và khi bé Kengies vươn về phía đầu nó để vượt ve con chó tốt bụng thì trái tim mệt mỏi vì đau khổ của nó run rẩy. Nó bước đến gần bé, liếm má bé, bé sung sướng được nó âu yếm, bé khẽ cười và ôm cổ con sói cái. Khi ấy con Acbara như ngây ngất, như mê đi, nó nằm xuống bên chân bé và bắt đầu đùa nghịch với bé. Nó muốn bé bú bầu sữa của nó, nhưng bé lại cười lên lưng nó. Rồi bé nhảy xuống và vẫy gọi nó đi theo: “Đi nào, đi nào!”, bé vừa gọi to vừa sung sướng cười vang, nhưng Acbara không dám đi tiếp, nó

biết rằng ở phía đó có người. Nó đứng yên, đưa cặp mắt xanh buồn rầu nhìn chú bé. Thấy thế, bé lại bước gần đến nó, vượt đầu nó, còn nó thì thè lưỡi liếm bé khiến bé rất thích. Nó trút lên chú bé nỗi âu yếm đã tích tụ lại trong tâm hồn nó. Nó khao khát hít lấy hương thơm trẻ thơ của bé. Nó bất giác nghĩ: thật sung sướng biết bao nếu như sinh vật nhỏ nhoi mang hình người này sống trong hang của nó dưới vòm đá. Hết sức thận trọng để không làm xây xát cổ chú bé, nó ngoạm lấy cổ áo bé Kengies và hất mạnh lên u vai – loài sói vẫn tha cừ non đi khỏi bầy cừ bằng cách ấy.

Bé Kengies hét lên một tiếng thất thanh như con thỏ bị thương. Chị láng giềng Axungun đang đi về phía nhà kho phơi quần áo thì nghe thấy tiếng thét của bé, chị vội chạy đến, nhìn ra sau góc nhà, quăng quần áo xuống đất và lao đến cửa nhà Bôxtôn.

Bôxtôn cuống cuống giật khẩu súng trên tường, nhảy bổ ra khỏi nhà, theo sát gót anh là Guliumcan.

– Phía này! Phía này! Bé Kengies kia kìa! Con sói cái đang tha bé đi kia kìa! – chị láng giềng vừa gào to vừa kinh hoàng ôm lấy đầu.

Nhưng Bôxtôn cũng đã nhìn thấy con sói cái – nó chạy nước kiệu, công trên u vai bé Kengies đang gào khóc âm ỹ.

– Dừng lại! Dừng lại, Acbara! Dừng lại, tao bảo! – Bôxtôn thét to và chạy theo con sói cái.

Con Acbara chạy nhanh thêm, còn Bôxtôn xách súng lao theo, thét lạc giọng đi:

– Để con tao lại, Acbara! Để con tao lại! Tao sẽ không bao giờ đụng đến loài sói nữa! Để con tao lại, quăng nó lại! Acbara! Hãy nghe tao, Acbara!

Anh dường như quên rằng lời lẽ của anh chẳng có mấy may ý nghĩa gì đối với con sói cái, những tiếng la hét và việc anh rượt đuổi theo chỉ làm nó hoảng sợ, và nó bắt đầu chạy nhanh hơn.

Trong lúc ấy, Bôxton vẫn không ngừng la hét, rượt theo con Acbara.

– Acbara! Để con tao lại, Acbara! – anh thét gọi.

Chạy chậm hơn anh một chút là Guliumcan và Axưngun, họ tuyệt vọng gào thét và than khóc.

– Bắn đi! Bắn ngay đi! – Guliumcan gọi to, chị quên mất rằng Bôxton không thể bắn được trong lúc con sói còn đang cõng chú bé.

Những tiếng kêu và việc đuổi theo chỉ kích động con Acbara, chỉ làm mãnh liệt thêm bản năng loài sói của nó, và nó quyết định không nhả con mồi ra. Nó ngoạm cổ áo chú bé, nó kiên trì chạy, chạy mỗi lúc một xa vào núi, và ngay cả khi phía sau vang lên tiếng súng và một viên đạn rít lên ngay trên đầu nó, nó vẫn không buông bé Kengies. Còn bé thì không ngừng kêu khóc, không ngừng gọi bố mẹ. Bôxton lại bắn chỉ thiên một phát, anh không biết phải làm gì nữa để đe dọa con sói cái kia, nhưng ngay cả phát súng thứ hai này cũng không làm nó sợ hãi. Nó tiếp tục chạy xa về phía những khối đá, mà khi đến đó rồi thì nó dễ dàng làm rối vết chân và biến mất hút. Bôxton đâm tuyệt vọng: làm thế nào cứu được đứa bé đây? Phải làm gì bây giờ đây? Vì lẽ gì mà họ phải chịu một sự trừng phạt khủng khiếp như vậy? Họ đã phạm những tội lỗi gì?

– Buông thảng bé ra, Acbara! Hãy buông ra, tao xin mà hãy để lại đứa con cho chúng tao! – anh vừa chạy vừa van vỉ con sói cái, miệng thở hổn hển và khò khè như con ngựa kiệt sức.

Anh bắn chỉ thiên lần thứ ba và viên đạn lại rít trên đầu con sói, những khối đá mỗi lúc một gần. Trong ổ đạn chỉ còn hai viên đạn, anh hiểu rằng chỉ một phút nữa thôi là sẽ vuột mất cơ may cuối cùng, anh liền quyết định bắn vào con sói. Đang đà chạy anh quỳ sụp một chân xuống và bắt đầu nhắm đích: anh nhắm vào chân con sói, chỉ nhắm vào chân nó thôi. Nhưng anh không tài nào nhắm chính xác nổi: ngực anh phập phồng, hai tay anh

run rẩy, không tuân theo anh nữa. Nhưng anh vẫn cố tập trung sức lực nhìn qua kẽ ngắm giàn giật, dõi theo con sói cái đang chạy băng như bơi trên các đợt sóng cuồn cuộn, lấy đường ngắm và bóp cò... Trượt, viên đạn cày tung lớp bụi cạnh mục tiêu, đi thấp xuống dưới. Bôxton lấy viên đạn cuối cùng trong bao đạn, nạp vào súng và lại nhắm bắn. Anh thậm chí không nghe thấy tiếng súng của anh nữa, chỉ thấy con sói cái nhảy dựng lên rồi ngã vật sang bên.

Khoác súng lên vai, Bôxton dường như trong cơn mê chạy đến chỗ con Acbara bị ngã xuống, anh có cảm giác là anh chạy thật chậm và thật lâu, dường như anh đang bơi trong khoảng không trống rỗng nào đó...

Rút cuộc, người lạnh đi như tiết trời đang lúc băng giá, anh đã chạy đến chỗ con sói cái. Anh phủ phục xuống đất, lão đảo, co rúm lại trong một tiếng kêu thảm lặng. Acbara vẫn còn sống, nhưng bên cạnh là bé Kengies nằm bất động, không còn thở nữa, ngực bị xuyên thủng.

Thế giới bỗng mất đi mọi âm thanh, trở nên hoàn toàn tĩnh mịch. Nó đã biến mất, đã tiêu tan, và thay vào đó chỉ còn lại bóng tối rừng rục lửa. Bôxton không tin vào mắt mình, anh cúi xuống tấm thân đầm máu đỏ của con trai, từ từ nâng lên khỏi mặt đất, áp vào ngực và lùi lại. Đồng thời, ngạc nhiên thấy cặp mắt con sói cái đang hấp hối không hiểu sao lại xanh như vậy. Sau đó anh quay người lại, đờ đẫn vì đau khổ, đi về phía những người phụ nữ đang chạy đến.

Anh có cảm giác như vợ anh to lớn dần lên ngay trước mắt anh. Và kia, đang bước về phía anh là một phụ nữ khổng lồ, có khuôn mặt to lớn, bị biến dạng đi và đang giơ đôi tay to lớn cũng đã bị biến dạng đi về phía anh.

Anh thất thểu đi như người mù, ôm chặt vào ngực mình đứa con bị chính tay anh giết chết. Vừa thất thểu bước theo anh vừa gào khóc thảm thiết là Guliumcan, được chị láng giềng cũng đang than khóc đỡ tay dìu đi.

Bôxton mê mụ vì đau khổ, không nghe thấy gì hết. Nhưng đột nhiên, vang động như tiếng thác nước đổ ầm ầm, những âm thanh của thế giới hiện thực ập xuống đầu anh và anh chợt hiểu chuyện gì đã xảy ra. Ngược mắt lên trời, anh thét to bằng một giọng khùng khiếp:

– Vì lẽ gì, vì lẽ gì mà người trừng phạt ta?

Về đến nhà, anh đặt xác bé Kengies vào chiếc giường nhỏ của bé đã được chuẩn bị xong xuôi để đưa lên xe. Và đúng lúc đó, Guliumcan ngã vật xuống đầu giường, gào rú lên như con sói cái Acbara đêm đêm vẫn gào rú... Axưngun cũng sụp xuống bên cạnh chị...

Còn Bôxton thì xách súng bước ra khỏi nhà, anh lắp thêm một băng đạn vào ổ và đút vào túi một băng đạn khác, hết như chuẩn bị đi chiến đấu. Rồi anh quăng hộ yên lên lưng con Đônkuliuc, nhảy phắt lên mình ngựa và phóng đi, không nói một lời nào với vợ cũng như với chị láng giềng Axưngun.

Khi đã cách trại cừu một quãng, anh để mặc cho con Đônkuliuc chạy, và con ngựa vàng óng phi vùn vụt, đưa anh theo con đường mà hồi cuối đông anh đã dẫn anh đến trại trú đông Taman.

Kẻ anh muốn bắt gặp và nhất định anh phải tìm ra băng được, dù có ở trong lòng đất chăng nữa, hiện đang tại nhà hăn...

Hôm đó, trong trang trại của Badarbai cũng đang chất đồ đạc lên xe để gửi đến bãi chăn thả mùa hè. Mọi người đều tất bật công việc nên không ai nhận thấy Bôxton xuất hiện lúc nào bên ngoài chuồng cừu, anh xuống ngựa và gỡ súng khỏi vai ra sao, anh nạp đạn, lên đạn rồi lại khoác súng lên vai như thế nào.

Mọi người chỉ nhận thấy anh khi anh đã đến gần chỗ chất đồ đạc lên xe. Badarbai nhảy từ xe xuống, ngạc nhiên chăm chăm nhìn anh.

– Mà cần gì? – gã vừa hỏi Bôxton vừa gãi gãi gáy và chăm chú nhìn

khuôn mặt đen như than của anh. – Mà mày muốn gì ở đây? Sao mày nhìn lạ lùng thế? – gã hốt hoảng linh cảm thấy chuyện chẳng lành. – Lại chuyện lũ sói con phải không? Mày chẳng có việc gì làm nữa hay sao? Họ yêu cầu tao viết, và thế là tao viết, thế thôi.

– Tao cóc cần biết mày đã viết những gì – Bôxtôn u ám đáp, cái nhìn nặng chịch của anh vẫn không rời khỏi Badarbai. – Tao chỉ muốn bảo mày rằng mày không xứng đáng được sống trên cõi đời này và chính tao sẽ kết liễu đời mày!

Badarbai thậm chí chưa kịp tránh thì Bôxtôn đã gương súng lên và gần như không nhắm, bắn vào gã. Gã lao đảo, định chạy trốn ra sau xe, nhưng phát đạn thứ hai đã bắt kịp gã, xuyên vào lưng gã, và gã quay lộn ba vòng, đập đầu vào thành xe, ngã gục xuống đất, hai tay gấp gáp quào quào mặt đất. Mọi chuyện xảy ra bất ngờ đến nỗi thoát đầu, không một ai nhúc nhích. Chỉ đến khi chị Turxun Thâm Tím bất hạnh gào khóc phủ phục xuống xác chồng thì mọi người mới đồng loạt kêu lên và chạy đến kẻ bị giết.

– Tất cả đứng im! – Bôxtôn vừa lớn tiếng ra lệnh vừa đưa mắt nhìn khắp các phía. – Không một ai được rời chỗ! – anh đe dọa, chĩa nòng súng lần lượt vào từng người. – Tự tôi sẽ đến chỗ cần đến. Và bởi vậy tôi cảnh cáo trước là không một ai được rời chỗ hết! Nếu có chuyện gì xảy ra thì tôi còn đủ đạn đấy! – và anh vỗ vỗ vào túi.

Mọi người đứng sững lại như bị sét đánh. Không ai hiểu gì hết, không ai nói gì hết, dường như tất cả đều bị câm khẩu. Chỉ riêng chị Turxun bất hạnh là tiếp tục khóc lóc thảm thiết bên xác gã chồng đáng ghét:

– Tao đã biết mà, bao giờ tao cũng biết rằng mày sẽ chết như con chó, bởi vì chính mày cũng tệ hại như con chó ấy! Hãy giết cả tao đi, gã sát nhân kia! – chị Turxun đáng thương và xấu xí lông vể phía Bôxtôn. – Hãy giết cả tao nữa như giết con chó ấy đi! Từ khi sinh ra tao có được thấy ánh sáng mặt trời đâu, tao cần gì đến cuộc sống như vậy! – Chị còn định hét lên một

điều gì đó nữa, chị muốn nói rằng chị đã báo trước cho Badarbai biết là không nên bắt cóc lũ sói con, chuyện đó chẳng đưa đến điều gì tốt đẹp, nhưng cái gã hung ác kia không dừng lại trước bất kỳ chuyện gì, thậm chí gã còn bán lũ thú dữ kia để lấy tiền uống rượu nữa, nhưng hai người chặn cừu đã bịt mồm chị lại và kéo đi chỗ khác.

Khi ấy, sau khi đưa cặp mắt dữ dội nhìn khắp lượt những người đứng xung quanh, Bôxtôn khẽ khàng nhưng dẫn giọng nói:

– Đủ rồi, tự tôi sẽ đi ngay bây giờ đến chỗ cần đến, chính tôi sẽ ra tự thú. Tôi nhắc lại – chính tôi sẽ ra tự thú. Còn tất cả các người hãy đứng nguyên tại chỗ, nghe rõ chưa?

Không ai thốt ra một lời nào, sững sốt trước sự việc vừa xảy ra, tất cả đều im lặng. Nhìn nét mặt mọi người, Bôxtôn hiểu rằng từ giờ phút này anh đã bước qua một giới hạn nào đấy và đã tự tách biệt với những người khác. Đứng quanh anh là những con người gần gũi mà anh đã cùng họ kiếm miếng ăn hết ngày này sang ngày khác, hết năm này sang năm khác. Anh biết từng người trong bọn họ và họ cũng biết anh. Với mỗi người trong bọn họ anh đều có mối quan hệ riêng. Nhưng giờ đây, nét mặt họ lộ rõ vẻ xa lạ và anh hiểu rằng từ nay anh đã tách khỏi họ vĩnh viễn. Dường như chưa bao giờ có gì gắn bó anh với họ. Dường như anh sống lại từ cõi chết và do đó đáng sợ đối với họ.

Anh cầm dây cương dẫn ngựa đi. Anh bỏ đi không ngoái đầu lại. Anh đi về phía ven hồ để đến đó đầu thú với chính quyền. Anh cúi đầu bước và đằng sau anh, con Đônkuliuc trung thành của anh cũng khập khiễng bước theo, dây cương kêu lách cách.

Đó là kết cục cuộc đời anh...

– Thế là đã đến ngày tận thế rồi. – Bôxtôn nói thành tiếng và trước mắt anh bỗng mở ra một sự thật khủng khiếp: cho tới nay, toàn thế giới là trong

chính bản thân anh và thế giới ấy đã đến ngày kết thúc. Thế giới ấy là bầu trời, là mặt đất, là núi non, là con sói cái Acbara, là người mẹ sáng tạo vĩ đại của mọi vật hiện hữu, là Ernadar đã nằm lại vĩnh viễn giữa các tầng băng trên đèo Ala-Môngguy, là bé Kengies – đứa con nối dõi cuối cùng của anh và bị chính tay anh bắn chết, là Badarbai – kẻ bị phủ nhận và bị giết chết trong bản thân gã, là tất cả những gì anh nhìn thấy và những gì anh trải qua trong đời anh... Tất cả những thứ đó là vũ trụ của anh, sống trong con người anh và vì anh, nhưng nếu không có những thứ ấy thì đó sẽ là một thế giới khác. Còn thế giới của anh, một thế giới không lặp lại và không thể phục hồi lại, đã mất đi và sẽ không bao giờ tái hiện lại trong bất cứ ai và bất cứ thứ gì. Đây chính là tai hoạ lớn lao của anh, đây chính là sự tận thế của anh...

Trên con đường vắng vẻ giữa đồng ruộng, Bôxtôn bỗng quay phắt lại ôm níu lấy cổ con ngựa và oà lên nức nở đầy tuyệt vọng.

– Ôi, Đônkuliuc, chỉ riêng mi là không hiểu được ta đã gây chuyện gì! – anh than vãn, cả người anh run rẩy vì nức nở. – Ta biết làm thế nào bây giờ? Ta đã tự tay giết con ta và chưa kịp chôn cất thì đã bỏ đi và để mặc người phụ nữ yêu dấu của ta ở lại một mình.

Sau đó anh cuộn dây cương lên cổ con Đônkuliuc, buộc chặt bàn đạp vào mỏ yên để bàn đạp không đập vào hai bên sườn ngựa.

– Mi đi đi, đi về nhà đi, mi muốn đi đâu thì đi! – anh từ biệt con Đônkuliuc. – Chúng ta sẽ không bao giờ gặp nhau nữa!

Anh vỗ vào mông ngựa, đẩy nó đi, và con ngựa ngạc nhiên thấy mình được tự do, bước về phía trại cừu.

Còn Bôxtôn tiếp tục đi theo con đường của anh...

Trong lúc ấy, bờ dốc xanh thẫm của hồ Ixúc-Cun mỗi lúc một gần, và anh muốn hoà tan vào đó, muốn biến mất. Anh vừa muốn sống lại vừa

không muốn sống nữa, hết như những làn sóng bạc đầu kia – sóng sủi ngầu
bọt lên, biến mất rồi lại tự phục sinh từ bản thân sóng nước...

HẾT

Chú thích

[1] Xaphari là một kiểu phiêu lưu vừa du lịch vừa săn bắn ở châu Phi, nhưng ở đây nhân vật Hămlet-Gankin ít hiểu biết nên gọi sai là Xaphora

[2] Tội nghiệp, bất hạnh.

[3] Con sói cái chỉ huy.